



BBIAC
NƠI CHÚNG TA ĐẶT NIỀM TIN CÔNG LÝ

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ



TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 7/2025

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM. PGS.TS. Trần Đình Hảo <i>Nguyên PGĐ Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</i> TS. Nguyễn Trọng Tuấn <i>Phó trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.</i>	1
2	NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TS. LS Nguyễn Thanh Long <i>Văn phòng Luật sư Long Cường</i>	12
3	TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI ThS.LS Mai Tiến Luật <i>Chủ tịch Trung tâm Trọng tài thương mại quốc tế Bigboss</i> Ngô Nguyễn Ánh Sương <i>Công ty Luật TNHH Hãng luật Bigboss Law</i>	21
4	XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRỌNG TÀI ĐIỆN TỬ TRÊN THẾ GIỚI - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TRỌNG TÀI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM TS. Lương Thị Hoà <i>Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Hùng Vương TP.HCM</i>	34
5	THỎA THUẬN TRỌNG TÀI TRONG HỢP ĐỒNG THÔNG MINH TS. Nguyễn Thái Cường <i>Phụ trách Viện Luật so sánh Trường ĐH Luật TP.HCM</i> Hoàng Thị Hải Băng - Thân Hoàng Khánh Nghi <i>Sinh viên Trường ĐH Luật TP.HCM</i>	49
6	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRỰC TUYẾN VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Bùi Ai Giôn <i>Thẩm phán Tòa án nhân dân Khu vực 13 TP.HCM</i> Nguyễn Trí Cường <i>NCS Trường ĐH Kinh tế - Luật, Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh</i>	62
7	ÁP DỤNG LỄ CÔNG BẰNG TRONG TỔ TỤNG TRỌNG TÀI: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM Hồ Phúc Nguyên <i>Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM</i>	70

8	VAI TRÒ CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CÓ YẾU TỐ THƯƠNG MẠI DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TS. Đặng Thị Thu Huyền <i>TS. LS. Trưởng Khoa Luật ĐH Nguyễn Tất Thành</i> Nguyễn Thái Lâm <i>Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị Phường Phú Thuận TP.HCM</i>	84
9	QUY CHẾ BỔ NHIỆM TRỌNG TÀI VIÊN TẠI VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ ThS. Hà Thu Thủy <i>Khoa Luật, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i> ThS. Nguyễn Ngọc Anh Tiên <i>Khoa Luật kinh tế, Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM</i>	96
10	ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA TRỌNG TÀI VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG TRỌNG TÀI SỐ: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP TS. Trần Thị Thu Hương <i>Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài thương mại số 1 Việt Nam</i> <i>Giảng viên Khoa Luật Trường Đại học Công nghệ TP.HCM.</i>	103
11	KHÔNG CÔNG NHẬN PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI: GÓC NHÌN SO SÁNH VIỆT NAM, SINGAPORE VÀ MALAYSIA TS. Lê Nguyễn Gia Thiện <i>Phó trưởng Khoa Luật, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM</i> ThS. Mai Hoàng Phước <i>Giảng viên Khoa Luật, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG-TP.HCM</i>	115
12	CHỨNG CỨ ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG TRỌNG TÀI Đỗ Quỳnh Như <i>Trung tâm Trọng tài thương mại quốc tế Bigboss</i>	123
13	KÝ SỐ VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI Nguyễn Phương Linh <i>Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law</i>	137
14	TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ThS. Trần Đăng Khoa <i>Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Trà Vinh</i>	149

15	NGUYÊN TẮC TỔ TỤNG CÔNG BẰNG TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI BẰNG TRỌNG TÀI TRỰC TUYẾN Phan Hoài Thiên Kim <i>Học viên cao học - Khoa Luật Thương mại, Trường ĐH Luật TP.HCM</i> Nguyễn Dương Hương Trà <i>Học viên Khoa Đào tạo Luật sư, Học viện Tư Pháp</i>	167
16	ỨNG DỤNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN CÁC TỔ CHỨC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ThS. Hồ Bảo <i>Khoa Luật, Trường ĐH Hùng Vương TP.HCM</i> <i>Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài thương mại Quốc tế Tiền Giang</i> ThS. Huỳnh Dương Trí <i>Khoa Luật, Trường ĐH Hùng Vương TP.HCM</i>	186
17	KHUNG PHÁP LÝ VỀ ỨNG DỤNG AI TRONG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM Lê Hồng Thoa <i>Phòng Thanh tra, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i>	198
18	ONLINE ARBITRATION – XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM Phạm Minh Nhã Trang <i>Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Bigboss BBIAC</i>	211
19	BÀN VỀ THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUA QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/2018/QĐ-PQTT VÀ ÁN LỆ SỐ 69/2023/AL ThS. Trần Nguyễn Quang Hạ <i>Khoa Luật – Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i> Trần Thị Yến Nhi <i>Học viên cao học – Khoa Luật, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i>	228
20	MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MỞ RỘNG THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ThS.LS. Mai Tiến Luật <i>Chủ tịch Trung tâm Trọng tài thương mại quốc tế Bigboss</i> Dương Quốc Hiệu <i>Công ty Luật TNHH Hãng luật Bigboss Law</i>	239

21	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ DỮ LIỆU BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI - TRIỂN VỌNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM ThS.LS. Đinh Văn Tuấn <i>Công ty Luật TNHH DNP Việt Nam</i> Vũ Thị Mai Hương <i>Học viên Cao học - Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh</i> Nguyễn Phạm Thanh Hoa <i>Học viên - Học viện Tư pháp</i>	254
22	HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ CHO TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRỰC TUYẾN TRONG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM TS. Đặng Vũ Huân <i>Khoa Luật, Đại học Nguyễn Tất Thành</i>	264
23	HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ SỐ TẠI VIỆT NAM ThS. Bùi Ai Giôn <i>Thẩm phán Tòa án nhân dân Khu vực 13 TP.HCM</i> ThS. Nguyễn Vĩnh Hùng <i>Công ty TNHH Luật Nguyễn Hoài Vũ</i>	275
24	VAI TRÒ HỖ TRỢ CỦA TÒA ÁN TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI: NHỮNG GIỚI HẠN VÀ TRIỂN VỌNG Trần Thảo Nguyên <i>Công ty luật TNHH Hằng luật Bigboss Law</i>	282
25	CĂN CỨ HỦY VÀ KHÔNG CÔNG NHẬN PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI: NHÌN THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA CÁC TÒA ÁN VIỆT NAM ThS. Phạm Dương Hoàng Phúc <i>Khoa Luật, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM</i>	297
26	TÍNH HỢP PHÁP CỦA PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI TRONG TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG – GÓC NHÌN TỪ VẤN ĐỀ CHỨNG CỨ KHÔNG BỊ XÁC LẬP LÀ GIẢ MẠO ThS. Nguyễn Lâm Thanh Trúc <i>Khoa Luật, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i>	311

27	GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TS. GVC Vũ Thế Hoài <i>Phó Trưởng Khoa Luật, Trường ĐH Sài Gòn</i>	324
28	HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM TS. Nguyễn Trọng Tuấn <i>Phó Trưởng Khoa Luật, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i> Đinh Thị Giang Hương <i>Học viên cao học Khoa Luật, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i>	337
29	HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI KHÔNG PHÙ HỢP VỚI THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN HOẶC TRÁI VỚI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ThS. Nguyễn Lâm Thanh Trúc <i>Khoa Luật, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành</i> Đồng Thị Mây <i>Học viên cao học-Khoa Luật, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành.</i>	350
30	XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TS. Lê Nguyễn Gia Thiện <i>Khoa Luật, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM</i> Phạm Hoàng Minh Tú <i>Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM</i>	365
31	HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Nguyễn Huy Hoàng <i>Luật sư thành viên, Bross & Partners</i>	376
32	NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN CỦA GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH SỐ Võ Kim Ngân <i>Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law</i>	383
33	HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM LS. Trần Thị Phương Dung	396

	<i>Giám đốc Công ty Luật TNHH Avocad; Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Thương mại Số 1 Việt Nam</i>	
34	CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Quảng Ngọc Vy <i>Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Bigboss</i>	404
35	KỸ NĂNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẤT ĐỘNG SẢN TẠI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI LS. Lương Văn Trung <i>Trọng tài viên tại VIAC, MCIArb, Chủ tịch VI Arb</i>	414

TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM

Trần Đình Hảo¹

Nguyễn Trọng Tuấn²

Tóm tắt: Phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại bằng trọng tài - một trong các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR – Alternative Dispute Resolution) trong tiến trình phát triển ở Việt Nam ngày càng được chú trọng và trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay cần được tiếp tục đổi mới và hoàn thiện. Việc tổng kết từ thực tiễn của thiết chế trọng tài thương mại trong tiến trình lịch sử của sự hình thành và phát triển của thiết chế này ở Việt Nam về những kết quả đạt được cùng như những vấn đề đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay là cần thiết và có ý nghĩa cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý trọng tài thương mại trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: trọng tài thương mại, phương thức giải quyết tranh chấp trọng tài, chuyển đổi số

1. Trọng tài thương mại trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam

Trong tiến trình đổi mới, chuyển sang và phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở Việt Nam, tư duy nhận thức và pháp luật về kinh tế - thương mại đã được từng bước đổi mới, trong đó có các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại bằng phương thức trọng tài, góp phần tạo lập khuôn khổ pháp lý cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Chính sự phát triển kinh tế thị trường trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay ở nước ta cũng đang đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi khách quan cho việc tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các quy định pháp luật này sao cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, điều kiện cụ thể ở Việt Nam, tương thích với thông lệ quốc tế. Vì vậy, theo chúng tôi, việc nghiên cứu tổng kết lý luận và thực tiễn tư duy nhận thức và pháp luật về trọng tài thương mại trong tiến trình đổi mới ở nước ta cũng có ý nghĩa góp phần tạo lập những tiền đề cơ sở lý luận cần thiết, nhận diện và giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm đáp ứng những yêu cầu đòi hỏi khách quan đặt ra trong bối cảnh hiện nay ở nước ta.

Về phương diện lịch sử hình thành và phát triển của trọng tài thương mại ở Việt Nam, có thể tổng quan từ những khảo cứu trong khoa học pháp lý ở Việt Nam theo cách phân kỳ lịch sử lựa chọn mốc thời gian là thời điểm ban hành văn bản pháp luật và theo cách phân kỳ lịch sử lựa chọn mốc thời gian là thời điểm của những biến đổi về chất của hạ tầng kinh tế - xã hội

¹ PGS. TS. Luật học, Giảng viên cao cấp, nguyên PGĐ Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

² TS. Luật học, Giảng viên chính, Phó trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành – Thành phố Hồ Chí Minh.

để chia thành các giai đoạn khảo cứu về trọng tài thương mại và pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam.

Theo cách phân kỳ lịch sử lựa chọn mốc thời gian là thời điểm ban hành văn bản Luật, Pháp lệnh về trọng tài thương mại để chia thành các giai đoạn khảo cứu về trọng tài thương mại và pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam, sẽ gồm có: i) giai đoạn trước năm 2003 (thời điểm ban hành Pháp lệnh về Trọng tài thương mại); ii) giai đoạn từ năm 2003 – 2010 (thời điểm ban hành Luật về Trọng tài thương mại) và iii) giai đoạn từ năm 2010 đến nay. Bằng cách phân kỳ lịch sử này có thể nhận diện được sự vận động và xu hướng vận động của sự vật, sự việc (ở đây là trọng tài thương mại và pháp luật về trọng tài thương mại – thuộc phạm trù kiến trúc thượng tầng xã hội).

Theo cách phân kỳ lịch sử lựa chọn mốc thời gian là thời điểm khởi đầu của những đổi mới kinh (thuộc phạm trù hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội) để chia thành các giai đoạn khảo cứu về trọng tài thương mại và pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam, sẽ gồm: giai đoạn trước Công cuộc đổi mới kinh tế ở nước ta diễn ra vào Thập kỷ 80 của Thế kỷ XX và giai đoạn từ sau Thập kỷ 80 của Thế kỷ XX đến nay. Bằng cách phân kỳ lịch sử này có thể giúp ta nhận diện được sự vận động và xu hướng vận động của sự vật, sự việc (ở đây là trọng tài thương mại và pháp luật về trọng tài thương mại – thuộc phạm trù kiến trúc thượng tầng xã hội) đặt trong tổng thể của mối liên hệ tác động qua lại biện chứng với hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội. Theo đó, công cuộc đổi mới ở nước ta diễn ra vào những năm 80 của Thế kỷ XX với dấu mốc lịch sử là Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) được coi là sự khởi đầu công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam, xóa bỏ cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung (quan liêu), bao cấp, mở rộng quyền tự chủ cho đơn vị kinh tế cơ sở, chuyển sang nền kinh tế thị trường gồm nhiều thành phần (đa dạng hóa các thành phần kinh tế và hình thức sở hữu), có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn trước Công cuộc đổi mới Thập kỷ 80 của Thế kỷ XX trở về trước, nền kinh tế ở Việt Nam chỉ gồm hai thành phần kinh tế là quốc doanh và tập thể, được quản lý và vận hành chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, những tranh chấp kinh tế phát sinh (nếu có) trong nội bộ nền kinh tế được giải quyết chủ yếu bằng phương thức, mệnh lệnh hành chính. Lúc bấy giờ, việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế là một kỷ luật bắt buộc trong quan hệ kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan Nhà nước.³ Cơ sở để ký kết hợp đồng kinh tế là chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Các xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan Nhà nước chỉ được ký kết hợp đồng trong phạm vi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước ngay sau khi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước được Hội đồng Chính phủ thông qua và chỉ được

³ Nghị định số 004-TTg ngày 04/01/1960 của Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước.

điều chỉnh hay hủy bỏ hợp đồng khi Nhà nước điều chỉnh hay hủy bỏ các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Để đảm bảo việc ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng, nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước, một thiết chế có tên gọi “*Hội đồng trọng tài*” đều được tổ chức ở cấp trung ương, khu, thành phố, tỉnh và ở mỗi Bộ chủ quản. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trọng tài các cấp được xác định gồm:⁴

- Căn cứ theo chủ trương của Chính phủ và kế hoạch Nhà nước, xử lý những vụ tranh chấp về từ chối ký kết hợp đồng và vi phạm hợp đồng đã ký kết,

- Đề ra những biện pháp để kịp thời ngăn ngừa và hạn chế những tổn thất có thể xảy ra, vì không chấp hành đúng hợp đồng và

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu gặp những trở lực khách quan không thể khắc phục nổi, hai bên ký hợp đồng có thể cùng nhau điều chỉnh hợp đồng trong phạm vi không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch Nhà nước và phải được Hội đồng trọng tài đồng ý.

Thẩm quyền xử lý của Hội đồng trọng tài các cấp đối với những vụ tranh chấp về từ chối ký kết hợp đồng và vi phạm hợp đồng đã ký kết, bao gồm:⁵

- Buộc bên từ chối ký kết hợp đồng phải ký kết hợp đồng, trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

- Quyết định bên không thực hiện đúng hợp đồng phải bồi thường về kinh tế cho bên bị thiệt hại.

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành kỷ luật hành chính đối với người ký kết hợp đồng và bên không thực hiện đúng hợp đồng.

Quyết định xử lý của Hội đồng trọng tài các cấp có hiệu lực pháp lý sau khi công bố. Các xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan Nhà nước, sau khi nhận được quyết định của Hội đồng trọng tài trực tiếp xử lý, phải thi hành ngay. Các Bên có quyền khiếu nại đến Hội đồng trọng tài cấp trên, trong khi chờ đợi giải quyết, vẫn phải thi hành quyết định ấy.⁶ Thiết chế có tên gọi “*Hội đồng trọng tài*” này được xác lập bằng Nghị định 20/TTg ngày 14/04/1960 của Chính phủ, có thể được xếp vào mô hình trọng tài do Nhà nước thành lập, có chức năng giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng kinh tế giữa các doanh nghiệp nhà nước, chủ yếu bằng phương thức hành chính và mệnh lệnh hành chính của cơ quan quản lý nhà nước chứ chưa phải là thực hiện chức năng tài phán trọng tài. Mô hình “*Hội đồng trọng tài*” này được xác lập từ năm 1960, sau đó được nâng cấp lên với tên gọi là “*Trọng tài kinh tế nhà nước*” theo quy định

⁴ Điều 10 Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 004-TTg ngày 04/01/1960 của Chính phủ.

⁵ Điều 11 Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 004-TTg ngày 04/01/1960 của Chính phủ.

⁶ Điều 12 Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 004-TTg ngày 04/01/1960 của Chính phủ

tại Pháp lệnh Trọng tài kinh tế nhà nước được ban hành ngày 10/01/1990 với mô hình tổ chức ba cấp: Trọng tài kinh tế nhà nước, Trọng tài kinh tế tỉnh và Trọng tài kinh tế huyện. Sự “*nâng cấp*” này chính là ở chỗ: Trọng tài kinh tế nhà nước là cơ quan của Nhà nước vẫn thực hiện chức năng quản lý kinh tế, nhưng theo quy định tại Pháp lệnh Trọng tài kinh tế nhà nước lại được giao thực hiện chức năng tài phán giải quyết các tranh chấp kinh tế, giới hạn trong phạm vi các tranh chấp kinh tế giữa các tổ chức kinh tế nhà nước, song cũng chưa hẳn là trọng tài theo cách hiểu về trọng tài thương mại hiện nay. Điểm đáng chú ý là trong thời gian này cho đến khi Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Tòa án năm 1993, toà án nhân dân không giải quyết các tranh chấp kinh tế mà chỉ giải quyết các tranh chấp dân sự trên nền tư duy là các giao dịch, hợp đồng nhằm mục đích tiêu dùng sinh hoạt, không nhằm mục đích sinh lợi được là giao dịch, hợp đồng dân sự, các tranh chấp có liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, còn các giao dịch, hợp đồng nhằm mục đích sinh lợi là các giao dịch, hợp đồng kinh tế, các tranh chấp có liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài kinh tế. Mô hình Trọng tài kinh tế này tồn tại cho đến khi Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Tòa án năm 1993 được ban hành mà theo đó, thẩm quyền của Tòa án bao gồm cả việc giải quyết các tranh chấp kinh tế.

Cùng thuộc mô hình trọng tài do Nhà nước thành lập trong giai đoạn này, còn có Hội đồng trọng tài ngoại thương được thành lập theo Nghị định số 59- CP ngày 30/04/1963 của Chính phủ để xét xử vụ tranh chấp giữa các tổ chức kinh tế Việt Nam và tổ chức kinh tế nước ngoài trong khi giao dịch về ngoại thương trong phạm vi thi hành các hiệp định hoặc các hiệp nghị, hợp đồng ký kết giữa các bên đương sự và Hội đồng trọng tài Hàng hải được thành lập theo Nghị định số 153-CP ngày 05/10/1964 của Hội đồng Chính phủ. Đến năm 1993, Hội đồng trọng tài Ngoại thương và Hội đồng trọng tài Hàng hải được hợp nhất thành Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam theo Quyết định số 204 – TTg ngày 28/04/1993 của Thủ tướng Chính phủ. Điểm đáng lưu ý ở đây là: Nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi khách quan trong Công cuộc đổi mới kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế, trong Điều lệ tổ chức Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 204 - TTg ngày 28-4-1993 của Thủ tướng chính phủ) không những quy định: Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam là một tổ chức phi Chính phủ được thành lập bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế quốc tế (sau này được mở rộng cả các quan hệ kinh tế trong nước) như các hợp đồng mua bán Ngoại thương, các hợp đồng đầu tư, du lịch, vận tải và bảo hiểm quốc tế, chuyển giao công nghệ, tín dụng và thanh toán quốc tế v.v... mà còn đã có các quy định về tổ chức và hoạt động tổ tụng trọng tài mang tính nguyên tắc, nền tảng theo mô hình tài phán trọng tài thương mại.

Thực tiễn trong công cuộc đổi mới đã cho thấy: Trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở Việt Nam, những tổ chức, thiết chế có tên gọi là trọng tài được nhà nước thành lập nêu trên để giải quyết tranh chấp kinh tế không còn thích hợp, cần được đổi mới. Quyết định số 204 – TTg ngày 28/04/1993 của Thủ tướng Chính phủ, có thể được coi là dấu mốc khởi đầu đánh dấu đổi mới tư duy và thể chế pháp lý ở nước ta trong việc chuyển đổi sang mô hình trọng tài thương mại trong nền kinh tế thị trường. Dấu mốc đổi mới tiếp theo trong thời gian này ở nước ta cần được kể đến ở đây là việc ban hành Nghị định số 116/CP ngày 05/09/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của trọng tài kinh tế, trong đó, xác định trọng tài kinh tế là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, được tổ chức dưới hình thức Trung tâm Trọng tài kinh tế, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế; các tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau, liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ty; các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu. cũng như có các quy định về việc thành lập, hình thức, tổ chức của Trung tâm trọng tài kinh tế và các quy định về tố tụng trọng tài. Trong thời gian này, đã có 05 Trung tâm trọng tài đã được thành lập theo Nghị định số 116/CP ngày 05/09/1994 của Chính phủ (gồm 02 Trung tâm tại Hà Nội, 01 Trung tâm tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 Trung tâm tại Cần Thơ và 01 Trung tâm tại Bắc Giang). Như vậy, có thể nói rằng: Thiết chế trọng tài thương mại theo đúng nghĩa của nó đã xuất hiện ở nước ta từ năm 1993 – 1994 và tiếp theo những khởi đầu đổi mới này, thể chế pháp lý về trọng tài thương mại ở nước ta được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện, thể hiện qua việc ban hành Pháp lệnh về Trọng tài thương mại năm 2003 và sau đó, là Luật về Trọng tài thương mại năm 2010, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động tài phán trọng tài thương mại trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở Việt Nam, trên nền tảng của tư duy nhận thức mới về trọng tài thương mại mà xét về thực chất là thiết chế giải quyết tranh chấp dựa trên sự ủy thác của các bên tranh chấp chứ không phải dựa trên chức năng quản lý hay tài phán của nhà nước. Điều này lý giải cho việc trọng tài thương mại xuất hiện lần đầu tiên ở Việt Nam sau thời điểm đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và Hiến pháp 1992 hiến định quyền tự do kinh doanh của công dân.

Vấn đề đặt ra là: Cần đánh giá như thế nào về sự phát triển của thiết chế trọng tài thương mại trong bối cảnh mới hiện nay ở Việt Nam. Tổng quát từ những khảo cứu trong khoa học pháp lý có thể thấy rằng: Sau khi Pháp lệnh về trọng tài thương mại năm 2003 được ban hành, đã có thêm một số Trung tâm trọng tài thương mại được thành lập và có những bước phát triển nhất định. Tiếp đó, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 được ban hành đã tạo lập nền tảng pháp lý vững chắc và phù hợp hơn thì thiết chế trọng tài thương mại cũng phát triển mạnh hơn về số lượng (hiện nay cả nước có gần 50 trung tâm trọng tài) và chất lượng, song rõ ràng là vẫn chưa đáp ứng được hết các yêu cầu, đòi hỏi của việc phát triển nền kinh tế thị trường, yêu cầu

của cải cách tư pháp, đặc biệt là trong bối cảnh mới, kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển bền vững trong sự cân bằng các giá trị và phát huy lợi thế của những giá trị hiện hữu đã được kiểm chứng ở nước ta cũng như trong tiến trình toàn cầu hóa thương mại, xu thế những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại dựa trên sự bình đẳng, quyền tự quyết của doanh nghiệp, dân chủ, minh bạch, công bằng và không có tham nhũng đang được các quốc gia, các doanh nghiệp, tập đoàn chú trọng lựa chọn nhiều hơn.

Tuy nhiên, phải nhận thấy rằng: Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài - một trong các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR – Alternative Dispute Resolution) ở Việt Nam hiện nay chưa thực sự đáp ứng các yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước với nhiều mô hình kinh tế mới như kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế số. Trong tiến trình toàn cầu hóa thương mại thì những phương thức giải quyết tranh chấp dựa trên sự bình đẳng, quyền tự quyết của doanh nghiệp, dân chủ, minh bạch, công bằng và không có tham nhũng ngày càng được các quốc gia, các doanh nghiệp, tập đoàn ưa chọn. Thực tiễn hiện nay ở nước ta cho thấy: Thiết chế trọng tài thương mại đang ở vị thế khiêm tốn trong đời sống kinh tế xã hội. Số lượng các vụ tranh chấp thương mại được các trung tâm trọng tài thụ lý giải quyết không nhiều, chiếm tỷ trọng khiêm tốn so với số lượng các vụ án thương mại, kinh tế do tòa án thụ lý và cùng với đó còn có nhiều hạn chế (điểm nghẽn) trong thể chế trọng tài thương mại hiện hành cần được tháo gỡ nhằm hoàn thiện thể chế trọng tài (bao gồm toàn bộ các thành tố như: pháp luật, chính sách, cơ chế hoạt động...) để phát triển hơn nữa thiết chế trọng tài thương mại. Theo đó, hiện đang đặt ra vấn đề cần sửa đổi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 một cách toàn diện (xây dựng mới) Luật Trọng tài thương mại hay là sửa một số điều Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay ở nước ta đang đặt ra những vấn đề gì trong việc hoàn thiện thể chế trọng tài thương mại.

2. Trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam

Tại Hội thảo khoa học này về chủ đề: *“Thách thức và cơ hội của trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số”*, chúng tôi xin nêu một vài ý tưởng và giải pháp cho việc góp phần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý đối với phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất: Nhằm hoàn thiện thể chế trọng tài thương mại cần sửa đổi, bổ sung sao cho đồng bộ Luật Trọng tài thương mại năm 2010, pháp luật về hòa giải thương mại và các luật liên quan như Bộ luật dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Thi hành án dân sự, Luật Giám định tư pháp, Luật Thương mại và một số luật chuyên ngành khác trên nền tảng tư duy nhận thức mới về Trọng tài thương mại trong tổng thể hệ thống tư pháp, trong đó, quan niệm tư pháp dân sự được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả phương diện tư pháp kinh tế - thương mại. Nếu quan niệm tư pháp dân sự bao hàm cả phương diện kinh tế - thương mại thì rõ ràng là trong việc đổi

mới và cải cách tư pháp dân sự cũng cần được xem xét và tính đến các phương thức và hình thức giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế - thương mại thông qua con đường Tòa án và bằng phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (Alternative dispute resolution - ADR) trước khi khởi kiện ra tòa án (như thương lượng, hoà giải hay trọng tài) cũng như cơ chế bảo đảm thi hành cho những phương thức này bằng pháp luật. Theo nghĩa rộng, “*phương thức giải quyết tranh chấp thay thế*” được hiểu là một “*sự thay thế*” cho thủ tục thông thường giải quyết tranh chấp dân sự, kinh tế - thương mại của Tòa án. Như vậy, trọng tài thương mại là một cơ chế giải quyết tranh chấp thay cho Tòa án. So với tòa án, cơ chế trọng tài cung cấp sự bảo mật cũng như sự linh hoạt hơn cho các bên. Trong tiến trình cải cách tư pháp, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tòa án cũng cần có sự gắn kết với thể chế trọng tài và theo chúng tôi, đây cũng là một trong những tiền đề lý luận cần thiết cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số ở nước ta hiện nay.

Thứ hai: Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại ở nước ta đã được kiểm chứng bởi những đóng góp của nó cho sự phát triển kinh tế, sự hỗ trợ cho hoạt động tư pháp và tạo được niềm tin cho doanh nghiệp. Vị trí, vai trò ngày càng tăng của trọng tài thương mại ở nước ta được thừa nhận và khẳng định. Đơn cử là việc thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh đã được Quốc hội thông qua sẽ dẫn đến các giao dịch tài chính quốc tế nhiều hơn, quy mô, giá trị lớn hơn và thường kèm theo những rủi ro tránh khỏi, những tranh chấp phát sinh, cần được xử lý và giải quyết như thế nào, bằng cách nào sao cho nhanh chóng và hữu hiệu là điều cần suy ngẫm, vì rằng mọi sự chậm trễ đều có thể làm mất đi cơ hội tăng doanh thu, lợi nhuận, thậm chí còn dẫn đến những hệ lụy thiệt hại, tổn thất khôn lường. Do vậy, rất cần đến phương thức hữu hiệu, thích hợp cho giải quyết tranh chấp tài chính phát sinh. Theo chúng tôi, đó là phương thức ADR mà trọng tài là thiết chế thích hợp và trong bối cảnh chuyển đổi số, rất cần được hoàn thiện và định hình rõ nét hơn. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý trọng tài thương mại ở nước ta, trong bối cảnh chuyển đổi số lại càng cấp bách hơn bao giờ hết. Đã có nhiều nghiên cứu lý luận, khảo cứu thực tiễn cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý trọng tài thương mại ở nước ta, với những kết quả có giá trị nhận diện những điểm nghẽn, những vấn đề đặt ra và đề xuất những giải pháp tháo gỡ, giải quyết. Theo chúng tôi, sẽ thiết thực hơn và tốt hơn, nếu có được những kết quả khảo cứu, tổng kết từ thực tiễn chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin đã có trong việc giải quyết tranh chấp tại các Trung tâm trọng tài thương mại ở nước ta. Thực tiễn áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) tại một số trung tâm trọng tài của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy đã có 2 Trung tâm trọng tài bước

đầu triển khai ODR thông qua nền tảng phương thức họp trực tuyến.⁷ Đó là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hà Nội (HIAC) và Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC). HIAC là tổ chức Trọng tài đầu tiên tại Việt Nam cung cấp nền tảng cho phép thực hiện việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải và/hoặc tổ tụng trọng tài trực tuyến đầu tiên trên website: www.hiac.vn với kỳ vọng là giúp cho các bên liên quan có thể giải quyết vụ việc tranh chấp một cách thuận tiện, nhanh chóng, bảo mật, an toàn với mức chi phí rất thấp.⁸ Mặt khác, trong Quy tắc tổ tụng trọng tài của HIAC cũng có quy định về việc các bên có thể lựa chọn tham gia tổ tụng trọng tài dưới hình thức trực tuyến (online) thông qua trang chủ của HIAC www.hiac.vn theo quy trình được công bố trên trang chủ cũng như quy định về việc Hội đồng trọng tài có thể tiến hành phiên họp giải quyết vụ tranh chấp bằng hình thức trực tuyến (online). Trong điều khoản sử dụng hệ thống tranh chấp trực tuyến ODR của HIAC khuyến nghị các bên sử dụng điều khoản trọng tài mẫu, quy định về việc xác thực định danh các bên tham gia trong vụ việc tranh chấp nhằm đảm bảo tính hiệu lực pháp luật của các phán quyết của HIAC đưa ra.

Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) là tổ chức trọng tài tiếp theo ứng dụng hệ thống ODR. Cấp độ trực tuyến về thủ tục tổ tụng trọng tài tại VIAC ở mức độ:

- Trao đổi các nội dung thỏa thuận và văn thư, tài liệu thông qua các hình thức gửi – nhận điện tử (email) nhằm thúc đẩy nhanh việc tiếp cận thông tin, hiệu quả về thời gian và
- Tiến hành phiên xử trực tuyến, xây dựng quy chế phiên xử trực tuyến.

Ngoài ra, VIAC cũng đã triển khai xây dựng hệ thống nộp đơn và tài liệu điện tử đưa vào hoạt động tổ tụng trọng tài và quản lý các vụ tranh chấp và sau 5 năm nghiên cứu, xây dựng, có tham khảo kinh nghiệm quốc tế, tháng 6 năm 2024, VIAC đã chính thức công bố triển khai Nền tảng Nộp đơn điện tử và quản lý các vụ tranh chấp trực tuyến (tên gọi tắt là VIAC eCase) gồm phiên bản tiếng Việt và phiên bản tiếng Anh, có các tính năng chính: Nộp hồ sơ điện tử và quản lý tài liệu điện tử; Theo dõi vụ việc; Thông báo các diễn biến quan trọng trong vụ tranh chấp và nhắc lịch khi tới hạn nộp tài liệu... Kỳ vọng đặt ra là: VIAC eCase sẽ giúp trải nghiệm tổ tụng trọng tài trở nên linh hoạt và thuận lợi hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho các bên tranh chấp, nâng cao hiệu quả hỗ trợ cho hoạt động thương mại và đầu tư xuyên biên giới. Theo chúng tôi, cần ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của hai Trung tâm trọng tài này trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đảm bảo giải quyết tranh chấp an toàn, công bằng hiệu quả hơn, vì rằng việc ứng dụng công nghệ trong tổ tụng trọng tài nói chung và trong quản trị vụ kiện trọng tài nói riêng ở nước ta hiện nay còn tương đối mới mẻ và chưa được áp dụng nhiều và còn chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý vững

⁷ Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1951&l=Nghiencuutraodoi> truy cập 14/12/2023.

⁸ <https://hiac.vn/tin-tuc/dieu-khoan-su-dung-he-thong-tranh-chap-13470#>

chắc. VIAC cũng đã có nhiều nỗ lực trong ứng dụng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp, đảm bảo tiêu chí linh hoạt và thuận tiện của trọng tài như ngoài việc tổ chức các phiên họp qua hình thức trực tuyến, teleconference, video conference nhằm giúp các bên tranh chấp tiết kiệm thời gian, chi phí khi giải quyết tranh chấp tại trọng tài còn tổ chức hoạt động *“Trải nghiệm giải quyết tranh chấp trực tuyến dành cho doanh nghiệp”* nhằm tạo cho doanh nghiệp cơ hội có những trải nghiệm về việc giải quyết một vụ tranh chấp được mô phỏng dựa trên các vụ việc thực tế của VIAC.

Tuy nhiên, câu hỏi được đặt ra ở đây là: Kết quả bước đầu triển khai ODR thông qua nền tảng phương thức họp trực tuyến này như thế nào? Theo số liệu thống kê đã được công bố còn rất khiêm tốn.⁹ Vì sao vậy? Đó là điều đáng lưu tâm, suy ngẫm và cần được lý giải về những bước đi chập chững ban đầu về ODR của một số trung tâm trọng tài trong một xu thế mới về giải quyết tranh chấp trực tuyến nhằm có được lợi thế cạnh tranh lớn hơn trong thị trường.

Thứ ba: Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài điện tử hiện được cho là xu hướng tất yếu trên thế giới. Tuy nhiên, ở nước ta cho đến nay vẫn chưa có các quy định chính thức và đầy đủ về quy trình giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài thông qua ứng dụng công nghệ số hay còn được gọi là công nghệ điện tử, trong đó có nhiều vấn đề cần được luận giải và làm rõ như: chứng cứ điện tử, chữ ký số, giá trị pháp lý của phán quyết của trọng tài trực tuyến/hòa giải trực tuyến, trách nhiệm của các bên liên quan khi giải quyết tranh chấp trực tuyến... Một trong những vấn đề hiện là tâm điểm đang được bàn thảo sôi động là khi giải quyết tranh chấp trực tuyến thì địa điểm giải quyết trọng tài được xác định như thế nào? và bằng cách nào? Trong khi các quy định trong Luật Trọng tài thương mại hiện hành chưa có câu trả lời thỏa đáng. Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 hiện hành cũng không có quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự giải quyết tranh chấp thương mại điện tử, cách thức thu thập chứng cứ điện tử, văn bản điện tử, chữ ký điện tử... Nếu viện dẫn đến các quy định của Luật giao dịch điện tử năm 2005 (đang hiện hành) để áp dụng thì cũng chưa hẳn đã là đầy đủ và thỏa đáng. Rủi ro pháp lý trong các trường hợp này vẫn còn đó. Do vậy, nhu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Luật Trọng tài thương mại năm 2010 trở nên cấp bách. Vấn đề đặt ra là: sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và các quy định pháp luật khác có liên quan hay sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trọng tài thương mại năm 2010? Theo chúng tôi, đúng là cần phải sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện Luật Trọng tài thương

⁹ Từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2023, VIAC có 02 phiên xét xử trọng tài được thực hiện hoàn toàn trên nền tảng trực tuyến, 12 phiên xét xử hỗn hợp cả trực tiếp và trực tuyến qua các phương thức được hỗ trợ bởi VIAC, xem: Nguyễn Thị Thu Trang, Những khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến tại Việt Nam, Tham luận tại Hội thảo trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2020 thuộc Chương trình “Những vấn đề pháp lý mới phát sinh trong tư pháp quốc tế và trong khuôn khổ Hội nghị LaHay về Tư pháp quốc tế” theo Quyết định số 1447/QĐ-BTP ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

mại năm 2010 và các quy định pháp luật khác có liên quan, nhưng hợp lý hơn cả là tập trung vào việc ưu tiên từng bước tháo gỡ những điểm nghẽn thúc đẩy được sự phát triển của Trọng tài, theo phương châm “*Vừa chạy vừa xếp hàng*” nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi đặt ra đối với việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số, vì rằng nếu chọn phương án sửa toàn diện theo cách xây dựng mới Luật Trọng tài thương mại cùng với việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật khác có liên quan thì cần có thời gian dài hơn. Hơn thế nữa, cũng cần tạo lập và tính đến những yếu tố, điều kiện cụ thể cần và đủ cho việc xây dựng pháp luật và đảm bảo thực thi pháp luật (chẳng hạn như: Sự hỗ trợ của Nhà nước đối với các trung tâm trọng tài thương mại trong xây dựng nền tảng giải quyết tranh chấp theo phương thức trực tuyến bởi công nghệ cao: AI, Big Data, Blockchain, NFT...; Sự chủ động của các trung tâm trọng tài trong đầu tư, xây dựng nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến bằng trọng tài thương mại bởi công nghệ cao: AI, Big Data, Blockchain, NFT... , xây dựng bộ quy tắc riêng cho trọng tài trực tuyến,,).

Hội thảo khoa học hôm nay với chủ đề “*Thách thức và cơ hội của trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số*”, theo chúng tôi rất có ý nghĩa cho việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn nhằm tạo tiền đề và luận cứ khoa học cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật về Trọng tài thương mại. Trong bài viết này, chúng tôi không có đủ điều kiện và cũng không có tham vọng trình bày, luận bàn hết thảy những vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay về Trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số, chỉ giới hạn trình bày một số vấn đề đặt ra trong phạm vi hiểu biết của chúng tôi và theo chúng tôi là cần thiết nêu ra để cùng luận bàn tại Hội thảo khoa học này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Chiến, Một số giải pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo phương thức trực tuyến ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 3/2024
2. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong giải quyết tranh chấp: Con đường tương lai: <https://baophapluat.vn/chuyen-doi-so-va-ung-dung-cong-nghe-trong-giai-quyet-tranh-chap-con-duong-tuong-lai-post516181.html>, truy cập ngày 20/06/2024
3. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử <https://htpldn.moj.gov.vn/pages/chi-tiet-tin.aspx?itemid=1951&l=ngghiencuutraodoi> truy cập ngày 14/12/2023
4. Thiết chế trọng tài trong kỷ nguyên mới của đất nước <https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/thiet-che-trong-tai-trong-ky-nguyen-moi-cua-dat-nuoc-n1863.html>, truy cập ngày 17/01/2025
5. Nghị định số 004-TTg ngày 04/01/1960 của Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước
6. Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 004-TTg ngày 04/01/1960 của Chính phủ
7. Nghị định số 20 - TTg ngày 14/01/1960 của Chính phủ tổ chức một Hội đồng trọng tài ở các cấp trung ương, khu, thành phố, tỉnh và ở mỗi bộ chủ quản lý xí nghiệp
8. Nghị định số 59- CP ngày 30/04/1963 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức Hội đồng trọng tài ngoại thương
9. Nghị định số 153-CP ngày 05/10/1964 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức Hội đồng trọng tài trọng tài Hàng hải
10. Quyết định số 204 – TTg ngày 28/04/1993 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam
11. Nghị định số 116/CP ngày 05/09/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế
12. Pháp lệnh về Trọng tài thương mại năm 2003
13. Luật Trọng tài thương mại năm 2010

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG
TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nguyễn Thanh Long¹

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại. Trọng tài thương mại - với bản chất linh hoạt, phi tập trung và thân thiện với doanh nghiệp - đang đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức để thích ứng với thời đại số hóa. Tham luận này sẽ làm rõ cơ sở lý luận về trọng tài thương mại, phân tích những thời cơ và thách thức đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động trọng tài trong điều kiện mới.

Từ khóa: trọng tài thương mại; giải quyết tranh chấp; tranh chấp thương mại; chuyển đổi số.

Abstract: Digital transformation is reshaping all aspects of socio-economic life, including the mechanisms for resolving commercial disputes. As a flexible, decentralized, and business-oriented method, commercial arbitration is now facing both significant opportunities and notable challenges in adapting to the digital age. This paper provides a theoretical overview of commercial arbitration and examines the impact of digitalization on arbitration procedures, particularly in terms of legal frameworks, electronic evidence, and online dispute resolution mechanisms. Through this analysis, the paper identifies key gaps and legal uncertainties in Vietnam's current arbitration laws and offers practical solutions to modernize the arbitration system. These include proposals for legislative reform, technological integration, and institutional capacity-building, with the aim of enhancing the effectiveness, accessibility, and credibility of commercial arbitration in the digital era.

Keywords: Commercial arbitration; Dispute resolution; Commercial dispute; Digital transformation.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, tranh chấp thương mại phát sinh ngày càng đa dạng và phức tạp. Cùng với đó, quá trình chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực đời sống - xã hội, trong đó có lĩnh vực giải quyết tranh chấp thương mại. Trọng tài thương mại - một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án - không nằm ngoài làn sóng chuyển đổi số này. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhu cầu

¹ Tiến sĩ Luật; Văn phòng Luật sư Long Cường; email: nguyenthahlong59@yahoo.com

áp dụng công nghệ trong các thủ tục tố tụng trọng tài ngày càng trở nên cấp thiết nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm chi phí, và thuận tiện cho các bên.

Tuy nhiên, việc ứng dụng số hóa vào trọng tài thương mại đặt ra nhiều vấn đề lý luận và pháp lý cần được nghiên cứu và điều chỉnh phù hợp.

Bài viết này nhằm làm rõ cơ sở lý luận của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, phân tích những cơ hội và thách thức trong bối cảnh chuyển đổi số, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng phương thức này ở Việt Nam.

2. Khái quát về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1 Khái niệm về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

Theo Luật Trọng tài thương mại 2010, trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống tư pháp Nhà nước, dựa trên sự thỏa thuận của các bên trong quan hệ thương mại. Trọng tài có thể được thành lập bởi các tổ chức trọng tài hoặc theo hình thức trọng tài vụ việc. Phán quyết của trọng tài có giá trị chung thẩm, tương đương với bản án của Tòa án nhân dân và được thi hành theo thủ tục cưỡng chế nếu cần. Về mặt học thuật, trọng tài được đánh giá là cơ chế phù hợp với nguyên tắc tự do thỏa thuận và quyền tự định đoạt - những nguyên tắc cơ bản trong giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại.

Trong kỷ nguyên số, trọng tài thương mại không chỉ diễn ra tại phòng xử mà còn được mở rộng thông qua các nền tảng trực tuyến, gọi là trọng tài điện tử hay trọng tài trực tuyến (e-arbitration). Đây là một thành phần trong mô hình giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution – ODR) được UNCITRAL khuyến nghị. Trọng tài thương mại trong thời đại chuyển đổi số là sự kết hợp giữa phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống với các ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu nhanh chóng, thuận tiện và phù hợp với môi trường thương mại điện tử. Trong đó, trọng tài điện tử (hay còn gọi là trọng tài trực tuyến) được hiểu là quá trình giải quyết tranh chấp thương mại mà toàn bộ hoặc một phần của quy trình tố tụng trọng tài, bao gồm việc nộp đơn kiện, trao đổi chứng cứ, tổ chức phiên họp, và ban hành phán quyết, được thực hiện thông qua nền tảng công nghệ số như email, cổng thông tin trực tuyến, phần mềm xử lý dữ liệu pháp lý, hoặc hệ thống họp trực tuyến (video conference)². Sự xuất hiện của hình thức trọng tài là hệ quả tất yếu của sự phát triển không ngừng của giao dịch thương mại điện tử, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 đã thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng số hóa trong mọi lĩnh vực.

² Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế – UNCITRAL (2021), Technical Notes on Online Dispute Resolution, truy cập tại: <https://uncitral.un.org>

Khác với trọng tài truyền thống vốn yêu cầu sự hiện diện vật lý của các bên tại một địa điểm cụ thể, trọng tài điện tử có đặc điểm nổi bật là tính phi vật lý (virtual), nghĩa là không phụ thuộc vào không gian địa lý, giúp các bên tranh chấp có thể tham gia quy trình giải quyết từ xa. Điều này làm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ trọng tài, giảm thiểu chi phí đi lại và thời gian giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, trọng tài thương mại trong môi trường số có tính liên kết toàn cầu cao, phù hợp với các quan hệ thương mại quốc tế hoặc các hợp đồng xuyên biên giới, khi mà các bên thường ở các quốc gia khác nhau và gặp khó khăn trong việc tổ chức phiên họp trực tiếp.

2.2 Đặc điểm của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong tiến trình chuyển đổi số toàn diện hiện nay, trọng tài thương mại đang có sự chuyển biến từ một cơ chế giải quyết tranh chấp truyền thống sang một mô hình trọng tài điện tử (e-arbitration) với sự tham gia ngày càng sâu của công nghệ. Sự thay đổi này không chỉ dừng lại ở mặt kỹ thuật mà còn làm nảy sinh nhiều vấn đề học thuật và pháp lý đáng chú ý, liên quan đến bản chất của tổ tụng trọng tài, quyền và nghĩa vụ của các bên, cũng như hiệu lực pháp lý của các hành vi điện tử trong quá trình giải quyết tranh chấp.

a. Từ phương thức vật lý sang phương thức số hoá: Sự thay đổi về bản chất tiếp cận

Trong mô hình truyền thống, trọng tài thương mại mang tính chất “phi tư pháp” nhưng vẫn kế thừa những nguyên tắc cơ bản của tổ tụng: nguyên tắc tranh tụng, quyền bình đẳng, nguyên tắc xét xử dựa trên chứng cứ. Tuy nhiên, khi chuyển sang môi trường số, các yếu tố như không gian, thời gian, hình thức tổ tụng đều thay đổi, tạo nên một mô hình trọng tài mới – không cần mặt đối mặt nhưng vẫn bảo đảm được quyền lợi và nguyên tắc pháp lý của các bên. Việc chuyển sang hình thức trọng tài từ xa làm thay đổi khái niệm về “nơi giải quyết tranh chấp” – một yếu tố có tính quyết định trong việc xác định thẩm quyền, luật áp dụng, và việc công nhận, thi hành phán quyết.

b. Tính linh hoạt và phi tập trung: Lợi thế và mặt trái của công nghệ

Trọng tài điện tử cho phép các bên tranh chấp lựa chọn hình thức giao tiếp, gửi hồ sơ, tổ chức xét xử qua các nền tảng trực tuyến như Zoom, Teams hoặc hệ thống xử lý chuyên dụng của các trung tâm trọng tài như SIAC, ICC... Điều này giúp tiết kiệm chi phí, tăng tốc độ xử lý, và phù hợp với các giao dịch xuyên biên giới. Tuy nhiên, tính phi tập trung cũng dẫn đến rủi ro pháp lý, như: khó xác định nơi xảy ra hành vi tổ tụng; khó bảo đảm đồng đều trình độ công nghệ giữa các bên và đặc biệt là nguy cơ các bên lợi dụng khoảng cách số để trốn tránh nghĩa vụ pháp lý (ví dụ: không tham gia phiên xử trực tuyến, từ chối nhận tài liệu qua email, nghi ngờ về tính xác thực của hồ sơ).

c. Vấn đề chứng cứ điện tử và tính hợp pháp của quy trình

Một trong những điểm học thuật cốt lõi trong trọng tài thương mại số là chứng cứ điện tử. Từ các email trao đổi, dữ liệu máy chủ, lịch sử giao dịch đến nội dung tin nhắn hoặc ghi âm – tất cả đều có thể trở thành chứng cứ, nhưng cũng đặt ra thách thức về chuẩn mực pháp lý trong việc thu thập, trình bày và đánh giá. Trong khi Luật Trọng tài thương mại Việt Nam (2010) chưa quy định rõ về chứng cứ điện tử, các nguyên tắc như tính xác thực, tính toàn vẹn, nguồn gốc thu thập và thời điểm chứng cứ trở nên phức tạp hơn trong môi trường số. Điều này đòi hỏi các tổ chức trọng tài phải xây dựng quy tắc nội bộ riêng và trọng tài viên cần có năng lực chuyên môn cao về công nghệ pháp lý.

3. Hiệu lực pháp lý của phán quyết trọng tài điện tử: Một khoảng trống lập pháp

Phán quyết trọng tài có hiệu lực thi hành theo nguyên tắc ràng buộc và có thể được công nhận bởi Tòa án theo Công ước New York 1958. Tuy nhiên, trong bối cảnh phán quyết được lập và lưu hành dưới dạng điện tử, câu hỏi đặt ra là liệu phán quyết đó có đáp ứng điều kiện “văn bản” theo pháp luật hiện hành hay không? Sự thiếu vắng quy định về chữ ký điện tử của trọng tài viên, cơ chế xác thực phán quyết và cách thức lưu trữ, công bố khiến cho tính thi hành của phán quyết trọng tài điện tử trở nên bấp bênh ở cả trong nước và quốc tế, nhất là tại các quốc gia có nền tư pháp bảo thủ hoặc thiếu cơ chế tương thích về công nghệ.

4. Tăng cường tính minh bạch, nhưng không đồng nghĩa với công bằng

Công nghệ mang lại khả năng lưu vết, truy xuất thông tin, thậm chí ghi hình toàn bộ quá trình tố tụng – điều mà tố tụng truyền thống khó đạt được. Tuy nhiên, sự minh bạch kỹ thuật không đồng nghĩa với sự công bằng pháp lý, nếu như các bên không có khả năng tiếp cận ngang nhau với công nghệ hoặc bị giới hạn bởi hạ tầng kỹ thuật yếu kém. Do đó, vấn đề đặt ra không chỉ là đưa công nghệ vào tố tụng, mà còn là đảm bảo tính công bằng thực chất thông qua chuẩn hóa quy trình, đào tạo năng lực số và hỗ trợ kỹ thuật bình đẳng.

5. Cơ hội của trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

Chuyển đổi số đang mở ra nhiều cơ hội quan trọng cho hoạt động trọng tài thương mại, đặc biệt trong việc nâng cao hiệu quả và khả năng tiếp cận của phương thức giải quyết tranh chấp này đối với cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ nhất, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong trọng tài giúp đơn giản hóa đáng kể các thủ tục tố tụng thông qua tổ chức phiên xử trực tuyến, nộp và lưu trữ hồ sơ điện tử, cũng như giao tiếp giữa các bên qua nền tảng số. Điều này không chỉ làm giảm sự lệ thuộc vào yếu tố địa lý, mà còn giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đáng kể cho doanh nghiệp. Theo báo cáo của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC), trong năm 2023, việc tổ chức các phiên xử

trực tuyến đã giúp doanh nghiệp tiết kiệm trung bình từ 30% đến 50% chi phí tố tụng, đặc biệt đối với các tranh chấp có yếu tố nước ngoài.³

Thứ hai, trọng tài thương mại trong môi trường số còn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) tiếp cận với phương thức giải quyết tranh chấp này. Trong bối cảnh SMEs thường gặp hạn chế về tài chính và nhân sự, họ có xu hướng e ngại trước sự phức tạp, tốn kém của thủ tục tố tụng trọng tài truyền thống. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của nền tảng số, các doanh nghiệp này có thể khởi kiện, theo dõi tiến trình giải quyết và nhận phán quyết một cách nhanh chóng, linh hoạt, mà không cần phải di chuyển hoặc chịu chi phí lớn về nhân sự pháp lý. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), việc tiếp cận trọng tài điện tử được đánh giá là một giải pháp thực tiễn để giúp SMEs nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp xuyên biên giới trong thời đại số hóa.⁴

Thứ ba, công nghệ số đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Các nền tảng quản lý hồ sơ điện tử cho phép truy xuất, lưu trữ và bảo mật thông tin một cách hệ thống, tránh thất thoát dữ liệu và tạo điều kiện để các bên nắm rõ tiến trình giải quyết. Đồng thời, việc sử dụng công cụ xác thực điện tử, mã hóa dữ liệu và ghi hình phiên họp trực tuyến cũng góp phần đảm bảo tính khách quan, công bằng và kiểm soát chặt chẽ các hành vi tố tụng, từ đó củng cố niềm tin của doanh nghiệp vào trọng tài như một cơ chế giải quyết tranh chấp chuyên nghiệp và đáng tin cậy.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là một cơ hội quan trọng để hiện đại hóa và phổ cập hóa hoạt động giải quyết tranh chấp trong thương mại, nhất là đối với các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh số hóa nhanh chóng hiện nay.

6. Thách thức đặt ra cho trọng tài thương mại khi chuyển đổi số

Bên cạnh những cơ hội đáng kể, trọng tài thương mại trong thời đại chuyển đổi số cũng phải đối mặt với nhiều thách thức cả về mặt kỹ thuật, pháp lý và năng lực tổ chức. Những thách thức này nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời có thể làm giảm hiệu quả và tính khả thi của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong môi trường số hóa.

Thứ nhất, vấn đề về an ninh mạng và bảo mật dữ liệu sẽ trở thành mối lo ngại hàng đầu khi toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp diễn ra trên nền tảng điện tử. Dữ liệu trong hồ sơ trọng tài, bao gồm hợp đồng, tài liệu kế toán, thông tin kinh doanh bí mật, nếu bị rò rỉ hoặc tấn công mạng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các bên, thậm chí làm mất uy tín của

³ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore – SIAC (2023), Annual Report 2023, truy cập tại: <https://siac.org.sg>

⁴ Tổ chức Thương mại Thế giới – WTO (2021), E-commerce and SMEs: Opportunities and Challenges, truy cập tại: <https://wto.org>

tổ chức trọng tài. Theo thống kê của Cybersecurity Ventures (2024), chi phí thiệt hại toàn cầu do tội phạm mạng gây ra ước tính sẽ đạt 10,5 nghìn tỷ USD mỗi năm vào năm 2025, và các hệ thống pháp lý – trọng tài không nằm ngoài đối tượng bị tấn công.⁵

Thứ hai, trọng tài điện tử gặp khó khăn về khung pháp lý chưa hoàn thiện hoặc thiếu đồng bộ. Tại Việt Nam, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 chưa có quy định cụ thể về công nhận và xử lý phán quyết trọng tài điện tử, việc sử dụng chữ ký số, xác thực hồ sơ qua mạng hay ghi nhận giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử. Điều này gây ra sự lúng túng cho trọng tài viên trong việc áp dụng pháp luật, đồng thời làm phát sinh tranh chấp thứ cấp về thủ tục, giá trị pháp lý hoặc hiệu lực thi hành phán quyết. Mặt khác, khi các bên có quốc tịch khác nhau, sự khác biệt giữa pháp luật các quốc gia về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài trực tuyến cũng gây ra trở ngại lớn, nhất là ở những quốc gia chưa ký kết hoặc có cách hiểu hạn chế về Công ước New York 1958.

Thứ ba, chênh lệch về trình độ công nghệ giữa các bên tranh chấp có thể ảnh hưởng đến quyền tiếp cận công bằng với trọng tài số. Trong thực tế, không phải doanh nghiệp nào cũng có sẵn hạ tầng kỹ thuật, nhân lực pháp lý và kỹ năng công nghệ để theo đuổi một quy trình trọng tài điện tử, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở vùng sâu, vùng xa. Điều này dẫn đến khả năng mất cân bằng về quyền và lợi ích giữa các bên, ảnh hưởng đến nguyên tắc bình đẳng trong tố tụng trọng tài.

Cuối cùng, việc tổ chức phiên xử trực tuyến vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về kỹ thuật như đường truyền yếu, mất kết nối, khó khăn trong việc kiểm soát hành vi của các bên trong suốt quá trình tranh tụng. Ngoài ra, tâm lý e ngại về tính minh bạch của phiên xử qua mạng cũng khiến nhiều bên còn dè dặt lựa chọn trọng tài số, nhất là khi tranh chấp liên quan đến số tiền lớn hoặc vấn đề phức tạp về chuyên môn.

Như vậy, để trọng tài thương mại thực sự phát huy vai trò trong thời đại chuyển đổi số, cần có sự đầu tư đồng bộ cả về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực số cho các chủ thể tham gia và quan trọng nhất là hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu số hóa trong hoạt động tố tụng ngoài hệ thống tư pháp.

7. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả trọng tài trong chuyển đổi số

Để trọng tài thương mại phát huy được vai trò là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, linh hoạt và hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số, cần thiết phải có những giải pháp

⁵ Cybersecurity Ventures (2024), Cybercrime to Cost the World \$10.5 Trillion Annually by 2025, truy cập tại: <https://cybersecurityventures.com>

đồng bộ từ góc độ pháp lý, kỹ thuật cho đến nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia. Dưới đây là một số giải pháp trọng tâm:

Thứ nhất, cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về trọng tài thương mại trong môi trường số. Cụ thể, pháp luật Việt Nam nên sớm bổ sung, sửa đổi Luật Trọng tài thương mại 2010 để ghi nhận và điều chỉnh đầy đủ các yếu tố tố tụng điện tử như: quy trình khởi kiện trực tuyến, sử dụng chứng cứ điện tử, giá trị pháp lý của chữ ký số, tổ chức phiên họp trọng tài qua mạng và công nhận phán quyết điện tử. Bên cạnh đó, cần có hướng dẫn cụ thể của Tòa án nhân dân tối cao nhằm giải thích thống nhất việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài số, đồng thời bảo đảm tính tương thích với Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

Thứ hai, cần nâng cao năng lực công nghệ số cho các tổ chức trọng tài và trọng tài viên. Các trung tâm trọng tài cần đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại như nền tảng xử lý hồ sơ trực tuyến, phòng xử ảo, hệ thống bảo mật dữ liệu theo tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, các trọng tài viên cần được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an ninh mạng, kỹ năng sử dụng nền tảng xét xử trực tuyến và kỹ thuật thẩm định chứng cứ điện tử. Việc xây dựng bộ quy tắc tố tụng trọng tài điện tử (e-arbitration rules) riêng biệt cũng là một bước đi cần thiết để chuẩn hóa quy trình và nâng cao hiệu quả áp dụng thực tiễn.

Thứ ba, cần tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình trọng tài điện tử đã thành công. Việt Nam nên đẩy mạnh đối thoại pháp lý và kỹ thuật với các tổ chức trọng tài quốc tế như ICC (Phòng Thương mại Quốc tế), SIAC (Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore), HKIAC (Trung tâm Trọng tài Hồng Kông) nhằm học hỏi về quy trình xử lý, tiêu chuẩn công nghệ, cơ chế xác thực dữ liệu và phương pháp đánh giá hiệu quả trọng tài điện tử. Việc ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về thi hành phán quyết trọng tài số cũng là cơ sở để tăng tính khả thi và hiệu lực của trọng tài thương mại trong môi trường toàn cầu hóa.⁶

Thứ tư, cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc tiếp cận trọng tài điện tử. Nhà nước nên thiết lập các chương trình đào tạo, tư vấn pháp lý và hỗ trợ kỹ thuật miễn phí hoặc có chi phí thấp cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa. Điều này không chỉ đảm bảo tính bình đẳng trong tiếp cận công lý mà còn góp phần phổ biến hình thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, hiện đại đến cộng

đồng doanh nghiệp rộng lớn hơn.

Cuối cùng, cần thúc đẩy xây dựng văn hóa pháp lý số trong cộng đồng doanh nghiệp và giới hành nghề luật. Trọng tài điện tử chỉ có thể vận hành trơn tru khi các bên tham gia có nhận thức đầy đủ và tích cực về vai trò của công nghệ trong tố tụng; có ý thức hợp tác trong cung

⁶ Tòa án Trọng tài Quốc tế – ICC (2022), ICC Dispute Resolution Statistics 2022, truy cập tại: <https://iccwbo.org>

cấp dữ liệu và tôn trọng nguyên tắc tổ tụng điện tử. Do đó, các chương trình truyền thông, hội thảo, tập huấn về pháp luật số, trọng tài trực tuyến và bảo vệ quyền lợi trong môi trường số cần được triển khai thường xuyên với sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội nghề nghiệp và các tổ chức đào tạo.

Tóm lại, để trọng tài thương mại thích ứng và phát triển bền vững trong thời đại chuyển đổi số, cần có một chiến lược toàn diện, đồng thời phát huy vai trò của cả Nhà nước, tổ chức trọng tài, cộng đồng doanh nghiệp và người hành nghề luật trong quá trình đổi mới thể chế và công nghệ.

8. Kết luận

Trọng tài thương mại, với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp phi tư pháp, đang đứng trước ngưỡng cửa chuyển mình mạnh mẽ trong thời đại số hóa. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình trọng tài không chỉ là yêu cầu tất yếu của xu thế toàn cầu, mà còn mở ra nhiều cơ hội nâng cao hiệu quả, giảm thiểu chi phí, tăng tính tiếp cận và thúc đẩy tính minh bạch trong giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, đi kèm với đó là những thách thức đáng kể về mặt pháp lý, kỹ thuật và năng lực tổ chức, đòi hỏi sự điều chỉnh kịp thời và toàn diện từ nhiều phía.

Thông qua việc phân tích những vấn đề lý luận cốt lõi, bài viết đã chỉ ra rằng nền tảng pháp lý hiện hành tại Việt Nam còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn của chuyển đổi số trong trọng tài thương mại, nhất là liên quan đến chứng cứ điện tử, phiên xử trực tuyến và hiệu lực pháp lý của phán quyết điện tử. Mặt khác, chênh lệch về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng công nghệ giữa các bên tham gia cũng có thể ảnh hưởng đến nguyên tắc bình đẳng và quyền tiếp cận công lý. Trước bối cảnh đó, cần thiết phải có các giải pháp đồng bộ, từ việc hoàn thiện khung pháp luật, nâng cao năng lực số của tổ chức trọng tài và trọng tài viên, thúc đẩy hợp tác quốc tế, cho đến việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và xây dựng văn hóa pháp lý số trong toàn xã hội. Chỉ khi những yếu tố này được triển khai một cách nhất quán và thực chất, trọng tài thương mại mới có thể phát huy đầy đủ vai trò của mình như một công cụ pháp lý hiện đại, thích ứng linh hoạt với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số và quá trình hội nhập toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật Trọng tài thương mại*, số 54/2010/QH12, ban hành ngày 17/6/2010.
2. Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế – UNCITRAL (2021), *Technical Notes on Online Dispute Resolution*, truy cập tại: <https://uncitral.un.org>
3. Cybersecurity Ventures (2024), *Cybercrime to Cost the World \$10.5 Trillion Annually by 2025*, truy cập tại: <https://cybersecurityventures.com>
4. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore – SIAC (2023), *Annual Report 2023*, truy cập tại: <https://siac.org.sg>
5. Tòa án Trọng tài Quốc tế – ICC (2022), *ICC Dispute Resolution Statistics 2022*, truy cập tại: <https://iccwbo.org>
6. Tổ chức Thương mại Thế giới – WTO (2021), *E-commerce and SMEs: Opportunities and Challenges*, truy cập tại: <https://wto.org>

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Mai Tiến Luật¹

Ngô Nguyễn Ánh Suong²

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số trở thành chiến lược trọng tâm của nhiều quốc gia, hoạt động trọng tài thương mại cũng không nằm ngoài guồng quay đổi mới. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và blockchain đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong cách thức tổ chức, vận hành và giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài. Bài tham luận tập trung làm rõ tính cấp thiết của việc nghiên cứu tác động của chuyển đổi số đối với lĩnh vực này, đặc biệt trong điều kiện thương mại điện tử và tranh chấp xuyên biên giới gia tăng. Thông qua việc phân tích các ứng dụng cụ thể như trọng tài trực tuyến, AI hỗ trợ phân tích dữ liệu, và blockchain bảo đảm minh bạch và thực thi phán quyết, bài viết không chỉ chỉ ra các lợi ích nổi bật mà còn nhận diện những thách thức về pháp lý, bảo mật và năng lực triển khai. Từ đó, tác giả kiến nghị các giải pháp toàn diện nhằm hoàn thiện thể chế, đầu tư hạ tầng công nghệ và nâng cao kỹ năng số cho các chủ thể, góp phần thúc đẩy hoạt động trọng tài thương mại Việt Nam phát triển hiện đại, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của thời đại số.

Từ khóa: Chuyển đổi số, Trọng tài trực tuyến, Trí tuệ nhân tạo, Blockchain, Tranh chấp thương mại

Abstract: In the context of digital transformation becoming a core strategy of many countries, commercial arbitration activities are also not outside the innovation cycle. The strong development of information technology, artificial intelligence and blockchain is creating profound changes in the way of organizing, operating and resolving disputes through arbitration. The paper focuses on clarifying the urgency of studying the impact of digital transformation on this field, especially in the context of increasing e-commerce and cross-border disputes. Through analyzing specific applications such as online arbitration, AI supporting data analysis, and blockchain ensuring transparency and enforcement of judgments, the article not only points out the outstanding benefits but also identifies challenges in terms of law, security and implementation capacity. From there, the author recommends comprehensive solutions to improve institutions, invest in technology infrastructure and improve digital skills for entities, contributing to promoting the development of Vietnamese commercial arbitration activities to be modern, effective and suitable to the requirements of the digital age.

¹ Thạc sĩ, Luật sư; Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law; tienluatlaw@gmail.com

² Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law, ngonguyenanhsuong@gmail.com

Keywords: *Digital Transformation, Online Arbitration, Artificial Intelligence, Blockchain, Commercial Disputes*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số đã trở thành một trong những xu hướng phát triển quan trọng và mang tính chiến lược của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây và các nền tảng số đã tạo ra những bước tiến vượt bậc trong cách thức tổ chức và vận hành các hoạt động kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong lĩnh vực pháp lý và giải quyết tranh chấp thương mại, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ mà còn là sự thay đổi căn bản về phương thức, quy trình và môi trường hoạt động.

Hoạt động trọng tài thương mại, với vai trò là phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án được nhiều doanh nghiệp và tổ chức lựa chọn, đang chứng kiến sự tác động mạnh mẽ từ quá trình chuyển đổi số. Việc áp dụng các công cụ công nghệ số như trọng tài điện tử, phiên họp trực tuyến, chữ ký số, lưu trữ và trao đổi tài liệu điện tử đã góp phần nâng cao tính hiệu quả, minh bạch và linh hoạt trong quá trình giải quyết tranh chấp. Đồng thời, chuyển đổi số cũng mở ra cơ hội thúc đẩy hội nhập quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các vụ tranh chấp thương mại xuyên biên giới, phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa và phát triển kinh tế số.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ ràng, chuyển đổi số cũng đặt ra không ít thách thức đối với hoạt động trọng tài thương mại. Các vấn đề về khung pháp lý chưa hoàn thiện, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, cũng như năng lực công nghệ và nhận thức của các bên tham gia vẫn còn là rào cản cần được giải quyết. Việc thiếu các quy định cụ thể về thủ tục tố tụng trực tuyến, bảo vệ quyền lợi và xử lý các tình huống phát sinh trong môi trường số đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng và các đề xuất chính sách phù hợp.

Trước bối cảnh đó, việc nghiên cứu, đánh giá tác động của chuyển đổi số đến hoạt động trọng tài thương mại không chỉ giúp nhận diện rõ những thay đổi, thuận lợi và khó khăn mà còn là cơ sở để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và khả năng ứng phó với các thách thức trong thời đại số. Đây cũng là tiền đề quan trọng để trọng tài thương mại Việt Nam phát triển bền vững, đồng bộ với xu hướng phát triển chung của thế giới.

Bài viết này sẽ tập trung phân tích các tác động chính của chuyển đổi số đến hoạt động trọng tài thương mại, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực công nghệ và nhận thức của các bên liên quan, góp phần thúc đẩy sự phát triển hiện đại và hiệu quả của trọng tài thương mại trong thời kỳ chuyển đổi số.

2. Những tác động của chuyển đổi số đến hoạt động của trọng tài thương mại

Công nghệ số không làm thay đổi bản chất của trọng tài thương mại, nhưng đang định hình lại cách thức nó được tổ chức và vận hành. Từ các nền tảng xét xử trực tuyến, quy trình

quản lý hồ sơ điện tử, cho đến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích dữ liệu tranh chấp – tất cả đều cho thấy trọng tài không đứng ngoài cuộc trong làn sóng chuyển đổi số. Những chuyển biến này không chỉ phản ánh nhu cầu thực tiễn mà còn đặt trọng tài vào không gian pháp lý mới, nơi ranh giới giữa sự linh hoạt và chuẩn mực pháp lý trở nên tinh tế hơn bao giờ hết.

2.1. Tổng quan về trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010.³ Đây là phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến trong lĩnh vực kinh doanh, cho phép các bên tự lựa chọn trọng tài viên cũng như quy trình xét xử phù hợp với nhu cầu của họ. Khác với tố tụng tại tòa án, trọng tài thương mại mang lại sự linh hoạt trong việc xác định địa điểm xét xử, ngôn ngữ sử dụng và luật áp dụng, giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn quá trình giải quyết tranh chấp. Phán quyết trọng tài có giá trị ràng buộc tương đương với bản án của tòa án, giúp các bên đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ một cách hiệu quả.

Một trong những lợi thế quan trọng của trọng tài thương mại là sự bảo mật thông tin. Không giống như các phiên tòa công khai, trọng tài cho phép các bên giữ bí mật về tranh chấp, tránh ảnh hưởng tiêu cực đến danh tiếng và hoạt động kinh doanh của họ. Ngoài ra, quá trình trọng tài thường diễn ra nhanh chóng hơn so với tố tụng tại tòa án, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí. Đặc biệt, trọng tài thương mại có khả năng áp dụng rộng rãi trong các giao dịch xuyên biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tranh chấp đến từ các hệ thống pháp luật khác nhau. Theo quy định pháp luật về trọng tài thương mại, phán quyết trọng tài mang tính ràng buộc và có hiệu lực tương đương với bản án của tòa án. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng và ít ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

Chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là việc áp dụng công nghệ vào một vài khâu kỹ thuật trong quy trình tố tụng, mà là sự thay đổi toàn diện về cách thức tổ chức, vận hành và tiếp cận trong hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Với sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng kỹ thuật số, công nghệ thông tin và truyền thông, hoạt động trọng tài đang dần chuyển từ mô hình truyền thống sang môi trường trực tuyến, tạo ra những thay đổi sâu sắc về phương thức làm việc, quản lý hồ sơ, tiếp nhận và xử lý thông tin cũng như tương tác giữa các bên trong vụ kiện. Những tác động này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và khả năng tiếp cận của cơ chế trọng tài mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về thích ứng và đổi mới.

³ Khoản 1 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại 2010.

2.2. Ứng dụng công nghệ số trong trọng tài thương mại

2.2.1. Trọng tài trực tuyến (Online Arbitration) và giải quyết tranh chấp trực tuyến

Chuyển đổi số đã tạo ra bước ngoặt quan trọng trong hoạt động trọng tài thương mại thông qua việc thúc đẩy phát triển trọng tài trực tuyến và giải quyết tranh chấp trực tuyến. *Trọng tài trực tuyến (Online Arbitration)* là hình thức giải quyết tranh chấp mà trong đó một trọng tài viên hoặc hội đồng trọng tài sẽ đưa ra quyết định ràng buộc đối với các bên tranh chấp. Quy trình trọng tài trực tuyến thường tương tự như trọng tài truyền thống, nhưng mọi thủ tục đều diễn ra trực tuyến, bao gồm việc nộp đơn khiếu nại, gửi tài liệu chứng cứ và điều trần. *Giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR)* là một phương thức xử lý tranh chấp bằng công nghệ, đặc biệt là internet, nhằm thay thế hoặc bổ trợ cho các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống, như thông qua tòa án hoặc các hình thức hòa giải trực tiếp⁴. Hiệu đơn giản, đây chính là hình thức giải quyết tranh chấp thương mại sử dụng các nền tảng công nghệ số để thực hiện toàn bộ hoặc một phần quy trình tổ tụng trọng tài, bao gồm nộp đơn khởi kiện, trao đổi tài liệu, tổ chức phiên họp và ra phán quyết mà không cần sự hiện diện trực tiếp của các bên tại một địa điểm cố định. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, dịch vụ trực tuyến và sự gia tăng các giao dịch xuyên biên giới, ODR đã trở thành một phương tiện hiệu quả để xử lý các tranh chấp phát sinh từ giao dịch trực tuyến, giúp các bên tranh chấp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển kinh tế số.

ODR bao gồm nhiều phương thức khác nhau, từ thương lượng, hòa giải đến trọng tài, tất cả đều diễn ra trực tuyến với sự hỗ trợ của các công cụ công nghệ.

+ *Thương lượng trực tuyến* là giai đoạn đầu trong ODR, nơi hai bên tranh chấp chủ động tìm giải pháp mà không có sự can thiệp của bên thứ ba, thường thông qua email, chat hoặc phần mềm chuyên dụng. Ưu điểm của phương thức này là chi phí thấp, nhanh chóng và linh hoạt, nhưng lại dễ bế tắc nếu các bên không có thiện chí hoặc thiếu kỹ năng đàm phán.

+ *Hòa giải trực tuyến* có sự tham gia của hòa giải viên trung lập, người hỗ trợ các bên tìm kiếm thỏa thuận mà không đưa ra quyết định bắt buộc. Phương thức này giúp duy trì đối thoại, tiết kiệm chi phí và tạo môi trường hỗ trợ tâm lý tích cực, tuy nhiên, hiệu lực không ràng buộc khiến kết quả dễ bị vô hiệu nếu không có sự đồng thuận rõ ràng.

+ *Trọng tài trực tuyến* là cơ chế giải quyết tranh chấp có tính ràng buộc, trong đó trọng tài viên ra phán quyết sau quá trình xét xử hoàn toàn qua nền tảng số. Ưu điểm là tiết kiệm chi

⁴ “Vấn đề giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR - Online Dispute resolution) đối với môi trường pháp lý kinh doanh tại Việt Nam”, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, link truy cập: http://www.vkskh.gov.vn/van-de-giai-quyet-tranh-chap-truc-tuyen-odr-online-dispute-resolution-doi-voi-moi-truong-phap-ly_2781_381_2_a.html, truy cập ngày 20/05/2025

phí, bảo mật cao và phù hợp với tranh chấp xuyên biên giới, song lại phụ thuộc vào hạ tầng công nghệ và niềm tin của các bên vào tính khách quan, công bằng của quá trình trực tuyến.

Quy trình ODR thường bắt đầu bằng việc đăng ký tranh chấp, lựa chọn phương thức giải quyết phù hợp và tiến hành các bước làm việc trực tuyến, kết thúc bằng thỏa thuận giữa các bên hoặc phán quyết trọng tài có giá trị thi hành.

Theo quy định hiện hành tại Việt Nam, mặc dù Luật Trọng tài thương mại 2010 chưa có những quy định riêng biệt về trọng tài trực tuyến, song các trung tâm trọng tài thương mại đã chủ động triển khai các nền tảng tổ tụng trực tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ. Ví dụ, *Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)* đã chính thức công bố nền tảng nộp đơn điện tử và quản lý các vụ tranh chấp trực tuyến (*VIAC eCase*)⁵, một số tổ chức trọng tài quốc tế như *Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC)*⁶ hay *Tòa án Trọng tài Quốc tế (ICC)*⁷ đã bắt đầu tích hợp các công cụ hỗ trợ trực tuyến vào quy trình giải quyết tranh chấp, giúp các bên có thể tham gia từ xa mà không cần di chuyển đến địa điểm xét xử. Sự thay đổi này đặc biệt có ý nghĩa đối với các tranh chấp xuyên biên giới, khi chi phí đi lại và tổ chức phiên họp trực tiếp có thể là một trở ngại lớn.

Việc áp dụng trọng tài trực tuyến đặc biệt phát huy hiệu quả trong bối cảnh đại dịch COVID-19, khi các biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế tiếp xúc trực tiếp được áp dụng. Trọng tài điện tử tạo điều kiện cho các bên tham gia tổ tụng từ xa, linh hoạt về không gian và thời gian, đồng thời giảm thiểu rủi ro và chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Có thể thấy, chuyển đổi số mang lại bước đột phá trong việc nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại. Trước đây, các phiên trọng tài thường đòi hỏi sự có mặt trực tiếp của các bên, trọng tài viên và nhân chứng, điều này không chỉ tốn kém chi phí đi lại mà còn kéo dài thời gian xử lý do phải sắp xếp lịch trình và địa điểm phù hợp. Nhờ áp dụng công nghệ số, đặc biệt là các nền tảng trọng tài trực tuyến, các bên có thể tham gia phiên trọng tài từ xa qua các thiết bị kết nối internet. Điều này giúp giảm thiểu tối đa các chi phí phát sinh và rút ngắn thời gian xử lý tranh chấp.

Ngoài ra, trọng tài trực tuyến còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế số tại Việt Nam, khi các hợp đồng điện tử, giao dịch thương mại điện tử ngày càng phổ biến và phát sinh nhiều tranh chấp phức tạp cần được giải quyết nhanh chóng, công bằng. Việc đảm bảo an toàn cho hợp đồng điện tử thông qua các giải pháp pháp lý và kỹ thuật là yếu tố then chốt để bảo vệ

⁵ Nền tảng quản lý hồ sơ trực tuyến VIAC, link truy cập: <https://viacecase.vn/landing-page>, truy cập ngày 20/05/2025.

⁶ Hướng dẫn nộp hồ sơ điện tử SIAC, link truy cập: SIAC Gateway - Singapore International Arbitration Centre, truy cập ngày 20/05/2025.

⁷ Nộp đơn yêu cầu trọng tài ICC, link truy cập: Nộp đơn yêu cầu trọng tài của bạn - ICC - Phòng Thương mại Quốc tế, truy cập ngày 20/05/2025.

quyền lợi doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh số, góp phần phát triển bền vững kinh tế số quốc gia. Và theo định hướng chuyển đổi số toàn diện của Chính phủ Việt Nam trong năm 2025, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động trọng tài thương mại, được xem là động lực mới để tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Việc phát triển hạ tầng số, nền tảng số và nâng cao năng lực số cho các tổ chức trọng tài là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, góp phần đưa kinh tế số chiếm tỷ trọng trên 20% GDP vào năm 2025.

Như vậy, trọng tài trực tuyến không chỉ là công cụ giúp giải quyết tranh chấp nhanh, hiệu quả mà còn là một phần quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số quốc gia, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong kỷ nguyên số. Mở rộng khả năng tiếp cận và nâng cao tính minh bạch trong trọng tài thương mại số.

2.2.2. Trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích tranh chấp

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào trọng tài thương mại đang tạo ra những bước tiến đáng kể trong cách thức giải quyết tranh chấp, giúp tối ưu hóa quy trình xét xử và nâng cao hiệu quả của hệ thống trọng tài. Một trong những lợi ích lớn nhất của AI là khả năng xử lý và phân tích dữ liệu nhanh chóng, giúp trọng tài viên giảm thời gian nghiên cứu và đánh giá các tài liệu liên quan đến vụ tranh chấp. AI có thể tổng hợp, phân loại và đối chiếu hàng loạt hợp đồng, chứng cứ và án lệ một cách chính xác, từ đó cung cấp cho trọng tài viên những thông tin quan trọng để đưa ra quyết định.

Bên cạnh việc phân tích tài liệu, AI còn có thể hỗ trợ dự báo kết quả tranh chấp, giúp các bên tranh chấp có cái nhìn rõ hơn về khả năng thắng kiện dựa trên dữ liệu thực tế. Bằng cách sử dụng các mô hình học máy và phân tích hàng loạt vụ tranh chấp trước đây, AI có thể nhận diện các xu hướng xét xử, cung cấp các đánh giá mang tính tham khảo cho trọng tài viên. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp chuẩn bị tốt hơn cho quá trình giải quyết tranh chấp mà còn góp phần đảm bảo tính nhất quán trong các phán quyết trọng tài.

Ngoài ra, AI còn giúp tự động hóa các tác vụ hành chính, giảm tải công việc cho các tổ chức trọng tài. Các công đoạn như kiểm tra tài liệu, gửi thông báo, lên lịch xét xử hay lưu trữ hồ sơ có thể được thực hiện nhanh chóng thông qua hệ thống AI, giúp tăng tốc độ xử lý vụ việc và đảm bảo tính chính xác của dữ liệu. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong các tranh chấp phức tạp, nơi việc quản lý thông tin hiệu quả có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong quá trình xét xử.

Một ứng dụng quan trọng khác của AI là hỗ trợ dịch thuật và xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Đối với tranh chấp thương mại quốc tế, nơi các bên sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau, AI có thể giúp dịch thuật tài liệu pháp lý một cách chính xác, hỗ trợ trọng tài viên hiểu rõ nội dung và

bối cảnh của vụ việc. Ngoài ra, AI có thể phân tích sắc thái ngôn ngữ trong hợp đồng hoặc chứng cứ để xác định các yếu tố quan trọng liên quan đến tranh chấp.

Như vậy, AI không chỉ đơn thuần là công cụ hỗ trợ về mặt kỹ thuật mà còn đóng vai trò một trợ lý pháp lý thông minh, giúp nâng cao chất lượng xét xử và tối ưu hóa quá trình trọng tài. Với khả năng xử lý dữ liệu nhanh chóng, dự báo xu hướng xét xử và hỗ trợ quản lý thông tin hiệu quả, AI đang trở thành một yếu tố quan trọng trong quá trình chuyển đổi số của trọng tài thương mại.

2.2.3. Ứng dụng blockchain trong trọng tài thương mại

Công nghệ blockchain đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và tạo ra nhiều thay đổi trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có trọng tài thương mại. Nhờ khả năng lưu trữ thông tin một cách minh bạch, bảo mật cao và không thể chỉnh sửa sau khi đã ghi nhận, blockchain trở thành công cụ hữu ích giúp nâng cao độ tin cậy và hiệu quả trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Một trong những ứng dụng quan trọng của blockchain là việc xác thực và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến tranh chấp. Các tài liệu như hợp đồng, chứng cứ, biên bản làm việc,... có thể được ghi lại trên hệ thống blockchain. Điều này giúp đảm bảo rằng không ai có thể thay đổi thông tin trong quá trình giải quyết vụ việc, từ đó bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

Bên cạnh đó, blockchain còn hỗ trợ thực thi phán quyết trọng tài thông qua hợp đồng thông minh. Khi trọng tài ra quyết định, hệ thống có thể tự động thực hiện các cam kết, chẳng hạn như thanh toán tiền hoặc chuyển giao hàng hóa, mà không cần bên thứ ba can thiệp. Điều này đặc biệt hữu ích trong các vụ việc quốc tế, nơi việc buộc bên thua kiện thi hành phán quyết thường gặp nhiều khó khăn.

Không chỉ vậy, blockchain còn giúp tăng cường tính minh bạch của quy trình trọng tài. Các bên có thể theo dõi tiến trình giải quyết tranh chấp một cách rõ ràng, chính xác và an toàn, mà không lo bị can thiệp hay thao túng. Khi kết hợp với nền tảng trọng tài trực tuyến, công nghệ này giúp việc truy cập thông tin trở nên nhanh chóng và thuận tiện hơn cho cả trọng tài viên và các bên tranh chấp.

Như vậy, blockchain đang mở ra một hướng đi mới cho trọng tài thương mại: minh bạch hơn, an toàn hơn và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, để công nghệ này thực sự được áp dụng rộng rãi, cần có những thay đổi về pháp luật nhằm công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu trên blockchain, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp tin tưởng và sử dụng các hình thức trọng tài dựa trên công nghệ số.

2.3. Mở rộng khả năng tiếp cận và nâng cao tính minh bạch trong trọng tài thương mại số

Chuyển đổi số đang từng bước định hình lại cách thức vận hành của trọng tài thương mại, mang đến nhiều cải tiến rõ rệt về hiệu quả, chi phí và khả năng tiếp cận. Nếu như trước đây, các bên tranh chấp thường phải tuân theo một quy trình tổ tụng phức tạp, chịu hạn chế bởi

không gian địa lý và thời gian giải quyết kéo dài, thì nay, với sự hỗ trợ của công nghệ, trọng tài thương mại đang trở nên linh hoạt hơn bao giờ hết. Các phiên làm việc có thể tổ chức từ xa, dữ liệu được xử lý nhanh chóng, và toàn bộ quá trình xét xử trở nên minh bạch, dễ theo dõi hơn.

Việc áp dụng các nền tảng công nghệ như hệ thống trực tuyến, blockchain hay trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ mở rộng quy mô hoạt động của trọng tài thương mại, mà còn góp phần bảo đảm tính công bằng và độ tin cậy của phán quyết. Nhờ vào khả năng lưu trữ, xử lý và kiểm tra dữ liệu một cách chính xác và minh bạch, các bên tham gia tranh chấp có cơ sở vững chắc để tin tưởng vào trọng tài như một phương thức giải quyết hiệu quả. Những thay đổi tích cực này đang cho thấy tiềm năng lớn của chuyển đổi số trong việc nâng cao khả năng tiếp cận và cải thiện chất lượng xét xử trong mô hình trọng tài hiện đại.

2.3.1. Lợi ích

Việc ứng dụng công nghệ số vào trọng tài thương mại đã mang lại nhiều lợi ích rõ rệt, giúp cải thiện hiệu quả xét xử, mở rộng phạm vi tiếp cận dịch vụ và nâng cao mức độ minh bạch của quá trình giải quyết tranh chấp. Đối với doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty vừa và nhỏ, trọng tài thương mại số giúp giảm thiểu các rào cản về mặt địa lý, tài chính và thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận một phương thức giải quyết tranh chấp nhanh chóng, hiệu quả và ít tốn kém hơn.

Một trong những lợi ích quan trọng nhất của trọng tài số là khả năng giảm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực cho các bên tham gia. Trong mô hình truyền thống, việc tổ chức phiên xét xử có thể phát sinh nhiều chi phí, bao gồm thuê địa điểm, đi lại, in ấn hồ sơ và phí trọng tài viên. Với sự hỗ trợ của các nền tảng trực tuyến, doanh nghiệp có thể tham gia tranh chấp mà không cần phải di chuyển đến địa điểm xét xử, đồng thời các tài liệu pháp lý cũng được số hóa, giúp giảm đáng kể chi phí liên quan đến giấy tờ và lưu trữ hồ sơ.

Ngoài ra, chuyển đổi số cũng giúp tăng tốc độ xử lý vụ việc, giúp các bên giải quyết tranh chấp nhanh hơn so với quy trình tố tụng truyền thống. Trọng tài số cho phép thực hiện toàn bộ quy trình trực tuyến, từ nộp đơn, trao đổi chứng cứ, tổ chức phiên họp đến ban hành phán quyết, giúp rút ngắn đáng kể thời gian xét xử. Điều này đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp, bởi việc kéo dài tranh chấp có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và gây ra tổn thất về tài chính.

Một khía cạnh khác đáng chú ý là tính minh bạch của trọng tài thương mại số. Nhờ sự hỗ trợ của blockchain và trí tuệ nhân tạo (AI), toàn bộ quy trình xét xử có thể được lưu trữ một cách an toàn, không thể thay đổi hoặc giả mạo. Điều này giúp đảm bảo rằng tất cả các tài liệu, chứng cứ và phán quyết đều được lưu trữ một cách khách quan, tránh tình trạng gian lận hoặc sai sót trong xét xử. Blockchain còn giúp tăng tính tin cậy của quá trình thực thi phán quyết

trọng tài, đảm bảo rằng các bên tuân thủ cam kết mà không cần đến sự can thiệp của cơ quan pháp lý truyền thống.

Cuối cùng, trọng tài thương mại số cũng giúp cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ trọng tài, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ hoặc những bên có tranh chấp xuyên biên giới. Trước đây, trọng tài thường bị giới hạn bởi địa điểm xét xử, khiến việc tham gia trở nên khó khăn đối với một số doanh nghiệp không có đủ nguồn lực để tổ chức phiên họp trực tiếp. Với nền tảng số, các bên có thể tham gia phiên xét xử từ xa, giúp họ dễ dàng tiếp cận dịch vụ trọng tài mà không phải lo lắng về các yếu tố địa lý hoặc tài chính.

Nhìn chung, chuyển đổi số mang lại những lợi ích đáng kể cho trọng tài thương mại, giúp tối ưu hóa quy trình xét xử, giảm chi phí, tăng tốc độ giải quyết tranh chấp và đảm bảo tính minh bạch. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa những lợi ích này, cần có sự điều chỉnh phù hợp về mặt pháp lý cũng như đầu tư vào công nghệ bảo mật nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia trọng tài.

2.3.2. Thách thức

Mặc dù chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích rõ rệt cho trọng tài thương mại, quá trình này cũng đặt ra những thách thức đáng kể về pháp lý, bảo mật thông tin và mức độ chấp nhận từ các bên liên quan. Việc tích hợp công nghệ số vào hệ thống trọng tài đòi hỏi sự điều chỉnh trong hành lang pháp lý, đầu tư vào công nghệ bảo mật và thay đổi tư duy của các bên tham gia tranh chấp.

Một trong những thách thức lớn nhất là sự chưa đồng bộ của khung pháp lý về trọng tài số. Hiện nay, không phải tất cả các quốc gia đều có quy định cụ thể về công nhận và thực thi phán quyết trọng tài trực tuyến. Trong nhiều hệ thống pháp luật, tranh chấp thương mại vẫn được xử lý theo mô hình truyền thống, dẫn đến sự lúng túng khi áp dụng trọng tài số. Việc chứng minh hiệu lực pháp lý của các phán quyết được ban hành trực tuyến, cũng như xác định giá trị chứng cứ điện tử, vẫn là vấn đề cần được làm rõ trong nhiều hệ thống pháp luật.

Bên cạnh đó, bảo mật dữ liệu là một thách thức quan trọng khi ứng dụng công nghệ vào trọng tài thương mại. Trọng tài thương mại thường xử lý các thông tin nhạy cảm, liên quan đến bí mật kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp. Việc lưu trữ và truyền tải dữ liệu trực tuyến có nguy cơ bị tấn công mạng hoặc rò rỉ thông tin, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên tranh chấp. Nếu không có các biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt, khả năng bị xâm nhập và sử dụng trái phép dữ liệu có thể khiến doanh nghiệp mất đi sự tin tưởng vào trọng tài số.

Ngoài ra, mức độ chấp nhận của doanh nghiệp đối với trọng tài số vẫn chưa cao. Nhiều doanh nghiệp và trọng tài viên vẫn quen thuộc với mô hình trọng tài truyền thống, dẫn đến tâm lý e ngại khi chuyển đổi sang hình thức xét xử trực tuyến. Một số bên tranh chấp lo lắng về tính

công bằng và độ tin cậy của các phán quyết được ban hành thông qua nền tảng số, đặc biệt trong trường hợp AI hoặc blockchain tham gia vào quá trình xét xử.

Cuối cùng, tính tương thích của công nghệ với hệ thống trọng tài hiện hành cũng là một vấn đề cần được cân nhắc. Không phải tất cả các tổ chức trọng tài đều có hạ tầng số đủ mạnh để triển khai trọng tài trực tuyến hoặc ứng dụng AI và blockchain vào quy trình xét xử. Việc đầu tư vào công nghệ mới có thể đòi hỏi nguồn lực lớn, gây khó khăn cho các trung tâm trọng tài có quy mô nhỏ hoặc chưa có kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số.

Nhìn chung, mặc dù chuyển đổi số mang lại nhiều cơ hội cho trọng tài thương mại, quá trình này vẫn còn gặp nhiều thách thức cần được giải quyết. Để đảm bảo sự phát triển bền vững của trọng tài số, cần có sự điều chỉnh trong pháp luật, đầu tư vào bảo mật dữ liệu và nâng cao nhận thức của các bên liên quan về những lợi ích của công nghệ trong trọng tài thương mại.

2.4. Giải pháp và khuyến nghị

Chuyển đổi số đã tạo ra bước tiến quan trọng trong việc mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ trọng tài thương mại, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các doanh nghiệp hoạt động xuyên biên giới. Trọng tài trực tuyến giúp xóa bỏ những rào cản về địa lý và chi phí đi lại vốn là những trở ngại lớn trong phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống. Nhờ vậy, các bên tranh chấp có thể tham gia tố tụng từ bất kỳ đâu có kết nối internet, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đáng kể, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ hoặc ở vùng sâu vùng xa tiếp cận phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả.

Việc số hóa hồ sơ, tài liệu và phán quyết trọng tài cũng góp phần nâng cao tính minh bạch trong toàn bộ quá trình tố tụng. Các bên liên quan có thể dễ dàng theo dõi tiến trình giải quyết tranh chấp một cách rõ ràng, minh bạch hơn, giảm thiểu những nghi ngờ hay tranh cãi về thủ tục tố tụng. Đồng thời, các trung tâm trọng tài công khai phán quyết và báo cáo hoạt động trên các cổng thông tin điện tử, giúp tăng cường sự giám sát của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội, từ đó nâng cao uy tín và sự tin cậy đối với hoạt động trọng tài thương mại. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ số còn giúp giảm tải cho hệ thống tư pháp truyền thống, giảm thiểu nhu cầu sử dụng giấy tờ, góp phần bảo vệ môi trường và phù hợp với xu hướng phát triển bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ ràng, thực trạng cho thấy khung pháp lý về tố tụng trọng tài trực tuyến tại Việt Nam vẫn còn chưa hoàn thiện, chưa có các quy định chi tiết và đồng bộ về thủ tục tố tụng trực tuyến, giá trị pháp lý của chữ ký số, chứng cứ điện tử hay quy trình quản lý hồ sơ điện tử. Điều này tạo ra sự không chắc chắn pháp lý, khiến các bên và trung tâm trọng tài còn e ngại trong việc áp dụng rộng rãi trọng tài trực tuyến. Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ và năng lực số tại nhiều trung tâm trọng tài chưa đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu vận hành các nền tảng trọng tài trực tuyến hiện đại, bảo mật và ổn định. Nhận thức và kỹ năng

số của các trọng tài viên, luật sư và cán bộ hỗ trợ cũng còn hạn chế, khiến cho việc tổ chức và vận hành tố tụng trực tuyến chưa thực sự hiệu quả và minh bạch như kỳ vọng.

Để khắc phục những hạn chế này và phát huy tối đa tiềm năng của chuyển đổi số trong trọng tài thương mại, việc hoàn thiện pháp luật là điều kiện tiên quyết. Cần xây dựng và ban hành các quy định chi tiết về thủ tục tố tụng trọng tài trực tuyến, công nhận giá trị pháp lý của chữ ký số và chứng cứ điện tử, đồng thời quy định rõ ràng về quy trình gửi đơn, trao đổi tài liệu và quản lý hồ sơ điện tử minh bạch, dễ tiếp cận. Bên cạnh đó, đầu tư hạ tầng công nghệ hiện đại, bảo mật và thân thiện với người dùng là yếu tố then chốt để tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai trọng tài trực tuyến. Việc đào tạo và nâng cao nhận thức về kỹ năng số cũng cần được đẩy mạnh, nhằm trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho trọng tài viên, luật sư và cán bộ hỗ trợ, giúp họ tự tin vận hành các nền tảng số một cách hiệu quả và chuyên nghiệp. Đồng thời, việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về lợi ích và quy trình trọng tài trực tuyến đến cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực này.

Ngoài ra, tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển là giải pháp không thể thiếu. Việc áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về trọng tài trực tuyến sẽ giúp Việt Nam nâng cao năng lực tổ chức và vận hành trọng tài số, đồng thời tạo thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp thương mại xuyên biên giới. Việc khuyến khích ứng dụng trọng tài trực tuyến trong các tranh chấp nội địa và xuyên biên giới thông qua các dự án thí điểm, chính sách hỗ trợ cũng sẽ góp phần thúc đẩy chuyển đổi số một cách toàn diện và bền vững trong hoạt động trọng tài thương mại.

Tóm lại, mở rộng khả năng tiếp cận và nâng cao tính minh bạch trong trọng tài thương mại số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp mà còn góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và phát triển bền vững. Tuy nhiên, để đạt được điều này, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa hoàn thiện pháp luật, đầu tư công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế nhằm tạo dựng nền tảng vững chắc cho chuyển đổi số trong trọng tài thương mại tại Việt Nam.

3. Kết luận

Chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực, trong đó có trọng tài thương mại. Việc ứng dụng công nghệ số vào quy trình xét xử không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu quả giải quyết tranh chấp mà còn mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ trọng tài cho các doanh nghiệp ở nhiều quy mô khác nhau. Trọng tài trực tuyến, trí tuệ nhân tạo và blockchain đang từng bước thay đổi cách thức vận hành của trọng tài, mang lại tốc độ xử lý nhanh hơn, tiết kiệm chi phí và nâng cao mức độ minh bạch của quy trình xét xử.

Tuy nhiên, sự phát triển này cũng đặt ra nhiều thách thức cần được giải quyết. Các vấn đề pháp lý liên quan đến trọng tài số, bảo mật dữ liệu và mức độ chấp nhận của doanh nghiệp vẫn còn là những trở ngại lớn trong quá trình triển khai công nghệ vào trọng tài thương mại. Để tận dụng tối đa lợi ích của chuyển đổi số, cần có sự điều chỉnh về mặt pháp lý, đầu tư vào công nghệ bảo mật và nâng cao nhận thức của các bên liên quan về trọng tài số.

Nhìn chung, trọng tài thương mại trong thời đại số không chỉ là một bước tiến về mặt kỹ thuật mà còn là sự chuyển đổi trong mô hình giải quyết tranh chấp thương mại. Việc hiểu rõ các cơ hội và thách thức mà công nghệ mang lại sẽ giúp doanh nghiệp, tổ chức trọng tài và cơ quan lập pháp xây dựng một hệ thống trọng tài phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng tài thương mại 2010.
2. Hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp, “Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử”, link truy cập: <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1951&l=Nghiencuuutraodoi>, truy cập ngày 20/05/2025.
3. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, “Vấn đề giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR - Online Dispute resolution) đối với môi trường pháp lý kinh doanh tại Việt Nam”, link truy cập: http://www.vkskh.gov.vn/van-de-giai-quyet-tranh-chap-truc-tuyen-odr-online-dispute-resolution-doi-voi-moi-truong-phap-ly_2781_381_2_a.html, truy cập ngày 20/05/2025.
4. VIAC, “Trọng tài giải quyết tranh chấp trực tuyến”, link truy cập: <https://www.viac.vn/goc-nhin-trong-tai-vien/trong-tai-giai-quyet-tranh-chap-truc-tuyen-a687.html>, truy cập ngày 20/05/2025.
5. Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, “Nhu cầu phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến”, link truy cập: <https://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210989>, truy cập ngày 20/05/2025.
6. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), link truy cập: <https://www.viac.vn/>, truy cập ngày 20/05/2025.
7. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC), link truy cập: <https://siac.org.sg/about-us>, truy cập ngày 20/05/2025.
8. Tòa án Trọng tài Quốc tế (ICC), link truy cập: <https://www.international-arbitration-attorney.com/vi/icc-arbitration/>, truy cập ngày 20/05/2025.

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRỌNG TÀI ĐIỆN TỬ TRÊN THẾ GIỚI CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TRỌNG TÀI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

Lương Thị Hòa¹

Tóm tắt: Cho đến thời điểm hiện nay, tức là đã gần 30 năm trôi qua kể từ thời điểm trọng tài điện tử hình thành, có thể thấy rằng sự hiện diện và phát triển nhanh chóng của trọng tài điện tử nói riêng, các phương thức giải quyết tranh chấp điện tử nói chung là xu thế tất yếu và được khuyến khích. Xu thế này cho thấy vai trò tích cực của công nghệ thông tin và các công cụ điện tử đối với việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, xuất phát từ thực tế sự ra đời và phát triển của công nghệ số cũng như các hệ quả đi kèm của nó. Vậy các quốc gia trên thế giới tiếp cận ra sao đối với trọng tài điện tử? Nội dung tiếp theo sẽ trao đổi kỹ hơn về trọng tài điện tử trong hệ thống pháp luật của một số quốc gia, cũng như ở một số trung tâm trọng tài và tổ chức quốc tế trên thế giới.

Từ việc đánh giá, phân tích thực trạng phát triển của trọng tài điện tử ở một hệ thống pháp luật trên thế giới cũng như tại một số trung tâm trọng tài và tổ chức quốc tế, có thể rút ra được một số nhận định ngắn gọn như sau về xu thế phát triển của trọng tài điện tử.

Từ khóa: Thỏa thuận, thủ tục, phán quyết trọng tài điện tử.

Abstract: Up to the present time—nearly 30 years since the emergence of electronic arbitration—it is evident that the presence and rapid development of electronic arbitration in particular, and electronic dispute resolution methods in general, represent an inevitable and encouraged trend. This trend underscores the positive role of information technology and electronic tools in arbitration-based dispute resolution, stemming from the rise and advancement of digital technology and its associated impacts. How, then, have countries around the world approached electronic arbitration? The following section will explore in greater detail the legal frameworks of several countries, as well as the practices of various arbitration centers and international organizations, in relation to electronic arbitration.

Based on an evaluation and analysis of the development status of electronic arbitration in the legal systems of selected countries, arbitration centers, and international institutions, several brief observations can be drawn regarding the trends in electronic arbitration.

Keywords: Agreement, Procedure, Electronic Arbitral Award.

1. Trọng tài điện tử ở một số hệ thống pháp luật trên thế giới

Việc xem xét, đánh giá pháp luật về trọng tài điện tử ở một số hệ thống pháp luật trên thế giới cũng đồng nghĩa với việc xem xét, đánh giá các quy định có liên quan về trọng tài ở

¹ TS, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh

các quốc gia đó. Tác giả không có tham vọng đưa ra đánh giá sâu sắc, toàn diện về pháp luật về trọng tài của bất kỳ một quốc gia nào trong nội dung của phần này, mà chỉ kỳ vọng có thể đem lại một cái nhìn tổng quan và khái quát về các vấn đề đáng lưu ý đối với trọng tài điện tử trong pháp luật về trọng tài của một số hệ thống pháp luật trên thế giới. Các vấn đề mà tác giả sẽ đề cập đến trong nội dung dưới đây sẽ bao gồm việc xem xét, đánh giá về thỏa thuận trọng tài điện tử, thủ tục trọng tài điện tử và phán quyết trọng tài điện tử dưới góc nhìn và quy định của pháp luật trọng tài tại một số quốc gia

1.1. Thỏa thuận trọng tài điện tử

Công ước New York 1958 nên được xem là khởi điểm để xem xét thỏa thuận trọng tài. Điều II (2) của Công ước này quy định thỏa thuận trọng tài phải “bằng văn bản”. Có lẽ tại thời điểm soạn thảo Công ước này, các nhà lập pháp chưa hoàn toàn tính đến được sự bùng nổ và những tác động to lớn của thời đại công nghệ số đến yêu cầu về hình thức “văn bản” của thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, hình thức “văn bản” của thỏa thuận trọng tài được hiểu linh hoạt và pháp luật trọng tài của nhiều quốc gia đã có sự giải thích rõ hơn về hình thức “văn bản” đối với thỏa thuận trọng tài, cho dù các quốc gia đó là thành viên của Công ước New York 1958 hay chưa.

Lấy ví dụ về Trung Quốc, một quốc gia láng giềng của Việt Nam để xem xét trong trường hợp này. Luật Trọng tài của Trung Quốc năm 1994 quy định thỏa thuận trọng tài có thể được ghi nhận là một điều khoản trong hợp đồng ký kết giữa các bên hoặc một thỏa thuận riêng biệt với hợp đồng, thì hình thức của thỏa thuận trọng tài còn có thể dưới dạng trao đổi tin nhắn, dữ liệu như điện tín, thư điện tử...² Cũng như vậy, pháp luật trọng tài của Hồng Kông cũng quy định thỏa thuận trọng tài bằng “văn bản” (nhưng không cần phải ký kết), miễn sao nội dung của thỏa thuận phải được ghi nhận lại dưới bất kỳ hình thức nào, như thư điện tử, điện tín, v.v... Pháp luật trọng tài của Ấn Độ có quy định tương tự như trên về hình thức của thỏa thuận trọng tài, nhưng hơn thế nữa. Đạo luật Trọng tài sửa đổi của Ấn Độ đã làm rõ thêm vấn đề về hình thức của thỏa thuận trọng tài bằng việc quy định rằng thỏa thuận trọng tài có thể được ký kết thông qua bất cứ công cụ phương tiện điện tử nào. Luật về Trọng tài và giải quyết tranh chấp thay thế 1999 của Indonesia cũng có quy định tương tự như các quốc gia trên, những yêu cầu việc gửi thư từ, điện tín, fax, thư điện tử hoặc các hình thức trao đổi điện tử khác phải được kèm theo một thông báo nhận của các bên. Tương tự, hầu hết các quốc gia đều có cùng quan điểm về hình thức “bằng văn bản” của thỏa thuận trọng tài như trên, có thể thấy như pháp luật về trọng tài của Singapore, Việt Nam, Áo, Belarus, Bun-ga-ris, Croatia, Hy Lạp, Ru-ma-ni, Nga, Đức, Thụy Sĩ, Kenya, Nigeria, các Tiểu Vương Quốc Ả Rập thống nhất, Zambia,

² Global Legal Group. The International Comparative Legal Guide to International Arbitration 2017, 14th Deton. Chương 12, tr. 23

Bermuda, Canada và rất nhiều quốc gia khác đều có quy định tương tự về hình thức “bằng văn bản” của thỏa thuận trọng tài sẽ mở rộng ra cho cả các hình thức điện tử khác như kể trên.

Tuy vậy, pháp luật của một số quốc gia khác lại không có yêu cầu về hình thức của thỏa thuận trọng tài. Chẳng hạn pháp luật Bỉ không đặt ra yêu cầu gì về hình thức để một thỏa thuận trọng tài được coi là có hiệu lực và có thể thi hành. Thậm chí thỏa thuận trọng tài bằng lời nói hoàn toàn có hiệu lực, trừ khi có một bên phủ nhận sự tồn tại của thỏa thuận đó, thì bên còn lại ít nhất cũng cần cung cấp bằng chứng văn bản chứng minh cho sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài giữa các bên. Pháp luật Thụy Điển cũng quy định tương tự như trên khi không đặt ra yêu cầu về hình thức của thỏa thuận trọng tài. Hay như theo pháp luật trọng tài của Pháp, mặc dù thỏa thuận trọng tài trong nước phải được ghi nhận bằng văn bản, nhưng thỏa thuận trọng tài quốc tế lại không bị ràng buộc bởi điều kiện hay yêu cầu nào về hình thức.

Tuy nhiên, một số hệ thống pháp luật chỉ có quy định về hình thức “bằng văn bản” của thỏa thuận trọng tài, nhưng không chỉ rõ liệu các hình thức thông qua phương tiện điện tử có được coi là bằng văn bản hay không. Chẳng hạn như pháp luật của Liechtenstein và Italia chỉ quy định thỏa thuận trọng tài phải được lập bằng văn bản. Tương tự, pháp luật Bolivia, Braxin cũng yêu cầu thỏa thuận trọng tài bằng văn bản mà không làm rõ liệu có tồn tại hình thức nào nữa được coi là bằng văn bản hay không.

Nhìn chung, yêu cầu về hình thức “bằng văn bản” đối với thỏa thuận hoặc điều khoản trọng tài được ghi nhận trong pháp luật trọng tài của hầu hết các quốc gia và hệ thống pháp luật. Đặc biệt, xu hướng chung là các quốc gia thừa nhận rằng các hình thức điện tử chẳng hạn như thư điện tử, fax, điện tín, và các hình thức khác tương đương ghi nhận thỏa thuận trọng tài đều có thể được coi là “bằng văn bản”

1.2. Thủ tục trọng tài và phán quyết trọng tài điện tử

Có thể nói rằng các thủ tục trọng tài điện tử giống với các thủ tục trọng tài truyền thống, đều bao gồm các giai đoạn chủ yếu như (i) đưa ra yêu cầu khởi kiện; (ii) thành lập hội đồng trọng tài; (iii) trao đổi các văn bản ý kiến, quan điểm và bằng chứng; (iv) phiên họp giải quyết tranh chấp; (v) ban hành phán quyết.

Liên quan đến các thủ tục trọng tài, nhìn chung pháp luật trọng tài của các quốc gia đều không có quy định nào ngăn cấm việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, công cụ điện tử vào việc tiến hành các thủ tục trọng tài. Qua nghiên cứu, tác giả thấy rằng luật trọng tài của các quốc gia chỉ đặt ra các yêu cầu về việc tuân thủ các thủ tục. Các nguyên tắc cũng như quy trình tiến hành mà không đề cập đến việc sử dụng các phương tiện và công cụ điện tử để hỗ trợ. Tác giả cho rằng thực tế này xuất phát từ quyền tự do thỏa thuận của các bên (party autonomy) trong trọng tài, theo đó các bên có quyền thỏa thuận thủ tục áp dụng cho giải quyết tranh chấp, có thể bằng việc lựa chọn quy tắc trọng tài của một trung tâm trọng tài hoặc thỏa

thuận về các quy tắc cụ thể áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp. Và dĩ nhiên, việc tiến hành các thủ tục này ra sao sẽ được các quy tắc của các trung tâm trọng tài quy định cụ thể hơn, hoặc bản thân các bên sẽ tự thỏa thuận về việc ứng dụng công nghệ thông tin và phương thức thực hiện, miễn sao đảm bảo được các nguyên tắc nền tảng của trọng tài, như quyền được trình bày, quyền được trình bày và quyền được đối xử công bằng.

Ở một mức độ nào đó, việc tiến hành các thủ tục trọng tài điện tử cũng cần phải được lưu ý, nhất là việc sử dụng chữ ký điện tử. Chữ ký điện tử không chỉ được sử dụng phổ biến trong việc ký kết các hợp đồng điện tử mà còn có liên quan đến việc công nhận liệu một thỏa thuận trọng tài hoặc các thủ tục trong trọng tài có được các bên tiến hành hợp lệ thông qua việc ký nộp các văn bản, đệ trình và các thỏa thuận hay việc phán quyết trọng tài điện tử có được hội đồng trọng tài ký hợp lệ hay không.

Liên quan đến chữ ký điện tử, Nghị viện và Hội đồng Châu Âu vào ngày 13/12 /1999 đã ban hành Chỉ thị về khung pháp lý điều chỉnh chữ ký điện tử cho cộng đồng, với mục đích thiết lập các yếu tố cần thiết để đảm bảo rằng cách tiếp cận mới về chữ ký điện tử sẽ được thừa nhận trong luật. Chỉ thị này chỉ ra rằng các hệ thống pháp luật quốc gia không nên xem nhẹ, hoặc bỏ qua chữ ký điện tử được thể hiện dưới dạng điện tử. Tương tự, UNCITRAL đã ban hành Luật mẫu về Chữ ký điện tử vào ngày 05/7/2001 nhằm cho phép và thúc đẩy việc sử dụng chữ ký điện tử bằng việc thiết lập ra các tiêu chuẩn và độ xác thực kỹ thuật về tính tương đương giữa chữ ký điện tử và chữ ký truyền thống. Tính đến thời điểm này, theo thống kê của UNCITRAL, đã có 1 quốc gia và vùng lãnh thổ áp dụng Luật mẫu về Chữ ký điện tử của UNCITRAL và có 6 quốc gia đã dựa trên các nguyên tắc của Luật mẫu này đã nội luật hóa các quy định trong nước có liên quan. Ngày 23/11/ 2005, UNCITRAL ban hành Công ước về sử dụng giao tiếp điện tử trong hợp đồng quốc tế, với mong muốn thúc đẩy việc sử dụng các giao thức điện tử trong thương mại quốc tế để đảm bảo rằng các hợp đồng được ký kết và các trao đổi điện tử và hợp lệ và có giá trị thi hành trong đương với giao thức trao đổi truyền thông qua giấy tờ. Theo thống kê, đã có 22 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia ký kết Công ước này, trong đó Công ước này đã có hiệu lực tại 9 quốc gia.

Việc các quốc gia ngày càng thừa nhận và gia nhập các công ước quốc tế về giao dịch điện tử, cũng như sử dụng hoặc nội luật hóa các quy định của luật mẫu liên quan đến chữ ký số và giao dịch điện tử cho thấy việc công nhận ngày càng rộng rãi đối với các giao dịch, giao thức điện tử nói chung và các thủ tục trọng tài sử dụng các giao thức điện tử nổi tiếng. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc công nhận và cho thi hành các phán quyết trọng tài điện tử, vốn được ban hành kèm theo chữ ký số của các trọng tài viên.

1.3. Trọng tài điện tử tại một số trung tâm trọng tài và tổ chức trên thế giới

Pháp luật quốc gia thường không có quy định cụ thể về cách thức mà các thủ tục trọng tài có thể được thực hiện, thay vào đó, các quy tắc trọng tài của các trung tâm trọng tài thường điều chỉnh về việc tiến hành các thủ tục này.

Liên quan đến việc tiến hành các thủ tục trọng tài. Quy tắc trọng tài ICC cho phép hội đồng trọng tài và các bên sử dụng các phương tiện điện tử để tiến hành cuộc họp thống nhất các thủ tục trọng tài (case management conferences). Theo đó, Điều 24 (4) của Quy tắc trọng tài ICC năm 2017 quy định rằng các bên có thể gặp gỡ trực tiếp, hoặc tiến hành họp qua hội nghị trực tuyến, qua điện thoại hoặc bất kỳ giao thức nào tương tự. Tương tự, Quy tắc trọng tài LCIA cũng khuyến khích việc sử dụng các giao thức điện tử giữa hội đồng trọng tài và giữa các bên khi tiến hành các thủ tục trọng tài. Việc tổ chức các phiên họp giải quyết tranh chấp thông qua phương tiện điện tử cũng được khuyến khích theo Quy tắc trọng tài HKIAC năm 2002. Viện Trọng tài của Thụy Sĩ cũng có quy định tương tự về việc thẩm tra chứng cứ của nhân chứng thông qua video-link trong Quy tắc Trọng tài năm 2012 của mình.

Tại Trung Quốc, CIETAC đã ban hành Quy tắc Trọng tài điện tử cho các tranh chấp về tên miền và các tranh chấp thương mại điện tử từ năm 2009. Quy tắc Trọng tài điện tử của CIETAC không có nhiều điểm khác biệt so với trọng tài truyền thống, trừ việc Quy tắc này đưa ra nhiều quy định về trao đổi tài liệu điện tử và chứng thực chứng cứ điện tử. Trung tâm Trọng tài Quảng Châu (GZAC) là trung tâm trọng tài thứ hai của Trung Quốc ban hành Quy tắc trọng tài điện tử, có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2015. Trong năm 2015, thống kê cho thấy có hơn 2.000 vụ tranh chấp đệ trình trực tuyến và một vài trong số đó đã được giải quyết với toàn bộ thủ tục được tiến hành trực tuyến. GZAC cũng ban hành một nền tảng trọng tài điện tử trực tuyến để giải quyết các vụ tranh chấp trọng tài điện tử. Quy tắc trọng tài của GZAC bao gồm các quy tắc chung của trọng tài điện tử và 3 nhóm quy tắc trọng tài điện tử cho các loại tranh chấp đặc biệt, đó là các tranh chấp mua sắm với giá trị nhỏ, các tranh chấp vay vốn trực tuyến và các tranh chấp thẻ tín dụng. Có một điểm cần lưu ý của Quy tắc Trọng tài điện tử của GZAC, đó là nếu các bên không chỉ định địa điểm trọng tài, thì địa điểm của GZAC - Quảng Châu - được chỉ định là địa điểm trọng tài.

Hội đồng Trọng tài bên cạnh Ủy ban Kinh tế của Cộng hòa Séc và Ủy ban Nông nghiệp của Cộng hòa Séc có quy tắc trọng tài riêng cho các thủ tục trọng tài điện tử, theo đó các bên có thể nộp các tài liệu và tiến hành các thủ tục trọng tài trực tuyến, cũng như phán quyết điện tử có thể được ban hành. Ngoài ra, có thể kể đến hệ thống NetCase của ICC cung cấp cho trọng tài viên và các bên công cụ để tiến hành các thủ tục trọng tài điện tử thông qua một cơ chế khép

kín và bảo mật. Theo đó, các bên và trọng tài viên được cấp phép truy cập thông qua tài khoản được bảo mật để tiến hành các thủ tục trọng tài hệ thống NetCase³.

Liên quan đến thực tiễn về trọng tài điện tử tại các tổ chức khác, năm 2000 Tổ chức Quản lý Tên và Số hiệu cấp phát Internet (Internet Corporation for Assigned Names and Number - ICANN) và thiết lập một hệ thống trọng tài điện tử để giải quyết các tranh chấp tên miền xuyên quốc gia. Thay vì việc các bên buộc phải tham gia vào các thủ tục tố tụng tại tòa án, một bên có thể nộp đơn khiếu nại đến ICANN và giải quyết tranh chấp đó hoàn toàn trực tuyến.

Ở Hoa Kỳ và Canada, Ủy ban các Văn phòng Thiện doanh (Council of Better Business Bureaus - CBBB) là một tổ chức phi lợi nhuận đại diện cho 122 Văn phòng Thiện doanh ở Hoa Kỳ và Canada. Các Văn phòng Thiện doanh hỗ trợ giải quyết các tranh chấp giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng. Thông qua cơ chế khiếu nại trực tuyến, các Văn phòng Thiện doanh giúp giải quyết hàng ngàn vụ việc mỗi năm. Theo đó, các Văn phòng Thiện doanh đưa ra một vài phương pháp giải quyết tranh chấp, như trung gian, hòa giải, trọng tài. Cơ chế giải quyết khiếu nại của các Văn phòng Thiện doanh giải quyết các bất đồng giữa doanh nghiệp và khách hàng, chứ không giải quyết các tranh chấp tại nơi làm việc, các khiếu nại về phân biệt đối xử, hoặc các tranh chấp về an toàn lao động hay dịch vụ pháp lý.

Liên quan đến các hệ thống trọng tài trực tuyến, có thể kể đến một số hệ thống như Modria - là ứng dụng hàng đầu trong việc giải quyết tranh chấp trực tuyến cho cả các tranh chấp có giá trị nhỏ đến lớn. Hiệp hội Trọng tài Hoa Kỳ (AAA) đã làm việc cùng với Modria để cải thiện cơ chế giải quyết tranh chấp của mình và xây dựng nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến mới để quản lý cơ sở dữ liệu vụ việc, bao gồm cả thương lượng, hòa giải và trọng tài. Hay như hệ thống AAA-WebFile của AAA cung cấp cho các bên một số công cụ để theo dõi các vụ tranh chấp trực tuyến kể cả các vụ này được bắt đầu theo thủ tục truyền thống. Thống kê cho thấy trong giai đoạn 2001 đến 2005, AAA nhận được tổng cộng 3.874 vụ việc với tổng giá trị tranh chấp lên đến hơn 1,4 tỷ Đô-la Mỹ, phần lớn các vụ việc này liên quan đến lĩnh vực thương mại, lao động, bảo hiểm⁴.

Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) có một hệ thống quản lý các tranh chấp về sở hữu trí tuệ gọi là WIPO-ECAF. Hệ thống này cho phép các bên đệ trình, lưu trữ và tải trực tuyến các tài liệu trong hồ sơ vụ việc, có thể truy cập được từ bất cứ nơi đâu thông qua trình

³ Philippe. Mirere (2008), New Upgrades to ICC NetCase, Bulletin of the ICC International Court of Arbitration, Vol 19, No.1, tr. 23.

⁴ Dehi Miller-Moore (2006 - 2007), OOR of Die AAA. Delme Dapure Resolution in Practice Sigioniam on Enhancing Worldwide Understanding through Chine Dispute Resolution Proceedings, 38 University of Toledo Law Review, tr. 395.

duyet web. Hệ thống này hỗ trợ cho việc tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải, trọng tài và thủ tục rút gọn.

Ngoài ra, có một xu thế mà hiện nay là sự phát triển của trọng tài chuỗi khối (blockchain arbitration) và hợp đồng thông minh (smart contract). Không giống các loại hợp đồng thông thường bằng văn bản, hợp đồng thông minh được soạn thảo bằng mật mã máy tính. Giống như một chương trình máy tính, hợp đồng thông minh được tự động ký kết và thực thi. Ví dụ khi tiền đã được thanh toán bởi bên mua để mua một mặt hàng từ bên bán, quyền sở hữu hàng hóa sẽ tự động được chuyển cho người mua. Đối với trọng tài chuỗi khối, một số hệ thống trọng tài chuỗi khối đã được phát triển trên thế giới như Codelegit và Kleros. Codelegit thậm chí đã soạn thảo một bộ các Quy tắc Trọng tài Chuỗi khối và thành lập một Cơ quan Chỉ định (Appointing Authority) để chỉ định ra trọng tài viên. Khi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thông minh, trọng tài viên sẽ được chỉ định. Các bên tranh chấp và trung tâm trọng tài Codelegit sẽ trao đổi bằng thư điện tử và việc giải quyết tranh chấp qua hội nghị trực tuyến sẽ được sử dụng trong trường hợp này.

2. Xu thế phát triển của trọng tài điện tử

Từ việc đánh giá, phân tích thực trạng phát triển của trọng tài điện tử ở một hệ thống pháp luật trên thế giới cũng như tại một số trung tâm trọng tài và tổ chức quốc tế, có thể rút ra được một số nhận định ngắn gọn như sau về xu thế phát triển của trọng tài điện tử.

Thứ nhất, pháp luật về trọng tài tại phần lớn các quốc gia và các quy định của các trung tâm trọng tài. Tổ chức quốc tế đã và đang chấp nhận trọng tài điện tử. Pháp luật của phần lớn các quốc gia thừa nhận các hình thức điện tử được coi là “bằng văn bản” của thỏa thuận trọng tài, chữ ký điện tử trong phán quyết trọng tài và việc ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện điện tử trong việc tiến hành các thủ tục trọng tài.

Thứ hai, trọng tài điện tử phát triển rất nhanh chóng và song song cùng với trọng tài truyền thống. Trọng tài điện tử không loại bỏ trọng tài truyền thống mà ngược lại, củng cố và bổ sung cho trọng tài truyền thống.

Thứ ba, nhiều hình thức và hệ thống khác nhau của trọng tài điện tử đã ra đời và phát triển, đáp ứng việc giải quyết các nhu cầu đặc thù của một số loại tranh chấp phát sinh trong thời đại công nghệ số như các tranh chấp về tên miền, tranh chấp về thương mại điện tử, tín dụng điện tử

3. Thách thức và cơ hội của trọng tài điện tử tại Việt Nam

Nội dung - của phần này sẽ phân tích những thách thức và cơ hội của trọng tài điện tử tại Việt Nam thông qua việc đánh giá thực trạng pháp luật cũng như các hoàn cảnh có liên quan ảnh hưởng đến sự phát triển của trọng tài điện tử. Qua đó tác giả đưa ra một số nhận định về xu thế phát triển của trọng tài điện tử tại Việt Nam.

3.1 Những cơ hội và thuận lợi của việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài điện tử tại Việt Nam

Như đã khẳng định ở phần trên, trọng tài điện tử là một xu thế phát triển tất yếu của trọng tài, với sự ra đời, phát triển và ứng dụng của công nghệ thông tin và khoa học điện tử trong thời đại công nghệ số. Việt Nam cũng không là một trường hợp ngoại lệ. Nội dung này sẽ phân tích rõ hơn những cơ hội của việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài điện tử tại Việt Nam từ góc nhìn của chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Ban chấp hành Trung ương về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đưa ra quan điểm chỉ đạo về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập như sau: *“Tận dụng tối đa lợi thế của nước đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, lợi thế thương mại để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng chiến lược, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo”*.

Đối với pháp luật của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế (Nghị quyết 26). Nghị quyết 26 xác định mục tiêu hành động của Chính phủ là để công nghệ thông tin thực sự trở thành phương thức phát triển mới, nâng cao năng suất lao động hiệu quả hoạt động, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Ngày 04/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16-CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Chỉ thị 16). Chỉ thị 16 nhận định rằng: *“Việt Nam là quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mở ra nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm, tạo ra sự thay đổi lớn về hình thái kinh doanh dịch vụ, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; giảm đáng kể chi phí giao dịch, vận chuyển, tạo cơ hội đầu tư hấp dẫn và đầy tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ số và internet đồng thời cũng là cơ hội lớn cho sản xuất công nghiệp với trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến”*. Theo đó, giải pháp đầu tiên được đưa ra theo Chỉ thị là là việc tập trung thúc đẩy phát triển, tạo sự bứt phá thực sự về hạ tầng ứng dụng và nhân lực công nghệ thông tin - truyền thông. Phát triển hạ tầng kết nối số và bảo

đảm an toàn, an ninh mạng, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số.

Theo tinh thần phát triển công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật. Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Quyết định số 1226/QĐ-BTP ngày 06/6/2016 về việc ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành tư pháp trong giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định 1226). Quyết định 1226 đặt ra mục tiêu cụ thể về việc ứng dụng công nghệ thông tin ngành tư pháp như sau: *“Tiếp tục tăng cường sử dụng văn bản điện tử thay thế cho các văn bản giấy trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, bảo đảm 100%, văn bản trình Lãnh đạo Bộ, 100% văn bản trao đổi giữa các đơn vị thuộc Bộ, Ngành dưới dạng điện tử, ký số (ngoại trừ các văn bản có nội dung mật), 100% các đơn vị thuộc Bộ, Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong môi trường mạng khai thác, sử dụng triệt để hộp thư điện tử được cấp, các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ sử dụng hiệu quả mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn”*.

Công nghệ thông tin đang có tác động mạnh mẽ đến mọi khía cạnh, thành phần của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Do đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng không đặt mình nằm ngoài xu thế tất yếu này. Đối với hoạt động trọng tài thương mại, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và các chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin của Đảng và Chính phủ Việt Nam sẽ mang lại cơ hội cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giải quyết tranh chấp, đẩy nhanh tiến trình giải quyết tranh chấp quốc tế không cần có sự di chuyển thể nhân. Đồng thời, những chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ của Việt Nam cũng sẽ là “bàn đạp” giúp các trung tâm trọng tài trong nước phát triển và cạnh tranh với các trung tâm trọng tài trong khu vực và trên thế giới trong điều kiện năm bất thích nghi và thay đổi kịp thời với xu thế công nghệ mới. Ảnh hưởng của Internet, công nghệ điện toán đám mây (Cloud computing), lưu trữ dữ liệu quy mô lớn (Big Data), thư điện tử sẽ giúp doanh nghiệp, trọng tài viên, tòa án, cơ quan thi hành án và các cơ quan tư pháp của Việt Nam có thể liên kết, hợp tác nhanh chóng, hiệu quả với chi phí tối ưu.

3.2 Những thách thức của việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài điện tử tại Việt Nam

Nội dung của phần dưới đây sẽ chỉ ra một số thách thức chính trong việc quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài điện tử tại Việt Nam. Cụ thể, tác giả sẽ trao đổi tập trung vào vào hai thách thức chính, đó là sự thiếu vùng khung pháp lý cho trọng tài điện tử và sự mới mẻ của trọng tài điện tử tại Việt Nam.

3.2.1. Sự thiếu vắng khung pháp lý riêng biệt cho trọng tài điện tử

Khung pháp lý điều chỉnh trọng tài tại Việt Nam bao gồm các quy định của pháp luật quốc gia, nổi bật nhất là LTTT, các văn bản pháp luật hướng dẫn cũng như các quy định có liên quan của BLTTDS điều chỉnh về các nguyên tắc, trình tự, thủ tục và vấn đề công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Thêm vào đó, các văn bản quy phạm pháp luật khác điều chỉnh về chữ ký điện tử, giao dịch thương mại điện tử và các văn bản hướng dẫn cũng trở thành nguồn quan trọng trong điều chỉnh trọng tài điện tử tại Việt Nam. Việc Việt Nam gia nhập Công ước New York 1958 và nội luật hóa các quy tắc mẫu về trọng tài và thương mại điện tử, chữ ký điện tử của UNCITRAL cũng góp phần đưa pháp luật Việt Nam tiệm cận hơn với hệ thống pháp luật quốc tế về trọng tài, bao gồm cả trọng tài điện tử. Các nguồn luật khác như các nguyên tắc chung của pháp luật, hệ thống các tập quán thương mại quốc tế, các học thuyết pháp lý, án lệ, lễ công bằng cũng như các quy tắc trung lập của các trung tâm trọng tài cũng trở thành các nguồn quan trọng khác điều chỉnh trọng tài tại Việt Nam, mở rộng ra đời với cả trọng tài điện tử.

Pháp luật trọng tài của Việt Nam cũng đã và đang dần được hoàn thiện, hài hòa và gần gũi hơn với các quy định của pháp luật trọng tài quốc tế. Từ các yêu cầu cởi mở và linh hoạt về hình thức của thỏa thuận trọng tài, cũng như việc thừa nhận chữ ký điện tử trong các giao dịch và hợp đồng điện tử, pháp luật Việt Nam đã tạo thuận lợi lớn cho việc tiến hành các thủ tục trọng tài điện tử mà không gặp phải nhiều vướng mắc về mặt pháp lý. Pháp luật trọng tài của Việt Nam cũng được đánh giá là tương đối thân thiện và hài hòa với pháp luật trọng tài quốc tế, đặc biệt là khi Việt Nam đã là thành viên của Công ước New York 1958. Việc cải cách chính sách và pháp luật liên quan đến việc tôn trọng và thừa nhận rộng rãi các nguyên tắc chung của pháp luật dân sự và giảm thiểu các quy định còn mập mờ, đa nghĩa cũng khiến cho các hoạt động của trọng tài nói chung và trọng tài điện tử nói riêng có điều kiện để hình thành, phát triển và có chỗ đứng trong hệ thống các phương pháp giải quyết tranh chấp tại Việt Nam.

Mặc dù vậy, một khung pháp lý riêng biệt về trọng tài điện tử tại Việt Nam vẫn chưa được định hình. Pháp luật Việt Nam vẫn chưa có các quy định riêng và trọng tài điện tử, chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào điều chỉnh trực tiếp về vấn đề này. Liên quan trực tiếp đến trọng tài điện tử, các quy định điều chỉnh chỉ tập trung về trọng tài truyền thống, còn các yếu tố có liên quan trực tiếp đến trọng tài điện tử lại được quy định tản mạn trong các văn bản khác nhau, bao gồm cả ở Luật Giao dịch điện tử, Nghị định về chữ ký điện tử, các thông tư hướng dẫn còn thiếu tính khái quát và chỉ tập trung ở một số lĩnh vực nhất định. Hầu như tất cả với quy tắc trọng tài của các trung tâm trọng tài tại Việt Nam vẫn chưa thật sự quan tâm đến việc tạo ra các quy tắc dành riêng cho trọng tài điện tử, mà vẫn áp dụng các quy tắc trọng tài dành cho trọng tài truyền thống, nhưng trên thực tế vẫn sử dụng các phương thức điện tử để tiến hành các thủ tục trọng tài. Việc thiếu vắng một khung pháp lý riêng biệt và hoàn chỉnh cho

trọng tài điện tử tại Việt Nam đã gây ra không ít bất cập vướng mắc trong quá trình tiến hành các hoạt động trọng tài tại Việt Nam. Chẳng hạn như việc một bên phản đối hiệu lực và giá trị của phán quyết trọng tài dựa trên cơ sở theo đó các bên chỉ được nhận bản “mềm” của phán quyết đó thay vì được nhận bản “cứng” được gửi đến địa chỉ của các bên bởi trung tâm trọng tài nước ngoài, hay việc các trọng tài viên sử dụng chữ ký điện tử trong phán quyết trọng tài điện tử, v.v.

Trong thực tiễn, một số quốc gia trên thế giới đã ban hành khung pháp lý tương đối cởi mở và hoàn thiện về trọng tài điện tử. Trung Quốc - một nước láng giềng của Việt Nam - đã có những cải cách đáng kể trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và trọng tài. Như đã trao đổi ở phần trên. Trung tâm Trọng tài CIETAC của Trung Quốc đã ban hành riêng quy chế trọng tài điện tử để áp dụng cho việc giải quyết các tranh chấp bằng trọng tài điện tử, đặc biệt là các tranh chấp hoàn toàn áp dụng thủ tục trọng tài điện tử, hay các vụ tranh chấp liên quan đến giao dịch điện tử, tên miền Internet, GZAC cũng có bộ quy tắc riêng về trọng tài điện tử, trở thành trung tâm trọng tài thứ hai ở Trung Quốc ban hành quy tắc trọng tài điện tử. Nhiều tổ chức trên thế giới cũng phát triển các hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến, bao gồm cả trọng tài điện tử.

3.2.2. Sự mới mẻ của trọng tài điện tử tại Việt Nam

Trọng tài điện tử còn là một khái niệm tương đối mới lạ ở Việt Nam. Sự phát triển của trọng tài tại Việt Nam mới thực sự nổi bật lên trong khoảng gần hai thập kỷ qua. Đây cũng là giai đoạn kỷ nguyên công nghệ thông tin, khoa học điện tử và Internet bắt đầu phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam. Tuy vậy, không phải lúc nào sự phát triển của trọng tài cũng song hành cùng với sự phát triển của thời đại công nghệ số. Người ta vốn đã quen với trọng tài truyền thống, do vậy việc ứng dụng khoa học, công nghệ và truyền thông vào các thủ tục trọng tài dường như còn gặp nhiều rào cản, trước hết về mặt ứng dụng thực tế. Điều này xuất phát từ lý do Việt Nam chưa có nền tảng khoa học kỹ thuật phát triển và là một nước đi sau học tập và bắt theo xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ thông tin và truyền thông trên thế giới. Vậy nên công nghệ thông tin và truyền thông thường cũng đi sau và việc xây dựng hạ tầng cơ sở phù hợp cho sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông cũng gặp không ít thách thức.

Đối với các thủ tục trọng tài, người ta đã quen với cách gửi thông báo bằng phương pháp truyền thống như gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp, mà chưa thật sự quen thuộc với cách gửi thông báo qua thư điện tử, qua một cơ sở dữ liệu trung gian. Hay như việc các bên có mong muốn tổ chức các phiên họp để gặp mặt trực tiếp với nhau và với các trọng tài viên hơn là tổ chức cuộc họp trực tuyến thông qua các thiết bị điện tử kết nối. Những hạn chế trong việc tiếp cận đến công nghệ thông tin và phương tiện điện tử này xuất phát từ những hạn chế nhất định trong hạ tầng cơ sở mạng cũng như trong thiết bị điện tử hiện đại tại Việt Nam, nơi

các trung tâm trọng tài là các tổ chức cung cấp các dịch vụ quản lý hành chính và thủ tục trọng tài chưa chú trọng đầu tư vào công nghệ, máy móc và công cụ điện tử một cách thật sự thích đáng.

Thêm vào đó, các bất cập còn xuất phát từ hạn chế về việc tiếp thu và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông của các bên và các trọng tài viên. Các bên là các doanh nghiệp, đang chuyển mình trong thời kỳ hội nhập kinh tế và thương mại toàn cầu. Do đã quen với các thủ tục tố tụng tại Tòa án từ trước đó, các doanh nghiệp còn thấy nhiều lạ lẫm và bỡ ngỡ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông cũng như các công cụ điện tử vào giải quyết tranh chấp. Họ thường chọn cho mình giải pháp “an toàn”, có tính truyền thống giống như cách Tòa án vẫn thực hiện, để tránh và giảm thiểu tối đa các rủi ro pháp lý và kỹ thuật liên quan đến công nghệ thông tin và phương tiện điện tử, bởi lẽ không phải lúc nào các doanh nghiệp cũng ở vị thế tự tin và sẵn sàng nhất trong việc sử dụng trọng tài điện tử, mặc dầu việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động kinh doanh của họ không còn xa lạ nữa.

Tương tự, những bất cập này còn đến từ các trọng tài viên, cụ thể là các trọng tài viên ở thế hệ trước, vốn là những thế hệ sinh ra từ trước khi thời đại công nghệ thông tin hình thành và phát triển ở Việt Nam. Có không ít các trọng tài viên thuộc thế hệ này không thật sự cảm thấy sẵn sàng và quen thuộc với các thủ tục trọng tài điện tử, nhất là khi bản thân họ không phải là những người thành thạo trong việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Dường như với họ, việc sử dụng các thủ tục trọng tài hoàn toàn truyền thống vẫn là giải pháp an toàn và quen thuộc hơn, tránh các trường hợp rủi ro xuất phát từ việc không quen thuộc việc ứng dụng các phương tiện, công cụ điện tử, gây ra những rủi ro đáng tiếc nếu sử dụng không đúng cách.

Một số hạn chế khác đến từ việc chính các tranh chấp trong giao dịch thương mại điện tử cũng không phổ biến tại Việt Nam. Thương mại điện tử tại Việt Nam đã hình thành, đã có khung pháp lý để điều chỉnh, nhưng trên thực tế còn nhiều bất cập. Các tranh chấp thương mại điện tử vốn nhỏ lẻ và thường là các giao dịch có giá trị không lớn, bởi lẽ các doanh nghiệp thường yên tâm hơn việc giao dịch theo cách truyền thống đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị lớn. Các giao dịch thương mại điện tử có thể ẩn chứa những rủi ro và phát sinh tranh chấp không kém gì các giao dịch truyền thống, và đây là mảnh đất “màu mỡ” cho trọng tài điện tử. Tuy vậy, như đã nói ở trên, giao dịch điện tử ở Việt Nam tuy đang là xu thế phát triển mạnh mẽ, nhưng chưa thật sự nhận được sự quan tâm thích đáng từ phía cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong việc ứng dụng trọng tài điện tử vào giải quyết các tranh chấp này.

3.2.3. Xu thế phát triển của trọng tài điện tử tại Việt Nam

Không nằm ngoài xu thế chung của thế giới, trọng tài điện tử sẽ tiếp tục phát triển và trở nên phổ biến tại Việt Nam trong tương lai không xa. Tuy nhiên, sự phát triển tất yếu này sẽ

không loại bỏ trọng tài truyền thống, mà trái lại sẽ cùng song song phát triển và hỗ trợ, củng cố trọng tài truyền thống trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại. Tác giả tin tưởng rằng LTTT sẽ sớm được sửa đổi và đưa vào trong đó một số nội dung liên quan đến trọng tài điện tử, chẳng hạn như việc thừa nhận các thủ tục trọng tài được tiến hành qua các phương tiện điện tử dựa theo thỏa thuận của các bên hay quy định tại các quy tắc trọng tài của trung tâm trọng tài, hay việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài điện tử, song song với phán quyết trọng tài truyền thống.

4. Kết luận

Thứ nhất, sự hình thành và phát triển của thời đại công nghệ thông tin kéo theo sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của trọng tài điện tử, trở thành một xu thế phát triển tất yếu trong thời đại công nghệ số.

Thứ hai, thực tiễn cho thấy rất nhiều quốc gia trên thế giới đã nội luật hóa và cập nhật, sửa đổi pháp luật trọng tài để đáp ứng và phục vụ cho sự phát triển của trọng tài điện tử, đặc biệt đối với vấn đề pháp lý liên quan đến thỏa thuận trọng tài, các thủ tục trọng tài và thi hành phán quyết trọng tài điện tử. Pháp luật quốc tế được thiết lập và có sức ảnh hưởng, khuyến khích sự hài hòa hóa và thống nhất trong pháp luật về trọng tài của các quốc gia trên thế giới.

Thứ ba, nhiều trung tâm trọng tài trên thế giới đã ban hành, sửa đổi và cập nhật quy tắc trọng tài của mình để đáp ứng sự thay đổi và phát triển của trọng tài điện tử. Nhiều tổ chức quốc tế cũng thiết lập các hệ thống, cơ chế giải quyết tranh chấp trong đó có trọng tài điện tử nhằm phục vụ việc giải quyết các tranh chấp thương mại để đáp ứng nhu cầu và sự thay đổi của đời sống kinh tế, xã hội. Điều này cho thấy xu thế tất yếu trong sự thay đổi của pháp luật nhằm đáp ứng và phù hợp với sự thay đổi của thực tế cuộc sống.

Thứ tư, pháp luật trọng tài của Việt Nam cho phép sự tồn tại và phát triển ở một mức độ nhất định của trọng tài điện tử. Tuy nhiên pháp luật Việt Nam chưa có một khung pháp lý riêng biệt và phù hợp cho sự phát triển hơn nữa của trọng tài điện tử.

Thứ năm, trọng tài điện tử có tiềm năng và cơ hội để phát triển tại Việt Nam. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước Việt Nam luôn khuyến khích sự phát triển và ứng dụng thành tựu của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, bao gồm cả lĩnh vực giải quyết tranh chấp, trong đó có trọng tài thương mại. Thêm vào đó, là một nền kinh tế trẻ và rất tiềm năng, Việt Nam đang tận hưởng và vận dụng các thành tựu của các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ vào trong sản xuất và hội nhập kinh tế, cộng với lợi thế dân sự trẻ và có khả năng tiếp thu, học hỏi nhanh, Việt Nam đang dần chứng tỏ được sự chủ động và tích cực trong việc vận dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ.

Thứ sáu, sự phát triển của trọng tài điện tử tại Việt Nam còn gặp phải không ít bất cập và khó khăn. Vướng mắc chủ yếu liên quan đến sự thiếu vắng khung pháp lý riêng biệt và hoàn chỉnh để điều chỉnh về trọng tài điện tử. Thêm vào đó, sự mới mẻ của trọng tài điện tử tại một môi trường đang phát triển và còn nhiều hạn chế về khoa học công nghệ và thông tin cũng tạo ra rào cản đối với sự phát triển của trọng tài điện tử.

Thứ bảy, xu thế phát triển của trọng tài điện tử trên thế giới và tại Việt Nam là điều không thể phủ nhận. Tính ứng dụng mạnh mẽ và sâu rộng của công nghệ thông tin và kỹ thuật điện tử trong mọi lĩnh vực của đời sống kéo theo sự phát triển tất yếu của trọng tài điện tử, và cũng từ đó dẫn đến sự thay đổi của pháp luật về trọng tài để đáp ứng các thay đổi tất yếu đó. Trọng tài điện tử hiện đang phát triển song song cùng với trọng tài truyền thống, vừa củng cố thêm cho sự phát triển của trọng tài truyền thống, vừa cho ra đời nhiều mô hình trọng tài điện tử khác nhau để giải quyết các loại tranh chấp đặc thù là sản phẩm của thời đại công nghệ số. Tuy vậy, với sự phát triển nhanh chóng và đa dạng của trọng tài điện tử, có thể dự đoán trong một tương lai không xa, trọng tài truyền thống có thể sẽ dần dần bị thay thế hoàn toàn bởi trọng tài điện tử, tùy thuộc vào mức độ phát triển về khoa học công nghệ và tư duy pháp lý của các nhà lập pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dehi Miller-Moore (2006 - 2007), OOR of Die AAA. Delme Dapure Resolution in Practice Sigioniam on Enhancing Worldwide Understanding through Chine Dispute Resolution Proceedings, 38 University of Toledo Law Review, tr. 395;
2. Philippe. Mirere (2008), New Upgrades to ICC NetCase, Bulletin of the ICC International Court of Arbitration, Vol 19, No.1, tr. 23;
3. Đạo luật Trọng tài Anh Quốc 1996;
4. Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông 2013;
5. Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Luân Đôn 2014;
6. Quy tắc Trọng tài của Viện Trọng tài Thụy sỹ 2012;
7. Quy tắc Trọng tài Điện tử CIETAC 2009;
8. Quy tắc Trọng tài ICC 2017;
9. Quy tắc Trọng tài UNCITRAL 1976;
10. Luật Trọng tài thương mại 2010;
11. Luật về Giao dịch điện tử 2023.

THỎA THUẬN TRỌNG TÀI TRONG HỢP ĐỒNG THÔNG MINH

Nguyễn Thái Cường¹

Hoàng Thị Hải Bằng²

Thân Hoàng Khánh Nghi³

Tóm tắt: Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định hình thức thỏa thuận bằng văn bản là một trong những cơ sở làm phát sinh hiệu lực của một thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng, sự phát triển của hợp đồng thông minh đang đặt ra thách thức mới đối với việc đánh giá hiệu lực pháp lý của các thỏa thuận trọng tài được tích hợp trong loại hợp đồng đặc thù này trong hoàn cảnh pháp luật thực định Việt Nam hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và toàn diện. Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, bài viết kiến nghị sửa đổi quy định của pháp luật theo hướng công nhận hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thông minh nếu đáp ứng các tiêu chí luật định.

Từ khóa: Hợp đồng thông minh, thỏa thuận trọng tài, chuyển đổi số.

Abstract: The 2010 Law on Commercial Arbitration stipulates that the written form is a prerequisite for the validity of an arbitration agreement. However, in an era of digital transformation, the development of smart contracts poses new challenges to assessing the legal validity of arbitration agreements integrated into this specific type of contract. This is particularly challenging given that Vietnam's current positive law still lacks comprehensive guidance. Drawing on international experience, this paper recommends amending the legal provisions to recognize the validity of arbitration agreements in smart contracts, provided that they meet the statutory criteria.

Keywords: Smart contract, arbitration agreements, digital transformation.

1. Đặt vấn đề

Sự ra đời của công nghệ 4.0 đánh dấu bước tiến vượt bậc trong lịch sử phát triển khoa học kỹ thuật với sự kết hợp giữa công nghệ thông minh như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, điện toán đám mây, robot,... Nó không chỉ thay đổi cách con người sản xuất, giao tiếp và quản lý mà còn tạo ra những mô hình kinh doanh hoàn toàn mới. Sự tiên tiến này giúp nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên toàn cầu. Trong bối cảnh đó, công nghệ blockchain cùng với hợp đồng thông minh (sau đây viết tắt là HĐTM) đã nổi lên như một phần

¹ TS. GV Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. GV thỉnh giảng Đại học Toulouse Cộng hòa Pháp, RA; Đại học Oxford, SH; Viện Max Planck Liên Bang Đức. Email: ntcuong@gmail.com

²Sinh viên bậc cử nhân chuyên ngành Luật, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Email: 2353401020018@email.hcmulaw.edu.vn

³Sinh viên bậc cử nhân chuyên ngành Luật, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Email: 2353401020150@email.hcmulaw.edu.vn.

không thể thiếu của cuộc cách mạng 4.0, mở ra hướng đi mới cho sự minh bạch, an toàn và tự động hóa trong các giao dịch số. Số liệu thống kê cho thấy, thị trường HĐTM ước tính đạt 2.02 tỷ đô la⁴ và được dự đoán sẽ tăng lên vào các năm tiếp theo. Điều này cho thấy, xu hướng giao dịch bằng HĐTM sẽ ngày càng phát triển trong tương lai gần. Hiểu về bản chất của loại hợp đồng này cùng một số vấn đề xoay quanh sẽ giúp các nhà giao dịch nắm bắt được các rủi ro pháp lý, giúp họ thận trọng và xem xét kỹ hơn trong quá trình giao kết.

2. Khái niệm về hợp đồng thông minh và thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thông minh.

2.1 Khái niệm hợp đồng thông minh

Theo Nick Szabo - nhà khoa học máy tính, luật sư và nhà mật mã học, HĐTM là “một giao thức giao dịch được máy tính hóa thực hiện các điều khoản của hợp đồng”⁵. Đây là ý tưởng sơ khai nhất về HĐTM. Đến thời điểm hiện tại, HĐTM đã được định nghĩa cụ thể hơn, là một chương trình tự động trên hệ thống blockchain. HĐTM có khả năng truy xuất thông tin khi cần thiết và so với hợp đồng truyền thống được thể hiện bằng ngôn ngữ con người, HĐTM lại sử dụng ngôn ngữ lập trình, có tính bất biến và không thể sửa đổi sau khi triển khai.⁶

Theo kết luận của Ủy ban pháp luật của Anh và xứ Wales (Law Commission), có ba nhóm hình thức phổ biến của HĐTM hiện nay:⁷

(i) Hợp đồng bằng văn bản thông thường với nghĩa vụ được thực hiện tự động hóa (Natural language contract with automatic performance by code): đây là trường hợp hợp đồng vẫn được xác lập bằng văn bản với ngôn ngữ tự nhiên, trong đó có một số hay tất cả nghĩa vụ sẽ được thực hiện thông qua các mã lệnh máy tính. Bản thân các đoạn mã chỉ là công cụ để thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng bằng văn bản. Đây là hình thức HĐTM phổ biến nhất hiện tại.

(ii) Hợp đồng hỗn hợp (Hybrid contract): đây là dạng hợp đồng có một số điều khoản sẽ được quy định bằng ngôn ngữ tự nhiên, trong khi một số điều khoản còn lại sẽ được mã hóa lập trình và tự động thực hiện nghĩa vụ. Khác với hợp đồng trên, hợp đồng hỗn hợp sẽ làm phát sinh nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng văn bản truyền thống lẫn nghĩa vụ từ hợp đồng song song được xác lập bằng ngôn ngữ lập trình.

⁴ Precedence Research, “Smart Contracts Market Size, Share and Trends 2025 to 2034”, <https://www.precedenceresearch.com/smart-contracts-market>, truy cập ngày 30/5/2025.

⁵ Trần Linh Huân, “Bản chất pháp lý của hợp đồng thông minh theo góc nhìn của Liên minh châu Âu và một số gợi mở cho Việt Nam”, <https://lsvn.vn/ban-chat-phap-ly-cua-hop-dong-thong-minh-theo-goc-nhin-cua-lien-minh-chau-au-va-mot-so-goi-mo-cho-viet-nam-1722180987-a145774.html>, truy cập ngày 30/5/2025.

⁶ Bảo Trang, Quang Minh, Hà Vy, “Một số kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý về Hợp đồng thông minh tại Việt Nam”, <https://phaply.net.vn/mot-so-kiem-nghi-hoan-thien-khung-phap-ly-ve-hop-dong-thong-minh-tai-viet-nam-a260002.html>, truy cập ngày 01/6/2025.

⁷ James Lewis, Bhavul Haria, “Smart legal contracts – how smart are they?”, <https://www.fieldfisher.com/en/insights/smart-legal-contracts---how-smart-are-they>, truy cập ngày 30/5/2025.

(iii) Hợp đồng hoàn toàn bằng ngôn ngữ lập trình (Contract recorded solely in code): đây là loại hợp đồng với tất cả các điều khoản đều được mã hóa thành dạng code máy tính tự động mà không có sự can thiệp của con người, và hoàn toàn không sử dụng ngôn ngữ thông thường. Đây là dạng hợp đồng hiếm thấy và tồn tại nhiều vấn đề pháp lý nhất.

Về bản chất, HĐTM là một hợp đồng do đáp ứng đầy đủ các dấu hiệu về sự thống nhất ý chí giữa các bên nhằm làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự theo Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015. Dù mang những đặc tính vượt trội hơn so với hợp đồng thông thường, nhưng trong quá trình xác lập và thực hiện HĐTM, một số lỗi vẫn thường xảy ra và dẫn đến phát sinh tranh chấp: lỗi về kỹ thuật như đường truyền không ổn định, ngôn ngữ hợp đồng khi được mã hóa có sự sai sót dẫn đến sai lệch khi thực hiện hợp đồng; lỗi về mặt pháp lý như thiếu sự rõ ràng trong ngôn ngữ hợp đồng, sự không đồng bộ giữa hợp đồng truyền thống và HĐTM, và một số lỗi khác.

Như vậy, HĐTM vẫn tạo ra sự ràng buộc pháp lý nhất định giữa các bên, đồng thời, khi quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các bên trong hợp đồng bị xâm phạm và các bên không thể thỏa thuận để khắc phục hậu quả thì việc đưa ra cơ quan tài phán có thẩm quyền để có phán quyết là nhu cầu tất yếu.

2.2 Khái niệm thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thông minh

Cơ quan Trọng tài là cơ quan tài phán đáp ứng được nhu cầu giải quyết tranh chấp do tính linh hoạt trong thủ tục xét xử và tính chất chung thẩm của phán quyết trọng tài. Đặc biệt, khi HĐTM được triển khai trên công nghệ chuỗi khối blockchain với cấu trúc đồng đẳng và phân tán tại nhiều nút mạng, việc xác lập và thực hiện HĐTM thường có yếu tố “ngoài biên giới” địa lý của các quốc gia, do đó, nhu cầu lựa chọn pháp luật áp dụng như quy định của Trọng tài để giải quyết tranh chấp là một xu thế tất yếu. Thứ hai, trọng tài bảo mật nội dung vụ tranh chấp, phù hợp với các trường hợp lưu trữ nhiều thông tin của doanh nghiệp mà không muốn công khai trong công chúng. Thứ ba, trọng tài viên được lựa chọn phù hợp với nhu cầu của các bên, đặc biệt trong trường hợp tranh chấp về loại hợp đồng đặc biệt này, người am hiểu chuyên môn về cả ngôn ngữ con người và ngôn ngữ máy tính là một lợi thế lớn. Thứ tư, phán quyết trọng tài có tính áp dụng rộng rãi cho các quốc gia thành viên⁸. Đây là xu hướng phù hợp với tính chất toàn cầu hóa của sự phát triển HĐTM. Như vậy, để một tranh chấp được giải quyết tại cơ quan trọng tài, thỏa thuận trọng tài là cơ sở tiên quyết cho quá trình xác định thẩm quyền giải quyết các tranh chấp bằng con đường trọng tài⁹. Theo quy định của Luật Mẫu UNCITRAL, thỏa thuận trọng tài là sự thể hiện ý chí thống nhất của các bên ký kết về việc lựa chọn cơ quan trọng tài giải quyết tranh chấp, và điều khoản về thỏa thuận trọng tài, được xác lập dựa trên

⁸ Điều 3 Công ước New York 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết Trọng tài Nước ngoài.

⁹ 6 Khoản 1 Điều 2 Công ước New York 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết Trọng tài Nước ngoài

hình thức luật định¹⁰, có giá trị ràng buộc pháp lý đối với các bên¹¹. Như vậy, dưới góc độ pháp luật dân sự, thỏa thuận trọng tài có thể được nhìn nhận như một dạng hợp đồng dân sự đặc thù do đáp ứng đầy đủ các dấu hiệu về sự thống nhất ý chí giữa các bên nhằm làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết tranh chấp tại trọng tài.¹²

Xét đến HĐTM có điều khoản trọng tài được xác lập dưới dạng ngôn ngữ mã hóa (trong dạng hợp đồng hỗn hợp và hợp đồng hoàn toàn được xác lập thông qua ngôn ngữ lập trình), thỏa thuận trọng tài trong HĐTM này cũng là một loại hợp đồng được mã hóa thông tin, và tồn tại dưới dạng một điều khoản được lập trình trong chính HĐTM hoặc một thỏa thuận riêng biệt liên kết với HĐTM đó. Bản chất của thỏa thuận trọng tài được xác lập trên hệ thống blockchain không khác về mặt nội dung so với một thỏa thuận trọng tài bằng văn bản thông thường, tuy nhiên, cần lưu ý rằng thỏa thuận trọng tài được xác lập trên hệ thống blockchain dưới dạng mã code vi tính thì sau khi được xác lập, các chủ thể không thể sửa đổi hay bổ sung thêm nội dung nếu có nhu cầu sau này.

Xuất phát từ những đặc thù mang tính “thông minh”, thỏa thuận trọng tài trong HĐTM phải đối mặt với những rào cản pháp lý khi pháp luật của một số quốc gia và khu vực chưa công nhận hiệu lực pháp lý của điều khoản đặc thù này do còn tồn tại nhiều vướng mắc trong vấn đề xác định i) năng lực chủ thể của các bên tham gia ký kết, ii) ý chí tự nguyện của các bên, iii) tính hợp pháp của nội dung điều khoản thỏa thuận khi được thể hiện ở dạng ngôn ngữ mã hóa. Như vậy, những lỗ hổng trong khung pháp lý hiện hành đã và đang đặt ra nguy cơ thỏa thuận trọng tài trong HĐTM bị tuyên vô hiệu trong quá trình giải quyết tranh chấp, bất chấp thực tế rằng ý chí của các bên là rõ ràng và mục đích ký kết thỏa thuận là hoàn toàn hợp pháp. Bài viết này tập trung phân tích hiệu lực pháp lý của thỏa thuận trọng tài trong HĐTM được xác lập hoàn toàn bằng ngôn ngữ lập trình trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm quốc tế, từ đó đề xuất xây dựng khung pháp lý phù hợp, tiến bộ cho pháp luật Việt Nam.

3. Thực trạng pháp luật nước ngoài về việc công nhận hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thông minh.

3.1 Về công nhận hiệu lực hợp đồng thông minh

Trên thế giới, xu hướng công nhận hiệu lực pháp lý của HĐTM đang có những hướng tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế chung trong kỷ nguyên bùng nổ về khoa học - công nghệ.

¹⁰ Thỏa thuận trọng tài phải được lập thành “văn bản”. Văn bản này không bị giới hạn theo những dạng thức luật định mà được thừa nhận theo nghĩa rộng, bao gồm cả các “hình thức trao đổi viễn thông khác mà ghi nhận thỏa thuận” như thư điện tử, fax, telex, điện tín và các hình thức khác nếu đáp ứng yêu cầu về khả năng lưu trữ và truy xuất thông tin (Khoản 2 Điều 7 Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế sửa đổi năm 2006).

¹¹ Điều 7 Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế sửa đổi năm 2006

¹² Arbitration Agreement, “Arbitration Contract”, <https://arbitrationagreements.org/arbitration-contract>, truy cập ngày 08/6/2025.

Tại Úc, mặc dù không được quy định rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật, nhưng pháp luật nước này vẫn công nhận giá trị pháp lý của HĐTM nếu đáp ứng các điều kiện của một hợp đồng truyền thống¹⁰ theo quy định của Đạo luật ETA (Electronic Transactions Act 1999). Đạo luật này đã tạo một khung pháp lý điều chỉnh các giao dịch điện tử tại Úc, quy định rằng giao dịch điện tử sẽ không bị coi vô hiệu chỉ vì nó được thực hiện trên hệ thống điện tử, và điều này đã mở ra một “cánh cửa” cho HĐTM, loại hợp đồng cũng được thiết lập trên nền tảng giao dịch điện tử¹³. Tuy nhiên, như đã đề cập, HĐTM muốn được công nhận hiệu lực vẫn phải tuân theo các điều kiện của một hợp đồng thông thường. Các điều kiện đó bao gồm: (i) Đề nghị và chấp nhận (Offer and Acceptance); (ii) Đối chác (Consideration); (iii) Ý định tạo ra quan hệ pháp lý (Intention to Create Legal Relations); (iv) Năng lực pháp lý; (v) Tính hợp pháp và tuân thủ (Legality and Compliance)¹⁴. Có thể thấy, Úc đã công nhận giá trị của HĐTM khi chỉ cần đáp ứng các điều kiện của một hợp đồng thông thường.

Tại nước Anh, trong báo cáo “*Smart Legal Contracts: Advice to Government*” được công bố vào tháng 11 vào năm 2021, Ủy ban pháp luật Anh và Xứ Wales đã kết luận HĐTM là một hợp đồng được thừa nhận giá trị pháp lý khi và chỉ khi đáp ứng các điều kiện của một hợp đồng thông thường¹⁵. Đây là một bước tiến mới đối với việc công nhận hiệu lực của HĐTM. Theo báo cáo, việc một HĐTM có khả năng tạo ra các nghĩa vụ pháp lý ràng buộc hay không sẽ phụ thuộc vào việc các bên trong HĐTM có khả năng: (i) Đạt được thỏa thuận khách quan (objective agreement); (ii) Có ý định tạo ra mối quan hệ ràng buộc về mặt pháp lý (legally binding) và; (iii) Có nghĩa vụ đối ứng (consideration)¹⁶. Tuy nhiên, Ủy ban cũng chỉ ra một số vấn đề pháp lý mới có thể phát sinh, đặc biệt là trong việc giải thích các điều khoản được mã hóa. Do đó, việc áp dụng các nguyên tắc giải thích hợp đồng truyền thống vẫn cần được xem xét một cách thận trọng¹⁷. Một điểm nổi bật là, Ủy ban công nhận HĐTM là một hình thức văn bản, trong trường hợp các điều khoản trong HĐTM được đặt ra dưới dạng ngôn ngữ thông thường và được thực hiện tự động hóa, nhưng đối với HĐTM với toàn bộ điều khoản được xác lập và thực hiện tự động hóa, thì việc xem xét có phải là một loại văn bản còn tùy thuộc vào cách nhìn nhận của các nhà lập pháp¹⁸. Tóm lại, nước Anh và Xứ Wales đã có một góc nhìn cởi

¹³ Digital Lawyers, “Blockchain and Smart Contracts: Revolutionising Australian Commercial Transactions in 2024”, <https://digitalagelawyers.com/blockchain-and-smart-contracts-revolutionising-australian-commercialtransactions-in-2024>, truy cập ngày 07/6/2025.

¹⁴ Alex Solo, “Masters v Cameron: Understanding Binding Contracts in Australia”, <https://sprintlaw.com.au/articles/masters-v-cameron-understanding-binding-contracts-in-australia/>, truy cập ngày 07/6/2025.

¹⁵ Law Commission (2021), “Smart Contracts”, <https://lawcom.gov.uk/project/smart-contracts/>, truy cập ngày 09/6/2025.

¹⁶ Osborne Clarke, “Law Commission concludes English law supports smart contracts” <https://www.osborneclarke.com/insights/law-commission-concludes-english-law-supports-smart-contracts>, truy cập ngày 09/6/2025.

¹⁷ Tlidd (11)

¹⁸ Law Commission (2021), “Smart Legal Contracts Summary”, (2021),

mở với HĐTM, đặt các nền móng đầu tiên nhưng mang tính định hướng cho việc ban hành các văn bản hướng dẫn và quản lý việc thực hiện HĐTM sau này.

Có thể thấy rằng, việc thừa nhận hiệu lực pháp lý của HĐTM đã bắt đầu được mở rộng, nhưng vẫn chưa có một thỏa ước mang tính tác động và chi phối sâu sắc đến quá trình giải quyết tranh chấp cho loại hợp đồng này. Tuy nhiên, khi xét đến thỏa thuận trọng tài tồn tại dưới dạng một điều khoản trong HĐTM, việc các nước công nhận giá trị của HĐTM cũng sẽ kéo theo sự công nhận giá trị pháp lý đối với thỏa thuận trọng tài trong HĐTM.

3.2 Xác định năng lực chủ thể và sự tự nguyện

Khi xem xét về sự thể hiện ý chí của các chủ thể giao kết điều khoản trọng tài trong hợp đồng, các quốc gia trong hệ thống Thông luật có hướng tiếp cận khách quan (objective theory of assent) và chủ quan (subjective theory of assent) để giải thích ý chí của các bên.

Cụ thể, khi giải thích hợp đồng trên góc độ tiếp cận khách quan, cơ quan có thẩm quyền tập trung vào sự thể hiện ý chí của các bên thông qua ngôn từ tự nhiên tương ứng với ngữ cảnh cụ thể và giải thích các từ ngữ theo hướng một người có lý trí bình thường (reasonable person) trong hoàn cảnh tương tự sẽ hiểu¹⁹. Tuy nhiên, đối với điều khoản về thỏa thuận trọng tài được mã hóa toàn phần trong HĐTM, việc xác định ý chí của các bên thông qua phương pháp kiểm tra giả định dựa trên người thứ ba khách quan đã bộc lộ nhiều bất cập. Do đó, pháp luật Anh hướng đến cách giải thích dựa trên hai giả định gồm: i) giả định về việc “một máy tính sẽ hiểu điều khoản trong HĐTM như thế nào” và ii) giả định rằng “một người có lý trí bình thường và có kiến thức về ngôn ngữ lập trình sẽ hiểu điều khoản này như thế nào”²⁰. Hướng tiếp cận hiện đại này dường như phù hợp với nhu cầu xác định ý chí tự nguyện của các bên ký kết.

Ngược lại, phương pháp tiếp cận chủ quan đề cao ý chí thực sự của các bên, nói cách khác, ý chí của các bên mới tạo nên sự ràng buộc pháp lý chặt chẽ, đặc biệt trong trường hợp sự thể hiện ý chí trong HĐTM mâu thuẫn với ý chí thực sự của chủ thể ký kết. Việc xác định ý chí trong hợp đồng có thể dựa trên các bằng chứng cho thấy ý chí chủ quan, và ngay cả khi đó là các trao đổi, thỏa thuận tiền hợp đồng. Như vậy, phương pháp tiếp cận này dường như thể hiện một độ mở nhất định trong các phương thức xác định ý chí thực sự của các bên. Đặc biệt, đối với hình thức đặc thù ở dạng mã hóa của thỏa thuận trọng tài trong HĐTM, việc xem xét ý chí dựa trên các bằng chứng tiền hợp đồng, đặc biệt là những thông tin trao đổi bằng ngôn ngữ

https://webarchive.nationalarchives.gov.uk/ukgwa/20250109100626mp_/https://cloud-platform218f50a4812967ba1215eaccede923f.s3.amazonaws.com/uploads/sites/30/2021/11/Smart-legal-contractsaccessible.pdf, p.13, truy cập ngày 09/6/2025.

¹⁹ Rachmi Dzirkina, Subjective and Objective approaches to contractual interpretation in civil law and common law countries: Indonesia and Canada, *Juris Gentium Law Review*, December 2017, p.56

²⁰ Law Commission (2021), “Smart legal contract: Advice to Government”, https://webarchive.nationalarchives.gov.uk/ukgwa/20250109100626mp_/https://cloud-platform218f50a4812967ba1215eaccede923f.s3.amazonaws.com/uploads/sites/30/2021/11/Smart-legal-contractsaccessible.pdf p.80-82 (truy cập ngày 08/6/2025).

con người, có thể được xem là cơ sở quan trọng để xác định ý chí thực sự của các bên khi tham gia xác lập điều khoản này.

Trong bối cảnh HĐTM triển khai trên blockchain, chứng thực năng lực chủ thể không chỉ dừng ở việc thể hiện ý chí, mà còn là việc chứng minh pháp lý về danh tính, và nội dung ký kết. Tiêu biểu, Liên Minh châu Âu EU đã ban hành bộ quy định mới về Dịch vụ định danh, xác thực và ủy thác điện tử eIDAS (eIDAS Regulation) nhằm hợp pháp hóa phương thức xác định danh tính trên nền tảng kỹ thuật số²¹. Theo eIDAS, tồn tại 3 dạng chữ ký tương ứng ba mức độ hiệu lực pháp lý khác nhau. Chữ ký điện tử đơn giản được định nghĩa là "dữ liệu ở dạng điện tử được đính kèm hoặc liên kết logic với dữ liệu khác ở dạng điện tử và được người ký sử dụng để ký". Chữ ký điện tử nâng cao (AdES - advanced electronic signature) về cơ bản là một chữ ký đơn giản với một số yếu tố bổ sung để tăng cường tính xác thực và bảo mật cho tài liệu. Sau đây là những yêu cầu đối với chữ ký điện tử nâng cao: i) Phải được liên kết duy nhất với người ký, ii) Phải có khả năng định danh người ký, iii) Phải được tạo bằng dữ liệu mà người ký có thể sử dụng dưới sự kiểm soát duy nhất của họ với mức độ tin cậy cao, iv) Phải được liên kết với dữ liệu đã ký theo cách mà mọi thay đổi tiếp theo trong dữ liệu đều có thể được phát hiện²². Chữ ký điện tử đủ điều kiện (QES - qualified electronic signature) là chữ ký điện tử nâng cao được tạo bằng thiết bị tạo chữ ký điện tử và dựa trên giấy chứng nhận đủ điều kiện cho chữ ký điện tử²³. Đây được xem là một cơ sở quan trọng để đánh giá hiệu lực của một hợp đồng thông qua việc xác định năng lực chủ thể và thẩm quyền ký kết thực sự của các bên²⁴, đặc biệt là trong bối cảnh HĐTM và đi kèm với đó là các điều khoản về giải quyết tranh chấp được áp dụng rộng rãi vẫn đang đối diện với nguy cơ bị vô hiệu do chưa xác định được năng lực chủ thể. Điều này tạo tiền đề để tham khảo và áp dụng tương đương tại Việt Nam, khi Luật Giao dịch điện tử và các nghị định liên quan đã công nhận chữ ký số đủ điều kiện như là phương pháp xác minh hợp pháp năng lực và ý chí của bên ký kết.

Mặt khác, pháp luật Hoa Kỳ cũng thừa nhận hiệu lực pháp lý của chữ ký điện tử trong Đạo luật về chữ ký điện tử trong nước và liên bang (ESIGN) năm 2000 nhưng không có cơ chế phân chia thành ba cấp độ hiệu lực pháp lý như pháp luật Châu Âu. Theo định nghĩa tại Điều 101 của Đạo luật, chữ ký điện tử có thể là âm thanh, ký hiệu hoặc quá trình điện tử được gắn

²¹ Daniela Gregušová, uzana Halášová and Tomáš Peráček (2022), "eIDAS Regulation and Its Impact on National Legislation: The Case of the Slovak Republic", https://www.researchgate.net/publication/366051280_eIDAS_Regulation_and_Its_Impact_on_National_Legislation_The_Case_of_the_Slovak_Republic, truy cập ngày 09/6/2025.

²² Article 26 eIDAS Regulation.

²³ Clause 2 Article 13 eIDAS Regulation

²⁴ Mocanu, and others (2019), "Identification and Trust Techniques Compatible with eIDAS Regulation. In Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunications Engineering", LNICST 284. Cham: Springer, p.656–657.

liên với hợp đồng hoặc tài liệu khác và được thực hiện hoặc chấp nhận bởi một cá nhân với ý định ký tài liệu đó. Đạo luật đã tạo ra nền tảng pháp lý quan trọng cho việc sử dụng chữ ký điện tử trong giao dịch thương mại với mục đích đảm bảo rằng chữ ký điện tử có giá trị pháp lý tương đương với chữ ký tay, miễn là đáp ứng các điều kiện cụ thể mà không bị giới hạn trong một hình thức nhất định. Điều này đã mở đường cho việc áp dụng rộng rãi chữ ký điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian cho các bên tham gia, một đặc điểm càng được nhấn mạnh hơn trong bối cảnh ứng dụng HDTM.

Như vậy, các yêu cầu về định danh người ký và tính toàn vẹn nội dung là cốt lõi để chứng minh “năng lực chủ thể ký” trong môi trường số, đảm bảo rằng chữ ký điện tử không chỉ là hành vi kỹ thuật mà còn là cam kết pháp lý nghiêm túc để được xem xét giá trị pháp lý của hợp đồng.

4. Thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về công nhận hiệu lực pháp lý của thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thông minh.

4.1 Bất cập trong việc công nhận giá trị pháp lý đối với hợp đồng thông minh

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa chính thức công nhận giá trị pháp lý của HDTM cũng như điều khoản về thỏa thuận trọng tài trong loại hợp đồng này. Mặc dù HDTM có thể được xác định là một dạng hợp đồng theo quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015, những đặc trưng có tính chất riêng biệt về mặt kỹ thuật và lập pháp lại chưa được pháp luật điều chỉnh triệt để. Hơn nữa, pháp luật Việt Nam dù đã thể hiện tư tưởng tiến bộ khi thừa nhận hiệu lực pháp lý của hợp đồng điện tử như một loại hợp đồng được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu²⁵. Tuy nhiên hợp đồng điện tử và HDTM là hai loại hợp đồng có bản chất hoàn toàn khác khi hợp đồng điện tử thường được thực hiện theo cách thức tương tự như các hợp đồng truyền thống nhưng thay vì sử dụng chữ ký vật lý, chúng sử dụng các phương tiện điện tử như chữ ký điện tử để thay thế. Trong khi đó, HDTM lại bao gồm những tính năng nâng cao hơn, chẳng hạn như việc tự động thực hiện các điều khoản của hợp đồng mà không cần sự can thiệp của con người²⁶. Do đó, việc dẫn chiếu gián tiếp các quy định của pháp luật về hiệu lực của hợp đồng điện tử dẫn đến nguy cơ tạo ra những lỗ hổng pháp lý nghiêm trọng trong việc đánh giá tính khách quan và hợp pháp của loại HDTM, cũng như thỏa thuận trọng tài được hàm chứa trong đó.

4.2 Thách thức pháp lý đối với thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thông minh

Đối với sự phát triển của HDTM trong thời kỳ chuyển đổi công nghệ số ngày càng sâu rộng, việc áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài

²⁵ Điều 7 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

²⁶ JusCorpus, “Legal Challenges In The Age Of Digital Contracts And Smart Contracts”, <https://www.juscorpus.com/legal-challenges-in-the-age-of-digital-contracts-and-smart-contracts/>, truy cập ngày 09/6/2025.

trong loại hợp đồng này còn nhiều bất cập và thách thức. Về bản chất, thỏa thuận trọng tài trong HĐTM thường được thể hiện dưới dạng mã lệnh lập trình vận hành tự động thông qua các điều kiện kích hoạt đã được xác lập từ trước. Điều này làm cho thỏa thuận không tồn tại dưới hình thức văn bản truyền thống hoặc các hình thức tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật TTTM năm 2010, vốn yêu cầu thỏa thuận phải được thể hiện bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu có thể chứng minh được ý chí rõ ràng của các bên. Ngoài ra, xuất phát từ hình thức xác lập thỏa thuận chưa được luật hóa, thỏa thuận trọng tài trong HĐTM còn đối mặt với những bất cập khi xác định độ đáng tin cậy của các yếu tố cấu thành của một thỏa thuận trọng tài hợp lệ, bao gồm i) năng lực chủ thể tham gia hợp đồng, ii) ý chí chấp thuận của các bên trên cơ sở tự nguyện, iii) các bên tham gia ký kết thực sự hiểu rõ nội dung của thỏa thuận trọng tài.

Chính sự không tương thích giữa hình thức biểu hiện của thỏa thuận trọng tài trong HĐTM và yêu cầu về hình thức theo luật định đã và đang đặt ra nguy cơ thỏa thuận trọng tài trong HĐTM bị tuyên vô hiệu trong quá trình giải quyết tranh chấp, bất chấp thực tế rằng ý chí của các bên là rõ ràng và mục đích ký kết thỏa thuận là hoàn toàn hợp pháp. Hệ quả này vô hình trung tạo ra sự định hướng sai lệch trong quá trình công nhận giá trị pháp lý của HĐTM so với định hướng của Luật Mẫu UNCITRAL về hiện đại hóa yêu cầu về hình thức của thỏa thuận trọng tài để thích ứng với yêu cầu của thực tiễn hợp đồng quốc tế hiện nay²⁷.

5. Một số kiến nghị hướng tới hoàn thiện khung pháp lý về công nhận hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng thông minh ở Việt Nam.

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam nên công nhận hình thức thỏa thuận trọng tài dưới dạng ngôn ngữ mã hóa vốn là dạng thể hiện đặc thù của HĐTM. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, việc áp dụng các phương thức mới trong giao kết và thực thi các thỏa thuận trọng tài trở thành một yêu cầu cấp thiết. Do đó, pháp luật trọng tài Việt Nam nên công nhận hình thức của thỏa thuận trọng tài theo hướng tiếp cận linh hoạt như Luật Mẫu UNCITRAL và một số quốc gia đã công nhận hiệu lực pháp lý của ngôn ngữ mã hóa trong HĐTM về việc quy định hình thức của dạng thỏa thuận đặc thù này là một loại “văn bản” nhưng không bị giới hạn theo những dạng thức luật định mà được thừa nhận theo nghĩa rộng, bao gồm cả các “hình thức trao đổi viễn thông khác mà ghi nhận thỏa thuận”²⁸ như thư điện tử, fax, telex, điện tín và các hình thức nếu đáp ứng yêu cầu về khả năng lưu trữ và truy xuất thông tin. Việc mở rộng hình thức giao kết thỏa thuận trọng tài thể hiện quan điểm rõ ràng đối với hợp đồng

²⁷ Ilias Bantekas, Pietro Ortolani and others (2020), Definition and Form of Arbitration Agreement. In: UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration: A Commentary, Cambridge University Press, p.112-140.

²⁸ Khoản 2 Điều 7 Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế sửa đổi năm 2006.

được trình bày theo hình thức và ngôn ngữ mà ngay chính các bên trong hợp đồng này không thể hiểu được thì ý chí của các bên vẫn mang tính ràng buộc pháp lý đối với các bên²⁹.

Ngoài ra, căn cứ vào quy định của pháp luật thực định, ngôn ngữ dạng mã hóa hiện tại vẫn chưa hợp pháp hóa trên cả phương diện kỹ thuật và pháp lý tại Việt Nam, do đó, các bên trong hợp đồng có thể áp dụng đồng thời các hình thức xác lập truyền thống khi thống nhất điều khoản về thỏa thuận trọng tài. Điều này sẽ phần nào giải quyết minh bạch hơn được nghi vấn nhất thời trong việc xác lập một thỏa thuận trọng tài hợp pháp.

Thứ hai, để đảm bảo tính hợp pháp và hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong HĐTM tại Việt Nam, việc quy định sử dụng chữ ký số là một bước đi quan trọng. Chữ ký số không chỉ xác nhận danh tính và ý chí của các bên tham gia, mà còn hỗ trợ xác minh năng lực pháp lý và sự tự nguyện trong việc xác lập thỏa thuận. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh HĐTM được thực hiện tự động qua mã nguồn, nơi thiếu sự can thiệp trực tiếp của con người. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định về chữ ký số đã đánh dấu bước tiến vượt bậc trong việc tăng cường tính chính danh của chủ thể trong việc xác lập hợp đồng, và với các đặc điểm vượt trội hơn so với chữ ký điện tử, chúng ta hoàn toàn có thể vận dụng sự phát triển của chữ ký số trong HĐTM để xác minh sự phù hợp về năng lực chủ thể cũng như đảm bảo sự tự nguyện của các bên trong lúc thỏa thuận. Việc áp dụng chữ ký số sẽ giúp tăng cường tính minh bạch và bảo mật, đồng thời tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc giải quyết tranh chấp nếu có. Do đó, việc bổ sung quy định về chữ ký số đối với thỏa thuận trọng tài trong HĐTM là cần thiết để phù hợp với xu hướng phát triển của thương mại điện tử và công nghệ blockchain, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia.

Thứ ba, để giải quyết vấn đề xoay quanh nội dung thỏa thuận trọng tài không được viết dưới dạng ngôn ngữ thông thường mà dưới dạng mã vi tính dễ gây khó hiểu cho các bên trong thỏa thuận, khi có vấn đề tranh chấp giữa các bên trong việc giải thích thỏa thuận, có thể áp dụng điều khoản về giải thích hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015³⁰, trong đó, việc giải thích sẽ dựa trên ngôn ngữ và ý chí của các bên khi giao kết thỏa thuận để giải thích thỏa thuận trọng tài. Vì thỏa thuận trọng tài trong HĐTM là một phần của HĐTM, và bản chất của HĐTM cũng là một hợp đồng, nên việc áp dụng các điều khoản về giải thích hợp đồng trong khi giải thích thỏa thuận trọng tài là hợp lý, giúp tránh sự trùng lặp giữa các văn bản pháp lý. Bên cạnh đó, trong việc giải thích thỏa thuận trọng tài dưới dạng mã code, khó tránh khỏi có sự khó khăn và tốn thời gian để nghiên cứu và suy xét, ít nhất là đối với một người không hiểu biết chuyên sâu về lập trình vi tính, do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đầu tư vào cơ

²⁹ Eliza Mik, “Smart Contract: A requiem”, Journal of Contract Law, p.10-11, [https://papers.ssrn.com/sol3/papers](https://papers.ssrn.com/sol3/papers, truy cập ngày 08/6/2025), truy cập ngày 08/6/2025.

³⁰ Điều 404 Bộ luật Dân sự năm 2015

sở hạ tầng kỹ thuật số tiên tiến hiện đại nhằm giải mã một cách khách quan và phù hợp với ngữ cảnh thực tế của các bên thực hiện thỏa thuận trọng tài trong HĐTM cũng nên được ưu tiên.

6. Kết luận

Như vậy, không thể phủ nhận rằng trong thời đại nền kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ trên cơ sở của sự phát triển vượt bậc của các nền tảng khoa học - công nghệ, xu hướng xác lập HĐTM là một bước tiến tất yếu của nền kinh tế hiện đại và hội nhập toàn cầu. Tuy nhiên, khi phát sinh tranh chấp, các thỏa thuận trọng tài trong loại hợp đồng này lại chưa được thừa nhận giá trị pháp lý tại nhiều quốc gia, dẫn đến nhiều bất cập trong quá trình xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó, việc xây dựng những khung pháp lý phù hợp, dành riêng cho thỏa thuận trọng tài trong HĐTM là một nhu cầu tất yếu nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên ký kết khi phát sinh tranh chấp, đồng thời, đảm bảo một nền tư pháp ổn định, công bằng nhằm tạo động lực cho các cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp áp dụng mô hình HĐTM với năng suất lao động cao và tính bảo mật tốt. Bên cạnh đó, việc thừa nhận hiệu lực của thỏa thuận trọng tài được lập trình trong HĐTM cần được tiếp cận trên cơ sở linh hoạt, phù hợp với nguyên tắc thực chất hơn hình thức và hướng đến bảo vệ ý chí tự nguyện cũng như mục đích giao kết của các bên. Sự ghi nhận này không những góp phần thúc đẩy môi trường đầu tư và thương mại số, mà còn tạo tiền đề pháp lý vững chắc cho việc giải quyết tranh chấp một cách hiệu quả, bảo đảm quyền tự do thỏa thuận và quyền tiếp cận cơ chế tài phán tư nhân của các chủ thể trong nền kinh tế số hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Danh mục văn bản pháp luật nước ngoài

1. Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế sửa đổi năm 2006 (UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration 1985 with amendments as adopted in 2006).
2. Quy định về nhận dạng điện tử, xác thực và dịch vụ tin cậy của Liên Minh châu Âu (eIDAS Regulation).
3. Công ước New York 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết Trọng tài Nước ngoài (Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards).

II. Danh mục văn bản pháp luật Việt Nam

1. Bộ luật Dân sự năm 2015
2. Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

III. Danh mục các tài liệu tham khảo

1. Precedence Research, “Smart Contracts Market Size, Share and Trends 2025 to 2034”, <https://www.precedenceresearch.com/smart-contracts-market>, truy cập ngày 30/5/2025.
2. Trần Linh Huân, “Bản chất pháp lý của hợp đồng thông minh theo góc nhìn của Liên minh châu Âu và một số gợi mở cho Việt Nam”, <https://lsvn.vn/ban-chatphap-ly-cua-hop-dong-thong-minh-theo-goc-nhin-cua-lien-minh-chau-au-va-mot-so-goi-mo-cho-viet-nam>, truy cập ngày 30/5/2025.
3. Bảo Trang, Quang Minh, Hà Vy, “Một số kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý về Hợp đồng thông minh tại Việt Nam”, <https://phaply.net.vn/mot-so-kien-ngho-hoanthien-khung-phap-ly-ve-hop-dong-thong-minh-tai-viet-nam>, truy cập ngày 01/6/2025.
4. James Lewis, Bhavul Haria, “Smart legal contracts – how smart are they?”, <https://www.fieldfisher.com/en/insights/smart-legal-contracts-how-smart-arethey>, truy cập ngày 30/5/2025.
5. Arbitration Agreement, “Arbitration Contract”, <https://arbitrationagreements.org/arbitration-contract>, truy cập ngày 08/6/2025.
6. Michael Bacina, “Smart contracts in Australia: Just how clever are they?”, <https://piperalderman.com.au/insight/smart-contracts-in-australia-just-howclever-are-they/>, truy cập ngày 07/6/2025.
7. Digital Lawyers, “Blockchain and Smart Contracts: Revolutionising Australian Commercial Transactions in 2024”, <https://digitalagelawyers.com/blockchain-and-smart-contracts-revolutionising-australian-commercial-transactions-in-2024>, truy cập ngày 07/6/2025.

8. Alex Solo, “Masters v Cameron: Understanding Binding Contracts in Australia”, <https://sprintlaw.com.au/articles/masters-v-cameron-understanding-bindingcontracts-in-australia>, truy cập ngày 07/6/2025.
9. Law Commission (2021), “Smart Contracts”, <https://lawcom.gov.uk/project/smartcontracts/>, truy cập ngày 09/6/2025.
10. Osborne Clarke, “Law Commission concludes English law supports smart contracts” <https://www.osborneclarke.com/insights/law-commission-concludesenglish-law-supports-smart-contracts>, truy cập ngày 09/6/2025.
11. Law Commission (2021), “Smart Legal Contracts Summary”, (2021), https://webarchive.nationalarchives.gov.uk/ukgwa/20250109100626mp_/https://cloud-platform-e218f50a4812967ba1215eaecede923f.s3.amazonaws.com/uploads/sites/30/2021/1/Smart-legal-contracts-accessible.pdf, p.13, truy cập ngày 09/6/2025.
12. Rachmi Dzikrina, Subjective and Objective approaches to contractual interpretation in civil law and common law countries: Indonesia and Canada, *Juris Gentium Law Review*, December 2017, p.56.
13. Law Commission (2021), “Smart legal contract: Advice to Government”, https://webarchive.nationalarchives.gov.uk/ukgwa/20250109100626mp_/https://cloud-platform-e218f50a4812967ba1215eaecede923f.s3.amazonaws.com/uploads/sites/30/2021/1/Smart-legal-contracts-accessible.pdf, , p.80-82, truy cập ngày 08/6/2025.
14. Daniela Gregušová, uzana Halášová and Tomáš Peráček (2022), “eIDAS Regulation and Its Impact on National Legislation: The Case of the Slovak Republic”, https://www.researchgate.net/publication/366051280_eIDAS_Regulation_and_Its_Impact_on_National_Legislation_The_Case_of_the_Slovak_Republic, truy cập ngày 09/6/2025
15. Mocanu, and others (2019), “Identification and Trust Techniques Compatible with eIDAS Regulation. In Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering”, LNICST 284. Cham: Springer, p.656–657.
16. JusCorpus, “Legal Challenges In The Age Of Digital Contracts And Smart Contracts”, <https://www.juscorpus.com/legal-challenges-in-the-age-of-digitalcontracts-and-smart-contracts/>, truy cập ngày 09/6/2025.
17. Ilias Bantekas, Pietro Ortolani and others (2020), Definition and Form of Arbitration Agreement. In: *UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration: A Commentary*, Cambridge University Press, p.112-140.
18. Eliza Mik, “Smart Contract: A requiem”, *Journal of Contract Law*, p.10-11, <https://papers.ssrn.com/sol3/papers>, truy cập ngày 08/6/2025.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRỰC TUYẾN VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Bùi Ai Giôn¹

Nguyễn Trí Cường²

Tóm tắt: Công nghệ số đã mang lại những cải tiến đáng kể về hiệu quả, tốc độ và khả năng tiếp cận trong quá trình giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, việc áp dụng công nghệ số cũng đặt ra không ít thách thức liên quan đến bảo mật dữ liệu, tính hợp pháp của bằng chứng điện tử và sự cần thiết phải thích nghi với các quy định pháp luật mới. Bài viết cũng đề xuất các kiến nghị nhằm tối ưu hóa vai trò của công nghệ số, hướng tới một tương lai trọng tài số hiệu quả và công bằng hơn, đặc biệt nhấn mạnh xu hướng phát triển của Giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR).

Từ khóa: Công nghệ số, Trọng tài thương mại, chuyển đổi số.

Abstract: Digital technology has brought significant improvements in efficiency, speed, and accessibility to the dispute resolution process through arbitration. However, alongside these advantages, the application of digital technology also poses numerous challenges related to data security, the legality of electronic evidence, and the necessity to adapt to new legal regulations. The article also proposes recommendations to optimize the role of digital technology, moving towards a more efficient and fair digital arbitration future, with a particular emphasis on Online Dispute Resolution (ODR) development trends.

Keywords: Digital technology, Commercial arbitration, Digital transformation.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại đang chứng kiến những chuyển đổi mạnh mẽ. Trọng tài thương mại với ưu điểm về tính linh hoạt, bảo mật và tốc độ, ngày càng khẳng định vai trò là một phương thức giải quyết tranh chấp được ưu tiên trong các giao dịch kinh doanh. Tuy nhiên, sự xuất hiện và ứng dụng rộng rãi của công nghệ số đã và đang tạo ra những tác động đa chiều, vừa mở ra cơ hội nâng cao hiệu quả hoạt động, vừa đặt ra những thách thức pháp lý và thực tiễn đáng kể. Việc nghiên cứu tác động của công nghệ số đến trọng tài thương mại là cần thiết để định hình các chính sách, quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động phù hợp, đảm bảo sự phát triển bền vững của phương thức giải quyết tranh chấp này.

¹ Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

² NCS Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nay, hoạt động thương mại ngày càng phát triển với nhiều hình thức mới, phức tạp. Điều này dẫn tới tranh chấp thương mại không ngừng gia tăng cả về số lượng và giá trị, đòi hỏi phải có những phương thức giải quyết tranh chấp (GQTC) phi truyền thống. Internet mạng xã hội đang nổi lên như một thị trường không biên giới nên việc GQTC bằng trọng tài thương mại theo phương thức trực tuyến (PTTT) cũng phải dần đi theo xu hướng này³. Giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) đang là xu hướng và được áp dụng ở nhiều quốc gia phát triển trên thế giới. Với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử ở Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ đi cùng với dự báo số lượng tranh chấp của loại hình kinh doanh này sẽ theo chiều hướng gia tăng⁴.

2. Những tác động tích cực của công nghệ số đến hoạt động trọng tài:

Công nghệ số đã mang lại nhiều tác động tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả và tính tiện lợi của hoạt động trọng tài thương mại như sau:

- *Tăng cường hiệu quả quản lý vụ việc và tài liệu:* Các nền tảng số hóa cho phép quản lý hồ sơ vụ việc, tài liệu điện tử một cách có hệ thống, dễ dàng tìm kiếm và truy cập. Trọng tài trực tuyến quản lý các tập tin điện tử và đặc biệt phù hợp cho những vụ việc phức tạp và quy mô lớn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong thủ tục trọng tài giúp các bên tranh chấp, nhân chứng và trọng tài viên không cần di chuyển về mặt địa lý, từ đó tiết kiệm thời gian và chi phí⁵.

- *Thúc đẩy quy trình trọng tài trực tuyến:* Các phiên họp trọng tài, phiên điều trần có thể được tổ chức trực tuyến thông qua các nền tảng hội nghị truyền hình, phá vỡ rào cản địa lý và thời gian. Điều này đặc biệt hữu ích trong các tranh chấp quốc tế, giúp giảm chi phí đi lại và ăn ở đáng kể. Theo Báo cáo Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến với thương mại điện tử của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, ODR giúp giải quyết tranh chấp hiệu quả hơn, quản lý hữu hiệu thời gian và chi phí, linh hoạt hơn trong thủ tục và cơ hội có được những giải pháp sáng tạo hơn. Các cơ chế của ODR hoạt động toàn thời gian: Nhiều cơ chế luôn sẵn có mọi thời điểm trong ngày, mọi ngày trong năm⁶.

- *Nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận công lý:* Công nghệ số giúp công khai hóa thông tin về quy trình, thủ tục trọng tài, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tiếp cận thông tin và theo dõi tiến độ giải quyết tranh chấp. ODR là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua việc sử dụng ICT, do đó nó luôn để lại dấu vết kỹ thuật số. Các hồ sơ của ODR có thể tồn

³ Đỗ Hữu Chiến, Một số giải pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo phương thức trực tuyến ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03-2024, tr. 32.

⁴ Hà Công Anh Bảo và Lê Hằng Mỹ Hạnh, Giải quyết tranh chấp trực tuyến – Khả năng áp dụng ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, số 93 (12/2017), tr. 1.

⁵ Hà Công Anh Bảo và Lê Hằng Mỹ Hạnh, tldd, tr. 4-5.

⁶ Báo cáo Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến với thương mại điện tử của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Dự án MUTRAP EU-VIETNAM, Hà Nội, tháng 6/2016, tr. 16-17.

tại vĩnh viễn, làm tăng tính truy xuất nguồn gốc⁷. Mọi thông tin hoặc hành vi của những người tham gia tố tụng có thể dễ dàng được kiểm tra dù không có khiếu nại chính thức. Số hóa cũng đem đến cơ hội tiếp cận công lý toàn cầu cho quảng đại người dân với chi phí thấp hơn⁸.

- Tạo tiền đề cho các phương thức giải quyết tranh chấp mới: Sự phát triển của công nghệ số đã thúc đẩy sự ra đời của các hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR), bao gồm trọng tài trực tuyến, hòa giải trực tuyến và thương lượng trực tuyến⁹. ODR được mô tả là phương pháp có khả năng tối ưu để giải quyết tranh chấp được tiến hành trên Internet¹⁰.

3. Thách thức và tác động tiêu cực khi áp dụng công nghệ số:

Bên cạnh những tác động tích cực, việc áp dụng công nghệ số trong hoạt động trọng tài thương mại cũng đối mặt với không ít thách thức, tác động tiêu cực như sau:

- *Rào cản pháp lý*: Pháp luật Việt Nam hiện hành vẫn chưa có quy định cụ thể về trọng tài trực tuyến, hoặc các quy định còn chung chung, chưa tương thích với thực tiễn ứng dụng công nghệ số. Pháp luật Việt Nam chưa có qui định cụ thể về ODR nói chung và hoà giải thương mại trực tuyến nói riêng. Tính đến nay, Việt Nam vẫn chưa ban hành một văn bản pháp luật nào làm cơ sở pháp lý cho hoạt động giải quyết tranh chấp trực tuyến, vì vậy vẫn chưa mang đến sự tin tưởng của các bên tranh chấp. Theo đó, BLTTDS năm 2015 cũng chưa có quy định riêng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền khi giải quyết tranh chấp trực tuyến¹¹. Hơn nữa, Nghị định 22/2017/NĐ-CP đặt ra yêu cầu văn bản về kết quả hòa giải thành có chữ ký của các bên và hòa giải viên thương mại. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra khi áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến là việc các bên sử dụng chữ ký điện tử trong việc thiết lập ‘biên bản hòa giải’ thì có giá trị tương đương ‘chữ ký truyền thống’ không?; vấn đề này pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ràng¹². Việc gửi thông báo và trình tự gửi thông báo của Điều 12 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, trừ khi các bên có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm Trọng tài có thỏa thuận khác, các bên phải gửi các bản giải trình và các tài liệu khác bằng bản cứng cho Trung tâm Trọng tài và đủ số bản quy định¹³.

- *Tính bảo mật và an toàn thông tin*: Việc giải quyết tranh chấp trong môi trường số tiềm ẩn nguy cơ về rò rỉ dữ liệu, tấn công mạng, ảnh hưởng đến tính bảo mật và riêng tư của thông tin tranh chấp. Trong môi trường ảo, đôi khi rất khó khăn trong việc xác định năng lực

⁷ Hà Công Anh Bảo và Lê Hằng Mỹ Hạnh, tldd, tr. 3.

⁸ Chu Thị Hoa, Nhu cầu phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 24 (448) - T12/2021, tr. 37.

⁹ Hà Công Anh Bảo và Lê Hằng Mỹ Hạnh, tldd, tr.3.

¹⁰ Báo cáo Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến..., tldd, tr.8.

¹¹ Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, Thực trạng khung pháp lý về hòa giải thương mại trực tuyến và kiến nghị giải pháp hoàn thiện, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 133, Số 6C, 2024, tr. 170.

¹² Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, tldd, tr. 171.

¹³ Chu Thị Hoa, tldd, tr. 41.

của các bên tranh chấp, xác định xem tài liệu gửi qua các phương tiện điện tử có đáng tin cậy hay không hoặc làm thế nào để chống lại rủi ro chống phá, tấn công của các tin tặc¹⁴. Một quan ngại lớn nữa là tính an ninh và bảo mật của thông tin liên lạc trực tuyến¹⁵.

- *Thách thức về cơ sở hạ tầng công nghệ và kỹ năng số*: Mặc dù cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (ICT) ở Việt Nam đã có những bước phát triển, nhưng việc triển khai các hệ thống trọng tài số đòi hỏi sự đầu tư lớn và đồng bộ về hạ tầng, phần mềm, cũng như đội ngũ nhân lực có kỹ năng công nghệ. Chỉ số phát triển CNTT (Information Technology Development Index - IDI) và cơ sở hạ tầng công nghệ của Việt Nam còn hạn chế. Theo Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU), chỉ số IDI của Việt Nam trong năm 2016 và 2017 gần như không có sự thay đổi về thứ hạng, vẫn xếp thứ 108/176 quốc gia với số điểm 3,18/10 năm 2016 và 4,43/10 năm 2017, tức là mức điểm dưới trung bình¹⁶.

- *Tâm lý và nhận thức của các bên*: Một số doanh nghiệp và cá nhân vẫn còn tâm lý e ngại, chưa tin tưởng hoàn toàn vào các phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến. Phần lớn doanh nghiệp của Việt Nam chưa có thói quen sử dụng trọng tài và hòa giải trong việc giải quyết tranh chấp của mình, thậm chí họ chưa đặt niềm tin vào vai trò của trọng tài, vai trò của hòa giải viên, khả năng thực thi các phán quyết của trọng tài, khả năng thực thi biên bản hòa giải thành. Tâm lý và truyền thống sử dụng Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp vẫn còn ăn sâu trong hoạt động thương mại của các thương nhân¹⁷. Hơn nữa, Báo cáo Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến với thương mại điện tử của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế cũng chỉ ra rằng “Thông tin liên lạc trực tuyến vẫn chưa thể ‘thể hiện giọng điệu, âm vực và âm lượng khác nhau của các bên tham gia và không thể truyền tải cá tính hoặc tín hiệu vật lý’”¹⁸.

4. Xu hướng phát triển: giải quyết tranh chấp trực tuyến (Odr) và tương lai của trọng tài số:

Giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) đang nổi lên như một xu hướng tất yếu trong tương lai của trọng tài thương mại, với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ số:

- *Phát triển đa dạng các hình thức ODR*: ODR bao gồm thương lượng trực tuyến, hòa giải trực tuyến, trọng tài trực tuyến và tòa án trực tuyến, cũng như các phương thức hỗn hợp¹⁹.

¹⁴ Hà Công Anh Bảo và Lê Hằng Mỹ Hạnh, tldd, tr. 3.

¹⁵ Báo cáo Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến..., tldd, tr.1

¹⁶ Đỗ Hữu Chiến, tldd, tr. 33

¹⁷ Chu Thị Hoa, tldd, tr. 40.

¹⁸ Báo cáo Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến, tldd, tr. 15.

¹⁹ Hà Công Anh Bảo và Lê Hằng Mỹ Hạnh, tldd, tr. 3.

ODR là phương thức giải quyết tranh chấp được hỗ trợ bởi công nghệ và được tiến hành trên nền tảng công nghệ số²⁰.

- *Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), Big Data, Blockchain*: Các công nghệ này sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc phân tích dữ liệu vụ việc, dự đoán kết quả, hỗ trợ trọng tài viên đưa ra phán quyết chính xác và hiệu quả hơn. Xu hướng khai thác kết hợp các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) như trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ chuỗi khối (blockchain) trong giải quyết tranh chấp sẽ làm cho các phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến như trọng tài trực tuyến, hòa giải trực tuyến có khả năng cung cấp các dịch vụ tiếp cận công lý tốt hơn và chất lượng cao hơn tới người dùng²¹.

- *Tăng cường tính phi biên giới và khả năng tiếp cận toàn cầu*: ODR được thực hiện trong môi trường ảo, loại bỏ khái niệm biên giới địa lý, cho phép giải quyết tranh chấp giữa các bên ở các quốc gia khác nhau một cách dễ dàng. ODR mang tính chất phi biên giới. Trong bối cảnh kinh tế phát triển hội nhập hiện nay, các tranh chấp thương mại nói chung và thương mại điện tử nói riêng là các tranh chấp giữa các chủ thể thuộc các quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau; Tranh chấp về những khách thể ngoài biên giới quốc gia, thậm chí là trên không gian mạng internet phi biên giới²².

- *Sự phát triển của các trung tâm trọng tài số*: Nhiều trung tâm trọng tài đã và đang đầu tư xây dựng nền tảng ODR. Các trung tâm trọng tài tại Việt Nam đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ GQTC bằng TTTM theo PTTT, trong đó nổi bật là Trung tâm hòa giải thương mại quốc tế Việt Nam (VICMC), Trung tâm hòa giải thương mại Việt Nam (VMC); Trung tâm trọng tài quốc tế Hà Nội (HIAC) khi ba trung tâm này đã xây dựng được nền tảng GQTC bằng TTTM theo PTTT²³.

5. Kiến nghị nâng cao vai trò của công nghệ số đến hoạt động của trọng tài thương mại:

Để tối ưu hóa vai trò của công nghệ số và thúc đẩy sự phát triển của trọng tài thương mại tại Việt Nam, cần có các kiến nghị sau:

Thứ nhất, về hoàn thiện khung pháp lý như sau:

- Xây dựng và ban hành luật, nghị định cụ thể về ODR và trọng tài trực tuyến: Cần có các quy định rõ ràng về phạm vi áp dụng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và giá trị pháp lý của các quyết định trọng tài trực tuyến, bởi lẽ cần có qui định cụ thể về phương thức này để tạo niềm tin cho các bên cũng như cơ sở pháp lý để hòa giải thương mại trực tuyến phát triển.

²⁰ Bùi Hồng Ngọc, Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trực tuyến tại Việt Nam, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 72/Tháng 5(2023), tr. 89.

²¹ Chu Thị Hoa, tldd, tr. 37.

²² Bùi Hồng Ngọc, tldd, tr. 90.

²³ Đỗ Hữu Chiến, tldd, tr. 32.

- Thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và bằng chứng điện tử: Cần sửa đổi quy định của pháp luật hiện hành cho phép sử dụng chữ ký điện tử trong việc xác lập biên bản hòa giải thành và có giá trị pháp lý tương đương như chữ ký theo phương thức truyền thống.

- Quy định về bảo mật và an toàn thông tin: Cần ban hành các quy định về tính bảo mật và an toàn trong hoạt động giải quyết tranh chấp trực tuyến, nhằm hạn chế rủi ro cho các bên tranh chấp và trung tâm hòa giải, đồng thời tạo cơ sở để giải quyết tranh chấp (nếu có).

Thứ hai, về nâng cao năng lực và nhận thức như sau:

- *Đào tạo và phát triển đội ngũ trọng tài viên có kỹ năng số*: Cần bổ sung các quy định về yêu cầu đối với hòa giải viên tham gia hòa giải thương mại trực tuyến phải có các kỹ năng công nghệ thông tin và kỹ năng, trình độ hòa giải bằng trực tuyến.

- *Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người dân về ODR*: Cơ quan quản lý nhà nước, trong đó đi đầu là Bộ Công thương cần đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền và đào tạo cán bộ thực thi pháp luật, doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng về nền tảng ODR và GQTC bằng TTTM theo PTTT ở Việt Nam bởi công nghệ cao để các đối tượng này nắm rõ đặc điểm, tính chất, cũng như lợi ích của hệ thống ODR và GQTC bằng TTTM theo PTTT ở Việt Nam bởi công nghệ cao, từ đó, thúc đẩy việc sử dụng mô hình này một cách rộng rãi”.

Thứ ba, về đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ như sau:

- *Xây dựng nền tảng trọng tài số hiện đại và thân thiện*: Đầu tư xây dựng nền tảng công nghệ GQTC hiệu quả, đơn giản và thân thiện.

- *Ứng dụng các công nghệ tiên tiến (AI, Big Data, Blockchain)*: Sử dụng phần mềm, công cụ sử dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ trình bày và phân tích” và “đầu tư công nghệ cao để lưu trữ thông tin”.

Thứ tư, tăng cường vai trò quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành như sau:

- *Xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực tư pháp*: Nhà nước cần đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Chính phủ điện tử đối với lĩnh vực tư pháp. Hệ thống tư pháp này sẽ giúp người dân thuận tiện trong việc giải quyết các tranh chấp, tố cáo, khiếu nại các hành vi gian lận, trộm cắp, tội phạm mạng để các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, điều tra và kịp thời xử lý.

- *Tăng cường giám sát và hỗ trợ các trung tâm trọng tài*: Nhà nước cần quan tâm đến công tác bồi dưỡng kỹ năng cho các Trọng tài viên, tiến hành thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Trọng tài thương mại để nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý vi phạm nếu có, giúp các trung tâm trọng tài tuân thủ đúng pháp luật, phát triển bền vững. Đồng thời, Nhà nước cũng cần có chính sách hỗ trợ cơ chế tài phán này.

6. Kết luận:

Công nghệ số đang tạo ra những thay đổi sâu sắc và toàn diện đối với hoạt động của trọng tài thương mại, từ cách thức quản lý vụ việc, tiến hành phiên họp đến việc hình thành các

phương thức giải quyết tranh chấp mới như ODR. Những tác động tích cực về hiệu quả, tốc độ và khả năng tiếp cận công lý là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, để tối đa hóa lợi ích và vượt qua những thách thức hiện hữu, Việt Nam cần có những bước đi chiến lược và đồng bộ trong việc hoàn thiện khung pháp lý, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực đội ngũ và thay đổi nhận thức của xã hội. Việc tích cực ứng dụng công nghệ số vào trọng tài thương mại không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp mà còn thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và ổn định, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế số ngày càng sâu rộng. Với sự hỗ trợ của khoa học công nghệ trong giải quyết tranh chấp thì xu hướng giải quyết tranh chấp tranh chấp trực tuyến trong thương mại đã được minh chứng thực tế ở các nước phát triển trên thế giới cùng với những lợi ích mà phương pháp này mang lại như tiết kiệm thời gian, chi phí, tiện lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Chiến, Một số giải pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo phương thức trực tuyến ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03-2024, tr. 32.
2. Hà Công Anh Bảo và Lê Hằng Mỹ Hạnh, Giải quyết tranh chấp trực tuyến – Khả năng áp dụng ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, số 93 (12/2017), tr. 1.
3. Báo cáo Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến với thương mại điện tử của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Dự án MUTRAP EU-VIETNAM, Hà Nội, tháng 6/2016, tr. 16-17.
4. Chu Thị Hoa, Nhu cầu phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 24 (448) - T12/2021, tr. 37.
5. Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, Thực trạng khung pháp lý về hòa giải thương mại trực tuyến và kiến nghị giải pháp hoàn thiện, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 133, Số 6C, 2024, tr. 170.
6. Bùi Hồng Ngọc, Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trực tuyến tại Việt Nam, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 72/Tháng 5(2023), tr. 89.

ÁP DỤNG LỄ CÔNG BẰNG TRONG TỔ TỤNG TRỌNG TÀI: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Hồ Phúc Nguyên¹

Tóm tắt: Ngày nay, nhiều hệ thống pháp luật và quy tắc tổ tụng trọng tài tại các trung tâm trọng tài trên thế giới đã cho phép trọng tài áp dụng lễ công bằng để giải quyết tranh chấp mà không bị ràng buộc bởi các quy định cứng nhắc của pháp luật. Quy tắc này được biết đến với thuật ngữ *amiable composition/amiable compositeur* hay *ex aequo et bono*. Tại Việt Nam, tuy quy định hiện hành đã ghi nhận vai trò của lễ công bằng trong việc giải quyết tranh chấp, nguồn luật này hiện chỉ được áp dụng bởi tòa án khi không có luật điều chỉnh mà không phải bởi trọng tài. Bài viết nghiên cứu quy định về áp dụng lễ công bằng trong tổ tụng trọng tài theo Luật Mẫu và thực tiễn ghi nhận trong pháp luật của một số quốc gia. Trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm quốc tế, bài viết đánh giá khả năng ghi nhận quy tắc này trong pháp luật Việt Nam từ thực tiễn giải quyết tranh chấp lãi suất hợp đồng tín dụng.

Từ khóa: trọng tài, lễ công bằng, *amiable compositeur/amiable composition*, *ex aequo et bono*

Abstract: Nowadays, many legal systems and arbitration rules in arbitration centers around the world allow arbitrators to apply equity to resolve disputes without being bound by rigid regulations under the law. This rule is known as *amiable composition/amiable compositeur* or *ex aequo et bono*. In Vietnam, although current regulations recognize the role of equity in dispute resolution, this source of law is just only applied by the courts when there is no governing law but not arbitration. The article researchs the provisions on the application of equity in arbitration proceedings under the Model Law and the laws of some countries. On the basis of learning from international experiences, the article evaluates the possibility of recognizing this rule in Vietnamese law from the practice of resolving disputes over interest rates on credit contracts.

Keywords: arbitration, equity, *amiable compositeur/amiable composition*, *ex aequo et bono*

1. Xu hướng ghi nhận việc áp dụng lễ công bằng trong tổ tụng trọng tài trên thế giới

1.1. Quy định Luật Mẫu về trọng tài áp dụng lễ công bằng

Hiện nay, hoạt động tổ tụng trọng tài thương mại quốc tế đang ngày càng linh hoạt khi nhiều hệ thống pháp luật và quy tắc tổ tụng trọng tài tại các trung tâm trọng tài đã cho phép trọng tài áp dụng lễ công bằng để giải quyết tranh chấp thay thế cho các quy định pháp luật.

¹ Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

Nghiên cứu cho thấy hiện nay trên thế giới tồn tại hai thuật ngữ về trọng tài áp dụng lẽ công bằng là “*amiable compositeur/amiable composition*” và “*ex aequo et bono*”. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ trong cách sử dụng hai thuật ngữ này trong các hệ thống pháp luật khác nhau.

Trong quá trình soạn thảo Luật Mẫu UNCITRAL, việc sử dụng thuật ngữ chuyên ngành để diễn tả việc áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp trong hoạt động tổ tụng trọng tài đã được các nhà làm luật cân nhắc kỹ lưỡng. Trên cơ sở xem xét cách giải thích định nghĩa thuật ngữ về trọng tài áp dụng lẽ công bằng trong nhiều hệ thống pháp luật và xem xét khả năng phương thức này chưa được thừa nhận trong tất cả hệ thống pháp luật², các nhà làm luật đã đi đến thống nhất chung về việc giữ lại cả hai cách diễn đạt này trong Luật Mẫu, bởi lẽ “*điều này là có thể chấp nhận được*”³. Ngoài ra, việc sử dụng hai thuật ngữ trong Luật Mẫu cũng được cho là chịu ảnh hưởng bởi quy định tại khoản 2 Điều VII Công ước Châu Âu về Trọng tài Thương mại Quốc tế⁴. Trong đó, Công ước đã sử dụng “*amiable compositeur/amiable composition*” và “*ex aequo et bono*” có thể thay thế cho nhau và không có sự phân biệt giữa chúng.⁵ Do đó, tại Luật Mẫu, hai thuật ngữ “*amiable compositeur/amiable composition*” và “*ex aequo et bono*” được sử dụng với nghĩa tương đương nhau. Cụ thể, tại khoản 2 Điều 28 Luật Mẫu quy định “*Trọng tài có quyền được quyết định ex aequo et bono hay amiable compositeur/amiable composition chỉ khi các bên trao quyền này một cách minh thị cho Hội đồng trọng tài*”. Quy định trên tương tự như quy định tại Điều 35 của Quy tắc Trọng tài UNCITRAL.⁶

Quy định trong Luật Mẫu đã thể hiện sự ưu tiên cho các thỏa thuận của các bên trong việc lựa chọn pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp trong hoạt động tổ tụng trọng tài. Đáng chú ý, nguồn giải quyết tranh chấp được các bên lựa chọn không chỉ giới hạn ở các quy định của pháp luật hiện hành, mà còn là “*amiable compositeur/amiable composition*” hoặc “*ex*

² Dự thảo ban đầu của Luật Mẫu UNCITRAL quy định tại Điều 32 như sau: “Hội đồng trọng tài sẽ quyết định aequo et bono (hoặc amiable compositeur) [chỉ] khi các bên đã yêu cầu rõ ràng như vậy” ([t]he arbitral tribunal shall decide ex aequo et bono [or as amiable compositeur][only] if the parties have expressly authorized to do so”). Từ “chỉ” (only) được giải thích được đặt vào với ý nghĩa chỉ ra rằng đây là một thủ tục đặc biệt trong hoạt động tổ tụng trọng tài. Xem thêm tại: Report of the Working Group on International Contract Practices on the Work of its Fourth Session, A/CN.9/232, para. 169.

³ Holtzmann Howard, Neuhaus Joseph (1989), A Guide to the UNCITRAL Model on International Commercial Arbitration: Legislative History and Commentary, Kluwer Law and Taxation Publishers, The Netherlands.

⁴ Tại khoản 2 Điều VII Công ước Châu Âu về Trọng tài Thương mại Quốc tế (European Convention on International Commercial Arbitration) quy định “Các trọng tài viên sẽ hoạt động như amiable compositeur nếu các bên quyết định như vậy và nếu họ có thể thực hiện theo như vậy theo pháp luật trọng tài” (“The arbitrators shall act as amiables compositeurs if the parties so decide and if they may do so under the law applicable to the arbitration”).

⁵ Nobushimi Teramura (2020), The strengths and Weaknesses of Arguments Pertaining to Ex Aequo Et Bono, Asian International Arbitration Journal, Volume 15, Number 2, tr. 63 - 86

⁶ Khoản 2 Điều 35 Quy tắc Trọng tài UNCITRAL quy định “Hội đồng trọng tài sẽ quyết định amiable compositeur hay ex aequo et bono chỉ khi các bên đã đồng thuận cho trọng tài giải quyết tranh chấp theo hướng như vậy”

aequo et bono”⁷. Sự thỏa thuận của các bên về việc trao quyền cho hội đồng trọng tài là yếu tố quan trọng và cần thiết để một phán quyết trọng tài được đưa ra dựa trên lẽ công bằng. Nếu không tồn tại sự đồng thuận này, việc trọng tài giải quyết tranh chấp không dựa trên các quy định của pháp luật sẽ không có giá trị và phán quyết có thể bị hủy bỏ với căn cứ trọng tài vượt quá thẩm quyền theo Điều 34(2)(a)(iv) của Luật Mẫu và Điều V(1)(c) Công ước New York.⁸ Đây là một vấn đề cần lưu ý, bởi lẽ nó liên quan đến các căn cứ để từ chối công nhận và/hoặc thực thi phán quyết trọng tài được đưa ra theo *amiable compositeur/amiable composition*⁹. Trên thực tế, nhiều phán quyết trọng tài dựa trên *amiable compositeur/amiable composition* đã bị tuyên hủy với lý do thiếu vắng sự thỏa thuận của các bên cho phép Trọng tài được ra quyết định dựa theo những gì họ cho là công bằng và bỏ qua các quy định của pháp luật¹⁰. Lấy ví dụ phán quyết trọng tài đã giải quyết *amiable compositeur* trong vụ việc *Riverstone Insurance Ltd v Brouard & Daude-Brouard* (2009) 927 đã bị Tòa thượng thẩm Pháp tuyên hủy một phần vì lý do thiếu vắng sự thỏa thuận của các bên để hội đồng trọng tài giải quyết theo lẽ công bằng và bỏ qua các quy định của pháp luật¹¹.

1.2. Thực tiễn quy định pháp luật xét xử trọng tài quốc tế tại một số quốc gia

1.2.1. Hệ thống pháp luật Pháp

Hệ thống pháp luật Pháp là một trong những hệ thống dân luật đầu tiên ghi nhận Trọng tài ra phán quyết giải quyết tranh chấp dựa trên lẽ công bằng thay vì áp dụng các quy định của pháp luật. Đây cũng là hệ thống pháp luật đầu tiên ghi nhận thuật ngữ *amiable compositeur/amiable composition* với vai trò của lẽ công bằng trong việc giải quyết tranh chấp trong Bộ luật Napoleon năm 1804 và Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 1806 của Pháp. Ban đầu, *amiable compositeur composition* được định nghĩa là thủ tục mà hội đồng trọng tài phải tiến hành tìm kiếm các quy định pháp luật hiện hành, cùng với đó, kết hợp lẽ công bằng để tìm ra một giải pháp công bằng và khả thi nhất¹². Đến nay, cách tiếp cận thuật ngữ này đã có nhiều sự thay đổi đáng kể so với thời điểm nó được bắt nguồn tại Pháp.

Nghị định năm 1981 đã cho phép áp dụng quyền tự do trong việc lựa chọn luật trong trọng tài thương mại, cụ thể “*Trọng tài có quyền giải quyết tranh chấp phù hợp với các quy tắc*

⁷ Report of the Working Group on International Contract Practices on the Work of its Fourth Session, A/CN.9/232, đoạn 169.

⁸ Holtzmann Howard, Neuhaus Joseph (1989), A Guide to the UNCITRAL Model on International Commercial Arbitration: Legislative History and Commentary, Kluwer Law and Taxation Publishers.

⁹ Albertas Sekstelo (2021), Why ex aequo et bono cannot be used without parties’ express agreement: a comparative analysis, ISSN 2424-4295, Arbitrazas, Teorija Ir Praktika VII, tr.64-65.

¹⁰ Albertas Sekstelo (2021), tldđ, tr. 65.

¹¹ Xem bản án ngày 18/2/2010 của Tòa thượng thẩm Pháp: C. A Paris, le 18/2/2010. Mealey’s Arb., Riverstone Ins Ltd v Brouard Daude-Brouard (2009) 927, tr. 8, <https://cabinet-castellane-avocats.fr/wp-content/uploads/2021/06/2010-04-01-french-case-law-annual-report.pdf> (truy cập ngày 20/12/2022).

¹² Alexander J. Belohlavek (2013), Application of Law in Arbitration, Ex Aequo et Bono and Amiable Compositeur, Czech (& Central European) Yearbook of Abitration, Vol. III, tr. 25 – 51.

theo pháp luật được lựa chọn bởi các bên; trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, hội đồng trọng tài có thể quyết định theo các quy tắc mà anh ta cho là phù hợp”. Bên cạnh đó, Nghị định năm 1981 cũng quy định thêm rằng sẽ không có bất kì khiếu nại nào khi trọng tài được trao thẩm quyền giải quyết theo *amiable compositeur*, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

Giai đoạn *amiable compositeur/amiable composition* xuất hiện tại Pháp đã có nhiều quan điểm khác nhau về việc trọng tài chỉ nên áp dụng quy định của pháp luật hay nên cho phép áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp. Để giải thích và làm rõ cho những tranh luận này, bản án *Minhal*¹³ của Tòa thượng thẩm Paris đã lập luận rằng khi các bên đồng ý để cho trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng, điều này đồng nghĩa với việc họ đã từ bỏ những hiệu lực và lợi ích hợp pháp của chính họ theo quy định của luật. Khi đạt được sự đồng thuận này, các bên sẽ mất quyền yêu cầu áp dụng quy định pháp luật và trọng tài có thẩm quyền đưa ra giải pháp giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng¹⁴.

Sau đó, quy định này được tham khảo và đưa vào Điều 1497 BLTTDS Pháp “*trọng tài giải quyết tranh chấp phù hợp với quy tắc pháp luật, trừ khi các bên trao quyền cho trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng*”. Trải qua lần sửa đổi lớn vào năm 2011, BLTTDS Pháp đã có hai điều khoản điều chỉnh quy tắc này đối với việc giải quyết tranh chấp cho trọng tài trong nước các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Theo đó, đối với tranh chấp trong nước “*hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật, trừ khi các bên đã đồng ý cho hội đồng trọng tài giải quyết theo amiable composition*” (Điều 1478 BLTTDS Pháp) và đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài “*hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp theo amiable composition khi các bên cho phép thực hiện phương thức này*” (Điều 1512 BLTTDS Pháp).

Pháp luật Pháp đã trải qua nhiều thời kì cùng với sự ghi nhận phương thức áp dụng lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài thương mại. Trên thực tế, các luật gia người Pháp đều biết đến thành ngữ “*Dieu nous préserve de l'équité des parlements*”¹⁵, đây là thành ngữ được dùng để nói về nỗi sợ hãi của việc lạm dụng quyền lực dưới danh nghĩa của việc áp dụng lẽ công bằng. Đây cũng là một trong những lý do gây ra sự căm ghét của xã hội đối với các luật gia trong và sau Cách mạng Pháp. Từ đây, pháp luật Pháp cũng đánh dấu sự thay đổi trong nhận thức và quy định pháp luật về thẩm quyền của trọng tài khi được các bên yêu cầu giải quyết tranh chấp một cách công bằng thay vì áp dụng quy định của pháp luật. Khác với việc giải quyết tranh chấp theo luật định, hội đồng trọng tài đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một mối liên hệ giữa lẽ công bằng và giải pháp được đưa ra để giải quyết tranh chấp

¹³ Xem bản án C.A Paris, le 28/6/1996, Rev. Arb. 1997, P. 380, Note. É. Loquin, tldd.

¹⁴ Ilias Bantekas (2020), UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration: A Commentary, Cambridge University Press, tr. 751 - 752.

¹⁵ Vernon Valentine Palmer (1999), From Embrace to Banishment: A Study of Judicial Equity in France, The American Journal of Comparative Law, tr. 227

khi được yêu cầu giải quyết theo lẽ công bằng bởi các bên. Theo đó, những lý do lựa chọn và quyết định cần được chứng minh cho thấy hội đồng trọng tài đã xem xét một cách công bằng và bình đẳng khi đưa ra phán quyết.

Bản án số 192 ngày 15 tháng 2 năm 2001 của Tòa Phá án Pháp đã quy định về quyền và nghĩa vụ của hội đồng trọng tài¹⁶. Theo đó, việc giải quyết tranh chấp của hội đồng trọng tài theo lẽ công bằng nên được xem xét vừa là thẩm quyền của hội đồng trọng tài, vừa là nghĩa vụ mà hội đồng trọng tài cần thực hiện trong quá trình tố tụng. Khi được các bên ủy quyền giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng, hội đồng trọng tài có quyền bỏ qua các quy định pháp luật và đưa ra quyết định mà họ cho là công bằng nhất. Tuy nhiên, cùng với quyền đó, hội đồng trọng tài có nghĩa vụ phải chứng minh và giải thích các giải pháp giải quyết tranh chấp đã được xem xét trên cơ sở công bằng khi tuyên phán quyết.

Trải qua nhiều thời kì khác nhau với sự thay đổi của luật thương mại quốc tế và các tranh luận về vai trò của lẽ công bằng trong hoạt động giải quyết tranh chấp của trọng tài, việc giữ lại quy tắc và xây dựng các điều khoản về *amiable compositeur/amiable composition* cho thấy sự nỗ lực vận động của pháp luật quốc gia về việc giải quyết tranh chấp một cách công bằng, hợp lý với những lợi ích mà nó mang lại. Trên cơ sở được pháp luật ghi nhận, thực tiễn áp dụng phương thức *amiable compositeur* cũng phát triển mạnh mẽ và sự ủng hộ dành cho trọng tài áp dụng phương thức này tại Pháp ngày càng tăng cao.

1.2.2. Hệ thống pháp luật Đức

Tiếp thu khoản 3 Điều 28 của Luật Mẫu UNCITRAL, khoản 3 Điều 1051 BLTTDS Đức quy định theo hướng các bên tranh chấp có quyền cho đồng ý cho phép hội đồng trọng tài áp dụng lẽ công bằng để xét xử. Việc hội đồng trọng tài áp dụng lẽ công bằng không có nghĩa là hội đồng trọng tài sẽ trực tiếp áp dụng lẽ công bằng¹⁷, mà là hội đồng trọng tài sẽ giảm thiểu đến mức tối đa việc áp dụng các quy định của luật thành văn vì khi áp dụng các quy định này sẽ cho ra một phán quyết không công bằng¹⁸. Hội đồng trọng tài có quyền không áp dụng luật thành văn nếu việc áp dụng này là không công bằng. Tuy vậy, cần lưu ý là việc hội đồng trọng tài có thể không áp dụng luật thành văn không có nghĩa hội đồng trọng tài không chịu ràng buộc bởi các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng trọng tài, việc không áp dụng chỉ là không áp dụng luật thành văn cho nội dung vụ tranh chấp.

¹⁶ A. Dumisc (2009), Advantages of Amiable International Arbitration: Characteristics and Scope of Arbitrator Powers, Đại học Oslo, <https://www.duo.uio.no/bitstream/handle/10852/22183/91117.pdf?sequence=1> (truy cập ngày 20/12/2022).

¹⁷ Bình luận Điều 1051 BLTTDS Đức, Böckstiegel, Kröll và Nacimiento (2014), Arbitration in Germany: The Model Law in Practice, Kluwer Law International, Đoạn 49.

¹⁸ Xem Bản án Tòa Thượng thẩm Paris Cour d'Appel de Paris 28.11.1996, Rev.Arb. 1997, 380, <https://afitac.com/2018/10/22/amiable-composition-arbitrage-pourquoi-la-choisir/> (truy cập ngày 20/12/2022).

Cách thức áp dụng lẽ công bằng của trọng tài tại Đức cũng khác với cách thức áp dụng lẽ công bằng của tòa án Đức. Tòa án Đức bắt buộc phải áp dụng luật thành văn, tuy nhiên ở điều khoản nào cho phép hay quy định về khả năng áp dụng lẽ công bằng của tòa án thì tòa án Đức sẽ dựa trên sự xem xét của mình để phân xử theo hướng mà mình cho là công bằng nhất. Ngoài ra, việc áp dụng lẽ công bằng của tòa án cũng không cần sự đồng ý của các bên vì tòa án mặc nhiên có thẩm quyền (và cả nghĩa vụ) áp dụng lẽ công bằng.

Lẽ công bằng chỉ có thể được áp dụng bởi trọng tài nếu được các bên tranh chấp đồng ý về vấn đề này, sự đồng ý, hay nói khác đi là thống nhất ý chí, phải được biểu đạt một cách rõ ràng và minh thị. Việc biểu đạt theo hướng mặc thị là không được chấp nhận¹⁹, bao gồm cả trường hợp các bên thỏa thuận ngầm theo hướng dẫn chiếu đến quy tắc tổ tụng mà quy tắc này cho phép hội đồng trọng tài áp dụng lẽ công bằng. Thông thường, sự thỏa thuận của các bên về việc cho phép trọng tài áp dụng lẽ công bằng sẽ diễn ra trước khi hội đồng trọng tài ra phán quyết. Sự thỏa thuận này cũng có thể được ghi nhận một cách trực tiếp trong thỏa thuận trọng tài trước khi tranh chấp chưa xảy ra hay trong một văn bản giải thích thỏa thuận trọng tài khi tranh chấp đã xảy ra²⁰. Trong quá trình tổ tụng trọng tài, các bên hoàn toàn có thể thỏa thuận về việc hội đồng trọng tài áp dụng lẽ công bằng khi giải quyết một vấn đề cụ thể của tranh chấp như chi phí, tổn thất, thiệt hại và các vấn đề có liên quan khác.

1.2.3. Hệ thống pháp luật Singapore

Pháp luật trọng tài của Singapore được xây dựng trên nền Luật Mẫu UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế. Tại Singapore, trọng tài thương mại được điều chỉnh bởi hai văn bản riêng biệt, cụ thể, hoạt động tổ tụng trọng tài trong nước được điều chỉnh bởi Luật Trọng tài Singapore năm 1953 và hoạt động tổ tụng trọng tài quốc tế chịu sự điều chỉnh của Luật Trọng tài quốc tế Singapore năm 1994.

Báo cáo đánh giá pháp luật trọng tài (*Report on Review of Arbitration Laws*) của Viện pháp luật Singapore năm 1993 nêu rõ Luật Mẫu UNCITRAL nên được thông qua ở Singapore liên quan đến trọng tài quốc tế, và pháp luật trọng tài trong nước nên cho phép giải quyết tranh chấp bằng *amiable compositeurs* với điều kiện là có sự đồng thuận của các bên cho việc áp dụng quy tắc này²¹. *Amiable compositeurs* được khuyến nghị định nghĩa là thẩm quyền của trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp bằng những gì được cho là công bằng mà không cần áp dụng các quy định nghiêm ngặt của pháp luật. Cùng với đó, *ex aequo et bono* nên được cho

¹⁹ Xem Bản án của Tòa thượng thẩm Munich OLG München 22.06.2005, <https://dejure.org/dienste/vernetzung/rechtsprechung?Gericht=OLG%20M%FCnchen&Datum=22.06.2005&Aktenzeichen=34%20Sch%2010/05> (truy cập ngày 20/12/2022).

²⁰ Böckstiegel, Kröll và Nacimiento, tldđ, Đoạn 59.

²¹ Xem thêm: Law Reform Committee (1993), *Report on Review of Arbitration Laws*, (<https://www.sal.org.sg/sites/default/files/PDF%20Files/Law%20Reform/1993-08%20%20Review%20of%20Arbitration%20Laws.pdf>, truy cập 19/12/2022).

phép trong trọng tài quốc tế với điều kiện các bên có sự đồng ý và trọng tài chứng minh được sự công bằng trong việc đưa ra phán quyết của mình.

Vào năm 1994, Luật Trọng tài quốc tế Singapore năm 2014 được ban hành đã tiếp thu và vận dụng quy định của Luật Mẫu UNCITRAL đưa vào Khoản 3 Điều 28 về quy tắc áp dụng giải quyết tranh chấp như sau: “Tòa án Trọng tài sẽ quyết định *ex aequo et bono* hay *amiable compositeur* chỉ khi được các bên được ủy quyền rõ ràng để làm như vậy”.

Cũng từ các phân tích tổng quan trên, vào năm 2010, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (Singapore International Arbitration Centre - SIAC) đã phát hành bản sửa đổi Quy tắc trọng tài SIAC. Trong bản quy tắc sửa đổi này, quy định tại Quy tắc 27 đã được làm rõ việc hội đồng trọng tài chỉ có thể áp dụng quy tắc *ex aequo et bono* và *amiable compositeur* trong trường hợp nhận được sự cho phép của các bên trong tranh chấp. Với những nội dung chỉnh sửa quan trọng liên quan đến các thủ tục tố tụng trọng tài, đây được đánh giá là lần sửa đổi lớn đầu tiên của Quy tắc trọng tài SIAC kể từ lần phát hành năm 2007²². Ở phiên bản hiện tại, Quy tắc trọng tài SIAC năm 2016 vẫn giữ quy tắc này.

Việc công nhận và áp dụng điều khoản cho phép trọng tài áp dụng lẽ công bằng đã cho thấy những nỗ lực của pháp luật Singapore trong việc phát triển hoạt động tố tụng trọng tài của quốc gia này. Điều này nhằm hướng đến việc xây dựng Singapore trở thành một trung tâm tài chính, pháp lý và là một trong những trung tâm trọng tài quốc tế lớn ở Châu Á nói riêng cũng như trên toàn thế giới nói chung.

2. Ghi nhận quyền áp dụng lẽ công bằng của trọng tài trong pháp luật Việt Nam

2.1. Quy định pháp luật hiện hành về trọng tài áp dụng lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp tại Việt Nam

Như đã đề cập ở phần đặt vấn đề, pháp luật Việt Nam đã có quy định áp dụng lẽ công bằng trong việc giải quyết tranh chấp. Cụ thể, tại Điều 6 BLDS quy định “1. Trường hợp phát sinh quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự mà các bên không có thỏa thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng thì áp dụng quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự tương tự; 2. Trường hợp không thể áp dụng tương tự pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này thì áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này, án lệ, lẽ công bằng”. Tại Điều 45 BLTTDS đã ghi nhận thẩm quyền của Tòa án được giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng khi “không thể áp dụng tập quán, tương tự pháp luật”. Từ các quy định nêu trên, có thể thấy, hiện nay lẽ công bằng đang được xem xét là một nguồn giải quyết tranh chấp, được áp dụng nhằm khắc phục kịp thời

²² Change to SIAC Arbitration Rules (2010), Clayton UTZ, <https://www.claytonutz.com/knowledge/2010/july/changes-to-siac-arbitration-rules> (truy cập ngày 19/12/2022).

những khoảng trống pháp lý cho phù hợp với quan hệ pháp luật dân sự, điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ trong xã hội về tài sản và nhân thân thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự.

Xem xét từ góc độ pháp luật trọng tài thương mại, các tác giả nhận thấy pháp luật hiện hành chưa ghi nhận thẩm quyền của hội đồng trọng tài trong việc áp dụng lẽ công bằng trong việc giải quyết tranh chấp. Tại Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM) quy định như sau: “1. Đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp.; 2. Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn; nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất. 3. Trường hợp pháp luật Việt Nam, pháp luật do các bên lựa chọn không có quy định cụ thể liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội đồng trọng tài được áp dụng tập quán quốc tế để giải quyết tranh chấp nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Theo đó, khi giải quyết tranh chấp, hội đồng trọng tài chỉ được áp dụng theo pháp luật mà không có các lựa chọn nguồn giải quyết khác khi chưa có điều luật để áp dụng, mà ở đây cụ thể là lẽ công bằng như thẩm quyền của tòa án được ghi nhận trong Điều 45 BLTTDS.

Tuy chưa có quy định về việc trọng tài áp dụng lẽ công bằng trong các văn bản pháp luật hiện hành, một số trung tâm trọng tài tại Việt Nam vẫn ghi nhận điều này trong quy tắc trọng tài của mình²³ và trên thực tế, các trung tâm trọng tài vẫn thường xuyên áp dụng lẽ công bằng trong trường hợp pháp luật không có quy định điều chỉnh²⁴. Lấy ví dụ như trong Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 20/18 HCM ngày 18/10/2018 được tuyên bởi hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), phán quyết này đã được hội đồng trọng tài dựa theo lẽ công bằng để giải quyết phần tổn thất của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thanh toán phần lãi này với thời gian là 2 năm của số tiền đặt cọc. Mặc dù đã bị tuyên hủy theo Quyết định số 754/QĐ-PQTT của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì việc giải quyết phần lãi trong trường hợp chậm thanh toán không nằm trong yêu cầu của các bên, phán quyết đã cho thấy các hội đồng trọng tài vẫn thường xuyên áp dụng lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp.

²³ Theo khoản 3 Điều 22 Quy tắc tố tụng Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Luật gia Việt Nam “Trường hợp pháp luật Việt Nam, pháp luật do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật do Hội đồng Trọng tài quyết định áp dụng không có quy định cụ thể liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội đồng Trọng tài được áp dụng tập quán, áp dụng tương tự pháp luật hoặc án lệ, lẽ công bằng để giải quyết vụ tranh chấp nếu việc áp dụng và hậu quả của việc áp dụng không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

²⁴ Anh Huy, Kiều My (2022), Chia sẻ kinh nghiệm về những vấn đề đương đại trong trọng tài quốc tế, <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/chia-se-kinh-nghiem-ve-nhung-van-de-duong-dai-trong-trong-tai-quoc-te-1491891983> (truy cập ngày 19/12/2022).

Thực chất, việc áp dụng áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp của các Trung tâm Trọng tài này vẫn tồn tại và phán quyết của hội đồng trọng tài vẫn có hiệu lực, bởi lẽ theo quy định tại Điều 68 Luật TTTM, được hướng dẫn bởi Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP về các căn cứ hủy phán quyết trọng tài, phán quyết của hội đồng trọng tài dựa theo lẽ công bằng không có căn cứ để hủy bỏ. Tuy nhiên, nghiên cứu khả năng ghi nhận trọng tài áp dụng lẽ công bằng tại Việt Nam, thực tiễn áp dụng lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp tại các trung tâm trọng tài đặt ra hai vấn đề đáng chú ý sau:

Thứ nhất, quy định hiện hành chưa ghi nhận khả năng trọng tài áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp, các trung tâm trọng tài áp dụng lẽ công bằng hiện chỉ theo quy tắc tố tụng trọng tài của trung tâm mình. Do đó, khả năng trọng tài áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp không thực sự được ghi nhận một cách rõ ràng bởi pháp luật hiện hành, không mang tính bắt buộc, đồng thời cũng không được áp dụng phổ biến và rộng rãi tại Việt Nam.

Thứ hai, hiện nay điều khoản về giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng tại các trung tâm trọng tài đang được quy định tương tự như nguyên tắc giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng của tòa án. Điều này có nghĩa là khi trọng tài không có cơ sở để giải quyết tranh chấp, cụ thể là khi không có quy định pháp luật và không tồn tại các nguồn khác như tập quán, án lệ về vấn đề cần giải quyết, hội đồng trọng tài mới được áp dụng lẽ công bằng.

Từ những phân tích trên, có thể thấy, tuy đã được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam, vai trò của lẽ công bằng còn khá mơ hồ và chỉ mang tính bổ trợ cho việc giải quyết tranh chấp khi lẽ công bằng là nguồn luật cuối cùng được xét đến trong nguyên tắc giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật điều chỉnh²⁵. Việc các trung tâm trọng tài trong nước áp dụng lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp có thể được xem là một điều kiện thuận lợi cho việc ghi nhận lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Tuy nhiên, cũng có thể dễ dàng thấy rằng việc pháp luật hiện hành chưa có quy định cho phép trọng tài áp dụng lẽ công bằng chưa thúc sự thỏa thuận của các bên trong tranh chấp và khả năng hội đồng trọng tài áp dụng lẽ công bằng ngay cả khi pháp luật có quy định điều chỉnh.

Đặt dưới góc độ so sánh và học hỏi quy định của Luật Mẫu và nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới, các tác giả nhận thấy việc pháp luật hiện hành hạn chế nguồn để giải quyết tranh chấp của trọng tài cho dù có sự thỏa thuận và cho phép của các bên cho hội đồng trọng tài sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển và quá trình tiệm cận với pháp luật quốc tế của trọng tài thương mại Việt Nam.

²⁵ Phùng Trung Tập (2020), Áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp dân sự, Tạp chí Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/ap-dung-le-cong-bang-de-giai-quyet-tranh-chap-dan-su.html> (truy cập ngày 19/12/2022).

2.2. Đánh giá khả năng ghi nhận thẩm quyền áp dụng lẽ công bằng trong tố tụng trọng tài tại Việt Nam

Dựa theo bài học kinh nghiệm quốc tế đã nêu tại mục 1.2 và phân tích pháp luật hiện hành, các tác giả nhận thấy việc cho phép các bên trong tranh chấp và hội đồng trọng tài áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp cho dù vẫn tồn tại quy định pháp luật hiện hành về vấn đề đó sẽ tạo nên sự linh hoạt cho hoạt động trọng tài. Để nhấn mạnh vai trò của việc ghi nhận quyền áp dụng lẽ công bằng trong tố tụng trọng tài tại nước ta, bài viết nghiên cứu thực tiễn giải quyết tranh chấp lãi suất hợp đồng tín dụng tại Việt Nam với thực trạng bấy “tín dụng đen” được xác định từ sự chưa phù hợp trong quy định pháp luật.

Thời gian gần đây, bấy tín dụng đen đang trở thành vấn đề đáng báo động và nhận được sự quan tâm từ người dân, các cơ quan chức năng và giới nghiên cứu khi các công ty tài chính và các app cho vay với lãi suất lên đến hơn 100%/năm²⁶.

Hiện nay, hoạt động cho vay tại Việt Nam được điều chỉnh bởi pháp luật chung tại BLDS và pháp luật chuyên ngành là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật CTCTD) và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết 01/2019). Theo quy định pháp luật dân sự tại Điều 468 BLDS điều chỉnh về lãi suất, các bên tham gia vào hoạt động cho vay được thỏa thuận về lãi suất vay, tuy nhiên mức lãi suất này “không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”. Như vậy, nếu trong hoạt động cho vay giữa các chủ thể trong đời sống dân sự vượt quá mức lãi suất 20%/năm, phần lãi suất cao hơn sẽ bị vô hiệu, đây là một quy định hợp lý bởi lẽ việc giới hạn mức lãi suất sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên đi vay. Tuy nhiên, quy định này hiện không được áp dụng tương tự đối với hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.

Theo luật chuyên ngành điều chỉnh về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, cụ thể tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019 nêu rõ “*Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất*”. Trong khi đó tại Điều 91 Luật CTCTD không đặt ra mức lãi suất không chế mà theo hướng cho phép “*tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất*”. Điều này đã dẫn đến việc các công ty tài chính tại Việt Nam cho vay với mức lãi suất cao và mức phạt vi phạm lớn đối với trường hợp khách hàng thanh toán trễ hạn nhưng không bị phạm

²⁶ Chí Thạch, Ngô Bình (2022), Bấy “tín dụng đen”: biến tướng, len lỏi từng ngõ ngách, Sài Gòn Giải Phóng Online, <https://thegioihoinhap.vn/thoi-su/xa-hoi/bay-tin-dung-den-bien-tuong-len-loi-tung-ngo-ngach> (truy cập ngày 19/12/2022).

vào mức trần lãi suất trong BLDS và tội cho vay nặng lãi theo Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi có tranh chấp xảy ra, theo quy định hiện hành, tòa án và trọng tài sẽ áp dụng theo Nghị quyết 01/2019 để giải quyết tranh chấp, do đó, bên đi vay là người dân sẽ không được bảo vệ.

Thực trạng này đã phản ánh vấn đề khi quy định pháp luật còn bất cập nhưng chưa được rà soát và sửa đổi, bổ sung khiến việc giải quyết tranh chấp trên thực tế gặp nhiều khó khăn, phán quyết buộc được đưa ra buộc phải gây bất lợi cho một bên cụ thể bởi lẽ trọng tài chỉ được tuân theo các quy định của pháp luật. Như vậy, liệu chẳng trọng tài nên được pháp luật cho phép áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp mà không cần phụ thuộc vào quy định pháp luật?

Tại đây, các tác giả đặt giả sử pháp luật Việt Nam ghi nhận quyền áp dụng lẽ công bằng trong tố tụng trọng tài, các bên có sự thống nhất ý chí trao quyền cho hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng ngay cả khi có quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, hội đồng trọng tài sẽ sử dụng các quan niệm, nhận định về công bằng và bình đẳng để giải quyết vụ việc mà không bị phụ thuộc vào luật thực định. Do đó, họ có quyền quyết định mức lãi suất cho vay hợp lý giữa bên cho vay là các công ty tài chính và bên đi vay là người dân, phần lãi suất vượt quá sẽ bị tuyên vô hiệu. Hay thậm chí, phán quyết của trọng tài có thể không chế mức lãi suất 20%/năm theo quy định của BLDS mà không phải tuân theo nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành (Luật CTCTD) trước luật chung (BLDS) như quy định pháp luật hiện hành. Theo đó, để đưa ra phán quyết cuối cùng, hội đồng trọng tài sẽ xem xét giải pháp giải quyết tranh chấp mà theo họ là công bằng nhất, hợp lý nhất mà không cần phải cân nhắc các quy định pháp luật đang tồn tại và có hiệu lực. Phán quyết được đưa ra dựa trên nhận thức của hội đồng trọng tài về lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng về lãi suất cho vay nêu trên cũng không vi phạm đến trật tự công cộng hay các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hiện hành. Như vậy, với sự ghi nhận quyền áp dụng lẽ công bằng trong tố tụng trọng tài, bên cho vay trong hợp đồng tín dụng có mức lãi suất cao sẽ được bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Từ thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Việt Nam và giả sử được đặt ra, các tác giả cho rằng vấn đề pháp luật tồn tại nhiều quy định chưa thống nhất, chưa phù hợp gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động giải quyết tranh chấp của trọng tài. Dẫn rằng tranh chấp lãi suất của các hợp đồng tín dụng tiêu dùng mang tính cụ thể nhưng có thể thấy rằng thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Việt Nam gặp nhiều khó khăn liên quan đến sự chưa hoàn chỉnh của pháp luật, các tác giả đánh giá bối cảnh pháp luật hiện hành đặt ra nhu cầu ghi nhận quyền áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp trong tố tụng trọng tài.

Nghiên cứu xu hướng ghi nhận phương thức *amiable compositeur/amiable composition* hay *ex aequo et bono* từ các quốc gia trên thế giới và Luật Mẫu, việc trọng tài đưa ra phán quyết nhằm giải quyết tranh chấp theo hướng mà hội đồng trọng tài cho là công bằng và hợp lý sẽ giảm làm giảm nhẹ hệ quả pháp lý so với các giải pháp được đưa ra bởi trọng tài áp dụng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, việc tranh chấp được giải quyết dựa trên các lập luận của trọng tài về những gì được cho là công bằng và bình đẳng cũng sẽ giảm thiểu khoản chi phí tư vấn pháp lý cho các bên tham gia trong tranh chấp.

2.3. Một số khuyến nghị

Từ những quy định tại Luật Mẫu và sự ghi nhận trong các điều khoản tại pháp luật các quốc gia trên thế giới cũng như các quy tắc tổ tụng trọng tài của các trung tâm trọng tài lớn, pháp luật trọng tài Việt Nam cần lưu ý các vấn đề sau khi cho phép trọng tài áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp thay thế cho các quy định của pháp luật:

Thứ nhất, khả năng trọng tài áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp phải dựa trên cơ sở có sự đồng thuận của các bên tham gia, tức là cần có sự thống nhất ý chí trong việc sử dụng lẽ công bằng làm nguồn luật chính để giải quyết tranh chấp. Tuy pháp luật các quốc gia ghi nhận phương thức *amiable compositeur/amiable composition* hay *ex aequo et bono* không đặt ra quy định về hình thức và thời điểm các bên đưa ra thỏa thuận cho phép trọng tài giải quyết tranh chấp dựa theo lẽ công bằng, các tác giả cho rằng sự đồng thuận này nên được ghi nhận trong hợp đồng tại thời điểm giao kết. Bởi lẽ, xem xét khả năng sau khi phát sinh tranh chấp để các bên cùng đi đến thỏa thuận áp dụng lẽ công bằng để giải quyết sẽ không cao và khó dẫn đến một sự cho phép rõ ràng cho hội đồng trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp. Việc thống nhất nguồn luật giải quyết tranh chấp từ đầu sẽ tránh được các hệ quả có thể phát sinh sau này và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phán quyết trọng tài được đưa ra dựa trên lẽ công bằng thay thế cho các quy định của pháp luật.

Thứ hai, để một phán quyết dựa theo lẽ công bằng thay vì áp dụng luật thực định được công nhận và cho thi hành, hội đồng trọng tài cần chứng minh được giải pháp giải quyết tranh chấp đã được xem xét và cân nhắc trên sự công bằng, bình đẳng. Điều này sẽ hạn chế việc Trọng tài lạm dụng quyền lực dưới danh nghĩa áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp và làm mất đi tính chất và sai lệch vai trò của lẽ công bằng trong giải quyết tranh chấp.

Thứ ba, việc trọng tài áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp làm thay đổi luật nội dung trong quá trình giải quyết tranh chấp nhưng không làm thay đổi luật hình thức. Do đó, trọng tài có thể áp dụng lẽ công bằng tại bất kì giai đoạn nào trong quá trình tố tụng. Việc áp dụng này không thể là căn cứ để hủy phán quyết trọng tài vì theo nguyên tắc *Non réversion au fond*, tòa án chỉ được quyền xem xét trình tự tố tụng có vi phạm hay không mà không được xem xét lại nội dung của vụ tranh chấp.

Thứ tư, giới hạn cho sự linh hoạt khi trọng tài áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp là trật tự công cộng và các nguyên tắc cơ bản của quốc gia. Dẫu rằng trọng tài có thể không áp dụng một điều khoản của pháp luật thành văn nhưng điều này vẫn phải được tiến hành trong giới hạn của trật tự công cộng và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự phải được bảo đảm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Dumisc (2009), Advantages of Amiable International Arbitration: Characteristics and Scope of Arbitrator Powers, Đại học Oslo, <https://www.duo.uio.no/bitstream/handle/10852/22183/91117.pdf?sequence=1>
2. Albertas Sekstelo (2021), Why ex aequo et bono cannot be used without parties' express agreement: a comparative analysis, Arbitrazas, Teorija Ir Praktika VII, tr. 64 - 65.
3. Alexander J. Belohlavek (2013), Application of Law in Arbitration, Ex Aequo et Bono and Amiable Compositeur, Czech (& Central European) Yearbook of Abitration, Vol. III, tr. 25 – 51.
4. Böckstiegel, Kröll và Nacimiento (2014), Arbitration in Germany: The Model Law in Practice, Kluwer Law International, bình luận Điều 1051 BLTTDS Đức.
5. Bản án ngày 18/2/2010 của Tòa thượng thẩm Pháp:C. A Paris, le 18/2/2010. Mealey's Arb., Riverstone Ins Ltd v Brouard Daude-Brouard (2009) 927, tr. 8, <https://cabinet-castellane-avocats.fr/wp-content/uploads/2021/06/2010-04-01-french-case-law-annual-report.pdf>.
6. Change to SIAC Arbitration Rules (2010), Clayton UTZ, <https://www.claytonutz.com/knowledge/2010/july/changes-to-siac-arbitration-rules>.
7. Chí Thạch, Ngô Bình (2022), Bẫy “tín dụng đen”: biến tướng, len lỏi từng ngõ ngách, Sài Gòn Giải Phóng Online, <https://thegioihoinhap.vn/thoi-su/xa-hoi/bay-tin-dung-den-bien-tuong-len-loi-tung-ngo-ngach>
8. Anh Huy, Kiều My (2022), Chia sẻ kinh nghiệm về những vấn đề đương đại trong trọng tài quốc tế, <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/chia-se-kinh-nghiem-ve-nhung-van-de-duong-dai-trong-trong-tai-quoc-te-1491891983>
9. Holtzmann Howard, Neuhaus Joseph (1989), A Guide to the UNCITRAL Model on International Commercial Arbitration: Legislative History and Commentary, Kluwer Law and Taxation Publishers, The Netherlands.
10. Bantekas (2020), UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration: A Commentary, Cambridge University Press, tr. 751 - 752.
11. Nobushimi Teramura (2020), The strengths and Weaknesses of Arguments Pertaining to Ex Aequo Et Bono, Asian International Arbitration Journal, Volume 15, Number 2, tr. 63 - 86.
12. Phùng Trung Tập (2020), Áp dụng lẽ công bằng để giải quyết tranh chấp dân sự, Tạp chí Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/ap-dung-le-cong-bang-de-giai-quyet-tranh-chap-dan-su.html> (truy cập ngày 19/12/2022).
13. Vernon Valentine Palmer (1999), From Embrace to Banishment: A Study of Judicial Equity in France, The American Journal of Comparative Law, tr. 227.

**VAI TRÒ CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CÓ YẾU TỐ THƯƠNG MẠI DƯỚI TÁC ĐỘNG
CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Đặng Thị Thu Huyền¹
Nguyễn Thái Lâm²

Tóm tắt: Luật Đất đai 2024 đã đánh dấu bước đột phá quan trọng khi lần đầu tiên công nhận thẩm quyền của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, nghiên cứu này phân tích vai trò mới của trọng tài thương mại, các điểm mới về thẩm quyền theo Luật Đất đai 2024 và những vấn đề phát sinh khi số hóa quy trình giải quyết tranh chấp đất đai thương mại. Việc ứng dụng công nghệ số như trọng tài trực tuyến (ODR), trí tuệ nhân tạo (AI), và blockchain vào giải quyết tranh chấp đất đai thương mại mang lại nhiều lợi ích tuy nhiên cũng đặt ra thách thức về bảo mật dữ liệu, đồng bộ pháp lý và năng lực công nghệ. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý, phát triển hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực nguồn nhân lực và tăng cường hợp tác quốc tế để thúc đẩy vai trò của trọng tài trong giải quyết tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại một cách hiệu quả và bền vững.

Từ khóa: trọng tài thương mại, tranh chấp đất đai, chuyển đổi số, Luật Đất đai 2024, ODR

Abstract: The 2024 Land Law marks a significant breakthrough by, for the first time, recognizing the jurisdiction of commercial arbitration in resolving land disputes with commercial elements. In the context of rapid digital transformation, this study analyzes the new role of commercial arbitration, the new jurisdictional provisions under the 2024 Land Law, and the issues arising from the digitization of commercial land dispute resolution processes. The application of digital technologies such as online dispute resolution (ODR), artificial intelligence (AI), and blockchain to the resolution of commercial land disputes brings numerous benefits; however, it also poses challenges regarding data security, legal harmonization, and technological capacity. This study proposes solutions to improve the legal framework, develop technological infrastructure, enhance human resource capacity, and strengthen international cooperation to effectively and sustainably promote the role of arbitration in resolving commercial land disputes.

¹ TS Luật sư, Trường Khoa Luật ĐH Nguyễn Tất Thành. Email: Huyendtt@ntt.edu.vn.
² Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị Phường Phú Thuận, TPHCM, Học viên cao học Luật Kinh tế Trường ĐH Nguyễn Tất Thành. Email: 2311560562@nttu.edu.vn.

Keywords: *commercial arbitration, land disputes, digital transformation, Land Law 2024, ODR*

1. Đặt vấn đề

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, nền kinh tế số toàn cầu đang phát triển và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GDP của các quốc gia. Thị trường BĐS Việt Nam trong thập kỷ qua đã chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc về quy mô, giá trị giao dịch, sự đa dạng hóa sản phẩm và chủ thể tham gia. Sự phát triển này không chỉ thu hút các nhà đầu tư trong nước mà còn hấp dẫn dòng vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu nghỉ dưỡng, nhà ở thương mại, văn phòng cho thuê v.v... Cùng với sự phát triển đó, các tranh chấp phát sinh ngày càng đa dạng, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp lý khác nhau như dân sự, thương mại, đầu tư, xây dựng, tài chính, ngân hàng, quản lý vận hành v.v. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc giải quyết tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại đang đối mặt với những thách thức mới đòi hỏi phương thức tiếp cận hiện đại và hiệu quả. Luật Đất đai 2024 đã tạo ra bước ngoặt quan trọng khi lần đầu tiên chính thức công nhận trọng tài thương mại như một cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai phát sinh từ hoạt động thương mại.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 236 Luật Đất đai 2024 “*Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai được giải quyết bởi Tòa án... hoặc bởi Trọng tài thương mại*”. Quy định này mở ra cơ hội mới cho doanh nghiệp và các bên có liên quan trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp với nhu cầu kinh doanh.

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự kết hợp của trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, điện toán đám mây và blockchain đang tạo ra những thay đổi căn bản trong cách thức sản xuất, giao tiếp và quản lý. Đặc biệt, trong lĩnh vực pháp lý và tư pháp, chuyển đổi số và các ứng dụng như giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR), trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain đang định hình lại cách thức tổ chức và vận hành trọng tài thương mại, mang lại những cơ hội to lớn nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức mới cho hoạt động của Trọng tài thương mại.

2. Nhận diện tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại

Theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Dân sự 2015, đất đai là một dạng bất động sản đặc biệt với những đặc điểm khác với các loại tài sản khác: tính không thể tái tạo, tính bất động tuyệt đối về vị trí địa lý với tọa độ cụ thể, không thể di chuyển được, ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị và khả năng sử dụng. Điều này làm cho giá trị của đất đai có xu hướng gia tăng theo thời gian, đặc biệt tại các khu vực có vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng phát triển.

Ở Việt Nam, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu, cá nhân và tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất, không có quyền sở hữu đất. Đất đai có nhiều công năng sử dụng khác nhau (đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chuyên dùng...) và việc chuyển

đổi mục đích sử dụng đất phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Điều này tạo nên một chế độ pháp lý đặc thù trong các giao dịch liên quan đến đất đai. Do những đặc thù này, các tranh chấp liên quan đến đất đai phát sinh ngày càng nhiều và rất phức tạp, đặc biệt khi có sự giao thoa giữa quyền sử dụng đất và các hoạt động kinh doanh, đầu tư.

Tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại là những tranh chấp phát sinh từ các giao dịch thương mại liên quan đến quyền sử dụng đất, bao gồm chuyển nhượng quyền sử dụng đất phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thuê đất cho thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp và dự án đầu tư, hợp tác đầu tư bất động sản có sử dụng quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho các giao dịch tài chính tín dụng, cũng như đầu tư phát triển dự án trên đất được giao thuê của Nhà nước. Khác với tranh chấp đất đai dân sự thông thường giữa các cá nhân, hộ gia đình như tranh chấp ranh giới, thừa kế đất đai, tranh chấp đất đai thương mại có những đặc thù riêng biệt về chủ thể tham gia, giá trị kinh tế và tính chuyên nghiệp.

Về đặc thù chủ thể tham gia, tranh chấp đất đai thương mại có yếu tố lợi nhuận rõ ràng với các bên tham gia thường là các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, nhà đầu tư có mục đích sinh lời từ việc sử dụng, khai thác đất đai. Điều này khác biệt với các tranh chấp đất đai dân sự thông thường nhằm mục đích ở, sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ. Các chủ thể trong tranh chấp đất đai thương mại thường là doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các quỹ đầu tư, công ty phát triển bất động sản, ngân hàng, tổ chức tín dụng khi có quan hệ thế chấp bảo lãnh, các đối tác trong liên doanh liên kết, và cơ quan nhà nước khi có tranh chấp về thu hồi đất, giao đất.

Về đặc thù giá trị kinh tế, tranh chấp đất đai thương mại thường liên quan đến các khu đất có giá trị lớn, diện tích rộng với giá trị tranh chấp có thể lên đến hàng trăm tỷ, thậm chí hàng nghìn tỷ đồng, tạo tác động kinh tế và xã hội đáng kể. Do quy mô lớn, tranh chấp đất đai thương mại thường ảnh hưởng đến nhiều bên như ngân hàng cho vay, nhà thầu xây dựng, người mua nhà, cộng đồng dân cư xung quanh...

Về đặc thù tính chuyên nghiệp, do tính phức tạp về mặt pháp lý, kỹ thuật và tài chính, việc giải quyết tranh chấp đất đai thương mại đòi hỏi trọng tài viên phải có hiểu biết sâu về luật đất đai, luật đầu tư, luật doanh nghiệp, năng lực định giá thẩm định dự án, kiến thức về quy hoạch xây dựng và kỹ năng đàm phán trọng tài thương mại.

Các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai rất đa dạng, từ tranh chấp trong đầu tư phát triển dự án bất động sản giữa các bên góp vốn, hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết về phân chia lợi nhuận, chi phí xây dựng, quyền và nghĩa vụ trong quá trình triển khai dự án đến tranh chấp về tài chính huy động vốn liên quan đến nghĩa vụ thanh toán, lãi suất, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại là những tranh chấp phát

sinh từ các giao dịch thương mại liên quan đến quyền sử dụng đất, bao gồm nhưng không giới hạn ở: **Chuyển nhượng quyền sử dụng đất** phục vụ mục đích đầu tư, kinh doanh; **Thuê đất, cho thuê đất** phục vụ sản xuất kinh doanh; **Góp vốn bằng quyền sử dụng đất** vào doanh nghiệp, dự án đầu tư; **Hợp tác đầu tư bất động sản** có sử dụng quyền sử dụng đất; **Thế chấp quyền sử dụng đất** để bảo đảm cho các giao dịch tài chính, tín dụng; **Đầu tư phát triển dự án** trên đất được giao, thuê của Nhà nước...

Các tranh chấp trong đầu tư, phát triển dự án bất động sản là nhóm tranh chấp phổ biến nhất trong lĩnh vực bất động sản thương mại, thường có quy mô lớn và tác động sâu rộng: (i) Tranh chấp giữa các bên góp vốn, hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết như **tranh chấp về phân chia lợi nhuận**: Bất đồng trong việc xác định tỷ lệ phân chia lợi nhuận từ dự án, tranh chấp về phương pháp tính toán lợi nhuận thực tế, bất đồng về thời điểm phân chia lợi nhuận (theo giai đoạn hay cuối dự án), tranh chấp khi thị trường bất động sản biến động ảnh hưởng đến lợi nhuận dự kiến;

(ii) **Tranh chấp về chi phí xây dựng**: Bất đồng về việc phân bổ chi phí đầu tư ban đầu, tranh chấp khi chi phí thực tế vượt dự toán ban đầu, bất đồng về trách nhiệm chi trả các khoản phí phát sinh (phí hạ tầng, phí bồi thường giải phóng mặt bằng), tranh chấp về chất lượng công trình không đạt yêu cầu dẫn đến chi phí sửa chữa, nâng cấp;

(iii) **Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ trong quá trình triển khai dự án**: Bất đồng về vai trò, trách nhiệm của từng bên trong quản lý dự án, tranh chấp về quyền quyết định các vấn đề quan trọng của dự án, bất đồng về việc thay đổi thiết kế, quy mô dự án; tranh chấp khi một bên không thực hiện đúng cam kết về tiến độ, chất lượng

(iv) Tranh chấp liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC): **Tranh chấp về phân chia sản phẩm**: Bất đồng về tỷ lệ phân chia căn hộ, shophouse, văn phòng; tranh chấp về tiêu chí phân chia sản phẩm (theo vị trí, diện tích, giá trị); Bất đồng về việc lựa chọn sản phẩm ưu tiên cho từng bên; **Tranh chấp về quyền quản lý, điều hành dự án**: Bất đồng về cơ cấu quản lý, ban điều hành dự án; tranh chấp về quyền ký kết hợp đồng với nhà thầu, đối tác; bất đồng về việc ra quyết định đầu tư, thay đổi dự án; tranh chấp về trách nhiệm giám sát, kiểm soát chất lượng

(v) Tranh chấp về chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng phần vốn góp: **Trong bối cảnh thị trường biến động**: Tranh chấp khi giá bất động sản giảm, bên chuyển nhượng muốn hủy bỏ giao dịch; Bất đồng về việc điều chỉnh giá chuyển nhượng theo thị trường, tranh chấp về trách nhiệm bồi thường khi thị trường suy thoái; **Khi các bên không thực hiện đúng cam kết**: Bên nhận chuyển nhượng không thanh toán đủ, đúng hạn, Bên chuyển nhượng không bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu dự án, Tranh chấp về tình trạng pháp lý của dự án không như cam kết, Bất đồng về các nghĩa vụ tài chính chưa hoàn thành

Ngoài ra còn có tranh chấp mua bán chuyển nhượng bất động sản về tiến độ bàn giao, chất lượng công trình, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, tranh chấp thuê, cho thuê, thuê mua bất động sản về thời hạn thuê, điều kiện bàn giao, nghĩa vụ thanh toán, bảo trì sửa chữa và tranh chấp trong quản lý vận hành bất động sản giữa chủ đầu tư và ban quản trị, cư dân về phí bảo trì quản lý, quyền sử dụng các tiện ích chung, sở hữu chung riêng trong tòa nhà chung cư, về ranh giới giữa diện tích riêng và diện tích chung, về quyền sử dụng ban công, sân thượng, về việc cải tạo, sửa chữa phần sở hữu riêng ảnh hưởng đến phần chung; **Về quyền sử dụng các tiện ích chung:** quyền sử dụng hồ bơi, phòng gym, khu vui chơi; việc thu phí sử dụng tiện ích bổ sung; **Về chất lượng dịch vụ quản lý vận hành:** chất lượng dịch vụ bảo vệ, vệ sinh; việc bảo trì hệ thống kỹ thuật (thang máy, điều hòa trung tâm); trách nhiệm xử lý sự cố, khắc phục hư hỏng...

Các tranh chấp đất đai thương mại này không chỉ phức tạp về mặt pháp lý mà còn đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về thị trường bất động sản, kỹ thuật xây dựng, tài chính đầu tư. Việc giải quyết hiệu quả các tranh chấp này, đặc biệt thông qua trọng tài thương mại, sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển bền vững thị trường bất động sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số hiện nay.

2.2 Trọng tài thương mại và ưu thế trong giải quyết tranh chấp đất đai phát sinh từ hoạt động thương mại

Luật Đất đai 2024 đã tạo ra bước đột phá khi lần đầu tiên công nhận trọng tài thương mại là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai phát sinh từ hoạt động thương mại. Theo Khoản 5 Điều 236, tranh chấp này có thể được giải quyết bởi Tòa án hoặc bởi Trọng tài thương mại. Đây là sự thay đổi căn bản so với Luật Đất đai 2013, khi các tranh chấp đất đai chủ yếu thuộc thẩm quyền của tòa án và ủy ban nhân dân các cấp. Việc bổ sung trọng tài thương mại không chỉ mở rộng lựa chọn cho các bên mà còn phù hợp với xu hướng hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận, được tiến hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010. Phương thức này có những ưu điểm nổi bật: tính linh hoạt trong thủ tục, bảo mật thông tin, chuyên môn hóa cao, phù hợp với giao dịch xuyên biên giới.

Để trọng tài thương mại có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, cần đáp ứng các điều kiện:

- Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai
- Các bên có thỏa thuận trọng tài hợp pháp
- Tranh chấp không thuộc các trường hợp loại trừ theo pháp luật

Việc công nhận thẩm quyền trọng tài thương mại mang lại nhiều tác động tích cực:

- Tăng tính hấp dẫn của thị trường bất động sản Việt Nam với nhà đầu tư nước ngoài

- Giảm tải cho hệ thống tòa án trong giải quyết tranh chấp phức tạp

Nâng cao hiệu quả và tốc độ giải quyết tranh chấp

- Phù hợp với xu hướng quốc tế và thông lệ kinh doanh hiện đại

Ưu thế nổi bật của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp đất đai:

(i) *Tính linh hoạt về thủ tục*: Trọng tài thương mại cho phép các bên chủ động lựa chọn nhiều yếu tố của quá trình giải quyết tranh chấp: lựa chọn trọng tài viên, địa điểm, ngôn ngữ, luật áp dụng, quy trình tố tụng, hình thức phiên họp (trực tiếp, trực tuyến, hybrid), số lượng trọng tài viên v.v... Các bên có thể thiết kế thủ tục tố tụng phù hợp với đặc thù của tranh chấp đất đai, đặc biệt là các dự án lớn, đa bên, có yếu tố nước ngoài hoặc yêu cầu chuyên môn sâu. Thủ tục trọng tài thường đơn giản, rút gọn hơn so với tố tụng tòa án, không bị ràng buộc bởi nhiều cấp xét xử, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho các bên

(ii) *Bảo mật thông tin và bảo vệ bí mật kinh doanh*: Một trong những ưu điểm lớn nhất của trọng tài thương mại là nguyên tắc xét xử không công khai. Toàn bộ quá trình tố tụng, tài liệu, chứng cứ, nội dung tranh chấp và phán quyết đều được bảo mật, chỉ các bên liên quan mới được tiếp cận. Điều này đặc biệt quan trọng trong các tranh chấp đất đai thương mại, nơi các bên thường có nhu cầu bảo vệ bí mật kinh doanh, chiến lược đầu tư, thông tin tài chính, hoặc các vấn đề nhạy cảm về dự án, đối tác, dòng tiền.

(iii) *Chuyên môn hóa cao*: Các bên được quyền lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực tranh chấp, ví dụ: chuyên gia về bất động sản, xây dựng, tài chính, đầu tư, luật quốc tế v.v... Điều này giúp đảm bảo Hội đồng trọng tài có đủ năng lực, kinh nghiệm để đánh giá các vấn đề kỹ thuật, pháp lý phức tạp của tranh chấp đất đai thương mại

Thực tiễn cho thấy, các vụ tranh chấp bất động sản thường có sự tham gia của các trọng tài viên là chuyên gia đầu ngành, giúp nâng cao chất lượng phán quyết.

(iv) *Phù hợp với giao dịch xuyên biên giới, yếu tố nước ngoài*: Trọng tài thương mại đặc biệt phù hợp với các tranh chấp đất đai có yếu tố nước ngoài như dự án FDI, hợp tác đầu tư với đối tác nước ngoài, chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư quốc tế v.v... Các bên có thể lựa chọn luật áp dụng, ngôn ngữ, địa điểm trọng tài ở trong hoặc ngoài Việt Nam, lựa chọn trọng tài viên quốc tế, và phán quyết trọng tài có thể được công nhận và thi hành tại hơn 160 quốc gia theo Công ước New York 1958.

(iv) *Tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm tải cho tòa án*: Thủ tục trọng tài thường nhanh chóng hơn so với tố tụng tòa án, không qua nhiều cấp xét xử, phán quyết có giá trị chung thẩm ngay khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị. Điều này giúp các bên tiết kiệm thời gian, chi phí, sớm ổn định quan hệ kinh doanh, giảm thiểu rủi ro kéo dài tranh chấp. Ngoài ra, việc

các doanh nghiệp lựa chọn trọng tài thương mại cũng góp phần giảm tải cho hệ thống tòa án nhân dân các cấp

(v) *Phán quyết có giá trị ràng buộc và dễ dàng thi hành*: Phán quyết trọng tài có giá trị chung thẩm, buộc các bên phải thi hành. Nếu bên thua kiện không tự nguyện thi hành, bên thắng kiện có thể yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự hỗ trợ cưỡng chế thi hành theo Luật Thi hành án dân sự 2008. Đối với phán quyết trọng tài nước ngoài, Việt Nam là thành viên Công ước New York 1958 nên phán quyết được công nhận và thi hành tại Việt Nam và hơn 160 quốc gia khác.

3. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giải quyết tranh chấp đất đai phát sinh từ hoạt động thương mại

Luật Giao dịch điện tử đã công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, thỏa thuận trọng tài và phán quyết điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho giải quyết tranh chấp đất đai trong môi trường số. Các trung tâm trọng tài lớn như VIAC đã triển khai nền tảng quản lý vụ kiện trực tuyến (VIAC.eCase), cho phép nộp hồ sơ điện tử, tổ chức phiên họp trực tuyến, quản lý tài liệu số hóa, bảo mật thông tin, tiết kiệm chi phí và thời gian cho các bên.

Việc số hóa toàn bộ hồ sơ tranh chấp bao gồm hợp đồng, chứng từ, bản đồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang lại những ưu điểm: tiết kiệm thời gian và chi phí, tăng tính minh bạch và khả năng truy xuất, giảm thiểu rủi ro mất mát tài liệu. Tuy nhiên, thách thức chính là đảm bảo tính xác thực và bảo mật thông tin nhạy cảm trong các tranh chấp đất đai thương mại có giá trị lớn.

Việc ứng dụng trọng tài trực tuyến (ODR) cho tranh chấp đất đai mang lại khả năng tổ chức phiên họp từ xa, đặc biệt phù hợp với tranh chấp xuyên biên giới. Công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) trong khảo sát hiện trường và trình bày chứng cứ giúp trọng tài viên có cái nhìn trực quan về tranh chấp. Việc triển khai nền tảng trực tuyến đã giúp giảm chi phí đi lại đáng kể, đặc biệt trong các dự án bất động sản có quy mô lớn. Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ trọng tài viên, luật sư phân tích hợp đồng, xác định điểm tranh chấp và đề xuất giải pháp, hỗ trợ đánh giá giá trị đất đai, dự báo xu hướng thị trường bất động sản, xử lý dữ liệu lớn từ các giao dịch để đưa ra quyết định khách quan. Ứng dụng blockchain trong xác thực quyền sử dụng đất: Blockchain cho phép lưu trữ bất biến thông tin về quyền sử dụng đất và lịch sử giao dịch. Điều này giảm nguy cơ gian lận, tranh chấp về quyền sở hữu và tăng tính minh bạch trong giao dịch bất động sản.

Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về đất đai: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đang được số hóa hỗ trợ việc cung cấp thông tin cho trọng tài viên. Việc kết nối giữa hệ thống trọng tài và cơ quan quản lý đất đai trong cung cấp, xác minh hồ sơ, cùng với số hóa quy trình đăng ký biến động đất đai sau phán quyết trọng tài tạo thuận lợi lớn cho các bên. Việc áp dụng công

nghe số sẽ cải thiện đáng kể hiệu quả xét xử. Sự chấp nhận ngày càng tăng của doanh nghiệp đối với trọng tài thương mại trong lĩnh vực đất đai thể hiện qua việc nhiều hợp đồng chuyển nhượng, thuê đất đã bắt đầu đưa điều khoản trọng tài vào thỏa thuận.

4. Các vướng mắc và thách thức thực tiễn

Về pháp lý, hiện nay chưa có hướng dẫn chi tiết về phạm vi tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền trọng tài. Thiếu quy định về cơ chế đăng ký biến động đất đai sau phán quyết trọng tài. Chưa đồng bộ giữa Luật Đất đai, Luật Trọng tài thương mại và các quy định về giao dịch điện tử

Về kỹ thuật và công nghệ: Hạ tầng công nghệ của các trung tâm trọng tài chưa đồng bộ, thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo mật thông tin trong tổ tụng trực tuyến, khó khăn trong việc số hóa và xác thực các loại chứng cứ đặc thù như bản đồ, hình ảnh hiện trường

Về năng lực con người: Trọng tài viên chưa được đào tạo đầy đủ về pháp luật đất đai và công nghệ số, thiếu chuyên gia am hiểu cả pháp luật đất đai, thương mại và công nghệ số, năng lực tiếp cận công nghệ của các bên tranh chấp chưa đồng đều.

5. Giải pháp và kiến nghị

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu hướng hội nhập quốc tế, việc hoàn thiện khung pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại bằng trọng tài là hết sức cần thiết. Trước hết, cần sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại theo hướng quy định rõ các thủ tục đặc thù phù hợp với tính chất phức tạp của lĩnh vực này, đồng thời công nhận giá trị pháp lý của tổ tụng trực tuyến và chứng cứ điện tử, phù hợp với xu thế chuyển đổi số và thực tiễn xét xử hiện đại. Việc này sẽ tạo hành lang pháp lý vững chắc, bảo đảm quyền tự do thỏa thuận của các bên và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp. Cần ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, trong đó tập trung vào việc xác định rõ phạm vi tranh chấp đất đai được giải quyết bằng trọng tài, quy trình phối hợp giữa trọng tài và cơ quan quản lý đất đai trong việc cung cấp, xác minh hồ sơ, cũng như cơ chế đăng ký biến động đất đai sau khi có phán quyết trọng tài. Đây là những vấn đề thực tiễn còn nhiều vướng mắc, nếu được hướng dẫn cụ thể sẽ tạo thuận lợi lớn cho các bên tranh chấp và bảo đảm tính khả thi của phán quyết trọng tài trong thực tiễn thi hành. Bên cạnh đó, cần đồng bộ hóa các quy định pháp luật liên quan, bao gồm sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật Đất đai, Luật Đăng ký giao dịch bảo đảm, bảo đảm sự hài hòa với Luật Giao dịch điện tử, Luật An ninh mạng và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác. Việc xây dựng một khung pháp lý thống nhất cho giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tính hợp pháp, an toàn và hiệu quả của các phương thức giải quyết tranh chấp hiện đại.

Cùng với hoàn thiện pháp luật, việc đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ cho hoạt động trọng tài thương mại là yêu cầu cấp thiết. Cần xây dựng nền tảng trọng tài số chuyên biệt, với

hệ thống quản lý hồ sơ điện tử bảo mật cao, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thông tin. Việc phát triển các nền tảng xét xử trực tuyến tích hợp công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) sẽ giúp nâng cao hiệu quả trình bày chứng cứ, khảo sát hiện trường và tiết kiệm chi phí cho các bên. Đặc biệt, ứng dụng blockchain trong lưu trữ và xác thực chứng cứ sẽ góp phần tăng tính minh bạch, bất biến và giảm nguy cơ gian lận trong các giao dịch bất động sản. Để bảo đảm an toàn thông tin, cần xây dựng các tiêu chuẩn bảo mật cho hoạt động trọng tài trực tuyến, áp dụng các giải pháp mã hóa hai chiều, xác thực đa lớp, cũng như thiết lập cơ chế sao lưu và phục hồi dữ liệu an toàn. Việc tích hợp hệ thống trọng tài với cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm và đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh, cung cấp thông tin và thi hành phán quyết trọng tài một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Trong bối cảnh thị trường bất động sản phát triển mạnh mẽ và chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, việc xây dựng và thực thi các điều khoản trọng tài trong hợp đồng, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ, hoàn thiện quy trình tố tụng và hành lang pháp lý là những yếu tố then chốt để đảm bảo hiệu quả, minh bạch và tính khả thi của phương thức trọng tài thương mại. Các doanh nghiệp và nhà đầu tư cần đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng điều khoản trọng tài trong hợp đồng. Điều khoản này phải được soạn thảo một cách rõ ràng, đầy đủ, xác định cụ thể tổ chức trọng tài, quy tắc tố tụng. Việc lựa chọn tổ chức trọng tài uy tín, có kinh nghiệm trong lĩnh vực bất động sản, đồng thời đảm bảo điều khoản trọng tài phù hợp với quy định của Luật Trọng tài thương mại và các văn bản hướng dẫn là yếu tố quyết định để tránh các rủi ro về hiệu lực hoặc khả năng thực thi của thỏa thuận trọng tài. Doanh nghiệp cần thường xuyên rà soát, cập nhật điều khoản trọng tài trong hợp đồng mẫu, đặc biệt khi có sự thay đổi về pháp luật hoặc thực tiễn giải quyết tranh chấp.

Đối với đội ngũ luật sư, việc nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ và quản lý hồ sơ số hóa là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. Luật sư cần thành thạo các nền tảng quản lý vụ kiện trực tuyến, sử dụng chữ ký số, lưu trữ và bảo mật tài liệu điện tử, cũng như khai thác hiệu quả các công cụ hỗ trợ phân tích dữ liệu, trình bày chứng cứ số hóa tại phiên họp trọng tài. Việc này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn nâng cao tính minh bạch, khả năng truy xuất và bảo mật thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp. Đồng thời, luật sư cần cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật mới về giao dịch điện tử, chứng cứ điện tử và các quy trình tố tụng trực tuyến để tư vấn, bảo vệ quyền lợi khách hàng một cách hiệu quả, phù hợp với thực tiễn hiện đại; nâng cao kỹ năng thu thập, phân tích và đánh giá thông tin, chứng cứ để xác định bản chất vụ việc; kỹ năng nghiên cứu, cập nhật và áp dụng chính xác các quy định pháp luật liên quan; kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thương lượng và hòa giải để tìm kiếm giải pháp tối ưu; kỹ năng trình bày, lập luận và bảo vệ quan điểm trước cơ quan giải quyết tranh

chấp; kỹ năng quản lý hồ sơ, tài liệu và kiểm soát chi phí tố tụng... nhằm nâng cao hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí và đảm bảo tính minh bạch trong quá trình giải quyết tranh chấp

Các trung tâm trọng tài thương mại cần tiếp tục hoàn thiện quy trình tố tụng, giảm thiểu chi phí và tăng cường hỗ trợ các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp. Điều này bao gồm việc xây dựng và vận hành các nền tảng quản lý vụ kiện trực tuyến (như VIAC.eCase), cung cấp dịch vụ nộp đơn điện tử, tổ chức phiên họp trực tuyến, hỗ trợ phiên dịch, chuyên gia, cũng như minh bạch hóa biểu phí và quy trình giải quyết tranh chấp. Trung tâm trọng tài cũng cần thường xuyên rà soát, cập nhật quy tắc tố tụng, bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của trọng tài viên, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho trọng tài viên nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Cơ quan nhà nước giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý về chứng cứ điện tử và thi hành phán quyết trọng tài. Cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về phạm vi tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền trọng tài, cơ chế đăng ký biến động đất đai sau phán quyết trọng tài, cũng như quy trình phối hợp giữa trọng tài và cơ quan quản lý đất đai. Việc này không chỉ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư mà còn góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế về giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Việt Nam cần chủ động học hỏi kinh nghiệm từ các trung tâm trọng tài hàng đầu thế giới như SIAC (Singapore), HKIAC (Hong Kong), ICC (Pháp) trong phát triển quy trình trọng tài đất đai, tham gia các diễn đàn quốc tế về giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) và trọng tài số, cũng như ký kết các thỏa thuận hợp tác với các tổ chức trọng tài quốc tế. Đồng thời, cần áp dụng các chuẩn mực quốc tế như các nguyên tắc của UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế, các tiêu chuẩn ISO về bảo mật thông tin và quản lý chất lượng, cũng như hài hòa với các công ước quốc tế về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài. Những giải pháp này sẽ góp phần nâng cao vị thế của trọng tài thương mại Việt Nam trên trường quốc tế, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường bất động sản trong nước.

6. Kết luận

Luật Đất đai 2024 đã tạo ra bước đột phá quan trọng khi lần đầu tiên chính thức công nhận vai trò của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp đất đai có yếu tố thương mại tại khoản 5 Điều 236. Đây là sự thay đổi phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, mở ra cơ hội mới cho doanh nghiệp, nhà đầu tư và góp phần đa dạng hóa các phương thức giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đất đai. Quá trình chuyển đổi số đã mở ra nhiều cơ hội nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp đất đai thương mại thông qua các ứng dụng như trọng tài trực tuyến (ODR), trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và hợp đồng thông minh. Những công nghệ này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn nâng cao tính minh

bạch, khả năng truy xuất và tiếp cận công lý cho các bên liên quan. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra nhiều thách thức về bảo mật dữ liệu, đồng bộ pháp lý giữa các luật chuyên ngành, cũng như năng lực công nghệ của đội ngũ trọng tài viên và các bên tranh chấp. Để phát huy tối đa tiềm năng của trọng tài thương mại trong lĩnh vực đất đai, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa việc hoàn thiện khung pháp lý, phát triển hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực nguồn nhân lực và tăng cường hợp tác quốc tế. Việc triển khai các giải pháp này sẽ góp phần giải quyết tranh chấp minh bạch và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế số và hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự. (2015). Luật số 91/2015/QH13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Luật Đất đai. (2024). Luật số 31/2024/QH15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. (2014). Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Trọng tài thương mại.
4. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam. (2025). Tọa đàm VIAC & Luật sư: Tham vấn ý kiến sửa đổi Quy tắc Tổ tụng Trọng tài VIAC về thành lập Hội đồng Trọng tài. VIAC.

QUY CHẾ BỔ NHIỆM TRỌNG TÀI VIÊN TẠI VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Hà Thu Thủy¹

Nguyễn Ngọc Anh Tiên²

Tóm tắt: *Bổ nhiệm trọng tài viên là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo hiệu quả của hoạt động trọng tài thương mại. Bài viết phân tích quy chế bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010, đồng thời so sánh với một số kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu như Hoa Kỳ, Anh, và Singapore. Qua đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và tính minh bạch trong công tác bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam, góp phần phát triển hoạt động trọng tài thương mại hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế.*

Từ khóa: *quy trình bổ nhiệm, trọng tài viên, trọng tài thương mại, giải quyết tranh chấp.*

Abstract: *The appointment of arbitrators is one of the crucial factors ensuring the effectiveness of commercial arbitration activities. This article analyzes the regulations on the appointment of arbitrators in Vietnam under the 2010 Commercial Arbitration Law, while also comparing them with notable international experiences from countries such as the United States, the United Kingdom, and Singapore. Based on this analysis, the article proposes solutions to enhance the quality and transparency of the arbitrator appointment process in Vietnam, contributing to the development of effective commercial arbitration practices in line with international standards.*

Keywords: *appointment process, arbitrator, commercial arbitration, dispute resolution.*

1. Đặt vấn đề

Trọng tài thương mại đang ngày càng trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến và được ưa chuộng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Một trong những yếu tố cốt lõi đảm bảo hiệu quả, tính công bằng và sự tin cậy của hoạt động trọng tài chính là quy trình bổ nhiệm trọng tài viên. Việc lựa chọn đúng người có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và độc lập không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng phán quyết mà còn quyết định mức độ tín nhiệm của các bên tranh chấp đối với cơ chế trọng tài.

Tại Việt Nam, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã thiết lập khung pháp lý tương đối đầy đủ cho việc tổ chức và hoạt động của trọng tài thương mại, bao gồm các quy định về tiêu chuẩn, trình tự, thẩm quyền và cơ chế bổ nhiệm trọng tài viên. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành

¹ Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, số dt: 0362 068 8 99, email: htthuy@ntt.edu.vn

² Khoa Luật kinh tế, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, số dt: 0356 159 586, email: nnatien@ntt.edu.vn

cho thấy vẫn còn những khoảng trống pháp lý, quy trình chưa đồng bộ, cùng với đó là hạn chế về cơ sở dữ liệu và năng lực giám sát chất lượng trọng tài viên. Trong khi đó, các quốc gia có nền trọng tài phát triển như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh hay Singapore đều đã xây dựng được hệ thống bổ nhiệm trọng tài viên với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch và gắn liền với cơ chế kiểm tra – giám sát chặt chẽ.

Xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu cải cách tư pháp trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp thương mại, bài viết đặt ra câu hỏi nghiên cứu: “Quy trình bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam hiện nay còn tồn tại những bất cập gì? Việt Nam có thể học hỏi được gì từ kinh nghiệm quốc tế để hoàn thiện pháp luật và cơ chế bổ nhiệm trọng tài viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trọng tài thương mại?”

Việc phân tích các quy định hiện hành tại Việt Nam, đối chiếu với thực tiễn quốc tế và đưa ra các kiến nghị cải cách là hết sức cần thiết, không chỉ góp phần tăng cường hiệu quả của hệ thống trọng tài mà còn tạo môi trường pháp lý minh bạch, chuyên nghiệp và đáng tin cậy cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh trong nước và quốc tế.

2.1 Quy chế bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam

Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 (2010) là văn bản pháp lý chủ yếu quy định tiêu chuẩn và trình tự bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam. Theo Điều 20, trọng tài viên phải có năng lực pháp luật dân sự đầy đủ, trình độ đại học trở lên và tối thiểu 5 năm kinh nghiệm chuyên môn; trong một số trường hợp đặc biệt, chuyên gia không có bằng đại học vẫn có thể được bổ nhiệm nếu đảm bảo năng lực chuyên môn hiệu quả. Ngoài ra, các nhân viên tòa án, viện kiểm sát, điều tra viên hoặc người đang bị truy tố không được đảm nhiệm vai trò trọng tài viên.

Trung tâm trọng tài (chẳng hạn VIAC) có Hội đồng trọng tài hoặc Ủy ban bổ nhiệm chịu trách nhiệm xét duyệt hồ sơ, đánh giá năng lực và đạo đức trước khi ra quyết định bổ nhiệm. Quy trình bao gồm các bước: đăng ký ứng viên, thẩm định hồ sơ, đánh giá chuyên môn – đạo đức và phê duyệt. Nếu các bên tham gia không chọn trọng tài viên trong thời hạn, hệ thống quy định rằng chủ tịch trung tâm hoặc tòa án có quyền chỉ định thay thế.

Tuy nhiên, quy trình này còn tồn tại một số hạn chế nghiêm trọng.

Thứ nhất, thủ tục bổ nhiệm cứng nhắc và phụ thuộc nhiều vào thời hạn, dẫn đến thiếu linh hoạt trong các tình huống tranh chấp khẩn cấp (ví dụ: vụ cần xử lý ngay nhưng không thể chờ đợi quy trình đấu thầu hoặc bổ nhiệm chính thức).

Thứ hai, Luật chưa quy định yêu cầu đào tạo liên tục và sát hạch định kỳ đối với trọng tài viên, dẫn đến chất lượng không đồng đều giữa các cá nhân bổ nhiệm. Cuối cùng, khung giám sát sau bổ nhiệm chưa rõ ràng, khiến việc xử lý vi phạm đạo đức hoặc năng lực sau khi trọng tài viên được bổ nhiệm còn hạn chế.

2.2 Thực tiễn thực hiện quy chế bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam

Trên thực tế, trung tâm trọng tài như VIAC đã duy trì danh sách trọng tài viên lên tới 165 người vào năm 2019, tăng đáng kể so với 83 người năm 2010, phản ánh sự phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng nguồn nhân lực trọng tài. Các trọng tài viên được tuyển chọn thường là các luật sư, chuyên gia tài chính, hay giảng viên đại học – đảm bảo năng lực chuyên môn cao.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn. Việc lựa chọn trọng tài viên vẫn phần nào bị chi phối bởi quan hệ cá nhân hoặc áp lực từ các bên giao dịch. Một số vụ trọng tài bị phản ánh có dấu hiệu thiên vị hoặc chậm trễ trong việc thông báo khách quan về lựa chọn trọng tài viên. Thêm vào đó, việc tòa án đặt ra các yêu cầu về pháp luật nội bộ hoặc yêu cầu công bố chứng minh bổ nhiệm có thể kéo dài thời gian, ảnh hưởng cả tiến độ tố tụng. Thực trạng này dẫn đến những tranh cãi về tính độc lập và minh bạch của trọng tài.

2.3 Một số hạn chế và nguyên nhân

Quy chế bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam hiện nay, mặc dù đã được thiết lập trên cơ sở Luật Trọng tài thương mại 2010, vẫn tồn tại nhiều bất cập ảnh hưởng đến chất lượng và tính minh bạch của hoạt động trọng tài thương mại. Một trong những hạn chế rõ rệt là quy trình bổ nhiệm còn cứng nhắc và chậm trễ. Việc hoàn tất thủ tục bổ nhiệm thường kéo dài do thiếu cơ chế linh hoạt hoặc quy định tạm thời trong những tình huống khẩn cấp. Điều này làm giảm khả năng phản ứng nhanh của hệ thống trọng tài đối với các tranh chấp cần giải quyết cấp tốc, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự gia tăng các tranh chấp xuyên biên giới có yếu tố thời hạn gấp rút.

Bên cạnh đó, tồn tại khoảng trống trong công tác đào tạo và sát hạch trọng tài viên. Pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về việc tổ chức các chương trình đào tạo bắt buộc sau bổ nhiệm, cũng như không có cơ chế kiểm tra lại năng lực sau một thời gian hành nghề. Việc không yêu cầu trọng tài viên cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng xử lý tranh chấp, hay đạo đức nghề nghiệp đã dẫn đến tình trạng chất lượng đội ngũ trọng tài viên thiếu đồng đều, tiềm ẩn rủi ro cho tính công bằng và khách quan trong giải quyết tranh chấp.

Một vấn đề khác là cơ chế giám sát sau bổ nhiệm còn yếu kém và thiếu hiệu lực. Trong thực tiễn, rất hiếm trường hợp trọng tài viên bị xử lý kỷ luật hoặc bị loại khỏi danh sách do vi phạm đạo đức hoặc thiếu năng lực. Nguyên nhân một phần là do chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm của các trung tâm trọng tài trong việc kiểm tra, giám sát liên tục sau khi bổ nhiệm, cũng như thiếu quy trình xử lý khiếu nại một cách minh bạch và hiệu quả.

Ngoài ra, sự thiếu minh bạch trong tiêu chí và danh sách bổ nhiệm cũng là một bất cập lớn. Việc công khai danh sách trọng tài viên tại nhiều trung tâm trọng tài chưa đầy đủ hoặc không kèm theo hồ sơ chuyên môn chi tiết, khiến các bên khó có đủ thông tin để đánh giá mức

độ phù hợp và khách quan khi lựa chọn. Thêm vào đó, do quá trình lựa chọn đôi khi dựa nhiều vào uy tín cá nhân hoặc quan hệ nghề nghiệp, có nguy cơ khiến trọng tài viên chịu ảnh hưởng từ các bên trong quá trình tố tụng, làm suy giảm tính độc lập – một nguyên tắc cốt lõi của trọng tài thương mại.

Nguyên nhân sâu xa của các hạn chế nêu trên là do hệ thống pháp luật về trọng tài thương mại tại Việt Nam vẫn còn thiếu các quy định chi tiết và đồng bộ về quản lý chất lượng trọng tài viên. Bên cạnh đó, việc áp dụng công nghệ thông tin trong giám sát, tra cứu và quản lý thông tin bổ nhiệm vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu minh bạch, hiện đại hóa của một nền trọng tài thương mại chuyên nghiệp. Điều này đòi hỏi cần có cải cách pháp lý toàn diện và chiến lược nâng cao năng lực hành nghề cho đội ngũ trọng tài viên trong thời gian tới.

3. Kinh nghiệm quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự gia tăng các tranh chấp thương mại xuyên biên giới, chất lượng và tính minh bạch của đội ngũ trọng tài viên trở thành yếu tố then chốt bảo đảm hiệu quả và uy tín của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Nhiều quốc gia phát triển và các tổ chức trọng tài quốc tế đã thiết lập cơ chế bổ nhiệm trọng tài viên với quy trình chặt chẽ, tiêu chí rõ ràng và khả năng vận hành linh hoạt. Đặc biệt, ba tổ chức trọng tài hàng đầu thế giới hiện nay là Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), Trung tâm Trọng tài Quốc tế Luân Đôn (LCIA), và Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) được đánh giá là những hình mẫu tiêu biểu với hệ thống bổ nhiệm được xây dựng dựa trên nguyên tắc minh bạch, độc lập và chuyên nghiệp. Việc phân tích mô hình của các tổ chức này không chỉ cung cấp góc nhìn thực tiễn sinh động mà còn góp phần định hướng cải cách cho cơ chế bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam trong thời gian tới.

Các tổ chức trọng tài quốc tế uy tín như ICC, LCIA và SIAC áp dụng hệ thống bổ nhiệm trọng tài viên với tiêu chuẩn cao về chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và tính độc lập, tạo thành mô hình mẫu mà Việt Nam cần tham khảo. Cách thức triển khai này bao gồm ba nhóm yếu tố chính: tiêu chuẩn gắt gao, minh bạch trong công khai danh sách và cơ chế bổ nhiệm linh hoạt, nhanh chóng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.

Thứ nhất, về tiêu chuẩn chuyên môn và đạo đức, ICC và LCIA đặt ra yêu cầu khắt khe cho ứng viên. Theo Điều 12 của ICC Rules 2021, các trọng tài viên phải đáp ứng năng lực, khả năng trung lập và độc lập, đồng thời phải công khai mọi mối quan hệ có thể gây xung đột lợi ích (Dentons, 2020)

Trong khi đó, SIAC cập nhật theo Rules 2025, ứng viên phải ký cam kết về chấp nhận trung lập và sẵn sàng nhận vụ việc, đồng thời chịu nghĩa vụ tiết lộ các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập (SIAC Rules 2025). Việc đảm bảo giả đáp chuẩn mực này qua kiểm tra lý lịch, xác nhận từ tổ chức trọng tài và hệ thống báo cáo định kỳ tạo ra sự cam kết mạnh về chất lượng.

Thứ hai, về minh bạch công khai, ICC, LCIA và SIAC thường công bố danh sách trọng tài viên công khai và báo cáo hoạt động thường niên của hội đồng trọng tài. Điều này giúp các bên tranh chấp dễ dàng tiếp cận thông tin về năng lực và độc lập của từng ứng viên. Theo Dentons (2020), ICC Rules yêu cầu công khai thông tin về bên tài trợ bên thứ ba, làm tăng trách nhiệm giải trình và giảm thiểu nguy cơ thiên lệch. LCIA cũng quy định nghiêm ngặt việc giữ bí mật nội dung trọng tài, song công khai quy trình bổ nhiệm và đảm bảo sự cân bằng quyền lực giữa các bên.

Thứ ba, về tính linh hoạt và khả năng phản ứng nhanh, SIAC Rules 2025 giới thiệu quy định về “emergency arbitrator” cho phép bổ nhiệm tạm thời trong vòng 24 giờ nhằm bảo vệ quyền lợi khẩn cấp của các bên tranh chấp (SIAC Rules 2025). ICC và LCIA cũng có cơ chế tương đương, cho phép thay thế hoặc bổ nhiệm trọng tài viên khi bên thứ ba trì hoãn, đảm bảo thời gian tố tụng không bị gián đoạn và tính độc lập của hội đồng trọng tài vẫn được bảo toàn.

Tóm lại, hệ thống bổ nhiệm của ICC, LCIA và SIAC nổi bật ở ba yếu tố then chốt: tiêu chuẩn chất lượng, minh bạch và linh hoạt. Đây là mô hình mẫu để Việt Nam tham khảo khi cải cách quy chế bổ nhiệm trọng tài viên, đặc biệt trong việc thiết lập tiêu chí đạo đức rõ ràng, công khai danh sách và ứng viên, cùng cơ chế bổ nhiệm nhanh khi cần thiết. Việc áp dụng những nguyên tắc này không chỉ nâng cao chất lượng trọng tài viên mà còn góp phần bảo vệ quyền lợi các bên tranh chấp, tăng cường tín nhiệm đối với cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án tại Việt Nam.

4. Một số gợi ý mở cho Việt Nam để hoàn thiện quy chế bổ nhiệm trọng tài viên

Dựa trên phân tích thực tiễn bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam và kinh nghiệm từ các tổ chức trọng tài quốc tế uy tín như ICC, LCIA và SIAC, bài viết đề xuất một số nhóm giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng và tính minh bạch của hoạt động bổ nhiệm trọng tài viên tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần luật hóa cơ chế bổ nhiệm nhanh trọng tài viên trong tình huống khẩn cấp. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về việc bổ nhiệm trọng tài viên trong thời gian ngắn nhằm ứng phó với các tình huống cấp bách. Trong khi đó, nhiều tổ chức quốc tế như SIAC đã thiết lập cơ chế “emergency arbitrator” cho phép bổ nhiệm trọng tài viên tạm thời chỉ trong vòng 24 giờ nhằm đảm bảo quyền lợi khẩn cấp của các bên tranh chấp (SIAC Rules 2025). Đây là mô hình có thể được nghiên cứu, nội luật hóa, nhằm cải thiện tốc độ phản ứng và tính hiệu quả của trọng tài thương mại trong nước.

Thứ hai, cần thiết lập chương trình đào tạo định kỳ và sát hạch đối với trọng tài viên. Luật Trọng tài thương mại 2010 hiện chưa quy định rõ về việc đào tạo bắt buộc sau bổ nhiệm hoặc yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề theo chu kỳ. Việc bổ sung quy định về đào tạo liên tục, bao gồm kiến thức pháp luật quốc tế, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng xét xử, sẽ góp phần đảm

bảo chất lượng trọng tài viên và tính đồng nhất trong hoạt động giải quyết tranh chấp (UNCITRAL, 2019).

Thứ ba, công khai danh sách trọng tài viên và tiêu chí lựa chọn trên hệ thống trực tuyến. Việc công khai danh sách cùng với hồ sơ, trình độ và tiêu chí bổ nhiệm sẽ tạo điều kiện cho các bên liên quan – bao gồm doanh nghiệp, luật sư và người dân – có cơ sở để lựa chọn trọng tài viên phù hợp. Điều này cũng đồng thời tăng cường giám sát xã hội và hạn chế khả năng bổ nhiệm mang tính thiên lệch.

Thứ tư, cần hoàn thiện cơ chế giám sát sau bổ nhiệm. Hiện tại, cơ chế kiểm tra năng lực, đạo đức và giải quyết khiếu nại đối với trọng tài viên sau khi được bổ nhiệm còn thiếu rõ ràng và kém hiệu lực. Cần xây dựng quy trình xử lý vi phạm đạo đức nghề nghiệp một cách công khai, bao gồm việc tiếp nhận khiếu nại, điều tra độc lập và công bố kết luận xử lý vi phạm để bảo đảm tính rắn rỏi và củng cố niềm tin đối với cơ chế trọng tài.

Thứ năm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ bổ nhiệm và giám sát. Một nền tảng kỹ thuật số tích hợp giúp lưu trữ, truy cập và cập nhật thông tin về trọng tài viên theo thời gian thực sẽ tăng cường tính minh bạch, hiệu quả quản trị và giảm thiểu sai sót do thao tác thủ công. Đây là xu hướng quản trị hiện đại được áp dụng tại nhiều tổ chức quốc tế (ICC, 2021).

Tóm lại, các giải pháp nêu trên không chỉ khắc phục được những bất cập hiện nay mà còn tạo nền tảng pháp lý và kỹ thuật vững chắc để Việt Nam phát triển hệ thống trọng tài thương mại chuyên nghiệp, hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế.

5. Kết luận

Việc xây dựng và hoàn thiện quy chế bổ nhiệm trọng tài viên là yếu tố cốt lõi để bảo đảm hiệu quả, tính công bằng và uy tín của cơ chế trọng tài thương mại tại Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, Việt Nam cần tiếp cận các chuẩn mực quốc tế về tiêu chuẩn bổ nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, và cơ chế giám sát trọng tài viên như các mô hình tại ICC, LCIA hay SIAC, đồng thời điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với hệ thống pháp luật và điều kiện thực tiễn trong nước. Bổ nhiệm minh bạch, công bằng và kịp thời sẽ không chỉ nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp mà còn góp phần xây dựng lòng tin của cộng đồng doanh nghiệp vào cơ chế tài phán ngoài tòa án. Từ đó, tạo nền tảng cho một môi trường kinh doanh công bằng, cạnh tranh và ổn định hơn, hỗ trợ tích cực cho mục tiêu phát triển kinh tế bền vững và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng tài thương mại Việt Nam 2010.
2. International Chamber of Commerce (ICC) Arbitration Rules.
3. London Court of International Arbitration (LCIA) Rules.
4. Singapore International Arbitration Centre (SIAC) Rules.
5. Dentons. (2020). *New arbitration rules for new times: ICC, LCIA or MIAC?*
6. SIAC. (2025). *SIAC Rules 2025: Efficiency, Transparency, and Certainty*. Addleshaw Goddard Insight.
7. Law on Commercial Arbitration No. 54/2010/QH12. (2010). *National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam*.
8. Morgan Lewis. (2018). *An Introductory Guide to Arbitration in Asia*. Retrieved from ...
9. Vietnam Institute for International Arbitration Research and Training. (2022). *Law on Commercial Arbitration in Vietnam: A journey of development*. Retrieved from ...

**ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA TRỌNG TÀI VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG
TRỌNG TÀI SỐ: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP**

Trần Thị Thu Hương¹

Tóm tắt: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình số hóa toàn diện đang tạo ra những thay đổi mang tính nền tảng trong lĩnh vực trọng tài thương mại. Sự phát triển của trọng tài trực tuyến (ODR), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ chuỗi khối (blockchain) không chỉ mở ra những triển vọng mới mà còn đặt ra những yêu cầu khắt khe hơn đối với đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ trọng tài viên. Bài viết này tập trung phân tích những vấn đề đạo đức nổi cộm phát sinh trong môi trường trọng tài số. Trên cơ sở đó, bài viết đúc kết từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam để đề xuất các giải pháp đồng bộ. Các giải pháp này bao gồm: hoàn thiện hệ thống pháp luật và xây dựng bộ quy tắc đạo đức riêng biệt cho hoạt động trọng tài số; nâng cao kiến thức và nhận thức của trọng tài viên về công nghệ và đạo đức số; thiết lập cơ chế giám sát và xử lý vi phạm hiệu quả; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Việc duy trì và nâng cao đạo đức nghề nghiệp được xem là yếu tố then chốt để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và hiệu quả của hoạt động trọng tài thương mại trong kỷ nguyên số đầy biến động.

Từ khóa: Trọng tài thương mại, Đạo đức nghề nghiệp, Chuyển đổi số, Trọng tài số, Trí tuệ nhân tạo (AI), Bảo mật thông tin, Độc lập và Vô tư, Pháp luật Việt Nam, Giải quyết tranh chấp.

Abstract: The Fourth Industrial Revolution and comprehensive digitalization are fundamentally reshaping the field of commercial arbitration. The development of Online Dispute Resolution (ODR), the application of Artificial Intelligence (AI), and blockchain technology not only open up new prospects but also impose more stringent requirements on the professional ethics of arbitrators. This article focuses on analyzing prominent ethical issues arising in the digital arbitration environment. Based on this, the article draws upon international experience and Vietnam's practical context to propose synchronous solutions. These solutions include: perfecting the legal system and developing a separate code of ethics for digital arbitration activities; enhancing arbitrators' knowledge and awareness of technology and digital ethics; establishing effective oversight and violation handling mechanisms; and promoting international cooperation in this field. Maintaining and elevating

¹ TS, Trọng tài viên, Trung tâm Trọng tài thương mại số 1 Việt Nam (VN1AC); Giảng viên, Khoa Luật Trường Đại học Công nghệ TP.HCM.

professional ethics is considered a crucial factor in ensuring the fairness, transparency, and effectiveness of commercial arbitration in the volatile digital age.

Keywords: *Commercial arbitration, Professional ethics, Digital transformation, Digital arbitration, Artificial Intelligence (AI), Information security, Independence and Impartiality, Vietnamese law, Dispute resolution.*

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, trọng tài thương mại ngày càng khẳng định vị thế là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, được ưa chuộng. Những ưu điểm vượt trội của trọng tài, như tính bảo mật cao, tốc độ giải quyết nhanh chóng và đội ngũ trọng tài viên có chuyên môn sâu rộng, đã góp phần thúc đẩy hoạt động giao thương và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ đã tạo ra một môi trường trọng tài số với nhiều cơ hội phát triển, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới, đặc biệt là về đạo đức nghề nghiệp của trọng tài viên. Đạo đức nghề nghiệp đóng vai trò là nền tảng cốt lõi, tạo dựng uy tín và sự tin cậy cho hoạt động trọng tài. Tại Việt Nam, nghiên cứu chuyên sâu về đạo đức hành nghề của trọng tài viên trong bối cảnh kỹ thuật số còn chưa được đẩy mạnh. Khung pháp lý chưa hoàn chỉnh và các quy tắc đạo đức còn mơ hồ có nguy cơ dẫn đến những bất cập, làm suy giảm niềm tin của các bên liên quan và ảnh hưởng đến uy tín của hoạt động trọng tài.

2. Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp của trọng tài viên và môi trường trọng tài số

2.1. Đạo đức nghề nghiệp và pháp luật

Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics) là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là một loại đạo đức đã được thực tiễn hóa². Đạo đức nghề nghiệp đóng vai trò là nền tảng thiết yếu cho mọi lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt là trong trọng tài thương mại, nơi đòi hỏi sự tin cậy và công bằng tuyệt đối, bao gồm một tập hợp các tiêu chuẩn hành vi, nguyên tắc ứng xử và giá trị tinh thần được cộng đồng chuyên gia chấp nhận và tuân theo³. Những tiêu chuẩn này thường mang tính tự nguyện, được hình thành từ kinh nghiệm và truyền thống của nghề nhằm duy trì uy tín và chất lượng dịch vụ.

Ngược lại, pháp luật là một hệ thống các quy tắc ứng xử mang tính cưỡng chế do Nhà nước ban hành, nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Khác với đạo đức nghề nghiệp ở tính bắt buộc; phạm vi điều chỉnh và mục đích.

Trong lĩnh vực trọng tài, mặc dù các quy định pháp luật là cần thiết, nhưng các chuẩn mực đạo đức mới là yếu tố quyết định sự công tâm và công bằng thực sự.

² Lê Thanh Thập. (2005). Về đạo đức nghề nghiệp. Triết học, (169), 6.

³ <https://thuvienphapluat.vn/lao-dong-tien-luong/dao-duc-la-gi-dao-duc-nghe-nghiep-la-gi-the-nao-la-nguoi-co-dao-duc-32047.html>, truy cập ngày 10/7/2025.

2.2. Các nguyên tắc đạo đức cơ bản của trọng tài viên

Với sự phát triển mạnh mẽ của trọng tài số, đạo đức nghề nghiệp của trọng tài viên càng trở nên yếu tố then chốt, được định hình bởi các chuẩn mực quốc tế và quy định pháp luật hiện hành. Nguyên tắc trọng yếu hàng đầu là tính độc lập, đòi hỏi trọng tài viên phải duy trì sự khách quan tuyệt đối, không bị chi phối bởi bất kỳ yếu tố nào từ các bên liên quan hoặc các mối quan hệ cá nhân, nhằm bảo đảm tính công minh của quá trình tố tụng.

Đồng thời, sự vô tư và thái độ trung lập đóng vai trò nền tảng vững chắc, đảm bảo rằng mọi quyết định được đưa ra dựa trên cơ sở pháp luật và chứng cứ xác thực, không có bất kỳ sự ưu ái nào. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc bảo mật thông tin⁴ là nghĩa vụ bắt buộc, đòi hỏi trọng tài viên phải bảo vệ một cách cẩn mật mọi thông tin liên quan đến vụ việc, ngăn chặn mọi rủi ro rò rỉ có thể gây tổn hại đến quyền lợi của các bên.

Hơn nữa, năng lực chuyên môn cao là yếu tố tiên quyết; trọng tài viên cần phải trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật, kinh nghiệm thực tế và kỹ năng giải quyết tranh chấp, đặc biệt là trong môi trường số phức tạp, nhằm đảm bảo quá trình tố tụng diễn ra suôn sẻ và đạt được kết quả tối ưu.

Thêm vào đó, trách nhiệm giải trình được thể hiện thông qua việc công khai các lập luận pháp lý và cơ sở thực tiễn trong các phán quyết, giúp các bên hiểu rõ và tuân thủ.

Cuối cùng, sự tận tâm và hiệu quả trong công việc, đảm bảo tiến độ và chất lượng giải quyết tranh chấp, cũng là những phẩm chất không thể thiếu của một trọng tài viên chuyên nghiệp.

2.3. Tầm quan trọng của đạo đức đối với tính pháp lý, sự công nhận và thi hành quyết định trọng tài

Đạo đức nghề nghiệp giữ vai trò cốt lõi, ảnh hưởng đến giá trị pháp lý và tính hiệu lực của quá trình trọng tài. Việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức không những bảo đảm quá trình tố tụng diễn ra công bằng, minh bạch, tuân thủ luật pháp, mà còn vun đắp lòng tin của các bên tranh chấp vào trọng tài viên và phương thức giải quyết này. Lòng tin vững chắc sẽ củng cố tính hợp lệ của phán quyết, đồng thời thúc đẩy quá trình công nhận và thi hành.

Ngược lại, sự thiếu độc lập, chủ quan hoặc vi phạm đạo đức nghiêm trọng của trọng tài viên có thể dẫn đến việc phán quyết bị bác bỏ hoặc từ chối công nhận. Chính vì vậy, việc duy trì các chuẩn mực đạo đức không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là nền tảng để xây dựng niềm tin và sự tín nhiệm trong cộng đồng pháp lý và xã hội. Trọng tài viên càng thể hiện sự chính trực, khách quan trong mọi hành động, càng đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan. Điều này

⁴ Luật Trọng tài thương mại, 2010, Khoản 5 Điều 21.

góp phần bảo vệ và nâng cao uy tín của nghề trọng tài, thu hút thêm các vụ tranh chấp và đảm bảo sự phát triển bền vững trong bối cảnh số hóa.

3. Các vấn đề đạo đức đặt ra đối với trọng tài viên trong môi trường trọng tài số

3.1. Thách thức về tính độc lập và vô tư

Tính độc lập và sự vô tư, theo tinh thần chỉ dẫn IBA về Xung Đột Lợi Ích trong Trọng Tài Quốc Tế⁵, luôn là giá trị cốt lõi trong đạo đức nghề nghiệp của trọng tài viên. Tuy nhiên, kỷ nguyên trọng tài số mang đến những thách thức mới.

Một là, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công cụ phân tích dữ liệu làm gia tăng quan ngại về tính khách quan của trọng tài viên. Một rủi ro lớn là sự thiên lệch do thuật toán, vốn hình thành từ dữ liệu lịch sử và có thể củng cố những định kiến ẩn sâu. Nếu dữ liệu huấn luyện AI phản ánh quyết định chủ quan của trọng tài viên, hệ thống có thể tái hiện những yếu tố này trong quá trình đề xuất giải pháp. Bên cạnh đó, tính “hộp đen” của AI cũng là một trở ngại đáng kể, sự thiếu minh bạch trong quy trình ra quyết định của nhiều hệ thống AI⁶ gây khó khăn cho việc giải thích cơ sở lý luận của phán quyết trọng tài. Sự lệ thuộc quá mức vào AI có thể làm giảm khả năng đánh giá độc lập của trọng tài viên, làm suy yếu vai trò trung tâm của họ.

Hai là, môi trường số tạo ra những xung đột lợi ích mới, cần được nhận diện và quản lý cẩn trọng. Trọng tài viên có thể có liên hệ với nhà cung cấp công nghệ, ví dụ như quan hệ kinh doanh với công ty cung cấp nền tảng ODR hoặc phần mềm AI. Việc thiếu minh bạch về các mối quan hệ này có thể dẫn đến xung đột lợi ích⁷.

Ba là, những thách thức trong việc duy trì tính khách quan khi thông tin dễ dàng tiếp cận. Trong môi trường số, việc tiếp cận thông tin dễ dàng hơn cũng tạo ra thách thức trong việc duy trì tính khách quan. Việc trọng tài viên dễ dàng truy cập thông tin về vụ việc từ các nguồn công khai trên internet có thể vi phạm nguyên tắc vô tư được quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010⁸.

Ngoài ra, ảnh hưởng của dư luận số cũng là một yếu tố cần được quan tâm. Trong một số vụ việc công khai, trọng tài viên có thể bị ảnh hưởng bởi dư luận trên truyền thông xã hội. Điều này gây áp lực và có thể ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định khách quan của họ.

3.2. Các thách thức liên quan đến tính bảo mật và quyền riêng tư

⁵ Trung tâm trọng tài thương mại phía Nam. (2015). Bản dịch Hướng dẫn của Hiệp Hội Luật sư quốc tế (IBA) về xung đột lợi ích trong trọng tài quốc tế.

⁶ Những tác hại mà AI - Trí tuệ nhân tạo có thể gây ra. (2024). Elcom. Lấy từ <https://www.elcom.com.vn/nhung-tac-hai-ma-ai-tri-tue-nhan-cao-co-the-gay-ra-1704797930>

⁷ Trung tâm trọng tài thương mại phía Nam. (2015). Bản dịch Hướng dẫn của Hiệp Hội Luật sư quốc tế (IBA) về xung đột lợi ích trong trọng tài quốc tế.

⁸ Quốc hội. (2010). Luật Trọng tài thương mại. Số 54/2010/QH1, Điều 4 quy định rằng: “Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân thủ quy định của pháp luật”.

Trong lĩnh vực trọng tài, bảo mật thông tin và tôn trọng quyền riêng tư cá nhân được coi là những trụ cột đạo đức nghề nghiệp không thể xâm phạm⁹. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của môi trường số đã tạo ra những trở ngại đáng kể trong việc duy trì và bảo vệ các giá trị cốt lõi này.

Một là, bảo vệ dữ liệu nhạy cảm và nguy cơ tiết lộ thông tin trong môi trường số. Hoạt động trọng tài số đòi hỏi việc thu thập, lưu trữ và xử lý một lượng lớn dữ liệu điện tử có tính chất nhạy cảm. Điều này làm gia tăng đáng kể nguy cơ bị xâm nhập trái phép, rò rỉ thông tin hoặc thậm chí đánh cắp dữ liệu.

Các rủi ro phát sinh từ nền tảng số là một vấn đề đáng quan ngại. Các nền tảng trọng tài trực tuyến có thể chứa đựng các lỗ hổng bảo mật nếu không được cập nhật và bảo trì thường xuyên. Do đó, trọng tài viên có trách nhiệm đạo đức trong việc lựa chọn các nền tảng đáp ứng các tiêu chuẩn bảo mật khắt khe. Hơn nữa, sự sơ suất của con người vẫn là một yếu tố dễ bị tổn thương. Các hành vi như trọng tài viên sử dụng các thiết bị không được bảo vệ, truy cập vào các mạng Wi-Fi công cộng không an toàn hoặc vô tình gửi nhầm email đều cấu thành những vi phạm đạo đức nghiêm trọng. Ngoài ra, không thể bỏ qua những rủi ro do bên thứ ba gây ra. Việc sử dụng các dịch vụ hỗ trợ công nghệ từ các nhà cung cấp bên ngoài cũng tạo ra những nguy cơ tiềm ẩn. Trọng tài viên có trách nhiệm đạo đức phải đảm bảo rằng các nhà cung cấp này tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật nghiêm ngặt.

Hai là, tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân: Nhiều quốc gia đã ban hành các quy định pháp luật nghiêm ngặt về bảo vệ dữ liệu cá nhân¹⁰. Điều này đặt ra nghĩa vụ đạo đức cho trọng tài viên trong việc nắm vững và tuân thủ các quy định pháp luật này một cách nghiêm túc.

Tuy nhiên, việc xác định luật bảo vệ dữ liệu nào được áp dụng có thể trở nên phức tạp, gây ra những thách thức về thẩm quyền và luật áp dụng. Do đó, trọng tài viên cần có sự am hiểu sâu sắc để đảm bảo rằng các hành động của mình không vi phạm các quy định về quyền riêng tư ở bất kỳ khu vực pháp lý liên quan nào¹¹.

Ba là, các vấn đề đạo đức trong việc sử dụng công nghệ để thu thập và đánh giá chứng cứ điện tử. Sự phát triển của kỷ nguyên số mang đến cơ hội tiếp cận và phân tích lượng lớn chứng cứ điện tử, song đồng thời tạo ra những thách thức mới về mặt đạo đức đối với trọng tài viên.

Một vấn đề quan trọng đặt ra là giới hạn thu thập chứng cứ. Việc thu thập dữ liệu cá nhân quy mô lớn, vượt ra ngoài phạm vi trực tiếp liên quan đến vụ tranh chấp, liệu có phù hợp với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp? Trọng tài viên cần phải thiết lập sự cân bằng giữa

⁹ Điều 22(3), Quy tắc Trọng tài ICC năm 2021; Điều 39.1, Quy tắc Trọng tài SIAC.

¹⁰ Nghị định 13/2023/NĐ-CP, 2023, Điều 3

¹¹ Smith, J., & Jones, A. (2023). The Extraterritorial Reach of Data Protection Laws in International Arbitration. *Journal of International Arbitration*.

việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ việc và bảo vệ quyền riêng tư cá nhân, tuân thủ nguyên tắc tương xứng trong quá trình thu thập chứng cứ. Bên cạnh đó, bảo đảm tính xác thực của chứng cứ điện tử là yêu cầu đạo đức nghề nghiệp trọng yếu. Trọng tài viên cần phải bảo đảm chứng cứ được thu thập và xử lý một cách đáng tin cậy, tránh mọi hành vi có thể làm sai lệch nội dung. Dù công nghệ chuỗi khối (blockchain) có thể hỗ trợ quá trình xác thực, trọng tài viên vẫn cần tự mình thực hiện kiểm tra một cách cẩn trọng.

Về quyền của các bên tranh chấp, việc được thông tin đầy đủ và quyền phản biện cần được tôn trọng tuyệt đối. Các bên có quyền được biết về phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu liên quan đến họ. Trọng tài viên có nghĩa vụ đạo đức phải công khai, minh bạch về việc sử dụng các công cụ công nghệ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các bên tham gia phản biện.

Cuối cùng, khi quá trình tố tụng kết thúc, trọng tài viên có trách nhiệm đạo đức trong việc lưu trữ và tiêu hủy dữ liệu. Họ cần lưu trữ an toàn các tài liệu cần thiết theo quy định và tiêu hủy những dữ liệu không còn giá trị sử dụng theo một quy trình an toàn và bảo mật.

4. Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam về đạo đức trọng tài viên trong môi trường trọng tài số

4.1. Kinh nghiệm quốc tế về quy định pháp luật và thực tiễn ứng dụng công nghệ trong trọng tài thương mại

Cộng đồng trọng tài quốc tế đã sớm thấy được sự cần thiết của việc điều chỉnh các chuẩn mực đạo đức để thích ứng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ.

Một là, các bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp quốc tế và khuyến nghị về đạo đức trong bối cảnh số hóa. Nhiều quy tắc và hướng dẫn quốc tế đã được thiết lập nhằm định hướng đạo đức trọng tài trong kỷ nguyên số. Các nguyên tắc đạo đức và hướng dẫn về Xung đột lợi ích của Hiệp hội Luật sư Quốc tế (IBA Guidelines) được công nhận rộng rãi và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc về tính độc lập, khách quan và bảo mật trong môi trường số.

Thêm vào đó, hướng dẫn UNCITRAL về giải quyết tranh chấp trực tuyến (UNCITRAL Notes on Online Dispute Resolution) nhấn mạnh tầm quan trọng của sự công bằng, quyền trình bày ý kiến và bảo vệ dữ liệu trong ODR. Các trung tâm trọng tài hàng đầu như Tòa Trọng tài quốc tế thuộc Phòng Thương mại quốc tế (ICC), Trung tâm Trọng tài quốc tế Singapore (SIAC) và Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông (HKIAC) cũng đã cập nhật các quy tắc trọng tài của mình để cho phép sử dụng công nghệ trong các phiên điều trần trực tuyến và nộp tài liệu điện tử. Đặc biệt, ICC đã ban hành “Hướng dẫn về An ninh Mạng trong Trọng tài” nhằm nâng cao nhận thức và thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu về an ninh mạng (ICC Guidelines on Cybersecurity in Arbitration).

Hai là, các trường hợp điển hình về thách thức đạo đức và cách xử lý: Mặc dù các trường hợp công khai về hành vi vi phạm đạo đức một cách trực tiếp liên quan đến công nghệ trong lĩnh

vực trọng tài còn tương đối hạn chế, song các vụ việc đã xảy ra vẫn mang đến những bài học kinh nghiệm vô cùng giá trị. Diễn hình như trong các vụ việc về xung đột lợi ích, khi trọng tài viên không cung cấp đầy đủ thông tin về các mối liên hệ cá nhân với một bên tranh chấp hoặc luật sư của họ, và thông tin này sau đó bị phát hiện thông qua các phương tiện truyền thông số (ví dụ: mạng xã hội), đã dẫn đến việc phán quyết trọng tài bị khiếu nại hoặc thậm chí bị hủy bỏ¹². Tương tự, những sự cố rò rỉ dữ liệu trong các lĩnh vực khác ngoài trọng tài cho thấy những rủi ro tiềm ẩn nghiêm trọng khi thông tin bí mật của một vụ kiện trọng tài bị xâm phạm.

Ba là, xu hướng phát triển và các sáng kiến quốc tế. Cộng đồng trọng tài quốc tế đang tích cực triển khai các sáng kiến nhằm giải quyết các vấn đề đạo đức nảy sinh trong môi trường số. Một trong những nỗ lực quan trọng nhất là sự phát triển của “Luật thuật toán” (Algorithmic Law/AI Ethics), với nhiều viện nghiên cứu đang nỗ lực xây dựng một khuôn khổ pháp lý và đạo đức cho việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực tư pháp (ví dụ: các sáng kiến của OECD về AI Ethics; nghiên cứu của Đại học Stanford về AI và Luật). Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo trọng tài viên về kỹ năng số và đạo đức số cũng đang được triển khai rộng rãi, bao gồm các khóa học chuyên sâu về an ninh mạng, quản lý dữ liệu điện tử và các vấn đề đạo đức liên quan đến việc sử dụng AI (ví dụ: chương trình đào tạo của CI Arb, AAA-ICDR về trọng tài số).

4.2. Thực tiễn tại Việt Nam về đạo đức trọng tài viên trong môi trường số

Với quá trình hội nhập sâu rộng, hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam đang chứng kiến sự thâm nhập ngày càng sâu sắc của công nghệ số. Mặc dù Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cùng các văn bản pháp quy liên quan đã kiến tạo hành lang pháp lý vững chắc, dựa trên những nguyên tắc cốt lõi như tính độc lập, khách quan và sự trung thực của trọng tài viên, đồng thời các quy tắc trọng tài của các trung tâm cũng đã có những điều chỉnh nhất định, cho phép thực hiện việc nộp đơn và tài liệu thông qua các phương tiện điện tử hoặc tổ chức các phiên điều trần trực tuyến, song việc thích ứng và hiệu chỉnh các chuẩn mực đạo đức hiện hành vẫn còn nhiều thách thức trong kỷ nguyên số.

Thực tiễn cho thấy, một trong những điểm nghẽn lớn nhất là sự thiếu vắng các quy định đạo đức cụ thể, điều chỉnh việc ứng dụng các công nghệ tân tiến như Trí tuệ nhân tạo (AI) và Blockchain. Hệ thống pháp luật và quy tắc trọng tài hiện hành chưa đi sâu phân tích các khía cạnh đạo đức phức tạp do các công nghệ này mang lại. Thêm vào đó, cơ chế giám sát đạo đức trong môi trường số còn nhiều điểm chưa rõ ràng, gây trở ngại cho việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm đạo đức liên quan đến công nghệ.

¹² Quốc hội. (2010). Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010.

Bên cạnh những thách thức về mặt pháp lý và cơ chế, quá trình tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong thực tiễn cũng bộc lộ những hạn chế nhất định. Mặc dù một số trung tâm trọng tài lớn đã triển khai các nền tảng trực tuyến cơ bản, việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến hơn, đặc biệt là AI, vẫn đang trong giai đoạn sơ khai. Nguyên nhân một phần xuất phát từ việc không phải tất cả trọng tài viên tại Việt Nam đều trang bị đầy đủ kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin. Do đó, nhận thức về đạo đức số, đặc biệt là các vấn đề đạo đức đặc thù trong trọng tài số, còn chưa đồng đều.

Cuối cùng, cần giải quyết triệt để vấn đề bất bình đẳng kỹ thuật số thông qua các chính sách rõ ràng và cụ thể, nhằm đảm bảo tất cả các bên đều có cơ hội tiếp cận và tham gia một cách công bằng vào quá trình trọng tài số, qua đó duy trì tính công bằng và minh bạch của toàn bộ hệ thống trọng tài.

5. Giải pháp kiện toàn chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của trọng tài viên trong bối cảnh trọng tài số tại Việt Nam

Trong bối cảnh kỷ nguyên số đang định hình lại mọi lĩnh vực, việc củng cố các nguyên tắc đạo đức cho đội ngũ trọng tài viên tại Việt Nam trở thành một yêu cầu cấp thiết. Điều này đòi hỏi sự triển khai một cách hệ thống các giải pháp, bao gồm hoàn thiện cơ sở pháp lý, bồi dưỡng năng lực và ý thức trách nhiệm, đồng thời tăng cường cơ chế giám sát hiệu quả.

5.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và quy tắc ứng xử đạo đức

Để đảm bảo rằng các chuẩn mực đạo đức được thực thi một cách triệt để trong môi trường số, việc cụ thể hóa và bổ sung vào hệ thống pháp luật hiện hành, cũng như quy tắc đạo đức nghề nghiệp, là vô cùng quan trọng.

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cần được xem xét sửa đổi và bổ sung để giải quyết những thách thức đạo đức mới nảy sinh từ sự tiến bộ của công nghệ. Cụ thể, cần có những quy định rõ ràng về việc trọng tài viên sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ blockchain, cũng như các nguyên tắc cốt lõi về tính minh bạch, độc lập, khách quan, vô tư và trách nhiệm giải trình. Hệ thống pháp luật cũng cần bổ sung các điều khoản liên quan đến trách nhiệm bảo vệ dữ liệu số khi sử dụng các nền tảng của bên thứ ba, đồng thời mở rộng phạm vi khái niệm xung đột lợi ích để bao gồm các mối quan hệ với nhà cung cấp công nghệ. Bên cạnh đó, việc quy định rõ giá trị pháp lý và quy trình xác thực chứng cứ điện tử sẽ tạo ra một nền tảng vững chắc hơn cho hoạt động của trọng tài viên trong môi trường số.

Thứ hai, xây dựng bộ quy tắc đạo đức chuyên biệt cho trọng tài viên trong môi trường số. Các trung tâm trọng tài tại Việt Nam cần chủ động ban hành bộ quy tắc đạo đức riêng, hoặc bổ sung các điều khoản chi tiết vào quy tắc hiện hành, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực trọng tài số đang phát triển nhanh chóng. Bộ quy tắc này cần quy định rõ tính minh bạch khi sử dụng AI

(bao gồm cả mức độ can thiệp của AI vào quá trình đưa ra phán quyết), mở rộng nghĩa vụ bảo mật khi sử dụng các thiết bị điện tử và nền tảng đám mây, đồng thời làm rõ trách nhiệm giải trình đối với các sai sót có thể xảy ra do yếu tố công nghệ. Ngoài ra, cần có các quy định về việc đảm bảo quyền tiếp cận công lý cho các bên gặp phải những trở ngại về kỹ thuật, cũng như thiết lập các tiêu chuẩn đạo đức cho việc quảng bá dịch vụ trọng tài số, đảm bảo tính trung thực và khách quan trong mọi hoạt động.

Thứ ba, xây dựng các tiêu chuẩn về an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu cho các nền tảng trọng tài trực tuyến. Các cơ quan quản lý nhà nước và các trung tâm trọng tài cần phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu về an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu cho các nền tảng trọng tài trực tuyến. Mục tiêu là bảo vệ một cách tối đa quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia vào quá trình tố tụng, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin.

5.2. Bồi dưỡng năng lực và nâng cao nhận thức của trọng tài viên

Việc hoàn thiện khung pháp lý cần phải đi đôi với việc bồi dưỡng năng lực và nâng cao nhận thức của đội ngũ trọng tài viên, đảm bảo họ có đủ kiến thức và kỹ năng để đối phó với những thách thức mới.

Thứ nhất, tăng cường đào tạo chuyên sâu về kiến thức công nghệ và đạo đức số. Các trung tâm trọng tài và tổ chức nghề nghiệp cần triển khai các khóa đào tạo định kỳ và chuyên sâu về kỹ năng sử dụng thành thạo các nền tảng trọng tài số, kiến thức cơ bản về AI, công nghệ blockchain, an ninh mạng và đạo đức số. Các chương trình này cần tập trung vào các tình huống thực tiễn và khuyến khích trọng tài viên tự học, không ngừng cập nhật kiến thức để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của trọng tài số.

Thứ hai, nâng cao ý thức tuân thủ đạo đức và xây dựng văn hóa đạo đức số. Cần tổ chức các hội thảo, tọa đàm thường xuyên để trọng tài viên có cơ hội trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề đạo đức số. Các trung tâm trọng tài nên xây dựng bộ quy tắc ứng xử nội bộ chi tiết và lãnh đạo cần thể hiện vai trò tiên phong, làm gương trong việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức số để lan tỏa văn hóa đạo đức trong toàn bộ tổ chức.

Thứ ba, tăng cường hoạt động nghiên cứu và giao lưu học thuật về chuẩn mực đạo đức trong trọng tài số. Khuyến khích và hỗ trợ các dự án nghiên cứu chuyên sâu về đạo đức trọng tài trong bối cảnh số hóa hiện nay và xuất bản các ấn phẩm, tài liệu hướng dẫn tổng hợp kinh nghiệm thực tiễn và phân tích các tình huống đạo đức điển hình.

5.3. Xây dựng hệ thống giám sát và chế tài vi phạm

Xây dựng một cơ chế giám sát chặt chẽ và các biện pháp xử lý nghiêm minh là vô cùng cần thiết để đảm bảo hiệu quả của các quy định pháp luật và ý thức trách nhiệm của mỗi trọng tài viên.

Thứ nhất, xây dựng quy trình kiểm tra và đánh giá định kỳ. Các trung tâm trọng tài cần xây dựng quy trình kiểm tra định kỳ để đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đạo đức và quy định về công nghệ. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan để có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

Thứ hai, áp dụng các biện pháp chế tài tương xứng. Cần quy định một cách rõ ràng các hành vi vi phạm đạo đức số để làm cơ sở cho việc xem xét và xử lý, đồng thời áp dụng các hình thức xử lý linh hoạt, phù hợp với mức độ vi phạm, và công khai thông tin xử lý vi phạm để tăng cường tính minh bạch và răn đe.

Thứ ba, nâng cao vai trò của các tổ chức trọng tài và hiệp hội nghề nghiệp. Các trung tâm trọng tài và hiệp hội nghề nghiệp cần được trao quyền hạn và trách nhiệm lớn hơn trong việc giám sát đạo đức. Họ cũng cần xây dựng kênh tiếp nhận khiếu nại hiệu quả và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước để phát triển bền vững trọng tài số tại Việt Nam.

5.4. *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế*

Việt Nam cần chủ động học hỏi kinh nghiệm và tích cực tham gia vào các diễn đàn quốc tế về trọng tài số và đạo đức công nghệ để nâng cao năng lực và hội nhập sâu rộng. Điều này bao gồm việc khai thác tri thức từ các quốc gia dẫn đầu, gia nhập các diễn đàn và hiệp hội quốc tế uy tín, và thúc đẩy hợp tác nghiên cứu giữa các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực pháp lý và đạo đức của trọng tài số.

Hoạt động trọng tài thương mại cần có sự chuyển mình mạnh mẽ để thích ứng với thời đại. Do đó, việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào quy trình giải quyết tranh chấp không chỉ mở ra những triển vọng đầy hứa hẹn mà còn đặt ra những thách thức không nhỏ, đặc biệt là đối với các chuẩn mực đạo đức hành nghề của trọng tài viên.

Kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển cho thấy các tổ chức trọng tài hàng đầu đang nỗ lực điều chỉnh các quy tắc đạo đức hiện hành và triển khai các sáng kiến mới nhằm thích ứng với bối cảnh số hóa, mang đến những bài học giá trị cho Việt Nam.

6. Kết luận và kiến nghị

Để hoạt động trọng tài thương mại giữ vững vai trò quan trọng trong kỷ nguyên số và củng cố uy tín, các giải pháp then chốt cần được triển khai một cách đồng bộ. Trước hết, cần hoàn thiện hệ thống pháp luật và quy tắc đạo đức bằng cách soạn thảo và bổ sung các điều khoản cụ thể vào Luật Trọng tài Thương mại, đồng thời xây dựng một bộ quy tắc đạo đức riêng biệt cho trọng tài viên trong môi trường kỹ thuật số. Đồng thời, việc nâng cao năng lực và ý thức của trọng tài viên là vô cùng quan trọng, thông qua việc tăng cường đào tạo chuyên sâu về kiến thức công nghệ và đạo đức số, khuyến khích tự học hỏi, trau dồi kiến thức và xây dựng một nền văn hóa đạo đức số vững chắc. Để đảm bảo sự tuân thủ, cần thiết lập cơ chế giám sát và xử lý vi phạm với quy trình kiểm tra, đánh giá định kỳ, áp dụng các biện pháp xử phạt nghiêm

minh và tăng cường vai trò của các tổ chức trọng tài trong việc giám sát việc tuân thủ đạo đức. Cuối cùng, tăng cường hợp tác quốc tế là điều không thể thiếu, chủ động tiếp thu kinh nghiệm, tham gia vào các diễn đàn quốc tế để cập nhật các xu hướng và chuẩn mực đạo đức trọng tài số, tạo điều kiện cho việc học hỏi và trao đổi kiến thức.

Việc duy trì và không ngừng nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ trọng tài viên là yếu tố then chốt để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và hiệu quả của hoạt động trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số sâu rộng. Sự phối hợp đồng bộ từ phía Nhà nước, các tổ chức trọng tài và ý thức tự giác tuân thủ của mỗi trọng tài viên sẽ góp phần xây dựng một nền trọng tài Việt Nam vững mạnh, đáng tin cậy, đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế và sự phát triển không ngừng của công nghệ hiện đại, đảm bảo giải quyết các tranh chấp một cách khách quan và hiệu quả. Qua đó, góp phần thúc đẩy môi trường kinh doanh lành mạnh và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết 66-NQ/TW về việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật.*
2. Chính phủ. (2023). *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân.*
3. International Bar Association (IBA). (2024). *IBA Guidelines on Conflicts of Interest in International Arbitration.*
4. Quốc hội. (2018). *Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018.*
5. Smith, J., & Jones, A. (2023). *The Extraterritorial Reach of Data Protection Laws in International Arbitration.*
6. Trung tâm Trọng tài Thương mại phía Nam. (2015). *Bản dịch Hướng dẫn của Hiệp Hội Luật sư Quốc tế (IBA) về xung đột lợi ích trong trọng tài quốc tế.*

KHÔNG CÔNG NHẬN PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI: GÓC NHÌN SO SÁNH VIỆT NAM, SINGAPORE VÀ MALAYSIA

Lê Nguyễn Gia Thiện¹

Mai Hoàng Phước²

Tóm tắt: Kể từ khi gia nhập WTO vào năm 2008, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới nói chung và kinh tế ASEAN nói riêng. Trong các hợp đồng thương mại quốc tế, các bên thường chọn Trọng tài thương mại làm nơi có thẩm quyền giải quyết tranh chấp bởi sự ưu việt của thiết chế tài phán này. Vấn đề được đặt ra là phán quyết của trọng tài nước ngoài không thể mặc nhiên được thi hành tại một quốc gia khác mà phải trải qua thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết đó. Tại Việt Nam, có quy định phán quyết không được công nhận tại Việt Nam vì lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo điểm b khoản 2 Điều 459 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều này sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên đã thắng kiện. Đồng thời cũng làm giảm sút lòng tin của nhà đầu tư, đối tác nước ngoài khi thực hiện các hoạt động thương mại với thương nhân Việt Nam. Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả phân tích và bình luận việc Tòa án không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài vì lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới góc nhìn so sánh giữa Việt Nam, Singapore và Malaysia để từ đó có những đề xuất đóng góp nhằm hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Từ khóa: Công nhận và cho thi hành, phán quyết trọng tài.

Abstract: Since joining the WTO in 2008, the Vietnamese economy has become increasingly deeply integrated with the world economy in general and the ASEAN economy in particular. In international commercial contracts, the parties often choose commercial arbitration as the competent authority to resolve disputes due to the superiority of this judicial institution. The problem is that a foreign arbitral award cannot be automatically enforced in another country without going through the procedure of recognition and enforcement of that award. In Vietnam, there is a provision that an award shall not be recognized in Vietnam because it is contrary to the basic principles of the law of the Socialist Republic of Vietnam according to point b, clause 2, Article 459 of the Civil Procedure Code 2015. This will seriously affect the rights and legitimate interests of the winning party. At the same time, it also reduces the trust of investors and foreign partners when conducting business activities with Vietnamese traders. Within the scope of this article, the authors analyze and comment on the recognition and

¹ TS, Phó trưởng Khoa Luật, Trọng tài viên, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM, thienlng@uel.edu.vn, sdt: 0903.911.430

² ThS, Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

enforcement of foreign arbitral awards from a comparative perspective between Vietnam and Singapore, in order to make recommendations to improve the law in this area.

Keywords: *Recognition and enforcement, arbitral awards.*

1. Không công nhận phán quyết trọng tài vì lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trước hết, phán quyết của Trọng tài nước ngoài được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam là phán quyết của Trọng tài nước ngoài mà nước đó và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cùng là thành viên của điều ước quốc tế về công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài. Phán quyết của Trọng tài nước ngoài không thuộc trường hợp quy định nêu trên mà trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại thì được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam là phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp, chấm dứt tố tụng trọng tài và có hiệu lực thi hành³. Do đó, phán quyết của Trọng tài nước ngoài được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam có “hiệu lực pháp luật” như quyết định của Tòa án của Việt Nam có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, khi Tòa án được yêu cầu công nhận phán quyết trọng tài, Tòa án không chỉ được yêu cầu công nhận hiệu lực pháp lý của phán quyết, mà còn phải đảm bảo phán quyết đó được thi hành. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 còn quy định phán quyết được công nhận sẽ được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự và chỉ được thi hành sau khi có quyết định của Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật⁴. Vì vậy, công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài là một thủ tục tố tụng đặc biệt do Tòa án tiến hành nhằm xem xét để công nhận tính hiệu lực của phán quyết trọng tài nước ngoài trên phạm vi lãnh thổ của Việt Nam. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày phán quyết của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật, người được thi hành, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn đến Bộ Tư pháp Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không quy định hoặc không có điều ước quốc tế liên quan để yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết đó⁵.

Tiếp theo, việc không công nhận phán quyết trọng tài vì lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 459 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo đó, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành Quy định Luật Trọng tài thương mại do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

³ Điều 424 BLTTDS 2015

⁴ Khoản 3 Điều 427 BLTTDS 2015

⁵ Khoản 1 Điều 432 BLTTDS 2015

dân tối cao ban hành có hướng dẫn “Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam. Khi xem xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, Tòa án phải xác định được phán quyết trọng tài có vi phạm một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật và nguyên tắc đó có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp của Trọng tài. Tòa án chỉ hủy phán quyết trọng tài sau khi đã chỉ ra được rằng phán quyết trọng tài có nội dung trái với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam mà Hội đồng trọng tài đã không thực hiện nguyên tắc này khi ban hành phán quyết trọng tài và phán quyết trọng tài xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của một hoặc các bên, người thứ ba.

Kể đến, trong các bộ luật, luật của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành thì các nguyên tắc cơ bản được quy định thành một chương riêng biệt, một mục trong chương, một điều luật hoặc không được quy định. Cụ thể, những nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng dân sự được quy định tại Chương II từ Điều 3 đến Điều 25 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại được quy định tại Mục 2 Chương 1 từ Điều 10 đến Điều 15 của Luật thương mại năm 2014. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015. Luật các tổ chức tín dụng năm 2014 thì không có quy định về các nguyên tắc cơ bản. Mặc dù “nguyên tắc cơ bản” đã được quy định minh thị trong các bộ luật, luật, vẫn tồn tại hai luồng quan điểm về cách hiểu nguyên tắc cơ bản. Một là, nguyên tắc cơ bản được “đóng khung” trong các điều luật được quy định là nguyên tắc cơ bản.

Hai là luật thuộc “nguyên tắc cơ bản”, nhưng ở cấp độ một chế định luật, nó là một quy định mang tính khái quát áp dụng cho cả chế định thì vẫn nên được xem là “nguyên tắc cơ bản”. Ví dụ như quy định áp dụng tập quán tại Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015 tuy không phải là điều luật thuộc “nguyên tắc cơ bản” nhưng được xem là một trong ba nguyên tắc cơ bản của pháp luật hợp đồng Việt Nam gồm: nguyên tắc tự do ý chí, nguyên tắc thiện chí và nguyên tắc áp dụng tập quán⁶. Thực tiễn xét xử tại Tòa án Việt Nam cho thấy đã có trường hợp thẩm phán áp dụng cách hiểu thứ 2 đối với “nguyên tắc cơ bản”. Theo Quyết định giám đốc thẩm số 05/2022/KDTM-GĐT ngày 29/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tranh chấp hợp đồng vay chuyên đổi giữa AGI và Công ty MC ngày 15/5/2014 và Hợp đồng bảo lãnh giữa AGI với bà M, bà N ngày 24/6/2014 được ký trên lãnh thổ Việt Nam giữa Công ty nước ngoài với Công ty Việt Nam và người Việt Nam, nhưng không có bản dịch tiếng Việt hay người phiên dịch tiếng Việt để dịch lại cho các bên. Đặc biệt là Hợp đồng bảo lãnh, các bên chỉ ký kết hoàn toàn bằng tiếng Anh, không được công chứng hay chứng thực và đăng ký giao dịch bảo

⁶ TS. Trần Kiên. Khái niệm hợp đồng và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật hợp đồng Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số tháng 01/2019. Tr 51-52.

đảm tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Trong khi đó, tại Điều 20 Hợp đồng vay chuyển đổi và tại Điều 17.1 Hợp đồng Bảo lãnh có nội dung: “Hợp đồng bảo lãnh này và các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo lãnh này sẽ được hiểu và điều chỉnh theo các quy định của pháp luật Việt Nam”. Điều này cũng được Trọng tài viên ghi nhận tại điểm 15, 16 Mục 2 Phần V Quy tắc tố tụng và Luật nội dung hiện hành của Phán quyết Trọng tài đề ngày 02/5/2019 với nội dung: “Pháp luật Việt Nam sẽ được áp dụng để xét xử trọng tài”. Ngoài ra, AGI cho Công ty MC vay chuyển đổi bằng USD nhưng AGI không phải là tổ chức tín dụng được Nhà nước Việt Nam cho phép hoạt động tại Việt Nam (theo Điều 4 và Điều 20 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010). Vì vậy, giao dịch cho vay chuyển đổi giữa AGI với Công ty MC là vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam. Từ nội dung trên có thể nhận thấy, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 không có quy định các nguyên tắc cơ bản và Hội đồng xét đơn yêu cầu đã căn cứ Điều 4 và Điều 20 nhận định AGI không phải là tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam và đây là căn cứ để không công nhận và cho thi hành phán quyết do vi phạm các nguyên tắc cơ bản.

Cuối cùng, từ những phân tích nêu trên có thể nhận thấy căn cứ “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam” được quy định quá chung chung, không rõ ràng nên việc áp dụng một cách tùy tiện là không thể tránh khỏi. Hiện nay, gần như trong các Bộ luật, Luật ở nước ta đều có những quy định về “nguyên tắc”, vì thế bên yêu cầu có thể dễ dàng viện dẫn phán quyết trọng tài “trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” và đưa ra giải thích hợp lý, Tòa án sẽ căn cứ vào đó để ra quyết định hủy phán quyết trọng tài. Thực tiễn giải quyết tranh chấp những năm qua cho thấy số phán quyết trọng tài bị hủy vì lý do này là không nhỏ. Mặc dù, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP đã có hướng dẫn cụ thể về căn cứ này, nhưng trên thực tế việc tòa căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 68 để hủy phán quyết trọng tài mà không nêu rõ phán quyết sai chỗ nào, vi phạm nội dung cụ thể ra sao là không thuyết phục và đó là tình trạng vẫn rất phổ biến⁷.

2. Không công nhận phán quyết trọng tài vì lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của Singapore, Malaysia

Thứ nhất đối với Singapore thì tại điểm b khoản 4 Điều 31 Luật Trọng tài Quốc tế Singapore năm 1994 có quy định phán quyết của trọng tài nước ngoài bị từ chối thi hành nếu Tòa án nhận thấy việc thi phán quyết đó vi phạm trật tự công cộng của Singapore⁸. Điều này có nghĩa không có giới hạn cho việc Tòa án Singapore áp dụng nguyên tắc chính sách công cộng của riêng mình căn cứ trên hệ thống pháp luật quốc gia để xác định khi nào và tại sao sẽ không

⁷ TS. Vũ Thị Hồng Vân. Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về hủy phán quyết trọng tài thương mại và một số giải pháp khắc phục. Tạp chí Nghề luật, số tháng 5/2016, Tr.72-77

⁸ International Arbitration Act 1994. Link: <https://sso.agc.gov.sg/Act/IAA1994>, truy cập ngày 06/6/2024.

công nhận và cho thực thi một phán quyết nước ngoài. Điều này sẽ tất yếu dựa trên các khái niệm về đạo đức, công bằng và các khái niệm "chính sách công cộng" khác được hiểu trong pháp luật. Cụ thể, một phán quyết nước ngoài về trọng tài liên quan đến một hoạt động bất hợp pháp tại Singapore sẽ thu hút một phản ứng đơn giản nhưng kiên quyết từ Tòa án rằng thực thi một phán quyết như vậy sẽ "trái với chính sách công cộng của Singapore". Nhìn từ một quan điểm rất hẹp, điều khoản này có vẻ cung cấp một công cụ pháp lý mà rõ ràng sẽ cho phép một Tòa án Singapore có sự linh hoạt đáng kể để từ chối thực thi một phán quyết nước ngoài. Bất cứ điều gì mà Tòa án Singapore nhìn nhận là ngay cả một chút trái với các khái niệm về đạo đức công cộng tại Singapore có thể bị Tòa án từ chối bằng việc sử dụng quy định này. Ví dụ một phán quyết trọng tài nước ngoài liên quan đến một tranh chấp về hợp đồng phân phối tài liệu khiêu dâm ở một quốc gia khác ngoài Singapore và theo luật pháp của quốc gia đó không phải là bất hợp pháp hoặc thậm chí hợp pháp, có thể bị từ chối thực thi bởi một Tòa án ở Singapore với lý do thực thi phán quyết được ban hành trong mọi trường hợp trái với đạo đức công cộng của Singapore và do đó trái với chính sách công cộng của Singapore. Trong phạm vi nội địa và trong ngữ cảnh hẹp của chính sách công cộng quốc gia, lập luận và phương pháp trên đây có vẻ là mong muốn và phù hợp với quan niệm pháp luật và đạo đức địa phương. Tuy nhiên, vấn đề là việc từ chối thực thi một phán quyết trọng tài nước ngoài nhất định phải trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc quốc tế. Ở mức đơn giản nhất, quyết định của một tòa án Singapore liệu có thực thi một phán quyết trọng tài nước ngoài hay không tất yếu liên quan đến các yếu tố nước ngoài về cả pháp luật và các bên. Điều này lại liên quan đến vấn đề về vị trí của Singapore trong cộng đồng quốc tế và cụ thể hơn là thái độ của Singapore đối với các khái niệm về pháp lý và xã hội mà có thể là mới hoặc xa lạ đối với kinh nghiệm quốc gia của mình. Trong luật quốc tế, cũng có vấn đề về sự tương thân của các quốc gia mà Singapore, là một thành viên thành phần của cộng đồng quốc tế buộc phải tuân thủ.

Thứ hai là đối với Malaysia thì tại Điều 39(1)(b)(ii) Luật Trọng tài Malaysia năm 2005 có quy định phán quyết của trọng tài nước ngoài bị từ chối thi hành nếu Tòa án nhận thấy phán quyết đó mâu thuẫn với trật tự công cộng của Malaysia. Quy định này chịu sự ảnh hưởng của Điều 5(2)(b) của Công ước New York 1958. Cụ thể, tại Điều 5(2)(b) quy định một lý do khác mà Tòa án có thể tự động từ chối công nhận và thực thi một phán quyết trọng tài, đó là khi việc công nhận và thực thi phán quyết đó có thể vi phạm chính sách công cộng của Nhà nước sở tại. Thực tế gần đây cho thấy hầu hết các bên phản đối cũng sẽ áp dụng Điều 39(1)(b)(ii) của Luật Trọng tài Malaysia năm 2005 như một trong các lý do để chống lại việc công nhận và thực thi một phán quyết. Chính sách công cộng theo Công ước New York 1958 nên được hiểu một cách hẹp nhất có thể và giới hạn trong phạm vi trật tự công cộng, bao gồm vi phạm nguyên tắc cơ bản của công lý. Ở Malaysia, bên đưa ra yêu cầu không công nhận phán quyết trọng tài nước

ngoài theo Điều 39(1)(b)(ii) của Luật Trọng tài Malaysia năm 2005 phải chứng minh rằng phán quyết "sẽ hoàn toàn gây phản cảm đối với công chúng thông thường, hợp lý và được thông báo đầy đủ, người đại diện cho quyền lực của nhà nước". Cụ thể, trong trường hợp của Open Type Joint Stock Company Efirnoye (EFKO), bị đơn, trong một đơn đề nghị từ chối công nhận và thực thi một phán quyết theo Điều 38 của Luật Trọng tài Malaysia năm 2005, cũng đã áp dụng lý do chính sách công cộng theo Điều 39(1)(b)(ii). Tòa án đã thấy rằng bị đơn không chứng minh được rằng việc thực thi phán quyết "sẽ hoàn toàn gây phản cảm đối với công chúng thông thường, hợp lý và được thông báo đầy đủ, người đại diện cho quyền lực của nhà nước". Tòa án Tối cao quyết định rằng vấn đề *res judicata* không áp dụng trong trường hợp này và không có sự thiếu công bằng trong quy trình hay vi phạm công lý tự nhiên. Tòa án Malaysia cũng đã cảnh báo về việc sử dụng lý do chính sách công cộng theo Điều 39(1)(b)(ii) như một nguyên cớ để xem xét các vấn đề đã được quyết định trong quá trình tố tụng trọng tài. Trong vụ án Hafeez Iqbal Oil & Ghee Industries (Pvt) Ltd v Alami Vegetable Oil Products Sdn Bhd [2018] 3 CLJ 635, bị đơn cũng dựa vào Điều 39(1)(b)(ii), khẳng định rằng phán quyết đã vi phạm chính sách công cộng của Malaysia. Tòa án đã kết luận bị đơn không giải thích được rõ ràng làm thế nào phán quyết xung đột với chính sách công cộng của Malaysia, mà chỉ cho rằng phán quyết không nhất quán với các điều khoản PORAM và do đó bất công với bị đơn. Tòa án đã quyết định rằng vì cả hai bên đã đồng ý rõ ràng thực hiện trọng tài theo Quy tắc PORAM, bị đơn không thể khẳng định rằng các phán quyết vi phạm Quy tắc PORAM. Tòa án giải thích rằng "*đó là luật trite, lập luận vi phạm chính sách công cộng không nên được sử dụng như một nguyên cớ để xét lại các vấn đề đã được giải quyết trong trọng tài*". Tòa án đồng ý với nguyên đơn rằng bị đơn nên đưa ra khiếu nại theo Điều 37 của Luật Trọng tài Malaysia năm 2005 để không công nhận phán quyết và việc cố gắng khiếu nại theo Điều 39 là khá miễn cưỡng⁹.

3. Kết luận

Từ những phân tích quy định của các nước Việt Nam, Singapore và Malaysia về không công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài với lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật. Có thể nhận thấy, các quốc gia trên đều nội luật hóa quy định về không công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài dựa trên Điều 5(2)(b) Công ước New York 1958. Đây được xem như là một "thành trì" cuối cùng để Tòa án tiến hành không công nhận và cho thi hành một phán quyết của trọng tài nước ngoài khi nhận thấy việc công nhận và thi hành trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình hoặc trái với trật tự công cộng.

⁹ Iyllyana Binti Che Rosli. The Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards in Malaysia: Has the New York Convention 1958 Achieved Its Goal of Harmonising Laws of Its Contracting States. Link: https://sussex.figshare.com/articles/thesis/The_recognition_and_enforcement_of_foreign_arbitral_awards_in_Malaysia_has_the_New_York_Convention_1958_achieved_its_goal_of_harmonising_laws_of_its_contracting_states/_23487636, truy cập ngày 06.6.2024.

Đây là quy định nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia, vững lãnh thổ đối với một phán quyết của trọng tài nước ngoài. Tuy nhiên, như đã phân tích, khi áp dụng quy định này cần phải có sự hài hòa và cân nhắc về nhiều mặt. Trong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng phát triển thì các tranh chấp cũng sẽ càng phát sinh. Việc Tòa án của một quốc gia vì lý do trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia mà không công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài sẽ làm cho bên thắng kiện gặp nhiều thiệt hại và có thể ảnh hưởng đến quyết định có nên đầu tư, thực hiện các hoạt động thương mại đối với các doanh nghiệp sở tại của quốc gia đó. Đồng thời có thể kéo theo hệ lụy Tòa án của bên thắng kiện cũng sẽ không công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài đến từ quốc gia đã không công nhận như một nguyên tắc “có đi có lại”. Do đó, theo quan điểm của nhóm tác giả, cần phải có sự hài hòa giữa chủ quyền quốc gia, lợi ích kinh tế và quan trọng nhất là đảm bảo tính công bằng của tư pháp quốc tế khi áp dụng quy định này nhằm mục đích chung là phục vụ cho sự phát triển kinh tế lành mạnh giữa các quốc gia.

Bên cạnh đó, có thể nhận thấy quy định về công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài đều được các quốc gia quy định tại Luật Trọng tài thương mại. Tuy nhiên, Việt Nam lại quy định vấn đề này trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, còn việc hủy phán quyết trọng tài vẫn được quy định trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Theo quan điểm của nhóm tác giả, những vấn đề liên quan đến tố tụng trọng tài nên được quy định trong Luật Trọng tài thương mại để đảm bảo thống nhất trong việc áp dụng pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng tài thương mại năm 201
2. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
3. Luật Trọng tài Quốc tế Singapore năm 1994
4. Luật Trọng tài Malaysia năm 2005
5. TS. Trần Kiên. Khái niệm hợp đồng và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật hợp đồng Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số tháng 01/2019. Tr 51-52.
6. TS. Vũ Thị Hồng Vân. Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về hủy phán quyết trọng tài thương mại và một số giải pháp khắc phục. Tạp chí Nghề luật, số tháng 5/2016, Tr.72-77
7. Iyllyana Binti Che Rosli. The Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards in Malaysia: Has the New York Convention 1958 Achieved Its Goal of Harmonising Laws of Its Contracting States.

CHỨNG CỨ ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG TRỌNG TÀI

Đỗ Quỳnh Như¹

Tóm tắt: Bài viết phân tích các quy luật pháp Việt Nam về giá trị pháp lý, thu thập, lưu giữ, đánh giá và sử dụng chứng cứ điện tử trong tổ tụng trọng tài. Nó nhấn mạnh tính hợp pháp, xác thực và nguyên tắc đánh giá chứng chỉ điện tử, đồng thời tạo ra khung pháp lý hoàn thiện để đảm bảo hiệu quả và phù hợp với xu hướng số hóa.

Từ khóa: chứng cứ điện tử; tổ tụng trọng tài; chứng cứ điện tử trong tổ tụng tài; trọng tài thương mại; chữ ký điện tử.

Abstract: The article analyzes Vietnamese legal regulations regarding the legal value, collection, storage, evaluation, and use of electronic evidence in arbitration proceedings. It emphasizes the legality, authenticity, and principles of evaluating electronic certificates, while also creating a comprehensive legal framework to ensure effectiveness and alignment with digitalization trends.

Keywords: electronic evidence; arbitration proceedings; electronic evidence in arbitration; commercial arbitration; electronic signature.

1. Đặt vấn đề:

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin đang đặt ra nhiều thách thức và cơ hội mới cho hoạt động tổ tụng nói chung và tổ tụng trọng tài nói riêng. Trong đó, chứng cứ điện tử (đặc biệt là trong các giao dịch thương mại điện tử) đang trở thành nguồn chứng cứ cốt yếu trong việc giải quyết tranh chấp. Các dạng chứng cứ như email, hợp đồng điện tử, tin nhắn qua ứng dụng như Zalo, WhatsApp, dữ liệu blockchain và tài liệu số hóa đang được sử dụng ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, các quy định pháp lý hiện hành và thực tiễn áp dụng vẫn còn nỗi lo lắng về việc thu thập, đánh giá và sử dụng loại chứng cứ đặc thù này trong trọng tài. Bài viết này nhằm phân tích toàn diện vấn đề chứng cứ điện tử trong tổ tụng trọng tài thương mại, từ khái niệm, cơ sở pháp lý đến các thách thức thực tiễn và đề xuất hoàn thiện pháp luật.

2. Chứng cứ và nguồn dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật tổ tụng

Trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, dân sự hay hành chính, các chủ thể tiến hành tổ tụng và tham gia tổ tụng phải dựa vào chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình đối với sự kiện pháp lý đang có tranh chấp hoặc đưa ra những quyết định, hành vi tổ tụng phù hợp có tính thuyết phục đối với các chủ thể tổ tụng khác và xã hội.

Thông tin được thể hiện dưới dạng thông điệp giao tiếp nhất định là một trong những điều kiện cần thiết để thông tin đó trở thành chứng cứ và nó chỉ trở thành chứng cứ khi có đủ

¹ Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law, doquynhnhu1706thsp@gmail.com

các thuộc tính khác; đó là: tính khách quan; tính liên quan và tính hợp pháp. “Chứng cứ là những thông tin được thể hiện dưới dạng một thông điệp giao tiếp cụ thể mà con người có thể nhận biết được như chữ viết, chữ số, ký hiệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh hoặc dạng tương tự khác; được ghi nhận, thu thập được trong hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự, dân sự, hành chính; phản ánh một cách khách quan, liên quan về sự kiện pháp lý hình sự, dân sự, hành chính và có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ việc, vụ án hình sự, dân sự, hành chính”.

Vào những năm 1970, với sự ra đời của máy tính cá nhân cùng với công nghệ đã tạo ra một cuộc cách mạng về khả năng truyền tải thông tin một cách tự do và nhanh chóng tạo ra thời đại kỹ thuật số. Chỉ bằng hai số “0” và “1” tương ứng với việc đóng và ngắt mạch điện, con người đã giao tiếp được với máy tính, thông qua máy tính để tạo ra các định dạng và phát ra các tín hiệu được gọi là dữ liệu điện tử, các dữ liệu điện tử này có khả năng tác động đến các giác quan của con người khiến các giác quan cảm nhận được các thông điệp của thông tin dưới dạng chữ viết, chữ số, ký hiệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh hoặc dạng tương tự khác, được gọi là thông tin kỹ thuật số hay thông tin có nguồn gốc từ dữ liệu điện tử. Như vậy, thông tin kỹ thuật số là một dạng thông tin dữ liệu điện tử, được hình thành bằng việc định dạng, phát đi bởi các số “0” và “1”.

Từ việc dữ liệu điện tử có khả năng mang lại cho giác quan của con người những thông điệp của thông tin mà con người có khả năng trao đổi thông tin trong cuộc sống với nhau thông qua nguồn dữ liệu điện tử hoặc trong quá trình con người sử dụng các thiết bị, phương tiện điện tử sẽ có những thông tin thể hiện dưới dạng thông điệp là chữ viết, chữ số, ký hiệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh hoặc dạng tương tự phản ánh hoạt động của con người và các sự vật, hiện tượng liên quan. Chính vì vậy, dữ liệu điện tử đã trở thành một nguồn chứng cứ quan trọng trong kỷ nguyên số ngày nay giúp các chủ thể tố tụng phát hiện, tìm kiếm, khai thác, thu thập chứng cứ nhằm sử dụng trong quá trình giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự, dân sự, hành chính.²

3. Quy định của pháp luật tố tụng và Luật giao dịch điện tử liên quan đến chứng cứ điện tử và nguồn dữ liệu điện tử

Chứng cứ điện tử được hiểu là một dạng chứng cứ trong tố tụng, luôn được hình thành hoặc gắn với nguồn dữ liệu điện tử, đảm bảo đầy đủ ba thuộc tính khách quan, liên quan, hợp pháp. Pháp luật hiện hành quy định về chứng cứ điện tử thông qua các quy định của tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính với các chế định có liên quan, cụ thể:

3.1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

²Quy định về chứng cứ điện tử trong pháp luật tố tụng và Luật Giao dịch điện tử: <https://tapchitoaan.vn/quy-dinh-ve-chung-cu-dien-tu-trong-phap-luat-to-tung-va-luat-giao-dich-dien-tu8114.html>, truy cập ngày 27/5/2025.

Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015³, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (BLTTHS năm 2015) không sử dụng thuật ngữ “chứng cứ điện tử” mà chỉ có những quy định về chứng cứ và nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử. Theo đó, chứng cứ được xác định là: *“Những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”*. Những gì có thật ở đây được hiểu là tất cả những tình tiết, yếu tố phản ánh đúng với bản chất của sự kiện phạm tội đã xảy ra như nó vốn có hay nói cách khác đây chính là những thông tin về sự kiện phạm tội được phản ánh, thu thập lại giúp cho chủ thể tố tụng trong quan hệ tố tụng hình sự nhận thức về vụ việc mang tính hình sự hoặc vụ án hình sự tại thời điểm xem xét, giải quyết.

Theo quy định tại khoản 1 điều 87 BLTTHS năm 2015 thì dữ liệu điện tử đã được xác định là một trong bảy nguồn chứng cứ.

Khái niệm dữ liệu điện tử quy định tại Điều 99 BLTTHS năm 2015, đó là: *“Dữ liệu điện tử là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử. Dữ liệu điện tử được thu thập từ phương tiện điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác”*.⁴ Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự mà con người có thể nhận biết được thông qua các thiết bị, phương tiện điện tử, phần mềm thích hợp khi có con người biết sử dụng thiết bị, phương tiện điện tử và phần mềm trong kỹ thuật số bởi nó tồn tại dưới dạng điện tử, dạng kỹ thuật số được định dạng, lưu trữ trong các thiết bị tương ứng với các đơn vị nhớ Bít (Bits), Bai (Bytes), các sóng điện từ, hạt điện tử... mà ở trạng thái tự nhiên chúng ta không thể nhìn thấy, nghe thấy hoặc nhận biết những dữ liệu trong các thiết bị chứa đựng nó. Ví dụ: với một thẻ nhớ, bằng trực quan chúng ta không thể thấy được hình ảnh, âm thanh, ký tự...; nhưng khi lắp vào máy tính, sử dụng phần mềm thích hợp do người có khả năng sử dụng thiết bị, phương tiện điện tử và phần mềm để đọc thẻ nhớ thì chúng ta có thể thấy, nhận biết được các âm thanh, hình ảnh, ký tự... hoặc nếu chỉ cần một trong ba yếu tố thì không được sử dụng phần mềm thích hợp, không có thiết bị và phương tiện điện tử thích hợp hay không có người có khả năng sử dụng thiết bị, phương tiện và phần mềm sẽ không thể thấy, nhận biết được các thông điệp của thông tin là chữ viết, chữ số, ký hiệu, âm thanh, hình ảnh hoặc dạng tương tự.

Tại khoản 3 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu*

³ Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi bổ sung năm 2021

⁴ Điều 9 BLTTHS 2015

tổ phù hợp khác”⁵. Tiêu chí xác định giá trị của chứng cứ như vậy sẽ khiến những người sử dụng chứng cứ rất khó đánh giá bởi không thể biết được đâu là chứng cứ có giá trị cao, thấp hay ngang bằng nhau khi so sánh giá trị với nhau để sử dụng tranh tụng, buộc tội, gỡ tội hay kết tội hoặc làm căn cứ để đưa ra các quyết định, xử sự, hành vi tố tụng khác.

Chúng tôi cho rằng, giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử có điều kiện tiên quyết là phải hợp pháp, nếu thông tin không hợp pháp thì không được coi là chứng cứ. Ngoài ra, để xác định chứng cứ này có giá trị trong giải quyết vụ việc, vụ án hơn chứng cứ kia thì phải xem xét, đánh giá dựa vào tiêu chí khách quan, liên quan thông qua cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố khác. Nếu thông tin càng khách quan, càng liên quan thì càng có giá trị và ngược lại, thông tin ít khách quan, ít liên quan hơn thì có giá trị ít hơn trong chứng minh tội phạm, giải quyết vụ án hình sự.

3.2. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì chứng cứ được hiểu là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục mà BLTTDS quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.⁶

Tương tự như BLTTDS, Luật tố tụng hành chính năm 2015 cũng quy định chứng cứ là những gì có thật được đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Luật tố tụng hành chính quy định mà Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.⁷

Cũng giống như tố tụng hình sự, “những gì có thật” trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính chính là những tình tiết, yếu tố phản ánh đúng với bản chất của sự kiện pháp lý dân sự hay hành chính đã xảy ra như nó vốn có mà đang được các chủ thể tố tụng đưa ra xem xét hay nói một cách khác, đây chính là những thông tin về sự kiện pháp lý dân sự hay hành chính được phản ánh, thu thập lại giúp cho chủ thể tố tụng sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm của chủ thể khác hay làm cơ sở để đưa ra những quyết định, hành vi tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm xem xét, giải quyết vụ việc, vụ án dân sự, hành chính.

Nếu như BLTTHS năm 2015 không sử dụng thuật ngữ “chứng cứ điện tử”, thì BLTTDS năm 2015 và Luật tố tụng hành chính năm 2015 lại sử dụng thuật ngữ “chứng cứ điện tử” duy

⁵ Khoản 3 BLTTHS 2015

⁶ Bộ luật tố tụng dân sự 2015

⁷ Luật tố tụng hành chính 2015

nhất một lần tại khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 và khoản 3 Điều 82 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 với ý nghĩa là một trong bảy hình thức thể hiện của “thông điệp dữ liệu điện tử” nhưng không có quy định nào đưa ra khái niệm “chứng cứ điện tử”.

Đồng thời, BLTTDS năm 2015 và Luật tổ tụng hành chính năm 2015 đều quy định dữ liệu điện tử là một trong các nguồn chứng cứ có thể khai thác các chứng cứ sử dụng trong tố tụng dân sự và tố tụng hành chính.

Khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 và khoản 3 Điều 82 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định “thông điệp dữ liệu điện tử” được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Tuy nhiên, BLTTDS và Luật tổ tụng hành chính đều không đưa ra khái niệm thế nào là “dữ liệu điện tử” như BLTTHS năm 2015 nhưng lại đưa ra khái niệm khi có sự trao đổi dữ liệu điện tử thì sẽ hình thành một dạng thông điệp điện tử bên cạnh các dạng khác là chứng cứ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Quy định như trên vẫn có những điểm còn khó hiểu bởi “dữ liệu điện tử” là nguồn chứng cứ mà việc trao đổi dữ liệu điện tử hình thành nên “thông điệp điện tử” và “chứng cứ điện tử” lại là một trong các dạng của thông điệp điện tử. Trong khi “chứng cứ điện tử” thì chỉ có thể khai thác được từ các nguồn dữ liệu điện tử và thư điện tử, điện tín... cũng là một hình thức thể hiện của dữ liệu điện tử khi được trao đổi giữa các phương tiện và thiết bị điện tử.

3.3. Luật Giao dịch điện tử năm 2015

Luật Giao dịch điện tử năm 2015 (Điều 4) đưa ra khái niệm “dữ liệu” là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự mà không đưa ra khái niệm “dữ liệu điện tử”. Tại Điều 10 Luật này quy định “thông điệp dữ liệu điện tử” được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác.

Điều 14 Luật quy định “thông điệp dữ liệu” có giá trị làm chứng cứ và giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác.

Như vậy, khác với chứng cứ truyền thống, giá trị không chỉ đánh giá trên các tiêu chí khách quan, liên quan và hợp pháp mà còn xác định dựa thêm vào cả tiêu chí cách thức đảm bảo và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu điện tử và cách xác định của người khởi tạo thông điệp đó hoặc các yếu tố phù hợp khác.

3.4. Tham chiếu quy định quốc tế về chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài

Trong kỷ nguyên số, các giao dịch điện tử phát triển mạnh mẽ kéo theo sự gia tăng các tranh chấp phát sinh từ môi trường số. Do đó, chứng cứ điện tử ngày càng trở nên quan trọng trong tố tụng trọng tài. Để đảm bảo tính hợp pháp, hiệu lực và khả năng chấp nhận của chứng cứ điện tử, các văn kiện pháp lý quốc tế đã đóng vai trò then chốt, đặc biệt là trong việc định hướng luật hóa quốc gia và chuẩn hóa thực tiễn trọng tài quốc tế.

a. Công ước New York 1965

Công ước New York 1965 là một trong những văn kiện quốc tế quan trọng nhất trong lĩnh vực trọng tài thương mại quốc tế. Công ước tập trung vào công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài nước ngoài, chứ không điều chỉnh trực tiếp quá trình tố tụng hoặc hình thức chứng cứ. Đến nay, hơn 170 quốc gia là thành viên, trong đó có Việt Nam (gia nhập năm 1995).

Công ước New York 1965 không quy định cụ thể về chứng cứ điện tử, nhưng yêu cầu phán quyết trọng tài phải dựa trên chứng cứ hợp lệ, mở đường cho việc chấp nhận chứng cứ điện tử trong tranh chấp xuyên biên giới.

b. Luật mẫu UNCITRAL về Trọng tài thương mại Quốc tế

Luật mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế (UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration - MLICA) được Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) ban hành năm 1985 và sửa đổi năm 2006. Mục tiêu chính: tạo ra một khuôn khổ pháp lý hài hòa và dễ áp dụng cho các quốc gia trong việc điều chỉnh hoạt động trọng tài thương mại. Luật mẫu được nhiều quốc gia sử dụng làm cơ sở để ban hành hoặc sửa đổi luật trọng tài quốc nội (Việt Nam cũng tham chiếu khi xây dựng Luật Trọng tài thương mại 2010).

Luật mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại khuyến khích tính linh hoạt trong việc chấp nhận và đánh giá chứng cứ, bao gồm chứng cứ điện tử, miễn là đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế (UNCITRAL).

Thực tiễn trọng tài quốc tế áp dụng UNCITRAL:

- + SIAC (Singapore) và HKIAC (Hong Kong): cho phép trình bày chứng cứ điện tử dưới nhiều hình thức (PDF, video, log file...) trong phiên điều trần.
- + VIAC (Việt Nam): chấp nhận email, dữ liệu giao dịch điện tử, file mềm làm chứng cứ nếu bên cung cấp đảm bảo được tính toàn vẹn.
- + UNCITRAL Arbitration Rules (2010) – áp dụng song hành với Luật mẫu: tạo điều kiện tối đa cho các bên sử dụng công cụ công nghệ và điện tử.

Mặc dù không dùng cụm từ "chứng cứ điện tử", nhưng Luật mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại đã thiết lập một hệ thống pháp lý thân thiện với loại chứng cứ này bằng cách: mở rộng quyền tự quyết cho các bên và hội đồng trọng tài; không áp đặt hình thức cố định đối với chứng cứ; gợi mở các nguyên tắc đánh giá chứng cứ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế,...

UNCITRAL đã và đang đóng vai trò định hướng toàn cầu, giúp chứng cứ điện tử được sử dụng hợp pháp, công bằng và hiệu quả trong các tranh chấp thương mại xuyên biên giới.

c. Quy tắc trọng tài ICC 2021

International Chamber of Commerce Arbitration Rules (ICC Rules 2021) là một trong những bộ quy tắc uy tín và được sử dụng rộng rãi nhất trong trọng tài quốc tế.

Điều 25 – Trình bày chứng cứ

“Các bên có thể nộp chứng cứ bằng bất kỳ hình thức nào, miễn là được chấp thuận bởi Hội đồng Trọng tài.”

ICC Rules 2021 và SIAC Rules 2016 cung cấp hướng dẫn chi tiết về trình bày và xác minh chứng cứ điện tử, bao gồm yêu cầu về siêu dữ liệu và chữ ký số.

Quy tắc IBA về Thu thập Chứng cứ trong Trọng tài Quốc tế (IBA Rules) và Prague Rules cũng được tham chiếu để đánh giá chứng cứ điện tử một cách thống nhất.

4. Thực tiễn áp dụng chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài

Dữ liệu điện tử trong giao dịch thương mại cũng chính là nguồn chứng cứ điện tử được sử dụng trong giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài thương mại. Việc thu thập, giao nộp chứng cứ và chứng minh là nghĩa vụ của các bên tranh chấp, chủ yếu là của nguyên đơn. Cơ quan giải quyết tranh chấp chỉ hỗ trợ đương sự việc thu thập, xác minh chứng cứ trong một số trường hợp luật định mà đương sự không thể tự mình thu thập.

Vai trò chính của Tòa án/Trọng tài thương mại là kiểm tra, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp và đưa ra phán quyết. Thực tế cho thấy, chứng cứ điện tử có giá trị chứng minh thấp hơn chứng cứ truyền thống (đa số là văn bản giấy). Thông thường, đương sự không thể chứng minh được tính nguyên vẹn của chứng cứ điện tử, không xác định được người khởi tạo và truyền dữ liệu, tức là không chứng minh được sự thật khách quan về sự tồn tại của chứng cứ. Nhiều trường hợp đương sự lưu trữ chứng cứ điện tử trong quá trình thực hiện hợp đồng không đầy đủ dẫn đến thông tin bị đứt quãng, không logic với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên không có giá trị chứng minh.

Chứng cứ điện tử do một bên cung cấp dễ bị phản bác bởi lập luận khoa học, hợp lý của bên còn lại. Việc thắng hay thua kiện còn phụ thuộc vào kỹ thuật thu thập, sử dụng chứng cứ, lập luận chứng minh, phản biện của các bên tranh chấp. Chứng cứ điện tử phát huy giá trị chứng minh khi đương sự biết kết hợp với những chứng cứ khác, lập luận và phản biện phù hợp với quy định pháp luật và đúng thời điểm, điều này còn phụ thuộc vào kỹ năng và kinh nghiệm của người đại diện doanh nghiệp giải quyết tranh chấp và tốt nhất nên là Luật sư.

Những vấn đề thực tiễn trong việc sử dụng và đánh giá chứng cứ điện tử

Qua việc tham giải quyết một số vụ án tranh chấp thương mại tại Tòa án và Trọng tài thương mại, tôi nhận thấy một số vấn đề vướng mắc cần phải xem xét và hoàn thiện về chứng cứ điện tử được sử dụng trong việc giải quyết tranh chấp thương mại như sau:

Thứ nhất, về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án có liên quan đến chứng cứ điện tử

Trong vụ án vụ án kinh doanh thương mại thông thường, Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nơi bị đơn cư trú. Tuy nhiên, đó thuộc trường hợp tranh chấp hợp đồng giữa hai pháp nhân nhưng nếu quan hệ thương mại điện tử theo mô hình doanh nghiệp với người tiêu dùng hoặc người tiêu dùng với doanh nghiệp thì việc xác định thẩm quyền như trong các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự sẽ gặp nhiều khó khăn khi xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, đặc biệt là thẩm quyền trong việc đưa ra yêu cầu ủy thác tư pháp (chỉ TAND cấp tỉnh mới có thẩm quyền giải quyết các vụ án có yếu tố nước ngoài).

Thực tiễn cho thấy việc sử dụng các phương tiện điện tử có thể được thực hiện không giới hạn về không gian, hay nói chính xác là thực hiện ở bất kỳ địa điểm nào trên thế giới, đây cũng là một thực tiễn sinh động khi xác định thẩm quyền để giải quyết các tranh chấp liên quan.

Thứ hai, về thủ tục, điều kiện để thụ lý vụ án có liên quan đến chứng cứ điện tử

Ngoại trừ các điều kiện về chủ thể hay giấy tờ chứng minh về nhân thân hoặc tư cách của pháp nhân khởi kiện. Trên thực tế, có rất ít các vụ án được Tòa án thụ lý mà chỉ sử dụng các chứng cứ điện tử, thông thường nó được thể hiện dưới dạng văn bản viết được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án mới thụ lý. Sau khi thụ lý, Tòa án tiến hành xác minh theo yêu cầu của các đương sự nhằm chứng minh cho yêu cầu của họ. Còn theo các thủ tục tố tụng thì khi chưa thụ lý, Tòa án hay các đương sự không thể tự mình hay theo yêu cầu mà thu thập chứng cứ vì theo nguyên tắc “nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự”.

Như vậy, nếu chỉ có các chứng cứ điện tử liên quan đến hành vi mua bán hàng hóa dịch vụ bị tranh chấp thì người có giả thiết có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại rất khó để khởi kiện với tư cách nguyên đơn dân sự. Khi vụ án chưa được thụ lý giải quyết thì yêu cầu phản tố của bị đơn hay yêu cầu độc lập của người có quyền và nghĩa vụ liên quan cũng không được xem xét giải quyết.

Thứ ba, về việc thu thập và đánh giá chứng cứ

Như đã phân tích ở trên, về mặt bản chất thì các dữ kiện điện tử có giá trị tương đương thuộc tính đối với chứng cứ truyền thống (văn bản). Các nguyên tắc này được quy định trong Luật Giao dịch điện tử, Luật Thương mại, nghị định về thương mại điện tử cũng như các văn bản có liên quan.

Tuy nhiên, trên thực tế thì giá trị pháp lý và nguyên tắc tương đương thuộc tính vẫn còn nhiều khó khăn khi áp dụng các chứng cứ điện tử. Do quy định hiện nay mang tính nguyên tắc, tức là có ý nghĩa trong việc áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý

nhà nước cũng như áp dụng để giải quyết tranh chấp nhưng không có các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền như Ủy ban Thường vụ Quốc hội hay nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hoặc không được quy định cụ thể trong Bộ luật Tố tụng dân sự thì sẽ không thể giải quyết các tranh chấp thương mại được thực hiện bằng phương tiện điện tử.

Mặc dù, luật quy định rằng: “Các tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được” nhưng không có các quy định cụ thể về hình thức vật chất chứa đựng chứng cứ điện tử, trình tự thu thập, xác minh chứng cứ cũng như hướng dẫn các trình tự thủ tục tố tụng chuyên biệt để thụ lý giải quyết các tranh chấp thương mại có các chứng cứ điện tử sẽ rất khó khăn trong việc áp dụng để giải quyết các tranh chấp thương mại.

4.1. Các loại chứng cứ điện tử phổ biến ở Việt Nam hiện nay

a. Hợp đồng điện tử

Theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử 2005 và Bộ luật Dân sự 2015 hợp đồng điện tử là thỏa thuận giữa các bên được thiết lập, ký kết và thực hiện thông qua phương tiện điện tử (ví dụ: email, website, phần mềm, blockchain...). Hợp đồng này có giá trị pháp lý như hợp đồng truyền thống nếu đáp ứng đủ điều kiện theo pháp luật. Về hình thức thì hợp đồng điện tử không cần có văn bản giấy; có thể tồn tại dưới dạng email, biểu mẫu web, file PDF có chữ ký số....

Chữ ký điện tử có thể thay thế là chữ ký tay; có thể là chữ ký số, OTP, mã xác thực,... Một số hợp đồng có thể được hệ thống phần mềm thực hiện tự động mà không cần hành vi thủ công. Các dữ liệu về hợp đồng được lưu trên máy chủ, hệ thống điện toán đám mây.

Hợp đồng điện tử có giá trị pháp lý như hợp đồng giấy nếu các bên tham gia có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký kết và thể hiện ý chí được đảm bảo xác thực (qua chữ ký điện tử, xác nhận email, xác thực hai yếu tố,...)

b. Tin nhắn và dữ liệu truyền thông

Trong tố tụng trọng tài hiện đại, tin nhắn và dữ liệu truyền thông (ví dụ: email, tin nhắn SMS, tin nhắn trên các ứng dụng OTT như Zalo, Viber, WhatsApp, Telegram, WeChat...) ngày càng được sử dụng như một dạng chứng cứ điện tử quan trọng để chứng minh các tình tiết liên quan đến tranh chấp.

Tin nhắn và dữ liệu truyền thông là các nội dung được trao đổi qua các phương tiện điện tử giữa các bên, thường là: Tin nhắn văn bản (text); Hình ảnh, tệp đính kèm (files); Ghi âm, cuộc gọi (voice/video); Dấu thời gian gửi/nhận (timestamps); Thông tin người gửi/nhận (số điện thoại, email, ID tài khoản...)

Cách thức thu thập hợp lệ: Ảnh chụp màn hình (screenshot) kèm theo xác thực nguồn gốc (ví dụ: ảnh chụp có hiển thị số điện thoại/email, thời gian, nội dung đầy đủ); xuất bản ghi từ hệ thống phần mềm (zalo cloud, telegram backup, email export file .eml/.msg); trích xuất dữ liệu từ bên thứ ba như nhà mạng, nhà cung cấp dịch vụ (trong trường hợp được yêu cầu); dùng chữ ký số, mã xác thực hoặc log hệ thống làm bằng chứng xác thực.

Cách nộp trong trọng tài: nộp kèm bản giải trình hoặc đơn yêu cầu trọng tài; kèm theo bản dịch (nếu không phải tiếng Việt hoặc tiếng Anh); nếu nghi ngờ bị chỉnh sửa đề nghị giám định điện tử (forensic investigation).

Thực tiễn áp dụng và án lệ quốc tế

Thực tiễn tại Việt Nam các trung tâm trọng tài lớn (VIAC, PIAC) đã chấp nhận tin nhắn, email làm chứng cứ nếu bên nộp chứng minh được tính xác thực. Tranh chấp hợp đồng mua bán qua Zalo đã được công nhận chứng cứ nếu có thể xác định người dùng.

Thực tiễn quốc tế theo IBA Rules on the Taking of Evidence in International Arbitration, các "Electronic Documents" bao gồm email, tin nhắn, metadata... đều có thể được xem xét nếu được nộp đúng thủ tục. Các hội đồng trọng tài quốc tế (ICC, SIAC, HKIAC...) chấp nhận WhatsApp, WeChat, Signal... nếu bên nộp cung cấp bản trích xuất từ thiết bị gốc hoặc qua xác minh pháp lý.

Tin nhắn và dữ liệu truyền thông là một loại chứng cứ điện tử có giá trị pháp lý nếu được thu thập và xuất trình hợp lệ, góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ sự thật trong các vụ tranh chấp tại trọng tài. Trong bối cảnh thương mại điện tử và giao tiếp số phát triển, đây sẽ là xu hướng tất yếu trong chứng minh và giải quyết tranh chấp.

5. Hoàn thiện pháp luật về sử dụng nguồn chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài tại Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng khung pháp lý riêng về chứng cứ điện tử trong trọng tài

Hiện nay, các quy định về chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài chủ yếu dựa vào Luật Giao dịch điện tử 2005 (Điều 32) và Luật Trọng tài thương mại 2010 (Điều 14, 32), nhưng thiếu các quy định chi tiết, dẫn đến sự không thống nhất trong áp dụng và đánh giá chứng cứ điện tử. Đề xuất nên ban hành nghị định chuyên biệt, chính phủ cần ban hành một nghị định riêng về sử dụng chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài, quy định rõ: tiêu chuẩn chấp nhận chứng cứ điện tử (tính xác thực, toàn vẹn, truy xuất được); quy trình thu thập; bảo quản, và trình bày chứng cứ. Vai trò của các cơ quan giám định và công chứng viên trong xác minh chứng cứ. Sửa đổi Luật Trọng tài thương mại 2010: Bổ sung một điều khoản riêng về chứng cứ điện tử, quy định cụ thể: yêu cầu về định dạng và phương thức nộp chứng cứ (PDF, file gốc, bản in); quy trình xử lý chứng cứ bất hợp pháp (ví dụ: email thu thập từ hack); tiêu chí đánh giá mức độ liên quan và giá trị chứng minh của chứng cứ điện tử. Hướng dẫn từ trung tâm trọng tài: Các trung tâm

trọng tài (như VIAC) cần ban hành quy tắc nội bộ về xử lý chứng cứ điện tử, dựa trên Luật Trọng tài thương mại. Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất cho việc sử dụng chứng cứ điện tử. Giảm tranh cãi và không nhất quán trong đánh giá chứng cứ.

Thứ hai, tăng cường quy định về xác minh tính xác thực của chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài

Việc xác minh nguồn gốc và tính toàn vẹn của chứng cứ điện tử đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật cao, nhưng Việt Nam thiếu các quy định cụ thể về quy trình giám định và công cụ hỗ trợ. Quy định tiêu chuẩn xác minh bổ sung vào Luật Giao dịch điện tử hoặc nghị định mới các tiêu chuẩn kỹ thuật để xác minh chứng cứ điện tử, bao gồm: Sử dụng chữ ký số, dấu thời gian (timestamp), và công nghệ blockchain; yêu cầu metadata (như thời gian gửi, thông tin thiết bị) phải được cung cấp kèm chứng cứ. Thành lập cơ quan giám định chuyên môn quy định về việc chỉ định các cơ quan giám định công nghệ (như VNPT, FPT, hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông) chịu trách nhiệm xác minh chứng cứ điện tử. Công nhận chữ ký số quốc tế, sửa đổi Luật Giao dịch điện tử để công nhận các chứng thư số và chữ ký số từ các nhà cung cấp quốc tế, hỗ trợ các vụ trọng tài có yếu tố nước ngoài nhằm tăng độ tin cậy và tính xác thực của chứng cứ điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho các tranh chấp quốc tế sử dụng chứng cứ điện tử.

Thứ ba, bảo vệ quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài

Chứng cứ điện tử thường chứa thông tin nhạy cảm, dễ dẫn đến vi phạm quyền riêng tư hoặc rò rỉ dữ liệu, đặc biệt theo Luật An ninh mạng 2018. Bổ sung quy định về bảo mật thêm vào Luật Trọng tài thương mại hoặc nghị định mới các quy định về: yêu cầu mã hóa chứng cứ điện tử khi chia sẻ hoặc lưu trữ; quy trình che giấu (anonymization) thông tin nhạy cảm không liên quan đến tranh chấp; xử phạt hành vi tiết lộ thông tin từ chứng cứ điện tử trong quá trình tố tụng. Thiết lập nền tảng an toàn quy định việc sử dụng các nền tảng mã hóa đầu cuối (end-to-end encryption) hoặc hệ thống lưu trữ đám mây an toàn để xử lý chứng cứ. Cam kết bảo mật yêu cầu các bên tranh chấp và trọng tài viên ký thỏa thuận bảo mật trước khi xử lý chứng cứ điện tử.

Thứ tư, xử lý chứng cứ điện tử thu thập bất hợp pháp

Chứng cứ điện tử thu thập bất hợp pháp (như hack email, ghi âm lén) gây tranh cãi về tính hợp pháp và công bằng trong tố tụng. Cần quy định rõ về tính hợp pháp: Sửa đổi Luật Trọng tài thương mại để quy định:

Chứng cứ điện tử thu thập bất hợp pháp (vi phạm Luật An ninh mạng 2018 hoặc Bộ luật Dân sự 2015) sẽ bị từ chối, trừ trường hợp có giá trị đặc biệt trong xác định sự thật và được Hội đồng trọng tài chấp nhận theo quy trình nghiêm ngặt.

Yêu cầu các bên cung cấp bằng chứng về tính hợp pháp của chứng cứ (như sự đồng ý của đối phương hoặc xác nhận từ nhà cung cấp dịch vụ).

Ban hành tài liệu hướng dẫn về cách thu thập chứng cứ điện tử đúng quy định, như sử dụng công chứng viên hoặc yêu cầu xác nhận từ nhà mạng.

Quy định chế tài đối với các bên cố tình sử dụng chứng cứ bất hợp pháp, như phạt tiền hoặc từ chối xem xét các chứng cứ khác.

Thứ năm, chứng cứ điện tử hài hòa hóa với chuẩn mực quốc tế

Trong các tranh chấp trọng tài quốc tế, chứng cứ điện tử phải tuân thủ cả luật Việt Nam và luật quốc tế, gây phức tạp. Tham gia công ước quốc tế Việt Nam nên tham khảo và áp dụng các nguyên tắc từ Công ước UNCITRAL về giao dịch điện tử hoặc Quy tắc IBA về chứng cứ trong trọng tài quốc tế để xây dựng quy định về chứng cứ điện tử. Sửa đổi Luật Giao dịch điện tử để công nhận chứng cứ điện tử từ các hệ thống quốc tế (như chữ ký số hoặc chứng thư số từ nước ngoài). Thiết lập cơ chế hợp tác với các trung tâm trọng tài quốc tế (như ICC, SIAC) để chia sẻ kinh nghiệm về xử lý chứng cứ điện tử.

6. Kết luận

Chứng cứ điện tử đã và đang trở thành một yếu tố quan trọng trong tố tụng trọng tài, phản ánh sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong thời đại công nghệ 4.0. Với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin, các dạng chứng cứ điện tử như email, tin nhắn, tài liệu số, dữ liệu lưu trữ trên đám mây, hay thậm chí là các giao dịch blockchain đã được sử dụng ngày càng phổ biến để hỗ trợ giải quyết tranh chấp. Những loại chứng cứ này không chỉ mang lại sự tiện lợi, nhanh chóng mà còn cung cấp độ chính xác và tính minh bạch cao, giúp các bên tranh tụng và trọng tài viên đưa ra quyết định dựa trên cơ sở thông tin đáng tin cậy.

Tuy nhiên, việc sử dụng chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài cũng đặt ra nhiều thách thức pháp lý và thực tiễn. Vấn đề về tính xác thực, tính toàn vẹn và khả năng chấp nhận của chứng cứ điện tử đòi hỏi các quy định pháp luật rõ ràng và đồng bộ, cũng như sự hiểu biết sâu rộng về công nghệ từ phía các trọng tài viên và luật sư. Các quy tắc trọng tài quốc tế, như Quy tắc UNCITRAL hay Quy tắc IBA về chứng cứ, đã phần nào cung cấp khung pháp lý để xử lý chứng cứ điện tử, nhưng vẫn cần được cập nhật để theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ. Ngoài ra, các vấn đề liên quan đến bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư và khả năng giả mạo chứng cứ điện tử cũng cần được giải quyết triệt để nhằm đảm bảo tính công bằng và hiệu quả của quá trình tố tụng.

Để tối ưu hóa việc sử dụng chứng cứ điện tử, các trung tâm trọng tài cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đào tạo chuyên môn cho trọng tài viên và xây dựng các quy trình thẩm định chứng cứ điện tử một cách chặt chẽ. Đồng thời, các bên tham gia tranh tụng cần phối hợp với các chuyên gia công nghệ để đảm bảo rằng chứng cứ điện tử được thu thập, lưu trữ và trình bày

theo cách tuân thủ các tiêu chuẩn pháp lý và kỹ thuật. Sự kết hợp giữa công nghệ và pháp luật không chỉ giúp nâng cao hiệu quả của tố tụng trọng tài mà còn củng cố niềm tin của các bên vào tính minh bạch và công bằng của hệ thống.

Tóm lại, chứng cứ điện tử là một bước tiến quan trọng trong việc hiện đại hóa tố tụng trọng tài, mở ra cơ hội để giải quyết tranh chấp nhanh chóng và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, để khai thác tối đa tiềm năng của loại chứng cứ này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, cùng với sự hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao năng lực công nghệ. Trong bối cảnh thế giới ngày càng số hóa, chứng cứ điện tử không chỉ là một công cụ hỗ trợ mà còn là một yếu tố định hình tương lai của tố tụng trọng tài, góp phần xây dựng một hệ thống giải quyết tranh chấp hiện đại, linh hoạt và đáng tin cậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng Tài Thương mại 2010;
2. Bộ luật dân sự 2015;
3. Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
4. Bộ luật hình sự 2015;
5. Bộ luật tố tụng hình sự 2015;
6. Luật tố tụng hành chính 2015;
7. Luật giao dịch điện tử 2005, 2023;
8. Đinh Thị Ngọc Hà – “*Chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia...*” (2023) – phân tích nguyên tắc xác thực, liên quan, hợp pháp, toàn vẹn, link truy cập: <https://danchuphapluat.vn/chung-cu-dien-tu-trong-to-tung-dan-su-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-545.html?utm>, truy cập ngày 27/5/2025.
9. Th.s Nguyễn Văn Điền – “*Nghiên cứu cơ chế thu thập, phục hồi, giám định chứng cứ điện tử trong tố tụng hình sự*” (2019), link truy cập: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2455&utm>, truy cập ngày 27/5/2025.
10. Bài viết trên Tạp chí Công Thương – “*Hoàn thiện quy định pháp luật về chứng cứ điện tử trong giải quyết tranh chấp dân sự*” (2024) – cập nhật tác động của Luật Giao dịch điện tử 2023, link truy cập: <https://tapchicongthuong.vn/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-chung-cu-dien-tu-trong-giai-quyet-cac-tranh-chap-dan-su-o-viet-nam-138115.htm?utm>, truy cập ngày 27/5/2025.
11. Hướng dẫn của Hội đồng châu Âu (2019) về chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự và hành chính – nêu tiêu chí thu thập, lưu trữ, đánh giá, link truy cập: <https://danchuphapluat.vn/chung-cu-dien-tu-trong-to-tung-dan-su-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-545.html?utm>, truy cập ngày 27/5/2025.
12. Nghiên cứu so sánh với pháp luật Nhật Bản, Trung Quốc, Canada – nhận diện điểm tương đồng/do khác biệt trong đánh giá chứng cứ điện tử, link truy cập: <https://www.ibanet.org/document?id=Vietnam-arbitration-guide-2024&utm>, truy cập ngày 27/5/2025.

KÝ SỐ VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI

Nguyễn Phương Linh¹

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, việc ứng dụng ký số và xác thực điện tử trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trở thành một yếu tố thiết yếu, góp phần nâng cao hiệu quả và tính minh bạch trong các thủ tục tố tụng. Khi các bên tranh chấp đến từ nhiều quốc gia khác nhau, việc trao đổi tài liệu và xác minh thông tin qua phương tiện điện tử đòi hỏi phải đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật và giá trị pháp lý của các chứng cứ, điều mà ký số và xác thực điện tử có thể đáp ứng một cách tối ưu. Bài viết dưới đây sẽ giúp người đọc hiểu rõ về vai trò và tầm quan trọng của ký số và xác thực điện tử trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay. Qua đó, bài viết phân tích chi tiết các khía cạnh pháp lý, kỹ thuật và thực tiễn áp dụng ký số trong các thủ tục trọng tài như nộp đơn, trao đổi chứng cứ, ký biên bản phiên họp và phán quyết trọng tài, đồng thời làm rõ giá trị pháp lý của chữ ký số theo quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

Từ khóa: ký số, giải quyết tranh chấp, trọng tài thương mại, chữ ký số

Abstract: In the context of globalization and digital conversion, which is currently strong, the application of digital signing and electronic authentication in the process of settling disputes by trade arbitration has become an essential element, contributing to improving the efficiency and transparency in the proceedings procedures. When the disputed parties come from many different countries, the exchange of documents and verification of information through electronic means requires the integrity, security, and legal values of evidence, which signatures and electronic authentication can meet optimally. The following article will help readers understand the role and importance of digital signing and electronic authentication in the process of resolving disputes by commercial arbitration, especially in the context of globalization and transition today. Thereby, the article detailing the legal aspects of legal, technical, and practical applications in arbitration procedures, such as filing, exchanging evidence, signing the minutes of the meeting and the arbitration, and clarifying the legal value of the digital signature in accordance with Vietnamese and international law.

Keywords: digital signature, dispute resolution, commercial arbitration, digital signature

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

¹ Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law, linhnp23504b@st.ucl.edu.vn

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực pháp lý không còn là xu hướng mà đã trở thành một điều kiện tất yếu. Một trong những bước tiến quan trọng là việc thừa nhận và sử dụng ký số và xác thực điện tử trong các thủ tục tố tụng, đặc biệt là trong lĩnh vực trọng tài thương mại – nơi linh hoạt, hiệu quả và tính bảo mật luôn được đề cao.

Khi các bên tranh chấp đến từ nhiều quốc gia và các vùng lãnh thổ khác nhau, việc trao đổi tài liệu, xác minh thông tin và đảm bảo tính toàn vẹn, hợp pháp của các chứng cứ điện tử trở thành vấn đề then chốt. Trong hoàn cảnh đó, ký số và xác thực điện tử không chỉ giúp đơn giản hóa quy trình, tiết kiệm thời gian và chi phí, mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch và an toàn pháp lý cho các bên liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ rệt, việc áp dụng các công cụ điện tử này trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cũng đặt ra nhiều thách thức, từ hành lang pháp lý, kỹ thuật đến thực tiễn áp dụng. Do đó, bài viết này sẽ tập trung nhằm trao đổi, phân tích những vấn đề liên quan đến việc sử dụng ký số và xác thực điện tử trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của trọng tài thương mại trong kỷ nguyên số.

2. KÝ SỐ VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI

2.1. Tổng quan về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và công nghệ ký số, xác thực điện tử

2.1.1. Khái niệm về trọng tài

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định: “*Trọng tài Thương mại là phương pháp giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật này*”. Như vậy, có thể hiểu trọng tài thương mại dưới hai góc độ như sau:

- + Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại. Các bên có tranh chấp trong kinh doanh tự nguyện thỏa thuận với nhau để ủy thác việc giải quyết tranh chấp đã hoặc có thể phát sinh giữa họ cho trọng tài viên. Trọng tài sẽ xem xét các tình tiết của tranh chấp và đưa ra quyết định cuối cùng, quyết định này bắt buộc các bên phải thực hiện.
- + Trọng tài là một cơ quan giải quyết tranh chấp. Trọng tài thương mại là một nhóm trọng tài viên được thành lập để xử lý các tranh chấp kinh doanh theo yêu cầu của các bên. Trọng tài hoạt động độc lập, riêng biệt với tòa án, và có quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hoạt động thương mại.

2.1.2. Ký số trong Trọng tài

2.1.2.1. Định nghĩa ký số

Theo khoản 12 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử 2023, chữ ký số là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số. Chữ ký số đảm bảo tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ nhưng không bảo đảm tính bí mật của thông điệp dữ liệu.

Theo khoản 1 Điều 22 Luật Giao dịch điện tử 2023, chữ ký số điện tử sẽ được phân loại theo phạm vi sử dụng cụ thể như sau:

(i) Chữ ký điện tử chuyên dùng là chữ ký điện tử do cơ quan, tổ chức tạo lập, sử dụng riêng cho hoạt động của cơ quan, tổ chức đó phù hợp với chức năng, nhiệm vụ

(ii) Chữ ký số công cộng là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công cộng và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số công cộng

(iii) Chữ ký số chuyên dùng công vụ là chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công vụ và được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

2.1.2.2. Giá trị pháp lý của chữ ký số

Theo Điều 23 Luật Giao dịch điện tử 2023 và Điều 8 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, chữ ký số có giá trị pháp lý được quy định như sau: Chữ ký điện tử không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì nó được thể hiện dưới dạng điện tử; chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương với chữ ký tay của cá nhân trên văn bản giấy. Khi pháp luật yêu cầu văn bản phải được cơ quan, tổ chức xác nhận hoặc đóng dấu, yêu cầu này được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu được ký bằng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức đó. Chữ ký số phải đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn theo quy định, bao gồm việc tạo ra trong thời gian chứng thư số còn hiệu lực và có thể kiểm tra bằng khóa công khai ghi trên chứng thư. Ngoài ra, chữ ký số nước ngoài được cấp phép sử dụng tại Việt Nam có giá trị pháp lý và hiệu lực tương đương chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng trong nước cung cấp.

1.3. Vai trò của ký số trong quá trình trọng tài

1.3.1. Ký số trên đơn yêu cầu trọng tài, bản tự bảo vệ, các tài liệu chứng cứ

Trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, các văn bản như đơn yêu cầu trọng tài, bản tự bảo vệ và tài liệu chứng cứ đóng vai trò then chốt để trọng tài viên xem xét và ra quyết định. Việc sử dụng chữ ký số trên các văn bản này mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho các bên tranh chấp. Chữ ký số giúp xác minh chính xác danh tính của bên gửi tài liệu, đảm bảo rằng các tài liệu gửi tới trọng tài thực sự do chính các bên tranh chấp hoặc đại diện hợp pháp ký gửi. Điều này ngăn chặn việc giả mạo hoặc gửi tài liệu trái phép, tăng cường tính bảo mật và minh bạch của quá trình tố tụng.

Bên cạnh đó, khi một tài liệu được ký số, bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung sau khi ký đều làm cho chữ ký trở nên không hợp lệ. Nhờ vậy, trọng tài viên và các bên liên quan có thể yên tâm rằng tài liệu nhận được không bị sửa đổi, bảo vệ tính chính xác và khách quan của hồ sơ tranh chấp. Việc ký số còn cho phép các bên gửi tài liệu qua các phương tiện điện tử một cách nhanh chóng, không cần in ấn, chuyển phát hay gặp mặt trực tiếp. Điều này đặc biệt hữu ích trong các tranh chấp có yếu tố quốc tế hoặc khi các bên ở xa nhau, giúp đẩy nhanh tiến trình giải quyết tranh chấp.

Ngoài ra, theo khoản 2 Điều 23 Luật Giao dịch điện tử 2023, các văn bản điện tử có chữ ký số được công nhận có giá trị pháp lý tương đương với văn bản giấy có chữ ký tay, đảm bảo hiệu lực pháp lý trong quá trình tố tụng trọng tài.

1.3.2. Ký số trên biên bản phiên họp trọng tài, quyết định trọng tài

Biên bản phiên họp trọng tài và quyết định trọng tài là một trong những văn bản quan trọng nhất trong quá trình trọng tài, thể hiện diễn biến phiên họp cũng như kết quả cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp giữa các bên. Chữ ký số giúp xác nhận rằng biên bản phiên họp và quyết định trọng tài do các trọng tài viên và các bên liên quan ký xác nhận, đảm bảo tính hợp pháp và chính thức của các văn bản này. Điều này ngăn ngừa việc chối bỏ trách nhiệm hoặc tranh cãi về tính xác thực của biên bản và quyết định.

Khi biên bản hoặc quyết định trọng tài được ký số, bất kỳ sự chỉnh sửa nào sau đó đều làm mất hiệu lực của chữ ký số, từ đó đảm bảo rằng nội dung văn bản không bị thay đổi sau khi đã được phê duyệt. Đây là yếu tố quan trọng giúp duy trì sự tin cậy và minh bạch trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Bên cạnh đó, văn bản điện tử có chữ ký số dễ dàng được lưu trữ, quản lý và tra cứu trên các hệ thống trọng tài điện tử. Điều này giúp các bên và trọng tài viên thuận tiện trong việc theo dõi tiến trình vụ việc cũng như bảo vệ hồ sơ trọng tài trước các rủi ro hư hỏng hoặc mất mát tài liệu vật lý. Việc ký số trên biên bản và quyết định trọng tài còn góp phần hoàn thiện quy trình trọng tài điện tử (e-arbitration), giúp giảm thiểu chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ, đồng thời rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và dịch chuyển số mạnh mẽ hiện nay.

3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG KÝ SỐ VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI

3.1. Quy trình nộp đơn khởi kiện, phản hồi và tài liệu bằng phương thức điện tử

Trong quá trình trọng tài, việc nộp đơn khởi kiện, bản tự bảo vệ và các tài liệu chứng cứ bằng phương thức điện tử ngày càng trở nên phổ biến và được pháp luật cũng như các trung tâm trọng tài khuyến khích áp dụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Trọng tài thương mại 2010 và các quy tắc tố tụng của các trung tâm trọng tài như VIAC, nguyên đơn có thể gửi

đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo dưới dạng điện tử có chữ ký số để xác thực danh tính và bảo đảm tính toàn vẹn của hồ sơ. Bị đơn cũng có thể nộp bản tự bảo vệ và các tài liệu phản hồi tương tự.

Việc sử dụng chữ ký số giúp xác nhận rõ ràng người gửi tài liệu, đồng thời bảo vệ nội dung không bị sửa đổi sau khi ký. Quy trình này không chỉ giúp rút ngắn thời gian gửi và nhận hồ sơ mà còn giảm thiểu chi phí in ấn, vận chuyển và lưu trữ giấy tờ truyền thống. Trung tâm trọng tài sẽ tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của các tài liệu điện tử và gửi thông báo cho các bên liên quan trong thời hạn quy định (ví dụ như 10 ngày kể từ khi nhận đơn khởi kiện tại VIAC).

3.2. Giao tiếp, trao đổi và lưu trữ hồ sơ điện tử trong quá trình tố tụng trọng tài

Trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, việc giao tiếp, trao đổi và lưu trữ hồ sơ điện tử được thực hiện qua các nền tảng trọng tài điện tử hiện đại, được bảo mật chặt chẽ bằng chữ ký số và các phương thức xác thực điện tử khác. Cơ chế bảo mật này đảm bảo các tài liệu, chứng cứ và thông tin trao đổi giữ nguyên tính toàn vẹn, không bị chỉnh sửa hoặc giả mạo trong suốt quá trình xử lý.

Hồ sơ điện tử được lưu trữ trên hệ thống trọng tài trực tuyến (như VIAC eCase) có khả năng quản lý tập trung, truy xuất nhanh chóng và bảo vệ an toàn trước nguy cơ mất mát hoặc thay đổi trái phép. Việc lưu trữ điện tử này không chỉ giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ vật lý, tiết kiệm không gian và chi phí lưu trữ mà còn tăng cường tính minh bạch và khả năng kiểm tra lịch sử giao dịch, nhờ tích hợp các công cụ kiểm tra chữ ký số và dấu thời gian xác nhận thời điểm ký kết các tài liệu.

3.3. Ký số trong phán quyết trọng tài và hiệu lực pháp lý

Phán quyết trọng tài là văn bản cuối cùng, có tính chất chung thẩm và bắt buộc thi hành đối với các bên tranh chấp. Việc ký số trên phán quyết trọng tài không chỉ xác thực danh tính của trọng tài viên hoặc Hội đồng trọng tài mà còn bảo đảm tính toàn vẹn, không thể sửa đổi của phán quyết sau khi ký.

Theo quy định Pháp luật về giao dịch điện tử và Luật trọng tài thương mại 2010, phán quyết trọng tài được ký số có giá trị pháp lý tương đương với phán quyết ký tay trên văn bản giấy. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ, truyền tải và thi hành phán quyết trong môi trường số, đặc biệt là trong các vụ tranh chấp có yếu tố quốc tế hoặc khi các bên ở nhiều địa điểm khác nhau.

Phán quyết trọng tài được ký số có thể được sử dụng làm căn cứ để yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành phán quyết đó. Theo quy định, các bên có quyền đăng ký phán quyết trọng tài tại Tòa án nơi Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết trước khi yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thực hiện thi hành. Tuy nhiên, việc đăng ký hay không đăng ký phán quyết trọng tài không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của phán quyết. Cơ quan

thi hành án dân sự cấp tỉnh là nơi có thẩm quyền tổ chức thi hành phán quyết trọng tài theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

3.4. Vai trò của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và hệ thống trọng tài trực tuyến

Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đóng vai trò trung gian quan trọng trong việc cấp phát và quản lý chứng thư số, giúp xác thực danh tính người ký và bảo đảm an toàn cho các giao dịch điện tử trong quá trình trọng tài cũng như đảm bảo được quyền lợi của các bên giải quyết tranh chấp. Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ chứng thực uy tín, được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật là yếu tố then chốt để đảm bảo giá trị pháp lý và bảo mật của chữ ký số.

Hệ thống trọng tài trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) như VIAC eCase, SIAC, HKIAC... đã tích hợp chữ ký số và các công cụ xác thực điện tử để thực hiện toàn bộ quy trình tố tụng trực tuyến từ nộp đơn, trao đổi chứng cứ, tổ chức phiên họp đến ra phán quyết. Những nền tảng này giúp nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm chi phí cho các bên, đồng thời đáp ứng xu hướng chuyển đổi số trong giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại.

3.5. Một số mô hình áp dụng thực tiễn (UNCITRAL, VIAC, SIAC, HKIAC...)

UNCITRAL (Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế) đã xây dựng các khuôn khổ pháp lý quan trọng liên quan đến thương mại điện tử và chữ ký điện tử, như Luật Mẫu về Thương mại Điện tử (1996) và Luật Mẫu về Chữ ký Điện tử (2001). Các văn bản này thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký số, cho phép các thỏa thuận trọng tài được ký kết và thực thi dưới dạng điện tử, miễn là chữ ký điện tử đáp ứng các tiêu chuẩn về độ tin cậy và an toàn. UNCITRAL cũng nhấn mạnh tính linh hoạt trong việc chấp nhận các phương tiện điện tử làm bằng chứng trong trọng tài, tạo điều kiện thuận lợi cho trọng tài điện tử (e-arbitration) và trọng tài trực tuyến (ODR).²

VIAC (Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam) đã phát triển nền tảng trọng tài điện tử VIAC eCase, cho phép các bên tranh chấp ký các văn bản, thỏa thuận trọng tài và nộp hồ sơ bằng chữ ký số. Việc áp dụng chữ ký số giúp rút ngắn thời gian xử lý, giảm thiểu chi phí và tăng tính bảo mật cho toàn bộ quy trình tố tụng trọng tài. VIAC eCase cũng tích hợp các tính năng xác thực và lưu trữ hồ sơ điện tử an toàn, đảm bảo tính toàn vẹn và khả năng truy xuất của tài liệu.

SIAC (Singapore International Arbitration Centre) là một trong những trung tâm trọng tài hàng đầu thế giới đã áp dụng chữ ký số và các công nghệ số hóa trong quy trình trọng tài. SIAC cho phép các bên sử dụng chữ ký điện tử để ký thỏa thuận trọng tài, nộp tài liệu và nhận

² Trọng tài quốc tế, “Thỏa thuận trọng tài điện tử: Khả năng chấp nhận và khả thi”, 18/08/2021, link truy cập: <https://www.international-arbitration-attorney.com/vi/electronic-arbitration-agreements-admissibility-and-enforceability/>

phán quyết trọng tài dưới dạng điện tử. Việc này không chỉ tăng cường tính minh bạch mà còn giúp giảm thiểu rủi ro gian lận và sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ.

4. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP

4.1. Thuận lợi³

Trong bối cảnh thương mại điện tử ngày càng phát triển mạnh mẽ, việc đảm bảo an toàn và ngăn chặn gian lận trong các giao dịch trực tuyến trở thành ưu tiên hàng đầu. Chữ ký số đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ tính xác thực, toàn vẹn và minh bạch của các giao dịch thương mại điện tử, góp phần xây dựng niềm tin vững chắc giữa các bên tham gia.

4.1.1. Mã hóa dữ liệu an toàn

Chữ ký số ứng dụng công nghệ mã hóa hiện đại dựa trên hệ thống khóa công khai (PKI), trong đó dữ liệu được mã hóa bằng khóa riêng tư chỉ người ký sở hữu. Tài liệu sử dụng khóa công khai để giải mã và xác thực chữ ký số, đồng thời kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu. Nếu nội dung tài liệu bị thay đổi dù chỉ một ký tự sau khi ký, chữ ký số sẽ không còn hợp lệ do chuỗi mã hóa không khớp với dữ liệu hiện tại. Nhờ cơ chế này, chữ ký số đảm bảo rằng tài liệu không thể bị giả mạo, chỉnh sửa hoặc thay đổi trong suốt quá trình truyền tải và lưu trữ.

Hệ thống PKI còn cung cấp các dịch vụ quản lý khóa, chứng thực danh tính người ký và bảo vệ khóa riêng tư khỏi bị lộ lọt hoặc sử dụng trái phép. Toàn bộ quá trình mã hóa, ký số và xác thực được thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt, giúp bảo vệ tính bảo mật, toàn vẹn và xác thực của dữ liệu điện tử trong môi trường số hiện đại. Điều này đảm bảo rằng tài liệu và thông tin điện tử không thể bị giả mạo hoặc thay đổi sau khi đã được ký, giúp bảo vệ tính toàn vẹn và xác thực của dữ liệu trong suốt quá trình truyền tải.

4.1.2. Xác thực danh tính chính xác

Chữ ký số xác minh danh tính người ký thông qua các chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng. Quá trình này tạo ra sự tin cậy tuyệt đối cho cả bên mua và bên bán, hạn chế tối đa nguy cơ giả mạo, gian lận danh tính trong giao dịch TMĐT. Đối với các giao dịch có giá trị lớn hoặc yêu cầu mức độ bảo mật cao, những loại chữ ký này yêu cầu người dùng trải qua các bước xác thực nghiêm ngặt như xuất trình giấy tờ tùy thân do cơ quan nhà nước cấp, kiểm tra sinh trắc học, hoặc sử dụng mã truy cập một lần. Qua đó, mức độ tin cậy và an toàn của giao dịch được nâng lên tối đa.

4.1.3. Đảm bảo tính minh bạch của tài liệu, cung cấp lịch sử giao dịch

Khi một văn bản được ký số, bất kỳ sự thay đổi nào sau đó đều khiến chữ ký trở nên không hợp lệ. Điều này giúp ngăn chặn việc chỉnh sửa trái phép, đồng thời cung cấp lịch sử

³ Bộ khoa học và công nghệ Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia, “Vai trò của chữ ký số trong thương mại điện tử”, 05/11/2024, link truy cập: <https://neac.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/detail/vai-tro-cua-chu-ky-so-trong-thuong-mai-dien-tu-590.htm>

giao dịch rõ ràng, minh bạch về mọi thao tác đã thực hiện trên tài liệu. Nhờ vậy, doanh nghiệp không chỉ giảm thiểu rủi ro gian lận mà còn tiết kiệm đáng kể chi phí và thời gian trong việc vận chuyển, lưu trữ tài liệu giấy truyền thống.

Điều này đảm bảo rằng trọng tài viên và các bên liên quan có thể hoàn toàn tin tưởng vào tính xác thực của tài liệu, biết rằng nó không bị sửa đổi hoặc can thiệp trái phép sau khi đã được ký. Nhờ vậy, tính chính xác và khách quan của hồ sơ tranh chấp được bảo vệ một cách tối đa, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình xét xử trọng tài diễn ra công bằng và minh bạch.

4.2. Khó khăn⁴

Tuy nhiên, lĩnh vực thương mại điện tử cũng đang phải đối mặt với nhiều mối đe dọa bảo mật ngày càng phức tạp và tinh vi. Những nguy cơ này không chỉ gây thiệt hại về tài chính mà còn làm suy giảm niềm tin của khách hàng đối với các nền tảng thương mại điện tử. Dưới đây là một số mối đe dọa bảo mật chính mà các doanh nghiệp và người dùng thương mại điện tử cần đặc biệt lưu ý.

4.2.1. Vấn đề về gian lận tài chính, vấn đề bảo mật

Trước hết, gian lận tài chính là một trong những mối nguy hiểm phổ biến nhất trong thương mại điện tử. Những kẻ lừa đảo thường sử dụng thông tin thẻ tín dụng bị đánh cắp để thực hiện các giao dịch mua sắm trái phép. Do tính chất giao dịch trực tuyến không có sự tiếp xúc trực tiếp giữa người mua và người bán, những sàn thương mại điện tử trở thành mục tiêu hấp dẫn cho những hành vi gian lận này, gây thiệt hại lớn cho cả khách hàng và doanh nghiệp, những người bán hàng trên các sàn giao dịch điện tử.

4.2.2. Vấn đề tấn công mạng, lừa đảo, vấn đề về phần mềm độc hại

Bên cạnh đó, các hình thức tấn công mạng và lừa đảo qua email (phishing) cũng đang ngày càng tinh vi. Tin tặc thường gửi các email giả mạo dưới danh nghĩa các doanh nghiệp uy tín để lừa khách hàng cung cấp thông tin cá nhân hoặc tài khoản đăng nhập. Một hình thức nguy hiểm hơn là “spear phishing”, trong đó kẻ tấn công nhắm mục tiêu vào một cá nhân cụ thể trong tổ chức, mạo danh người có uy tín hoặc vị trí quan trọng để yêu cầu cung cấp các thông tin nhạy cảm như ID đăng nhập và mật khẩu, gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho hệ thống bảo mật của doanh nghiệp.

Ngoài ra, phần mềm độc hại (malware) cũng là một mối đe dọa lớn đối với TMĐT. Các chương trình như virus, trojan, phần mềm gián điệp hay ransomware thường được ngụy trang dưới dạng các email hoặc tệp đính kèm hợp pháp. Khi người dùng vô tình mở các tệp này, phần

⁴ Bộ khoa học và công nghệ Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia, “Vai trò của chữ ký số trong thương mại điện tử”, 05/11/2024, link truy cập: <https://neac.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/detail/vai-tro-cua-chu-ky-so-trong-thuong-mai-dien-tu-590.htm>, truy cập ngày 10/6/2025.

mềm độc hại sẽ xâm nhập và lây nhiễm vào hệ thống máy tính, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về dữ liệu và hoạt động kinh doanh.

4.2.3. *Rủi ro về an ninh mạng và bảo mật thông tin*

Rò rỉ dữ liệu là một trong những rủi ro an ninh mạng nghiêm trọng nhất hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử và chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ. Khi dữ liệu bị truy cập trái phép, các tội phạm mạng có thể khai thác thông tin cá nhân, tài chính hoặc kinh doanh thu thập được để thực hiện các hành vi gian lận, tấn công tiếp theo hoặc chiếm đoạt tài sản. Hậu quả của sự cố rò rỉ dữ liệu không chỉ gây thiệt hại về mặt tài chính mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và danh tiếng của cá nhân, tổ chức.

Ngoài thiệt hại tài chính trực tiếp, rò rỉ dữ liệu còn kéo theo các rủi ro pháp lý do vi phạm các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng. Các doanh nghiệp có thể bị phạt hành chính, kiện tụng hoặc mất quyền kinh doanh nếu không đảm bảo an toàn thông tin theo quy định pháp luật. Đồng thời, sự mất lòng tin từ khách hàng và đối tác cũng làm giảm khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

4.3. *Giải pháp hoàn thiện pháp lý*

4.3.1. *Hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân*

Dự án Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, đang được trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét và dự kiến được Quốc hội thông qua trong năm 2025, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam. Luật này sẽ quy định chi tiết và chặt chẽ về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, xử lý, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhằm nâng cao trách nhiệm của các bên liên quan và bảo vệ tối đa quyền lợi của người dùng trong môi trường số.

Luật được xây dựng trên cơ sở thể chế hóa các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân, quyền riêng tư và sự bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Đồng thời, dự luật cụ thể hóa các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến an ninh mạng, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kinh tế số, đồng thời hài hòa với các thông lệ và quy định quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4.3.2. *Tăng cường quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trên không gian mạng*

Việc tăng cường quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trên không gian mạng là một trong những nội dung trọng tâm của Luật An ninh mạng 2018 và các văn bản pháp luật liên quan, nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên môi trường số.

Để thực thi hiệu quả các quy định này, pháp luật tăng cường chế tài xử phạt hành chính và hình sự đối với các hành vi vi phạm, đồng thời giao trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm trên không gian mạng. Các

biện pháp như phong tỏa, đình chỉ hoạt động của hệ thống thông tin vi phạm, thu hồi tên miền, xóa bỏ thông tin sai phạm cũng được áp dụng nhằm ngăn chặn kịp thời các nguy cơ gây hại.

Ngoài ra, pháp luật quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng tại Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài, phải tuân thủ các yêu cầu về lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam và hợp tác với cơ quan chức năng trong công tác bảo vệ an ninh mạng.

4.3.3. Phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an ninh mạng

Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an ninh mạng là một bước đi quan trọng nhằm nâng cao năng lực bảo vệ hệ thống thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp trước các nguy cơ tấn công mạng và rò rỉ dữ liệu. Hệ thống này sẽ cung cấp các hướng dẫn cụ thể, các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc và các tiêu chí đánh giá nhằm đảm bảo các giải pháp, thiết bị và dịch vụ an ninh mạng được triển khai đáp ứng được các mức độ bảo mật phù hợp với từng lĩnh vực, quy mô và đặc thù hoạt động.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giúp doanh nghiệp và tổ chức chủ động xây dựng các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và ứng phó kịp thời với các sự cố an ninh mạng. Đồng thời, hệ thống tiêu chuẩn cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc công nhận lẫn nhau giữa các tổ chức trong và ngoài nước, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh mạng và nâng cao uy tín của các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

5. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế số tại Việt Nam, việc ứng dụng chữ ký số và xác thực điện tử trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là giải pháp nâng cao hiệu quả, minh bạch và tiết kiệm chi phí cho các bên liên quan. Pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Trọng tài thương mại 2010 và Luật Giao dịch điện tử 2005, đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và thông điệp dữ liệu điện tử trong quá trình tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống pháp lý cần được hoàn thiện, đặc biệt là quy định cụ thể về hình thức phán quyết trọng tài điện tử (ODR) và việc sử dụng chữ ký điện tử thay thế cho chữ ký truyền thống nhằm đảm bảo tính hợp pháp và hiệu lực thi hành của các phán quyết trọng tài điện tử.

Việc phát triển và áp dụng các nền tảng trọng tài điện tử như VIAC eCase đã minh chứng cho tính khả thi và lợi ích thiết thực của công nghệ trong giải quyết tranh chấp thương mại. Đồng thời, việc hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài điện tử sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế số, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm tải cho hệ thống tư pháp truyền thống và tăng cường sự tin cậy của các bên trong hoạt động thương mại.

Do đó, các cơ quan lập pháp và tổ chức trọng tài cần tiếp tục phối hợp để xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ quy trình trọng tài, từ ký kết thỏa thuận trọng tài, tiến

hành tố tụng đến ra phán quyết và thi hành phán quyết trọng tài. Đây chính là bước đi chiến lược để Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế số toàn cầu và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp thương mại trong thời đại công nghệ số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giao dịch điện tử 2023;
2. Luật Trọng tài thương mại 2010;
3. Trọng tài quốc tế, “Thỏa thuận trọng tài điện tử: Khả năng chấp nhận và khả thi”, 18/08/2021, link truy cập: <https://www.international-arbitration-attorney.com/vi/electronic-arbitration-agreements-admissibility-and-enforceability/>, truy cập ngày 10/6/2025.
4. Bộ khoa học và công nghệ Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia, “Vai trò của chữ ký số trong thương mại điện tử”, 05/11/2024, link truy cập: <https://neac.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/detail/vai-tro-cua-chu-ky-so-trong-thuong-mai-dien-tu-590.htm>, truy cập ngày 10/6/2025.
5. Bộ khoa học và công nghệ Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia, “Vai trò của chữ ký số trong thương mại điện tử”, 05/11/2024, link truy cập: <https://neac.gov.vn/vi/tin-tuc-su-kien/detail/vai-tro-cua-chu-ky-so-trong-thuong-mai-dien-tu-590.htm>, truy cập ngày 10/6/2025.

TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Đăng Khoa¹

Tóm tắt: Trọng tài thương mại đang nổi lên như một công cụ giải quyết tranh chấp hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình hiện đại hóa này đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là sự thiếu vắng khung pháp lý rõ ràng cho hợp đồng thông minh và trí tuệ nhân tạo (AI), tỷ lệ hủy phán quyết trọng tài cao và hạn chế trong thi hành. Bên cạnh đó, năng lực công nghệ của các bên tham gia còn chưa đồng đều, trong khi các quy định hiện hành chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của công nghệ pháp lý (LegalTech). Trên cơ sở kết hợp các góc nhìn liên ngành từ pháp luật, công nghệ và quản trị, bài viết phân tích tác động hai mặt của công nghệ số đến trọng tài thương mại, làm rõ các rào cản pháp lý, kỹ thuật và đạo đức. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp khả thi, nhằm kiến tạo một hệ sinh thái trọng tài số hiện đại, bảo đảm hiệu quả, minh bạch và khả năng thi hành cao, qua đó nâng cao vị thế của Việt Nam trong môi trường pháp lý số toàn cầu và bảo đảm tiếp cận công lý bền vững trong nền kinh tế số.

Từ khóa: Trọng tài thương mại; Chuyển đổi số; Trí tuệ nhân tạo

Abstract: Commercial arbitration is emerging as an effective dispute resolution mechanism in the context of digital transformation in Vietnam. However, this modernization process faces numerous challenges, notably the lack of a clear legal framework for smart contracts and artificial intelligence (AI), a high rate of arbitral award annulments, and limitations in enforcement. Additionally, there exists a disparity in technological capacity among parties involved, while current regulations have yet to keep pace with the rapid development of legal technology (LegalTech). Drawing on interdisciplinary perspectives from law, technology, and governance, this article analyzes the dual impacts of digital technologies on commercial arbitration, clarifying legal, technical, and ethical barriers. Based on this analysis, the study proposes feasible solutions aimed at building a modern digital arbitration ecosystem that ensures efficiency, transparency, and enforceability. This contributes to enhancing Vietnam's position in the global digital legal environment and ensuring sustainable access to justice in the digital economy.

Keywords: Commercial arbitration; Digital transformation; Artificial intelligence

1. Khái quát vấn đề

¹ ThS. Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Trà Vinh

Việt Nam hiện đang trong tiến trình chuyển đổi số sâu rộng, với những tác động mạnh mẽ đến cấu trúc kinh tế và xã hội. Nền kinh tế số quốc gia đã đạt giá trị ước tính khoảng 14 tỷ USD vào năm 2020 và được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức khoảng 30% trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025. Động lực chính cho sự tăng trưởng vượt bậc này là sự phát triển nhanh chóng của hạ tầng số, minh chứng qua việc có khoảng 69 triệu người sử dụng Internet và 61 triệu người dùng điện thoại thông minh tính đến cuối năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã chủ động triển khai *Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, thể hiện cam kết rõ ràng đối với việc số hóa toàn diện các lĩnh vực. Tiến trình chuyển đổi số này đang tác động sâu sắc tới nhiều lĩnh vực, trong đó có hệ thống pháp lý, đặt ra yêu cầu cấp thiết về sự thích ứng và đổi mới trong các cơ chế giải quyết tranh chấp.

Trong bối cảnh đó, trọng tài thương mại ngày càng được nhìn nhận như một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả và đáng tin cậy. So với tố tụng tại Tòa án truyền thống, trọng tài có những ưu thế nổi bật như tiến độ giải quyết nhanh hơn, mức độ bảo mật cao hơn, và khả năng tiếp cận với chuyên môn sâu rộng trong từng lĩnh vực cụ thể. Mặc dù trên bình diện toàn cầu, khoảng 90% các tranh chấp được xử lý thông qua các cơ chế ngoài Tòa án. Tại Việt Nam, số lượng vụ việc được giải quyết bằng hòa giải và trọng tài thương mại vẫn còn khiêm tốn chỉ khoảng 300 vụ mỗi năm tính đến tháng 5 năm 2023. Sự chênh lệch này cho thấy tiềm năng lớn chưa được khai thác của trọng tài thương mại, nhất là trong bối cảnh các tranh chấp ngày càng phức tạp và mang yếu tố công nghệ trong nền kinh tế số đang phát triển.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế số tại Việt Nam đã dẫn đến sự xuất hiện ngày càng nhiều các giao dịch thương mại phức tạp, thường mang yếu tố xuyên biên giới, qua đó làm gia tăng nhu cầu đối với những cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt và có tính chuyên biệt cao. Trong khi đó, hệ thống Tòa án truyền thống với các thủ tục tố tụng kéo dài và những thách thức về tính nhất quán trong diễn giải pháp luật có thể chưa đáp ứng hiệu quả yêu cầu xử lý các tranh chấp mới nảy sinh. Trong hoàn cảnh ấy, trọng tài trở thành một lựa chọn phù hợp và tự nhiên hơn nhờ vào tốc độ giải quyết nhanh, tính bảo mật cao và mức độ chuyên môn hóa trong đội ngũ trọng tài viên. Bên cạnh đó, những nỗ lực thúc đẩy chuyển đổi số từ phía Chính phủ, đặc biệt là việc Bộ Tư pháp kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Tư pháp theo Quyết định số 930/QĐ-BTP ngày 29 tháng 5 năm 2024, đã và đang tạo dựng một môi trường thuận lợi để phát triển các giải pháp số trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp. Trong số đó có thể kể đến giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động trọng tài. Bài viết phân tích thực trạng (descriptive analysis) về bối cảnh chuyển đổi số và tình hình hiện tại của trọng tài thương mại tại Việt Nam, nhận diện các cơ hội và thách thức đang tồn tại. Đây là một khảo cứu có hệ thống về bối cảnh trọng tài thương mại số trên bình diện toàn cầu và tại Việt Nam, tập trung vào việc mô tả và đánh giá

hiện trạng. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng lồng ghép yếu tố phản biện chính sách (policy critique) một cách gián tiếp thông qua việc chỉ ra những khoảng trống pháp lý, sự thiếu đồng bộ trong hệ thống, và những hạn chế trong việc khai thác tiềm năng của trọng tài thương mại so với xu hướng toàn cầu. Mục tiêu cuối cùng của bài viết là đề xuất các giải pháp khả thi về chính sách và thực tiễn nhằm thúc đẩy sự hình thành và vận hành hiệu quả của một hệ sinh thái trọng tài thương mại số có tính khả thi và hiệu lực cao hơn tại Việt Nam, khẳng định tính chất định hướng chính sách của toàn bộ nghiên cứu. Tác giả thể hiện lập trường ủng hộ mạnh mẽ và tích cực việc tự động hóa một phần quá trình tố tụng, đặc biệt trong lĩnh vực trọng tài thương mại, thông qua ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Việc tự động hóa được nhìn nhận là một yếu tố then chốt giúp trọng tài phát huy tối đa ưu thế về tốc độ, hiệu quả, bảo mật và khả năng tiếp cận công lý trong kỷ nguyên số. Các giải pháp như giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động trọng tài được xem là cần thiết để đáp ứng nhu cầu giải quyết các tranh chấp ngày càng phức tạp và mang yếu tố công nghệ trong nền kinh tế số đang phát triển. Lập trường này định hình toàn bộ các phân tích và đề xuất trong nghiên cứu, tập trung vào việc làm rõ những lợi ích tiềm năng và cách thức vượt qua các rào cản để hiện thực hóa chúng. Được thực hiện theo phương pháp tiếp cận liên ngành, tích hợp giữa nghiên cứu lý luận pháp lý, phân tích pháp luật so sánh, nghiên cứu thực nghiệm định tính và đánh giá khả thi về mặt công nghệ.

2. Tổng quan về chuyển đổi số và khung pháp lý số tại Việt Nam

Tập trung phân tích các chương trình quốc gia và các văn bản pháp luật liên quan đến chuyển đổi số tại Việt Nam, đồng thời làm rõ cách thức mà những quy định này đang tạo ra cơ hội hoặc đặt ra thách thức đối với sự phát triển của trọng tài thương mại trong bối cảnh số hóa sâu rộng.

2.1. Chương trình chuyển đổi số quốc gia và các thành tựu nổi bật (2023 - 2025)

Chính phủ Việt Nam đã và đang thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xem đây là động lực trung tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh vai trò của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong việc tái định hình hạ tầng quốc gia và khơi dậy các động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Việt Nam đặt mục tiêu trở thành một trung tâm công nghệ số trong khu vực, với tham vọng đạt 150.000 doanh nghiệp công nghệ số vào năm 2035. Những nỗ lực phối hợp từ phía các cơ quan chính phủ và các ngành công nghiệp đã đem lại các bước tiến đáng kể về mặt chính sách, chiến lược và đầu tư hạ tầng. Đặc biệt, Bộ Tư pháp cũng tích cực đồng hành trong tiến trình chuyển đổi số, thể hiện rõ qua Quyết định số 930/QĐ-BTP ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Tư pháp. Quyết định này không chỉ là một tuyên bố chính sách mà còn là một chỉ đạo cụ thể, cho thấy sự chủ động và cam kết từ cấp cao nhất của ngành

tư pháp trong việc thúc đẩy số hóa. Điều này tạo ra một môi trường thể chế thuận lợi, mở ra triển vọng cho các cải cách pháp luật mang tính hệ thống và sự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các giải pháp công nghệ trong ngành tư pháp, bao gồm cả lĩnh vực trọng tài. Nhờ vậy, môi trường thể chế đang dần trở nên thuận lợi hơn cho sự hình thành và phát triển các giải pháp công nghệ pháp lý (LegalTech) phục vụ giải quyết tranh chấp. Sự hỗ trợ từ Chính phủ thông qua các văn bản pháp lý và việc thành lập các ban chỉ đạo chuyên trách là một yếu tố quan trọng, tạo đà cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực LegalTech, dự báo một giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng công nghệ vào hệ thống pháp luật Việt Nam. Mặc dù mức độ thâm nhập công nghệ số tại các đô thị lớn và trong tầng lớp thanh niên đã đạt được những kết quả ấn tượng, quá trình phổ cập chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc vẫn đang được tiếp tục mở rộng và hoàn thiện.

Cam kết rõ ràng từ Chính phủ, được thể hiện thông qua các tuyên bố cấp cao và việc thành lập các ban chỉ đạo chuyên trách, cho thấy một định hướng chính sách kiên định và chủ động. Lập trường này mở ra triển vọng cho các cải cách pháp luật mang tính hệ thống và sự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các giải pháp công nghệ trong ngành tư pháp, bao gồm cả lĩnh vực trọng tài. Nhờ vậy, môi trường thể chế đang dần trở nên thuận lợi hơn cho sự hình thành và phát triển các giải pháp công nghệ pháp lý (LegalTech) phục vụ giải quyết tranh chấp. Đây được xem là một tín hiệu tích cực đối với các nhà đầu tư và các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực LegalTech, dự báo một giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng công nghệ vào hệ thống pháp luật Việt Nam.

2.2. Khung pháp lý về công nghệ số liên quan đến trọng tài thương mại

Các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp đến việc ứng dụng công nghệ số trong trọng tài thương mại, bao gồm các quy định về công nhận chứng cứ điện tử, quản lý dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) và hợp đồng thông minh.

Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (có hiệu lực từ 01/7/2024) đóng vai trò nền tảng, khi mở rộng khái niệm “phương tiện điện tử” và công nhận tính hợp pháp của chữ ký điện tử, thông điệp dữ liệu và giao dịch số. Đặc biệt, luật này khẳng định giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử trong tố tụng dân sự (Điều 94, 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015), tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho trọng tài trực tuyến và giải quyết tranh chấp qua phương tiện điện tử (ODR), đây là bước tiến quan trọng cho việc số hóa các quy trình tố tụng trọng tài, cho phép sử dụng hiệu quả các công cụ điện tử trong việc lập thỏa thuận trọng tài, nộp hồ sơ, trao đổi chứng cứ và ban hành phán quyết. Việc công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu như văn bản truyền thông là nền tảng cho mọi giao dịch số hóa trong lĩnh vực pháp lý; **Luật An ninh mạng năm 2018**, với các quy định về nội địa hóa dữ liệu và yêu cầu thành lập hiện diện pháp lý tại Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến vận hành của các nền tảng ODR xuyên biên giới. Mặc dù nhằm

bảo vệ chủ quyền số, luật này cũng đặt ra rào cản kỹ thuật, pháp lý đối với các giải pháp LegalTech quốc tế, buộc phải điều chỉnh hoặc phát triển mô hình nội địa hóa phù hợp. Điều này có thể làm tăng chi phí và độ phức tạp cho việc triển khai các giải pháp công nghệ toàn cầu; **Luật Công nghiệp Công nghệ số năm 2025** (có hiệu lực từ 2026) là văn bản đầu tiên thiết lập khung pháp lý cho tài sản số và trí tuệ nhân tạo (AI), đồng thời tạo hành lang pháp lý cho các công nghệ trọng yếu như blockchain, hợp đồng thông minh và LegalTech. Luật kết hợp giữa điều chỉnh và khuyến khích, thông qua ưu đãi mạnh mẽ về thuế, đất đai và thu hút nhân lực chất lượng cao, tạo điều kiện cho việc áp dụng AI trong trọng tài và phân tích dữ liệu pháp lý. Tuy nhiên, việc luật mới chỉ định nghĩa chung về tài sản số và AI mà chưa đi sâu vào các quy định cụ thể về tư cách pháp lý của AI hay giá trị chứng cứ của hợp đồng thông minh trong tố tụng vẫn đòi hỏi các văn bản hướng dẫn chi tiết hơn để cụ thể hóa việc áp dụng các công nghệ này trong thực tiễn trọng tài. Bên cạnh đó, **Nghị định 94/2025/NĐ-CP** về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực Fintech ngân hàng, tuy chưa áp dụng trực tiếp cho lĩnh vực pháp lý, song được xem là tiền lệ cho khả năng thiết lập sandbox đối với LegalTech. Mô hình này cho phép thử nghiệm các nền tảng ODR, trọng tài AI và blockchain trong môi trường có kiểm soát, góp phần dung hòa giữa đổi mới công nghệ và yêu cầu quản lý pháp lý linh hoạt, thích ứng. Đây là một cơ chế quan trọng để vượt qua các rào cản pháp lý hiện hành một cách an toàn và có kiểm soát, đồng thời thu thập dữ liệu thực nghiệm để xây dựng các chính sách và quy định pháp luật phù hợp trong tương lai.

Khung pháp lý hiện hành đang dần hình thành nền tảng hỗ trợ chuyển đổi số trong trọng tài thương mại, đồng thời mở ra dư địa chính sách cho sự phát triển của hệ sinh thái LegalTech tại Việt Nam. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhận thấy là sự khác biệt về mức độ chi tiết và hiệu lực của các văn bản này. Trong khi Luật Giao dịch điện tử cung cấp nền tảng vững chắc cho bằng chứng điện tử, Luật Công nghiệp Công nghệ số mới chỉ đặt nền móng cho AI và blockchain, đòi hỏi các văn bản dưới luật cụ thể hơn để thực sự định hình vai trò của chúng trong trọng tài. Cơ chế sandbox, mặc dù không phải là luật nội dung, lại là một đổi mới về phương pháp luận pháp lý, cho phép thử nghiệm và điều chỉnh các mô hình công nghệ mới một cách an toàn, từ đó cung cấp dữ liệu thực tiễn để xây dựng các quy định pháp luật vững chắc hơn trong tương lai.

2.3. Thách thức chung của chuyển đổi số đối với hệ thống pháp luật Việt Nam

Mặc dù chuyển đổi số tại Việt Nam mang lại nhiều cơ hội chiến lược, quá trình này cũng đặt ra không ít thách thức nghiêm trọng đối với hệ thống pháp luật. Một trong những thách thức lớn nhất là khả năng thích ứng và hội nhập những thay đổi công nghệ với tốc độ ngày càng cao, trong bối cảnh năng lực của nền kinh tế, người dân và bộ máy hành chính vẫn còn hạn chế đặc biệt khi chuyển đổi số đòi hỏi một nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc và toàn diện.

Các yêu cầu nội địa hóa dữ liệu theo Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 có thể trở thành rào cản đối với các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp phần mềm và dịch vụ trên không gian mạng tại Việt Nam. Việc chuyển dữ liệu xuyên biên giới bị kiểm soát chặt chẽ không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế, mà còn làm giảm tính linh hoạt trong ứng dụng các nền tảng LegalTech quốc tế. Bên cạnh đó, mặc dù lĩnh vực tài sản số đang có tốc độ phát triển nhanh, khung pháp lý điều chỉnh vẫn chưa hoàn chỉnh, dẫn đến các rủi ro tiềm ẩn như gian lận, rửa tiền hoặc trốn thuế. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý đối với các hoạt động đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực pháp lý số.

Một yếu tố mang tính nền tảng không thể bỏ qua là “yếu tố con người”. Dù nhận thức về chuyển đổi số đang gia tăng nhanh chóng tại các đô thị lớn và trong giới trẻ, phần lớn người dân bao gồm cả các chuyên gia pháp lý vẫn còn thận trọng, thiếu hiểu biết hoặc không sẵn sàng tiếp nhận sự thay đổi. Điều này đặc biệt đúng trong giới luật sư, trọng tài viên và thẩm phán, nơi việc đào tạo về công nghệ pháp lý còn hạn chế và sự kháng cự với đổi mới vẫn hiện hữu. Như vậy, mặc dù Việt Nam đang xây dựng các nền tảng công nghệ và pháp lý quan trọng, việc triển khai hiệu quả các giải pháp LegalTech vẫn phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng của con người. Nếu yếu tố con người không được giải quyết thỏa đáng thông qua đào tạo, nâng cao nhận thức và thúc đẩy văn hóa đổi mới thì ngay cả những giải pháp công nghệ tiên tiến nhất cũng sẽ không đạt được sự chấp nhận và hiệu quả như mong đợi. Do đó, các chính sách đổi mới không thể dừng lại ở cải cách luật pháp hay đầu tư vào hạ tầng công nghệ, mà cần bao gồm chiến lược phát triển nguồn nhân lực, quản trị thay đổi và xây dựng hệ sinh thái pháp lý đổi mới bền vững.

3. Thực trạng trọng tài thương mại tại Việt Nam

Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12, được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, là văn bản pháp lý trung tâm điều chỉnh toàn bộ hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam. Luật quy định cụ thể thẩm quyền của trọng tài, các hình thức tổ chức trọng tài, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia tố tụng, trình tự giải quyết tranh chấp cũng như vai trò giám sát của Tòa án. Đặc biệt, Luật yêu cầu thỏa thuận trọng tài phải được lập bằng văn bản mới có giá trị pháp lý. Phạm vi điều chỉnh bao gồm các tranh chấp thương mại phát sinh trong nước và quốc tế, trong đó ít nhất một bên có trụ sở, nơi thường trú hoặc hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Luật này đã thiết lập nền tảng pháp lý cần thiết cho toàn bộ hệ thống trọng tài, bao gồm cả các nỗ lực tích hợp yếu tố công nghệ số vào hoạt động trọng tài hiện đại.

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, được ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, quy định khung pháp lý chung cho các quan hệ dân sự, bao gồm định nghĩa về chủ thể pháp lý, tài sản, hợp đồng và các nguyên tắc giao kết. Những nguyên tắc

này là cơ sở để xác định tính hợp lệ của thỏa thuận trọng tài. Trong khi đó, Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, quy định thủ tục tố tụng tại Tòa án, bao gồm việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Một điểm đáng chú ý là Bộ luật này công nhận dữ liệu điện tử là chứng cứ hợp pháp theo Điều 94 và Điều 95, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các quy trình trọng tài số hóa.

Tuy nhiên, điểm hạn chế nằm ở chỗ khung pháp lý hiện hành đặc biệt là Bộ luật Dân sự và các văn bản giải thích vẫn khẳng định chỉ cá nhân và pháp nhân mới được xem là chủ thể pháp lý (Điều 74, 75 BLDS 2015)². Điều này có nghĩa rằng trí tuệ nhân tạo (AI) hiện chưa có tư cách pháp lý độc lập, không thể tự ký kết hợp đồng, sở hữu tài sản hay chịu trách nhiệm pháp lý, khiến mọi hành vi của AI đều phải gắn với chủ thể con người đứng sau. Tương tự, hợp đồng thông minh (smart contracts) hiện chưa được pháp luật công nhận là hình thức giao kết hợp lệ hay có giá trị làm chứng cứ. Sự “lệ thuộc vào mô hình pháp lý lấy con người làm trung tâm” này tạo ra khoảng trống pháp lý rõ rệt, đặc biệt khi áp dụng các công nghệ tự chủ như AI hoặc hợp đồng thông minh trong hoạt động trọng tài. Đây chính là ví dụ điển hình cho hiện tượng “path dependence” sự phụ thuộc vào cấu trúc pháp lý sẵn có khiến hệ thống pháp luật hiện tại khó thích ứng với những thực thể phi truyền thống, làm giảm tính hiệu quả và độ tin cậy của các quy trình trọng tài được số hóa.

Trong những năm gần đây, hoạt động của các trung tâm trọng tài tại Việt Nam ghi nhận sự gia tăng đáng kể. Riêng Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), tổ chức trọng tài hàng đầu trong nước, đã thụ lý 424 vụ tranh chấp vào năm 2023, tăng 46,2% so với năm 2022. Tính từ năm 1993 đến cuối năm 2023, tổng số vụ việc VIAC đã xử lý lên đến 2.940 vụ. Trong năm 2022, VIAC thụ lý 292 vụ tranh chấp mới, tăng 8,15% so với năm 2021. Tổng số vụ tranh chấp VIAC thụ lý trong giai đoạn 1993 - 2022 là 2.513 vụ tranh chấp, trong đó có 39,99% vụ tranh chấp trong nước và 60,01% vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài (bao gồm cả các vụ có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Trong năm 2023, có 53 vụ việc mang yếu tố nước ngoài, chiếm 18,63% tổng số vụ và tăng 18,86% so với năm 2022. Đáng chú ý, các bên đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản chiếm đến 65,3% trong nhóm tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Về phân bố địa lý trong nước, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ cao nhất với 66,5%, tiếp theo là Hà Nội với 34,9%. Lĩnh vực phát sinh các vụ tranh chấp mà VIAC thụ lý trong năm 2022 rất đa dạng. Trong đó, mua bán hàng hóa tiếp tục là lĩnh vực có số vụ tranh chấp thụ lý và giải quyết cao nhất tại VIAC với tỷ lệ 37,5% tổng số vụ. Tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực Xây dựng và Tài chính - Ngân hàng đứng thứ hai và ba với tỷ lệ số vụ lần lượt

² Điều 74. Pháp nhân; Điều 75. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân

là 17,1% và 10,4% tổng số vụ. Giá trị tranh chấp trung bình của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) trong giai đoạn 2010-2019 là 24,5 tỷ đồng/vụ, có giai đoạn lên đến 60 tỷ đồng/vụ (đối với tranh chấp thuộc nhóm lĩnh vực xây dựng)³. Sự gia tăng về cả số lượng vụ việc và yếu tố quốc tế tại VIAC (đặc biệt là mức tăng 46,2% số vụ thụ lý trong năm 2023 và tỷ lệ tranh chấp có yếu tố nước ngoài ngày càng tăng) cho thấy nhu cầu ngày càng lớn đối với trọng tài thương mại tại Việt Nam, đặc biệt đối với các tranh chấp phức tạp và xuyên biên giới. Xu hướng này nhấn mạnh sự cấp thiết của chuyển đổi số để nâng cao năng lực xử lý, tối ưu hóa hiệu quả và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của doanh nghiệp trong kỷ nguyên số.

Mặc dù trên bình diện toàn cầu, khoảng 90% các tranh chấp được xử lý thông qua các cơ chế ngoài Tòa án, các số liệu cụ thể hơn từ các tổ chức quốc tế cho thấy sự đa dạng trong lựa chọn phương thức giải quyết. Theo WIPO, lựa chọn điều khoản giải quyết tranh chấp phổ biến nhất là tố tụng Tòa án (32%), tiếp theo là trọng tài (30%) và hòa giải (12%)⁴. Tại Việt Nam, số lượng vụ việc được giải quyết bằng hòa giải và trọng tài thương mại vẫn còn khiêm tốn chỉ khoảng 300 vụ mỗi năm tính đến tháng 5 năm 2023. Sự chênh lệch này cho thấy tiềm năng lớn chưa được khai thác của trọng tài thương mại tại Việt Nam. Các tổ chức trọng tài quốc tế lớn cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể: ICC International Court of Arbitration ghi nhận 831 vụ trọng tài mới trong năm 2024, với tổng số 29.000 vụ trọng tài kể từ năm 1923⁵. JAMS ghi nhận 21.390 vụ mới trong năm 2024, tăng 10% so với năm trước⁶. WIPO Arbitration and Mediation Center giải quyết 679 tranh chấp sở hữu trí tuệ, đổi mới và công nghệ trong năm 2023, tăng 24% so với 2022 và 280% trong 5 năm qua⁷. So sánh với các số liệu toàn cầu, mặc dù trọng tài tại Việt Nam đang có sự tăng trưởng tích cực, tỷ lệ áp dụng vẫn còn thấp so với các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án trên thế giới. Điều này cho thấy một tiềm năng lớn chưa được khai thác, và việc thúc đẩy chuyển đổi số trong trọng tài thương mại có thể là chìa khóa để thu hẹp khoảng cách này, nâng cao vị thế của Việt Nam trong hệ sinh thái giải quyết tranh chấp toàn cầu.

Một vấn đề nan giải là tỷ lệ hủy phán quyết trọng tài tại Việt Nam vẫn ở mức cao. Từ năm 2020 đến 2023, khoảng 20% đơn yêu cầu hủy phán quyết được Tòa án chấp nhận. Đáng chú ý, trong số các phán quyết bị hủy hoặc không được công nhận, có tới hơn 45% bị cho là “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Trong giai đoạn 2011 - 2024, có tổng cộng 181 yêu cầu hủy, trong đó 43 phán quyết đã bị Tòa án tuyên hủy, và 20 vụ (chiếm 46,5%) bị hủy vì lý do nói trên. Khái niệm “vi phạm nguyên tắc cơ bản” bị đánh giá là mơ hồ và khó

³ Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp tại VIAC (1993 - 2022); Báo cáo thường niên VIAC 2023, 2024

⁴ Results of the International Survey on Dispute Resolution in Technology Transactions

⁵ ICC Dispute Resolution Statistics: 2024

⁶ JAMS Releases 2024 Resolution Report, Reflecting Significant Growth in ADR Services Worldwide

⁷ Rise in IP, Innovation, and Tech Disputes Referred to WIPO in 2023

định lượng, mở ra khoảng trống cho việc can thiệp sâu của Tòa án vào nội dung vụ việc, đi ngược với tinh thần tự chủ của trọng tài. Điều này làm suy giảm tính chung thẩm một lợi thế then chốt của trọng tài so với tổ tụng Tòa án. Việc gần một nửa số phán quyết bị hủy do lý do mơ hồ này tạo ra sự bất ổn pháp lý đáng kể, làm giảm niềm tin của các bên vào tính chung thẩm của trọng tài. Trong bối cảnh trọng tài số, vấn đề còn trầm trọng hơn khi các tranh chấp về công nghệ mới có thể bị hiểu sai hoặc bị đánh giá thiếu chính xác nếu thiếu khung pháp lý rõ ràng và đội ngũ tư pháp có hiểu biết chuyên sâu về công nghệ, dẫn đến nguy cơ các phán quyết trọng tài số cũng dễ bị hủy bỏ. Khả năng công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các bên quốc tế. Trong giai đoạn 2012 - 2019, chỉ 46% các đơn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài được Tòa án Việt Nam chấp nhận (12 trên 26), trong khi 19% bị từ chối. Tuy nhiên, giai đoạn 2019 - 2023 chứng kiến tỷ lệ này tăng lên 62%, theo báo cáo từ Bộ Tư pháp cho thấy tín hiệu cải thiện.

Những lý do phổ biến cho việc từ chối thi hành bao gồm: tổng đạt không hợp lệ, thiếu thẩm quyền của người ký kết thỏa thuận trọng tài, hoặc vi phạm nguyên tắc pháp luật cơ bản. Mặc dù Việt Nam là thành viên Công ước New York 1958, một công cụ pháp lý quốc tế tạo thuận lợi cho thi hành án quốc tế thì các yếu tố thực tiễn như trên vẫn tạo ra rủi ro đáng kể. Tỷ lệ công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài đang có chiều hướng cải thiện, các lý do từ chối vẫn tồn tại, đặc biệt là khái niệm “vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” và các vấn đề liên quan đến tổng đạt. Trong bối cảnh hợp đồng thông minh hoặc các giao dịch phi tập trung, việc xác minh năng lực ký kết hay quy trình tổng đạt càng trở nên phức tạp, làm gia tăng khả năng từ chối thi hành, đòi hỏi sự rõ ràng hơn trong các quy định pháp lý để đảm bảo tính thực thi của phán quyết trọng tài số.

Dù có nhiều ưu điểm, trọng tài truyền thống tại Việt Nam vẫn đối diện với những hạn chế nghiêm trọng nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số. Tranh chấp vẫn chủ yếu được giải quyết qua Tòa án, trong khi hòa giải còn bị giới hạn do thiếu cơ chế thi hành ràng buộc. Một vấn đề nổi bật là sự thiếu nhất quán trong hệ thống tư pháp. Việc thiếu án lệ ràng buộc khiến phán quyết dễ bị biến động theo từng thẩm phán, tạo ra sự bất ổn định pháp lý. Thời gian xử lý kéo dài, thi hành bản án phức tạp, và các lỗ hổng về thủ tục khiến nhiều bên tìm cách né tránh nghĩa vụ pháp lý. Ngoài ra, hệ thống Tòa án chưa có các bộ phận chuyên biệt đủ năng lực để xử lý tranh chấp trong lĩnh vực kỹ thuật cao như hàng hải, xây dựng, hoặc fintech. Những bất cập trên không chỉ lý giải tại sao trọng tài trở thành phương án hấp dẫn hơn, mà còn chỉ ra rủi ro nếu các yếu tố này “lan sang” trọng tài, đặc biệt trong khâu công nhận và thi hành phán quyết. Nếu thiếu sự hỗ trợ và hiểu biết từ Tòa án, ngay cả trọng tài hiện đại cũng khó phát huy hiệu quả. Đây chính là vòng lặp thách thức nơi áp lực chuyển đổi số là cấp thiết, nhưng lại bị cản trở bởi cấu trúc pháp lý và tư duy chưa đổi mới của hệ thống truyền thống.

4. Tác động của chuyển đổi số đến trọng tài thương mại

4.1. Cơ hội từ chuyển đổi số

Mô hình giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) đang từng bước thay đổi cách thức xử lý tranh chấp thông qua việc tích hợp các công nghệ số vào toàn bộ quy trình. ODR đặc biệt thích hợp trong những trường hợp các bên không thể gặp mặt trực tiếp, các tranh chấp có giá trị thấp hoặc mang tính chất đơn giản. Nhờ khả năng tự động hóa quy trình tiếp nhận, cung cấp giao tiếp không đồng bộ và phản hồi tức thì, các nền tảng ODR rút ngắn đáng kể thời gian xử lý và giảm chi phí hành chính. Trí tuệ nhân tạo (AI) đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ đắc lực cho các nền tảng ODR thông qua việc tự động hóa các tác vụ lặp lại và tốn thời gian như rà soát tài liệu, quản lý chứng cứ, dịch thuật và tóm tắt các văn bản pháp lý phức tạp. Các hệ thống AI còn có khả năng phân tích hàng ngàn án lệ, phát hiện điểm mâu thuẫn trong lời khai và hỗ trợ trọng tài viên trong việc đánh giá bằng chứng. Đặc biệt, việc ứng dụng phân tích dự đoán (predictive analytics) giúp dự báo kết quả tiềm năng dựa trên dữ liệu lịch sử, hỗ trợ các bên xây dựng chiến lược hiệu quả.

Việc tích hợp ODR và AI vào quy trình trọng tài không chỉ tối ưu hóa tốc độ và hiệu quả, mà còn cho phép xử lý các tranh chấp xuyên biên giới một cách linh hoạt và dễ tiếp cận hơn. AI không chỉ hỗ trợ trong các công việc hành chính, mà còn có khả năng đề xuất phác thảo các lệnh thủ tục và dự thảo phán quyết, từ đó giảm thiểu thời gian và chi phí liên quan đến trọng tài truyền thống. Tuy nhiên, phán đoán của con người vẫn đóng vai trò không thể thay thế trong những khía cạnh đòi hỏi lý luận pháp lý sâu sắc và đánh giá đạo đức nơi AI chỉ có thể đóng vai trò hỗ trợ.

Công nghệ blockchain, với đặc tính phân tán và không thể chỉnh sửa, mở ra một cấp độ minh bạch và bảo mật mới trong hoạt động trọng tài thương mại. Việc lưu trữ các tài liệu và giao dịch liên quan trên chuỗi blockchain tạo nên các bản ghi không thể bị thay đổi, giảm thiểu nguy cơ gian lận và đảm bảo tính toàn vẹn của chứng cứ. Các dấu vết kiểm toán kỹ thuật số (audit trail) do blockchain tạo ra có thể xác minh nguồn gốc và quá trình xử lý tài liệu, từ đó gia tăng mức độ tin cậy đối với toàn bộ quy trình tố tụng. Bên cạnh đó, các hợp đồng thông minh được xây dựng trên nền tảng blockchain có khả năng tự động thực thi khi các điều kiện được xác lập sẵn được đáp ứng, giảm thiểu rủi ro thao túng và lỗi vận hành. Tuy nhiên, đặc tính minh bạch vốn có của blockchain đôi khi có thể xung đột với yêu cầu bảo mật trong trọng tài vốn là một ưu điểm quan trọng so với tố tụng tại Tòa án. Để giải quyết mâu thuẫn này, các giải pháp lưu trữ kết hợp (như lưu trữ dữ liệu nhạy cảm ngoài chuỗi kèm theo hàm băm xác minh trên chuỗi) có thể được áp dụng. Dù công nghệ hỗ trợ, nhưng việc đảm bảo bảo mật và quyền riêng tư vẫn cần được đặt lên hàng đầu thông qua các giao thức nghiêm ngặt và giám sát độc lập đối với các bên thứ ba cung cấp nền tảng AI hoặc blockchain.

Chuyển đổi số mở ra khả năng cải thiện khả năng tiếp cận công lý, đặc biệt đối với các cá nhân hoặc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs). Việc tiết giảm chi phí, loại bỏ rào cản địa lý và cung cấp dịch vụ pháp lý trực tuyến giúp nhiều chủ thể có thể tiếp cận các cơ chế giải quyết tranh chấp vốn trước đây vượt quá khả năng chi trả hoặc hiểu biết pháp lý của họ. Trong bối cảnh địa lý trải dài và phân mảnh của Việt Nam, ODR cho phép các bên tham gia từ bất kỳ vị trí nào, giảm thiểu chi phí di chuyển và thời gian chờ đợi. Đáng chú ý, sự xuất hiện của các công cụ AI như chatbot pháp lý (AI Luật của LuậtVietnam) cung cấp truy cập tức thì vào thông tin pháp luật cơ bản, hướng dẫn quy trình khởi kiện hoặc giải quyết tranh chấp. Điều này góp phần dân chủ hóa khả năng tiếp cận pháp lý, phù hợp với các mục tiêu quốc gia về thúc đẩy tiếp cận tư pháp và phổ cập tài chính cho toàn dân.

4.2. Thách thức và rủi ro liên quan đến chuyển đổi số

Rủi ro liên quan đến chữ ký điện tử trong thỏa thuận trọng tài, phán quyết điện tử. Mặc dù Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã công nhận tính hợp pháp của chữ ký điện tử và giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử, việc thiếu các tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng về xác thực dữ liệu là một rủi ro đáng kể. Để đảm bảo tính chính danh và khả năng chấp nhận của chứng cứ số, cần thiết lập các quy định bắt buộc về việc sử dụng chữ ký số tiên tiến, dấu thời gian điện tử (timestamping) và các giao thức blockchain đảm bảo tính bất biến. Nếu không có các tiêu chuẩn này, tính toàn vẹn và độ tin cậy của thỏa thuận trọng tài được ký kết điện tử hay phán quyết điện tử có thể bị nghi ngờ, dẫn đến tranh chấp về tính hợp lệ. Sự số hóa quy trình trọng tài tất yếu dẫn đến những rủi ro liên quan đến dữ liệu và an ninh mạng. Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 yêu cầu một số loại dữ liệu phải được lưu trữ trong lãnh thổ Việt Nam. Điều này gây khó khăn cho việc triển khai các nền tảng LegalTech quốc tế sử dụng hệ thống lưu trữ đám mây hoặc máy chủ đặt tại nước ngoài, ảnh hưởng đến việc lưu trữ và xử lý các thỏa thuận trọng tài và phán quyết điện tử nếu các bên sử dụng nền tảng quốc tế. Việc đưa các tài liệu nhạy cảm lên các nền tảng kỹ thuật số đòi hỏi một hệ thống bảo vệ dữ liệu đủ mạnh, đặc biệt khi dữ liệu được xử lý bởi các nhà cung cấp bên thứ ba. Các nguy cơ như xâm nhập trái phép, rò rỉ dữ liệu hay bị đánh cắp thông tin có thể làm mất niềm tin vào toàn bộ quy trình, ảnh hưởng trực tiếp đến tính bảo mật vốn là một ưu điểm của trọng tài.

Rủi ro khi AI tham gia phân tích chứng cứ ảnh hưởng đến quyền bình đẳng tố tụng (due process). Khung pháp lý hiện hành, đặc biệt là Bộ luật Dân sự, vẫn khẳng định chỉ cá nhân và pháp nhân mới được xem là chủ thể pháp lý. Điều này có nghĩa rằng trí tuệ nhân tạo (AI) hiện chưa có tư cách pháp lý độc lập, không thể tự ký kết hợp đồng, sở hữu tài sản hay chịu trách nhiệm pháp lý, khiến mọi hành vi của AI đều phải gắn với chủ thể con người đứng sau. Khi AI tham gia phân tích chứng cứ, việc thiếu tư cách pháp lý độc lập của nó có thể gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm nếu có sai sót hoặc thiên vị trong quá trình phân tích, ảnh hưởng

ngghiêm trọng đến quyền được xét xử công bằng của các bên. Một vấn đề đáng lưu ý là tính “hộp đen” (black box) của một số hệ thống AI, khi mà cơ chế ra quyết định không minh bạch, tiềm ẩn nguy cơ thiên vị hoặc sai lệch do dữ liệu huấn luyện không đầy đủ. Việc thiếu công khai trong thuật toán cũng dẫn đến khó khăn trong việc truy cứu trách nhiệm khi có sai sót. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến quyền bình đẳng tố tụng, vì các bên có thể không hiểu được cách AI đưa ra kết luận từ chứng cứ, hoặc không thể phản biện một cách hiệu quả nếu có sự thiên vị không rõ ràng. Để đảm bảo quyền bình đẳng tố tụng, các chuẩn mực đạo đức trong việc sử dụng AI, bao gồm minh bạch, công bằng và giải trình, cần được thiết lập rõ ràng và giám sát nghiêm ngặt, đồng thời trọng tài viên cần có hiểu biết chuyên sâu để giám sát quá trình phân tích chứng cứ của AI.

Khả năng Tòa án chấp nhận một vụ kiện trọng tài có sự tham gia của AI trong giai đoạn tố tụng, hoặc một phán quyết viết bởi AI. Khoảng trống pháp lý về AI và hợp đồng thông minh là một rào cản lớn. Pháp luật hiện hành vẫn chưa công nhận trí tuệ nhân tạo là chủ thể pháp lý độc lập và hợp đồng thông minh chưa được pháp luật công nhận là hình thức giao kết hợp lệ hay có giá trị làm chứng cứ. Sự “lệ thuộc vào mô hình pháp lý lấy con người làm trung tâm” này tạo ra khoảng trống pháp lý rõ rệt khi áp dụng các công nghệ tự chủ như AI hoặc hợp đồng thông minh trong hoạt động trọng tài. Điều này có thể khiến Tòa án ngần ngại hoặc từ chối công nhận các thỏa thuận trọng tài được hình thành qua hợp đồng thông minh hoặc các phán quyết có sự tham gia đáng kể của AI, do thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng để xác định tính hợp lệ và trách nhiệm. Tỷ lệ hủy phán quyết trọng tài tại Việt Nam vẫn ở mức cao, với khoảng 20% đơn yêu cầu hủy phán quyết được Tòa án chấp nhận, và hơn 45% trong số đó bị cho là “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Khái niệm này bị đánh giá là mơ hồ và khó định lượng, mở ra khoảng trống cho việc can thiệp sâu của Tòa án vào nội dung vụ việc. Nếu Tòa án cho rằng việc AI tham gia vào quá trình trọng tài hoặc việc phán quyết được viết bởi AI vi phạm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” (ví dụ, do thiếu sự giám sát của con người, tính minh bạch của thuật toán, hoặc khả năng truy cứu trách nhiệm), họ có thể từ chối công nhận hoặc thi hành phán quyết. Điều này làm suy yếu tính chung thẩm của trọng tài và tạo ra rủi ro pháp lý đáng kể cho các bên. Thách thức về thi hành phán quyết nước ngoài cũng liên quan. Mặc dù tỷ lệ chấp nhận thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài đã tăng lên 62% trong giai đoạn 2019-2023, các lý do phổ biến cho việc từ chối thi hành vẫn bao gồm: tổng đạt không hợp lệ, thiếu thẩm quyền của người ký kết thỏa thuận trọng tài, hoặc vi phạm nguyên tắc pháp luật cơ bản. Trong bối cảnh hợp đồng thông minh hoặc các giao dịch phi tập trung, việc xác minh năng lực ký kết hay quy trình tổng đạt càng trở nên phức tạp, làm gia tăng khả năng từ chối thi hành. Điều này cũng có thể mở rộng sang các phán quyết có sự tham gia của AI, nơi Tòa án có thể đặt câu hỏi về tính hợp lệ của quy trình nếu các yếu tố công nghệ không được

quy định rõ ràng trong pháp luật. Ngoài ra, một rào cản tiềm ẩn khác là sự kháng cự từ chính cộng đồng pháp lý. Dù nhận thức về chuyển đổi số đang gia tăng, phần lớn người dân bao gồm cả các chuyên gia pháp lý vẫn còn thận trọng, thiếu hiểu biết hoặc không sẵn sàng tiếp nhận sự thay đổi. Điều này đặc biệt đúng trong giới luật sư, trọng tài viên và thẩm phán, nơi việc đào tạo về công nghệ pháp lý còn hạn chế và sự kháng cự với đổi mới vẫn hiện hữu. Sự kháng cự này có thể dẫn đến việc Tòa án thận trọng hơn trong việc chấp nhận các vụ kiện hoặc phán quyết có yếu tố AI, do thiếu sự quen thuộc và tin tưởng vào công nghệ. Điều này tạo ra một vòng lặp thách thức, nơi áp lực chuyển đổi số là cấp thiết, nhưng lại bị cản trở bởi cấu trúc pháp lý và tư duy chưa đổi mới của hệ thống truyền thống.

Các phân tích nêu trên cho thấy rằng chuyển đổi số mở ra cơ hội lớn để cải thiện hiệu quả, độ tin cậy và khả năng tiếp cận của trọng tài thương mại tại Việt Nam. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa những cơ hội này, cần có các giải pháp mang tính hệ thống, bao gồm cải cách pháp lý, nâng cao năng lực tư pháp và thiết lập các tiêu chuẩn đạo đức trong ứng dụng công nghệ. Đây là tiền đề không thể thiếu để xây dựng một hệ sinh thái trọng tài số hiện đại, linh hoạt và công bằng.

5. Đề xuất giải pháp

Nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam, cần có các giải pháp mang tính hệ thống, đột phá và thực tiễn. Các giải pháp này cần tập trung vào ba trụ cột: hoàn thiện khung pháp lý, nâng cấp hạ tầng công nghệ, và phát triển năng lực nguồn nhân lực đồng thời tránh trùng lặp với các chương trình đã triển khai và bám sát thực trạng hiện nay.

5.1. Hoàn thiện khung pháp lý

Xây dựng khuôn khổ pháp lý rõ ràng cho hợp đồng thông minh và AI trong trọng tài. Hiện nay, hợp đồng thông minh vẫn chưa được pháp luật Việt Nam công nhận rõ ràng về tính hợp pháp và giá trị chứng cứ trong giải quyết tranh chấp. Để khắc phục khoảng trống này, cần tiến hành sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Trọng tài thương mại năm 2010, hoặc ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể. Việc sửa đổi này cần tập trung vào việc định nghĩa rõ ràng hợp đồng thông minh là một hình thức hợp đồng hợp lệ, có giá trị pháp lý và giá trị chứng cứ trong tố tụng trọng tài, tương tự như các hình thức hợp đồng truyền thống. Đối với AI, trong bối cảnh pháp luật chưa công nhận AI là chủ thể pháp lý độc lập, cần xây dựng một cơ chế trách nhiệm pháp lý thích ứng, có thể là mô hình trách nhiệm phân tầng hoặc liên đới giữa nhà phát triển, người vận hành và người sử dụng AI. Quy định này cần phân định rõ nghĩa vụ dân sự và hình sự khi AI gây thiệt hại hoặc ra quyết định sai lệch trong các quy trình trọng tài, đảm bảo tính minh bạch và khả năng truy cứu trách nhiệm. Song song đó, để tăng cường giá trị pháp lý và độ tin cậy của bằng chứng điện tử trong trọng tài trực tuyến, cần

thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng về xác thực dữ liệu. Điều này có thể bao gồm việc bắt buộc sử dụng chữ ký số tiên tiến, dấu thời gian điện tử (timestamping) và các giao thức blockchain đảm bảo tính bất biến, từ đó củng cố tính chính danh và khả năng chấp nhận của chứng cứ số.

Làm rõ khái niệm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” trong hủy phán quyết trọng tài. Việc thiếu định nghĩa cụ thể và nhất quán về “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” đã góp phần làm gia tăng tỷ lệ phán quyết trọng tài bị hủy, chiếm tới 20% tổng số vụ việc, trong đó hơn 45% có nguyên nhân từ lý do này. Để giảm thiểu rủi ro pháp lý và tăng tính dự đoán cho các bên tham gia, cần ban hành hướng dẫn dưới dạng nghị quyết hoặc phát triển án lệ về tiêu chí áp dụng khái niệm này. Bộ Tư pháp và Tòa án Nhân dân Tối cao cần hợp tác xây dựng các hướng dẫn chính thức hoặc công bố các bản án điển hình trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhằm tạo tiền lệ và chuẩn hóa cách hiểu của hệ thống tư pháp, hạn chế sự can thiệp tùy tiện vào nội dung phán quyết trọng tài. Phát triển cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox) cho LegalTech. Mở rộng mô hình regulatory sandbox hiện đang áp dụng thành công trong lĩnh vực ngân hàng sang lĩnh vực pháp lý sẽ là một bước đột phá quan trọng. Đây là môi trường thử nghiệm an toàn cho các giải pháp LegalTech mới như ODR, trọng tài AI và blockchain. Dưới sự giám sát của cơ quan quản lý (như Bộ Tư pháp), các doanh nghiệp và trung tâm trọng tài có thể triển khai thử nghiệm các công nghệ số, đồng thời thu thập dữ liệu thực nghiệm phục vụ việc xây dựng chính sách. Điển hình là triển khai nền tảng trọng tài AI cho các tranh chấp hợp đồng thông minh có giá trị nhỏ tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), phối hợp với các startup LegalTech trong nước. Việc này giúp kiểm soát rủi ro pháp lý, đồng thời tạo không gian đổi mới linh hoạt nhưng an toàn.

5.2. Nâng cấp hạ tầng công nghệ

Phát triển nền tảng ODR quốc gia và tích hợp LegalTech. Đầu tư có hệ thống vào các nền tảng ODR toàn diện là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng trọng tài trong kỷ nguyên số. Các nền tảng này cần tích hợp các chức năng: nộp đơn trực tuyến, quản lý tài liệu, tổ chức phiên họp ảo, sử dụng chữ ký số, và tương tác phi tập trung. Dẫn chứng thực tiễn là việc VIAC ra mắt nền tảng điện tử VIAC eCase vào ngày 26/6/2024 với sự hỗ trợ của USAID một bước tiến đáng kể trong quá trình số hóa quy trình giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, để tạo hiệu quả hệ thống, cần đảm bảo tính tương thích và liên kết giữa các nền tảng của các trung tâm trọng tài khác nhau, hình thành hệ sinh thái pháp lý số thống nhất.

Ứng dụng AI và blockchain trong quản lý vụ việc và phân tích dữ liệu. Khuyến khích các trung tâm trọng tài và công ty luật ứng dụng AI vào các khâu: rà soát tài liệu, trích xuất án lệ, dự đoán kết quả vụ việc và quản lý hồ sơ điện tử. Công nghệ AI giúp rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao độ chính xác và tăng hiệu quả chi phí. Song song đó, blockchain có thể được khai

thác để xác thực bằng chứng, ghi nhận lịch sử xử lý hồ sơ và đảm bảo tính bất biến, từ đó tăng niềm tin và độ minh bạch cho quy trình trọng tài. Các ví dụ thực tiễn quốc tế như nền tảng Arbitrus.ai (Fortuna Arbitration) ra mắt năm 2025 cho thấy tính khả thi và hiệu quả thực tiễn của các mô hình này trong hệ sinh thái LegalTech toàn cầu.

5.3. Phát triển năng lực nguồn nhân lực

Đào tạo chuyên sâu về công nghệ số cho trọng tài viên, luật sư và cán bộ tư pháp: Yếu tố con người là rào cản lớn nhất trong quá trình chuyển đổi số tư pháp. Vì vậy, cần xây dựng các chương trình đào tạo liên ngành, bắt buộc và có chứng chỉ, về các công nghệ như AI, blockchain, hợp đồng thông minh và ODR. Việc nâng cao năng lực này không chỉ giúp đội ngũ chuyên gia pháp lý bắt kịp xu hướng toàn cầu, mà còn giảm thiểu tâm lý e ngại hoặc kháng cự đối với công nghệ. Các chương trình đào tạo cần có sự phối hợp với các trường đại học công nghệ hàng đầu (Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học FPT) và các tổ chức trọng tài quốc tế uy tín như CIArb nhằm đảm bảo nội dung cập nhật, thực tiễn và đạt chuẩn quốc tế. Thúc đẩy hợp tác giữa tổ chức trọng tài, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp LegalTech: Việc thiết lập các mô hình hợp tác liên kết ba bên giữa trung tâm trọng tài - trường đại học - doanh nghiệp LegalTech sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Chẳng hạn, Hội thảo “Thách thức và cơ hội của trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số” do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành phối hợp với Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế BigBoss tổ chức là minh chứng cho vai trò của các diễn đàn trao đổi học thuật, thực tiễn. Trong tương lai, các chương trình hợp tác có thể bao gồm: xây dựng bộ tiêu chuẩn dữ liệu pháp lý, phát triển mô hình AI pháp lý tiếng Việt, và thử nghiệm nền tảng ODR chuyên biệt theo lĩnh vực (ví dụ: tài chính, bất động sản, thương mại điện tử). Để trọng tài thương mại tại Việt Nam có thể thích nghi và phát triển trong kỷ nguyên số, các giải pháp đề xuất cần đồng thời đảm bảo tính đột phá và khả thi, gắn liền với đặc thù pháp lý công nghệ của Việt Nam. Sự kết hợp chặt chẽ giữa cải cách thể chế, đầu tư hạ tầng công nghệ và phát triển nhân lực sẽ là nền tảng vững chắc cho việc hình thành một hệ sinh thái trọng tài thương mại hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

6. Kết luận

Sự giao thoa giữa trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ chuỗi khối (blockchain) đang mở ra một kỷ nguyên mới cho lĩnh vực trọng tài thương mại, tạo tiền đề cho những cải tiến mang tính bước ngoặt về hiệu quả xử lý, khả năng tiếp cận và mức độ minh bạch trong quá trình giải quyết tranh chấp. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang bước vào giai đoạn tăng tốc chuyển đổi số, việc tích hợp một cách chiến lược và có kiểm soát các công nghệ số vào hệ thống giải quyết tranh chấp không còn là lựa chọn, mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu nhằm duy trì năng lực cạnh tranh và bảo đảm công lý trong bối cảnh nền kinh tế số ngày càng phát triển. Tuy nhiên, con đường tiến tới một hệ sinh thái trọng tài số hiện đại không hề bằng phẳng. Những rào cản

pháp lý căn bản, đặc biệt là sự thiếu công nhận chính thức đối với hợp đồng thông minh cũng như tư cách pháp lý của AI, đang làm phát sinh nhiều vấn đề về khả năng thi hành, xác lập trách nhiệm và phân định quyền, nghĩa vụ. Cùng với đó, tình trạng không nhất quán trong các phán quyết tư pháp, tỷ lệ hủy phán quyết trọng tài vẫn còn ở mức cao, và những hạn chế đáng kể về năng lực kỹ thuật số của cả hệ thống pháp lý lẫn cộng đồng sử dụng, đang làm phức tạp hóa tiến trình cải cách, đồng thời làm giảm tính hiệu quả và độ tin cậy của trọng tài trong thực tiễn. Dẫu vậy, bức tranh tổng thể vẫn cho thấy tiềm năng phát triển to lớn. Cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong việc đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, động thái hợp pháp hóa tài sản số, cùng sự tồn tại và hiệu lực của các khuôn khổ pháp lý quốc tế như Công ước New York, tạo ra một môi trường thể chế thuận lợi cho đổi mới. Việc triển khai các cơ chế hộp cát pháp lý (regulatory sandbox) trong lĩnh vực ngân hàng, và khả năng mở rộng sang lĩnh vực pháp lý, càng củng cố thêm nền tảng để thử nghiệm và điều chỉnh các mô hình LegalTech mới. Quá trình chuyển đổi trọng tài thương mại tại Việt Nam không chỉ đơn thuần là một tiến trình đổi mới công nghệ, mà còn đòi hỏi sự chuyển hóa toàn diện về thể chế và văn hóa pháp lý. Chỉ khi tiếp cận một cách bài bản, chủ động và liên ngành, Việt Nam mới có thể vượt qua những trở lực hiện hữu, tận dụng hiệu quả tiềm năng mà AI và công nghệ chuỗi khối mang lại, từ đó từng bước kiến tạo một hệ sinh thái trọng tài hiện đại hiệu quả, minh bạch và có khả năng thi hành cao phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của nền kinh tế số, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận công lý bình đẳng cho mọi chủ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Do Huu Chien (2020), “Proposal for the Establishment of Regulations on Online Commercial Arbitration for Dispute Resolution in Vietnam”, *European Journal of Social Sciences Studies*.
2. Long Tran Viet & Phan Thanh Hai (2024), “Determinants of Commercial Arbitration Selection to Resolve Disputes: Insights from Vietnamese Managers”, *Journal of International Arbitration*, 41(3): 371-396.
3. Nguyễn Thị Minh & Pip Nicholson (2000), “Commercial Disputes and Arbitration in Vietnam”, *Journal of International Arbitration*, 17(5): 1-18.
4. Phan, Lien; Linh, Minh & Nicholson, Dung (2021), “Some Suggestions for Vietnam’s Arbitration System: Improving Legal Framework and Practitioner Capacity”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, 06(01).
5. Tran Van Nam, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Phạm Đức Chung & Giglione, Thomas G. (2022), “Megatrends for E-Commerce Online Dispute Resolution in Vietnam”, *International Journal of Ecosystems and Ecology Science (IJEES)*, 12(3): 175-184.
6. Tran Viet Dung, Lea Leveau & Khuu Hong Linh (2021), “Developing an Online Consumer Dispute Resolution Platform in the Field of E-Commerce in Vietnam: Lessons from the European Union”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, 05(02).
7. Tran Van Nam, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Phạm Đức Chung & Thomas G. Giglione (2022), “Megatrends for E-Commerce Online Dispute Resolution in Vietnam”, *International Journal of Ecosystems and Ecology Science (IJEES)*, 12(3): 175-184.
8. Sciendo (2021), “Analysis of the Recent Commercial Arbitration Development and Lessons for Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, truy cập ngày 16/06/2025 tại <https://www.sciendo.com/article/10.2478/vjls-2021-0009>.
9. Wang, Jiawen (2024), “Joinder Mechanism in International Commercial Arbitration: A Trend in the Digital Age?”, *International Journal for the Semiotics of Law*, 37(3): 923-942.
10. Bộ Tư pháp Việt Nam (2024). *Quyết định số 930/QĐ-BTP ngày 29/05/2024 kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Ngành Tư pháp*
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2023). *Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15*, ngày 22/06/2023.
12. Vietnam International Arbitration Centre (VIAC) (2023). *Thống kê hoạt động giải quyết tranh chấp năm 2022*. VIAC.
13. Báo cáo Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023.

14. Công ước Thừa nhận và Thi hành các Phán quyết Trọng tài nước ngoài (Công ước New York 1958), Liên Hiệp Quốc, ngày 10/6/1958.
15. Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 12/6/2018, có hiệu lực từ 01/1/2019.
16. Luật Công nghiệp Công nghệ số số 43/2025/QH15, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 14/6/2025, dự kiến có hiệu lực từ 01/1/2026.

NGUYÊN TẮC TỔ TỤNG CÔNG BẰNG TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI BẰNG TRỌNG TÀI TRỰC TUYẾN

Phan Hoài Thiên Kim¹

Nguyễn Dương Hương Trà²

Tóm tắt: Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến ngày càng được quan tâm trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu và sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Tuy nhiên, việc đảm bảo nguyên tắc tổ tụng công bằng lại đặt ra nhiều thách thức khi áp dụng trong môi trường trực tuyến. Bài viết này tập trung làm rõ vấn đề lý luận của nguyên tắc tổ tụng công bằng và những thách thức đặt ra trong việc thực thi nguyên tắc này trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế về quy trình tổ tụng trọng tài trực tuyến, bài viết chỉ ra những khoảng trống pháp lý trong pháp luật trọng tài Việt Nam có thể ảnh hưởng đến việc bảo đảm nguyên tắc tổ tụng công bằng trong thực tiễn. Từ đó, bài viết đề xuất các kiến nghị, góp phần hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài trực tuyến và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Từ khóa: giải quyết tranh chấp; trọng tài trực tuyến; nguyên tắc; tổ tụng công bằng.

Abstract: Online arbitration has been increasingly attracting attention in the context of global digital transformation and the rapid growth of e-commerce. However, ensuring the principle of due process poses numerous challenges when applied in an online environment. This article focuses on clarifying the theoretical foundations of the principle of procedural fairness and the challenges in implementing this principle in the context of online arbitration. Based on a review of international experiences with online arbitration procedures, the article identifies legal gaps in Vietnam's arbitration law that may hinder the enforcement of procedural fairness in practice. Accordingly, it proposes recommendations to improve the legal framework on online arbitration and safeguard the legitimate rights and interests of the disputing parties.

Keywords: dispute resolution; online arbitration; principle; procedural fairness.

1. Đặt vấn đề

Trải qua giai đoạn đại dịch Covid-19, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số và thương mại xuyên biên giới đã thúc đẩy nhu cầu giải quyết tranh chấp trực tuyến, trong đó có trọng tài trực tuyến. Với ưu điểm về tính linh hoạt, tiết kiệm chi phí và khả năng vượt qua rào cản địa lý, hình thức trọng tài này được xem là phù hợp với bối cảnh toàn cầu và số hóa.

¹ Học viên cao học; Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; phthienkim03@gmail.com

² Học viên Khoa Đào tạo Luật sư, Học viện Tư Pháp; huongtrathp.t2019@gmail.com

Tuy nhiên, việc áp dụng trọng tài trực tuyến cũng đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt là trong việc bảo đảm nguyên tắc tố tụng công bằng trong môi trường số.

Tại Việt Nam, pháp luật trọng tài hiện hành cũng như quy tắc tố tụng tại các trung tâm trọng tài thương mại vẫn chưa có quy định cụ thể điều chỉnh trọng tài trực tuyến dẫn đến những khoảng trống có thể ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp. Do đó, việc nghiên cứu lý luận, tham khảo kinh nghiệm quốc tế và đánh giá thực trạng pháp luật trọng tài Việt Nam hiện hành là vấn đề cấp thiết.

Bài viết này tập trung làm rõ bốn nội dung chính: (i) Khái quát về nguyên tắc tố tụng công bằng; (ii) Trọng tài trực tuyến và những thách thức trong việc thực thi nguyên tắc tố tụng công bằng; (iii) Kinh nghiệm quốc tế trong việc đảm bảo nguyên tắc tố tụng công bằng trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài trực tuyến; và (iv) Thực trạng pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài trực tuyến và một số kiến nghị.

2. Khái quát về nguyên tắc tố tụng công bằng

Nguyên tắc tố tụng công bằng (procedural fairness) bắt nguồn từ các học thuyết pháp lý nền tảng của “*công lý tự nhiên*” (*natural justice*) trong pháp luật Anh. Theo truyền thống, “*công lý tự nhiên*” bao gồm hai trụ cột quan trọng mà mọi chủ thể trong quá trình tố tụng khi đưa ra quyết định phải tuân thủ: *Thứ nhất*, nguyên tắc *audi alteram partem* (tạm dịch: “nghe cả bên kia”), khẳng định rằng mỗi bên trong tranh chấp phải được trao cơ hội trình bày quan điểm, chứng cứ của mình và phản bác lại các lập luận của đối phương; *Thứ hai*, nguyên tắc *nemo iudex in causa sua*, (tạm dịch: “không ai được làm thẩm phán trong chính vụ việc của mình”), đòi hỏi chủ thể ra quyết định phải tuyệt đối vô tư, khách quan và không có xung đột lợi ích³.

Kế thừa và phát triển những giá trị này, nguyên tắc tố tụng công bằng đã được định hình như một yêu cầu pháp lý chi tiết và toàn diện hơn. Một trong những văn kiện thể hiện nguyên tắc này sớm nhất là Đại Hiến chương Magna Carta (tại Điều 39) và sau đó là Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1791 cũng đã đề cập đến một thuật ngữ tương đương là “*due process of law*” (tạm dịch: “*quy trình tố tụng hợp pháp*”)⁴. Theo đó, “*không một người nào bị tước đoạt tính mạng, tự do, hoặc tài sản mà không qua một quy trình tố tụng hợp pháp*”. Trong phạm vi pháp luật quốc tế về quyền con người, nguyên tắc tố tụng công bằng hay quyền được xét xử công bằng được cụ thể hóa trong các văn kiện như Điều 10 và 11 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 (UDHR), Điều 6 Công ước nhân quyền châu Âu năm 1950 (ECHR), các Điều 14, 15 Công ước

³ Frederick F. Shauer (1976), English natural justice and American due process: An analytical comparison., William & Mary Law Review, Vol.18, p.48.

⁴ Theo Frederick F. Shauer (1976), tldđ, p.51, khái niệm “*tố tụng hợp pháp*” trong pháp luật Hoa Kỳ bắt nguồn từ hai nền tảng: thứ nhất là nguyên tắc công lý tự nhiên vốn đã được phát triển trong truyền thống pháp luật Anh cho đến thời điểm được ghi nhận vào Hiến pháp Hoa Kỳ; và thứ hai là quan điểm của luật tự nhiên về sự công bằng trong thủ tục tố tụng (procedural fairness) (trích dẫn theo: Bernard Schwartz (1953), Administrative Procedure and Natural Law, Notre Dame Law Review, Vol. 28.)

quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR). Trong pháp luật tố tụng hiện đại, nguyên tắc này tiếp tục được ghi nhận, thể hiện qua việc yêu cầu các bên tranh chấp phải được đối xử bình đẳng và có cơ hội ngang nhau để trình bày, lập luận, trình tự thủ tục tố tụng phải được tiến hành một cách khách quan, minh bạch; được nhận thông báo kịp thời;... Trong bối cảnh chuyển đổi số, tố tụng công bằng còn bao gồm cả việc bảo đảm khả năng tiếp cận công nghệ một cách công bằng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp để không làm phương hại đến quyền lợi của bất kỳ bên nào. Bởi lẽ công nghệ chính là phương tiện chính yếu và cốt lõi trong toàn bộ quá trình ODR. Các nghiên cứu về ODR cũng đã chỉ ra rằng: *“Việc sử dụng công nghệ thực tế làm đã thay đổi bản chất của quy trình tố tụng, và khi phương thức xét xử thay đổi thì chất lượng của quá trình tố tụng cũng bị ảnh hưởng. Việc tác động này có hệ quả nghiêm trọng hay không tùy thuộc vào từng trường hợp nhưng rủi ro về tính không công bằng hoàn toàn có thể tồn tại”*⁵.

Từ cơ sở trên, có thể hiểu: Nguyên tắc tố tụng công bằng là nguyên tắc cơ bản trong tố tụng tư pháp bao gồm hệ thống các quy định về thủ tục tố tụng nhằm đảm bảo quyền của các bên trong tranh chấp được đối xử một cách khách quan, vô tư, minh bạch bởi một cơ quan tài phán có thẩm quyền, độc lập và trung lập.

3. Trọng tài trực tuyến và những thách thức trong việc thực thi nguyên tắc tố tụng công bằng

3.1. Trọng tài trực tuyến

Trọng tài trực tuyến (Online Arbitration) là một phương thức giải quyết tranh chấp (GQTC) bằng trọng tài thuộc hệ thống ODR (Online Dispute Resolution - ODR⁶), trong đó toàn bộ hoặc phần lớn quy trình tố tụng trọng tài được giải quyết thông qua việc sử dụng các phương tiện truyền thông điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông khác. Hiểu một cách đơn giản, trọng tài trực tuyến là việc "số hóa" quy trình trọng tài truyền thống, thay vì các bên liên quan phải gặp mặt trực tiếp tại một địa điểm cụ thể.

Phương thức GQTC bằng trọng tài trực tuyến là một cấu phần trong xu thế phát triển của ODR trên toàn cầu. Trọng tài trực tuyến vẫn tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của trọng tài truyền thống nhưng được thực hiện trên môi trường số. Phương thức GQTC này mang nhiều điểm đặc thù, thể hiện sự kết hợp giữa bản chất pháp lý truyền thống và ứng dụng công nghệ hiện đại. Vì thế, trọng tài trực tuyến có các đặc điểm nổi bật như sau:

⁵ Michael Legg & Anthony Song (2021), The courts, the remote hearing and the pandemic: From action to reflection, University of New South Wales Law Journal, 44(1), p.166.

⁶ Trong “UNCITRAL Technical Notes on Online Dispute Resolution 2017” (Tạm dịch: “Ghi chú kỹ thuật về giải quyết tranh chấp trực tuyến của UNCITRAL”, sau đây gọi tắt là “Ghi chú kỹ thuật”), định nghĩa về ODR tại đoạn 24 Mục V: “Giải quyết tranh chấp trực tuyến, hay “ODR”, là một “cơ chế để giải quyết tranh chấp thông qua việc sử dụng các phương tiện truyền thông điện tử và các công nghệ thông tin và truyền thông khác. Quy trình này có thể được thực hiện khác nhau bởi các nhà quản lý khác nhau của quy trình, và có thể phát triển theo thời gian”.

Thứ nhất, sử dụng công nghệ thông tin và khả năng tự động hóa làm nền tảng chủ đạo. Quy trình tố tụng trọng tài có các bước như nộp đơn khởi kiện, trao đổi tài liệu, tổ chức phiên xét xử, thẩm vấn nhân chứng và ban hành các phán quyết đều có thể được thực hiện thông qua nền tảng số như Zoom, Microsoft Teams, giao tiếp qua email, video conference và các hệ thống quản lý tài liệu điện tử hoặc qua cổng thông tin điện tử của trung tâm trọng tài. Bên cạnh đó, một số khâu trong quy trình tố tụng có thể được tự động hóa như phân bổ trọng tài viên, tính thời hạn nộp hồ sơ, thông báo tiến độ,... giúp tối ưu hóa năng suất và giảm thiểu sai sót do con người gây ra. Tuy nhiên, việc ra phán quyết vẫn thuộc thẩm quyền của trọng tài viên để đảm bảo tính hợp pháp.

Thứ hai, hình thức trọng tài mang tính phi lãnh thổ. Việc sử dụng trọng tài trực tuyến không yêu cầu các bên trong tranh chấp hay trọng tài viên phải có mặt trực tiếp tại một địa điểm cụ thể. Điều này giúp vượt qua rào cản đại lý, giảm chi phí đi lại, chi phí lưu trú,... đặc biệt đối với các tranh chấp thương mại quốc tế, các bên trong tranh chấp thường đến từ các quốc gia khác nhau. Trọng tài trực tuyến mang lại sự thuận tiện và khả năng truy cập toàn cầu cho các bên trong tranh chấp.

Thứ ba, mức độ linh hoạt cao trong cách tổ chức và tiến hành tố tụng. Nhờ ứng dụng công nghệ thông tin mà các bên có thể thỏa thuận thời gian phù hợp theo múi giờ khác nhau, sử dụng ngôn ngữ xử lý song song và điều chỉnh thủ tục một cách tối ưu để phù hợp với tính chất vụ việc. Trọng tài trực tuyến có thể linh hoạt trong cách tổ chức, không nhất thiết phải tuân thủ quá trình tố tụng nghiêm ngặt như ở tòa án, trình tự và thủ tục có thể được thỏa thuận hoặc xác định trước qua hệ thống ODR. Đồng thời, số hóa quy trình cũng giúp tiết kiệm chi phí cho toàn bộ quá trình xét xử.

Thứ tư, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc tố tụng cơ bản đồng thời bảo đảm tính ràng buộc pháp lý của phán quyết trọng tài. Việc sử dụng trọng tài trực tuyến yêu cầu vẫn phải bảo đảm được các nguyên tắc tố tụng cơ bản như tôn trọng thỏa thuận các bên, quyền được trình bày, phản biện, đối chất và tiếp cận thông tin của các bên trong tranh chấp, đảm bảo được tính công bằng, minh bạch và quyền lựa chọn trọng tài viên độc lập, vô tư và khách quan. Việc sử dụng nền tảng số không làm phương hại đến quyền tố tụng của các bên tham gia. Dù được xét xử qua môi trường số nhưng trọng tài trực tuyến vẫn bảo đảm được tính ràng buộc pháp lý của phán quyết trọng tài đối với các bên trong tranh chấp tương đương với phán quyết truyền thống. Các phán quyết này được công nhận và cho thi hành theo cơ chế quốc tế như Công ước New York 1958 và tùy theo điều kiện pháp lý của mỗi quốc gia, góp phần tạo niềm tin với cho các doanh nghiệp và các nhà đầu tư quốc tế.

So với phương thức GQTC truyền thống, trọng tài trực tuyến có nhiều ưu điểm nổi bật như tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng tính thuận tiện khi cho phép các bên nộp đơn, tài liệu,

bằng chứng, tổ chức phiên họp và trao đổi thông tin hoàn toàn qua Internet; đồng thời hỗ trợ quản lý tiến trình tố tụng hiệu quả thông qua hệ thống nhắc nhở và lưu trữ tự động. Việc không cần tổ chức xét xử tại địa điểm cụ thể giúp giảm chi phí, phát thải và thúc đẩy phát triển bền vững, đặc biệt phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ và tranh chấp giá trị không lớn. Hơn nữa, trọng tài trực tuyến duy trì được tính liên tục và linh hoạt ngay cả trong hoàn cảnh bất khả kháng như dịch bệnh hay thiên tai, qua đó khẳng định vai trò là cơ chế GQTC thích ứng, hiện đại và bền vững trong thời đại số. Dù vậy, việc GQTC bằng trọng tài trực tuyến cũng gặp phải nhiều vướng mắc cần được giải quyết (phân tích ở phần tiếp theo).

3.2. Thách thức trong việc thực thi nguyên tắc tố tụng công bằng

Với phương thức GQTC thương mại bằng trọng tài trực tuyến, yêu cầu về tố tụng công bằng càng trở nên phức tạp bởi phần lớn quy trình diễn ra chủ yếu qua nền tảng kỹ thuật số, đặc biệt khi các bên không thể hiện diện trực tiếp và sự chênh lệch về năng lực công nghệ có thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia tố tụng. Các khía cạnh của nguyên tắc tố tụng trọng tài có thể bị xâm phạm:

Thứ nhất, về khả năng tiếp cận công nghệ

Không phải tất cả các bên đều có khả năng tiếp cận công nghệ như nhau. Điều này có thể tạo ra sự bất bình đẳng ngay từ đầu, nhất là trong các vụ tranh chấp thương mại giữa các chủ thể xuyên biên giới. Theo báo cáo tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum) năm 2024, khả năng tiếp cận, khả năng chi trả và chất lượng điện và internet vẫn còn hạn chế ở các quốc gia kém phát triển (LDCs). Có 1,4 tỷ người trên toàn thế giới đang sống ở LDCs nhưng chỉ có 36% trong số họ được kết nối trực tuyến. Điều này có thể lý giải bởi LDCs tính thuế cao đối với các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông, bao gồm các thiết bị dùng để duyệt internet, giá của một gói băng thông di động chuẩn bao gồm hạn mức 2GB hàng tháng lên tới gần 6% thu nhập trung bình hàng tháng ở LDC, gấp bốn lần mức trung bình toàn cầu. Bên cạnh đó, nhìn chung, công dân tại LDCs có khả năng tiếp cận các cơ hội nâng cao kỹ năng số còn hạn chế⁷. Điều này gây cản trở sự tham gia của các chủ thể đến từ các quốc gia này trong tố tụng trọng tài trực tuyến và gián tiếp ảnh hưởng đến quyền được xét xử công bằng.

Thứ hai, về quyền được thông báo kịp thời và thời gian phản hồi hợp lý

Khi GQTC thương mại bằng trọng tài trực tuyến toàn bộ, các bên sẽ trao đổi, nhận thông báo về phiên họp GQTC qua thư điện tử (email). Tuy nhiên, email từ trung tâm trọng tài hoàn toàn có thể bị rơi vào mục thư rác (spam) của người nhận. Mặc dù các email này rất quan trọng và mang tính chính thức nhưng bộ lọc thư rác của các nhà cung cấp dịch vụ email hoặc của hệ thống email doanh nghiệp hoạt động dựa trên các thuật toán phức tạp và không phải lúc nào

⁷ <https://www.weforum.org/stories/2024/03/unleashing-digital-transformation-in-the-least-developed-countries/>, truy cập ngày 26/5/2025.

cũng chính xác. Chúng có thể mắc lỗi và nhận diện nhầm một email hợp lệ là spam hay còn gọi là hiện tượng "dương tính giả" (false positive). Như vậy, nếu một trong các bên viện dẫn lý do không nhận được thông báo do email rơi vào mục spam thì lý do này có được chấp nhận hay không? Trên thực tế, mục spam được cho là thư rác và người dùng email sẽ ít khi kiểm tra thư ở mục này, mặc dù về cơ bản, email đã được gửi thành công đến đúng địa chỉ email mà các bên cung cấp và đang sử dụng.

Bên cạnh đó là về thời gian phản hồi hợp lý. Khi các tài liệu có dung lượng lớn được gửi qua mạng, thời gian xử lý có thể bị ảnh hưởng bởi tốc độ mạng. Nếu một bên mất quá nhiều thời gian để tải xuống (download) các tài liệu lớn do bên kia gửi thì thời gian thực tế họ có để nghiên cứu tài liệu, phân tích, chuẩn bị và soạn thảo phản hồi sẽ bị rút ngắn so với trong điều kiện thông thường, ảnh hưởng đến quyền được có cơ hội đầy đủ để trình bày vụ việc. Các vấn đề xử lý kỹ thuật này cũng vô tình tạo ra áp lực căng thẳng không đáng có cho các bên trong quá trình tố tụng trọng tài.

Thứ ba, về phiên họp trực tuyến hay phiên điều trần ảo (virtual hearing)

Chất lượng đường truyền internet có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng trình bày và hiểu rõ lập luận của các bên. Các lỗi kỹ thuật làm gián đoạn như mất kết nối khiến đường truyền hình ảnh và âm thanh bị chậm lại (lag) có thể dẫn đến tình trạng một bên không được nghe hoặc không trình bày được ý kiến của mình đúng lúc và gây khó hiểu cho bên còn lại bởi âm thanh truyền đi không liền mạch. Đồng thời, phiên họp trực tuyến cũng gây khó khăn cho trọng tài viên và các bên trong việc quan sát thái độ, cảm xúc, độ tin cậy của lời khai qua màn hình. Một nghiên cứu về phương thức GQTC bằng tòa án trực tuyến đã chỉ ra rằng: “*Việc tiến hành xét xử trực tuyến sẽ gặp nhiều thách thức hơn do làm mất đi yếu tố tương tác giữa con người và cản trở việc bào chữa hiệu quả*”⁸. Vấn đề này cũng lặp lại tương tự trong trọng tài trực tuyến. Khi không có sự tương tác trực tiếp, không loại trừ nguy cơ có sự tác động từ bên ngoài không gian camera. Tuy nhiên, quyền được trình bày đầy đủ cũng có thể bị lạm dụng để trì hoãn, chẳng hạn như một bên liên tục viện cớ lỗi kỹ thuật⁹.

4. Kinh nghiệm quốc tế trong việc đảm bảo nguyên tắc tố tụng công bằng trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài trực tuyến

4.1. Luật Mẫu UNCITRAL và Ghi chú kỹ thuật về giải quyết tranh chấp trực tuyến

⁸ D. L. F. de Vocht (2022), Trials by video link after the pandemic: the pros and cons of the expansion of virtual justice, China-EU Law J 8, p.35.

⁹ Tham khảo trong một vụ kiện tại Singapore vào năm 2020 (China Machine New Energy Corp v Jaguar Energy Guatemala LLC and anor), tại đoạn 94 – 97 đề cập sự phân định rõ giới hạn của quy định về “cơ hội đầy đủ” theo Điều 18 UNCITRAL. Theo đó, “cơ hội đầy đủ” không đồng nghĩa đây là một quyền vô hạn để tránh tình trạng lạm dụng trì hoãn. Việc xác định một “cơ hội đầy đủ” là một câu hỏi mang tính bối cảnh, phải được xem xét trong bối cảnh cụ thể của các sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ kiện.

(https://www.elitigation.sg/gd/s/2020_SGCA_12, truy cập ngày 25/5/2025).

Ghi chú kỹ thuật của UNCITRAL mặc dù không có tính ràng buộc pháp lý nhưng là tài liệu hướng dẫn mang tính nền tảng, thiết lập các nguyên tắc tối thiểu để đảm bảo tố tụng công bằng, minh bạch và hiệu quả trong quá trình ODR. Theo đó, nguyên tắc tố tụng công bằng đã được đặc biệt nhấn mạnh là một trong những nguyên tắc nền tảng không thể thiếu trong mọi mô hình tố tụng bao gồm cả trọng tài truyền thống lẫn trọng tài trực tuyến. Trong Ghi chú kỹ thuật của UNCITRAL năm 2017, tại Đoạn 4 có quy định nhấn mạnh rằng ODR phải *“thể hiện các nguyên tắc về tính vô tư, độc lập, hiệu quả, hiệu suất, đúng thủ tục, công bằng, trách nhiệm giải trình và minh bạch”*. Cụ thể, các bên phải được tạo điều kiện để trình bày và phản hồi bình đẳng. Mặc dù không có một đoạn cụ thể quy định về quyền phản hồi hoặc trình bày lập luận, nhưng các nguyên tắc tổng quát về *“due process”* và *“fairness”* tại đoạn 4 đã bao hàm yêu cầu rằng các bên cần được tạo điều kiện trình bày quan điểm và đáp lại ý kiến của bên kia. Điều này cũng phù hợp với thông lệ được quy định tại Điều 17.1 của UNCITRAL, khẳng định rằng: *“các bên được đối xử bình đẳng và tại một giai đoạn thích hợp của quá trình tố tụng, mỗi bên được trao cơ hội hợp lý để trình bày vụ việc của mình”*. Bên cạnh đó, tại Đoạn 7 Mục II của tài liệu này khuyến nghị mọi nền tảng trọng tài trực tuyến phải tuân thủ 04 nguyên tắc chính nhằm bảo đảm nguyên tắc tố tụng công bằng như gồm *“tính công bằng, minh bạch, quy trình hợp lệ và trách nhiệm giải trình”*. Tính công bằng được thể hiện ở chỗ bảo đảm quyền và cơ hội ngang nhau cho các bên. Vì vậy nguyên tắc này không chỉ là tiêu chuẩn kỹ thuật mà còn là nền tảng để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia trong quá trình ODR, qua đó khẳng định rằng công nghệ không được trở thành yếu tố làm suy giảm quyền tố tụng hoặc gây bất lợi cho bất kỳ bên nào.

Ngoài ra, nguyên tắc tố tụng công bằng trong GQTC bằng trọng tài trực tuyến được cụ thể hóa qua các quy định nhằm duy trì sự cân bằng trong tố tụng giữa các bên trong môi trường công nghệ số như sau:

Về tính trung lập của nền tảng công nghệ trong ODR.

Ghi chú kỹ thuật của UNCITRAL đã xác lập hàng loạt nguyên tắc nền tảng nhằm bảo đảm hiệu quả và tính công bằng của hệ thống ODR. Trong số đó, yêu cầu về tính trung lập công nghệ được thể hiện rõ thông qua các nguyên tắc vô tư, không thiên vị (impartiality), công bằng (fairness). Từ đó thể hiện được rằng, hệ thống ODR phải được thiết kế và vận hành theo các nguyên tắc khách quan, công bằng và không thiên vị cho bất kỳ bên nào trong quá trình GQTC. Vì vậy, mà nền tảng ODR cũng sẽ không được cung cấp những tính năng kỹ thuật hoặc yêu cầu định dạng tệp mà chỉ một bên có khả năng tiếp cận hoặc sử dụng vì điều đó có thể gây bất lợi cho bên không có điều kiện công nghệ tương ứng. Đồng thời, tại đoạn 26 Mục V như sau: *“cho phép sử dụng công nghệ để thực hiện quy trình giải quyết tranh chấp, quy trình ODR yêu cầu một hệ thống để tạo, gửi, nhận, lưu trữ, trao đổi hoặc xử lý thông tin liên lạc theo cách đảm*

bảo an ninh dữ liệu”. Quy định này nhấn mạnh vai trò của nền tảng công nghệ trong việc duy trì tính bảo mật, an ninh dữ liệu, toàn vẹn và khả năng tiếp cận giữa các bên tham gia. Điều này đồng nghĩa với việc nền tảng trực tuyến cần tương thích với nhiều thiết bị, hệ điều hành và không phụ thuộc vào công nghệ độc quyền có lợi cho một phía. Qua quy định này có thể thấy được yêu cầu của quá trình GQTC dù diễn ra trên nền tảng số vẫn phải bảo đảm sự đối xử bình đẳng và không thiên vị giữa các bên, đồng thời không làm phương hại đến quyền và nghĩa vụ tố tụng hợp pháp của bất kỳ bên nào khi thực hiện GQTC bằng trọng tài thương mại. Vì vậy, có thể khẳng định rằng UNCITRAL đã gián tiếp đặt ra yêu cầu về tính trung lập về công nghệ của nền tảng ODR, đảm bảo mọi bên có quyền tiếp cận và sử dụng nền tảng một cách bình đẳng, không bị cản trở bởi các yếu tố kỹ thuật.

Về thiết lập thời hạn hợp lý trong toàn bộ quá trình tố tụng và phải thông báo kịp thời, đầy đủ.

Tuy không đề cập trực tiếp đến thời hạn tố tụng hay nghĩa vụ thông báo nhưng ghi chú kỹ thuật của UNCITRAL vẫn yêu cầu đảm bảo “*efficiency*” và “*due process*” như những nguyên tắc vận hành, từ đó ngầm khẳng định rằng quy trình tố tụng cần được tiến hành trong thời gian hợp lý và với các bước thông báo rõ ràng, kịp thời. Điều này cũng phù hợp với thông lệ được quy định tại Điều 17.1 của UNCITRAL, khẳng định rằng: “*Tòa trọng tài, khi thực hiện quyền quyết định của mình, sẽ tiến hành các thủ tục tố tụng để tránh sự chậm trễ và chi phí không cần thiết và cung cấp một quy trình công bằng và hiệu quả để giải quyết tranh chấp của các bên*”. Nguyên tắc này đòi hỏi các trọng tài viên và nền tảng ODR phải thiết lập quy trình thời gian hợp lý, tránh gây bất lợi cho một bên do chênh lệch ngôn ngữ, múi giờ, hay khả năng truy cập kỹ thuật.

4.2. Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore (SIAC)

Quy tắc tố tụng trọng tài SIAC¹⁰ luôn bảo đảm nguyên tắc tố tụng công bằng trong ODR thông qua các thủ tục nhằm bảo đảm tính công bằng, minh bạch và hiệu quả.

Thứ nhất, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin qua nền tảng công nghệ số. Cụ thể, tại quy tắc 4 đã có hướng dẫn chi tiết cách thức giao tiếp, nộp hồ sơ, truy cập bằng chứng và tài liệu qua SIAC Gateway¹¹ để bảo đảm tính minh bạch và bình đẳng. Đồng thời, tại quy tắc 62.1 có quy định: “*SIAC sẽ lưu trữ hồ sơ của mỗi trọng tài bắt đầu theo các Quy tắc này trong tối thiểu sáu (6) năm kể từ ngày phán quyết cuối cùng được ban hành hoặc trọng tài chấm dứt trừ khi một bên yêu cầu lưu trữ hồ sơ của trọng tài trong thời gian dài hơn*” nhằm đảm bảo mọi thông tin luôn sẵn sàng truy cập lại nếu bên nào muốn phản đối hoặc kiểm tra lại sau này.

¹⁰ Singapore International Arbitration Centre (2024), SIAC Arbitration Rules 2025.

¹¹ SIAC Gateway là nền tảng quản lý tích hợp, nơi các bên trong tranh chấp có thể nộp hồ sơ, tài liệu, trao đổi và thanh toán trực tuyến; đảm bảo rằng các bên đều bình đẳng trong việc truy cập và sử dụng hệ thống.

Thứ hai, đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên trong quá trình ODR. Quy tắc 11.1 SIAC có quy định như sau:

“Trước khi thành lập Tòa án, Thư ký có thể, theo quyết định của mình, tiến hành các hội nghị hành chính với các bên để thảo luận về bất kỳ chỉ đạo thủ tục hoặc hành chính nào do Thư ký đưa ra theo các Quy tắc này. Hội nghị hành chính có thể được tiến hành bằng hội nghị truyền hình, hội nghị truyền hình hoặc bất kỳ hình thức giao tiếp điện tử nào khác”.

Hội nghị hành chính này được diễn ra nhằm thảo luận về thủ tục, tuy nhiên quy định chi tiết hơn về các yếu tố như thiết bị kỹ thuật, ngôn ngữ sử dụng, phiên dịch,... sẽ được triển khai trong thực tiễn và hỗ trợ bởi các hướng dẫn kỹ thuật do SIAC ban hành kèm theo. Thông thường các vấn đề này được quyết định tại cuộc họp quản lý vụ việc đầu tiên do Hội đồng trọng tài (HĐTT) chủ trì sau khi được thành lập. Trong thực tiễn SIAC, các vấn đề này được thống nhất tại cuộc họp đó và thể hiện trong procedural order đầu tiên (thường gọi là Procedural Order No. 1) giúp các bên xác định rõ phương thức tham gia, tránh thiệt thòi về kỹ thuật hoặc thông tin đảm bảo mọi bên đều có tiếng nói và sự chuẩn bị kỹ lưỡng, giảm thiểu rủi ro bất lợi do công nghệ. Đảm bảo các yếu tố nêu trên đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì nguyên tắc tố tụng công bằng trong môi trường xét xử trực tuyến.

Thứ ba, về bảo mật thông tin. Quy tắc 61.1 có quy định như sau: “Ngay khi có thể sau khi bắt đầu trọng tài, bất kỳ bên nào cũng có thể đề xuất và tìm cách thống nhất về các biện pháp hợp lý để bảo vệ thông tin được chia sẻ, lưu trữ hoặc xử lý liên quan đến trọng tài”. Và quy định tại quy tắc 61.2 như sau: *“Sau khi xem xét quan điểm của các bên, Tòa án có thể đưa ra chỉ đạo cho các bên về vấn đề đó, có tính đến các tình tiết của vụ án và các thông lệ tốt nhất có liên quan về bảo mật thông tin, bao gồm an ninh mạng và khả năng phục hồi mạng”.* SIAC đề cập đến việc bảo đảm an toàn thông tin trong suốt quá trình ODR. Theo quy định này, các bên có trách nhiệm thống nhất với nhau về các biện pháp bảo mật phù hợp để bảo vệ thông tin, dữ liệu và tài liệu liên quan đến vụ việc. Trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, HĐTT có quyền xác định và áp dụng những biện pháp bảo mật cần thiết. Những biện pháp này có thể bao gồm mã hóa dữ liệu, kiểm soát truy cập, sử dụng nền tảng an toàn cho trao đổi thông tin,... Đảm bảo tính toàn vẹn của quá trình ODR như ngăn ngừa rò rỉ dữ liệu, truy cập trái phép hoặc gian lận kỹ thuật thể hiện xu hướng hiện đại hóa trọng tài quốc tế, đồng thời duy trì nguyên tắc tố tụng công bằng.

Bên cạnh đó, quy tắc cũng trao quyền cho HĐTT phân bổ chi phí liên quan đến việc thực hiện các biện pháp bảo mật và áp dụng chế tài nếu có hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật, cụ thể tại quy tắc 61.3 quy định như sau: *“Tòa án có thẩm quyền thực hiện các biện pháp thích hợp, bao gồm ban hành lệnh hoặc phán quyết về các biện pháp trừng phạt, thiệt hại hoặc chi phí, nếu một bên không thực hiện các bước cần thiết để tuân thủ các biện pháp bảo mật thông*

tin mà các bên đã thỏa thuận và/hoặc do Tòa án chỉ đạo”. Nội dung của quy tắc 61 phản ánh rõ yêu cầu về việc thích nghi với các hình thức trọng tài trực tuyến hiện đại, trong đó tính bảo mật trở thành yếu tố then chốt để bảo đảm tính chính trực của quá trình tố tụng và bảo vệ quyền lợi các bên. Việc đề cao quyền riêng tư, dữ liệu và tài liệu số trong xét xử trực tuyến giúp tránh trường hợp các bên viện dẫn các lý do không hợp lý nhằm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên còn lại. Tại quy tắc 3.5 của SIAC cũng đã có quy định dự liệu rằng:

“Trong mọi vấn đề không được nêu rõ trong các Quy tắc này, Tòa án SIAC, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký, Ban thư ký SIAC và bất kỳ Trọng tài viên khẩn cấp và Hội đồng trọng tài nào sẽ hành động theo tinh thần của các Quy tắc này và sẽ nỗ lực để đảm bảo: (a) tính công bằng của các thủ tục tố tụng; (b) việc tiến hành trọng tài nhanh chóng và tiết kiệm chi phí tương ứng với mức độ phức tạp của khiếu nại và số tiền tranh chấp; và (c) khả năng thực thi của bất kỳ phán quyết nào”.

Quy tắc 3.5 đóng vai trò như một “điều khoản linh hoạt” có tính định hướng cao cho phép các chủ thể có thẩm quyền xử lý tình huống không được tiên liệu trước, đóng vai trò như kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của cơ quan trọng tài trực thuộc SIAC. Trong bối cảnh trọng tài quốc tế ngày càng phức tạp và đa dạng, sự tồn tại của quy tắc này giúp SIAC duy trì tính liên tục và thích ứng dựa trên cơ sở công bằng, hiệu quả và thực thi được những nguyên tắc trọng tâm trong ODR.

4.3. Ghi chú hướng dẫn của Phòng Thương mại Quốc tế về các biện pháp khả thi nhằm giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 mang tính toàn cầu thì phương thức GQTC bằng trọng tài trực tuyến càng có vai trò quan trọng. Vì vậy, ICC đã ban hành ghi chú hướng dẫn của Phòng Thương mại Quốc tế (International Chamber of Commerce – ICC) về các biện pháp khả thi nhằm giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19¹². Ghi chú hướng dẫn này cũng đồng thời là tiền đề cho việc xây dựng và vận hành cơ chế trọng tài trực tuyến.

Thứ nhất, về lựa chọn nền tảng phải bảo đảm kỹ thuật bình đẳng, quyền bảo mật dữ liệu và riêng tư là một quyền thiết yếu trong nguyên tắc tố tụng công bằng đã được quy định cụ thể tại các đoạn B.26, C.31 và C.32. Cụ thể quy định tại đoạn B.26, phần III - Hướng dẫn về việc tổ chức các phiên điều trần ảo đã khẳng định rằng: *“Bất kỳ phiên điều trần ảo nào cũng cần có sự tham vấn giữa tòa án và các bên”*. Đây là bước đầu tiên để thiết lập một thỏa thuận kỹ thuật và quy trình nhằm bảo đảm quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tài liệu nội bộ và cách thức vận hành của phiên xử trực tuyến. Đồng thời tại Mục B, Phụ lục I của ghi chú hướng dẫn này cũng đã quy định rõ ràng về các vấn đề cần phải tham vấn giữa các bên và tòa án như: Nền tảng

¹² ICC Guidance Note on Possible Measures Aimed at Mitigating the Effects of the COVID-19 Pandemic.

và công nghệ được ưu tiên sử dụng, yêu cầu kỹ thuật để kết nối ổn định âm thanh, video, tầm nhìn, ánh sáng đầy đủ; Kiểm tra sơ bộ về tính tương thích giữa nền tảng và công nghệ; Biện pháp dự phòng khi xảy ra sự cố đột ngột, mất kết nối, mất điện; Tiến hành tối thiểu hai phiên họp giả định trong tháng trước phiên điều trần để bảo đảm mọi thứ ổn định,... ICC yêu cầu rõ HĐTT phải nghe ý kiến của các bên trước khi quyết định thể hiện được quyền tham gia vào việc định hình thủ tục tố tụng, phù hợp với Điều 18 của Luật Mẫu UNCITRAL và thực tiễn pháp lý quốc tế, tránh trường hợp bị áp đặt hình thức công nghệ bởi HĐTT đồng thời ngăn ngừa bất bình đẳng do rủi ro công nghệ.

Quy định tại đoạn C.31 đề cập đến việc các phiên điều trần trực tuyến có thể được tổ chức thông qua nhiều nền tảng khác nhau, có thể từ: hệ thống tùy chỉnh chuyên dụng; nền tảng được cấp phép công khai (mang tính thương mại); nền tảng miễn phí, công khai. Tuy nhiên, ICC lưu ý rằng các nền tảng tùy chỉnh chuyên dụng hoặc được cấp phép, tính phí thường cung cấp mức độ bảo mật, bảo vệ dữ liệu cao hơn so với các nền tảng công cộng miễn phí sử dụng. Nguyên tắc tố tụng công bằng được thể hiện thông qua việc bảo đảm điều kiện công nghệ bình đẳng bởi vì nếu một bên sử dụng nền tảng có tính bảo mật cao hơn (có tính phí) còn bên kia bị giới hạn bởi nền tảng miễn phí có thể dẫn đến chênh lệch thực tế trong quyền được nghe, thấy và trình bày.

Quy định tại đoạn C.32 về công bằng trong điều kiện truy cập và sử dụng nền tảng kỹ thuật như sau:

“Các phiên điều trần ảo đều được cấp phép và được thiết lập ở chế độ bảo mật tối đa. ICC đã cấp phép truy cập vào các tùy chọn nền tảng hội nghị truyền hình sau: Microsoft Teams, Vidyocloud và Skype for Business. Bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của ICC có sẵn từ xa để hỗ trợ các tòa án sử dụng các nền tảng đó, tham gia cuộc họp (hoặc phiên điều trần), vận hành các chức năng âm thanh và video trong cuộc họp và vận hành các chức năng chia sẻ màn hình. Các nền tảng khác đã được sử dụng trong các trường hợp gần đây bao gồm Zoom, BlueJeans và GoToMeeting”.

Qua quy định này có thể thấy được ICC yêu cầu các nền tảng họp trực tuyến phải được thiết lập tối đa về bảo mật và phải được cấp phép nhằm ngăn chặn phiên họp bị ngăn chặn gián đoạn, bị tấn công hoặc bị truy cập trái phép đồng thời bảo đảm không bên nào bị thiệt thòi về điều kiện tham gia tố tụng do yếu tố công nghệ.

Thứ hai, về các vấn đề cần xem xét trong quá trình tố tụng bao gồm việc các bên được đối xử bình đẳng và mỗi bên đều có cơ hội đầy đủ để trình bày vụ việc của mình trong phiên điều trần trực tuyến. Vấn đề này được thể hiện qua một số quy định nổi bật như sau: Tại đoạn C.28, phần III có quy định: *“tòa án nên xem xét: Các múi giờ khác nhau khi ấn định ngày điều trần, thời gian bắt đầu và kết thúc, giờ nghỉ và thời lượng của mỗi ngày điều trần”* và quy định

tại (vii) Mục A, Phụ lục 1 như sau: *“tham vấn và thống nhất giữa các bên và tòa án về ngày, thời lượng và thời gian biểu hàng ngày có tính đến các múi giờ khác nhau”*. Hai quy định trên thể hiện sự nhận thức rõ ràng của ICC về tính phi biên giới và chênh lệch điều kiện giữa các bên khi tổ chức trọng tài trực tuyến, vấn đề về việc các bên ở hai quốc gia khác nhau, chênh lệch múi giờ và khó khăn trong việc sắp xếp giờ giấc tham gia. Quy định về múi giờ liên quan chặt chẽ đến nguyên tắc tố tụng công bằng vì nếu một bên phải tranh tụng vào lúc nửa đêm theo giờ địa phương của họ thì khả năng phản biện, tập trung và sử dụng tài liệu sẽ suy giảm nghiêm trọng. Do đó, ICC tạo điều kiện cho các bên có thể trao đổi thống nhất lịch trình phiên điều trần để hướng tới sự thuận tiện, bảo vệ quyền được trình bày, tranh tụng hợp lý và tham gia hiệu quả trong tố tụng.

Cũng tại đoạn C.28 có quy định như sau: *“Các thủ tục để xác minh sự hiện diện và nhận dạng của tất cả những người tham gia, bao gồm bất kỳ quản trị viên kỹ thuật nào”*. Việc xác minh người tham gia tố tụng là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính hợp lệ của quá trình tố tụng bởi vì nếu không kiểm tra danh tính, có thể xảy ra gian lận như thay người khác phát biểu hay nhân chứng được “gợi ý” bởi bên thứ ba ngoài tầm kiểm soát. Đây cũng là biểu hiện của *“due process”* bởi vì mọi lời khai, lập luận chỉ có giá trị nếu đến từ người có quyền tham gia tố tụng vì vậy mà quy định này bảo đảm được tính minh bạch và công bằng trong thành phần tham dự. Tiếp đó là quy định về *“sử dụng các phương tiện trình bày, bao gồm cả thông qua chế độ xem màn hình được chia sẻ”*. Quy định này có nghĩa là tài liệu minh họa là một phần không thể thiếu trong việc làm rõ lập luận, diễn giải số liệu hoặc phản biện đồng thời đảm bảo rằng bên nào cũng được phép trình bày rõ ràng và công bằng tạo điều kiện duy trì nguyên tắc trình bày hiệu quả. Và quy định *“sử dụng gói phiên điều trần điện tử được lưu trữ trên nền tảng tài liệu được chia sẻ đảm bảo tất cả người tham gia đều có thể truy cập”*. Quy định này cho thấy rằng nếu một bên không thể truy cập tài liệu hoặc truy cập tài liệu trễ hơn bên kia có thể làm ảnh hưởng đến quyền tranh tụng. Bên cạnh đó, việc dùng nền tảng chia sẻ tài liệu có kiểm soát sẽ giúp bảo vệ chứng cứ, phân phối dữ liệu đồng đều và giảm nguy cơ bất bình đẳng về thông tin. Vì vậy, đây là biểu hiện của quyền được tiếp cận chứng cứ ngang nhau của các bên trong tranh chấp thông qua hệ thống số hóa nhưng vẫn bảo đảm được nguyên tắc tố tụng công bằng.

5. Thực trạng pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài trực tuyến và một số kiến nghị

5.1. Pháp luật Việt Nam về trọng tài trực tuyến

Pháp luật trọng tài Việt Nam chưa có các quy định cụ thể và trực tiếp dành riêng cho trọng tài trực tuyến. Tuy nhiên, một số quy định mang tính nền tảng có thể được viện dẫn, giải thích theo hướng linh hoạt để cho phép hoặc hỗ trợ việc tiến hành các hoạt động tố tụng trọng

tài trực tuyến. Chẳng hạn Điều 11 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM) cho phép các bên thỏa thuận về địa điểm GQTC, nếu không có thỏa thuận, HĐTT sẽ quyết định. Cùng với nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận¹³, quy định này có thể được diễn giải linh hoạt để cho phép các hình thức trực tuyến. Bên cạnh Luật TTTM, các trung tâm trọng tài cũng thiết lập quy tắc tố tụng riêng điều chỉnh toàn bộ quá trình GQTC, bao gồm ODR. Dù vậy, tham khảo bộ quy tắc tại các trung tâm trọng tài thương mại tại Việt Nam hiện nay cũng rất ít các quy định trực tiếp, rõ ràng về trọng tài trực tuyến. Qua quá trình nghiên cứu, nhận thấy quy tắc tố tụng tại các trung tâm trọng tài thương mại tại Việt Nam chỉ đưa ra điều khoản cho phép HĐTT có thể tiến hành phiên họp trực tuyến, chẳng hạn như: Điều 25.1 Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế Việt Nam, Điều 28.4 Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài thương mại Thành phố Hồ Chí Minh, Điều 25.1 Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài thương mại miền Trung (MCAC),... Đồng thời, pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam vẫn còn khoảng trống pháp lý dẫn đến khó khăn trong việc đảm bảo nguyên tắc tố tụng công bằng:

Thứ nhất, về việc gửi và nhận thông báo kịp thời

Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Luật TTTM năm 2010 quy định về vấn đề các vấn đề liên quan đến việc gửi văn bản như sau:

“2. Các thông báo, tài liệu mà Trung tâm trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài gửi cho các bên được gửi đến địa chỉ của các bên hoặc gửi cho đại diện của các bên theo đúng địa chỉ do các bên thông báo;

3. Các thông báo, tài liệu có thể được Trung tâm trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài gửi bằng phương thức giao trực tiếp, thư bảo đảm, thư thường, fax, telex, telegram, thư điện tử hoặc bằng phương thức khác có ghi nhận việc gửi này;

4. Các thông báo, tài liệu do Trung tâm trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài gửi được coi là đã nhận được vào ngày mà các bên hoặc đại diện của các bên đã nhận hoặc được coi là đã nhận nếu thông báo, tài liệu đó đã được gửi phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này”.

Có thể thấy, việc xác định “được coi là đã nhận được vào ngày mà các bên hoặc đại diện của các bên đã nhận” là không hợp lý về mặt logic và ngữ nghĩa, tạo thành một vòng lặp khó hiểu. Trên thực tế, tại điểm a Điều 3 UNCITRAL quy định “*được coi là đã nhận được nếu văn bản đó được chuyển trực tiếp tới người nhận*”. Cách quy định này nhấn mạnh việc bên gửi thực tế đã gửi đi trực tiếp tới bên nhận, sau đó tại điểm b của Điều 3 mới đề cập đến thời điểm được xác định là đã nhận (vào ngày văn bản được chuyển tới). Bên cạnh đó, pháp luật trọng tài còn một cách xác định việc đã nhận được thông báo, tài liệu nếu thông báo, tài liệu được gửi đúng

¹³ Khoản 1 Điều 4 Luật TTTM năm 2010.

địa chỉ. Quy định này đang đánh đồng giữa "gửi đi" và "nhận được". Thực tế, việc gửi đúng địa chỉ không đồng nghĩa với việc bên nhận đã thực sự nhận được thông báo. Bên cạnh đó, việc gửi đúng địa chỉ cũng không phải là khái niệm rõ ràng trong môi trường số. Trong tổ tụng trực tuyến, "địa chỉ" thường là địa chỉ email. Đặc điểm của các địa chỉ trực tuyến là tần suất sử dụng không liên tục như địa chỉ hành chính. Người dùng có thể không truy cập thường xuyên (khác với việc chủ thể sinh sống cố định tại địa chỉ thường trú hay địa chỉ tạm trú), thậm chí không biết mình đã được gửi thông báo. Như đã đề cập, email có thể rơi vào mục spam hoặc người nhận không truy cập trong thời gian dài thì việc "gửi đúng địa chỉ" không đảm bảo người đó thật sự nhận và biết thông tin. Trong trường hợp này, nếu người nhận không truy cập vào email để kiểm tra thông báo trong quá trình tố tụng, hoặc việc truy cập vào email diễn ra muộn hơn so với thời điểm email thực tế được gửi đi thì việc xác định đây có phải là "lỗi" từ phía người nhận hay không là một vấn đề pháp lý cần được xem xét.

Thứ hai, thiếu quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật của nền tảng ODR và các biện pháp khắc phục khi xảy ra sự cố kỹ thuật.

Pháp luật hiện hành chưa có quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu mà nền tảng ODR cần đáp ứng và trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sự cố như đường truyền yếu, thiết bị trục trặc, cũng như cơ chế xác minh lỗi kỹ thuật, nghĩa vụ chứng minh và phân bổ chi phí xử lý, nâng cấp kỹ thuật nếu cần thiết. Việc xác định trách nhiệm khi xảy ra sự cố kỹ thuật trong phiên họp trực tuyến là vấn đề tương đối phức tạp. Ngay cả trong điều kiện bình thường khi nền tảng ODR và hệ thống internet vận hành ổn định, các sự cố vẫn có thể phát sinh do yếu tố khách quan hoặc từ phía người sử dụng, đặc biệt nếu một trong các bên tham gia đang ở khu vực có điều kiện hạ tầng yếu kém (ngoài vùng phủ sóng, khu vực thường xuyên bị mất điện,...) hoặc lỗi thiết bị tự động tắt nguồn. Ngoài ra, pháp luật hiện hành cũng chưa xây dựng quy trình ứng phó cụ thể khi phát sinh sự cố kỹ thuật trong phiên họp trực tuyến. Cụ thể các vấn đề như: xác định trường hợp, mức độ sự cố kỹ thuật nào thì phiên họp cần tạm dừng và tạm dừng trong bao lâu; yêu cầu ghi nhận sự cố trong biên bản; trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên trong việc lặp lại phần trình bày bị gián đoạn; các biện pháp xử lý nếu một bên cố tình gây ra sự cố kỹ thuật nhằm trì hoãn;...

Thứ ba, thiếu khung pháp lý điều chỉnh nhà cung ứng dịch vụ kỹ thuật và nền tảng công nghệ trong tố tụng trọng tài trực tuyến.

Hiện nay nền tảng ODR tại Việt Nam đang dần được phát triển. Tiêu biểu là năm 2024, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) cho ra đời nền tảng nộp đơn điện tử và quản lý vụ tranh chấp trực tuyến (eCase)¹⁴. Dù vậy, eCase chưa có tính năng tổ chức phiên họp trực

¹⁴ <https://viacecase.vn/landing-page>.

tuyên. Trong thực tiễn, các nền tảng như Zoom hoặc Google Meet thường được sử dụng, ví dụ như Hiệp hội trọng tài Hoa Kỳ (American Arbitration Association – AAA) đã ban hành hướng dẫn chi tiết sử dụng nền tảng Zoom phục vụ cho các phiên xét xử trực tuyến cho các bên cũng như các trọng tài viên¹⁵. Tuy nhiên pháp luật trọng tài Việt Nam hiện hành hay quy tắc tổ tụng của các trung tâm trọng tài chưa quy định hướng dẫn cụ thể về việc thỏa thuận lựa chọn nền tảng giữa các bên hay do trọng tài chỉ định. Việc thiếu quy định này dẫn đến nguy cơ lựa chọn nền tảng mang tính thiên vị, đặc biệt khi giữa các bên trong quan hệ tranh chấp có sự chênh lệch về trình độ hiểu biết liên quan đến công nghệ thông tin. Song, hiện nay Luật chỉ tập trung vào xung đột lợi ích của các bên và HĐTT. Trong khi đó, các nhà cung ứng dịch vụ kỹ thuật là bên trung gian đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc đảm bảo tính toàn vẹn và công bằng của quy trình tổ tụng, chịu trách nhiệm về việc thiết lập và duy trì các nền tảng công nghệ cho phép trọng tài trực tuyến diễn ra ổn định. Việc thiếu cơ chế giám sát độc lập đối với nền tảng kỹ thuật trọng tài tạo ra nguy cơ xung đột lợi ích nếu bên cung cấp nền tảng kỹ thuật có mối quan hệ kinh doanh, tài chính, hoặc là người thân thích với một trong các bên tranh chấp dẫn đến khả năng can thiệp vào các tính năng kỹ thuật của hệ thống, gây ra sự cố kỹ thuật có chọn lọc cho bên còn lại, thậm chí xâm phạm bí mật kinh doanh của các bên. Điều này xâm phạm nguyên tắc "*nemo iudex in causa sua*" bởi nguyên tắc này không chỉ áp dụng cho trọng tài viên mà còn mở rộng đến tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, vô tư của quá trình tổ tụng.

Thứ tư, về địa điểm GQTC và phiên họp GQTC

Khoản 8 Điều 3 Luật TTTM quy định địa điểm GQTC bằng trọng tài “... *nếu được tiến hành trên lãnh thổ Việt Nam thì phán quyết phải được xem là tuyên tại lãnh thổ Việt Nam mà không phụ thuộc vào nơi hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp để ra phán quyết đó*”. Như vậy, Luật TTTM xác định địa điểm GQTC bằng trọng tài là địa điểm về mặt địa lý chứ không phải địa điểm về mặt pháp lý¹⁶. Với đặc điểm phi biên giới của ODR, việc xác định địa điểm GQTC sẽ không được rõ ràng bởi được tiến hành trên không gian mạng với sự tham gia của các bên cũng như trọng tài viên từ các quốc gia khác nhau. Mặt khác, Công ước New York năm 1958 và Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 cũng chỉ quy định về vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Nói cách khác, phán quyết được xem là phán quyết của trọng tài nước ngoài và thuộc đối tượng của thủ tục công nhận và cho thi hành khi nó có yếu tố nước ngoài, được xác định phụ thuộc vào nơi phán quyết được tuyên¹⁷. Việc không xác

¹⁵ AAA – ICDR Virtual Hearing Guide for Arbitrators and Parties utilizing Zoom.

¹⁶ <https://lsvn.vn/phap-luat-ve-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-dien-tu-bang-phuong-thuc-truc-tuyen-1714495188-a143230.html>, truy cập ngày 11/06/2025.

¹⁷ Khoản 12 Điều 3 Luật TTTM 2010 quy định phán quyết của trọng tài nước ngoài là phán quyết do Trọng tài nước ngoài tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc ở trong lãnh thổ Việt Nam; khoản 11 Điều 3 quy định trọng tài

định được địa điểm GQTC trong ODR dẫn đến phán quyết không được công nhận hoặc bị hủy vì vi phạm thủ tục tổ tụng trọng tài nếu như các bên thỏa thuận địa điểm GQTC tại Việt Nam nhưng các trọng tài viên lại được chọn từ các nước khác nhau (GQTC qua mạng mà không tổ chức phiên họp nào tại Việt Nam, không thực hiện đúng quy định về địa điểm GQTC theo Luật TTTM và theo ghi nhận thỏa thuận của các bên). Điều này vô tình phủ nhận giá trị của một quy trình tổ tụng vốn dĩ công bằng về nội dung và thủ tục (các bên vẫn được thông báo đầy đủ, có cơ hội trình bày và quá trình GQTC diễn ra minh bạch, đúng trình tự).

5.2. Một số kiến nghị

Việc xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện về trọng tài trực tuyến góp phần thúc đẩy thực thi nguyên tắc tổ tụng công bằng trong thực tiễn. Điều này đặt ra tính cấp thiết cho việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành theo hướng trực tiếp ghi nhận về trọng tài trực tuyến, bao gồm khái niệm, quy định về phạm vi tranh chấp được lựa chọn hình thức trọng tài trực tuyến (gợi ý có thể dựa trên giá trị tranh chấp), đặc biệt về quy trình GQTC bằng trọng tài trực tuyến. Hình thức GQTC này có những đặc điểm riêng biệt với GQTC bằng trọng tài truyền thống, dẫn đến một số quy định trong Luật TTTM hiện hành không phù hợp hoặc có nguy cơ bị “vô hiệu hóa”. Từ các bất cập trên, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần có quy định cụ thể thời điểm được coi là đã nhận đối với các phương thức điện tử như email. Chẳng hạn: “... được coi là đã nhận nếu thời điểm email được gửi thành công vào hộp thư đến của người nhận, có kèm theo xác nhận đã gửi thành công từ hệ thống”. Việc xác nhận này phải được thể hiện qua biên bản xác nhận đã đọc và đăng tải công khai trên nền tảng ODR của trung tâm trọng tài.

Thứ hai, cần có quy định khung về quyền và nghĩa vụ của các bên, chẳng hạn như quyền yêu cầu được nghe lại phần trình bày khi có sự cố gián đoạn phiên họp. Đồng thời, tham khảo từ kinh nghiệm quốc tế cho thấy cần quy định việc tổ chức tham vấn kỹ thuật giữa các bên tranh chấp và HĐTT trước khi tiến hành phiên họp chính thức. Trên thực tế, các trung tâm trọng tài khác nhau có thể sử dụng nền tảng ODR khác nhau, cũng như tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của các bên trong tranh chấp như khu vực sống, năng lực, khả năng tiếp cận khoa học công nghệ,... Thông qua tham vấn, các bên có thể thỏa thuận về các tình huống rủi ro có thể phát sinh và cách thức xử lý khi xảy ra sự cố. Đây là các tình huống rủi ro mang tính lặp đi lặp lại nhiều lần do điều kiện khu vực sống đặc thù của các bên (như đã phân tích), vì vậy hoàn toàn có thể dự liệu và chuẩn bị các biện pháp dự phòng, khắc phục. Việc tham vấn cần thực hiện cùng với thử nghiệm nền tảng trước phiên họp (phiên họp giả định). Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong

nước ngoài là trọng tài được thành lập theo quy định của pháp luật trọng tài nước ngoài. Tuy nhiên bảo lưu của Việt Nam khi gia nhập Công ước New York đề cập Công ước chỉ áp dụng đối với quyết định của trọng tài nước ngoài được tuyên tại lãnh thổ quốc gia là thành viên của Công ước này (Quyết định số 453/QĐ-CTN ngày 28/7/1995), nghĩa là yếu tố nước ngoài được xác định phụ thuộc vào nơi phán quyết được tuyên.

trường hợp các bên trong tranh chấp có năng lực khoa học công nghệ còn thấp, không chỉ giúp nâng cao hiệu quả của quá trình GQTC mà còn góp phần bảo đảm nguyên tắc tổ tụng công bằng.

Thứ ba, cần có các quy định cụ thể và rõ ràng về việc lựa chọn nền tảng xét xử trực tuyến do các bên thỏa thuận, trường hợp không có thỏa thuận thì HĐTT có quyền quyết định. Cần ưu tiên các nền tảng có tính bảo mật cao, ổn định, phổ biến và thân thiện với người dùng để đảm bảo sự công bằng, hiệu quả và thuận tiện cho tất cả các bên tham gia. Các tiêu chí lựa chọn nền tảng cần được hướng dẫn cụ thể trong quá trình tham vấn kỹ thuật (nêu trên) nhằm giúp các bên đưa ra thỏa thuận lựa chọn hợp lý. Bên cạnh đó, cần thiết lập một cơ chế giám sát độc lập đối với các nhà cung ứng dịch vụ kỹ thuật. Thông tin về nhà cung cấp nền tảng, bao gồm quản trị viên của nền tảng cần được công khai cho tất cả các bên. Đặc biệt, cần buộc các nhà cung ứng dịch vụ kỹ thuật phải có cam kết không có bất kỳ mối quan hệ kinh doanh, tài chính hoặc quan hệ cá nhân khác với bất kỳ bên tranh chấp nào. Trong trường hợp có xung đột lợi ích, nhà cung cấp phải từ chối tham gia hoặc phải có cơ chế giám sát đặc biệt. Đồng thời, cần có quy định về chế tài đối với nhà cung ứng dịch vụ kỹ thuật nếu họ vi phạm các quy định về bảo mật, tính khách quan, hoặc có hành vi thao túng hệ thống gây ảnh hưởng đến quá trình tổ tụng.

Thứ tư, về quy định địa điểm GQTC, cần ghi nhận rằng phiên xét xử trực tuyến cũng được xem là xét xử tại địa điểm mà các bên thỏa thuận lựa chọn. Điều này có nghĩa là địa điểm GQTC nên được xác định là “địa điểm pháp lý” - nơi diễn ra thủ tục trọng tài dù thực tế không có một địa điểm vật lý cụ thể nào mà các bên cùng hiện diện. Hướng quy định này cũng phù hợp với nguyên tắc tại khoản 8 Điều 3 Luật TTTM cho phép các bên được lựa chọn địa điểm giải quyết tranh chấp.

Việc hoàn thiện pháp luật về trọng tài trực tuyến cần tham khảo các quy định trong Ghi chú kỹ thuật về ODR của UNCITRAL. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo lập pháp cho các quốc gia đang xây dựng mô hình ODR và cũng là tiêu chuẩn nghề nghiệp cho các tổ chức trọng tài quốc tế trong kỷ nguyên số. Đồng thời cần khuyến khích nâng cao năng lực số; xây dựng và phát triển nền tảng ODR riêng biệt, phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và pháp lý; bổ sung và hoàn thiện quy tắc tổ tụng của trung tâm trọng tài nhằm đảm bảo áp dụng một cách đồng bộ và hiệu quả.

6. Kết luận

Sự phát triển của khoa học công nghệ và thương mại xuyên biên giới đã đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc hoàn thiện, thích ứng hóa pháp luật với môi trường số, đặc biệt là duy trì, đảm bảo thực thi nguyên tắc tổ tụng công bằng. Việc áp dụng nguyên tắc này trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến vừa mở ra cơ hội chuyển đổi số phương thức giải quyết

tranh chấp, vừa đặt ra thách thức trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Việc rà soát và hoàn thiện khuôn khổ pháp luật trọng tài trực tuyến góp phần xây dựng nền tảng pháp lý minh bạch, xây dựng niềm tin và hiệu quả trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng tài thương mại Việt Nam năm 2010;
2. Luật Mẫu về trọng tài thương mại quốc tế của Ủy ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế;
3. Ghi chú kỹ thuật về ODR (Technical Notes on Online Dispute Resolution) của UNCITRAL;
4. Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore năm 2025 (SIAC Arbitration Rules 2025);
5. Ghi chú hướng dẫn của Phòng Thương mại Quốc tế về các biện pháp khả thi nhằm giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19 (ICC Guidance Note on Possible Measures Aimed at Mitigating the Effects of the COVID-19 Pandemic);
6. D.L.F de Vocht (2022), Trials by video link after the pandemic: the pros and cons of the expansion of virtual justice, *China-EU Law J* 8, 33-44;
7. Frederick F. Shauer (1976), English natural justice and American due process: An analytical comparison, *William & Mary Law Review*, 18, 47;
8. Michael Legg & Anthony Song (2021), The courts, the remote hearing and the pandemic: From action to reflection, *University of New South Wales Law Journal*, 44(1);
11. https://www.elitigation.sg/gd/s/2020_SGCA_12, truy cập ngày 25/5/2025;
10. <https://www.weforum.org/stories/2024/03/unleashing-digital-transformation-in-the-least-developed-countries/>, truy cập ngày 26/5/2025;
- <https://lsvn.vn/phap-luat-ve-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-dien-tu-bang-phuong-thuc-truc-tuyen-1714495188-a143230.html>, truy cập ngày 11/06/2025.

ỨNG DỤNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN CÁC TỔ CHỨC
TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Hồ Bảo¹

Huỳnh Dương Trí²

Tóm tắt: Trí tuệ nhân tạo (AI) đang tái định hình hoạt động của các tổ chức trọng tài thương mại (TTTM) trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Bài viết phân tích ứng dụng AI trong TTTM, từ tự động hóa thủ tục, phân tích pháp lý đến hỗ trợ ra quyết định, đồng thời đánh giá những ảnh hưởng tích cực như tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả, và các thách thức như thiên vị thuật toán, rủi ro bảo mật, và vi phạm quyền xét xử công bằng. Tại Việt Nam, các trung tâm như VIAC và TGAC đã tích cực tích hợp công nghệ, nhưng Luật TTTM 2010 còn thiếu các quy định phù hợp. Bài viết đề xuất sửa đổi luật để công nhận tố tụng điện tử, chứng cứ AI, và quản lý rủi ro, cùng với việc ban hành hướng dẫn và đào tạo để đảm bảo tính công bằng, minh bạch. Những cải cách này sẽ giúp Việt Nam trở thành điểm đến trọng tài hiện đại, đáp ứng xu thế toàn cầu.

Từ khóa: Trọng tài thương mại, trí tuệ nhân tạo, tố tụng điện tử

Abstract: Artificial Intelligence (AI) is reshaping the operations of commercial arbitration organizations amid the Fourth Industrial Revolution. This article analyzes AI applications in commercial arbitration, from automating procedures and legal analysis to supporting decision-making, while evaluating positive impacts such as process optimization and efficiency gains, alongside challenges like algorithmic bias, confidentiality risks, and violations of due process. In Vietnam, centers like VIAC and TGAC have actively integrated technology, yet the 2010 Commercial Arbitration Law lacks relevant provisions. The article proposes legal amendments to recognize electronic proceedings, AI-generated evidence, and risk management, alongside issuing guidelines and training to ensure fairness and transparency. These reforms will position Vietnam as a modern arbitration hub, aligning with global trends.

Keywords: Commercial Arbitration, artificial intelligence, electronic proceedings

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ XXI chứng kiến sự phát triển đột phá của khoa học và công nghệ, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), với trí tuệ nhân tạo (AI) là một trong những công nghệ trụ cột, đang tái định hình mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu.

¹ ThS. Khoa Luật, Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh. Email: baoh@dhv.edu.vn.
Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài thương mại Quốc tế Tiền Giang.

² ThS. Khoa Luật, Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh. Email: trihd@dhv.edu.vn.

Nhận thức rõ tầm quan trọng chiến lược này, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách mang tính định hướng, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong việc chủ động, tích cực tham gia và tận dụng các cơ hội do CMCN 4.0 mang lại. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định đây là “yêu cầu tất yếu khách quan”, “nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng”. Nghị quyết đặt ra các mục tiêu cụ thể, như đến năm 2030, kinh tế số chiếm trên 30% GDP, hoàn thành xây dựng Chính phủ số và Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII). Tiếp nối tinh thần đó, Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030”. Chiến lược này không chỉ đặt mục tiêu đưa Việt Nam vào nhóm 4 nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN về lĩnh vực AI mà còn nhấn mạnh việc xây dựng hành lang pháp lý, phát triển hệ sinh thái AI một cách toàn diện, lấy con người và doanh nghiệp làm trung tâm.

Những chủ trương chiến lược này tạo ra một động lực to lớn, đồng thời cũng là một sự thúc đẩy, đòi hỏi sự chuyển đổi sâu rộng trong mọi ngành, lĩnh vực, và lĩnh vực pháp luật cũng không phải là ngoại lệ. Sự thâm nhập của AI vào các hoạt động thương mại, đầu tư, tài chính... tất yếu sẽ làm phát sinh các loại hình tranh chấp mới và đặt ra yêu cầu phải đổi mới các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống.

Nhận thức được những lợi ích này, các tổ chức trọng tài thương mại (TTTM) Việt Nam đã và đang tích cực tích hợp công nghệ vào hoạt động của mình. Đây không còn là một lựa chọn mà đã trở thành một xu hướng toàn cầu không thể đảo ngược. Các tổ chức trọng tài đang chuyển từ câu hỏi “có nên dùng công nghệ hay không?” sang câu hỏi “làm thế nào để tích hợp công nghệ một cách hiệu quả và an toàn nhất?”. Các quy tắc tố tụng của nhiều tổ chức hàng đầu đã được sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho việc này. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) tổ chức thành công nhiều phiên họp giải quyết tranh chấp hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến, đặc biệt trong và sau giai đoạn đại dịch; ra mắt nền tảng nộp đơn điện tử và quản lý vụ tranh chấp trực tuyến (VIAC eCase), cho phép các bên thực hiện các thao tác tố tụng từ nộp đơn, trao đổi tài liệu đến quản lý hồ sơ trên một nền tảng số duy nhất. Đồng thời, VIAC cũng đã ban hành Bản hướng dẫn Tố tụng trọng tài, trong đó khuyến khích việc tổ chức Phiên họp Quản lý vụ kiện (Case Management Conference) để Hội đồng trọng tài và các bên sớm thống nhất về các biện pháp tố tụng, bao gồm cả việc ứng dụng công nghệ. Trung tâm TTTM Quốc tế Tiền Giang (TGAC) mặc dù non trẻ, song cũng phát huy lợi thế năng động, trẻ trung của mình nhằm thích ứng nhanh với bối cảnh hiện nay. Vừa qua, TGAC đã hợp tác với Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ và Phát triển Nhân lực AiOV đã ra mắt nền tảng

Lawandpress.ai.vn, không gian số tích hợp AI phục vụ chuyên biệt cho ngành pháp lý và báo chí - truyền thông. Nền tảng cho phép tra cứu tài liệu, phân tích và trích xuất thông tin từ các định dạng như PDF, Word hoặc hình ảnh, đồng thời hỗ trợ soạn thảo văn bản, đánh giá rủi ro pháp lý và tổng hợp thông tin nhanh chóng, chính xác.³ Bên cạnh đó, Công an tỉnh Tiền Giang phối hợp TGAC tổ chức Hội nghị tập huấn kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản trị văn phòng trong lực lượng Công an tỉnh Tiền Giang. Qua hội nghị nhằm giúp chỉ huy, cán bộ, chiến sĩ nâng cao nhận thức về vai trò và tiềm năng phát triển của ứng dụng AI trong công tác Công an; xây dựng môi trường làm việc hiện đại, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.⁴

Những nỗ lực này cho thấy quyết tâm của các trung tâm trọng tài như VIAC, TGAC,... trong việc nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và sự thuận tiện của tổ tụng trọng tài, đưa thực tiễn trọng tài Việt Nam tiệm cận hơn với các chuẩn mực quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu ứng dụng và ảnh hưởng của AI đến TTTM không chỉ là một vấn đề học thuật lý thuyết mà còn là một yêu cầu thực tiễn cấp thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, đảm bảo rằng khuôn khổ pháp lý có thể theo kịp và hỗ trợ cho sự phát triển của thực tiễn.

2. Ứng dụng và ảnh hưởng của AI đến các tổ chức trọng tài thương mại

2.1. Ứng dụng của AI trong các tổ chức trọng tài thương mại

a) Trọng tài thương mại trong kỷ nguyên AI

TTTM từ lâu đã được cộng đồng doanh nghiệp ưa chuộng như một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả với những ưu điểm vốn có như tính linh hoạt về thủ tục, tính bảo mật, tốc độ và tính chung thẩm của phán quyết. Bản chất của TTTM là một cơ chế tự, cho phép các bên tự do thỏa thuận về quy trình tổ tụng, lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn phù hợp, qua đó “thiết kế” một quy trình giải quyết tranh chấp phù hợp nhất với nhu cầu của mình. Chính sự linh hoạt này đã giúp các tổ chức trọng tài trên thế giới nhanh chóng thích ứng với sự phát triển của công nghệ. Đặc biệt, sau những biến động do đại dịch COVID-19 gây ra, việc ứng dụng công nghệ như hội nghị truyền hình (videoconferencing) và các nền tảng trực tuyến đã trở nên phổ biến. Các tổ chức trọng tài hàng đầu như Tòa Trọng tài Quốc tế của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), Tòa án Trọng tài Quốc tế London (LCIA) và Trung tâm Trọng tài Quốc tế

³ Ứng dụng AI trong lĩnh vực Luật và Báo chí - Truyền thông, Báo Pháp luật, <https://plo.vn/ky-nguyen-so/ung-dung-ai-trong-linh-vuc-luat-va-bao-chi-truyen-thong-post851305.amp?gidzl=pujEG4cMiqxAbKv2IuYqISkHJafHtxGNXvH86GU0i1U4pXz8LORZ5eF87nbHrR50qCf96Z2qBSmxIfQpIG>

⁴ Hồ Sương (2025), Công an tỉnh Tiền Giang tổ chức tập huấn kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản trị văn phòng, Cổng thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang, <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin/?cong-an-tinh-tien-giang-to-chuc-tap-huan-ky-nang-ung-dung-tri-tue-nhan-tao-vao-quan-tri-van-phong/58584278>

Singapore (SIAC) đã tiên phong trong việc ban hành các quy tắc và hướng dẫn chi tiết về việc tiến hành phiên họp ảo và ứng dụng công nghệ trong tố tụng.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của AI mang đến những thách thức ở một cấp độ hoàn toàn khác, mang tính đột phá và có khả năng tác động đến chính bản chất của hoạt động xét xử. AI không đơn thuần là một công cụ công nghệ thông tin giúp tự động hóa các tác vụ hành chính như email hay hội nghị truyền hình. Các hệ thống AI tiên tiến có khả năng phân tích, dự đoán và thậm chí đề xuất các giải pháp pháp lý, đặt ra những câu hỏi nền tảng về vai trò của trọng tài viên, tính công bằng của thủ tục và tính toàn vẹn của phán quyết. Sự chuyển đổi này không chỉ đơn thuần là “số hóa” (digitization) quy trình bằng cách chuyển từ giấy sang điện tử, mà đang tiến tới “trí tuệ hóa” (intellectualization) các khâu cốt lõi của tố tụng trọng tài. Do đó, cần phải có một sự phân tích sâu sắc về các tác động pháp lý của AI, vượt ra ngoài khuôn khổ của việc ứng dụng công nghệ thông thường.

b) AI và các cấp độ ứng dụng trong trọng tài thương mại

Hiện nay, trên thế giới chưa có một định nghĩa pháp lý duy nhất, được chấp nhận rộng rãi về AI. Sự thiếu vắng này tạo ra một thách thức lớn cho các nhà lập pháp, bởi một định nghĩa quá rộng có thể kìm hãm sự đổi mới, trong khi một định nghĩa quá hẹp lại không thể bao quát hết các rủi ro. Đạo luật AI của Liên minh châu Âu (EU AI Act), tiếp cận vấn đề này bằng cách định nghĩa AI dựa trên các kỹ thuật và phương pháp luận mà nó sử dụng, chẳng hạn như các phương pháp học máy (machine learning), các phương pháp dựa trên logic và tri thức, và các phương pháp thống kê. Tương tự, Lệnh Hành pháp về AI của Hoa Kỳ định nghĩa AI là “một hệ thống dựa trên máy móc có thể, đối với một tập hợp các mục tiêu do con người xác định, đưa ra các dự đoán, khuyến nghị hoặc quyết định ảnh hưởng đến môi trường thực hoặc ảo”.

Như vậy, AI được tiếp cận không phải như một thực thể có tri giác hay ý thức, mà là một hệ thống máy tính phức tạp, có khả năng thực hiện các tác vụ mà theo truyền thống đòi hỏi trí tuệ của con người. Các ứng dụng của AI trong trọng tài được phân thành ba cấp độ, tương ứng với mức độ can thiệp vào quá trình tố tụng:

Cấp độ thứ nhất, AI hỗ trợ hành chính bằng việc tự động hóa các công việc thủ tục, quản lý hồ sơ, liên lạc (ví dụ: e-discovery, nền tảng quản lý vụ kiện).

Cấp độ thứ hai, AI hỗ trợ phân tích với các thuật toán để rà soát, phân tích khối lượng lớn chứng cứ, hợp đồng, nghiên cứu án lệ và các nguồn pháp lý khác (ví dụ: công cụ phân tích hợp đồng, trợ lý pháp lý thông minh,...).

Cấp độ thứ ba, AI hỗ trợ ra quyết định thông qua các công nghệ tiên tiến hơn có khả năng đưa ra dự báo về kết quả vụ việc (công lý dự báo - predictive justice, đoán định tư pháp,...), đánh giá các lập luận, hoặc thậm chí đề xuất các nội dung cho phán quyết.

Mỗi cấp độ sẽ làm phát sinh những vấn đề pháp lý và đạo đức với mức độ phức tạp khác nhau, đòi hỏi những giải pháp điều chỉnh pháp lý tương ứng. Một thực trạng đáng lưu tâm là sự tồn tại của một độ trễ nhất định giữa tốc độ phát triển vũ bão của chính sách công nghệ và sự thận trọng cố hữu của pháp luật tố tụng. Trong khi các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ thúc đẩy một cách mạnh mẽ việc ứng dụng AI, thì Luật TTTM năm 2010 (Luật TTTM 2010) lại được xây dựng trên nền tảng của các tương tác, sự phán đoán và quyết định của con người. Điều này tạo ra một khoảng trống pháp lý mà các tổ chức trọng tài và Tòa án phải đối mặt và tìm cách lấp đầy bằng các quy tắc tố tụng (luật mềm) và thực tiễn xét xử. Sự xung đột tiềm tàng giữa một bên là chính sách công luôn nhìn về phía trước, tập trung vào lợi ích kinh tế và hiệu quả, và một bên là luật tố tụng, đặc biệt là các quy định về hủy phán quyết, có xu hướng nhìn lại, tập trung vào việc bảo vệ các quyền thủ tục cơ bản (due process), chính là trọng tâm của những phân tích trong chương sách này.

2.2. Ảnh hưởng của AI đến các tổ chức trọng tài thương mại

2.2.1. Ảnh hưởng tích cực

Sự hội nhập của AI vào lĩnh vực TTTM mang lại những tiềm năng to lớn, hứa hẹn sẽ giải quyết được nhiều vấn đề tồn tại về chi phí và thời gian, đồng thời nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận của phương thức giải quyết tranh chấp này.

a) AI tối ưu hóa quản trị vụ kiện và các tác vụ thủ tục.

Ở cấp độ cơ bản nhất, AI đang cách mạng hóa cách thức quản lý và điều hành một vụ kiện trọng tài. Các công việc hành chính, thủ tục vốn tốn nhiều thời gian và dễ xảy ra sai sót của con người đang dần được tự động hóa một cách hiệu quả. Trước hết, các nền tảng quản lý vụ kiện trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) và các hệ thống quản lý hồ sơ thông minh có thể tự động sắp xếp, lập chỉ mục và lưu trữ hàng ngàn tài liệu, thư từ trao đổi, giúp các bên và Hội đồng trọng tài truy cập và tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng. Việc này loại bỏ nhu cầu về các bản cứng cồng kềnh và giảm thiểu rủi ro thất lạc tài liệu. Các công cụ như DIsCois là một ví dụ điển hình cho việc tổ chức bằng chứng và xem xét video, bản ghi lời khai một cách có hệ thống.

Thêm vào đó, các ứng dụng như x.ai có thể tự động hóa việc sắp xếp lịch cho các phiên họp, các cuộc gọi hội nghị bằng cách phân tích lịch làm việc của tất cả các bên liên quan, tìm ra khung thời gian phù hợp nhất mà không cần đến các trao đổi qua lại tốn thời gian.

Cùng với đó, Công nghệ AI có thể cung cấp dịch vụ dịch thuật và phiên dịch theo thời gian thực, cũng như tự động tạo ra biên bản phiên họp từ bản ghi âm, giúp tiết kiệm đáng kể chi phí và thời gian so với các phương pháp truyền thống.

Báo cáo của Ủy ban ICC về việc tận dụng công nghệ và Hướng dẫn của Viện Trọng tài Hoàng gia Anh (CIArb) về việc sử dụng AI đều nhấn mạnh những lợi ích này. Việc tối ưu hóa

các quy trình thủ tục không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng về chi phí và thời gian – hai trong số những lời phàn nàn phổ biến nhất về trọng tài – mà còn có thể làm tăng tính chính xác và giảm thiểu các sai sót do con người gây ra trong các công việc hành chính, từ đó nâng cao hiệu quả tổng thể của quá trình tố tụng.

b) AI nâng cao năng lực phân tích pháp lý, đánh giá chứng cứ và đoán định tư pháp.

Tác động sâu sắc và mang tính đột phá hơn của AI nằm ở khả năng hỗ trợ các công việc đòi hỏi sự phân tích và nhận định pháp lý. Trong các vụ kiện phức tạp với khối lượng chứng cứ điện tử khổng lồ, AI có thể rà soát hàng triệu tài liệu để xác định những tài liệu liên quan, có chứa thông tin đặc quyền hoặc nhạy cảm. Các công nghệ mã hóa dự đoán (predictive coding) có thể “học” từ một tập mẫu do luật sư đánh giá và sau đó tự động phân loại phần còn lại với độ chính xác cao, giúp giảm tới 95% thời gian và chi phí so với rà soát thủ công.

Đồng thời, các công cụ AI sử dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) như Kira Systems có thể phân tích các hợp đồng phức tạp trong vài phút để xác định các điều khoản rủi ro, mâu thuẫn hoặc bất thường. Tương tự, các nền tảng nghiên cứu pháp lý như ROSS Intelligence, Westlaw Edge và Lexis+ AI có thể “đọc” và hiểu các yêu cầu bằng ngôn ngữ tự nhiên, sau đó nhanh chóng tìm ra các án lệ, quy định pháp luật và bài viết học thuật phù hợp nhất, giúp luật sư và trọng tài viên xây dựng lập luận pháp lý một cách vững chắc hơn.

Bên cạnh đó, bằng cách phân tích dữ liệu từ hàng ngàn phán quyết trọng tài và quyết định của tòa án trong quá khứ, các hệ thống AI như Arbilex có thể đưa ra đoán định về khả năng thành công của một yêu cầu khởi kiện, xác định các xu hướng ra phán quyết của một trọng tài viên cụ thể hoặc ước tính khoảng thời gian và chi phí tiềm năng của vụ kiện. Mặc dù tính chính xác của các công cụ này vẫn còn là một vấn đề gây tranh luận và phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng và số lượng dữ liệu đầu vào, chúng vẫn có thể cung cấp cho các bên một công cụ tham khảo hữu ích để đánh giá rủi ro và đưa ra các quyết định chiến lược, chẳng hạn như có nên theo đuổi vụ kiện hay tìm kiếm một giải pháp hòa giải.

2.2.2. Một số vấn đề hạn chế, rủi ro

Bên cạnh những lợi ích không thể phủ nhận, việc ứng dụng AI cũng làm dấy lên những lo ngại sâu sắc, thách thức trực tiếp đến các nguyên tắc trụ cột đã làm nên giá trị và sự tin cậy của trọng tài. Những thách thức này không phải là hoàn toàn mới, mà thực chất là sự khuếch đại của các vấn đề cố hữu trong trọng tài như thiên vị, bất bình đẳng hay bảo mật, nhưng ở một hình thái mới và phức tạp hơn.

a) Rủi ro tác động đến tính độc lập, khách quan, vô tư của Trọng tài viên.

Nguyên tắc trọng tài viên phải độc lập, khách quan và vô tư là nền tảng của công lý trọng tài, được trang trọng ghi nhận tại Khoản 2 Điều 4 Luật TTTM 2010. Điều 21 của Luật này cũng yêu cầu trọng tài viên phải “bảo đảm giải quyết tranh chấp vô tư”. Tính vô tư này, về

bản chất, là một trạng thái tinh thần và đạo đức của con người. Tuy nhiên, sự can thiệp của AI có nguy cơ làm xói mòn nguyên tắc này theo hai hướng chính:

Hướng thứ nhất, thiên vị thuật toán (Algorithmic Bias). Các hệ thống AI, đặc biệt là các mô hình học máy, học hỏi từ dữ liệu mà chúng được “đào tạo”. Nếu bộ dữ liệu đầu vào này chứa đựng những thành kiến, định kiến sẵn có (ví dụ: dữ liệu lịch sử cho thấy các phán quyết thường có lợi cho một bên có đặc điểm nhất định), thuật toán sẽ học và tái tạo lại những thành kiến đó, dẫn đến các kết quả đầu ra bị sai lệch một cách có hệ thống. Một trọng tài viên, dù có ý định vô tư, nhưng nếu quá tin tưởng và dựa vào một công cụ AI có chứa thiên vị thuật toán để phân tích chứng cứ hay đánh giá lập luận, thì tính khách quan trong phán quyết của họ có thể bị tổn hại nghiêm trọng.

Hướng thứ hai, ủy thác quyền phán quyết (Delegation of Decision-Making). Một rủi ro nghiêm trọng hơn là khi trọng tài viên không chỉ sử dụng AI như một công cụ tham khảo mà còn phó mặc, hay ủy thác, chức năng ra quyết định của mình cho máy móc. Đây là một hành vi bị cấm trong hoạt động xét xử. Nếu một trọng tài viên chỉ đơn giản là chấp nhận đề xuất của AI mà không có sự phân tích, đánh giá và phán đoán độc lập của riêng mình, họ đã từ bỏ trách nhiệm cá nhân mà các bên đã tin tưởng giao phó.

Những thách thức này có thể dẫn đến các hệ quả pháp lý cụ thể. Nếu một bên có thể chứng minh rằng công cụ AI mà Hội đồng trọng tài sử dụng có chứa thiên vị hệ thống, gây bất lợi cho họ, họ có thể yêu cầu thay đổi trọng tài viên theo căn cứ tại Điều 42(1)(c) Luật TTTM 2010: “Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, khách quan”. Ở một mức độ nghiêm trọng hơn, nếu việc sử dụng AI được xem như một hình thức “ủy thác” quyền ra quyết định, nó có thể bị coi là một vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tạo cơ sở để yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Điều 68(2)(b).

b) Rủi ro về bảo mật và tính không công khai trong tố tụng trọng tài.

Tính bảo mật và không công khai là một trong những lợi thế cạnh tranh lớn nhất của trọng tài so với tố tụng tòa án, được quy định tại Khoản 4 Điều 4 và Khoản 5 Điều 21 Luật TTTM 2010. Các bên lựa chọn trọng tài thường mong muốn giữ kín các bí mật kinh doanh, thông tin tài chính và cả sự tồn tại của tranh chấp. Tuy nhiên, việc sử dụng AI, đặc biệt là các nền tảng của bên thứ ba, đang tạo ra một mâu thuẫn trực tiếp và nguy hiểm với nguyên tắc này. Khi các luật sư, trọng tài viên hoặc các bên đưa các thông tin, tài liệu của vụ kiện (như bản đề trình, chứng cứ, hợp đồng) vào các hệ thống AI, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) công cộng như ChatGPT, họ phải đối mặt với rủi ro nghiêm trọng về bảo mật. Nhiều nền tảng AI này có điều khoản sử dụng cho phép họ dùng dữ liệu đầu vào của người dùng để tiếp tục “huấn luyện” và cải thiện mô hình của mình. Điều này có nghĩa là các thông tin bí mật của vụ kiện có thể trở thành một phần của cơ sở dữ liệu toàn cầu của nhà cung cấp AI, có nguy cơ bị

truy cập trái phép hoặc vô tình bị tiết lộ cho những người dùng khác trong các câu trả lời sau này. Đây là một sự vi phạm nghĩa vụ bảo mật trong trọng tài.

Các tổ chức quốc tế đã nhận thức rõ về nguy cơ này. Các hướng dẫn như “ICCA-IBA Roadmap to Data Protection in International Arbitration” và “CIArb Guidelines on the Use of AI in Arbitration” đều dành sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng, khuyến nghị các bên và Hội đồng trọng tài phải hết sức cẩn trọng, chỉ sử dụng các nền tảng AI riêng tư, an toàn và phải có các thỏa thuận rõ ràng về việc xử lý dữ liệu. Việc một bên vô tình hoặc cố ý làm rò rỉ thông tin bí mật qua một nền tảng AI không an toàn có thể cấu thành hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật, đặt ra các vấn đề phức tạp về trách nhiệm pháp lý của bên đó, của hãng luật đại diện và cả của Hội đồng trọng tài nếu đã biết hoặc phải biết mà không có biện pháp ngăn chặn.

c) Ảnh hưởng đến quyền được xét xử công bằng (due process) và sự bình đẳng giữa các bên trong môi trường số

Quyền được xét xử công bằng, bao gồm quyền bình đẳng về cơ hội (equality of arms) và quyền được trình bày vụ việc của mình (right to be heard), là nguyên tắc tố tụng cơ bản, được thể hiện tại Khoản 3 Điều 4 Luật TTTM 2010. Tuy nhiên, việc tiếp cận và sử dụng các công cụ AI tinh vi thường đòi hỏi nguồn lực tài chính và kỹ thuật đáng kể. Điều này có thể tạo ra một sự mất cân bằng lớn giữa các bên. Một tập đoàn lớn có thể chi hàng triệu đô la để sử dụng các hệ thống AI mạnh mẽ nhằm phân tích hàng terabyte dữ liệu, tìm ra các điểm yếu trong lập luận của đối phương và xây dựng chiến lược tố tụng tối ưu. Trong khi đó, một doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể không có khả năng này, dẫn đến một sự bất bình đẳng nghiêm trọng về khả năng chuẩn bị và trình bày vụ việc.

Mặt khác, nếu Hội đồng trọng tài sử dụng một công cụ AI để phân tích chứng cứ hoặc đánh giá các vấn đề pháp lý, nhưng lại không thông báo cho các bên về việc sử dụng này, hoặc không tiết lộ các kết quả phân tích của AI để các bên có cơ hội bình luận, phản biện, thì quyền được trình bày vụ việc của các bên đã bị vi phạm. Các bên có quyền được biết và được đối chất với tất cả các cơ sở, lập luận được Hội đồng trọng tài xem xét để ra phán quyết. Một “trọng tài viên thứ tư” vô hình dưới dạng thuật toán AI, nếu không được công khai, sẽ phá vỡ tính minh bạch và công bằng của quy trình.

Vi phạm quyền được xét xử công bằng là một trong những căn cứ phổ biến và nghiêm trọng nhất để Tòa án hủy phán quyết trọng tài. Tại Việt Nam, một vi phạm như vậy có thể bị viện dẫn theo Điều 68(2)(b) (thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật này) hoặc một cách rộng hơn là theo Điều 68(2)(đ) (phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam). Do đó, việc sử dụng AI

một cách không minh bạch, không cân bằng có thể tạo ra một “quả bom hẹn giờ” pháp lý, đe dọa trực tiếp đến tính hiệu lực và khả năng thi hành của phán quyết trọng tài.

d) Xem xét về khả năng AI trở thành Trọng tài viên.

Điều 20 Luật TTTM 2010 quy định các tiêu chuẩn bắt buộc đối với một trọng tài viên, và các tiêu chuẩn này được xây dựng hoàn toàn dựa trên các thuộc tính của một con người, một thể nhân. Cụ thể: Khoản 1(a) yêu cầu trọng tài viên phải “có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật dân sự”. Một hệ thống AI, về bản chất, là một sản phẩm công nghệ, một tập hợp các thuật toán và dữ liệu. Nó không phải là một chủ thể pháp luật (pháp nhân hay thể nhân) và do đó, không thể “có năng lực hành vi dân sự”. Khoản 1(b) yêu cầu “có trình độ đại học và đã qua thực tế công tác theo ngành đã học từ 5 năm trở lên”. Yêu cầu này gắn liền với quá trình học tập, tích lũy tri thức và kinh nghiệm sống của con người, điều mà một cỗ máy không thể có được theo đúng nghĩa. Khoản 2 liệt kê những người không được làm trọng tài viên, như Thẩm phán, Kiểm sát viên, hoặc người đang là bị can, bị cáo. Các quy định này rõ ràng chỉ áp dụng cho con người.

Dựa trên ngôn từ minh thị của luật, việc chỉ định một hệ thống AI làm trọng tài viên là không thể theo pháp luật Việt Nam hiện hành. Bất kỳ một phán quyết nào được ban hành bởi một “Hội đồng trọng tài” có thành viên là AI chắc chắn sẽ bị Tòa án hủy bỏ theo căn cứ tại Điều 68(2)(b) Luật TTTM 2010 vì “Thành phần Hội đồng trọng tài... trái với các quy định của Luật này”. Mặc dù các bên có quyền tự do thỏa thuận rộng rãi trong trọng tài, quyền tự do đó không thể vượt qua các quy định mang tính bắt buộc của luật (mandatory rules) liên quan đến các yêu cầu cơ bản của một quy trình tư pháp.

Ngay cả khi pháp luật được sửa đổi để mở ra khả năng này, vẫn còn đó những rào cản to lớn về mặt lý luận pháp lý và triết học pháp luật. Hoạt động xét xử và ra phán quyết không chỉ đơn thuần là một quá trình xử lý thông tin và áp dụng logic một cách máy móc. Nó đòi hỏi những thuộc tính mà hiện tại và trong tương lai gần, chỉ con người mới có thể sở hữu. Điều 60 Luật TTTM 2010 quy định rằng Hội đồng trọng tài ra phán quyết “bằng cách biểu quyết theo nguyên tắc đa số”, và trong trường hợp không đạt đa số thì “phán quyết được lập theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng trọng tài”. Điều luật này hàm ý về một quá trình nghị án (deliberation) - một quá trình tương tác, thảo luận, tranh luận và thuyết phục lẫn nhau giữa các thành viên của Hội đồng trọng tài. Quá trình này không chỉ dựa trên các quy định pháp lý cứng nhắc mà còn dựa trên sự cân nhắc các yếu tố về lẽ công bằng (equity), đạo đức, bối cảnh thương mại, và ý chí thực sự của các bên. AI, với khả năng xử lý logic vượt trội, có thể đưa ra một “kết quả” dựa trên dữ liệu, nhưng nó không thể tham gia vào quá trình nghị án, không có khả năng đồng cảm (empathy), không có trực giác pháp lý, và không thể giải thích lý do đằng sau quyết định của mình một cách thuyết phục và nhân văn. Nói cách khác, AI có thể là một công cụ hỗ trợ phân

tích, nhưng nó không thể thực hiện hành vi “xét xử” (adjudication) theo đúng nghĩa của từ này. Chức năng tư pháp đòi hỏi trách nhiệm giải trình, sự phán đoán dựa trên các giá trị xã hội, và khả năng đưa ra một quyết định được các bên và xã hội chấp nhận là công bằng. Đây là những thuộc tính cốt lõi của con người mà công nghệ, dù tinh vi đến đâu, cũng khó có thể thay thế.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Đề trọng tài Việt Nam có thể bắt kịp xu thế toàn cầu, tận dụng được lợi ích của AI đồng thời quản lý hiệu quả các rủi ro, cần có những nỗ lực đồng bộ từ việc hoàn thiện khung pháp lý (luật cứng) đến việc nâng cao năng lực và ban hành các quy tắc, hướng dẫn (luật mềm) của các tổ chức trọng tài. Cách tiếp cận không nên là cấm đoán một cách cực đoan, mà phải là “quản lý rủi ro” và “trao quyền có kiểm soát”, tạo ra một hành lang pháp lý linh hoạt, khuyến khích đổi mới nhưng vẫn bảo vệ được các giá trị tư pháp nền tảng.

Luật TTTM 2010, được ban hành trước khi AI trở thành một xu hướng phổ biến, tất yếu bộc lộ những khoảng trống khi đối mặt với các thách thức của kỷ nguyên số. Việc sửa đổi, bổ sung Luật là một yêu cầu cấp thiết để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc ứng dụng công nghệ trong trọng tài.

Một là, bổ sung nguyên tắc “trung lập về công nghệ” và các quy định về tố tụng điện tử. Hiện tại, Luật TTTM 2010 vẫn còn “im lặng” về nhiều khía cạnh của tố tụng điện tử, gây ra sự không chắc chắn về mặt pháp lý. Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là các quy tắc tiến bộ như của LCIA, Việt Nam cần chính thức hóa việc ứng dụng công nghệ trong luật. Kiến nghị cần bổ sung một điều khoản mới vào Chương I (Những quy định chung) của Luật TTTM 2010 để khẳng định nguyên tắc trung lập về công nghệ (technology neutrality). Nguyên tắc này có nghĩa là luật không ưu tiên hay cấm đoán bất kỳ một công nghệ cụ thể nào, mà cho phép các bên và Hội đồng trọng tài tự do lựa chọn và sử dụng các phương tiện điện tử và công nghệ phù hợp để tiến hành tố tụng, miễn là việc sử dụng đó đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của trọng tài được quy định tại Điều 4. Đồng thời, cần sửa đổi các điều khoản cụ thể như Điều 12 (Gửi thông báo), Điều 16 (Hình thức thỏa thuận trọng tài) và Điều 55 (Phiên họp giải quyết tranh chấp) để chính thức công nhận giá trị pháp lý của các hình thức giao tiếp, thỏa thuận và tiến hành phiên họp trực tuyến.

Hai là, quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử và các sản phẩm do AI tạo ra. Sự phát triển của AI, đặc biệt là khả năng tạo ra các sản phẩm giả mạo tinh vi như “deepfake”, đặt ra thách thức lớn cho việc đánh giá chứng cứ. Điều 68(2)(d) của Luật TTTM 2010 quy định việc sử dụng chứng cứ giả mạo là một căn cứ để hủy phán quyết. Kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung các quy định về thu thập và đánh giá chứng cứ (ví dụ Điều 46) để làm rõ về tính chấp nhận được, giá trị chứng minh và gánh nặng chứng minh đối với các loại chứng cứ điện tử, đặc biệt là các tài liệu, phân tích do AI tạo ra. Pháp luật nên trao cho Hội đồng trọng tài quyền yêu cầu bên đệ trình chứng cứ được tạo ra bởi AI phải giải trình một cách minh bạch

về nguồn dữ liệu đầu vào, thuật toán đã sử dụng và quy trình tạo ra kết quả đó. Điều này giúp Hội đồng trọng tài và bên kia có cơ sở để đánh giá độ tin cậy của chứng cứ.

Ba là, cần ban hành hướng dẫn áp dụng các căn cứ hủy phán quyết trọng tài (Điều 68) để bao quát các vi phạm thủ tục trong môi trường số. Các vi phạm thủ tục do việc sử dụng AI gây ra (như thiếu minh bạch, vi phạm bảo mật, thiên vị thuật toán) có thể khó quy chiếu một cách trực tiếp vào các căn cứ hủy phán quyết hiện hành tại Điều 68. Kiến nghị: Trong khi chờ đợi sửa đổi luật, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành một Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Luật TTTM 2010. Nghị quyết này cần giải thích rõ rằng các hành vi sau đây, nếu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của một bên, có thể được xem xét là vi phạm thủ tục tố tụng theo Điều 68(2)(b) hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam theo Điều 68(2)(đ): Hội đồng trọng tài sử dụng công cụ AI để thực hiện các phân tích có ảnh hưởng đến việc ra phán quyết mà không thông báo và không cho các bên cơ hội hợp lý để bình luận, phản biện. Hành vi của một bên hoặc của Hội đồng trọng tài làm lộ thông tin bí mật của vụ kiện thông qua việc sử dụng các nền tảng AI không an toàn. Có bằng chứng rõ ràng cho thấy thuật toán AI được sử dụng có chứa đựng sự thiên vị, làm ảnh hưởng đến tính khách quan của phán quyết.

Bốn là, làm rõ vai trò, trách nhiệm và giới hạn của Trọng tài viên khi sử dụng AI hỗ trợ. Để ngăn chặn nguy cơ ủy thác quyền phán quyết, cần có một quy định rõ ràng về trách nhiệm của trọng tài viên. Kiến nghị bổ sung vào Điều 21 (Quyền, nghĩa vụ của Trọng tài viên) một khoản mới, quy định rằng: “Trọng tài viên có quyền sử dụng các công cụ công nghệ, bao gồm cả AI, để hỗ trợ cho việc nghiên cứu, phân tích và quản lý vụ kiện. Tuy nhiên, Trọng tài viên phải thực hiện sự giám sát cần thiết, kiểm tra tính chính xác của các kết quả do công nghệ tạo ra, phải chịu trách nhiệm cá nhân và cuối cùng về toàn bộ nội dung của phán quyết trọng tài và không được ủy thác chức năng ra quyết định của mình cho bất kỳ hệ thống công nghệ nào.”

4. Kết luận

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và quyết tâm thực hiện chuyển đổi số quốc gia, đây là thời điểm mang tính bước ngoặt. Việt Nam có cơ hội lớn để xây dựng và quảng bá hình ảnh một địa điểm trọng tài hiện đại, thân thiện với công nghệ và đáng tin cậy trong khu vực. Để hiện thực hóa triển vọng này, cần có những hành động quyết liệt và đồng bộ. Việc sửa đổi, bổ sung Luật TTTM 2010 để tạo ra một khung pháp lý linh hoạt, trung lập về công nghệ và quản lý được các rủi ro mới là nhiệm vụ cấp bách. Song song với đó, các tổ chức trọng tài như VIAC cần tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong việc ban hành các quy tắc tố tụng tiến bộ, đầu tư vào hạ tầng công nghệ an toàn và đặc biệt là chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực số cho đội ngũ trọng tài viên và cộng đồng hành nghề luật. Sự kết hợp hài hòa giữa việc hoàn thiện “luật cứng” và phát triển “luật mềm” sẽ là chìa khóa để Việt Nam không chỉ thích ứng mà còn có thể vươn lên, dẫn dắt trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp của kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
2. Chính phủ (2021), *Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.*
3. Chartered Institute of Arbitrators (2023), *Guidelines on the use of artificial intelligence in arbitration*, <https://www.ciarb.org/resources/guidelines/use-of-ai-in-arbitration>
4. European Union (2024), *Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act)*, Official Journal of the European Union, L 1689. <https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2024/1689/oj>
5. Hồ Sĩ Cương (2025), *Công an tỉnh Tiền Giang tổ chức tập huấn kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản trị văn phòng*, Cổng thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang, <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin-/cong-an-tinh-tien-giang-to-chuc-tap-huan-ky-nang-ung-dung-tri-tue-nhan-tao-vao-quan-tri-van-phong/58584278>
6. International Bar Association & International Council for Commercial Arbitration (2020), *ICCA-IBA Roadmap to Data Protection in International Arbitration*, <https://www.ibanet.org/ICCA-IBA-Roadmap-Data-Protection>
7. International Chamber of Commerce (2021), *Leveraging technology in international arbitration: ICC Commission Report*, <https://iccwbo.org/publication/leveraging-technology-in-international-arbitration>
8. London Court of International Arbitration (2020), *LCIA Arbitration Rules 2020*. https://www.lcia.org/Dispute_Resolution_Services/lcia-arbitration-rules-2020.aspx
9. Quốc hội (2010), Luật Trọng tài Thương mại số 54/2010/QH12.
10. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) (2022), *Bản hướng dẫn tổ tụng trọng tài*, <https://www.viac.vn/vn/huong-dan-to-tung>
11. United States (2023), *Executive Order on the Safe, Secure, and Trustworthy Development and Use of Artificial Intelligence*. Federal Register, 88(211), 75191-75206, <https://www.federalregister.gov/documents/2023/11/01/2023-24283/safe-secure-and-trustworthy-development-and-use-of-artificial-intelligence>
12. *Ứng dụng AI trong lĩnh vực Luật và Báo chí - Truyền thông*, Báo Pháp luật, <https://plo.vn/ky-nguyen-so/ung-dung-ai-trong-linh-vuc-luat-va-bao-chi-truyen-thong-post851305.amp?gidzl=puyEG4cMiqxAbKv2IuYqISkHJafHtxGNXvH86GU0i1U4pXz8LORZ5eF87nbHrR50qCf96Z2qBSmxIfQpIG>

**KHUNG PHÁP LÝ VỀ ỨNG DỤNG AI TRONG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM**

Lê Hồng Thoa¹

Tóm tắt: Bài viết phân tích tiềm năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong từng giai đoạn trọng tài thương mại, từ khâu trước xét xử đến thi hành phán quyết. Trên cơ sở nghiên cứu và dự báo xu hướng công nghệ sẽ nâng cao hiệu quả, minh bạch, bài viết cũng phân tích những thách thức về pháp lý, đạo đức, và bảo mật khi ứng dụng AI vào quy trình giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại. Từ những kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, nhóm tác giả đề xuất hoàn thiện khung pháp lý và gợi mở giải pháp để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khóa: giải quyết tranh chấp, trọng tài thương mại, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo.

Abstract: This article analyzes the potential applications of Artificial Intelligence (AI) across various stages of commercial arbitration, from pre-hearing procedures to the enforcement of arbitral awards. Based on research and projections of technological trends, the article highlights how AI can enhance efficiency and transparency in dispute resolution. It also examines legal, ethical, and cybersecurity challenges associated with integrating AI into the arbitration process. Drawing on international experiences, the authors propose legal framework reforms and suggest solutions to improve the effectiveness of commercial arbitration in Vietnam amid the digital transformation era.

Keywords: Dispute resolution, commercial arbitration, digital transformation, artificial intelligence.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, thương mại quốc tế ngày càng phát triển cả về quy mô lẫn phạm vi, kéo theo sự gia tăng nhanh chóng của các tranh chấp thương mại giữa doanh nghiệp và các chủ thể kinh tế xuyên quốc gia. Các tranh chấp này không chỉ gia tăng về số lượng mà còn trở nên đa dạng và phức tạp hơn về bản chất pháp lý, với sự tham gia của nhiều luật áp dụng, quốc gia và lĩnh vực kỹ thuật chuyên sâu. Trước thực tiễn đó, trọng tài thương mại đã và đang được coi là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, thay thế cho tòa án nhà nước vốn thường gặp phải những hạn chế về thủ tục, thẩm quyền và thời gian. Với các ưu điểm như tính linh hoạt, khả năng bảo mật, sự lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn và thủ tục xét xử đơn giản hơn, trọng tài ngày càng chiếm vị thế trung tâm trong hệ sinh thái giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại, cả ở bình diện quốc tế và nội địa.

¹ Trường ĐH Nguyễn Tất Thành.

Song song với sự chuyển mình của phương thức trọng tài, thế giới đang chứng kiến bước tiến mạnh mẽ của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI), trong lĩnh vực pháp lý. Sự phát triển nhanh chóng của các giải pháp công nghệ trong ngành luật – thường được gọi chung là legaltech – đã mở ra cơ hội cải tổ sâu sắc các phương thức truyền thống trong giải quyết tranh chấp. Trí tuệ nhân tạo, với năng lực phân tích dữ liệu lớn, học máy (machine learning) và xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), đang ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong hoạt động pháp lý như tư vấn hợp đồng, phân tích văn bản, phát hiện rủi ro pháp lý, tự động hóa quy trình tố tụng, và hỗ trợ ra quyết định pháp lý. Trong lĩnh vực trọng tài thương mại, AI được kỳ vọng sẽ đóng vai trò tích cực trong việc hiện đại hóa quy trình giải quyết tranh chấp, từ giai đoạn trước xét xử cho đến khi thi hành phán quyết.

Xuất phát từ những bối cảnh trên, việc nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong trọng tài thương mại là cần thiết và có ý nghĩa lý luận – thực tiễn to lớn. Đề tài này không chỉ góp phần làm rõ cơ hội ứng dụng công nghệ vào trọng tài hiện đại, mà còn gợi mở các hướng đi trong cải cách thủ tục tố tụng trọng tài, giảm thiểu chi phí cho các bên, rút ngắn thời gian xử lý vụ việc và tăng cường tính minh bạch, hiệu quả của toàn bộ quy trình giải quyết tranh chấp. Đây cũng là một cách tiếp cận mới để kết nối giữa trọng tài thương mại truyền thống với xu thế công nghệ 4.0, tạo ra mô hình "trọng tài thông minh" – một chủ đề đang được quan tâm tại nhiều diễn đàn quốc tế như ICCA, UNCITRAL, WIPO và các trung tâm trọng tài lớn như SIAC, LCIA hay VIAC tại Việt Nam.

Vì vậy, việc phân tích một cách hệ thống và toàn diện về tiềm năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quy trình giải quyết tranh chấp bởi trọng tài thương mại là rất cần thiết. Cụ thể, bài viết sẽ làm rõ những lĩnh vực và giai đoạn mà AI có thể được tích hợp, đánh giá lợi ích và các rủi ro pháp lý – đạo đức mà AI mang lại trong môi trường trọng tài, từ đó đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế liên quan. Bên cạnh việc phản ánh tình hình quốc tế, bài viết cũng đặt trọng tâm vào bối cảnh thực tiễn Việt Nam – nơi mà trọng tài thương mại đang dần được đẩy mạnh, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế về mặt ứng dụng công nghệ và pháp lý hỗ trợ.

2. Nội dung nghiên cứu:

2.1. Khái quát về trọng tài thương mại

Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống tòa án nhà nước, trong đó các bên tranh chấp thỏa thuận đưa vụ việc của mình ra giải quyết trước một hội đồng trọng tài độc lập. Đây là hình thức giải quyết có tính chất tư pháp, được luật pháp hầu hết các quốc gia công nhận, và ngày càng phổ biến trong bối cảnh thương mại toàn cầu phát triển mạnh mẽ.

Theo quy định tại Điều 3 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam năm 2010, trọng tài thương mại là “phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành bởi một tổ chức trọng tài hoặc trọng tài viên được các bên chỉ định hoặc do một cơ quan có thẩm quyền chỉ định”. Trọng tài thương mại có thể tồn tại dưới hai hình thức chính: trọng tài ad hoc (thành lập riêng cho từng vụ việc) và trọng tài thể chế (do một trung tâm trọng tài tổ chức và quản lý).

Ưu điểm của trọng tài thương mại so với tòa án truyền thống bao gồm: (i) thủ tục tố tụng linh hoạt và có thể do các bên tự thỏa thuận; (ii) phán quyết có tính chung thẩm, không bị kháng cáo như bản án; (iii) đảm bảo tính bí mật, phù hợp với yêu cầu bảo vệ thông tin kinh doanh; (iv) trọng tài viên thường là chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu trong lĩnh vực tranh chấp. Đặc biệt, với sự ra đời và phát triển của Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, phán quyết trọng tài quốc tế đã có giá trị thi hành tại hơn 170 quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp quốc tế lựa chọn cơ chế này.

Tuy nhiên, trọng tài cũng đối mặt với những thách thức nhất định như chi phí cao, thời gian kéo dài trong một số trường hợp, cũng như thiếu các công cụ cưỡng chế so với tòa án. Chính vì vậy, nhu cầu cải tiến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài để tăng hiệu quả, giảm chi phí và tạo sự minh bạch là xu hướng tất yếu, trong đó công nghệ – đặc biệt là trí tuệ nhân tạo – được xem như một giải pháp tiềm năng.

2.2. Tổng quan về trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực pháp lý

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) là lĩnh vực nghiên cứu và phát triển các hệ thống máy tính có khả năng mô phỏng các hành vi trí tuệ của con người như học tập, suy luận, nhận thức ngôn ngữ, và ra quyết định. AI bao gồm nhiều kỹ thuật khác nhau như học máy (machine learning), học sâu (deep learning), xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing – NLP), hệ chuyên gia (expert systems), và thị giác máy tính (computer vision). Trong lĩnh vực pháp lý, AI đang mở ra một thời kỳ mới – nơi mà các hoạt động pháp lý truyền thống được hỗ trợ bởi công nghệ với độ chính xác và tốc độ cao hơn đáng kể.

Trong những năm gần đây, AI đã được ứng dụng vào nhiều khâu của quá trình hành nghề luật, bao gồm: tra cứu pháp lý thông minh, phân tích hợp đồng, đánh giá rủi ro pháp lý, phát hiện gian lận, soạn thảo văn bản pháp lý tự động, và hỗ trợ trong quá trình xét xử. Đặc biệt, trong các hệ thống pháp lý có khối lượng hồ sơ và dữ liệu pháp lý lớn, AI giúp giảm thiểu thời gian xử lý, đồng thời hạn chế sai sót con người. Các phần mềm như ROSS Intelligence, Luminance, hoặc Kira Systems hiện nay đã được tích hợp vào nhiều hãng luật quốc tế lớn như Allen & Overy, Clifford Chance, hay Dentons.

Trong lĩnh vực tố tụng và trọng tài, AI cũng được kỳ vọng sẽ góp phần cải thiện toàn diện quy trình giải quyết tranh chấp. Những ứng dụng tiềm năng bao gồm: tự động hóa việc

nộp đơn khởi kiện, lập lịch xét xử, phân tích các tình huống pháp lý tương tự, hỗ trợ ra quyết định bằng cách đánh giá xác suất thắng kiện, và thậm chí hỗ trợ soạn thảo bản dự thảo phán quyết. Một số trung tâm trọng tài quốc tế như SIAC (Singapore), ICC (Pháp), và HKIAC (Hong Kong) đã bước đầu ứng dụng công nghệ AI vào quản lý hồ sơ vụ việc và xây dựng nền tảng xét xử trực tuyến tích hợp phân tích dữ liệu.

Tuy nhiên, AI cũng đặt ra nhiều vấn đề pháp lý, đạo đức và kỹ thuật, như: liệu phán quyết do AI hỗ trợ có giá trị pháp lý không? Trách nhiệm pháp lý thuộc về ai khi AI gây ra sai sót? Làm sao để đảm bảo nguyên tắc công bằng, bình đẳng và minh bạch trong quá trình sử dụng AI? Những câu hỏi này đặt ra nhu cầu cấp thiết về một khung pháp lý đầy đủ và linh hoạt để điều chỉnh hoạt động của AI trong môi trường pháp lý – đặc biệt là trong lĩnh vực trọng tài thương mại, nơi quyền tự do thỏa thuận và tính chất tư pháp của phán quyết là những yếu tố then chốt.

2.3. Khả năng ứng dụng AI trong quy trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang lan rộng trên toàn cầu, trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ là công cụ kỹ thuật mà đang trở thành một thành phần tích hợp trong quy trình tư pháp và giải quyết tranh chấp. Đối với lĩnh vực trọng tài thương mại – vốn được đặc trưng bởi tính linh hoạt và sự đồng thuận của các bên – AI được kỳ vọng có thể cải thiện hiệu quả tố tụng, hỗ trợ trọng tài viên, đồng thời góp phần nâng cao tính minh bạch và công bằng của quy trình giải quyết tranh chấp.

➤ ***Trong giai đoạn trước xét xử (Pre-arbitration phase)***

Trước khi một tranh chấp được chính thức đưa ra giải quyết bằng trọng tài, các bên thường phải trải qua giai đoạn tiền tố tụng như: rà soát hợp đồng, đánh giá khả năng xảy ra tranh chấp, tìm kiếm thỏa thuận trọng tài, chuẩn bị hồ sơ khởi kiện, v.v. Đây là giai đoạn mà AI có thể phát huy hiệu quả vượt trội.

Thứ nhất, các chatbot pháp lý (legal bots) có khả năng hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá sơ bộ tranh chấp, hướng dẫn soạn thảo đơn yêu cầu trọng tài, phân tích thỏa thuận trọng tài hiện hữu và nhận diện các điểm mơ hồ có thể gây tranh cãi. Những chatbot này có thể được lập trình để trả lời tự động các câu hỏi liên quan đến quy trình tố tụng của từng trung tâm trọng tài như VIAC, SIAC hoặc ICC, từ đó giảm tải cho luật sư và tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.

Thứ hai, các hệ thống phân tích dữ liệu pháp lý (legal analytics) có thể hỗ trợ dự báo khả năng thành công của vụ việc, dựa trên các yếu tố như loại tranh chấp, tính chất hợp đồng, hồ sơ phán quyết tương tự, thậm chí là xu hướng ra quyết định của các trọng tài viên trước đó (nếu có dữ liệu). Một số nền tảng như Premonition, Blue J Legal hoặc LexisNexis sử dụng machine learning để cung cấp các dự báo pháp lý giúp doanh nghiệp ra quyết định chiến lược trước khi khởi kiện.

Thứ ba, trong giai đoạn chuẩn bị hồ sơ, AI còn hỗ trợ trích xuất dữ liệu, phân loại tài liệu, phát hiện mâu thuẫn trong chứng cứ, từ đó giúp luật sư tiết kiệm hàng trăm giờ đọc văn bản và tập trung vào chiến lược tranh tụng.

➤ ***Trong giai đoạn tố tụng trọng tài (Arbitration proceedings phase)***

Trong giai đoạn diễn ra thủ tục tố tụng trọng tài, AI tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ hiệu quả cho các bên tranh chấp, thư ký trọng tài và chính hội đồng trọng tài.

Trước tiên, AI được ứng dụng trong quản lý hồ sơ vụ việc (case management systems), tự động hóa các quy trình hành chính như nộp đơn kiện, theo dõi thời hạn, gửi thông báo cho các bên, lập lịch xét xử, và lưu trữ hồ sơ điện tử. Hệ thống như Kleros hoặc các nền tảng nội bộ tại SIAC, LCIA đã sử dụng AI để đảm bảo tiến trình tố tụng diễn ra trơn tru, đúng thời hạn và có thể theo dõi minh bạch theo thời gian thực.

Thứ hai, AI có thể hỗ trợ trọng tài viên và luật sư phân tích lập luận pháp lý, so sánh với án lệ, quy định pháp luật liên quan, đồng thời cung cấp gợi ý về cách tiếp cận vụ việc dựa trên dữ liệu từ hàng trăm phán quyết trước đó. Đây là chức năng đặc biệt hữu ích trong các vụ việc có yếu tố kỹ thuật hoặc tranh chấp phức tạp liên quan đến nhiều hệ thống pháp luật.

Thứ ba, AI còn được tích hợp vào phiên họp trọng tài trực tuyến thông qua tính năng nhận diện giọng nói, phiên âm tự động, dịch thuật thời gian thực, giúp các bên ở các quốc gia khác nhau dễ dàng tham gia mà không bị rào cản ngôn ngữ hoặc khoảng cách địa lý.

Một số mô hình thử nghiệm gần đây cũng đã sử dụng AI như “trợ lý pháp lý ảo” cho trọng tài viên, giúp phân tích nội dung tranh chấp, sắp xếp thứ tự xử lý các lập luận, thậm chí đề xuất khung dự thảo phán quyết dựa trên tiêu chuẩn có sẵn. Tuy nhiên, các quyết định cuối cùng vẫn hoàn toàn do con người đảm nhiệm, để bảo đảm nguyên tắc công bằng, tính độc lập và trách nhiệm giải trình.

➤ ***Trong giai đoạn sau khi có phán quyết (Post-award phase)***

Sau khi phán quyết trọng tài được ban hành, quy trình thi hành vẫn có thể kéo dài và gặp nhiều thách thức, đặc biệt với các phán quyết quốc tế. AI tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ đắc lực trong giai đoạn này.

Thứ nhất, AI có thể được sử dụng để theo dõi quá trình thi hành phán quyết, đặc biệt trong việc truy vết tài sản, xác định nơi cư trú của bên thua kiện, hoặc theo dõi khả năng hợp tác của đối phương. Đây là điểm mạnh của các hệ thống AI tích hợp dữ liệu tài chính và thương mại toàn cầu, giúp tránh tình trạng “phán quyết trên giấy”.

Thứ hai, trong trường hợp có yêu cầu hủy phán quyết, AI có thể hỗ trợ phân tích các cơ sở pháp lý bị viện dẫn, so sánh với các vụ việc tương tự trong quá khứ, và đánh giá khả năng bị tòa án bác đơn hoặc chấp nhận hủy.

Thứ ba, AI còn đóng vai trò trong việc tổng hợp và chuẩn hóa dữ liệu phán quyết trọng tài, qua đó xây dựng cơ sở dữ liệu mở giúp cộng đồng luật sư, doanh nghiệp và cơ quan nghiên cứu có thể tham khảo và học hỏi.

2.4. Kinh nghiệm quốc tế trong việc ứng dụng AI vào trọng tài thương mại

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động trọng tài thương mại đang được các quốc gia và tổ chức quốc tế nghiên cứu và triển khai theo nhiều cấp độ khác nhau. Những sáng kiến này không chỉ giới hạn ở khía cạnh kỹ thuật, mà còn thể hiện qua các cải cách thể chế và chính sách để thích ứng với xu thế công nghệ mới. Dưới đây là một số kinh nghiệm nổi bật từ các quốc gia và trung tâm trọng tài hàng đầu, cho thấy xu hướng toàn cầu hóa trong việc tích hợp AI vào hệ sinh thái giải quyết tranh chấp.

2.4.1. Kinh nghiệm của Singapore – quốc gia tiên phong trong legaltech và trọng tài điện tử

Singapore từ lâu đã được xem là trung tâm trọng tài hàng đầu tại châu Á – Thái Bình Dương, với cơ sở hạ tầng pháp lý và công nghệ tiên tiến. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) là một trong những đơn vị đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ, bao gồm trí tuệ nhân tạo, vào hoạt động quản lý hồ sơ, sắp xếp lịch xét xử và lưu trữ phán quyết.

Một trong những bước tiến đáng chú ý là việc Singapore phát triển hệ thống Legal Technology Platform (LTP) – một hạ tầng kỹ thuật số tích hợp AI, cho phép các luật sư và trọng tài viên truy cập, xử lý và phân tích dữ liệu tranh chấp một cách hiệu quả. Đồng thời, hệ thống e-Arbitration Rules được áp dụng rộng rãi, tạo điều kiện để AI hỗ trợ quy trình tố tụng điện tử từ đầu đến cuối.

Ngoài ra, Singapore còn khuyến khích phát triển sandbox pháp lý, nơi các doanh nghiệp legaltech có thể thử nghiệm giải pháp AI trong môi trường pháp lý kiểm soát được rủi ro. Đây là mô hình rất đáng tham khảo cho Việt Nam trong giai đoạn khởi động ứng dụng AI vào trọng tài.

2.4.2. Liên minh châu Âu (EU) – xây dựng khung pháp lý minh bạch và bảo vệ dữ liệu

Liên minh châu Âu là một trong những khu vực đi đầu về xây dựng chuẩn mực đạo đức và pháp lý cho AI. Ủy ban châu Âu (European Commission) đã ban hành Đạo luật AI (EU AI Act), trong đó phân loại các hệ thống AI theo mức độ rủi ro và yêu cầu quản trị khác nhau. Dù không nhắm trực tiếp đến trọng tài, nhưng đạo luật này ảnh hưởng đáng kể đến việc phát triển và vận hành các công cụ AI trong ngành luật.

Một số trung tâm trọng tài lớn tại châu Âu như ICC (Pháp), SCC (Thụy Điển) và DIS (Đức) cũng đã bước đầu triển khai các hệ thống case management sử dụng thuật toán thông minh. ICC, trong các báo cáo từ năm 2022, đã thí điểm AI để hỗ trợ tự động kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ khởi kiện, giúp giảm tải công việc hành chính cho thư ký trọng tài.

EU cũng đặc biệt chú trọng đến vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trong trọng tài có yếu tố AI, thông qua việc áp dụng nghiêm ngặt Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR). Điều này nhấn mạnh rằng việc ứng dụng AI cần đi kèm với các tiêu chuẩn cao về bảo mật, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

2.4.3. Trung Quốc – phát triển hệ thống xét xử thông minh kết hợp AI

Trung Quốc là một trong những quốc gia đầu tư mạnh mẽ nhất vào trí tuệ nhân tạo trong hệ thống tư pháp. Ngoài các tòa án thông minh đã được triển khai tại nhiều tỉnh thành, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Bắc Kinh (BIAC) và Ủy ban Trọng tài Thượng Hải (SHAC) cũng bắt đầu áp dụng nền tảng trực tuyến tích hợp AI để xét xử các tranh chấp thương mại nhỏ hoặc trung bình.

Trung Quốc phát triển các hệ thống AI có khả năng tự động nhận diện các tình huống tranh chấp tương tự, đưa ra gợi ý về nội dung hòa giải, và giúp trọng tài viên soạn thảo bản dự thảo phán quyết. Tuy nhiên, mô hình của Trung Quốc vẫn bị giới hạn bởi việc thiếu minh bạch trong thuật toán và sự phụ thuộc lớn vào dữ liệu do nhà nước kiểm soát. Đây là điểm cảnh báo cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, về rủi ro mất cân bằng giữa hiệu quả kỹ thuật và nguyên tắc pháp lý.

2.5. Thực tiễn tại Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý ứng dụng AI vào trọng tài thương mại

2.5.1. Thực trạng ứng dụng AI trong trọng tài thương mại tại Việt Nam

Tại Việt Nam, trọng tài thương mại đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong hệ thống giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) là tổ chức trọng tài thể chế hàng đầu và thường xuyên được các doanh nghiệp lựa chọn. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ nói chung và trí tuệ nhân tạo nói riêng vào quy trình trọng tài vẫn còn ở giai đoạn sơ khai, mang tính thử nghiệm và chưa đồng bộ.

Một số dấu hiệu tích cực ban đầu có thể kể đến như: VIAC đã triển khai nền tảng nộp hồ sơ trực tuyến và quản lý vụ việc qua hệ thống điện tử. Trong thời kỳ COVID-19, các phiên trọng tài trực tuyến (online arbitration hearings) cũng được áp dụng, mở ra tiền đề cho các mô hình xét xử linh hoạt hơn. Tuy nhiên, các công cụ này mới dừng lại ở mức “số hóa” chứ chưa tích hợp đầy đủ trí tuệ nhân tạo. Cho đến nay, chưa có trung tâm trọng tài nào tại Việt Nam ứng dụng AI một cách chính thức vào quy trình trọng tài như: dự đoán kết quả tranh chấp, đề xuất giải pháp, hay hỗ trợ soạn thảo phán quyết. Một phần nguyên nhân là do hạ tầng kỹ thuật chưa phát triển đồng đều, thiếu dữ liệu pháp lý số hóa, và quan trọng hơn là khung pháp lý điều chỉnh AI trong lĩnh vực tố tụng – trọng tài chưa đầy đủ.

Ngoài ra, yếu tố con người cũng là rào cản không nhỏ. Nhiều luật sư, trọng tài viên còn dè dặt với việc sử dụng công nghệ, thiếu kỹ năng số, trong khi doanh nghiệp chưa thực sự tin

tương vào hiệu quả và độ tin cậy của các công cụ AI. Hơn nữa, chưa có bất kỳ hướng dẫn chính thức nào từ cơ quan nhà nước hoặc hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến đạo đức và tiêu chuẩn sử dụng AI trong trọng tài.

Đồng thời, theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010, các quy định hiện tại hoàn toàn được xây dựng trên giả định rằng các chủ thể tham gia vào quá trình tố tụng từ nguyên đơn, bị đơn đến hội đồng trọng tài đều là con người hoặc tổ chức có năng lực pháp lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Các điều khoản từ Điều 20 đến Điều 22 quy định cụ thể về tiêu chuẩn trở thành trọng tài viên, bao gồm năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và sự vô tư, khách quan trong xét xử. Rõ ràng, đây là những tiêu chuẩn gắn chặt với cá nhân con người và không thể áp dụng đối với một thực thể phi nhân cách như hệ thống AI. Ngoài ra, Điều 21 quy định quyền và nghĩa vụ của các bên trong tố tụng trọng tài cũng đặt trọng tâm vào việc “tự mình hoặc thông qua người đại diện” thực hiện quyền tranh tụng, điều này cũng chưa dự liệu tình huống một bên sử dụng AI như một chủ thể tương tác có tính tự động hoặc tự hành động. Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định các căn cứ để hủy phán quyết trọng tài hoặc từ chối công nhận, trong đó có việc vi phạm nguyên tắc tố tụng hoặc việc hội đồng trọng tài vượt quá thẩm quyền. Trong trường hợp AI được tích hợp sâu vào quy trình xét xử mà không được luật định hoặc các bên không có thỏa thuận minh thị, việc sử dụng AI rất dễ bị viện dẫn là căn cứ để tuyên vô hiệu hoặc bác bỏ hiệu lực của phán quyết, nhất là khi không thể xác định rõ trách nhiệm hoặc năng lực giải trình của hệ thống AI.

Bên cạnh đó, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 tuy đã có bước tiến trong việc pháp điển hóa công nghệ số và các phương thức giao dịch tự động, nhưng vẫn chưa có quy định cụ thể nào liên quan đến việc sử dụng AI trong quy trình tố tụng hoặc phân định rõ giới hạn giữa công cụ hỗ trợ và chủ thể tham gia tố tụng. Mặc dù luật này thừa nhận hiệu lực pháp lý của thông điệp dữ liệu và chữ ký điện tử trong hoạt động tố tụng và hành chính, nhưng đối với hoạt động trọng tài – nơi đòi hỏi đánh giá chủ quan, năng lực suy đoán pháp lý và khả năng chịu trách nhiệm đạo đức – thì khung khổ hiện hành chưa đưa ra tiêu chuẩn nào để kiểm soát hoặc cho phép AI đảm nhiệm các vai trò vượt khỏi thuần túy kỹ thuật.

Tại cấp độ pháp luật quốc tế, đối với Luật Mẫu UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế, văn bản này mang tính định hướng và linh hoạt cao, tuy nhiên vẫn đặt nền tảng trên cấu trúc tố tụng do con người thực hiện. Điều 11 và 12 của Luật Mẫu quy định về việc bổ nhiệm và miễn nhiệm trọng tài viên dựa trên yếu tố trung lập, năng lực chuyên môn và sự độc lập – các yếu tố mà một hệ thống AI chưa thể đáp ứng trong điều kiện hiện nay. Luật Mẫu cũng nhấn mạnh nguyên tắc “các bên được đối xử công bằng” và “có cơ hội trình bày vụ việc” (Điều 18), đòi hỏi phải có một chủ thể điều hành quy trình tố tụng đủ năng lực để đảm bảo các bên tranh tụng trong thế công bằng. Việc để AI tự động đưa ra phán quyết mà không có khả năng giải

trình hoặc bị kiểm soát có thể dẫn đến sự sai lệch căn bản với các nguyên tắc tổ tụng công bằng của Luật Mẫu.

Từ tổng hợp các văn bản trên, có thể thấy rằng khung pháp lý hiện tại ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế đều chưa có quy định cụ thể nào về việc công nhận AI như một chủ thể tố tụng, càng chưa có thiết chế xác định trách nhiệm pháp lý của AI nếu có sai sót trong quá trình tố tụng. Các quy phạm hiện hành vẫn đang ngầm mặc định rằng mọi chức năng tố tụng, đặc biệt là quyền phán xét, đều phải do con người đảm nhiệm. Điều này dẫn đến một khoảng trống pháp lý lớn: không có quy định nào về tiêu chuẩn vận hành hệ thống AI dùng trong tố tụng, không có cơ chế xác định trách nhiệm khi AI đưa ra kết luận sai lệch và không có quy định về quyền kiểm tra, tiếp cận hoặc phản biện hệ thống AI của các bên trong tranh chấp. Trong khi đó, nếu AI được đưa vào như một phần của tiến trình tố tụng dù ở vai trò kỹ thuật hay tham vấn thì việc thiếu cơ chế minh bạch và kiểm soát pháp lý có thể làm phương hại nghiêm trọng đến nguyên tắc “due process”, từ đó ảnh hưởng đến tính hợp pháp và hiệu lực của toàn bộ quy trình trọng tài.

Do vậy, có thể kết luận rằng pháp luật hiện hành tuy không cấm việc sử dụng AI trong trọng tài, nhưng cũng chưa tạo ra cơ sở pháp lý đầy đủ để điều chỉnh các khía cạnh trách nhiệm, giới hạn quyền năng và cơ chế minh bạch của công nghệ này trong tố tụng. Việc xây dựng một hành lang pháp lý chuyên biệt cho AI trong tố tụng trọng tài có thể dưới hình thức một nghị định hướng dẫn Luật Trọng tài thương mại, hoặc trong tương lai là một chương riêng trong các bản cập nhật của Luật Giao dịch điện tử là yêu cầu cấp thiết để đảm bảo tính khả thi, minh bạch và hợp pháp của việc ứng dụng AI trong giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại.

2.5.2. Tác động của AI đến hiệu lực pháp lý của phán quyết trọng tài

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) đang đặt ra nhiều thách thức và cơ hội đối với các lĩnh vực pháp lý truyền thống, trong đó có cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Sự tham gia của AI vào các giai đoạn khác nhau của quy trình tố tụng trọng tài làm nảy sinh những câu hỏi pháp lý có tính nguyên tắc, trong đó nổi bật là vấn đề về hiệu lực pháp lý của phán quyết trọng tài trong những vụ việc có sự can thiệp của công nghệ AI, cũng như tính hợp lệ của AI với tư cách một phần của quá trình tố tụng. Những vấn đề này không chỉ đặt ra trong khuôn khổ pháp luật quốc gia như Luật Trọng tài thương mại Việt Nam năm 2010 mà còn chịu sự chi phối của các điều ước quốc tế nền tảng như Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

Từ góc độ lý luận pháp lý, việc xác định hiệu lực của phán quyết trọng tài trong các vụ việc có ứng dụng AI phải được xem xét trên cơ sở nguyên tắc tố tụng công bằng – một nguyên tắc được thừa nhận rộng rãi trong pháp luật trọng tài hiện đại. Theo Điều 4 Luật Trọng tài thương mại 2010, một trong những nguyên tắc cốt lõi điều chỉnh hoạt động của trọng tài là đảm

bảo các bên được đối xử bình đẳng và được tạo mọi điều kiện để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tương tự, Điều V.1(b) Công ước New York 1958 quy định rằng một phán quyết trọng tài có thể bị từ chối công nhận nếu một trong các bên trong tranh chấp không được thông báo thích đáng về việc chỉ định trọng tài viên hoặc về thủ tục tố tụng, hoặc không thể trình bày vụ việc của mình. Do đó, nếu việc sử dụng AI trong quá trình giải quyết tranh chấp gây ra sự bất bình đẳng giữa các bên hoặc hạn chế khả năng tiếp cận thông tin, phản biện chứng cứ hoặc bảo vệ quyền lợi hợp pháp, thì có thể bị coi là vi phạm nguyên tắc tố tụng công bằng, từ đó làm phương hại đến hiệu lực của phán quyết trọng tài.

Tuy nhiên, việc AI hiện diện trong tố tụng không đồng nghĩa với việc AI thay thế hoàn toàn con người trong chức năng xét xử. Sự phân định ranh giới đối với “AI là công cụ hỗ trợ” và không mang tính quyết định đối với tính hợp lệ của phán quyết. AI trong trường hợp này chỉ đóng vai trò hỗ trợ kỹ thuật, ví dụ như thu thập, phân loại, trích xuất dữ liệu từ chứng cứ, phân tích tiền lệ pháp lý, đề xuất soạn thảo bản đệ trình, hoặc hỗ trợ dịch thuật và trực quan hóa thông tin – thì về nguyên tắc, đây là các phần việc có thể được ủy quyền cho chuyên gia hoặc công nghệ mà không vi phạm cấu trúc tố tụng. Trong những trường hợp này, AI có thể làm tăng chất lượng và hiệu quả của quá trình tố tụng mà không làm tổn hại đến các quyền tố tụng của các bên. Những phần việc này cũng không thuộc phạm vi quyền năng tư pháp vốn được dành riêng cho hội đồng trọng tài, vì chúng không trực tiếp tạo ra tác động quyết định đối với nội dung của phán quyết. Việc sử dụng AI trong những công đoạn đó có thể được ví như một hình thức “gia công pháp lý số hóa”, tương tự như việc sử dụng thư ký trọng tài hay chuyên gia tư vấn kỹ thuật.

Ngược lại, nếu AI can thiệp vào bản chất xét xử – cụ thể là đưa ra các đánh giá định tính về hành vi, xác lập trách nhiệm pháp lý hoặc tự động quyết định về nghĩa vụ bồi thường thì nguy cơ xâm phạm quyền tố tụng là hiện hữu. Trong một số tình huống giả định, nếu hội đồng trọng tài chỉ đóng vai trò hình thức, còn toàn bộ nội dung phán quyết được tạo lập bởi một hệ thống AI không thể kiểm tra, không minh bạch về cơ sở lý luận, thì tính hợp pháp của phán quyết sẽ bị nghi ngờ nghiêm trọng. Lúc này, các tiêu chuẩn về sự công khai, khả năng kiểm chứng và trách nhiệm của người xét xử sẽ không còn được đảm bảo. Đây là điểm mà AI không thể vượt qua ranh giới – đó là năng lực phán xét có trách nhiệm, với đầy đủ năng lực pháp lý và đạo đức, một đặc điểm gắn chặt với chủ thể con người. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay, chưa có bất kỳ văn bản pháp luật nào kể cả Công ước New York, Luật Trọng tài thương mại 2010 hay Quy tắc tố tụng của các trung tâm trọng tài lớn công nhận AI là một thực thể có tư cách trọng tài viên hay đồng trọng tài viên.

Trong bối cảnh pháp lý hiện tại, có thể khẳng định rằng một phán quyết trọng tài sẽ vẫn giữ nguyên hiệu lực nếu việc sử dụng AI chỉ giới hạn trong khuôn khổ công cụ hỗ trợ kỹ thuật,

phục vụ quá trình xử lý thông tin, quản trị chứng cứ, hoặc hỗ trợ ngôn ngữ. Nhưng nếu AI được sử dụng làm cơ sở ra quyết định mà không có sự điều chỉnh chặt chẽ từ phía con người, đặc biệt là trọng tài viên thì hiệu lực của phán quyết sẽ đối mặt với rủi ro nghiêm trọng khi bị yêu cầu hủy hoặc từ chối công nhận. Việc sử dụng AI không minh bạch, không kiểm chứng được, và không có cơ chế giải trình rõ ràng về các tiêu chí và lập luận pháp lý cũng có thể bị coi là vi phạm thủ tục tố tụng trọng yếu, từ đó tạo cơ sở cho việc tuyên vô hiệu phán quyết theo Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010.

2.5.3. Kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý và phát triển ứng dụng AI trong trọng tài thương mại

Để tạo điều kiện cho việc ứng dụng AI vào trọng tài thương mại tại Việt Nam một cách hiệu quả, minh bạch và phù hợp với chuẩn mực quốc tế, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp ở cả cấp độ pháp luật, chính sách và thực tiễn triển khai. Một số kiến nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần xây dựng và ban hành khung pháp lý về trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực pháp lý, bao gồm việc xác định phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn kỹ thuật, nguyên tắc đạo đức và cơ chế kiểm soát rủi ro. Việt Nam có thể tham khảo mô hình phân loại rủi ro của EU hoặc các bộ quy tắc đạo đức do ICCA và UNCITRAL đề xuất.

Thứ hai, sửa đổi và bổ sung Luật Trọng tài thương mại năm 2010 để công nhận hình thức tố tụng điện tử và cho phép sử dụng công nghệ hỗ trợ quá trình giải quyết tranh chấp, bao gồm AI. Cần thiết kế các quy định về tính hợp lệ của chứng cứ điện tử, trách nhiệm giải trình của trọng tài viên khi sử dụng công cụ AI, và điều kiện chấp nhận các dự đoán pháp lý từ hệ thống thông minh.

Thứ ba, khuyến khích các trung tâm trọng tài phát triển nền tảng trọng tài điện tử tích hợp AI, phục vụ cho các hoạt động như nhận đơn kiện tự động, phân tích tranh chấp sơ bộ, quản lý phiên họp, và soạn thảo dự thảo phán quyết. Đây là bước đi chiến lược giúp tăng tính cạnh tranh của trọng tài Việt Nam so với các tổ chức quốc tế trong khu vực.

Thứ tư, đầu tư phát triển cơ sở dữ liệu phán quyết trọng tài được số hóa, dưới sự quản lý của các hiệp hội nghề nghiệp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc công khai phán quyết (dưới hình thức ẩn danh hóa) sẽ tạo tiền đề cho AI học hỏi và hỗ trợ tốt hơn cho các vụ việc tương lai.

Thứ năm, tăng cường đào tạo và nâng cao nhận thức cho trọng tài viên, luật sư, thư ký và doanh nghiệp về tiềm năng và giới hạn của AI trong lĩnh vực trọng tài. Có thể tổ chức các khóa học ngắn hạn, chương trình chứng chỉ hoặc hội thảo chuyên đề kết hợp giữa công nghệ và pháp lý.

Cuối cùng, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp legaltech phát triển các sản phẩm công nghệ pháp lý nội địa, có khả năng cạnh tranh với phần mềm nước ngoài nhưng phù hợp với ngữ cảnh và văn hóa pháp lý Việt Nam.

3. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quy trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là nhu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và công bằng của thủ tục trọng tài. Qua nghiên cứu, bài tiểu luận đã làm rõ vai trò của AI trong từng giai đoạn của quá trình trọng tài, từ chuẩn bị hồ sơ, tổ tụng cho đến thi hành phán quyết.

Kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển như Singapore, Liên minh châu Âu, Trung Quốc, cũng như sự đóng góp của các tổ chức quốc tế, đã cung cấp những bài học quý giá về cách thức xây dựng khung pháp lý, phát triển công nghệ và quản trị rủi ro khi tích hợp AI vào trọng tài.

Tại Việt Nam, mặc dù trọng tài thương mại đang phát triển năng động, nhưng việc ứng dụng AI vẫn còn hạn chế do các rào cản về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực con người, và đặc biệt là thiếu các quy định pháp lý rõ ràng về AI trong lĩnh vực tổ tụng trọng tài. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý, xây dựng cơ sở dữ liệu, đào tạo chuyên môn, và khuyến khích phát triển sản phẩm legaltech nội địa là những nhiệm vụ ưu tiên nhằm tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển AI trong trọng tài thương mại.

Nhìn về tương lai, AI hứa hẹn sẽ không chỉ hỗ trợ con người trong các công việc hành chính và phân tích pháp lý, mà còn có thể trở thành công cụ đắc lực giúp trọng tài viên ra quyết định công tâm và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển bền vững và phù hợp với các nguyên tắc pháp luật, cần duy trì sự cân bằng giữa yếu tố công nghệ và đạo đức nghề nghiệp, đồng thời không ngừng cập nhật và hoàn thiện các quy định pháp lý tương ứng.

Việc nghiên cứu và triển khai AI trong trọng tài thương mại tại Việt Nam không chỉ góp phần hiện đại hóa hệ thống giải quyết tranh chấp mà còn thúc đẩy vị thế trọng tài Việt Nam trên bản đồ trọng tài quốc tế, hướng tới một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và thân thiện với công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration (2006, sửa đổi 2010)
2. ICCA Reports & SIAC eFiling Guidelines
3. VIAC Arbitration Rules, 2020.
4. Thông tin từ UNCITRAL Tech Task Force, ICCA Technology Survey 2023
5. Moreira, J. I., & Zhang, J. (2024). ChatGPT as a fourth arbitrator? The ethics and risks of using large language models in arbitration. *Arbitration International*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1093/arbint/aiae031>
6. Burgstaller, M., & Negret, A. (2024). Investment protection standards: Can EU law fill the shoes of investment treaties? *Arbitration International*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1093/arbint/aiae030>
7. Teitelbaum, R. (2024). The history of ICSID by Antonio R. Parra. *Arbitration International*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1093/arbint/aiae033>
8. Havan, M. E. (2024). How to approach expropriation risk as a controversial component of country risk in investment arbitration. *Arbitration International*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1093/arbint/aiae028>
9. Vij, J. (2024). Singapore's stance on enforcement of foreign awards set aside at the seat: Some recent developments. *Arbitration International*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1093/arbint/aiae034>

ONLINE ARBITRATION – XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Phạm Minh Nhã Trang¹

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển bùng nổ của thương mại điện tử, phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống ngày càng bộc lộ hạn chế về thời gian, chi phí và khả năng tiếp cận. Trọng tài trực tuyến (e-arbitration) ra đời trên nền tảng công nghệ số, bao gồm điện toán đám mây, blockchain, trí tuệ nhân tạo và chữ ký điện tử - mang lại lợi ích vượt trội như rút ngắn thời gian từ 24-36 tháng xuống còn 8-14 tuần, giảm 40-60% chi phí và xóa bỏ rào cản địa lý. Tuy nhiên, e-arbitration đối mặt với thách thức về an ninh mạng, hạ tầng công nghệ không đồng đều, khung pháp lý chưa hoàn thiện và khó khăn trong xác thực danh tính, cũng như tương tác trực tiếp giữa các bên. Trên thế giới, các tổ chức như ICC, SIAC, HKIAC đã áp dụng nền tảng số hóa tích hợp AI và blockchain. Bài viết đề xuất cần sớm sửa đổi Luật Trọng tài Thương mại, ban hành quy tắc tố tụng số, hoàn thiện khung pháp lý về chữ ký số và hợp đồng thông minh; đồng thời đầu tư hạ tầng CNTT, đào tạo kỹ năng số cho trọng tài viên, luật sư và xây dựng cơ chế thí điểm, hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong giải quyết tranh chấp.

Từ khoá: E-arbitration, Chuyển đổi số trong giải quyết tranh chấp, Chữ ký điện tử và hợp đồng thông minh.

Abstract: In the context of globalization and the explosive growth of e-commerce, traditional dispute-resolution methods have increasingly revealed limitations in terms of time, cost, and accessibility. Online arbitration (e-arbitration), built on digital technologies, including cloud computing, blockchain, artificial intelligence, and electronic signatures, offers significant advantages, such as reducing resolution time from 24-36 months to 8-14 weeks, cutting costs by 40-60%, and eliminating geographical barriers. However, e-arbitration faces challenges in cybersecurity, uneven technological infrastructure, and incomplete legal framework, difficulties in verifying identity, and the loss of direct interpersonal interaction. Globally, institutions such as the ICC, SIAC, and HKIAC have adopted digital platforms integrated with AI and blockchain; meanwhile, Vietnam's VIAC eCase system is only beginning to implement electronic case-management solutions and still lacks specialized legislation and clear provisions on the legal effect of electronic awards. This paper proposes that Vietnam promptly amend its Commercial Arbitration Law, issue digital-procedure rules, and complete the legal framework for digital signatures and smart contracts; at the same time, it should invest

¹ Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Bigboss BBIAIC, nhatrangpham24@gmail.com

in IT infrastructure, provide digital-skills training for arbitrators and counsel, and establish pilot programs and international partnerships to drive the digital transformation of dispute resolution.

Keywords: *E-arbitration, Digital transformation in dispute resolution, Electronic signatures and Smart Contracts*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo ra những biến chuyển căn bản trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực pháp lý, giải quyết tranh chấp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của giao dịch thương mại điện tử, các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống dần bộc lộ những hạn chế về thời gian, chi phí, khả năng tiếp cận và hiệu quả thực thi. Đáp ứng yêu cầu này, xu hướng số hóa trong trọng tài (e-arbitration) và hòa giải (online mediation) ngày càng phát triển mạnh mẽ, trở thành lựa chọn ưu tiên của nhiều cá nhân, tổ chức trên toàn cầu. Bài viết này sẽ phân tích tổng quan về xu hướng số hóa trong lĩnh vực trọng tài và hòa giải, làm rõ đặc điểm, quy trình, lợi ích, thách thức, thực tiễn áp dụng tại Việt Nam và quốc tế, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong giải quyết tranh chấp.

2. Khái niệm và bản chất của Trọng tài trực tuyến (e-arbitration)

2.1. Trọng tài trực tuyến (e-arbitration)

Trọng tài trực tuyến (e-arbitration) là phương thức giải quyết tranh chấp kết hợp công nghệ số với nguyên tắc trọng tài truyền thống, trong đó các thủ tục như nộp đơn, trao đổi tài liệu, điều trần và ra phán quyết được thực hiện thông qua nền tảng điện tử như email, hội nghị video hoặc hệ thống quản lý vụ việc chuyên dụng.² Phương thức này chia thành hai dạng: hoàn toàn trực tuyến (sử dụng 100% công cụ số) hoặc kết hợp trực tuyến - truyền thống, mang lại lợi ích vượt trội về thời gian (giải quyết tranh chấp trong 8 tuần so với 24-36 tháng của tố tụng thông thường), chi phí (loại bỏ chi phí đi lại, in ấn, bưu chính) và tính tiếp cận (xóa bỏ rào cản địa lý).³ Công nghệ hỗ trợ bao gồm nền tảng quản lý đám mây (ICC Case Connect), blockchain (đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu), trí tuệ nhân tạo (phân tích bằng chứng) và chữ ký điện tử (theo Đạo luật Công nghệ Thông tin 2000).⁴

Mặc dù mang tính cách mạng, e-arbitration đối mặt thách thức về an ninh mạng (rủi ro rò rỉ dữ liệu nhạy cảm), cơ sở hạ tầng công nghệ không đồng đều giữa các khu vực, và vấn đề

² Ulum, A. (n.d.). Electronic arbitration: A model for effective dispute resolution. CEUR-WS.org. Retrieved from <http://ceur-ws.org/Vol-684/paper8.pdf>, truy cập 25/5/2025.

³ UNUM. (n.d.). E-arbitration. UNUM. Retrieved from <https://unum.world/arbitration/e-arbitration/>, truy cập 25/5/2025.

⁴ VIA Mediation Centre. (n.d.). E-arbitration: The model. Retrieved from <https://viamediationcentre.org/readnews/NjEx/E-Arbitration-The-Model>, truy cập 25/5/2025.

pháp lý liên quan đến xác định thẩm quyền tài phán khi các bên tham gia từ nhiều quốc gia.⁵ Khung pháp lý hiện hành kế thừa nguyên tắc trọng tài truyền thống (Công ước New York 1958) nhưng cần hoàn thiện để giải quyết tính hợp lệ của thỏa thuận trực tuyến, giá trị pháp lý của phán quyết điện tử và cơ chế thi hành xuyên biên giới. Xu hướng tích hợp AI và IoT hứa hẹn nâng cao hiệu quả, trong khi đại dịch COVID-19 thúc đẩy áp dụng rộng rãi, biến e-arbitration thành công cụ không thể thiếu trong thương mại điện tử toàn cầu.⁶

Về bản chất, duy trì các nguyên tắc cốt lõi của trọng tài truyền thống, bao gồm sự đồng thuận của các bên trong việc lựa chọn trọng tài viên trung lập, quy trình tổ tụng công bằng và phán quyết có giá trị ràng buộc. Điểm khác biệt chính là việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông để số hóa toàn bộ quy trình, từ việc nộp đơn, trao đổi chứng cứ, đến phiên điều trần và ban hành phán quyết, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đáng kể và điểm khác biệt lớn nhất là toàn bộ quá trình này được số hóa, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để thay thế các hoạt động giấy tờ, gặp mặt trực tiếp. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang môi trường số cũng đặt ra những thách thức về mặt pháp lý và kỹ thuật, như đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu, xác thực danh tính các bên tham gia, và khả năng thi hành phán quyết điện tử trong các khu vực pháp lý khác nhau. Do đó, cần có một khung pháp lý rõ ràng và các biện pháp kỹ thuật phù hợp để đảm bảo hiệu quả và tính hợp pháp của trọng tài trực tuyến.⁷

2.2. Khung pháp lý hiện hành

Khung pháp lý hiện hành về trọng tài trực tuyến trên phạm vi toàn cầu đang được định hình bởi các văn bản hướng dẫn quốc tế và thực tiễn của các tổ chức trọng tài hàng đầu. Ghi chú Kỹ thuật của UNCITRAL về Giải quyết Tranh chấp Trực tuyến (2016) thiết lập nguyên tắc nền tảng cho ODR, bao gồm tính công bằng, minh bạch và hiệu quả, áp dụng cho các tranh chấp thương mại xuyên biên giới giá trị thấp. Cùng với đó, Khung Hợp tác APEC về ODR (2019) khuyến khích các nền kinh tế thành viên áp dụng cơ chế đa tầng (đàm phán, hòa giải, trọng tài) để giải quyết tranh chấp B2B, đặc biệt tập trung vào doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs). Các trung tâm trọng tài quốc tế như ICC và SIAC đã tích cực số hóa quy trình tổ tụng thông qua hướng dẫn tổ chức phiên điều trần ảo và nền tảng quản lý hồ sơ điện tử tích hợp AI. Tuy nhiên, nhiều quốc gia như Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý chuyên biệt cho ODR, dù đã có quy định cho phép sử dụng công nghệ trong tổ tụng

⁵ Australian and New Zealand Institute of Arbitrators and Mediators. (2016). Challenges and opportunities of e-arbitration in Asia-Pacific. ANZRIArbMedr, (8). Retrieved from <https://classic.austlii.edu.au/au/journals/ANZRIArbMedr/2016/8.pdf>, truy cập 25/5/2025.

⁶ WJARR. (2024). Electronic arbitration in the digital era: Benefits and challenges. World Journal of Advanced Research and Reviews, 2024(2628). Retrieved from <https://wjarr.com/sites/default/files/WJARR-2024-2628.pdf>, truy cập 25/5/2025.

⁷ United Nations Commission on International Trade Law. (n.d.). Technical notes on online dispute resolution. Retrieved June 5, 2025, from https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/v1700382_english_technical_notes_on_odr.pdf, truy cập 25/5/2025.

trọng tài tại Điều 13 Luật Trọng tài Thương mại 2010. Sự phát triển này phản ánh xu hướng tất yếu trong bối cảnh thương mại điện tử toàn cầu tăng trưởng mạnh, đòi hỏi cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt, tiết kiệm chi phí và thời gian.

3. Động lực thúc đẩy và xu hướng số hóa trong trọng tài

3.1. Động lực thúc đẩy số hóa trong trọng tài

Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra làn sóng tranh chấp xuyên biên giới với đặc thù giá trị thấp, số lượng lớn và tính chất đa quốc gia.⁸ Các phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống trở nên bất cập do chi phí cao, thời gian kéo dài và thiếu cơ chế linh hoạt để xử lý hàng loạt vụ việc nhỏ lẻ. Song song đó, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 với sự xuất hiện của điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo (AI) và blockchain đã mở ra giải pháp đột phá. Các nền tảng số tích hợp công nghệ nhận diện giọng nói, xác thực điện tử và mã hóa dữ liệu cho phép tự động hóa quy trình hòa giải/trọng tài, đảm bảo tính minh bạch và bảo mật thông tin.⁹ Ví dụ, blockchain giúp lưu trữ bằng chứng bất biến, trong khi AI hỗ trợ phân tích dữ liệu pháp lý và dự đoán kết quả tranh chấp, từ đó rút ngắn thời gian giải quyết từ 50 ngày xuống còn 14 ngày trong một số hệ thống.¹⁰

Đại dịch Covid-19 đóng vai trò chất xúc tác thúc đẩy số hóa nhanh chóng cho chuyển đổi số trong trọng tài trực tuyến. Các biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế đi lại buộc tổ chức trọng tài, trung tâm hòa giải chuyển đổi toàn diện sang hình thức trực tuyến để duy trì hoạt động.¹¹ Theo khảo sát của Trung tâm Giải quyết Tranh chấp Hiệu quả (CEDR), 64% vụ hòa giải thương mại được tiến hành trực tuyến trong giai đoạn này, trong khi các nền tảng như Zoom hay Microsoft Teams trở thành công cụ chủ đạo cho phiên điều trần ảo.¹² Xu hướng này không chỉ là giải pháp tạm thời mà còn định hình tương lai ngành giải quyết tranh chấp, khi 92% các bên hài lòng với hiệu quả của hòa giải trực tuyến. Công nghệ số hóa giờ đây trở thành yếu tố không thể thiếu, kết hợp giữa nhu cầu thực tiễn từ thương mại toàn cầu và tiềm năng tối ưu hóa từ công nghệ.¹³

3.2. Xu hướng số hóa trong trọng tài

⁸ Rule, C. (2014). Facilitating expansion of cross-border e-commerce: Developing a global redress system for low-value, high-volume disputes (Research Paper). Pennsylvania State University. <https://www.colinrule.com/writing/penn2014.pdf>, truy cập 25/5/2025.

⁹ Artificial Intelligence and Blockchain Technologies in Online Dispute Resolution. (2024). Potchefstroom Electronic Law Journal, 27(1). <https://scielo.org.za/pdf/pej/v27n1/41.pdf>, truy cập 25/5/2025.

¹⁰ Ngcobo, M. (2024). Artificial intelligence and blockchain technologies in online dispute resolution. Potchefstroom Electronic Law Journal, 27(1), 12–25. <https://doi.org/10.577/t27i1a2>, truy cập 25/5/2025.

¹¹ Centre for Effective Dispute Resolution. (2023). The 10th CEDR Mediation Audit: The state of mediation 2022. <https://www.cedr.com/wp-content/uploads/2023/02/Tenth-CEDR-Mediation-Audit-2023.pdf>, truy cập 25/5/2025.

¹² Conference of European Directors of Dispute Resolution. (2023). The Tenth CEDR Mediation Audit: The state of civil and commercial mediation. Centre for Effective Dispute Resolution. <https://www.cedr.com/wp-content/uploads/2023/02/Tenth-CEDR-Mediation-Audit-2023.pdf>, truy cập 25/5/2025.

¹³ Lexology. (2023, February). Reviewing the 2023 Tenth CEDR Mediation Audit. <https://www.lexology.com/library/detail.aspx?g=297ffab5-e5c8-4a45-9551-4d275cbe211a>, truy cập 25/5/2025.

3.2.1. Lợi ích kinh tế và hiệu quả vượt trội thúc đẩy xu hướng toàn cầu

Xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang trọng tài trực tuyến trên phạm vi toàn cầu xuất phát từ những lợi ích kinh tế và hiệu quả vượt trội mà phương thức này mang lại. Trước hết, yếu tố chi phí đóng vai trò then chốt khi trọng tài trực tuyến giúp giảm đáng kể các khoản chi tiêu liên quan đến di chuyển, thuê địa điểm và lưu trú cho các bên tham gia. Theo nghiên cứu từ các nền tảng trọng tài quốc tế, chi phí giải quyết tranh chấp trực tuyến thường thấp hơn 40-60% so với phương thức truyền thống do loại bỏ được các chi phí logistics và cơ sở hạ tầng vật lý. Đặc biệt đối với các tranh chấp xuyên biên giới, việc tránh được chi phí đi lại quốc tế và thời gian chờ đợi visa, thủ tục hành chính tạo nên lợi thế cạnh tranh vượt trội. Bên cạnh đó, tốc độ giải quyết được cải thiện đáng kể khi các vụ việc có thể được xử lý trong vòng 8-14 tuần thay vì 24-36 tháng như trọng tài truyền thống. Sự linh hoạt trong việc sắp xếp lịch trình cũng là yếu tố quan trọng, cho phép các bên tham gia từ múi giờ khác nhau có thể dễ dàng phối hợp mà không bị ràng buộc bởi giờ làm việc truyền thống hay địa điểm cố định. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa khi các doanh nghiệp ngày càng có nhiều đối tác và khách hàng ở các châu lục khác nhau, tạo nhu cầu cao về giải pháp giải quyết tranh chấp không bị giới hạn về mặt địa lý và thời gian.

Xu hướng này càng được củng cố bởi sự thay đổi trong nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp. Các công ty nhận ra rằng trọng tài trực tuyến không chỉ tiết kiệm chi phí đi lại, thuê địa điểm mà còn giảm thiểu rủi ro pháp lý do chậm trễ thủ tục. Ví dụ, nền tảng Rapid Ruling đã rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp từ 24-36 tháng xuống còn 8-14 tuần nhờ tự động hóa quy trình nộp đơn, xử lý bằng chứng và tổ chức phiên họp ảo.¹⁴ Tại Việt Nam, Trung tâm Trọng tài Quốc tế (VIAC) triển khai hệ thống eCase cho phép quản lý hồ sơ điện tử, theo dõi tiến trình vụ việc theo thời gian thực và nhận thông báo tự động, giúp giảm 40% thời gian xử lý so với phương thức truyền thống.¹⁵ Những tiến bộ này cho thấy đại dịch đã thúc đẩy quá trình số hóa vốn diễn ra từ trước, biến trọng tài trực tuyến thành tiêu chuẩn mới trong ngành pháp lý toàn cầu.

3.2.2. Công nghệ số và định hướng tương lai của ngành tài phán

Sự phát triển vượt bậc của công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) và blockchain, đã tạo nền tảng vững chắc cho việc mở rộng quy mô trọng tài trực tuyến trên toàn thế giới. Công nghệ blockchain mang lại tính minh bạch và bảo mật vượt trội bằng cách tạo ra hệ thống lưu trữ bằng chứng bất biến, đảm bảo tính toàn vẹn của tài liệu và quy trình tố tụng. Điều này đặc biệt quan trọng trong các tranh chấp tài sản số và hợp đồng thông minh, khi các bên cần

¹⁴ Rapid Ruling. (2024). Online arbitration services. <https://rapidruling.com/online-arbitration/>, truy cập 25/5/2025.

¹⁵ VIAC. (2024). Giới thiệu hệ thống eCase. <https://www.viac.vn/ecase-gioi-thieu.html>, truy cập 25/5/2025.

đảm bảo rằng bằng chứng điện tử không thể bị xâm phạm hay chỉnh sửa. Đồng thời, việc tích hợp AI vào quy trình trọng tài cho phép tự động hóa nhiều khâu như phân loại vụ việc, phân tích tiền lệ pháp lý và thậm chí dự đoán kết quả tranh chấp, từ đó rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao tính nhất quán trong các phán quyết. Tại Việt Nam, VIAC đã triển khai nền tảng eCase với nhiều tính năng tiên tiến như quản lý tài liệu điện tử, theo dõi vụ việc real-time và thông báo tự động, thể hiện xu hướng chung của ngành. Hơn nữa, khả năng xử lý hàng loạt vụ việc cùng lúc của các hệ thống trực tuyến giúp giải quyết bài toán quá tải mà nhiều hệ thống tòa án truyền thống đang đối mặt. Xu hướng này được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng khi thể hệ doanh nghiệp và luật sư trẻ ngày càng quen thuộc với công nghệ số, đồng thời nhu cầu về giải pháp giải quyết tranh chấp nhanh chóng, hiệu quả và có thể mở rộng quy mô sẽ tiếp tục tăng cao trong bối cảnh kinh tế số phát triển mạnh mẽ

3.2.3. Hệ thống pháp lý và thể chế hỗ trợ mở đường cho trọng tài trực tuyến

Sự phát triển của khung pháp lý quốc tế và quốc gia đóng vai trò then chốt trong việc hợp pháp hóa và chuẩn hóa trọng tài trực tuyến. Công ước Singapore về Hòa giải (2019) đã tạo cơ sở pháp lý để công nhận và thi hành các thỏa thuận hòa giải đa phương, bao gồm cả những thỏa thuận đạt được thông qua nền tảng số.¹⁶ Nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Canada và các nước EU đã xây dựng hành lang pháp lý riêng cho Giải quyết Tranh chấp Trực tuyến (ODR), trong đó quy định rõ về tính hiệu lực của chữ ký điện tử, giá trị pháp lý của bằng chứng số và thẩm quyền của tòa án ảo.¹⁷ Chẳng hạn, Ủy ban Thương mại Liên bang Hoa Kỳ (FTC) yêu cầu các sàn thương mại điện tử lớn như eBay tích hợp ODR vào điều khoản sử dụng, đảm bảo tranh chấp được giải quyết nhanh chóng mà không cần kiện tụng.¹⁸

Công nghệ blockchain và trí tuệ nhân tạo (AI) đang được các tổ chức trọng tài hàng đầu ứng dụng để tăng cường tính minh bạch và độ tin cậy. Blockchain cho phép lưu trữ bằng chứng dưới dạng bất biến, ngăn chặn gian lận hoặc sửa đổi tài liệu sau khi nộp.¹⁹ Trong khi đó, AI hỗ

¹⁶ Farmer, B., Jury, S., Knoll-Tudor, I., & Visweswaran, A. (2024, February 11). Countdown to RIDW24: International arbitration – Driving efficiency and reducing costs. Kluwer Arbitration Blog. <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2024/02/11/countdown-to-ridw24-international-arbitration-driving-efficiency-and-reducing-costs/>, truy cập 25/5/2025.

¹⁷ Inglezakis, I., Nguyễn, V. M., & Nguyễn, T. H. (2016, August 22). Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến với thương mại điện tử của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (Báo cáo ICB-44) [Research report, EU-MUTRAP Project]. EU-MUTRAP. https://thuvien.hlu.edu.vn/KIPOSATA0/KIPOSSysWebFiles/files/SanPham/TaiLieuDuAnMuTrap/BaoCaoNghienCuu/ICB%2044_Nghien%20cuu%20co%20che%20phoi%20hop%20ODR%20cua%20Vn%20voi%20EU%20trong%20giai%20doan%202016-2020.pdf, truy cập 25/5/2025.

¹⁸ Lê, X. T. (2021, August 15). Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến ở Hoa Kỳ. Tạp chí Tài chính. <https://tapchitaichinh.vn/giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-bang-trong-tai-va-hoa-giai-truc-tuyen-o-hoa-ky.html>, truy cập 25/5/2025.

¹⁹ Puertas Álvarez, O., Valentí i Vidal, O., & Díaz Vallespinós, L. (2022, November 8). Unlocking blockchain evidence in international arbitration. Cuatrecasas Knowledge Hub. <https://www.cuatrecasas.com/resources/kh-unlocking-blockchain-evidence-in-international-arbitration-60255dd4f2d20388271178.pdf>, truy cập 25/5/2025.

trợ phân tích dữ liệu pháp lý, dự đoán xu hướng phán quyết dựa trên tiền lệ, giúp rút ngắn 70% thời gian nghiên cứu hồ sơ.²⁰ Mô hình này đặc biệt hiệu quả với các tranh chấp giá trị thấp nhưng số lượng lớn trong thương mại điện tử. Kết hợp cùng cơ chế smart contract, toàn bộ quy trình từ khiếu nại đến thi hành án có thể được tự động hóa, loại bỏ sự can thiệp thủ công. Tuy nhiên, các học giả cảnh báo về thách thức trong việc xác định "nơi xét xử" (seat of arbitration) khi phiên họp diễn ra trên đám mây, đòi hỏi sự điều chỉnh linh hoạt từ các hiệp ước quốc tế như Công ước New York 1958.²¹ Dù vậy, với tốc độ cải cách thể chế hiện nay, trọng tài trực tuyến đang dần trở thành trụ cột không thể thiếu trong hệ thống tư pháp toàn cầu.

4. Thách thức và rủi ro của số hóa trong trọng tài và hòa giải

Việc số hóa trong trọng tài và hòa giải đang gặp rào cản đầu tiên từ khung pháp lý chưa hoàn thiện tại Việt Nam. Luật Trọng tài thương mại 2010 và Luật Giao dịch điện tử 2005 cho đến nay chưa có những quy định chuyên biệt về e-arbitration và online mediation, đặc biệt là các vấn đề then chốt như hiệu lực pháp lý của chữ ký điện tử, giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử và địa điểm pháp lý cho các phiên xử trực tuyến. Chính vì thế, khi một bên muốn khởi kiện hoặc thực hiện hòa giải hoàn toàn qua mạng, việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài hoặc thỏa thuận hòa giải thành gặp không ít khó khăn do chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng. Bên cạnh đó, khâu xác thực, bảo mật và quản lý chứng cứ điện tử vẫn là những thách thức lớn: việc đảm bảo tính toàn vẹn, xác thực tài liệu điện tử và ngăn chặn nguy cơ giả mạo, tấn công mạng hay rò rỉ thông tin đòi hỏi đầu tư hạ tầng kỹ thuật cao và quy trình chặt chẽ.

Ngoài ra, bản chất trực tuyến khiến quá trình hòa giải và trọng tài bị hạn chế về tương tác giữa con người. Khi thiếu đi giao tiếp trực tiếp, hòa giải viên và các bên tranh chấp khó xây dựng lòng tin, lắng nghe và thấu hiểu cảm xúc lẫn nhau, đặc biệt trong những vụ việc phức tạp, nhiều tầng lợi ích. Đồng thời, không phải cá nhân hay tổ chức nào cũng thành thạo công nghệ, có đủ thiết bị, đường truyền ổn định hay kỹ năng sử dụng nền tảng số, dẫn đến rào cản về mặt tiếp cận và nhận thức. Nhiều doanh nghiệp, cá nhân vẫn còn e ngại, chưa tin tưởng vào hiệu quả cũng như tính bảo mật của ODR (Online Dispute Resolution). Cuối cùng, vấn đề thực thi phán quyết và cam kết hòa giải xuất phát từ chính quy định chưa rõ ràng ở một số quốc gia, trong đó có Việt Nam, khiến các bên khi nhận được phán quyết hoặc thỏa thuận chỉ có giá trị điện tử phải đối mặt với rủi ro khi thực thi. Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện khung pháp lý

²⁰ Mohanty, G. (2024, August 10). The crypto dispute resolution: Deciphering the scope of arbitration in the blockchain age. The Arbitration Workshop. <https://www.thearbitrationworkshop.com/post/the-crypto-dispute-resolution-deciphering-the-scope-of-arbitration-in-the-blockchain-age>, truy cập 25/5/2025.

²¹ Herboczková, J. (2008). Certain aspects of online arbitration. In Dny práva – 2008 (Days of Law) Conference Proceedings (pp. 1–12). Faculty of Law, Masaryk University. <https://www.law.muni.cz/sborniky/dp08/files/pdf/mezinaro/herboczkova.pdf>, truy cập 25/5/2025.

và nâng cao năng lực kỹ thuật, nhận thức cho các bên liên quan là yếu tố then chốt để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo tính khả thi của trọng tài, hòa giải trực tuyến.

Bên cạnh những thách thức đã nêu, việc số hóa trong trọng tài và hòa giải còn phải đối mặt với một số rủi ro tiềm ẩn khác. Trước hết, khi toàn bộ quá trình được thực hiện trực tuyến, nguy cơ gián đoạn do trục trặc kỹ thuật (mất kết nối, lỗi phần mềm, hoặc tấn công DDoS) có thể làm gián đoạn phiên xử, khiến các bên bị gián đoạn quyền lợi và mất thời gian. Thêm vào đó, vấn đề tương tác giữa các bên trong môi trường số không chứng kiến ngôn ngữ cơ thể hay sắc thái giọng nói một cách trọn vẹn, có thể khiến hòa giải viên hoặc trọng tài viên khó đánh giá đầy đủ tâm lý, mức độ căng thẳng hoặc thiện chí của các bên tranh chấp, ảnh hưởng đến hiệu quả đàm phán và đưa ra phán quyết chính xác.

Một rủi ro khác là sự thiếu đồng bộ về tiêu chuẩn kỹ thuật giữa các nền tảng ODR. Nếu mỗi tổ chức hoặc trung tâm hòa giải sử dụng giao thức, công nghệ mã hóa, hay phương thức xác thực khác nhau, việc chuyển giao hồ sơ qua lại hoặc chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống sẽ gặp nhiều khó khăn và tiềm ẩn rủi ro lộ dữ liệu.²² Đồng thời, chi phí đầu tư ban đầu cho việc thiết lập hạ tầng an ninh mạng, đào tạo nhân sự sử dụng nền tảng và duy trì hệ thống số không hề nhỏ, đặc biệt đối với các đơn vị vừa và nhỏ.²³

Cuối cùng, tâm lý ngại thay đổi và thiếu niềm tin vào quy trình trực tuyến vẫn là rào cản lớn. Nhiều doanh nghiệp, cá nhân vẫn lo ngại rằng việc hòa giải hoặc trọng tài qua mạng không thể đảm bảo công bằng hoặc dễ bị can thiệp. Do đó, bên cạnh việc hoàn thiện khung pháp lý, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cho các bên liên quan và xây dựng các chứng chỉ, tiêu chuẩn hành nghề dành riêng cho hòa giải viên và trọng tài viên làm việc trong môi trường trực tuyến. Chỉ khi các bên cảm thấy an tâm về tính minh bạch, bảo mật và chuyên nghiệp, thì quá trình số hóa mới thực sự phát huy được hiệu quả, đồng thời giảm thiểu tối đa các rủi ro và thách thức.

5. Thực tiễn áp dụng e-arbitration tại Việt Nam và quốc tế

Thực tiễn áp dụng trọng tài trực tuyến (e-arbitration) tại Việt Nam và quốc tế phản ánh sự chuyển đổi mạnh mẽ trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp thương mại dưới tác động của công nghệ số. Tại Việt Nam, mặc dù thiếu khung pháp lý chuyên biệt điều chỉnh hoạt động trọng tài trực tuyến theo Luật Trọng tài thương mại 2010, các tổ chức như Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đã tiên phong triển khai Nền tảng Quản lý Vụ việc Trực tuyến (VIAC OCM)

²² Hamin, M., & Hanson, A. (2024, June 24). User in the middle: An interoperability and security guide for policymakers. Atlantic Council. <https://www.atlanticcouncil.org/in-depth-research-reports/report/user-in-the-middle-an-interoperability-and-security-guide-for-policymakers/>, truy cập 25/5/2025.

²³ Ulliss, R. (2024, September 26). The cost of good security: Analyzing 2024's cyber budget trends. The National CIO Review. <https://nationalcioreview.com/articles-insights/information-security/the-cost-of-good-security-analyzing-2024s-cyber-budget-trends/>, truy cập 25/5/2025.

từ năm 2024 với sự hỗ trợ của USAID. Nền tảng này cho phép đăng ký hồ sơ điện tử, tổ chức phiên họp ảo và lưu trữ tài liệu số, đồng thời tuân thủ tiêu chuẩn bảo mật ISO 27001 và GDPR.²⁴ Theo thống kê, VIAC đã xử lý 1.259 tranh chấp giai đoạn 2011-2019 với sự tham gia của các bên từ 60 quốc gia, trong đó 15% số vụ áp dụng hình thức trực tuyến kết hợp sau đại dịch COVID-19.²⁵ Tuy nhiên, việc công nhận phán quyết trực tuyến vẫn gặp thách thức do thiếu quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và hợp đồng thông minh, cùng hạ tầng công nghệ chưa đồng đều giữa các khu vực.²⁶ Quyết định số 03/2023/KDTM-GDT của Tòa án Nhân dân Tối cao năm 2023 đã làm nổi bật vấn đề xác định thẩm quyền đối với phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, đặc biệt khi quy trình tố tụng không tuân thủ các điều khoản về thời hạn theo Luật Trọng tài thương mại.

Trên thế giới, các tổ chức như ICC Case Connect (2022) và SIAC Gateway (2024) đã thiết lập tiêu chuẩn mới với tích hợp blockchain đảm bảo tính toàn vẹn hồ sơ, AI hỗ trợ dịch thuật đa ngôn ngữ, cùng cơ chế xác thực sinh trắc học. ICC Case Connect, được nâng cấp năm 2025 với công nghệ Opus 2, quản lý hơn 10.000 vụ việc và 8.000 trọng tài viên toàn cầu, cung cấp môi trường đám mây an toàn để hợp tác liên mạch.²⁷ Vào năm 2021, HKIAC Case Connect tại Hồng Kông chính thức đưa vào vận hành hệ thống quản lý hồ sơ điện tử và lịch sự kiện tự động, giúp giảm đáng kể sự cố kỹ thuật trong các phiên trực tuyến;²⁸ đồng thời, các nền tảng e-arbitration như eBRAM chỉ mất trung bình 2,5-7 tuần để hoàn tất giải quyết tranh chấp, so với 23–30 tháng của tố tụng truyền thống;²⁹ và ICC báo cáo 45 % trong 890 vụ mới đăng ký năm 2023 là tranh chấp xuyên biên giới.³⁰

Dù vậy, thách thức chung vẫn tồn tại. An ninh mạng là mối lo ngại hàng đầu, đặc biệt sau sự cố rò rỉ dữ liệu qua nền tảng Zoom năm 2020, đòi hỏi các biện pháp như mã hóa đầu

²⁴ Vietnam International Arbitration Centre. (2024, June 18). Introduction | VIAC Online Case Management Platform. Retrieved from <https://www.viac.vn/en/ecase-introduction.html>, truy cập 25/5/2025.

²⁵ Vietnam International Arbitration Centre. (2020, September 1). Dispute resolution by commercial arbitration: Time and Costs Saving. Retrieved from <https://www.viac.vn/en/news-events/dispute-resolution-by-commercial-arbitration-time-and-costs-saving-n946.html>, truy cập 25/5/2025.

²⁶ VTN & Partners. (2024, May 17). Smart Contract Under Vietnamese Law. Retrieved from <https://vtn-partners.com/news/smart-contract-under-vietnamese-law.html>, truy cập 25/5/2025.

²⁷ International Chamber of Commerce. (2025, April 1). ICC launches next-generation digital case management platform for dispute resolution services. Retrieved April 1, 2025, from <https://iccwbo.org/news-publications/news/icc-launches-next-generation-digital-case-management-platform-for-dispute-resolution-services/>, truy cập 25/5/2025.

²⁸ Pinsent Masons. (2022, August 22). Use of technology in arbitration and court proceedings in Hong Kong. Retrieved June 7, 2025, from <https://www.pinsentmasons.com/out-law/analysis/use-of-technology-in-arbitration-and-court-proceedings-in-hong-kong>, truy cập 25/5/2025.

²⁹ eBRAM APEC Online Dispute Resolution Platform. (n.d.). APEC Online Dispute Resolution Service. Retrieved June 7, 2025, from https://www.ebram.org/apec_odr.html?language=en, truy cập 25/5/2025.

³⁰ International Chamber of Commerce. (2024). ICC Dispute Resolution 2023 Statistics. Retrieved June 7, 2025, from https://iccwbo.org/wp-content/uploads/sites/3/2024/06/2023-Statistics_ICC_Dispute-Resolution_991.pdf, truy cập 25/5/2025.

cuối và xác thực hai lớp.³¹ Khoảng cách số giữa các khu vực cũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận, với gần 40% người dùng tại châu Á gặp khó khăn về đường truyền.³² Bên cạnh đó, sự thiếu đồng bộ trong khung pháp lý quốc tế - như yêu cầu về "địa điểm trọng tài" vật lý theo Công ước New York 1958, có thể dẫn đến từ chối thi hành phán quyết điện tử.³³ Tương lai của e-arbitration hứa hẹn tích hợp IoT và hợp đồng thông minh để tự động hóa quy trình, nhưng điều này đòi hỏi sự hài hòa giữa tiêu chuẩn kỹ thuật và luật pháp toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.³⁴

6. Khuyến nghị hoàn thiện khung pháp lý và thúc đẩy số hóa

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, việc hoàn thiện khung pháp lý và thúc đẩy số hóa trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến (e-arbitration) và các nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và công bằng cho các bên tham gia, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh của hệ thống pháp luật quốc gia trên trường quốc tế. Trước hết, cần khẳng định rằng các văn kiện pháp lý quốc tế như Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế 1985, Luật Mẫu về Thương mại Điện tử 1996, Luật Mẫu về Chữ ký Điện tử 2001 và Công ước Liên Hợp Quốc về Sử dụng Thông tin Điện tử trong Hợp đồng Quốc tế 2005 đã đặt nền móng quan trọng cho việc thừa nhận giá trị pháp lý của giao dịch, chữ ký và chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, các quy định này chủ yếu mang tính khuyến nghị và chưa trực tiếp điều chỉnh toàn diện các đặc thù của e-arbitration, đặc biệt là về quy trình, tiêu chuẩn bảo mật, xác thực danh tính, lưu trữ dữ liệu, và cơ chế công nhận – thi hành phán quyết điện tử xuyên biên giới. Do đó, một khung pháp lý quốc tế thống nhất, cụ thể hóa các chuẩn mực về tố tụng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, xác thực điện tử và tiêu chuẩn kỹ thuật cho các nền tảng ODR là cần thiết để đảm bảo sự công nhận và thực thi phán quyết một cách nhất quán trên phạm vi toàn cầu.

Ở cấp độ quốc gia, các nước như Anh, Singapore, Nigeria, Ấn Độ đã ban hành hoặc sửa đổi luật trọng tài để thừa nhận giá trị pháp lý của các thủ tục điện tử, chữ ký số, phiên họp trực tuyến và hồ sơ điện tử, đồng thời xây dựng các bộ quy tắc tố tụng số chuyên biệt cho tranh chấp

³¹ TeamPassword. (2021, August 10). What happened with the Zoom credentials hack? Retrieved from <https://teampassword.com/blog/what-happened-with-the-zoom-credentials-hack>, truy cập 25/5/2025.

³² Jeong, Y. (2022, July 26). Bridging the digital divide. Hinrich Foundation. Retrieved from <https://www.hinrichfoundation.com/research/article/digital/bridging-digital-divide-asia-eafq-v14/>, truy cập 25/5/2025.

³³ Volio Soley, F. (2020, November 6). Signing the Arbitral Award in Wet Ink: Resistance to Technological Change or A Reasonable Precaution? Kluwer Arbitration Blog. Retrieved from <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2020/11/06/signing-the-arbitral-award-in-wet-ink-resistance-to-technological-change-or-a-reasonable-precaution/>, truy cập 25/5/2025.

³⁴ Bakos, Y., & Halaburda, H. (2021, March 31). Smart Contracts, IoT Sensors, and Efficiency: Automated Execution vs. Better Information. Boston University Questrom School of Business. Retrieved from https://questromworld.bu.edu/platformstrategy/wp-content/uploads/sites/49/2021/07/PlatStrat2021_paper_19.pdf, truy cập 25/5/2025.

liên quan đến tài sản số, hợp đồng thông minh và blockchain. Tiêu biểu là Đạo luật Trọng tài và Hòa giải Nigeria 2023 đã quy định rõ quyền tự chủ của các bên trong lựa chọn phương thức điện tử cho toàn bộ quy trình, từ ký kết thỏa thuận đến xét xử và ra phán quyết, đồng thời công nhận giá trị pháp lý của các tài liệu, bằng chứng và chữ ký điện tử. Các trung tâm trọng tài lớn như ICC, SIAC, SCC, HKIAC cũng đã triển khai các nền tảng quản lý vụ việc số hóa hoàn toàn, tích hợp AI để hỗ trợ phân tích hồ sơ, dự đoán kết quả, dịch thuật đa ngữ, và blockchain để đảm bảo tính toàn vẹn, bất biến của hồ sơ tố tụng.³⁵ Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy nhiều thách thức: nguy cơ rò rỉ dữ liệu, tấn công mạng, sự chênh lệch về trình độ công nghệ giữa các bên, và đặc biệt là sự thiếu đồng bộ về quy định pháp luật giữa các quốc gia - dẫn đến rủi ro phán quyết điện tử bị từ chối công nhận hoặc thi hành tại một số khu vực pháp lý.

Để khắc phục các bất cập trên, các nhà lập pháp cần ưu tiên sửa đổi, bổ sung luật trọng tài và các văn bản liên quan theo hướng thừa nhận toàn diện giá trị pháp lý của quy trình điện tử, đồng thời quy định rõ ràng về tiêu chuẩn bảo mật, lưu trữ, xác thực, và chuyển giao dữ liệu trong môi trường số. Cần xây dựng hành lang pháp lý cho việc sử dụng hợp đồng thông minh, blockchain, AI trong tố tụng trọng tài, với các tiêu chí về minh bạch thuật toán, kiểm soát rủi ro thiên vị, và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan. Đặc biệt, cần có cơ chế giám sát độc lập đối với các nền tảng ODR, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân (ví dụ GDPR), an ninh mạng, và quyền tiếp cận công lý bình đẳng cho mọi đối tượng, kể cả các bên ở khu vực hạn chế về công nghệ. Ngoài ra, cần thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa các tổ chức trọng tài, chính phủ và doanh nghiệp công nghệ để xây dựng các bộ quy tắc chung về công nhận, thi hành phán quyết điện tử, chia sẻ dữ liệu và phối hợp xử lý các sự cố an ninh mạng xuyên biên giới.

Song song với hoàn thiện pháp luật, việc đầu tư phát triển hạ tầng số cho lĩnh vực trọng tài là điều kiện tiên quyết để đảm bảo hiệu quả chuyển đổi số. Các trung tâm trọng tài cần xây dựng hệ thống quản lý vụ việc trực tuyến hiện đại, tích hợp các chức năng nộp hồ sơ, trao đổi tài liệu, tổ chức phiên họp ảo, lưu trữ và truy xuất chứng cứ số, đồng thời ứng dụng AI để hỗ trợ phân tích hồ sơ, dự đoán kết quả, và cảnh báo rủi ro. Việc chuẩn hóa quy trình số hóa, đào tạo kỹ năng số cho trọng tài viên, luật sư và các bên tham gia, cũng như xây dựng bộ tiêu chí đánh giá an toàn, bảo mật cho các nền tảng ODR là những bước đi không thể thiếu để nâng cao chất lượng dịch vụ và bảo vệ quyền lợi của các bên. Ngoài ra, các tổ chức nghề nghiệp, hiệp

³⁵ International Chamber of Commerce. (2025, April 1). ICC launches next-generation digital case management platform for dispute resolution services. Retrieved April 1, 2025, from <https://iccwbo.org/news-publications/news/icc-launches-next-generation-digital-case-management-platform-for-dispute-resolution-services/>, truy cập 25/5/2025.

hội luật sư, trung tâm trọng tài cần chủ động phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu để cập nhật kiến thức, phổ biến kinh nghiệm quốc tế, và xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu về trọng tài số, ODR, AI và blockchain trong tổ tụng.

Cuối cùng, để thúc đẩy số hóa thành công, cần có chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ phát triển các giải pháp ODR “Make in Vietnam”, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án thí điểm, sandbox pháp lý trong lĩnh vực trọng tài số. Nhà nước có thể xem xét ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính, hoặc hợp tác công - tư để phát triển hạ tầng số, nền tảng quản lý vụ việc, và các công cụ hỗ trợ tố tụng điện tử. Việc xây dựng hệ sinh thái trọng tài số toàn diện, minh bạch, bảo mật và thân thiện với người dùng không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, mà còn tạo động lực thúc đẩy thương mại điện tử, đầu tư quốc tế và hội nhập kinh tế sâu rộng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số ngày càng sâu rộng, việc hoàn thiện khung pháp lý và thúc đẩy số hóa trong lĩnh vực trọng tài không chỉ là yêu cầu nội tại của hệ thống pháp luật mà còn là cam kết của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế về xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và hiện đại

7. Kết luận

Tóm lại, chủ đề trọng tài trực tuyến (e-arbitration) đang cho thấy sức mạnh chuyển đổi toàn cầu trong giải quyết tranh chấp thương mại: từ việc đơn thuần số hóa hồ sơ, đến tích hợp AI hỗ trợ phân tích, blockchain đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu, và xác thực sinh trắc học nâng cao an toàn. Các trung tâm hàng đầu như ICC, SIAC, HKIAC... đã chứng minh rằng với nền tảng điện tử đồng bộ, quy trình giải quyết tranh chấp có thể được rút ngắn chỉ còn vài tuần, giảm thiểu chi phí và tăng cường khả năng tiếp cận cho các bên tham gia, đặc biệt trong bối cảnh tranh chấp xuyên biên giới chiếm tỷ trọng ngày càng cao. Bên cạnh những thành tựu công nghệ, thành công này dựa trên sự hài hòa giữa tiêu chuẩn kỹ thuật (protocols, mã hóa, xác thực), khung pháp lý chuyên biệt cho e-arbitration, cũng như năng lực vận hành được nâng cao thông qua đào tạo và hợp tác quốc tế.

Việt Nam, mặc dù đã bắt đầu triển khai nền tảng OCM của VIAC và điều chỉnh một số văn bản để thừa nhận thủ tục điện tử, vẫn đang đứng trước những bất cập: thiếu luật chuyên biệt cho e-arbitration, chưa hoàn thiện quy định công nhận chữ ký số và hợp đồng thông minh, chênh lệch công nghệ giữa các địa phương, và thách thức trong việc đồng bộ quy định quốc tế. Vì thế, bài học lớn nhất là cần khẩn trương xây dựng hoặc sửa đổi luật Trọng tài Thương mại, bổ sung quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của hồ sơ, chữ ký và phán quyết điện tử, đồng thời ban hành bộ quy tắc tố tụng số phù hợp với thông lệ quốc tế. Song song, phải tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT đồng bộ trên phạm vi toàn quốc, thiết lập tiêu chuẩn kỹ thuật chung cho các nền tảng ODR, và tổ chức chương trình đào tạo chuyên sâu cho trọng tài viên, luật sư, cán bộ tòa án về sử dụng công nghệ mới.

Thêm vào đó, Việt Nam nên chủ động tham gia mạng lưới hợp tác quốc tế để tiếp cận sớm các tiêu chuẩn, chứng nhận an ninh mạng (ISO 27001, GDPR...), cũng như kinh nghiệm xây dựng và đánh giá hiệu quả nền tảng e-arbitration. Việc triển khai thí điểm các vụ tranh chấp quy mô nhỏ, có hỗ trợ kỹ thuật và giám sát chặt chẽ, sẽ là bước đệm quan trọng để hoàn thiện năng lực vận hành trước khi mở rộng quy mô. Cuối cùng, sự thành công của e-arbitration tại Việt Nam không chỉ giúp đẩy nhanh tiến độ giải quyết tranh chấp, giảm chi phí, mà còn nâng cao uy tín và tính cạnh tranh quốc tế của nền tư pháp thương mại, đóng góp hiệu quả vào phát triển kinh tế số và hội nhập toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng tài thương mại 2010;
2. Ulum, A. (n.d.). Electronic arbitration: A model for effective dispute resolution. CEUR-WS.org. Retrieved from <http://ceur-ws.org/Vol-684/paper8.pdf>, truy cập 25/5/2025.
3. UNUM. (n.d.). *E-arbitration*. UNUM. Retrieved from <https://unum.world/arbitration/e-arbitration/>, truy cập 25/5/2025.
4. VIA Mediation Centre. (n.d.). E-arbitration: The model. Retrieved from <https://viamediationcentre.org/readnews/NjEx/E-Arbitration-The-Model>, truy cập 25/5/2025.
5. Australian and New Zealand Institute of Arbitrators and Mediators. (2016). Challenges and opportunities of e-arbitration in Asia-Pacific. ANZRIArbMedr, (8). Retrieved from <https://classic.austlii.edu.au/au/journals/ANZRIArbMedr/2016/8.pdf>, truy cập 25/5/2025.
6. WJARR. (2024). Electronic arbitration in the digital era: Benefits and challenges. World Journal of Advanced Research and Reviews, 2024(2628). Retrieved from <https://wjarr.com/sites/default/files/WJARR-2024-2628.pdf>, truy cập 25/5/2025.
7. United Nations Commission on International Trade Law. (n.d.). *Technical notes on online dispute resolution*. Retrieved June 5, 2025, from https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/v1700382_english_technical_notes_on_odr.pdf, truy cập 25/5/2025.
8. Rule, C. (2014). *Facilitating expansion of cross-border e-commerce: Developing a global redress system for low-value, high-volume disputes* (Research Paper). Pennsylvania State University. <https://www.colinrule.com/writing/penn2014.pdf>, truy cập 25/5/2025.
9. Artificial Intelligence and Blockchain Technologies in Online Dispute Resolution. (2024). *Potchefstroom Electronic Law Journal*, 27(1). <https://scielo.org.za/pdf/pej/v27n1/41.pdf>, truy cập 25/5/2025.
10. Ngcobo, M. (2024). Artificial intelligence and blockchain technologies in online dispute resolution. *Potchefstroom Electronic Law Journal*, 27(1), 12–25. <https://doi.org/10.5777/t27i1a2>, truy cập 25/5/2025.
11. Lexology. (2023, February). Reviewing the 2023 Tenth CEDR Mediation Audit. <https://www.lexology.com/library/detail.aspx?g=297ffab5-e5c8-4a45-9551-4d275cbe211a>, truy cập 25/5/2025.
12. Centre for Effective Dispute Resolution. (2023). *The 10th CEDR Mediation Audit: The state of mediation 2022*. <https://www.cedr.com/wp-content/uploads/2023/02/Tenth-CEDR-Mediation-Audit-2023.pdf>, truy cập 25/5/2025.
13. Conference of European Directors of Dispute Resolution. (2023). *The Tenth CEDR Mediation Audit: The state of civil and commercial mediation*. Centre for Effective Dispute

- Resolution. <https://www.cedr.com/wp-content/uploads/2023/02/Tenth-CEDR-Mediation-Audit-2023.pdf>, truy cập 25/5/2025.
14. Rapid Ruling. (2024). *Online arbitration services*. <https://rapidruling.com/online-arbitration/>, truy cập 25/5/2025.
 15. VIAC. (2024). *Giới thiệu hệ thống eCase*. <https://www.viac.vn/ecase-gioi-thieu.html>, truy cập 25/5/2025.
 16. Farmer, B., Jury, S., Knoll-Tudor, I., & Visweswaran, A. (2024, February 11). Countdown to RIDW24: International arbitration – Driving efficiency and reducing costs. Kluwer Arbitration Blog. <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2024/02/11/countdown-to-ridw24-international-arbitration-driving-efficiency-and-reducing-costs/>, truy cập 25/5/2025.
 17. Inglezakis, I., Nguyễn, V. M., & Nguyễn, T. H. (2016, August 22). Đánh giá vai trò của hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến với thương mại điện tử của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (Báo cáo ICB-44) [Research report, EU-MUTRAP Project]. EU-MUTRAP. https://thuvien.hlu.edu.vn/KIPOSDATA0/KIPOSSysWebFiles/files/SanPham/TaiLieuDuAnMuTrap/BaoCaoNghienCuu/ICB%2044_Nghien%20cuu%20co%20che%20phoi%20hop%20ODR%20cua%20Vn%20voi%20EU%20trong%20giai%20doan%202016-2020.pdf, truy cập 25/5/2025.
 18. Lê, X. T. (2021, August 15). *Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến ở Hoa Kỳ*. Tạp chí Tài chính. <https://tapchitaichinh.vn/giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-bang-trong-tai-va-hoa-giai-truc-tuyen-o-hoa-ky.html>, truy cập 25/5/2025.
 19. Puertas Álvarez, O., Valentí i Vidal, O., & Díaz Vallespinós, L. (2022, November 8). *Unlocking blockchain evidence in international arbitration*. Cuatrecasas Knowledge Hub. <https://www.cuatrecasas.com/resources/kh-unlocking-blockchain-evidence-in-international-arbitration-60255dd4f2d20388271178.pdf>, truy cập 25/5/2025.
 20. Mohanty, G. (2024, August 10). The crypto dispute resolution: Deciphering the scope of arbitration in the blockchain age. The Arbitration Workshop. <https://www.thearbitrationworkshop.com/post/the-crypto-dispute-resolution-deciphering-the-scope-of-arbitration-in-the-blockchain-age>, truy cập 25/5/2025.
 21. Herboczková, J. (2008). Certain aspects of online arbitration. In Dny práva – 2008 (Days of Law) Conference Proceedings (pp. 1–12). Faculty of Law, Masaryk University. <https://www.law.muni.cz/sborniky/dp08/files/pdf/mezinaro/herboczkova.pdf>, truy cập 25/5/2025.

22. Hamin, M., & Hanson, A. (2024, June 24). *User in the middle: An interoperability and security guide for policymakers*. Atlantic Council. <https://www.atlanticcouncil.org/in-depth-research-reports/report/user-in-the-middle-an-interoperability-and-security-guide-for-policymakers/>, truy cập 25/5/2025.
23. Uliss, R. (2024, September 26). *The cost of good security: Analyzing 2024's cyber budget trends*. The National CIO Review. <https://nationalcioreview.com/articles-insights/information-security/the-cost-of-good-security-analyzing-2024s-cyber-budget-trends/>, truy cập 25/5/2025.
24. Vietnam International Arbitration Centre. (2024, June 18). *Introduction | VIAC Online Case Management Platform*. Retrieved from <https://www.viac.vn/en/ecase-introduction.html>, truy cập 25/5/2025.
25. Vietnam International Arbitration Centre. (2020, September 1). *Dispute resolution by commercial arbitration: Time and Costs Saving*. Retrieved from <https://www.viac.vn/en/news-events/dispute-resolution-by-commercial-arbitration-time-and-costs-saving-n946.html>, truy cập 25/5/2025.
26. VTN & Partners. (2024, May 17). *Smart Contract Under Vietnamese Law*. Retrieved from <https://vtn-partners.com/news/smart-contract-under-vietnamese-law.html>, truy cập 25/5/2025.
27. International Chamber of Commerce. (2025, April 1). *ICC launches next-generation digital case management platform for dispute resolution services*. Retrieved April 1, 2025, from <https://iccwbo.org/news-publications/news/icc-launches-next-generation-digital-case-management-platform-for-dispute-resolution-services/>, truy cập 25/5/2025.
28. Pinsent Masons. (2022, August 22). *Use of technology in arbitration and court proceedings in Hong Kong*. Retrieved June 7, 2025, from <https://www.pinsentmasons.com/out-law/analysis/use-of-technology-in-arbitration-and-court-proceedings-in-hong-kong>, truy cập 25/5/2025.
29. eBRAM APEC Online Dispute Resolution Platform. (n.d.). *APEC Online Dispute Resolution Service*. Retrieved June 7, 2025, from https://www.ebram.org/apec_odr.html?language=en, truy cập 25/5/2025.
30. International Chamber of Commerce. (2024). *ICC Dispute Resolution 2023 Statistics*. Retrieved June 7, 2025, from https://iccwbo.org/wp-content/uploads/sites/3/2024/06/2023-Statistics_ICC_Dispute-Resolution_991.pdf, truy cập 25/5/2025.
31. TeamPassword. (2021, August 10). *What happened with the Zoom credentials hack?* Retrieved from <https://teampassword.com/blog/what-happened-with-the-zoom-credentials-hack>, truy cập 25/5/2025.

32. Jeong, Y. (2022, July 26). *Bridging the digital divide*. Hinrich Foundation. Retrieved from <https://www.hinrichfoundation.com/research/article/digital/bridging-digital-divide-asia-eafq-v14/>, truy cập 25/5/2025.
33. Volio Soley, F. (2020, November 6). *Signing the Arbitral Award in Wet Ink: Resistance to Technological Change or A Reasonable Precaution?* Kluwer Arbitration Blog. Retrieved from <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2020/11/06/signing-the-arbitral-award-in-wet-ink-resistance-to-technological-change-or-a-reasonable-precaution/>, truy cập 25/5/2025.
34. Bakos, Y., & Halaburda, H. (2021, March 31). *Smart Contracts, IoT Sensors, and Efficiency: Automated Execution vs. Better Information*. Boston University Questrom School of Business. Retrieved from https://questromworld.bu.edu/platformstrategy/wp-content/uploads/sites/49/2021/07/PlatStrat2021_paper_19.pdf, truy cập 25/5/2025.
- International Chamber of Commerce. (2025, April 1). ICC launches next-generation digital case management platform for dispute resolution services. Retrieved April 1, 2025, from <https://iccwbo.org/news-publications/news/icc-launches-next-generation-digital-case-management-platform-for-dispute-resolution-services/>, truy cập 25/5/2025.

**BÀN VỀ THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUA QUYẾT
ĐỊNH SỐ 755/2018/QĐ-PQTT VÀ ÁN LỆ SỐ 69/2023/AL**

Trần Nguyễn Quang Hạ¹

Huỳnh Thị Yến Nhi²

Tóm tắt: Tranh chấp lao động ngày càng phát sinh nhiều, đặc biệt là từ các thỏa thuận ngoài hợp đồng như bảo mật, không cạnh tranh hay hoàn trả chi phí đào tạo, đặt ra vấn đề về thẩm quyền của trọng tài thương mại. Trong khi Tòa án giữ vai trò truyền thống, chú trọng bảo vệ người lao động, thì trọng tài lại được đánh giá cao ở tính linh hoạt, hiệu quả và bảo mật. Sự giao thoa giữa pháp luật lao động và dân sự – thương mại đòi hỏi xác định rõ phạm vi và điều kiện áp dụng trọng tài trong các tranh chấp có yếu tố lao động. Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT và Án lệ số 69/2023/AL là ví dụ điển hình cho việc áp dụng trọng tài trong tranh chấp từ thỏa thuận dân sự song song hợp đồng lao động, đồng thời làm phát sinh nhiều vấn đề pháp lý về hiệu lực thỏa thuận trọng tài, quyền phản đối và vai trò của Tòa án. Tham luận này phân tích các vấn đề nêu trên và đề xuất hoàn thiện pháp luật theo hướng cân bằng giữa tự do thỏa thuận và bảo vệ người lao động.

Từ khoá: trọng tài thương mại, tranh chấp lao động, thẩm quyền, Việt Nam...

Abstract: Labor disputes are increasingly emerging, especially those arising from agreements outside the employment contract—such as confidentiality, non-compete, or training cost reimbursement clauses—raising questions about the jurisdiction of commercial arbitration. While courts traditionally handle labor disputes with an emphasis on protecting employees, arbitration is recognized for its flexibility, efficiency, and confidentiality. The intersection between labor law and civil-commercial law necessitates a clear delineation of the scope and conditions under which arbitration can be applied to labor-related disputes. Decision No. 755/2018/QĐ-PQTT and Precedent No. 69/2023/AL serve as typical examples of the applicability of arbitration to disputes arising from civil agreements parallel to employment contracts, while also raising important legal issues regarding the validity of arbitration agreements, the right to challenge arbitral jurisdiction, and the supervisory role of the court. This paper analyzes these issues and proposes legal reforms to strike a balance between freedom of contract and the protection of employees as the weaker party in labor relations.

Keywords: commercial arbitration, labor disputes, jurisdiction, Vietnam...

1. Mở đầu

¹ Khoa Luật – Trường ĐH Nguyễn Tất Thành, Sđth: 0985040127, Email: tnqha@ntt.edu.vn

² Học viên cao học 23MLK1B – Trường ĐH Nguyễn Tất Thành, Email: yennhi28071998@gmail.com

Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, được thừa nhận rộng rãi trong thực tiễn quốc tế cũng như tại Việt Nam. So với cơ chế giải quyết tại Tòa án, trọng tài mang nhiều ưu điểm nổi bật như thủ tục đơn giản, thời gian giải quyết nhanh chóng, chi phí linh hoạt và đặc biệt là tính riêng tư và bảo mật cao, điều rất được doanh nghiệp và nhà đầu tư quan tâm trong bối cảnh cạnh tranh kinh doanh hiện nay. Hơn nữa, cơ chế trọng tài còn cho phép các bên lựa chọn hội đồng trọng tài, địa điểm, ngôn ngữ, và luật áp dụng – những yếu tố thể hiện rõ tính linh hoạt và chủ động của các bên trong việc giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đó, phạm vi áp dụng trọng tài trong các lĩnh vực ngoài thương mại, đặc biệt là trong quan hệ lao động (QHLĐ), vẫn còn nhiều tranh luận và chưa được định hình rõ ràng trong thực tiễn pháp lý Việt Nam. Trong QHLĐ, người lao động (NLĐ) thường được xem là bên yếu thế, nên pháp luật lao động mang tính bảo vệ mạnh mẽ và có xu hướng ưu tiên giải quyết tranh chấp thông qua cơ chế tòa án nhằm bảo đảm công khai, công bằng và có sự kiểm soát chặt chẽ. Do đó, câu hỏi đặt ra là: liệu các tranh chấp phát sinh từ các thỏa thuận dân sự song hành với hợp đồng lao động (HĐLĐ), chẳng hạn như thỏa thuận bảo mật thông tin (Non disclosure agreements - NDA), thỏa thuận không cạnh tranh (non-compete clause - NCA), có thể được giải quyết bằng trọng tài thương mại hay không? Vấn đề này đặc biệt trở nên phức tạp trong bối cảnh ngày càng phổ biến tình trạng các công ty đưa vào HĐLĐ hoặc ký riêng các thỏa thuận NDA, NCA có ràng buộc pháp lý với NLĐ cả trong và sau thời gian làm việc. Dù các thỏa thuận này thường mang bản chất dân sự – thương mại, song khi xảy ra tranh chấp, vẫn tồn tại sự lẫn lộn giữa thẩm quyền của trọng tài và của Tòa án nhân dân, đặc biệt nếu tranh chấp liên quan đến quyền làm việc, quyền tự do nghề nghiệp – những quyền được Hiến pháp và Bộ luật Lao động bảo vệ nghiêm ngặt.

Trên thực tế, việc xác định ranh giới giữa tranh chấp “lao động” và tranh chấp “dân sự phát sinh trong QHLĐ” không phải lúc nào cũng rõ ràng, và nếu không có hướng dẫn cụ thể, dễ dẫn đến nguy cơ tuyên vô hiệu thỏa thuận trọng tài hoặc hủy bỏ phán quyết trọng tài do “trọng tài không có thẩm quyền”.

Vụ việc được giải quyết tại Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh và sau này được chọn làm cơ sở cho và Án lệ số 69/2023/AL là một trường hợp điển hình, phản ánh những vấn đề pháp lý phức tạp nêu trên. Trong vụ việc này, một bên là NLĐ bị kiện ra trọng tài thương mại về hành vi vi phạm NCA sau khi chấm dứt HĐLĐ. NLĐ phản đối thẩm quyền của trọng tài với lý do đây là tranh chấp lao động. Tuy nhiên, cả Hội đồng Trọng tài và Tòa án đều xác định rằng đây là tranh chấp phát sinh từ một thỏa thuận dân sự độc lập, đã có thỏa thuận trọng tài rõ ràng, và do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài theo quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010.

Thông qua phân tích vụ việc này, bài viết nhằm làm rõ những giới hạn và khả năng mở rộng của thẩm quyền trọng tài trong giải quyết tranh chấp lao động, đặc biệt là tranh chấp liên quan đến các thỏa thuận dân sự kèm theo. Đồng thời, bài viết cũng đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong việc phân định thẩm quyền giữa Tòa án và Trọng tài, góp phần nâng cao hiệu quả và tính hợp lý trong giải quyết tranh chấp trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.

2. Phân tích vụ việc và cơ sở pháp lý từ Quyết định 755/2018/QĐ-PQTT

2.1. Tóm tắt và phân tích vụ việc

Vụ việc được giải quyết tại Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là một trường hợp điển hình phản ánh những tranh luận thực tiễn về ranh giới thẩm quyền giữa trọng tài thương mại và tòa án trong các tranh chấp liên quan đến NLD.

Cụ thể, bà Đỗ Thị Mai T đã ký HĐLĐ với Công ty TNHH X và đồng thời ký một Thỏa thuận bảo mật thông tin và không Cạnh tranh (sau đây gọi là Thỏa thuận). Thỏa thuận này có điều khoản trọng tài, theo đó các bên thống nhất đưa tranh chấp phát sinh từ thỏa thuận này ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC). Sau khi bà T nghỉ việc, Công ty X cho rằng bà đã vi phạm Thỏa thuận nên khởi kiện tại VIAC và yêu cầu bồi thường thiệt hại tương đương 03 tháng lương.

Hội đồng Trọng tài đã ban hành Phán quyết số 75/17 HCM ngày 19/02/2018, chấp nhận yêu cầu của công ty và buộc bà T bồi thường tổng cộng hơn 205 triệu đồng. Không đồng ý với phán quyết trọng tài, bà T đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, yêu cầu hủy toàn bộ phán quyết với nhiều lý do, trong đó đáng chú ý là lập luận cho rằng: “*Tranh chấp phát sinh từ NDA là tranh chấp lao động và không thuộc thẩm quyền của trọng tài.*”

Tuy nhiên, sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ và tranh luận tại phiên họp, Tòa án đã bác toàn bộ yêu cầu của bà T, khẳng định rằng Thỏa thuận là một thỏa thuận dân sự độc lập với HĐLĐ, được các bên ký kết tự nguyện và có hiệu lực pháp lý ràng buộc. Tòa cũng xác định rằng tranh chấp này phát sinh từ một giao dịch dân sự có sự tham gia của ít nhất một bên là thương nhân – Công ty TNHH X – nên thuộc thẩm quyền của trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại 2010.

Quan trọng hơn, bà T không nêu bất kỳ phản đối nào về thẩm quyền trọng tài trong quá trình tố tụng tại VIAC – đây là tình tiết có ý nghĩa quyết định dẫn đến việc bà T mất quyền phản đối theo Điều 13 Luật Trọng tài thương mại 2010 và Điều 6 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.2. Cơ sở pháp lý khẳng định thẩm quyền của trọng tài trong vụ việc

Việc Tòa án bác yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và khẳng định tính hợp pháp, hiệu lực ràng buộc của Thỏa thuận được củng cố bởi các căn cứ pháp lý vững chắc:

Khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định thẩm quyền rộng của trọng tài:

“Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại được giải quyết bằng trọng tài.”

Công ty TNHH X là thương nhân có đăng ký kinh doanh và hoạt động thương mại hợp pháp. Thỏa thuận được ký với mục đích bảo vệ lợi ích kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, tranh chấp này nằm trong phạm vi điều chỉnh của luật và thuộc thẩm quyền trọng tài.

Điều 13 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định về hệ quả pháp lý khi một bên không phản đối kịp thời:

“Trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối... thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án.”

Trong vụ việc này, bà T không phản đối thẩm quyền của trọng tài trong bản tự bảo vệ và vẫn tham gia toàn bộ quá trình tố tụng tại VIAC, do đó bị coi là đã mất quyền phản đối.

Khoản 4 Điều 35 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định rõ nghĩa vụ của bị đơn khi cho rằng trọng tài không có thẩm quyền:

“Trường hợp bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài... thì phải nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ.”

Bà T không thực hiện quyền phản đối này đúng trình tự pháp luật, do đó lập luận “tranh chấp lao động” bị bác bỏ là có cơ sở.

Điều 4 Bộ luật Dân sự 2005 (nay là Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015) khẳng định nguyên tắc tự do cam kết, thỏa thuận:

“Quyền tự do cam kết, thỏa thuận trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự được pháp luật bảo đảm, nếu cam kết, thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.”

Trong vụ việc này, Tòa án xác định rõ rằng Thỏa thuận được ký kết tự nguyện, không có dấu hiệu cưỡng ép hay vi phạm điều cấm, và không hạn chế quyền làm việc một cách quá mức, nên có giá trị pháp lý đầy đủ.

Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014, tại Điều 6 hướng dẫn áp dụng Điều 13 Luật Trọng tài thương mại:

“Nếu một bên không phản đối kịp thời vi phạm tại trọng tài thì cũng mất quyền phản đối tại Tòa án.”

2.3. Nhận định từ Quyết định 755/2018/QĐ-PQTT

Từ vụ việc cụ thể, Quyết định 755/2018/QĐ-PQTT cho thấy cách tiếp cận hợp lý và mềm dẻo của Tòa án trong việc phân biệt ranh giới giữa thỏa thuận dân sự và QHLD. Tòa án không đồng nhất mọi tranh chấp phát sinh giữa NLD và người sử dụng lao động (NSDLĐ) là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền độc quyền của Tòa án. Ngược lại, nếu tranh chấp phát sinh từ thỏa thuận dân sự độc lập, có điều khoản thỏa thuận trọng tài rõ ràng cũng như đáp ứng điều kiện “ít nhất một bên có hoạt động thương mại”³, thì hoàn toàn có thể thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài thương mại.

Quyết định này có ý nghĩa quan trọng, vì không chỉ củng cố tính linh hoạt và tự chủ của các bên trong lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp, mà còn tạo tiền lệ tích cực cho việc công nhận hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong các tranh chấp song hành hoặc phát sinh từ quan hệ lao động.

3. Bàn luận về tính linh hoạt của trọng tài thương mại

3.1. Tranh chấp phát sinh từ thỏa thuận độc lập có thể thuộc thẩm quyền trọng tài

Một trong những nội dung cốt lõi được làm rõ qua vụ việc tại Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT và Án lệ số 69/2023/AL là khả năng xác định tính chất pháp lý độc lập của các thỏa thuận được thiết lập song hành với HĐLĐ. Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng Thỏa thuận giữa bà Đỗ Thị Mai T và Công ty TNHH X là một thỏa thuận dân sự độc lập, không đồng nhất với HĐLĐ dù được ký song song và giữa các chủ thể trong QHLD. Việc Thỏa thuận có điều khoản trọng tài riêng biệt, được các bên tự nguyện ký kết, cho phép tranh chấp phát sinh từ nó được giải quyết bằng cơ chế trọng tài thương mại là hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc phân lập hợp đồng và tự do thỏa thuận trong pháp luật dân sự và thương mại hiện hành.

Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp tồn tại các giao kết bổ trợ được ký ngoài khuôn khổ HĐLĐ, bao gồm NDA, NCA, thỏa thuận sở hữu trí tuệ, điều khoản không lôi kéo nhân viên (non-solicitation), hoặc các cam kết tài chính đi kèm với đào tạo nghề. Những thỏa thuận này về mặt bản chất phản ánh sự gặp gỡ ý chí trong lĩnh vực dân sự – thương mại, thường mang yếu tố hợp tác hơn là tuân thủ mệnh lệnh, và do đó có thể được phân loại là tranh chấp dân sự. Theo lý luận pháp lý, khi một tranh chấp phát sinh từ một hợp đồng có bản chất dân sự, cho dù được thiết lập trong QHLD, thì cơ chế giải quyết có thể đi theo hướng dân sự – trong đó trọng tài là một phương thức hợp pháp và khả thi nếu được các bên thỏa thuận.

Việc thừa nhận tính độc lập của NDA, NCA mở ra hướng linh hoạt trong việc áp dụng Luật Trọng tài thương mại 2010, đặc biệt là Điều 2 và Điều 5 của luật này – những quy định không loại trừ khả năng giải quyết tranh chấp phát sinh từ một quan hệ có yếu tố lao động, miễn

³ Điều 2(2) Luật Trọng tài thương mại 2010

là tranh chấp đó không thuộc nhóm tranh chấp bị hạn chế bởi luật chuyên ngành như Bộ luật Lao động hoặc Luật Việc làm. Sự nhìn nhận này giúp mở rộng “vùng tiếp xúc” giữa pháp luật lao động và pháp luật trọng tài, cho phép áp dụng linh hoạt cơ chế phi tư pháp trong những tranh chấp có yếu tố dân sự – thương mại đi kèm QHLD.

3.2. Trọng tài thương mại không bị giới hạn tuyệt đối bởi bản chất “lao động”

Một cách tiếp cận cứng nhắc là cho rằng bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa NLD và NSDLĐ; giữa NLD với doanh nghiệp, tổ chức đưa NLD đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; giữa NLD thuê lại với NSDLĐ thuê lại đều là tranh chấp lao động, và như vậy bắt buộc phải giải quyết tại Tòa án theo thủ tục tố tụng lao động. Tuy nhiên, trong Quyết định 755/2018/QĐ-PQTT, Tòa án đã cho thấy một hướng tiếp cận mềm dẻo và hợp lý hơn, khi khẳng định rằng không phải mọi tranh chấp giữa các chủ thể “lao động” đều là tranh chấp lao động theo nghĩa pháp lý hẹp.

Theo khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tranh chấp lao động cá nhân là những tranh chấp “*phát sinh từ quan hệ lao động giữa NLD và NSDLĐ*” hay như Điều 179(1)(a) BLLĐ 2019 thì tranh chấp lao động cá nhân là tranh chấp giữa NLD với NSDLĐ; giữa NLD với doanh nghiệp, tổ chức đưa NLD đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; giữa NLD thuê lại với NSDLĐ thuê lại. Tuy nhiên, không phải mọi thỏa thuận giữa hai chủ thể này đều đương nhiên mang tính chất QHLD. Khi một hợp đồng dân sự được ký kết độc lập, không phải là điều kiện cần hoặc nội dung của HĐLĐ, thì tranh chấp phát sinh từ hợp đồng đó có thể không bị điều chỉnh bởi Bộ luật Lao động.

Trọng tài thương mại, theo Luật Trọng tài thương mại 2010, có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp “*giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại*” (khoản 2 Điều 2). Điều này không loại trừ các bên là NLD, NSDLĐ (NSDLĐ có hoạt động thương mại) và có thỏa thuận trọng tài hợp lệ. Quyết định 755 và Án lệ số 69/2023/AL đã thể hiện điều này một cách rõ nét, tạo tiền đề pháp lý để các doanh nghiệp yên tâm rằng thỏa thuận trọng tài trong các hợp đồng dân sự phụ trợ trong QHLD (như NDA, NCA) sẽ được giải quyết bằng trọng tài thương mại cũng như phán quyết của trọng tài sẽ được công nhận và có thể thi hành được tại Việt Nam.

3.3. Việc tôn trọng nguyên tắc “tự do thỏa thuận” trong bối cảnh lao động

Pháp luật lao động hiện hành có mục tiêu bảo vệ NLD – một chủ thể yếu thế trong quan hệ pháp lý với NSDLĐ – bằng cách áp đặt các ràng buộc tối thiểu mà các bên không được thỏa thuận trái luật (ví dụ: tiền lương tối thiểu, thời giờ làm việc, điều kiện chấm dứt HĐLĐ...). Tuy nhiên, pháp luật dân sự và thương mại cũng khẳng định mạnh mẽ nguyên tắc “tự do cam kết, thỏa thuận” trong giới hạn không vi phạm điều cấm hay trái đạo đức xã hội (Điều 3 BLDS 2015).

Trong vụ việc nêu trên, Tòa án đã viện dẫn các Điều 117, 118 và 119 của BLDS 2015 để chứng minh rằng Thỏa thuận được ký kết một cách tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép, do một người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thực hiện, thì đó là một giao dịch dân sự hợp pháp, có giá trị ràng buộc và được pháp luật bảo vệ. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các thỏa thuận về trọng tài thường bị các bên viện dẫn là bất lợi và yêu cầu hủy bỏ sau khi phát sinh tranh chấp.

Sự công nhận của Tòa án và và Án lệ số 69/2023/AL về tính hợp lệ và hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong Thỏa thuận góp phần làm rõ rằng: ngay cả trong QHLD, nếu các bên có thỏa thuận dân sự độc lập và tự nguyện, thì pháp luật không cấm các bên lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài – một phương thức được đánh giá cao về hiệu quả và khả năng bảo mật trong bối cảnh kinh doanh hiện đại.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

4.1. Cần làm rõ ranh giới giữa tranh chấp lao động và tranh chấp dân sự phát sinh trong quan hệ lao động

Một trong những vướng mắc pháp lý nổi bật hiện nay là sự thiếu rõ ràng trong phân định giữa tranh chấp lao động và tranh chấp dân sự có yếu tố lao động. Hiện tại, pháp luật Việt Nam – cả trong Bộ luật Lao động 2019 lẫn Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 – chưa xác lập một tiêu chí đầy đủ, nhất quán để xác định ranh giới giữa hai loại tranh chấp này.

Theo Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tranh chấp lao động bao gồm “*tranh chấp cá nhân về lao động giữa NLD và NSDLĐ*” hay như Điều 179(1)(a) BLLĐ 2019 thì tranh chấp lao động cá nhân là tranh chấp giữa NLD với NSDLĐ; giữa NLD với doanh nghiệp, tổ chức đưa NLD đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; giữa NLD thuê lại với NSDLĐ thuê lại. Tuy nhiên, định nghĩa này mang tính chất hình thức và rộng, không phân biệt được các tranh chấp phát sinh từ HĐLĐ với những tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng, thỏa thuận dân sự được ký song song hoặc sau khi QHLD kết thúc (ví dụ như NDA, NCA, cam kết hoàn trả chi phí đào tạo...).

Trên thực tế, rất nhiều thỏa thuận song hành trong QHLD có bản chất dân sự độc lập, thể hiện sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ không được điều chỉnh trực tiếp bởi luật lao động mà bởi BLDS và các văn bản pháp luật thương mại liên quan. Việc không có hướng dẫn rõ ràng về tiêu chí phân định đã dẫn đến sự lúng túng và không thống nhất trong thực tiễn xét xử. Có vụ việc được giải quyết theo thủ tục lao động tại Tòa án, có vụ lại được thừa nhận thuộc thẩm quyền trọng tài, như trường hợp tại Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT.

Sự thiếu nhất quán này ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính tiên liệu của doanh nghiệp và NLD khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ các phán quyết trọng tài bị yêu cầu hủy do bị xác định sai thẩm quyền. Vì vậy, cần thiết phải ban hành văn bản

hướng dẫn liên ngành giữa TANDTC và Bộ Nội vụ, xác lập các tiêu chí phân biệt rõ ràng giữa tranh chấp lao động và tranh chấp dân sự trong QHLD, ví dụ: Nguồn phát sinh nghĩa vụ có phải là HĐLĐ hay không? Tranh chấp có liên quan đến quyền lợi tối thiểu được pháp luật lao động bảo vệ không? Thỏa thuận được ký trước, song hành, hay sau khi chấm dứt QHLD? Những tiêu chí này sẽ giúp tăng cường tính minh bạch, thống nhất trong việc áp dụng pháp luật và bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

4.2. Bổ sung giới hạn thỏa thuận trọng tài trong quan hệ lao động

Trong khi pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định cấm chung về việc áp dụng trọng tài trong giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, và cũng chưa có bất kỳ giới hạn nào được xác lập rõ ràng. Điều này có thể dẫn đến tình trạng lạm dụng điều khoản trọng tài, đặc biệt trong các hợp đồng mẫu hoặc thỏa thuận soạn sẵn do doanh nghiệp thiết lập, áp đặt lên NLD – vốn là bên yếu thế hơn trong quan hệ pháp lý.

Theo xu hướng pháp lý quốc tế, nhiều quốc gia đã áp dụng giới hạn hợp lý đối với việc sử dụng trọng tài trong tranh chấp lao động. Chẳng hạn, pháp luật EU và hệ thống Common Law đều có xu hướng không cho phép trọng tài thương mại giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền lợi tối thiểu bắt buộc theo luật lao động như tiền lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động hay quyền thành lập và gia nhập tổ chức đại diện của NLD tại cơ sở. Lý do là các quyền này có tính bắt buộc, không thể bị thay thế bởi thỏa thuận dân sự.

Ở Việt Nam, các quyền tối thiểu của NLD đã được ghi nhận rõ trong Điều 90 (tiền lương), Điều 134 (an toàn, vệ sinh lao động), và Điều 5 Bộ luật Lao động 2019 (quyền được làm việc, lựa chọn việc làm, bảo vệ nhân phẩm...) cũng như các quy định về BHXH trong Luật Bảo hiểm xã hội 2024. Vì vậy, pháp luật cần quy định cụ thể rằng: (i) Những tranh chấp liên quan đến quyền lợi không thể thỏa thuận thấp hơn mức tối thiểu theo pháp luật thì không được giải quyết bằng trọng tài; (ii) Điều khoản trọng tài trong HĐLĐ hoặc các thỏa thuận phụ sẽ bị vô hiệu nếu nhằm loại trừ quyền khởi kiện ra tòa của NLD về các quyền lợi bắt buộc.

Việc thiết lập rõ ràng các giới hạn như trên sẽ bảo vệ NLD trước nguy cơ bị “mua chuộc sự im lặng” thông qua cơ chế trọng tài, đồng thời bảo đảm tính công bằng, hợp pháp và hợp lý của cơ chế phân xử ngoài tòa án.

4.3. Mở rộng thẩm quyền của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp lao động cá nhân

Theo quy định tại Điều 187 BLLĐ 2019, hệ thống cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân bao gồm ba chủ thể: Hòa giải viên lao động, Hội đồng trọng tài lao động và Tòa án nhân dân. Cơ chế giải quyết này phản ánh định hướng của pháp luật lao động Việt Nam trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của NLD – bên yếu thế trong QHLD – thông qua các thiết chế mang tính công hoặc bán công. Tuy nhiên, mô hình này

cũng bộc lộ một số hạn chế về hiệu quả, tính chuyên môn và khả năng đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng của thị trường lao động hiện đại, đặc biệt trong các tranh chấp liên quan đến yếu tố hợp đồng dân sự đi kèm QHLD.

Trên thực tế, hệ thống giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam đã bắt đầu ghi nhận vai trò của trọng tài thương mại thông qua thực tiễn xét xử. Điển hình là Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT của TAND TP. Hồ Chí Minh và Án lệ số 69/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao công bố, trong đó xác định rằng nếu tranh chấp phát sinh từ QHLD nhưng đồng thời mang bản chất dân sự – thương mại, có ít nhất một bên là thương nhân, và hai bên có thỏa thuận trọng tài hợp pháp thì tranh chấp đó có thể được giải quyết thông qua cơ chế trọng tài thương mại. Đây là bước ngoặt quan trọng, cho thấy xu hướng mở rộng phạm vi áp dụng của Luật Trọng tài thương mại sang các lĩnh vực truyền thống vốn chỉ do Tòa án hoặc các cơ quan chuyên trách giải quyết.

Từ góc độ chính sách pháp luật, việc mở rộng thẩm quyền cho trọng tài thương mại trong giải quyết một số tranh chấp lao động cá nhân là hợp lý và phù hợp với xu thế quốc tế. Trong nhiều hệ thống pháp luật phát triển, như Anh, Singapore hay Hoa Kỳ, trọng tài đã trở thành một lựa chọn thay thế khả thi cho Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến điều khoản trong HĐLĐ. Việc cho phép trọng tài can thiệp trong phạm vi được các bên thỏa thuận không chỉ thể hiện sự tôn trọng nguyên tắc tự do hợp đồng, mà còn góp phần giảm tải cho Tòa án và tăng cường hiệu quả giải quyết tranh chấp.

Tóm lại, sự ghi nhận thẩm quyền của trọng tài thương mại trong một số tranh chấp lao động cá nhân không chỉ có cơ sở thực tiễn và pháp lý, mà còn phù hợp với yêu cầu cải cách hệ thống tư pháp và định hướng hội nhập. Tuy nhiên, để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và công bằng, pháp luật cần tiếp tục hoàn thiện quy định về phạm vi, điều kiện và cơ chế kiểm soát khi cho phép áp dụng trọng tài trong lĩnh vực đặc thù như QHLD, trong đó NLĐ luôn cần được ưu tiên bảo vệ như một nguyên tắc nền tảng.

5. Kết luận

Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT và Án lệ số 69/2023/AL đã tạo ra một dấu mốc quan trọng trong thực tiễn pháp lý tại Việt Nam, thể hiện một bước tiến tích cực trong việc thừa nhận tính linh hoạt và độc lập của cơ chế trọng tài thương mại trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ quan hệ có yếu tố lao động. Thông qua việc xác định Thỏa thuận là một thỏa thuận dân sự độc lập với HĐLĐ, Tòa án đã làm rõ rằng không phải mọi tranh chấp giữa NLĐ và NSDLĐ đều mặc nhiên bị ràng buộc trong khuôn khổ tổ tụng lao động. Trong những trường hợp mà tranh chấp phát sinh từ một thỏa thuận có tính chất dân sự – thương mại và được các bên tự nguyện lựa chọn giải quyết bằng trọng tài, thì việc công nhận thẩm quyền trọng tài là phù hợp với nguyên tắc tự do thỏa thuận, cũng như thông lệ quốc tế.

Tuy nhiên, tính linh hoạt này không nên được hiểu là sự “mở cửa” không giới hạn cho cơ chế trọng tài trong lĩnh vực lao động. Như đã phân tích, một số tranh chấp, đặc biệt là tranh chấp về quyền lợi tối thiểu theo luật định như tiền lương, bảo hiểm xã hội, thời giờ làm việc, không thể bị đưa ra giải quyết bằng trọng tài, bởi vì chúng liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ bảo vệ nhóm yếu thế – NLĐ – mà Nhà nước có trách nhiệm hiến định. Việc thiếu quy định phân định rạch ròi giữa tranh chấp lao động và tranh chấp dân sự phát sinh trong QHLD, cũng như chưa có giới hạn cụ thể về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trong lĩnh vực này, đang dẫn đến sự mơ hồ và không thống nhất trong thực tiễn xét xử và có thể gây ra bất công trong thực thi pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, có thể khẳng định rằng: Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT và Án lệ số 69/2023/AL là một minh chứng rõ ràng cho thấy khả năng áp dụng linh hoạt và hợp pháp của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp có liên quan đến QHLD, miễn là tranh chấp đó phát sinh từ ít nhất một chủ thể hoạt động thương mại và có điều khoản trọng tài hợp lệ. Tuy nhiên, để sự linh hoạt này không bị lạm dụng và không trở thành công cụ chống lại chính sách bảo vệ NLĐ – một nguyên tắc mang tính nền tảng của luật lao động – thì pháp luật Việt Nam cần sớm được hoàn thiện theo các hướng sau: Xác lập các tiêu chí phân định rõ ràng giữa tranh chấp lao động và tranh chấp dân sự có yếu tố lao động; Quy định các loại tranh chấp lao động không được giải quyết bằng trọng tài; Mở rộng thẩm quyền của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp lao động. Chỉ khi đó, sự hài hòa giữa tự do thỏa thuận trong quan hệ dân sự và nghĩa vụ bảo vệ NLĐ mới thực sự được đảm bảo, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu hội nhập, phát triển kinh tế và bảo vệ công bằng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp 2013
2. Bộ luật Dân sự 2015
3. Bộ luật Lao động 2019
4. Bộ luật tố tụng dân sự 2015
5. Luật trọng tài thương mại 2010
6. Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh
7. Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014
8. Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT của TAND TP. Hồ Chí Minh

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MỞ RỘNG THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Mai Tiến Luật¹
Dương Quốc Hiệu²

Tóm tắt: Trong bối cảnh kỷ nguyên số hóa đang kiến tạo những khuôn mẫu mới trên toàn cầu, hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam đứng trước yêu cầu cấp thiết phải thích ứng và đổi mới nhằm bắt kịp xu thế phát triển hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là các mô hình Giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) cùng với những thay đổi quan trọng về thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong Luật Đất đai 2024 không chỉ mở ra cơ hội nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, tiết kiệm chi phí và thời gian tố tụng mà còn góp phần mở rộng khả năng tiếp cận công lý cho các bên có liên quan, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Tuy nhiên, tiến trình số hóa cũng đặt ra nhiều thách thức pháp lý đáng chú ý. Đó là vấn đề bảo mật và an toàn thông tin trong môi trường tố tụng điện tử, tính hợp pháp và giá trị chứng minh của tài liệu điện tử, chứng cứ điện tử, cũng như năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ trọng tài viên và các chủ thể tiến hành, tham gia tố tụng. Trên cơ sở đó, tham luận này tập trung phân tích những vấn đề lý luận cốt lõi về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, chúng tôi sẽ đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện khung pháp lý nhằm bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và phù hợp của cơ chế trọng tài thương mại trong môi trường số hóa tại Việt Nam.

Từ khóa: trọng tài thương mại, chuyển đổi số, giải quyết tranh chấp trực tuyến.

Abstract: In the digital era, which is shaping new global paradigms, commercial arbitration in Vietnam faces an urgent need to adapt and innovate to keep pace with modern development trends. The application of digital technologies, especially Online Dispute Resolution (ODR) models, coupled with significant changes in dispute resolution jurisdiction within the 2024 Land Law, not only creates opportunities to enhance dispute resolution efficiency, reduce procedural costs and time, but also contributes to broadening access to justice for relevant parties, particularly amidst deep international integration. However, this digital transformation also presents numerous notable legal challenges. These include issues of information security and safety in the electronic litigation environment, the legality and probative value of electronic documents and evidence, as well as the technological proficiency of arbitrators and all entities involved in the arbitration process. Therefore, this paper focuses on analyzing the core theoretical issues of commercial arbitration in the context of digital transformation. Concurrently, we will propose orientations and solutions for perfecting the

¹ Thạc sĩ, Luật sư; Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law; tienluatlaw@gmail.com.

² Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law, hieudq22503@st.uel.edu.vn

legal framework to ensure the effectiveness, efficiency, and suitability of the commercial arbitration mechanism in Vietnam's digitized environment.

Keywords: *commercial arbitration, digital transformation, online dispute resolution (ODR).*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc đổi mới và hoàn thiện các thiết chế pháp lý, đặc biệt trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp. Trọng tài thương mại với những ưu điểm về tính linh hoạt, hiệu quả và khả năng thích ứng cao được xem là một phương thức phù hợp trong bối cảnh hiện đại hóa nền tư pháp. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số không chỉ mang lại nhiều cơ hội mà còn đặt ra những thách thức pháp lý và kỹ thuật đáng kể, đòi hỏi sự điều chỉnh kịp thời cả về phương thức tổ chức hoạt động trọng tài và khuôn khổ pháp luật điều chỉnh. Xuất phát từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số là cần thiết nhằm góp phần hoàn thiện cơ chế trọng tài phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế số và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng.

2. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

2.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

Giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết thông qua hoạt động của Trọng tài viên với tư cách là bên thứ ba độc lập nhằm chấm dứt các xung đột bằng việc đưa ra phán quyết trọng tài buộc các bên tôn trọng và thực hiện.

2.2. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại là gì?

Căn cứ vào Điều 5 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định về các điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài cụ thể như sau:

(i) *Thỏa thuận trọng tài hợp lệ:* tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp.

(ii) *Hiệu lực của thỏa thuận Trọng tài khi cá nhân mất năng lực hoặc qua đời:* trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với người thừa kế hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

(iii) *Hiệu lực khi tổ chức thay đổi tư cách pháp lý:* trường hợp một bên tham gia thỏa thuận trọng tài là tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Những điều kiện này đảm bảo tính khả thi và sự ổn định pháp lý của phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại.

2.3. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Tại Điều 4 Luật Trọng tài thương mại 2010, có 05 nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài cụ thể như sau:

(i) *Tôn trọng thỏa thuận của các bên*: Trọng tài viên phải căn cứ vào thỏa thuận mà các bên đã ký kết, miễn là thỏa thuận đó không vi phạm các quy định cấm hoặc đi ngược lại đạo đức xã hội. Nguyên tắc này thể hiện sự tôn trọng quyền tự do thỏa thuận trong giao dịch dân sự của các bên.

(ii) *Độc lập, khách quan, và tuân thủ pháp luật*: Trọng tài viên không được thiên vị, cần giữ thái độ trung lập, vô tư trong quá trình giải quyết tranh chấp, đồng thời phải tuân theo quy định của pháp luật. Điều này đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong phán quyết.

(iii) *Bình đẳng giữa các bên*: Mọi bên tranh chấp đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong quá trình giải quyết tranh chấp. Hội đồng trọng tài phải tạo điều kiện để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đảm bảo không bên nào bị thiệt thòi hoặc lấn át.

(iv) *Giải quyết không công khai*: Các phiên họp trọng tài thường không công khai nhằm bảo vệ bí mật kinh doanh, uy tín và lợi ích của các bên. Tuy nhiên, nếu các bên cùng đồng ý, việc giải quyết có thể được tiến hành công khai.

(v) *Phán quyết trọng tài là chung thẩm*: Phán quyết trọng tài có tính chất cuối cùng, không được kháng cáo hay kháng nghị. Điều này giúp đảm bảo tính dứt khoát và hiệu quả của trọng tài so với tòa án³.

3. Những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

3.1. Tác động của chuyển đổi số đến hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

Trong bối cảnh đương đại, chuyển đổi số đã vượt qua vai trò là một xu hướng công nghệ đơn thuần trên phạm vi toàn cầu, để chính thức cấu thành một yêu cầu khách quan, mang tính tất yếu đối với sự phát triển toàn diện trên các phương diện kinh tế, chính trị và xã hội của mỗi quốc gia. Đối với lĩnh vực giải quyết tranh chấp, việc tích hợp và ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin cùng những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến đã chứng minh vai trò then chốt trong việc tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Điều này không chỉ góp phần củng cố các nguyên tắc minh bạch, công khai trong quy trình tố tụng mà còn thúc đẩy tính chuyên nghiệp hóa, đặc

³ Trọng tài thương mại là gì? Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài là gì?, <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-doanh-nghiep/cau-hoi-thuong-gap/trong-tai-thuong-mai-la-gi-dieu-kien-giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-la-gi-6558.html>, truy cập ngày 18/06/2025.

biệt trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang định hình sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội.

Việc tích hợp công nghệ vào toàn bộ hoặc một phần quy trình giải quyết tranh chấp, còn gọi là giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR), đang được triển khai ngày càng rộng rãi tại nhiều quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển. Tại Việt Nam, chủ trương thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia đã được xác định rõ trong các định hướng phát triển kinh tế xã hội. Trong lĩnh vực tư pháp, hệ thống Tòa án nhân dân các cấp đã bước đầu triển khai xây dựng Tòa án điện tử, tập trung vào ba hướng chính: hoàn thiện phần mềm quản lý và điều hành vụ án, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ xét xử trực tuyến và xây dựng thể chế tố tụng điện tử, đồng thời ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoạt động chuyên môn của Thẩm phán.

Bên cạnh Tòa án, các tổ chức cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng nhà nước cũng đang tích cực triển khai các giải pháp chuyển đổi số. Tiêu biểu là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), đơn vị đã tiên phong nghiên cứu và áp dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trọng tài. Từ năm 2018, VIAC đã triển khai phát triển nền tảng trực tuyến hỗ trợ toàn diện các bên trong quy trình giải quyết tranh chấp. Với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), VIAC đã đưa vào vận hành Nền tảng Nộp đơn điện tử và Quản lý vụ tranh chấp trực tuyến, tích hợp nhiều chức năng giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tham gia tố tụng trọng tài, đặc biệt trong các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Mô hình tố tụng trọng tài trực tuyến không chỉ đáp ứng yêu cầu thực tiễn mà còn góp phần giảm thiểu sử dụng giấy, hướng đến phát triển xanh và bền vững.

Tuy nhiên, để bảo đảm tính hợp pháp và hiệu quả của các thủ tục giải quyết tranh chấp trực tuyến, việc hoàn thiện khung pháp lý là yêu cầu cấp thiết. Ngoài các quy định trực tiếp trong Luật Trọng tài thương mại, cần có quy định đồng bộ về hợp đồng điện tử, hợp đồng thông minh, chứng cứ điện tử, chữ ký số, giá trị pháp lý của phán quyết trọng tài điện tử, văn bản hòa giải thành và trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong quy trình giải quyết tranh chấp bằng phương thức trực tuyến.

Trong những năm gần đây, với sự đồng hành của Dự án INVEST do USAID tài trợ, VIAC đã tích cực triển khai các chương trình đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán, Trọng tài viên, cán bộ ngành tư pháp và nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc phát triển và hoàn thiện hệ sinh thái pháp lý và công nghệ cho các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế tại Việt Nam⁴.

⁴ Trọng tài thương mại là gì? Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài là gì?, <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-doanh-nghiep/cau-hoi-thuong-gap/trong-tai-thuong-mai-la-gi-dieu-kien-giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-la-gi-6558>., truy cập ngày 18/06/2025.

Như vậy, Chuyển đổi số trong hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại là xu thế không thể đảo ngược. Việc ứng dụng công nghệ trong cả hệ thống Tòa án và các tổ chức trọng tài giúp nâng cao chất lượng xét xử, tiết kiệm nguồn lực, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận công lý. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả thực tiễn, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa cải cách thể chế, đổi mới quy trình tố tụng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, trên cơ sở phù hợp với điều kiện pháp lý và thực tiễn của Việt Nam.

3.1. Sự phát triển của giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR)

Sự phát triển của giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) tại Việt Nam được thúc đẩy mạnh mẽ trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã định hướng rõ ràng về việc đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, đồng thời phát triển kinh tế và xã hội số. Chỉ thị cũng khuyến khích việc hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có khả năng cạnh tranh toàn cầu, nâng cao môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và gia nhập chuỗi giá trị khu vực, quốc tế một cách hiệu quả. Cùng với đó, nhiều chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến kinh tế số đã được hoàn thiện, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số tại các cơ quan, doanh nghiệp.

Về mặt chiến lược phát triển quốc gia, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam sẽ đạt được hạ tầng số tiên tiến ngang tầm khu vực ASEAN, phủ sóng internet băng thông rộng tại 100% xã, đưa kinh tế số chiếm trên 30% GDP, đồng thời duy trì mức tăng năng suất lao động bình quân trên 7% mỗi năm. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và phát triển các nền tảng ODR trở thành một yếu tố quan trọng trong thúc đẩy kinh tế số, khi các tổ chức giải quyết tranh chấp trực tuyến không chỉ làm nhiệm vụ tài phán đối với các giao dịch trên môi trường số mà còn góp phần nâng cao niềm tin của người dân vào hệ thống pháp lý kỹ thuật số, từ đó tạo dựng môi trường giao dịch an toàn và minh bạch hơn.

3.1.1. ODR là gì?

Hệ thống ODR (Online Dispute Resolution) là nền tảng do các tổ chức cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp trực tuyến xây dựng, đặc biệt phù hợp với các tranh chấp thương mại điện tử, tiêu dùng giá trị nhỏ, hoặc tranh chấp dân sự – kinh tế giữa các bên ở xa. Tùy theo chức năng từng tổ chức, ODR có thể hỗ trợ các phương thức như thương lượng, hòa giải và trọng tài trực tuyến. Quy trình giải quyết tranh chấp tuân thủ pháp luật quốc gia nhưng được rút gọn nhờ ứng dụng công nghệ thông tin: từ nộp đơn, trao đổi, họp trực tuyến đến ban hành quyết định đều được thực hiện trên nền tảng số, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng hiệu quả xử lý so với phương thức truyền thống.

Công nghệ hiện đại như AI, blockchain, chữ ký số và dữ liệu từ sàn TMĐT hỗ trợ xác minh chứng cứ, đảm bảo minh bạch và nâng cao trách nhiệm pháp lý. Giao tiếp qua tin nhắn, video, và quản lý tiến trình tố tụng trực tuyến giúp các bên thuận tiện hơn trong việc tham gia và tuân thủ quy trình. Chi phí giải quyết tranh chấp qua ODR thường thấp nhờ tối ưu vận hành và được hỗ trợ bởi các quy trình xử lý sẵn có của sàn TMĐT. Ngoài ra, ODR còn có khả năng tích hợp AI và công nghệ học máy để tự động xử lý các tranh chấp đơn giản, góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ và tăng tính pháp lý cho giao dịch trực tuyến.

3.1.2. ODR hỗ trợ và đóng góp gì?

a. Thúc đẩy thương mại điện tử phát triển

Theo Statista.com, năm 2020, TMĐT toàn cầu đạt giá trị 4.206 tỷ USD, tăng gần 20% so với năm 2019, với khoảng 1,9 tỷ người tham gia. Tại Việt Nam, TMĐT cũng phát triển mạnh, tăng trưởng 30%, đạt hơn 15 tỷ USD (theo Bộ Công Thương và Hiệp hội TMĐT Việt Nam). Tuy nhiên, theo Emarketer.com, có từ 2–5% số giao dịch phát sinh tranh chấp, tương đương hàng triệu vụ việc mỗi năm.

Do phần lớn giao dịch TMĐT có giá trị nhỏ và người dùng ưu tiên sự tiện lợi, nên nhu cầu xử lý tranh chấp nhanh chóng, tiết kiệm là rất lớn. Trong khi đó, phương thức khởi kiện tại tòa án còn phức tạp, tốn kém và chưa phù hợp với đặc thù của TMĐT. Việc khuyến khích phát triển các tổ chức ODR tại Việt Nam sẽ giúp thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả hơn, từ đó tăng niềm tin của người tiêu dùng và thúc đẩy TMĐT phát triển bền vững.

Kinh nghiệm EU: EU đã ban hành Chỉ thị 2013/11/EU và Quy định 524/2013/EU yêu cầu các doanh nghiệp TMĐT thông báo rõ ràng trên website về đơn vị giải quyết tranh chấp và cung cấp liên kết đến hệ thống ODR của Ủy ban Châu Âu (<http://ec.europa.eu/odr>). Hệ thống này chính thức hoạt động từ tháng 2/2016, điều phối tranh chấp đến các tổ chức giải quyết ODR uy tín trong EU, với chi phí thấp và thủ tục đơn giản. Đặc biệt, các giao dịch dưới 500 Euro phải được xử lý qua ODR.

b. Hỗ trợ giải quyết các tranh chấp tiêu dùng

Hoạt động tiêu dùng truyền thống tại Việt Nam (mua bán tại chợ, cửa hàng nhỏ...) cũng thường phát sinh tranh chấp giá trị thấp. Tuy nhiên, do thủ tục khởi kiện tại tòa án phức tạp và tốn kém, phần lớn người dân không theo đuổi kiện tụng mà chấp nhận mất quyền lợi. Điều này dẫn đến hệ lụy là thị trường tiêu dùng dễ bị lạm dụng bởi hàng giả, hàng kém chất lượng, hành vi lừa đảo và trốn thuế.

Việc xây dựng các tổ chức ODR chuyên giải quyết tranh chấp tiêu dùng giá trị nhỏ là giải pháp cần thiết để bảo vệ người tiêu dùng, đảm bảo công bằng trong giao dịch, tăng tính minh bạch và trật tự cho thị trường.

Kinh nghiệm EU: Theo số liệu từ hệ thống ODR EU (tính đến tháng 5/2019), đã có 121.494 vụ tranh chấp TMĐT được gửi đến hệ thống, trong đó 55,83% là tranh chấp tiêu dùng nội địa và 44,17% là xuyên biên giới. Các lĩnh vực tranh chấp phổ biến gồm: hàng không, thời trang, thiết bị điện tử, viễn thông, nội thất, phụ kiện ô tô,...

c. Thúc đẩy phát triển công nghệ trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0

Thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến nhiều công nghệ mới như Blockchain, AI, Big Data, IoT, thực tế ảo... Những công nghệ này mở ra nhiều cơ hội cải thiện đời sống và kinh doanh, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn về rủi ro pháp lý và an toàn giao dịch nếu không có cơ chế tư pháp phù hợp để kiểm soát.

Việc phát triển các tổ chức ODR sẽ giúp định hình và nâng cao hiệu quả cơ chế giải quyết tranh chấp trong môi trường công nghệ, tạo điều kiện thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đồng thời nâng cao mức độ an toàn pháp lý trong các hoạt động sử dụng công nghệ cao. Các hệ thống ODR có thể tích hợp AI, Blockchain, chữ ký số, công nghệ xác thực tài liệu để tăng độ tin cậy và rút ngắn thời gian xử lý tranh chấp⁵.

Tóm lại, việc phát triển ODR tại Việt Nam không chỉ đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong TMĐT và tiêu dùng, mà còn góp phần thúc đẩy ứng dụng công nghệ, bảo đảm môi trường pháp lý minh bạch, thân thiện và hiện đại, phục vụ cho tăng trưởng kinh tế số trong dài hạn.

3.1.3. Các vấn đề pháp lý liên quan của hoạt động ODR

Một trong những vấn đề pháp lý quan trọng khi giải quyết tranh chấp trực tuyến là xác thực danh tính các bên nhằm đảm bảo năng lực pháp lý và tính hợp pháp của biên bản hòa giải, quyết định trọng tài do tổ chức ODR ban hành. Ở nhiều quốc gia, người dùng thương mại điện tử đã có mã định danh điện tử hoặc chứng thư số, và được xác thực qua sàn giao dịch hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, một số nền tảng TMĐT vẫn chưa kiểm soát chặt chẽ danh tính người dùng, gây khó khăn khi phát sinh tranh chấp. Các phương thức xác thực hiện nay gồm: số điện thoại, chữ ký số, mã OTP, xác thực qua trung gian thanh toán, sinh trắc học... Việc xác thực bắt buộc nên được cân nhắc theo giá trị và tính chất tranh chấp để tránh gây phức tạp, tốn kém.

Tiếp theo là vấn đề xác thực tài liệu, chứng cứ. Với các giao dịch thông qua nền tảng trung gian, tổ chức ODR có thể thuận tiện truy xuất dữ liệu nếu được kết nối với bên thứ ba. Trong các giao dịch không qua trung gian, các bên cần cam kết tính trung thực. Việc sử dụng chữ ký số giúp tăng độ tin cậy pháp lý của bằng chứng. Dù phần lớn tranh chấp TMĐT có giá trị nhỏ, vẫn cần cơ chế phòng ngừa làm giả và bảo đảm hiệu lực pháp lý của kết quả giải quyết.

⁵ Phương thức hòa giải và trọng tài trực tuyến (ODR), <https://cspl.mic.gov.vn/Pages/TinTuc/tinchitiet.aspx?tintucid=138275>, truy cập ngày 18/06/2025.

ODR cần phát triển hệ thống lưu trữ, mã hóa dữ liệu an toàn để bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật trong xử lý chứng cứ.

Cuối cùng, việc bảo đảm tuân thủ thủ tục trong phiên hòa giải, xét xử trực tuyến cũng đặt ra thách thức. Các bên cần xác nhận tư cách tham gia nhằm tránh tranh chấp về thẩm quyền hoặc rủi ro vô hiệu hóa quyết định. Pháp luật Việt Nam và nhiều nước cần điều chỉnh để công nhận tính pháp lý của thủ tục trực tuyến, bảo đảm các phiên họp trực tuyến không bị xem là vô hiệu do thiếu mặt trực tiếp. Đây là bước đi cần thiết để phát triển phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp với xu thế giao dịch điện tử hiện nay.

3.1.4. Giải pháp thúc đẩy phát triển ODR tại Việt Nam

Để thúc đẩy hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) tại Việt Nam, Nhà nước cần chủ động xây dựng khung pháp lý chuyên biệt, nâng cao nhận thức về lợi ích của ODR cho người tiêu dùng và doanh nghiệp, yêu cầu các sàn thương mại điện tử (TMĐT) công khai tổ chức ODR, áp dụng ưu đãi thuế, và tích hợp phát triển các tổ chức hòa giải, trọng tài trực tuyến vào kế hoạch phát triển TMĐT. Song song đó, cần khẩn trương hoàn thiện hệ thống xác thực và định danh điện tử, đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân điện tử tích hợp chữ ký số cá nhân, nhằm tăng cường an toàn pháp lý cho giao dịch TMĐT và ODR; trong thời gian chờ đợi, có thể tạm sử dụng các mã số hiện có để xác thực. Cuối cùng, Việt Nam nên học hỏi kinh nghiệm từ Liên minh Châu Âu trong việc xây dựng khung pháp lý cho nền kinh tế số, quy định bắt buộc các tổ chức kinh doanh trực tuyến phải công khai tổ chức giải quyết tranh chấp trực tuyến để bảo vệ người tiêu dùng, đặc biệt ưu tiên xử lý các tranh chấp tiêu dùng giá trị nhỏ thông qua ODR để đảm bảo tính nhanh gọn và giảm tải cho tòa án.

3.2. Vai trò của trọng tài thương mại trong tranh chấp đất đai

Tranh chấp đất đai là một trong những loại tranh chấp phổ biến và phức tạp tại Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người dân, doanh nghiệp cũng như sự ổn định xã hội. Trước thực tế này, việc tìm kiếm các phương thức giải quyết tranh chấp nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trở thành yêu cầu cấp thiết. Luật Đất đai 2024 đã đánh dấu bước đột phá khi lần đầu tiên ghi nhận vai trò của trọng tài thương mại trong việc giải quyết các tranh chấp đất đai phát sinh từ hoạt động thương mại.

3.2.1. Luật Đất đai 2024 và thẩm quyền mới của trọng tài thương mại

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 236 Luật Đất đai 2024: “Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai được giải quyết bởi Tòa án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự hoặc bởi Trọng tài thương mại Việt Nam theo quy định pháp luật về trọng tài thương mại”. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật đất đai, trọng tài thương mại được chính thức công nhận là cơ quan có thẩm quyền xử lý tranh chấp đất đai.

Trước đây, các tranh chấp đất đai chủ yếu được giải quyết thông qua hòa giải tại cơ sở, ủy ban nhân dân các cấp hoặc tại tòa án nhân dân. Việc bổ sung trọng tài thương mại như một phương thức giải quyết chính thức không chỉ mở rộng lựa chọn cho các bên tranh chấp mà còn phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường, nơi các giao dịch thương mại ngày càng phức tạp, đòi hỏi tính nhanh chóng và bảo mật cao.

3.2.2. Điều kiện áp dụng trọng tài thương mại trong tranh chấp đất đai

Không phải mọi tranh chấp đất đai đều thuộc thẩm quyền của trọng tài thương mại. Để trọng tài được thụ lý, cần đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Các bên phải có thỏa thuận trọng tài hợp pháp, thể hiện trong hợp đồng hoặc thỏa thuận riêng;

(ii) Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai giữa các tổ chức, doanh nghiệp, ví dụ như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh, hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất;

(iii) Sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài là điều kiện tiên quyết để trọng tài thương mại có thể giải quyết tranh chấp.

3.2.3. Thực tiễn áp dụng và những thách thức

Trọng tài thương mại ngày càng được doanh nghiệp lựa chọn trong giải quyết tranh chấp đất đai, đặc biệt là trong các hợp đồng chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) và một số trung tâm trọng tài khác đã xử lý thành công nhiều vụ việc. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khó khăn như xác định phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền trọng tài chưa rõ ràng, chưa có cơ chế đăng ký biến động đất đai sau phán quyết trọng tài, sự chưa đồng bộ giữa Luật Đất đai và Luật Trọng tài thương mại. Bên cạnh đó, trong tranh chấp phức tạp, việc thu thập chứng cứ, xác minh hiện trường có thể gặp hạn chế so với tòa án.

(ii) Theo Điều 21 Luật Trọng tài thương mại 2010, trọng tài viên có nghĩa vụ giữ bí mật vụ việc, giải quyết tranh chấp một cách khách quan, nhanh chóng, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Nếu vi phạm, theo Khoản 1 Điều 27 Nghị định 82/2020/NĐ-CP, trọng tài viên có thể bị xử phạt hành chính. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm pháp lý và giới hạn trách nhiệm của trọng tài viên.

3.2.4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả

(i) Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết phạm vi áp dụng trọng tài trong tranh chấp đất đai, làm rõ trường hợp thuộc thẩm quyền trọng tài.

(ii) Đồng bộ Luật Trọng tài thương mại với Luật Đất đai 2024, đặc biệt về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài.

(iii) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về lợi ích và điều kiện áp dụng trọng tài thương mại cho doanh nghiệp và người dân.

(iv) Khuyến khích đưa điều khoản trọng tài vào hợp đồng kinh doanh bất động sản để tạo thuận lợi giải quyết tranh chấp.

(v) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa trọng tài thương mại và các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, hỗ trợ cung cấp hồ sơ, tài liệu.

(vi) Quy định rõ trách nhiệm, giới hạn trách nhiệm của trọng tài viên nhằm bảo vệ tính độc lập, khách quan của họ cũng như quyền lợi hợp pháp của các bên tranh chấp.⁶

=> Việc Luật Đất đai 2024 chính thức công nhận trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp đất đai là một bước tiến quan trọng, phù hợp xu hướng phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Cơ chế trọng tài không chỉ giúp giải quyết tranh chấp nhanh, tiết kiệm chi phí mà còn nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai.

3.3. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

3.3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

Trước những tác động của bối cảnh chuyển đổi số, việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp cần được triển khai theo những định hướng sau:

Thứ nhất, chuyển đổi số tạo ra nhiều dạng tranh chấp mới như tài sản mã hóa, tiền mã hóa, quyền sở hữu trí tuệ công nghệ, giao dịch số, hợp đồng thông minh và mô hình kinh doanh mới. Do đó, pháp luật cần công nhận và quy định rõ thẩm quyền giải quyết tranh chấp này cho Tòa án, trọng tài hoặc cơ quan khác. Việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phải đồng bộ với việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh tranh chấp, bao gồm cả pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung.

Thứ hai, cần thúc đẩy phát triển giải quyết tranh chấp trực tuyến theo lộ trình, cho phép thực hiện các hoạt động tố tụng trên mạng, xây dựng hành lang pháp lý thuận lợi và phát triển các dịch vụ hỗ trợ như tiếp nhận hồ sơ, chữ ký số từ xa, công chứng và chứng thực điện tử.

Thứ ba, pháp luật cần thừa nhận giá trị pháp lý và giá trị chứng minh của dữ liệu điện tử, đối xử bình đẳng giữa dữ liệu điện tử và giấy tờ, đồng thời giảm nghĩa vụ chứng minh cho các bên khi có thể tự kiểm chứng, xác thực thông tin.

⁶ Vai trò của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp đất đai theo Luật Đất đai 2024, <https://vn.investing.com/news/stock-market-news/vai-tro-cua-trong-tai-thuong-mai-trong-giai-quyet-tranh-chap-dat-dai-theo-luat-dat-dai-2024-2366305>, truy cập ngày 18/06/2025.

Thứ tư, mở rộng phạm vi và điều kiện giải quyết tranh chấp trực tuyến, đảm bảo dễ tiếp cận, hợp lý về kỹ thuật, giảm chi phí và hạn chế giấy tờ, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả giải quyết tranh chấp qua mạng.

3.3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ các định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại dưới tác động của thời đại chuyển đổi số tại Việt Nam, có thể đề xuất một số giải pháp bước đầu để hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại như sau:

3.3.2.1. Hoàn thiện pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng để nhận diện rõ các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ pháp luật mới, đồng thời, quy định rõ thẩm quyền của Tòa án, trọng tài đối với các loại tranh chấp mới phát sinh trong thời đại chuyển đổi số

Với sự ra đời của nhiều sản phẩm, dịch vụ mới; quy trình, mô hình sản xuất, kinh doanh và quản trị mới, chuyển đổi số làm phát sinh nhiều quan hệ xã hội mới, nhiều tranh chấp mới mà hệ thống pháp luật hiện hành chưa điều chỉnh, hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ, chưa hợp lý, dẫn đến những cách hiểu, cách áp dụng khác nhau. Do đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết tranh chấp, cần phải lưu ý nghiên cứu, rà soát, bổ sung cơ sở pháp lý giải quyết một số vấn đề cơ bản, ví dụ: (i) Bản chất pháp lý của tài sản mã hóa (crypto asset) và quyền của chủ sở hữu tài sản mã hóa; (ii) Bản chất pháp lý của hợp đồng thông minh (smart contract); (iii) Bản chất pháp lý của các mô hình kinh tế chia sẻ và xác định trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong mô hình kinh tế chia sẻ; (iv) Nguyên tắc xác định trách nhiệm dân sự trong trường hợp thiệt hại do hoạt động của trí tuệ nhân tạo gây ra; (v) Quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm của trí tuệ nhân tạo. Trên cơ sở nhận diện các quan hệ pháp luật mới này, pháp luật tố tụng (Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại) cần bổ sung quy định để trao thẩm quyền giải quyết tranh chấp cho Tòa án, trọng tài.

3.3.2.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định trong pháp luật tố tụng để có thể thực hiện được một số hoạt động tố tụng trên không gian mạng

Một số quy định pháp luật hiện hành vẫn yêu cầu bắt buộc thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp theo hình thức trực tiếp, chưa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số. Chẳng hạn, Luật Hòa giải ở cơ sở (2013) yêu cầu hòa giải phải "trực tiếp, bằng lời nói"; Luật Trọng tài thương mại (2010) yêu cầu gửi hồ sơ dưới dạng bản giấy cho từng trọng tài viên và lưu tại trung tâm; Bộ luật Tố tụng dân sự (2015) quy định việc xét xử, tham dự phiên tòa phải được tổ chức tại phòng xử án và đương sự phải có mặt trực tiếp. Những quy định này chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng giải quyết tranh chấp trên môi trường mạng.

Đề hướng tới quy trình giải quyết tranh chấp số hóa toàn diện, cần rà soát sửa đổi các quy định yêu cầu thực hiện trực tiếp, đồng thời bổ sung khung pháp lý cho hoạt động trực tuyến. Cụ thể: (i) Từng bước mở rộng các thủ tục được phép tiến hành trên không gian mạng; (ii) Bỏ yêu cầu nộp "bản cứng" không cần thiết nếu đã có văn bản điện tử có chữ ký số; (iii) Bổ sung quy định về phiên họp, phiên tòa trực tuyến trên cơ sở tự nguyện, hạ tầng công nghệ và khả năng tiếp cận của các bên. Trong mô hình này, một bên không sẵn sàng tham gia trực tuyến vẫn có thể tham dự theo phương thức truyền thống mà không ảnh hưởng đến quyền tham gia trực tuyến của bên còn lại. Cách tiếp cận linh hoạt này sẽ góp phần hiện đại hóa hoạt động tố tụng, phù hợp với xu hướng phát triển của công nghệ và giao dịch điện tử.

3.3.2.3. Hoàn thiện quy định pháp luật về chứng cứ, chứng minh

Hiện nay, quy định pháp luật về chứng cứ, đặc biệt là chứng cứ điện tử, chưa theo kịp sự phát triển đa dạng của hình thức chứng cứ trong bối cảnh chuyển đổi số. Do đó, cần rà soát, hoàn thiện các quy định nhằm đáp ứng yêu cầu giải quyết tranh chấp hiện đại. Trước hết, cần làm rõ khái niệm chứng cứ điện tử và phân biệt giữa chứng cứ điện tử theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và chứng cứ được gửi qua phương thức điện tử theo Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP, từ đó xây dựng nguyên tắc đánh giá phù hợp với từng loại. Đồng thời, cần quy định rõ về việc thu thập chứng cứ điện tử, bao gồm nguyên tắc, trình tự, và giá trị pháp lý. Chẳng hạn, xác định dữ liệu do nền tảng nào trích xuất thì được coi là đáng tin cậy, hoặc quy định về lập vi bằng đối với sự kiện diễn ra trong môi trường số. Ngoài ra, cần xây dựng nguyên tắc xác minh và đánh giá chứng cứ điện tử theo hướng bảo đảm quyền của đương sự, không phân biệt đối xử giữa chứng cứ điện tử và chứng cứ truyền thống, chỉ đặt thêm điều kiện pháp lý khi thực sự cần thiết và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh công nghệ số phát triển, nên mở rộng các tình tiết được miễn chứng minh, chẳng hạn như thông tin đã được công khai rộng rãi trên mạng hoặc được lưu trữ bằng công nghệ chuỗi khối (blockchain), nhằm giảm gánh nặng chứng minh và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp.

3.3.2.4. Hoàn thiện quy định pháp luật về công chứng điện tử

Pháp luật hiện hành chỉ quy định về dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử, chữ ký số, trong khi pháp luật quy định nhiều văn bản phải được công chứng, chứng thực về mặt nội dung. Do đó, cần bổ sung cơ sở pháp lý cho việc công chứng, chứng thực nội dung thông điệp dữ liệu điện tử trong pháp luật về giao dịch điện tử hoặc quy định trong pháp luật về công chứng, chứng thực. Bên cạnh đó, cần xây dựng khung pháp lý rõ ràng cho dịch vụ công chứng điện tử (công chứng bằng phương thức điện tử thông qua chữ ký số và con dấu số để hoạt động công chứng có thể được thực hiện hoàn toàn trực tuyến, tạo thuận lợi cho các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại.

3.3.2.5. Quy định về cách thức xử lý khi quá trình giải quyết tranh chấp trực tuyến phát sinh rủi ro

Quá trình giải quyết tranh chấp trực tuyến có thể phát sinh nhiều rủi ro như rủi ro bảo mật; rủi ro mạo danh khi tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp; rủi ro khi người làm chứng, chuyên gia được hướng dẫn, “huấn luyện” (witness coaching)¹ ngay trong phiên họp giải quyết tranh chấp; rủi ro khi truyền tải âm thanh, hình ảnh, văn bản không được đầy đủ, rõ ràng, dẫn đến các bên có thể không thực hiện được các quyền của mình một cách đầy đủ, trọn vẹn... Trong khi đó, hệ thống quy định hiện hành chưa đưa ra được cách thức giải quyết thỏa đáng để trung hòa lợi ích của các bên khi rủi ro xảy ra, đặc biệt là nếu rủi ro hiện thực hóa thành hậu quả pháp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong tranh chấp.

Do đó, cần phải rà soát Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại và các văn bản hướng dẫn; bổ sung các nguyên tắc giải quyết khi quá trình giải quyết tranh chấp trực tuyến phát sinh rủi ro và phương pháp khắc phục hậu quả nếu có. Trong quá trình xây dựng nguyên tắc chung cũng như biện pháp giải quyết rủi ro cụ thể, cần phải tính đến các yếu tố: (i) Thời điểm phát sinh rủi ro (trước, sau hay trong giai đoạn nào của quá trình giải quyết tranh chấp); (ii) Thời điểm phát hiện rủi ro; (iii) Mức độ ảnh hưởng của rủi ro đến việc đảm bảo các yêu cầu cơ bản của hoạt động giải quyết tranh chấp và kết quả giải quyết tranh chấp; và (iv) Tính chất của rủi ro (rủi ro vì lý do chủ quan hay khách quan, có thể khắc phục trong thời gian ngắn hay không...). Cần phải xây dựng hệ thống nguyên tắc cụ thể, tránh quy định chung chung dẫn đến áp dụng tùy tiện, thiếu thống nhất.

Đơn cử, đối với phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, cần phải sửa đổi nguyên tắc đương sự đã được triệu tập họp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà rời phiên họp giải quyết tranh chấp khi không được Hội đồng trọng tài chấp thuận thì sẽ phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi (Điều 56 Luật Trọng tài thương mại năm 2010). Cụ thể, cần ghi nhận tình huống các bên có thể bị rời phiên họp trực tuyến ngoài ý muốn do gặp vấn đề về kỹ thuật. Nếu có thể xác định bên rời phiên họp không có lỗi, bên đó không nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi.

Về xử lý tình huống xảy ra trong phiên tòa trực tuyến, Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTCBCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến đã có quy định bước đầu tại Điều 14, theo đó, Hội đồng xét xử ra quyết định tạm ngừng phiên tòa nếu trước khi diễn ra phiên tòa hoặc trong quá trình diễn ra phiên tòa trực tuyến mà hệ thống trực tuyến bị gián đoạn do lỗi kết nối đường truyền, mất điện hoặc sự cố khác làm phiên tòa không thể tiếp tục được. Tuy nhiên,

cần phải tiếp tục xây dựng hệ thống nguyên tắc cụ thể, bao quát nhiều trường hợp hơn, phân hóa tốt hơn giữa các tình huống khác nhau, đồng thời, phân định rõ quyền lợi, trách nhiệm của các chủ thể khi xảy ra tình huống.

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp, cần chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật, trong đó, việc nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, khả năng tiếp cận công nghệ, quyết tâm ứng dụng thành tựu công nghệ của các thiết chế giải quyết tranh chấp, các bên tranh chấp có vai trò quyết định đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại thời đại chuyển đổi số⁷.

4. Kết luận

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ và toàn diện đến nền kinh tế – xã hội, hoạt động trọng tài thương mại Việt Nam đứng trước những yêu cầu cấp thiết và cơ hội phát triển mang tính bước ngoặt. Để hiện thực hóa những cơ hội này và đối diện hiệu quả với các thách thức, việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề pháp lý cốt lõi, bao gồm thẩm quyền của trọng tài trong không gian số, tối ưu hóa thủ tục tố tụng điện tử, xác lập giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử, và tích hợp các ứng dụng công nghệ tiên tiến hỗ trợ hoạt động trọng tài là điều kiện tiên quyết. Trên nền tảng đó, việc kiến tạo một hành lang pháp lý toàn diện, đồng bộ, và thích ứng, đảm bảo các nguyên tắc trụ cột về tính hiệu quả, minh bạch và công bằng, song hành với việc không ngừng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ và trình độ, nhận thức pháp lý cho các chủ thể tham gia tố tụng trọng tài, phải được xem là những định hướng chiến lược. Việc triển khai đồng bộ và hiệu quả các định hướng này sẽ tạo dựng nền tảng pháp lý và thực tiễn vững chắc, đưa trọng tài thương mại trở thành một cơ chế giải quyết tranh chấp ưu việt, hiện đại, hiệu quả, thích ứng linh hoạt với sự vận động của nền kinh tế số, qua đó góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh, duy trì sự ổn định và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững trong kỷ nguyên mới.

⁷ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY, <https://daihochoabinh.edu.vn/wp-content/uploads/2024/06/5.-TS.-Tran-Van-Bien-2.pdf>, truy cập ngày 18/06/2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trọng tài thương mại là gì? Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài là gì?, <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-doanh-nghiep/cau-hoi-thuong-gap/trong-tai-thuong-mai-la-gi-dieu-kien-giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-la-gi-6558.html>, truy cập ngày 18/06/2025.
2. Phương thức hòa giải và trọng tài trực tuyến (ODR), <https://cspl.mic.gov.vn/Pages/TinTuc/tinchitiet.aspx?tintucid=138275>, truy cập ngày 18/06/2025.
3. Vai trò của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp đất đai theo Luật Đất đai 2024, <https://vn.investing.com/news/stock-market-news/vai-tro-cua-trong-tai-thuong-mai-trong-giai-quyet-tranh-chap-dat-dai-theo-luat-dat-dai-2024-2366305>, truy cập ngày 18/06/2025.
4. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY, <https://daihochoabinh.edu.vn/wp-content/uploads/2024/06/5.-TS.-Tran-Van-Bien-2.pdf>, truy cập ngày 18/06/2025.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ DỮ LIỆU BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI - TRIỂN VỌNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Đinh Văn Tuấn¹

Vũ Thị Mai Hương²

Nguyễn Phạm Thanh Hoa³

Tóm tắt: Trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển như hiện nay cùng quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ hơn bao giờ hết tại Việt Nam thì dữ liệu trở thành một “loại dầu mỏ” có giá trị. Đối với các doanh nghiệp, dữ liệu được xem là một trong những nguồn nguyên liệu (cả đầu vào và đầu ra) quan trọng góp phần tạo dựng nên thương hiệu, lợi nhuận, duy trì sự ổn định và phát triển của một doanh nghiệp. Do tính có giá trị này mà các tranh chấp về dữ liệu ngày càng phổ biến trong hoạt động thương mại hiện đại. Hiện nay, Luật Dữ liệu (bắt đầu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025), Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân đang trong quá trình dự thảo và mong đợi Quốc hội sớm bấm nút thông qua kết hợp với pháp luật trọng tài hiện hành mong đợi tạo thành khung pháp lý để giải quyết các tranh chấp về dữ liệu. Xuất phát từ thực tế này, bài viết từ việc phân tích những triển vọng của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại đối với các tranh chấp về dữ liệu, khung pháp lý hiện hành và một số đề xuất cho pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: dữ liệu, tranh chấp về dữ liệu, trọng tài thương mại.

Abstract: In the context of rapid scientific and technological advancement and an unprecedented digital transformation in Vietnam, data has emerged as a valuable "new oil." For businesses, data is considered one of the most critical resources—both in terms of input and output—contributing to brand building, profit generation, and the long-term stability and development of enterprises. Due to its inherent value, data-related disputes are becoming increasingly common in modern commercial activities. At present, the Data Law (set to take effect on July 1, 2025), the draft Law on Personal Data Protection, and the current arbitration laws are expected to jointly form a legal framework for resolving data-related disputes. In light of this reality, this article analyzes the prospects of resolving data disputes through commercial arbitration, evaluates the existing legal framework, and provides several recommendations for the improvement of Vietnam's legal system.

Keywords: data, data disputes, commercial arbitration.

¹ Luật sư, Thạc sĩ; Công ty Luật TNHH DNP Việt Nam; lsdinhvantuan@gmail.com.

² Học viên Cao học Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

³ Học viên Học viện Tư pháp

1. Đặt vấn đề:

Trong kỷ nguyên số hóa diễn ra toàn cầu thì dữ liệu đã trở thành một loại “dầu mỏ mới” có giá trị thương mại không chỉ đối với các doanh nghiệp mà còn đối với các cơ quan công quyền và người dân. Sự bùng nổ và phát triển của các hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng số, công nghệ chuỗi khối (hay còn gọi là blockchain), trí tuệ nhân tạo và các hình thức giao dịch xuyên biên giới đã làm gia tăng nhanh chóng các tranh chấp liên quan đến dữ liệu. Đối với những tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại nói chung thì phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được ưu tiên lựa chọn bởi các những ưu điểm như tính linh hoạt, bí mật, khả năng lựa chọn chuyên gia,... Và đây cũng là một cơ chế giải quyết tranh chấp đầy tiềm năng đối với các vấn đề phát sinh từ tranh chấp về dữ liệu. Tuy nhiên, việc áp dụng phương thức này để giải quyết tranh chấp dữ liệu vẫn còn tương đối mới mẻ, nhất là trong bối cảnh pháp luật Việt Nam khi chưa có quy định rõ ràng về tranh chấp về dữ liệu cũng như thẩm quyền, phạm vi và điều kiện áp dụng hình thức này trong việc giải quyết tranh chấp về dữ liệu.

2. Cơ sở lý luận tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại

2.1. Khái niệm tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại

Hiện nay, một trong những quan điểm chỉ đạo liên quan đến dữ liệu được Nghị quyết 57-NQ-TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số dựa trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu. Phát triển dựa vào dữ liệu đã trở thành một trong những yếu tố chiến lược trong phát triển nền kinh tế quốc gia. Hay tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 đã đề ra quan điểm chỉ đạo: Dữ liệu là nguồn tài nguyên mới, là yếu tố then chốt cho chuyển đổi số quốc gia, tạo ra giá trị mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phục vụ lợi ích người dân. Vậy dữ liệu là gì? Theo Luật Dữ liệu năm 2024 thì dữ liệu được hiểu là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số (khoản 1 Điều 3). Trong bối cảnh hiện nay thì dữ liệu đã có sự gắn liền mật thiết yếu tố kinh tế, gọi chung là kinh tế dữ liệu.

Theo Ủy ban Châu Âu “data economy” (kinh tế dữ liệu) mô tả “tác động tổng thể của thị trường dữ liệu lên toàn bộ nền kinh tế”, bao gồm “việc tạo ra, thu thập, lưu trữ, xử lý, phân phối, phân tích làm rõ, chuyển giao, và khai thác dữ liệu thông qua công nghệ số”, và có nội hàm rộng hơn thị trường dữ liệu vì “có tính đến giá trị và của cải được tạo ra từ việc khai thác dữ liệu trong cả nền kinh tế. Nền kinh tế dữ liệu là một hệ sinh thái kỹ thuật số toàn cầu trong

đó dữ liệu được thu thập, tổ chức và trao đổi bởi một mạng lưới các công ty, cá nhân và tổ chức để tạo ra giá trị kinh tế⁴.

Có thể thấy rằng, giá trị của dữ liệu mang lại cho nền kinh tế là rõ ràng và ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển một doanh nghiệp. Chính vì tính chất này mà trường hợp xảy ra tranh chấp về dữ liệu là không thể tránh khỏi. Vậy tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại được hiểu như thế nào?

Khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 định nghĩa hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.

Hiện nay, Luật Thương mại năm 2005 không còn định nghĩa như thế nào là tranh chấp thương mại nhưng khái niệm này trước đó đã được Luật Thương mại năm 1997 điều chỉnh như sau: *Tranh chấp thương mại là tranh chấp phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng trong hoạt động thương mại* (Điều 238). Dựa vào khái niệm này có thể hiểu tranh chấp thương mại chủ yếu xoay quanh ba nhóm thuộc hoạt động thương mại là hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại và các hoạt động xúc tiến thương mại. Đến Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 và Luật Trọng tài thương mại năm 2005 thì các nhà làm luật không còn trực tiếp đưa ra định nghĩa về tranh chấp thương mại với mục tiêu không “đóng khung” các loại tranh chấp có khả năng trở thành tranh chấp thương mại⁵.

Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì có khái quát chung như sau: Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Từ đây, hiểu một cách đơn giản, tranh chấp trong hoạt động thương mại là tranh chấp phát sinh trong hoạt động có mục đích sinh lợi giữa các chủ thể thuộc phạm vi của pháp luật về thương mại.

Tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại có đối tượng phản ánh là “dữ liệu”, một trong những đối tượng khá mới và chỉ mới được pháp luật về dữ liệu điều chỉnh trong thời gian gần đây. Dựa vào khái niệm và phân loại hoạt động thương mại theo Luật Thương mại năm 2005 thì có thể xác định dữ liệu có khả năng trở thành đối tượng của hoạt động thương mại và việc phát sinh tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại là tất yếu. Theo đó, tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại là tranh chấp phát sinh trong hoạt động có

⁴ Trần Gia Khôi, Nguyễn Hoàng Giang (2024), “Một số khuyến nghị nhằm phát triển kinh tế dữ liệu”, <https://niics.gov.vn/mot-so-khuyen-nghi-nham-phat-trien-kinh-te-du-lieu>, truy cập ngày 10/6/2025.

⁵ Hoàng Tùng (2022), “Các loại tranh chấp thương mại: Thực trạng và những vấn đề đặt ra”, <https://lsvn.vn/cac-loai-tranh-chap-thuong-mai-thuc-trang-va-nhung-van-de-dat-ra-1659876637-a122185.html>, truy cập ngày 10/6/2025.

mục đích sinh lợi, giữa các chủ thể thuộc phạm vi của pháp luật về thương mại và có đối tượng tranh chấp là dữ liệu.

2.2. Đặc điểm của tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại

Thứ nhất, đối tượng tranh chấp là dữ liệu. Hiện nay, việc nhận diện và đánh giá tính chất pháp lý của dữ liệu có là tài sản hay không vẫn còn là vấn đề chưa thật sự rõ ràng. Luật Dữ liệu năm 2024 đã ghi nhận “Quyền của chủ sở hữu dữ liệu đối với dữ liệu là quyền tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự” (khoản 15 Điều 3). Do đó, có thể nói rằng, dữ liệu có tính chất tài sản, trở thành một loại hàng hóa theo pháp luật thương mại với các đặc trưng sau: (i) Dữ liệu có khả năng có giá trị về kinh tế, giá trị sử dụng bởi dù một mảnh dữ liệu có nhỏ và vô nghĩa đến đâu, nếu mảnh dữ liệu đó lại là mảnh ghép cuối cùng giúp xác định nhân thân một người cụ thể và sự xác định đó đem đến một giá trị to lớn, mảnh dữ liệu không thể được coi là không có giá trị kinh tế; (ii) Dữ liệu có tính xác định, chiếm hữu được, ổn định và chắc chắn; (iii) Tính chuyển giao; (iv) Tính luật định; (v) Không thuộc các loại đối tượng không thể trở thành tài sản⁶.

Khác với các loại tài sản truyền thống khác như vật, tiền giấy tờ có giá thì dữ liệu là một loại tài sản vô hình, rất dễ sao chép, dễ chia sẻ, cho phép nhiều người cùng sử dụng⁷. Điều này khiến việc xác định ai là chủ sở hữu hợp pháp, giới hạn quyền định đoạt cũng như quyền kiểm soát dữ liệu trở nên vô cùng phức tạp. Trong nhiều trường hợp, một loại dữ liệu có thể do nhiều chủ thể cùng tạo lập, cùng khai thác và dẫn đến tình trạng chồng lấn quyền lợi với nhau và phát sinh tranh chấp. Từ đây, một loại tranh chấp mới phát sinh trong hoạt động thương mại chính là tranh chấp về dữ liệu.

Thứ hai, chủ thể tham gia tranh chấp về dữ liệu. Vì gắn liền với hoạt động thương mại, tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại phải có ít nhất một bên là thương nhân. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thương xuyên và có đăng ký kinh doanh (khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại năm 2005).

Thứ ba, tranh chấp dữ liệu gắn liền với hoạt động thương mại. Bản chất của hoạt động thương mại là (i) Bao gồm tất cả các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi của thương nhân; (ii) Không phải mọi hoạt động của thương nhân cũng đều là hoạt động thương mại, mà chỉ những hoạt động nào gắn liền với mục đích tồn tại của thương nhân đó⁸. Xét trong tranh chấp về dữ

⁶ Đào Trọng Khôi (2025), “Xác định và xây dựng quy chế pháp lý đối với dữ liệu có tính chất tài sản trong pháp luật Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ Luật, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 76-83.

⁷ Đào Trọng Khôi (2023), “Tài sản hóa dữ liệu tại Việt Nam: Tại sao mãi dùng dằng?”, <https://thesaigontimes.vn/tai-san-hoa-du-lieu-tai-viet-nam-tai-sao-mai-dung-dang/>, truy cập ngày 10/6/2025.

⁸ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2018), “Giáo trình Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ”, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, tr. 38 – 40.

liệu thì có thể nhận diện tranh chấp này gắn liền với hoạt động thương mại khi đảm bảo hai điều kiện: Một là, các hoạt động thương mại của doanh nghiệp có phát sinh lợi từ việc xử lý, sử dụng dữ liệu, nói cách khác, dữ liệu trở thành một phần “nguyên liệu” tạo ra giá trị, lợi nhuận cho doanh nghiệp. Hai là, sự tồn tại của một doanh nghiệp hiện nay tất yếu không thể thiếu vắng nguồn tài nguyên mang tên dữ liệu. Nói cách khác, không có dữ liệu thì doanh nghiệp không thể hoạt động bình thường và khó có thể cạnh tranh, phát triển ổn định trên thị trường kinh doanh như hiện nay, khi mà công nghệ và bối cảnh số hóa đã chi phối hoạt động thương mại không chỉ trong nước mà trên phạm vi toàn cầu.

Thứ tư, ranh giới giữa kinh tế dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân đặt ra nhiều thách thức đối với quá trình giải quyết tranh chấp về dữ liệu. Thực tế cho thấy, tranh chấp dữ liệu phát sinh ngoài yếu tố gắn với hoạt động thương mại thì còn gắn liền với các giá trị về nhân thân liên quan đến các quyền của chủ thể dữ liệu đối với dữ liệu, mà dữ liệu còn bao gồm cả dữ liệu cá nhân. Theo đó, một tình huống có khả năng xảy ra khi hiện nay, nhiều doanh nghiệp thu thập, xử lý dữ liệu, trong đó có dữ liệu cá nhân của người dùng như một tài nguyên để quảng cáo, tiếp thị hoặc tối ưu hóa sản phẩm mà không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và điều này rất dễ dẫn đến các mâu thuẫn giữa doanh nghiệp và người dùng. Sự trái ngược về mặt lợi ích: nếu doanh nghiệp đẩy mạnh các lợi ích từ việc xử lý, sử dụng dữ liệu thì người dùng lại quan tâm đến các giá trị quyền gắn liền với dữ liệu cá nhân. Do đó, khi tranh chấp phát sinh, vấn đề không chỉ còn là vi phạm hợp đồng trong đó có các điều khoản liên quan đến xử lý, sử dụng dữ liệu mà đã tồn tại hệ quả là xâm phạm quyền của người dùng về dữ liệu, dữ liệu cá nhân.

Thứ năm, tính xuyên biên giới của dữ liệu tác động đến đặc trưng tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại. Theo Luật Dữ liệu năm 2024, việc chuyển dữ liệu quan trọng và dữ liệu cốt lõi ra nước ngoài có thể diễn ra qua ba hình thức chính: chuyển dữ liệu từ các hệ thống lưu trữ tại Việt Nam sang máy chủ ở nước ngoài, chuyển dữ liệu từ tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam cho các đơn vị nước ngoài, hoặc sử dụng các nền tảng đặt tại nước ngoài để xử lý dữ liệu. Từ đây, có thể thấy rằng, dữ liệu có khả năng lưu trữ và truyền dẫn qua nhiều quốc gia đặc biệt trong bối cảnh hầu như tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hạ tầng lưu trữ đám mây toàn cầu. Điều này dẫn đến các tranh chấp có yếu tố nước ngoài và đặt ra vấn đề xác định pháp luật điều chỉnh, thẩm quyền giải quyết, và thi hành phán quyết.

Tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại là một hiện tượng pháp lý mới nhưng ngày càng phổ biến, phản ánh sự thay đổi về bản chất của tài sản khi đề cập đến một loại tài nguyên mới có tính chất tài sản như dữ liệu trong nền kinh tế số. Việc nhận diện đầy đủ đặc điểm của loại tranh chấp này là tiền đề quan trọng để xây dựng cơ chế pháp lý phù hợp trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp, trong đó có vai trò ngày càng lớn của

phương thức trọng tài thương mại nhằm giải quyết hiệu quả và linh hoạt các tranh chấp phức tạp về dữ liệu.

3. Triển vọng giải quyết tranh chấp về dữ liệu bằng trọng tài thương mại

Quá trình chuyển đổi số nhanh chóng kết hợp với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào phát triển doanh nghiệp dẫn đến nhiều hệ quả, trong đó có sự xuất hiện của các mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các chủ thể liên quan đến dữ liệu, một loại tranh chấp với đối tượng mới là dữ liệu phát sinh. Trong bối cảnh đó, việc lựa chọn một cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp, hiệu quả và thích ứng với tính chất đặc thù của dữ liệu là yêu cầu cấp thiết.

Luật Thương mại năm 2005 quy định các hình thức giải quyết tranh chấp trong thương mại gồm: Thương lượng giữa các bên; Hòa giải giữa các bên do một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được các bên thỏa thuận chọn làm trung gian hòa giải; Giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án⁹. Trong những phương thức này thì trọng tài thương mại được xem là một phương thức giải quyết tranh chấp có nhiều ưu điểm nổi trội, đặc biệt phù hợp với các tranh chấp liên quan đến dữ liệu trong hoạt động thương mại. Trọng tài là một trong các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại, đây là phương thức thông qua một thiết chế tài phán do các bên thỏa thuận với nhiều ưu điểm, hạn chế được những khó khăn khi giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Dựa trên nguyên tắc tôn trọng tự do ý chí của các bên, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài ngày càng được sử dụng phổ biến trong các quan hệ thương mại không chỉ ở phạm vi quốc gia mà ở cả phạm vi quốc tế¹⁰ với nhiều ưu điểm như sau:

Thứ nhất, tính bảo mật cao của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại thường mang tính chất phức tạp và có yếu tố xuyên biên giới. Không chỉ dừng lại ở mâu thuẫn về quyền truy cập, sử dụng, chuyển giao hay sở hữu dữ liệu, các tranh chấp này còn có thể liên quan đến dữ liệu cá nhân, dữ liệu cá nhân nhạy cảm, từ đó phát sinh các yêu cầu bảo vệ quyền riêng tư đối với dữ liệu, dữ liệu cá nhân. Chính vì đặc tính này mà đòi hỏi tính bảo mật của phương thức giải quyết tranh chấp và đây cũng chính là ưu điểm của trọng tài thương mại. Khác với các hình thức tố tụng khác như thương lượng, hòa giải hay Tòa án mang tính chất công khai, thủ tục trọng tài thương mại cho phép các bên giữ kín thông tin và tránh những tổn thất phi kinh tế từ việc công khai nội dung tranh chấp. Theo đó, một trong những nguyên tắc cốt lõi của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là được tiến hành không công khai trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác¹¹.

⁹ Điều 317 Luật Thương mại năm 2005.

¹⁰ Nguyễn Chí Tường (2025), “Trọng tài thương mại: Ưu, nhược điểm trong giải quyết tranh chấp thương mại”, <https://lsvn.vn/trong-tai-thuong-mai-uu-nhuoc-diem-trong-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-a152456.html>, truy cập ngày 10/6/2025.

¹¹ Khoản 4 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

*Thứ hai, tính linh hoạt về thời gian và chi phí, không bị ràng buộc bởi nguyên tắc lãnh thổ*¹². Mặc dù chi phí trọng tài có thể cao hơn ở một số giai đoạn so với các phương thức giải quyết tranh chấp khác, nhưng nhìn chung, thủ tục trọng tài được đánh giá là tiết kiệm thời gian hơn so với tố tụng tại Tòa án. Trọng tài thường có thủ tục đơn giản, nhanh chóng, không trải qua nhiều cấp xét xử. Hơn nữa, các bên có thể tự thỏa thuận về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp, từ đó rút ngắn thời gian và giảm thiểu chi phí. Đây là ưu điểm đặc biệt phù hợp với các tranh chấp về dữ liệu vốn đòi hỏi xử lý khẩn cấp nhằm ngăn ngừa việc lan truyền hoặc gây thiệt hại trên diện rộng do đặc tính lan tỏa nhanh chóng của thông tin.

Thứ ba, khả năng lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn, năng lực. Về nguyên tắc, các bên có thể lựa chọn trọng tài viên thành lập Hội đồng trọng tài giải quyết vụ việc nên có thể lựa chọn được trọng tài viên giỏi, kinh nghiệm thực tế cao, am hiểu sâu sắc vấn đề đang tranh chấp để từ đó họ có thể giải quyết tranh chấp nhanh chóng, chính xác¹³. Ở đây, tranh chấp về dữ liệu thường có yếu tố kỹ thuật cao, đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về công nghệ, hệ thống quản trị dữ liệu và pháp luật chuyên ngành. Trọng tài thương mại cho phép các bên lựa chọn trọng tài viên phù hợp, thậm chí là chuyên gia công nghệ hoặc chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực dữ liệu. Cơ chế này giúp đảm bảo tính khách quan, chuẩn xác trong việc đánh giá các hành vi xử lý, chia sẻ hoặc khai thác dữ liệu, cũng như làm rõ mối quan hệ pháp lý giữa các chủ thể.

Thứ tư, tính quốc tế hóa và khả năng thi hành rộng rãi. Trong nhiều trường hợp, tranh chấp dữ liệu phát sinh từ các giao dịch thương mại xuyên biên giới, đặc biệt là khi dữ liệu được xử lý hoặc lưu trữ bởi các nhà cung cấp ở nhiều quốc gia khác nhau. Khác với bản án, quyết định của Tòa án vốn gặp nhiều khó khăn trong việc được công nhận và thi hành ở nước ngoài thì phán quyết trọng tài lại được đảm bảo thi hành rộng rãi trên toàn cầu. Đây là một lợi thế đáng kể, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế số không còn bị giới hạn bởi biên giới quốc gia. Chính vì vậy, đối với các tranh chấp dữ liệu có yếu tố nước ngoài, việc lựa chọn trọng tài không chỉ đảm bảo khả năng giải quyết nhanh chóng mà còn mang lại hiệu lực thi hành thực tế, giảm thiểu rủi ro pháp lý cho các bên. Trong kỷ nguyên số hóa, nơi mà dòng chảy dữ liệu vượt qua mọi ranh giới pháp lý truyền thống thì trọng tài quốc tế chính là công cụ hiệu quả để bảo vệ lợi ích doanh nghiệp trong môi trường thương mại toàn cầu hóa.

4. Thách thức pháp lý về giải quyết tranh chấp về dữ liệu bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam và một số kiến nghị hoàn thiện

¹² Đào Lộc Bình (2019), “Một số vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay”, <https://danchuphapluat.vn/mot-so-van-de-ly-luan-ve-giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-thuong-mai-o-viet-nam-hien-nay-2736.html>, truy cập ngày 10/6/2025.

¹³ Nguyễn Chí Tường (2025), “Trọng tài thương mại: Ưu, nhược điểm trong giải quyết tranh chấp thương mại”, <https://lsvn.vn/trong-tai-thuong-mai-uu-nhuoc-diem-trong-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-a152456.html>, truy cập ngày 10/6/2025.

Trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi số mạnh mẽ, dữ liệu đã trở thành một loại tài sản đặc biệt có giá trị trong hoạt động thương mại. Tuy nhiên, việc phát sinh tranh chấp liên quan đến dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu cá nhân, dữ liệu kinh doanh hoặc dữ liệu có yếu tố xuyên biên giới đang đặt ra những thách thức lớn đối với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành và một trong những phương thức giải quyết tranh chấp được kỳ vọng là trọng tài thương mại. Tuy nhiên, việc áp dụng phương thức này đối với tranh chấp về dữ liệu có thể tồn tại vướng mắc, cụ thể:

Thứ nhất, hiện nay, chưa có sự ghi nhận rõ ràng về tính chất pháp lý của dữ liệu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Dữ liệu chưa được thừa nhận một cách thống nhất là đối tượng của quyền sở hữu hay quyền tài sản, điều này khiến việc phân loại và áp dụng quy định pháp luật trong giải quyết tranh chấp về dữ liệu trở nên lúng túng. Đặc biệt, Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có khái niệm rõ ràng về dữ liệu như một loại tài sản mặc dù Luật Dữ liệu năm 2024 đã có sự ghi nhận quyền của chủ sở hữu dữ liệu đối với dữ liệu là quyền tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự. Đối với vướng mắc này, nhóm tác giả đưa ra khuyến nghị liên quan như sau: Trong bối cảnh Bộ luật Dân sự 2015 đang được nghiên cứu sửa đổi nhằm thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số, việc xem xét điều chỉnh khái niệm “tài sản” tại Điều 105 là cần thiết. Quy định hiện hành vẫn giới hạn tài sản trong khuôn khổ vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản, trong khi đó, nhiều loại tài sản phi truyền thống như dữ liệu đã và đang phát sinh giá trị kinh tế thực tiễn. Do đó, nhóm tác giả đề xuất sửa đổi Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 là mở rộng khái niệm tài sản theo hướng linh hoạt hơn, bao gồm cả những dạng tài sản phi truyền thống với điều kiện loại tài sản này đáp ứng các đặc điểm cơ bản của tài sản nói chung.

Thứ hai, Hiện nay, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 chưa có quy định cụ thể về các tranh chấp phát sinh từ hoạt động xử lý, sử dụng, lưu trữ hoặc khai thác dữ liệu mà chỉ chủ yếu xác định phạm vi áp dụng đối với các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại hoặc các tranh chấp khác nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các tranh chấp về dữ liệu vẫn chưa được làm rõ về tính chất thương mại cũng như khả năng thuộc phạm vi giải quyết của trọng tài thương mại. Trong khi đó, tranh chấp về dữ liệu là một trong những loại tranh chấp tất yếu phát sinh trong xu hướng số hóa hiện nay nên việc chưa có một khuôn khổ pháp lý rõ ràng khiến cho các cơ quan tài phán, trung tâm trọng tài và doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp về dữ liệu. Do đó, trong bối cảnh dữ liệu ngày càng đóng vai trò thiết yếu trong nền kinh tế số, pháp luật trọng tài thương mại cần nhanh chóng có những quy định sửa đổi, bổ sung theo hướng công nhận khả năng giải quyết bằng trọng tài đối với các tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại.

Thứ ba, một trong những thách thức lớn đối với việc áp dụng phương thức giải quyết bằng trọng tài thương mại đối với tranh chấp về dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu cá nhân chính là ranh giới giữa quyền tự do thỏa thuận và nguyên tắc bảo vệ quyền riêng tư đối với dữ liệu, dữ liệu cá nhân. Tại Việt Nam, quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình được quy định là quyền nhân thân bất khả xâm phạm tại Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015. Những quyền này không thể bị hạn chế bởi thỏa thuận giữa các bên, đồng thời không thể bị chuyển giao như tài sản. Trong khi đó, cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010 chỉ có thể được áp dụng khi các bên có thỏa thuận trọng tài hợp pháp và tranh chấp không thuộc loại bị pháp luật cấm giải quyết bằng trọng tài. Điều này đặt ra câu hỏi: liệu các tranh chấp phát sinh từ việc xử lý sai, lộ, lọt hoặc lạm dụng việc xử lý, sử dụng dữ liệu cá nhân có thuộc thẩm quyền của trọng tài thương mại hay không? Đây chính là một trong những vướng mắc mà pháp luật cần có cơ chế để điều chỉnh.

Việt Nam hiện nay chưa có nhiều tiền lệ hoặc vụ việc điển hình về giải quyết tranh chấp về dữ liệu bằng trọng tài thương mại nhưng điều này cũng không thể khẳng định tương lai sẽ không có. Nghiên cứu này mang tính chất gợi mở về một vấn đề pháp lý mới trong bối cảnh hiện nay để điều hướng và mở rộng phạm vi điều chỉnh.

5. Kết luận

Tranh chấp về dữ liệu trong hoạt động thương mại là vấn đề pháp lý mới trong bối cảnh nền kinh tế số đang phát triển nhanh chóng ở nước ta. Khi dữ liệu ngày càng trở thành nguồn tài nguyên quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia của Đảng và Nhà nước thì các rủi ro pháp lý liên quan đến quyền sử dụng, quyền kiểm soát và nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu trở nên phức tạp hơn. Lúc này, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại được nhìn nhận là phù hợp bởi tính linh hoạt, bảo mật và khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn hóa cao. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành vẫn chưa theo kịp sự phát triển này, đặc biệt là trong việc công nhận tính pháp lý của dữ liệu, mở rộng phạm vi áp dụng của cơ chế trọng tài đối với tranh chấp về dữ liệu. Do đó, để tạo hành lang pháp lý đầy đủ và hiệu quả, các nhà làm luật cần nhanh chóng xây dựng một khung pháp luật hoàn chỉnh về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trong bối cảnh hiện đại nói chung và giải quyết tranh chấp về dữ liệu bằng trọng tài thương mại nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2015.
2. Luật Dữ liệu năm 2024.
3. Luật Trọng tài thương mại năm 2010.
4. Luật Thương mại năm 2005.
5. Luật Thương mại năm 1997.
6. Đào Lộc Bình (2019), “Một số vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay”, <https://danchuphapluat.vn/mot-so-van-de-ly-luan-ve-giai-quyet-tranh-chap-bang-trong-tai-thuong-mai-o-viet-nam-hien-nay-2736.html>, truy cập ngày 10/6/2025.
7. Đào Trọng Khôi (2025), “Xác định và xây dựng quy chế pháp lý đối với dữ liệu có tính chất tài sản trong pháp luật Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ Luật, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 76-83.
8. Hoàng Tùng (2022), “Các loại tranh chấp thương mại: Thực trạng và những vấn đề đặt ra”, <https://lsvn.vn/cac-loai-tranh-chap-thuong-mai-thuc-trang-va-nhung-van-de-dat-ra1659876637-a122185.html>, truy cập ngày 10/6/2025.
9. Trần Gia Khôi, Nguyễn Hoàng Giang (2024), “Một số khuyến nghị nhằm phát triển kinh tế dữ liệu”, <https://niics.gov.vn/mot-so-khuyen-nghi-nham-phat-trien-kinh-te-du-lieu>, truy cập ngày 10/6/2025.
10. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2018), “Giáo trình Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ”, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, tr. 38 – 40.
11. Nguyễn Chí Tường (2025), “Trọng tài thương mại: Ưu, nhược điểm trong giải quyết tranh chấp thương mại”, <https://lsvn.vn/trong-tai-thuong-mai-uu-nhuoc-diem-trong-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-a152456.html>, truy cập ngày 10/6/2025.

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ CHO TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRỰC TUYẾN TRONG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

Đặng Vũ Huân¹

Tóm tắt: Trọng tài thương mại trực tuyến có thể được coi là một sự sáng tạo và nâng cấp so với trọng tài thương mại truyền thống, đặc biệt là trong thời đại công nghệ số và phát triển nền kinh tế số như hiện nay, khi có rất nhiều các hợp đồng thương mại được ký kết thông qua chữ ký số, hợp đồng thương mại điện tử... Trọng tài thương mại trực tuyến là phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin và phương thức điện tử. Bài viết này giới thiệu khái quát về trọng tài thương mại trực tuyến, chỉ ra những thách thức khi áp dụng trọng tài trực tuyến để giải quyết tranh chấp thương mại và yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý cho trọng tài thương mại trực tuyến trong điều kiện phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam.

Abstract: Online commercial arbitration is considered as an innovation and upgrade compared to traditional commercial arbitration, especially in the digital era and the development of today digital economy, where there are many commercial contracts which are signed using digital signatures, or e-commerce agreements, etc. Online commercial arbitration is a method of dispute resolution by arbitration, which uses information technology applications and digital methods. This article provides an overview of online commercial arbitration, points out the challenges when applying online commercial arbitration to resolve commercial disputes and requirements to build the legal framework for online commercial arbitration in the development of digital economy in Vietnam.

1. Dẫn nhập

Hiện nay, kinh tế số là một trong ba trụ cột của chuyển đổi số quốc gia, trong đó, thành tố quan trọng của nền kinh tế số là áp dụng hợp đồng điện tử. Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và internet, giao dịch thương mại trực tuyến đã trở thành một trào lưu đang dần thay thế hình thức giao dịch mua bán truyền thống, kéo theo đó là các tranh chấp từ hoạt động kinh doanh thương mại cũng phát sinh và gia tăng nhanh chóng, thì giải quyết tranh chấp trực tuyến nói chung và giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài trực tuyến nói riêng đã và đang là xu hướng được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới. Trọng tài thương mại trực tuyến có thể được coi là một sự sáng tạo và nâng cấp so với trọng tài truyền thống thông thường, đặc biệt là trong thời đại công nghệ số hiện nay, khi có rất nhiều các hợp đồng thương mại được ký kết thông qua chữ ký số, hợp đồng điện tử...

¹ TS, Khoa Luật - Đại học Nguyễn Tất Thành

Trọng tài thương mại trực tuyến là phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin và phương thức điện tử. Nó khác biệt so với trọng tài thương mại truyền thống ở chỗ quy trình tố tụng và xét xử diễn ra trong không gian mạng. Hành lang pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật về trọng tài thương mại và các văn bản pháp luật điều chỉnh chữ ký điện tử, giao dịch thương mại điện tử. Việc Việt Nam gia nhập Công ước New York 1958 và nội luật hóa các quy tắc mẫu về trọng tài và thương mại điện tử, chữ ký điện tử của UNCITRAL cũng đã góp phần đưa Việt Nam tiếp cận gần hơn, cởi mở hơn, linh hoạt hơn với hệ thống pháp luật về trọng tài quốc tế, trở thành nguồn quan trọng điều chỉnh trọng tài tại Việt Nam, mở rộng ra với cả trọng tài thương mại trực tuyến. Tuy nhiên, quá trình áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động trọng tài của Việt Nam để giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến còn không ít bất cập và thách thức, như tính hợp pháp của thỏa thuận trọng tài trực tuyến; vấn đề chứng cứ điện tử và hiệu lực pháp lý của phán quyết được thừa nhận như thế nào? Việt Nam vẫn chưa có một văn bản pháp luật nào đề cập một cách rõ ràng và cụ thể về vấn đề giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài trực tuyến. Bên cạnh đó, còn tồn tại khá nhiều bất cập trong các quy định liên quan của pháp luật hiện hành như Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Giao dịch điện tử, Luật Trọng tài thương mại... Việc thúc đẩy các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài trực tuyến ở Việt Nam thông qua việc hoàn thiện khung pháp lý là điều cần thiết, góp phần gia tăng hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại, đồng thời giảm tải cho hệ thống tư pháp.

2. Vài nét về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến

Trọng tài thương mại từ lâu đã là một phương thức phổ biến trên thế giới dùng để giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại giữa các doanh nghiệp, tổ chức với nhau. Việc giải quyết các tranh chấp bằng phương thức trọng tài thương mại được đánh giá là phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án (hay còn được gọi là phương thức giải quyết tranh chấp thay thế) thuận tiện, thủ tục linh hoạt, nhanh chóng, có tính chung thẩm, giữ được bí mật kinh doanh cũng như uy tín trên thương trường, tiết kiệm thời gian cho các bên tranh chấp so với giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại cũng có thể áp dụng theo phương thức trực tuyến. Trọng tài thương mại trực tuyến cũng như trọng tài thương mại truyền thống, là phương thức giải quyết tranh chấp trong đó một bên thứ ba được lựa chọn bởi các bên tranh chấp và có quyền đưa ra quyết định về tranh chấp dựa trên các quy trình giải quyết và quy tắc trọng tài². Tuy nhiên, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến có những đặc điểm khác so với trọng tài thương mại truyền thống.

² Lê Hồng Hạnh (Chủ nhiệm), 2010, Hoàn thiện pháp luật và thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học pháp lý.

Về chủ thể, ngoài 3 chủ thể là các bên tranh chấp, trọng tài viên, thì chủ thể thứ 4 là công nghệ và nhờ yếu tố công nghệ thì các bên mới tương tác được với nhau và đạt được những kết quả mình mong muốn, do đó, các bên tranh chấp cần phải biết và hiểu về nó³.

Trọng tài thương mại trực tuyến đã chuyển đổi mô hình trọng tài thương mại truyền thống thông qua môi trường không gian mạng. Tất cả các bước trong quy trình giải quyết tranh chấp của hội đồng trọng tài thương mại trực tuyến giống với trọng tài thương mại truyền thống, chỉ khác là nó dựa trên công nghệ thông tin truyền thông. Bên cạnh đó, điểm nổi bật của trọng tài thương mại trực tuyến là sự nhanh gọn và thuận tiện của phương thức này. Trong khi trọng tài thương mại truyền thống phải quản lý một lượng lớn hồ sơ, giấy tờ của các bên tranh chấp trong từng vụ việc thì trọng tài thương mại trực tuyến chỉ cần quản lý các tệp hồ sơ, giấy tờ điện tử của các vụ việc từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp⁴. Kết hợp với quản lý tập tin điện tử, website là nền tảng trực tuyến cho phép các bên và trọng tài viên tải tài liệu trực tiếp giúp tạo cơ sở dữ liệu thống nhất. Các bên tranh chấp, trọng tài viên hoặc quản trị viên đều có thể xem, duyệt, tìm kiếm và tải tài liệu.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có thể thấy phương thức trọng tài thương mại trực tuyến có những điểm bất lợi so với phương thức trọng tài thương mại truyền thống. Cụ thể như: (i) Việc nộp hồ sơ và giải quyết trực tuyến có thể kéo theo những nguy cơ về bảo mật. Đặc biệt là đối với doanh nghiệp, các thông tin về cách thức kinh doanh, bí mật kinh doanh có thể bị đánh cắp bởi sự tấn công của virus hoặc hacker (tin tặc). Khi thông tin nộp trực tuyến có thể xảy ra một số vấn đề, như truy cập trái phép, xác minh danh tính, từ chối dịch vụ, sự cố của hệ thống và virus. Những vấn đề này có thể được hạn chế thông qua giải pháp công nghệ, nhưng các học thuyết đã thừa nhận rằng chắc chắn không thể bảo mật 100% thông tin; (ii) Việc đánh giá độ tin cậy của các bên hoặc người làm chứng sẽ gặp khó khăn nếu không gặp gỡ trực tiếp và kể cả sử dụng hội nghị truyền hình cho phép truyền tải hình ảnh, giọng nói. Thái độ và giọng điệu là những thứ dễ dàng phát hiện để đánh giá độ tin cậy của các nhân chứng. Ví dụ lời khai ngập ngừng, đứt quãng vì đường truyền hay kết nối mạng kém sẽ ảnh hưởng đến độ tin cậy của lời khai. Bên cạnh đó, có thể xảy ra trường hợp lời khai của người làm chứng bị làm giả; (iii) Chính vì triển khai trên nền tảng ICT, tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến được sử dụng trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến nhằm thống nhất ngôn ngữ và thông tin trong giải quyết. Ở nhiều nước đang phát triển, nhiều thương nhân và luật sư trên 50 tuổi không sử dụng được tiếng Anh. Mặc dù, có thể khắc phục được nhờ vào các ứng dụng dịch

³ Phan Thị Thanh Thủy, “Giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến: Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 32, Số 4, 2016, tr. 40.

⁴ Phan Thị Thanh Thủy, “Giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến: Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 32, Số 4, 2016, tr. 40.

thuật, nhưng đây vẫn là một trong những rào cản gây khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến⁵.

3. Những thách thức khi áp dụng trọng tài thương mại trực tuyến trong giải quyết tranh chấp ở Việt Nam

Mặc dù Việt Nam đã có một số quy định pháp luật liên quan đến trọng tài thương mại trực tuyến nằm rải rác trong các văn bản pháp luật như: Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015..., nhưng lại thiếu vắng các quy định điều chỉnh trực tiếp về giải quyết tranh chấp trực tuyến.

Hệ thống các văn bản hỗ trợ cho việc giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến có thể kể đến như: Luật Giao dịch điện tử năm 2005 đã tạo nền tảng pháp lý cơ bản khi đưa ra các quy định thừa nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, thông điệp dữ liệu điện tử. Luật Công nghệ thông tin được ban hành năm 2006, quy định tổng thể về hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, các biện pháp bảo đảm và phát triển công nghệ thông tin, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 đưa ra quy định về giải quyết tranh chấp đối với mọi đối tượng người tiêu dùng, bao gồm cả người tiêu dùng mua hàng hoá, dịch vụ trực tuyến với quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ liên quan đến trọng tài tuyến thông. Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định về “thẩm quyền của trọng tài thương mại, các hình thức trọng tài, tổ chức trọng tài, trọng tài viên; trình tự, thủ tục trọng tài; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong tố tụng trọng tài; thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động trọng tài; tổ chức và hoạt động của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, thi hành phán quyết trọng tài” (Điều 1). Bên cạnh đó, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có quy định thêm về vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Tuy nhiên, đến thời điểm này vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào được ban hành để làm nền tảng pháp lý cho việc áp dụng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài một cách chính thức ở nước ta. Hiện tại chỉ có một số quy định tản mạn về giải quyết tranh chấp trong giao dịch thương mại điện tử có liên quan gián tiếp đến cách thức tiến hành giải quyết tranh chấp trọng tài thương mại trực tuyến. Sự thiếu hụt trong điều chỉnh của pháp luật đang tạo ra những lúng túng trong việc áp dụng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến, cụ thể:

Một là, xác định tính hợp pháp của thoả thuận trọng tài thương mại trực tuyến

⁵ Hiệu lực phán quyết trọng tài trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam, Hoàng Thị Minh Hằng, Nguyễn Như Huyền, Phan Thị Hoàng Hải, La Thị Tầm, Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam, FTU Working Paper Series, Vol. 1 No. 1 (04/2021) | 13

Điều 16 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định thoả thuận trọng tài phải được xác lập bằng văn bản, dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thoả thuận riêng. Thoả thuận được xác lập qua trao đổi giữa các bên bằng telegram, fax, telex, thư điện tử cũng sẽ được công nhận là một thoả thuận hợp pháp. Bên cạnh đó, Điều 10 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 khẳng định: “Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác” và Điều 12 quy định về thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản: “Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này nếu thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết”. Đồng thời, Điều 21 Luật Giao dịch điện tử cũng quy định: “Chữ ký điện tử có khả năng xác nhận người ký thông điệp dữ liệu và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký”. Đây là yếu tố quan trọng để từ đó xây dựng cơ chế của trọng tài thương mại trực tuyến, khi nộp tài liệu, chứng cứ của phương thức này đều thông qua phương tiện điện tử và có căn cứ khẳng định hình thức thoả thuận trọng tài phù hợp với hình thức theo quy định pháp luật.

Hai là, xác định địa điểm giải quyết trọng tài thương mại trực tuyến

Khi giải quyết tranh chấp trực tuyến, các thành viên của hội đồng trọng tài sẽ không có cuộc gặp mặt trực tiếp với các bên tranh chấp, mà chỉ cần ở các nước khác nhau họp thông qua cuộc gọi trực tuyến (video call hoặc chat room). Vậy nếu như các bên thoả thuận địa điểm giải quyết tranh chấp tại Việt Nam nhưng các trọng tài viên lại được chọn từ các nước khác nhau như Pháp, Anh, Singapore thì phiên họp trực tuyến đó có phù hợp với thoả thuận về địa điểm của trọng tài hay không? Nếu hội đồng trọng tài trong trường hợp này xét xử trực tuyến có bị xem là vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài và bị từ chối công nhận và cho thi hành do vi phạm thủ tục tố tụng theo điểm d khoản 1 Điều 5 của Công ước New York 1958 hoặc bị huỷ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại của Việt Nam hay không? Hoặc nếu trọng tài xét xử trực tuyến thì nơi nào được xem là địa điểm giải quyết tranh chấp để có thể xác định luật áp dụng cho thoả thuận trọng tài, xác định phạm vi tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài và thậm chí xác định cả thủ tục huỷ hay từ chối công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài?

Liên quan đến địa điểm giải quyết tranh chấp, vấn đề này không được quy định trong các điều ước quốc tế mà tồn tại trong pháp luật quốc gia. Chẳng hạn, Điều 3 Luật Trọng tài của Anh quy định địa điểm trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý được chỉ định bởi các bên; hoặc bởi cơ quan, chủ thể do các bên thoả thuận; hoặc bởi hội đồng trọng tài do các bên trao quyền hoặc nếu không có sự trao quyền của các bên thì Hội đồng trọng tài sẽ quyết định dựa trên các yếu tố liên quan đến thoả thuận trọng tài”. Như vậy, Luật Trọng tài của Anh nhìn nhận địa điểm

giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý” mà không phải là địa điểm được xác định theo vị trí địa lý. Do đó, mặc dù các bên thoả thuận chọn địa điểm trọng tài tại Việt Nam, nhưng theo quy định nêu trên, thì các trọng tài vẫn có thể xét xử trực tuyến và việc này không ảnh hưởng đến việc xác định địa điểm giải quyết tranh chấp về mặt pháp lý là tại Việt Nam. Khi đó, phán quyết trọng tài được tuyên trực tuyến sẽ không bị xem là vi phạm tố tụng trọng tài và có thể được công nhận và cho thi hành tại Anh. Tuy nhiên, Việt Nam không xác định yếu tố địa điểm trọng tài “là địa điểm về mặt pháp lý” như quy định của pháp luật Anh.

Khoản 8 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài “là nơi hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo sự thoả thuận lựa chọn của các bên hoặc do Hội đồng trọng tài quyết định nếu các bên không có thoả thuận. Nếu địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành trên lãnh thổ Việt Nam thì phán quyết phải được xem là tuyên tại lãnh thổ Việt Nam mà không phụ thuộc vào nơi Hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp để ra phán quyết đó”. Theo đó, Việt Nam không xác định địa điểm trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý” mà là địa điểm về mặt địa lý. Do đó, sẽ có rủi ro cho phán quyết trọng tài xét xử trực tuyến bị từ chối công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc bị huỷ vì vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài. Vì vậy, trong tương lai, nếu Việt Nam muốn ủng hộ và phát triển hoạt động trọng tài thương mại trực tuyến thì cần phải thay đổi quy định về vấn đề này.

Ba là, hình thức phán quyết của trọng tài thương mại trực tuyến

Phán quyết trọng tài được lập thành văn bản và có chữ ký hợp lệ của hội đồng trọng tài là một tiêu chuẩn và thông lệ toàn cầu. Điều IV.1.a của Công ước New York về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài năm 1958 yêu cầu bên công nhận và/hoặc thi hành phán quyết trọng tài phải cung cấp “Bản quyết định gốc có xác nhận hợp lệ hoặc một bản sao quyết định có chứng nhận hợp lệ”.

Giống với pháp luật về trọng tài của nhiều nước, cũng như quy tắc tố tụng trọng tài của nhiều thiết chế trọng tài quốc tế, pháp luật Việt Nam cũng quy định rằng hình thức của quyết định trọng tài là bằng văn bản⁶ và phải có chữ ký của Trọng tài viên. Thách thức được đặt ra là phán quyết thường được đưa ra trực tuyến, có nghĩa phán quyết có thể hoặc là: (i) Hồ sơ điện tử về phán quyết bằng văn bản giấy, ví dụ như tài liệu giấy được quét của một bản phán quyết gốc có chữ ký hoặc (ii) Một phán quyết trực tuyến được hiển thị ở định dạng điện tử và chữ ký.

Loại phán quyết trọng tài đầu tiên cần phải có một phán quyết bằng giấy với chữ ký hợp lệ của trọng tài, sau đó được scan và gửi tới các bên liên quan. Loại phán quyết trọng tài thứ hai là ‘phán quyết điện tử’ được viết và ký điện tử. Câu hỏi đặt ra là một phán quyết điện tử có

⁶ Điều 61 Luật Trọng tài thương mại năm 2010

hình thức như vậy liệu có được xem là bản gốc? Và khi phán quyết điện tử này được in ra thành văn bản giấy thì liệu phán quyết có còn được xem là bản gốc hay không?

Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến khác biệt so với trọng tài thương mại truyền thống ở chỗ quy trình tố tụng và xét xử diễn ra trong không gian mạng. Với những quy định được phân tích ở trên, pháp luật Việt Nam không hề đề cập đến việc có thể sử dụng chữ ký điện tử thay thế chữ kí truyền thống hay không? Điều này gây ra thắc mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến về hiệu lực pháp lý của phán quyết và chữ ký điện tử. Do đó, hình thức phán quyết là vấn đề cần cân nhắc và phải có quy định cụ thể, tránh có những sự tùy tiện trong giải thích và áp dụng điều khoản này trên thực tế⁷.

Có thể nói, trước hàng loạt các vấn đề như: Việc giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến sẽ được xác định giá trị pháp lý thế nào?; chứng cứ điện tử liệu có được công nhận không? và quan trọng nhất là địa điểm giải quyết trọng tài ở đâu khi Luật Trọng tài thương mại của Việt Nam hiện nay quy định địa điểm xét xử là địa điểm pháp lý. Hợp đồng điện tử cũng như các hợp đồng thông thường, muốn được các chủ thể dân sự sử dụng thì cần có các yếu tố đảm bảo cho việc giao kết, việc thực hiện và nếu trong quá trình thực hiện gặp trục trặc thì phải có cơ chế bảo đảm thực thi hợp đồng hiệu quả... Đó là một số thách thức trong quá trình áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động trọng tài giải quyết tranh chấp hiện nay.

4. Một vài kiến nghị thay cho lời kết

Trước xu thế giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại quốc tế ngày càng tăng và từ những bất cập khuyết thiếu nêu trên của pháp luật về trọng tài và một số luật chuyên ngành liên quan khác, chúng tôi cho rằng, việc xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật điều chỉnh những vấn đề liên quan đến trọng tài thương mại trực tuyến cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần bổ sung khái niệm “trọng tài thương mại trực tuyến” vào Luật Trọng tài thương mại năm 2010 nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho trọng tài thương mại trực tuyến, đáp ứng kịp thời kỷ nguyên thời đại số. Đồng thời, thiết kế bổ sung một chương mới về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến, bao gồm các quy định về phương tiện và giao tiếp điện tử; nguyên tắc áp dụng trọng tài thương mại trực tuyến; quy định về bảo mật thông tin; địa điểm trọng tài; quy định thi hành phán quyết trọng tài... Theo kinh nghiệm quốc tế, một số khía cạnh pháp lý riêng có đặt ra từ việc giải quyết tranh chấp trực tuyến cần được xem xét bao gồm: Hợp đồng điện tử; chứng cứ điện tử; chữ ký số; giá trị pháp lý của phán quyết của trọng tài thương mại trực tuyến; trách nhiệm của các bên liên quan trong triển khai thực hiện

⁷ <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1951&l=Nghiencuutraodoi>

giải quyết tranh chấp trực tuyến; nguyên tắc áp dụng trọng tài thương mại trực tuyến; quy định về bảo mật thông tin; địa điểm trọng tài; quy định về mối quan hệ giữa địa điểm giải quyết tranh chấp và địa điểm ra phán quyết trọng tài; phán quyết của trọng tài thương mại trực tuyến đảm bảo tính toàn vẹn và có chữ ký điện tử của trọng tài viên, với nền tảng pháp lý là sự công nhận của một số luật Việt Nam đối với thông điệp dữ liệu; các quy định về thi hành phán quyết trọng tài điện tử...

Đối với quyền riêng tư, bí mật có vai trò đặc biệt quan trọng trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến, vì thông tin cá nhân và thông tin nhạy cảm có thể được chia sẻ giữa các bên và trọng tài viên. Vì vậy, cần phải có qui định nhằm đảm bảo các nền tảng giải quyết tranh chấp tuân thủ các luật hiện hành về quyền riêng tư dữ liệu, bao gồm cả những luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu, lưu giữ dữ liệu và bảo mật dữ liệu. Trong quy định cần xây dựng vào luật có thể bao gồm việc triển khai các biện pháp để bảo vệ dữ liệu, như: Sử dụng mã hóa, đảm bảo lưu trữ dữ liệu an toàn và hạn chế quyền truy cập vào dữ liệu. Về vấn đề phân biệt đối xử, cần có qui định để tất cả các bên, cả những người khuyết tật có thể truy cập được vào được nền tảng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến; đồng thời quy định đảm bảo nền tảng được thiết kế thân thiện với người dùng và trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật theo yêu cầu người sử dụng.

Thứ hai, cần ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về quy trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến. Là một cơ chế giải quyết tranh chấp dựa trên sự lựa chọn của các bên, do đó, quy trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến phải linh hoạt, tùy thuộc vào các trung tâm trọng tài thiết lập. Vì vậy, quy định của pháp luật chỉ nên mang tính định hướng, tạo cơ sở để các trung tâm trọng tài xây dựng quy trình phù hợp.

Các bước tiến hành có thể được gợi ý như sau: (i) Gửi yêu cầu: truy cập trang web của trung tâm trọng tài thương mại để nộp bản tóm tắt về vấn đề tranh chấp, thông tin của các bên và cách tiếp cận đối tượng; (ii) Trung tâm tiếp nhận, xem xét và nghiên cứu hồ sơ và sau khi phê duyệt sẽ gửi thư cho người nộp đơn thông báo trung tâm đã nhận được đơn đăng ký và đã chấp nhận để xem xét các tranh chấp; (iii) Trung tâm thông báo cho bên kia về đơn đăng ký giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến và cung cấp một bản sao cùng với một biểu mẫu câu trả lời, với điều kiện là bên kia phải gửi câu trả lời của mình trong 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đăng ký, hoặc trong bất kỳ thời gian nào như đã nêu trong trường hợp theo quy tắc UNCITRAL (Điều 2.4). Tuy nhiên, nếu không nhận được bất kỳ chấp nhận lời mời đó trong khoảng thời gian quy định, điều này sẽ được coi là từ chối việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến; (iv) Các bên được cung cấp danh sách trọng tài viên đã có đủ điều kiện để họ lựa chọn (Luật mẫu Uncitral về Trọng tài thương mại quốc tế) và thông

báo cho trung tâm. Lựa chọn phương thức thích hợp của các bên, thủ tục bắt đầu, nhưng trong trường hợp không thống nhất theo phương pháp này, trọng tài viên có thể bắt đầu các thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến tùy thuộc hoàn cảnh của vụ việc và ý định của các bên; (v) Trọng tài viên sẽ gửi email và mật khẩu cho các bên để có thể truy cập trang tranh chấp và chỉ định ngày họp bởi trọng tài viên hoặc các bên. Sau đó, các cuộc thảo luận về vấn đề tranh chấp sẽ bắt đầu nêu rõ những khía cạnh thỏa thuận và khác biệt, cung cấp các vật chứng và đơn đăng ký... Tuy nhiên, các bên có quyền thực hiện bất kỳ thay đổi nào sau đó; (vi) Trong các phiên họp, trọng tài viên sẽ cố gắng đưa các đương sự quan điểm chặt chẽ để đạt được một giải pháp cuối cùng và thỏa mãn cho cả hai bên; tuy nhiên, cả hai đương sự có quyền tự do chấm dứt giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại trực tuyến mà không cần bất kỳ lý do nào; (vii) Đã đạt được sự hài lòng cho các bên, trọng tài viên hoặc hội đồng trọng tài sẽ đưa ra phán quyết cuối cùng ràng buộc các bên và trình bày để họ ký. Phán quyết trọng tài là quyết định cuối cùng của hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp thương mại và chấm dứt tố tụng trọng tài trong giải quyết tranh chấp. Phán quyết trọng tài là chung thẩm không thể bị kháng cáo, kháng nghị theo bất cứ thủ tục nào và sẽ được thi hành nếu phán quyết đó là hợp pháp (khi không có đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, hoặc hội đồng xét xử đã bác đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài).

Thứ ba, cần ban hành quy định về mối quan hệ giữa địa điểm giải quyết tranh chấp và địa điểm ra phán quyết trọng tài. Các bên nên thỏa thuận địa điểm trọng tài và khẳng định rằng, phiên xử trực tuyến cũng được xem là xét xử tại địa điểm mà các bên lựa chọn. Cơ sở của đề xuất như vậy là bởi Khoản 8 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại cho phép các bên được lựa chọn địa điểm giải quyết tranh chấp và chỉ khi không có sự lựa chọn của các bên thì việc xác định địa điểm theo luật mới được áp dụng. Pháp luật Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm của Luật Trọng tài của Anh, theo đó, quy định địa điểm trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý” được chỉ định bởi các bên, không quan trọng phiên xử thực tế diễn ra tại vị trí địa lý nào. Thực tế cho thấy, việc thay đổi theo hướng như pháp luật Anh là phù hợp, vì không chỉ góp phần thúc đẩy hoạt động trọng tài trực tuyến mà còn giúp pháp luật của Việt Nam không bị mất quyền áp dụng trong các giao dịch quốc tế khác. Chẳng hạn, hai bên tranh chấp thỏa thuận lựa chọn trọng tài là Trung tâm Trọng tài của Singapore. Nhưng thực tế phiên họp giải quyết được diễn ra ở Anh. Nếu áp dụng quy định Điều 1 Luật Trọng tài thương mại 2010 thì chỉ áp dụng đối với tổ chức và hoạt động của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam mà không áp dụng đối với hoạt động của trọng tài nước ngoài tại nước ngoài. Ngược lại, nếu chúng ta thay đổi khái niệm địa điểm trọng tài là địa điểm về mặt pháp lý, thì trong trường hợp này, địa điểm trọng tài vẫn là tại Việt Nam và Luật Việt Nam vẫn được áp dụng.

Thứ tư, về phán quyết của trọng tài trực tuyến yêu cầu phán quyết phải được lập bằng văn bản và có chữ ký của trọng tài viên. Vấn đề này đối với trọng tài trực tuyến có thể được giải quyết bằng hai cách: (i) Một phán quyết trực tuyến vẫn có thể đáp ứng yêu cầu trên nếu giữ được tính toàn vẹn và có chữ ký điện tử của trọng tài viên, với nền tảng pháp lý là sự công nhận của một số luật Việt Nam đối với thông điệp dữ liệu. Luật Thương mại năm 2005 quy định, trong hoạt động thương mại, các thông điệp dữ liệu đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý tương đương văn bản. Luật Giao dịch điện tử năm 2005 cũng khẳng định rằng, một thông điệp dữ liệu không thể bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì đó là một dữ liệu điện tử. (ii) Nếu những cơ sở và lý lẽ trên vẫn không đủ thuyết phục một Tòa án công nhận và cho thi hành một phán quyết trọng tài, các bên chỉ có thể in phán quyết ra, xin chữ ký và xác nhận của trọng tài viên, mặc dù phương pháp này làm phương hại đến tính tiện lợi của trọng tài trực tuyến.

Thứ năm, để các phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến trở nên phổ biến, có hiệu quả, các Trung tâm Trọng tài tại Việt Nam cần ban hành quy tắc và hướng dẫn riêng dành cho trọng tài giải trực tuyến thay vì áp dụng quy tắc của trọng tài truyền thống cho phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến như hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Công Anh Bảo & Lê Thị Minh Huyền “Giải quyết tranh chấp trực tuyến – Khả năng áp dụng tại Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, Số 93, tr. 13.
2. Nguyễn Thị Thu Trang, *Những khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến tại Việt Nam*, Tham luận tại Hội thảo trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2020 thuộc Chương trình “*Những vấn đề pháp lý mới phát sinh trong tư pháp quốc tế và trong khuôn khổ Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế*” theo Quyết định số 1447/QĐ-BTP ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3. Phan Thị Thanh Thủy, “Giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến: Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 32, Số 4, 2016, tr. 40.
4. Lê Hồng Hạnh (Chủ nhiệm), năm 2010, “*Hoàn thiện pháp luật và thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng tư pháp*”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học pháp lý.
5. Hoàng Thị Minh Hằng, Nguyễn Như Huyền, Phan Thị Hoàng Hải, La Thị Tầm, “*Hiệu lực phán quyết trọng tài trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam*”, Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam, FTU Working Paper Series, Vol. 1 No. 1 (04/2021) | 13
6. Đăng Công - Minh Huyền, “*Từ xu hướng giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại quốc tế: Cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về Trọng tài điện tử*”,
<https://phaply.net.vn/tu-xu-huong-giai-quet-tranh-chap-truc-tuyen-trong-thuong-mai-quoc-te-can-som-hoan-thien-khung-phap-ly-ve-trong-tai-dien-tu-a258378.html>
7. Ngô Văn Hiệp, “*Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại điện tử bằng phương thức trực tuyến*”, <https://lsvn.vn/phap-luat-ve-giai-quet-tranh-chap-thuong-mai-dien-tu-bang-phuong-thuc-truc-tuyen-1714495188-a143230.html>
8. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử,
<https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1951&l=Nghiencuutraodoi>
9. VIAC, “*Trọng tài giải quyết tranh chấp trực tuyến*”, link truy cập: <https://www.viac.vn/goc-nhin-trong-tai-vien/trong-tai-giai-quet-tranh-chap-truc-tuyen-a687.html>
10. Chu Thị Hoa, 2022, “*Nhu cầu phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp,
<http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210989/Nhu-cau-phat-trien-va-cac-yeu-to-anh-huong-den-phuong-thuc-giai-quet--tranh-chap-bang-trong-tai-va-hoa-giai-truc-tuyen.html>;
11. Luật Trọng tài thương mại năm 2010.
12. Chi-Chung Kao, 2009, Online Consumer Dispute Resolution and the ODR Practice in Taiwan - A Comparative Analysis, Asian Social Science,
<<http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.1002.6484&rep=rep1&type=pdf>
13. Uncitral, Technical Notes on Online Dispute Resolution,
https://www.uncitral.org/pdf/english/texts/odr/V1700382_English_Technical_Notes_on_ODR.pdf.

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI DƯỚI
TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ SỐ TẠI VIỆT NAM

Bùi Ai Giôn¹
Nguyễn Vĩnh Hùng²

Tóm tắt: Công nghệ số không chỉ làm phát sinh các loại hình tranh chấp mới mà còn cung cấp những công cụ, phương tiện và nền tảng mới để giải quyết tranh chấp một cách hiệu quả, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí, điển hình là phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR). Tại Việt Nam, dù pháp luật về trọng tài thương mại đã có những bước tiến quan trọng, song vẫn chưa theo kịp những biến đổi này, bộc lộ nhiều khoảng trống và bất cập. Bài viết tập trung phân tích thực trạng pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam, đánh giá những tác động của công nghệ số đến phương thức này, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện khung pháp lý.

Từ khóa: Trọng tài thương mại, công nghệ số, giải quyết tranh chấp trực tuyến.

Abstract: Digital technology not only gives rise to new types of disputes but also provides new tools, means and platforms to resolve disputes effectively, quickly and cost-effectively, typically the method of online dispute resolution (ODR). In Vietnam, although the law on commercial arbitration has made important strides, it has not kept up with these changes, revealing many gaps and inadequacies. The article focuses on analyzing the current status of the law on commercial arbitration in Vietnam, assessing the impacts of digital technology on this method, thereby proposing specific directions and solutions to perfect the legal framework.

Keywords: Commercial arbitration, digital technology, online dispute resolution.

1. Đặt vấn đề:

Thành tựu quan trọng của Cách mạng công nghiệp 4.0 là khả năng ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Quá trình này đã tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới, cùng các quy trình, mô hình sản xuất, kinh doanh và quản trị mới, làm thay đổi sâu sắc các quan hệ xã hội và đời sống pháp lý. Trong bối cảnh đó, hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại cũng chịu những tác động đa chiều, vừa làm gia tăng số lượng, mức độ phức tạp của các tranh chấp, vừa làm phát sinh những dạng thức tranh chấp mới chưa có tiền lệ như tranh chấp về tài sản mã hóa, hợp đồng thông minh hay các mô hình kinh doanh trên nền tảng số³.

¹ Tòa án nhân dân Khu vực 13, TP. Hồ Chí Minh
² Công ty TNHH Luật Nguyễn Hoài Vũ.
³ Trần Văn Biên, Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại trong thời đại công nghệ số ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí KH&CN Trường Đại học Hòa Bình, Số 10, Tháng 12.2023, tr. 26-27.

Tại Việt Nam, cùng với quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có pháp luật về trọng tài thương mại. Sự ra đời của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM) được xem là bước phát triển đột phá, tạo hành lang pháp lý tương đối tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế⁴. Tuy nhiên, sau hơn một thập kỷ thi hành, khung pháp lý này đã bộc lộ những bất cập, chưa theo kịp tốc độ của quá trình chuyển đổi số⁵. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 đã cho thấy sự cấp thiết của các phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR), khi các phương thức truyền thống bị “vô hiệu hoá” tạm thời⁶. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá toàn diện những tác động của công nghệ số và đề ra các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài thương mại là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Thực trạng về trọng tài thương mại tại Việt Nam:

Sau khi Luật TTTM năm 2010 được ban hành, hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam đã có nhiều khởi sắc⁷. Tính đến cuối năm 2024, Việt Nam đã có 50 trung tâm trọng tài (bao gồm 01 văn phòng đại diện của Ủy ban TTTM Hàn Quốc) và khoảng 1500 trọng tài viên, trong đó có nhiều trọng tài viên là người nước ngoài⁸. Số lượng vụ việc được giải quyết bằng trọng tài có xu hướng gia tăng, đặc biệt tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), số vụ việc thụ lý năm 2023 đã tăng gần 50% so với năm 2020⁹. Tòa án cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và giám sát hoạt động trọng tài, thể hiện qua việc giải quyết các yêu cầu chỉ định trọng tài viên, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy phán quyết trọng tài và công nhận, cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài¹⁰.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành pháp luật về TTTM vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập. Tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp còn thấp so với Tòa án; theo một khảo sát, chỉ có 16,9% doanh nghiệp ưu tiên sử dụng trọng tài¹¹. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn có tâm lý “e ngại” và chưa tin tưởng vào phương thức này¹².

Một trong những thách thức lớn là tình trạng phán quyết trọng tài bị yêu cầu Tòa án hủy ngày càng nhiều, với tỷ lệ bị hủy ở mức cao, trung bình khoảng 24%, gây lo lắng cho các doanh

⁴ Đào Lộc Bình, Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ, Ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, 2025, tr. 1.

⁵ Trần Văn Biên, tldđ, tr. 31

⁶ Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, Thực trạng khung pháp lý về hòa giải thương mại trực tuyến và kiến nghị giải pháp hoàn thiện, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 133, Số 6C, 2024, tr. 166.

⁷ Đỗ Hữu Chiến, Một số giải pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo phương thức trực tuyến ở Việt Nam, Khoa học Kiểm sát, Số 03 - 2024, tr. 32.

⁸ Đào Lộc Bình, tldđ, tr. 106.

⁹ Đào Lộc Bình, tldđ, tr. 113.

¹⁰ Đào Lộc Bình, tldđ, tr. 115-116.

¹¹ Đỗ Hữu Chiến, tldđ, tr. 33.

¹² Đào Lộc Bình, tldđ, tr. 148-149.

ngiệp và nhà đầu tư¹³. Nguyên nhân của việc hủy phán quyết thường xuất phát từ các căn cứ như: thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được do chỉ định một trung tâm trọng tài đã chấm dứt hoạt động¹⁴; Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng¹⁵; hoặc phán quyết trọng tài bị cho là “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”¹⁶. Việc pháp luật quy định căn cứ này một cách chung chung, chưa rõ ràng đã dẫn đến khả năng áp dụng tùy tiện, thiếu thống nhất¹⁷.

Bên cạnh đó, năng lực của một số trung tâm trọng tài và chất lượng đội ngũ trọng tài viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn¹⁸. Khung pháp lý về trọng tài dù đã có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn một số quy định chưa rõ ràng, chưa tương thích hoàn toàn với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, chẳng hạn như vấn đề bảo mật trong tố tụng trọng tài¹⁹, hay quy định về địa điểm trọng tài vẫn mang tính “địa lý” thay vì “pháp lý”²⁰. Những hạn chế này chính là rào cản cho sự phát triển của trọng tài thương mại tại Việt Nam, đặc biệt khi phải đối mặt với những tác động mạnh mẽ của công nghệ số.

3. Trọng tài thương mại dưới tác động của công nghệ số:

Chuyển đổi số đang thay đổi TTTM, không chỉ về hình thức mà còn về bản chất. TTTM đang mở rộng không gian và thời gian cho công lý. Nó giúp tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian và tăng tính linh hoạt cho các bên thông qua phiên họp ảo và trao đổi tài liệu điện tử, phá vỡ rào cản địa lý. Hơn nữa, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) đang định hình lại khả năng phân tích và ra quyết định. AI hỗ trợ phân tích tiền lệ, dự đoán kết quả, trong khi Big Data cung cấp cái nhìn toàn diện, giúp trọng tài viên đưa ra phán quyết chính xác và công bằng hơn. Các công nghệ đột phá như blockchain và hợp đồng thông minh hứa hẹn thay đổi hoàn toàn cục diện trọng tài. Blockchain mang lại tính bất biến và minh bạch, còn hợp đồng thông minh tự động hóa việc thực thi, giảm thiểu can thiệp bên thứ ba, mang đến tính bảo mật, minh bạch và khả năng tự động hóa vượt trội. Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng đặt ra nhiều thách thức về bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư, và sự phù hợp của khuôn khổ pháp lý. Việc đảm bảo khả năng tiếp cận công nghệ đồng đều và nâng cao năng lực số cho các bên liên quan là yếu tố then chốt.

3.1. Những thuận lợi:

¹³ Trần Minh Tiến, Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thương mại, Tạp chí Nghề Luật, Số 8/2024, tr. 12, 14.

¹⁴ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 974/2019/QĐ - PQT ngày 13/08/2019 về “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh”, 2019, tr. 4.

¹⁵ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tldđ, tr. 4.

¹⁶ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tldđ, tr. 8.

¹⁷ Trần Minh Tiến, tldđ, tr. 15.

¹⁸ Đào Lộc Bình, tldđ, tr. 137-138.

¹⁹ Đào Lộc Bình, tldđ, tr. 95.

²⁰ Tào Thị Huệ, Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo pháp luật một số nước và khuyến nghị đối với Việt Nam, Tạp chí Nghề Luật, (3), 2022, tr. 69.

Công nghệ số mang lại nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi để hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của trọng tài thương mại. Trước hết, các thành tựu công nghệ cho phép nhiều quy trình, thủ tục tố tụng được tiến hành một cách nhanh chóng, thuận tiện và tiết kiệm hơn so với phương thức truyền thống. Việc ứng dụng các nền tảng trực tuyến giúp xóa bỏ rào cản về địa lý, cho phép các bên, trọng tài viên và các chủ thể liên quan tham gia phiên họp từ xa thông qua hội nghị truyền hình, đặc biệt hữu dụng cho các tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc trong các bối cảnh đặc biệt như đại dịch Covid-19²¹.

Công nghệ số còn là tiền đề cho sự ra đời của phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR), một cơ chế cho phép tiến hành toàn bộ quy trình giải quyết tranh chấp trên không gian mạng, phù hợp với các giao dịch thương mại điện tử và các tranh chấp giá trị nhỏ²². Một số trung tâm tại Việt Nam như VICMC, HIAC đã bước đầu xây dựng và giới thiệu các nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến, cho phép các bên nộp hồ sơ, trao đổi tài liệu và tổ chức phiên họp qua các ứng dụng như Zoom, Google Meet²³.

Hơn nữa, công nghệ số làm thay đổi quan niệm về chứng cứ và cách thức chứng minh. Dữ liệu điện tử đã được công nhận là một nguồn chứng cứ, và sự phát triển của công nghệ chuỗi khối (blockchain) mở ra tiềm năng xác thực thông tin với độ tin cậy và bảo mật rất cao, có thể giải phóng các bên khỏi một số nghĩa vụ chứng minh truyền thống²⁴.

3.2. Khó khăn và thách thức:

Bên cạnh những thuận lợi, việc áp dụng công nghệ số vào hoạt động trọng tài cũng đặt ra nhiều khó khăn và thách thức đáng kể.

Thứ nhất, về khung pháp lý, pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định cụ thể về ODR nói chung và TTTM trực tuyến nói riêng²⁵. Nhiều quy định trong Luật TTTM năm 2010 và các văn bản liên quan được xây dựng trên nền tảng tố tụng truyền thống, gây ra các vướng mắc khi áp dụng vào môi trường số. Chẳng hạn, yêu cầu về việc gửi tài liệu với “số bản đủ để mỗi thành viên... có một bản” (khoản 1 Điều 12 Luật TTTM 2010) hay yêu cầu chứng thực hợp lệ đối với bản dịch (khoản 3 Điều 44 Luật TTTM 2010) là những rào cản đối với việc giao nộp chứng cứ điện tử²⁶. Tương tự, các quy định về phiên tòa phải “bằng lời nói và được tiến hành tại phòng xử án” trong tố tụng dân sự cũng là một thách thức đối với việc công nhận giá trị pháp lý của các phiên họp trọng tài trực tuyến.

²¹ Trần Văn Biên, tlđd, tr. 28.

²² Trần Văn Biên, tlđd, tr. 29.

²³ Đỗ Hữu Chiến, tlđd, tr. 33.

²⁴ Trần Văn Biên, tlđd, tr. 28.

²⁵ Đỗ Hữu Chiến, tlđd, tr. 35.

²⁶ Trần Văn Biên, tlđd, tr. 31.

Thứ hai, về hạ tầng công nghệ và trình độ nhân lực, chỉ số phát triển công nghệ thông tin (IDI) của Việt Nam còn ở mức trung bình, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, có thể gây khó khăn cho việc tổ chức các phiên họp trực tuyến đòi hỏi đường truyền ổn định và chất lượng cao. Năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ trọng tài viên, luật sư và cán bộ hỗ trợ cũng chưa đồng đều, nhiều người vẫn quen với phương thức làm việc truyền thống và còn hoài nghi về các phương pháp mới.

Thứ ba, về vấn đề bảo mật và an toàn thông tin, đây là một trong những rủi ro lớn nhất và là mối lo ngại hàng đầu của người dùng khi tham gia các giao dịch và tổ tụng trực tuyến. Các rủi ro như bị hacker tấn công, rò rỉ thông tin, giả mạo danh tính, hay việc “nhắc bài” cho nhân chứng trong các phiên họp trực tuyến là những thách thức hiện hữu đòi hỏi phải có các quy định và biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn, bảo mật.

Thứ tư, về giá trị pháp lý của các hành vi tổ tụng trực tuyến, pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn rõ ràng về việc thừa nhận giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài xác lập bằng dữ liệu điện tử, chữ ký điện tử trong biên bản hòa giải thành, hay tính hợp pháp của một phán quyết được ban hành từ một phiên họp hoàn toàn trực tuyến²⁷. Sự thiếu vắng này có thể dẫn đến nguy cơ phán quyết trọng tài trực tuyến bị Tòa án từ chối công nhận và cho thi hành hoặc bị hủy bỏ.

4. Kiến nghị:

Để khắc phục những bất cập và phát huy lợi thế của công nghệ số, việc hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài thương mại tại Việt Nam cần được triển khai đồng bộ theo các định hướng sau:

Thứ nhất, hoàn thiện Luật Trọng tài thương mại và các văn bản liên quan để tạo hành lang pháp lý cho trọng tài trực tuyến. Cần sửa đổi, bổ sung Luật TTTM để chính thức ghi nhận các hình thức tổ tụng trực tuyến, bao gồm việc nộp đơn, giao nộp chứng cứ, tổ chức phiên họp và ban hành phán quyết bằng phương tiện điện tử²⁸. Cần thừa nhận rõ ràng giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và các hình thức thỏa thuận tương đương văn bản như email, tin nhắn trong việc xác lập thỏa thuận trọng tài, tương tự như kinh nghiệm quốc tế²⁹. Đặc biệt, cần nghiên cứu và tiếp thu kinh nghiệm của pháp luật Anh, định nghĩa lại “địa điểm trọng tài” là “địa điểm về mặt pháp lý” thay vì “địa điểm về mặt địa lý” để các phiên họp trực tuyến không bị xem là vi phạm thủ tục tổ tụng³⁰.

Thứ hai, xây dựng các quy định cụ thể về tiêu chuẩn và quy trình cho trọng tài trực tuyến, cụ thể cần ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về tiêu chuẩn kỹ thuật của các nền tảng ODR, quy trình bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và cách thức xác thực danh tính các bên tham

²⁷ Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, tldđ, tr. 170-171.

²⁸ Trần Văn Biên, tldđ, tr. 31.

²⁹ Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, tldđ, tr. 171.

³⁰ Đào Lộc Bình, tldđ, tr. 166.

gia phiên họp trực tuyến³¹. Do đó, pháp luật cần quy định rõ ràng các nguyên tắc xử lý khi phát sinh rủi ro kỹ thuật như mất kết nối, gián đoạn đường truyền để đảm bảo quyền lợi của các bên, tránh việc áp dụng hậu quả pháp lý bất lợi một cách máy móc. Đồng thời, cần xây dựng cơ sở pháp lý cho hoạt động lập vi bằng đối với các sự kiện, hành vi diễn ra trên môi trường điện tử để củng cố nguồn chứng cứ.

³¹ Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, tldđ, tr. 172.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Biên, Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại trong thời đại công nghệ số ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí KH&CN Trường Đại học Hòa Bình, Số 10, Tháng 12.2023, tr. 26-27.
2. Đào Lộc Bình, Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ, Ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, 2025, tr. 1.
3. Ngô Minh Tiến, Lê Thị Phúc, Trịnh Tuấn Anh, Thực trạng khung pháp lý về hòa giải thương mại trực tuyến và kiến nghị giải pháp hoàn thiện, Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tập 133, Số 6C, 2024, tr. 166.
4. Đỗ Hữu Chiến, Một số giải pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo phương thức trực tuyến ở Việt Nam, Khoa học Kiểm sát, Số 03 - 2024, tr. 32.
5. Trần Minh Tiến, Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thương mại, Tạp chí Nghề Luật, Số 8/2024, tr. 12, 14.
6. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 974/2019/QĐ - PQT ngày 13/08/2019 về “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh”, 2019, tr. 4.
7. Tào Thị Huệ, Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo pháp luật một số nước và khuyến nghị đối với Việt Nam, Tạp chí nghề Luật, (3), 2022, tr. 69.

VAI TRÒ HỖ TRỢ CỦA TÒA ÁN TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI: NHỮNG GIỚI HẠN VÀ TRIỂN VỌNG

Trần Thảo Nguyên¹

Tóm tắt: Phân tích vai trò hỗ trợ của Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam. Trong bối cảnh ngày càng phổ biến của trọng tài thương mại, đây như một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của sự phối hợp giữa Tòa án và trọng tài để đảm bảo quá trình giải quyết tranh chấp diễn ra suôn sẻ và hợp pháp. Tổng hợp các khía cạnh lý luận và pháp lý về trọng tài thương mại, vai trò của Tòa án trong hệ thống tư pháp, cũng như mối quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan này. Ngoài ra, đề cập đến những quy định pháp luật hiện hành về các hình thức hỗ trợ cụ thể của Tòa án đối với trọng tài, như chỉ định trọng tài viên, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hỗ trợ thu thập chứng cứ, và các thủ tục liên quan. Bên cạnh những mặt tích cực, cũng có các giới hạn, thách thức trong thực tiễn phối hợp giữa Tòa án và trọng tài, bao gồm những vướng mắc về pháp lý, thủ tục, năng lực chuyên môn và tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Từ đó, nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực cán bộ, cũng như tăng cường hợp tác giữa Tòa án và trọng tài để đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tranh chấp.

Từ khóa: tòa án, trọng tài, giải quyết tranh chấp

Abstract: In the context of the increasing prevalence of commercial arbitration as an effective dispute resolution method, it is essential to emphasize the need for coordination between the courts and arbitral tribunals to ensure a smooth and lawful dispute resolution process. This study synthesizes the theoretical and legal aspects of commercial arbitration, the role of the courts within the judicial system, as well as the cooperative relationship between these two institutions. It also addresses current legal regulations regarding specific forms of court support for arbitration, such as the appointment of arbitrators, application of interim emergency measures, assistance in evidence collection, and other related procedures. Alongside the positive aspects, there are also limitations and challenges in the practical coordination between courts and arbitration, including legal and procedural obstacles, issues of professional capacity, and inconsistencies within the legal framework. From this, the necessity of continuing to improve the legal system, enhancing the capacity of judicial and arbitral officers, and strengthening the cooperation between courts and arbitral tribunals is

¹ Công ty luật TNHH Hăng luật Bigboss Law, ttnguyenn23@gmail.com

emphasized - to meet the development demands of the economy and to protect the legitimate rights and interests of the disputing parties.

Keywords: court, arbitration, dispute resolution

1. Mở đầu

Trọng tài thương mại ngày càng được các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước lựa chọn như một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí hơn so với Tòa án truyền thống. Trọng tài mang tính chất phi chính phủ, dựa trên thỏa thuận của các bên và hoạt động độc lập với hệ thống Tòa án. Tuy nhiên, đặc điểm này cũng đặt ra những hạn chế nhất định, bởi trọng tài không có quyền lực cưỡng chế như Tòa án, không thể trực tiếp áp dụng các biện pháp cưỡng chế, triệu tập người làm chứng hay thu thập chứng cứ bắt buộc.

Trong thực tiễn, để bảo đảm hiệu quả trong giải quyết tranh chấp, trọng tài rất cần sự hỗ trợ từ Tòa án – cơ quan tư pháp có quyền lực nhà nước. Vai trò hỗ trợ của Tòa án bao gồm việc chỉ định trọng tài viên khi các bên không thỏa thuận được, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo vệ quyền lợi các bên trong quá trình tố tụng trọng tài, thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng, cũng như xem xét và hủy phán quyết trọng tài trong những trường hợp pháp luật cho phép. Sự phối hợp này không chỉ giúp trọng tài thực hiện đầy đủ quyền hạn mà còn góp phần nâng cao tính khả thi và uy tín của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, vai trò hỗ trợ của Tòa án cũng gặp phải nhiều giới hạn và thách thức. Tòa án không được phép can thiệp vào nội dung tranh chấp, phạm vi quyền lực bị giới hạn bởi pháp luật và thủ tục tố tụng. Bên cạnh đó, việc phối hợp giữa Tòa án và trọng tài chưa thực sự đồng bộ, còn tồn tại những vướng mắc về mặt pháp lý và thực tiễn, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của hoạt động thương mại và trọng tài trong bối cảnh hội nhập quốc tế cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện cơ chế hỗ trợ của Tòa án, nhằm đáp ứng xu thế mới và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp.

Do đó, việc nghiên cứu vai trò hỗ trợ của Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, làm rõ những giới hạn hiện tại và đề xuất các giải pháp phát triển là rất cần thiết, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động trọng tài và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia tranh chấp.

2. Cơ sở lý luận và pháp lý về trọng tài và vai trò hỗ trợ của Tòa án

2.1. Khái niệm trọng tài thương mại và đặc điểm trọng tài

Trọng tài thương mại là một hình thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, trong đó các bên tự nguyện lựa chọn một hoặc nhiều trọng tài viên có chuyên môn để phân xử và đưa ra

phán quyết cuối cùng. Đây là phương thức mang tính phi chính phủ, dựa trên sự thỏa thuận và đồng thuận của các bên tranh chấp. Trọng tài nổi bật với tính độc lập và tự chủ, không chịu sự chi phối trực tiếp từ hệ thống Tòa án hay các cơ quan nhà nước khác. Điều này giúp trọng tài hoạt động linh hoạt, nhanh chóng và bảo mật, phù hợp với nhu cầu của các bên trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Tuy nhiên, chính sự độc lập và phi chính phủ này cũng tạo ra những hạn chế nhất định. Trọng tài không có quyền lực nhà nước để cưỡng chế, không thể trực tiếp áp dụng các biện pháp khẩn cấp nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp. Do đó, vai trò của Tòa án – với tư cách là cơ quan tư pháp nhà nước – trở nên hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ và bảo đảm cho hoạt động trọng tài diễn ra hiệu quả và đúng pháp luật.

2.2. Vai trò và chức năng của Tòa án trong hệ thống tư pháp

Vai trò và chức năng của Tòa án trong hệ thống tư pháp Việt Nam được xác định rất rõ ràng và quan trọng theo Hiến pháp năm 2013 cũng như các văn bản pháp luật liên quan. Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, tức là quyền xét xử các vụ án, giải quyết các tranh chấp và quyết định về các vi phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền của mình². Đây là cơ quan có quyền lực nhà nước cao nhất trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, đồng thời bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và lợi ích của Nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân³.

Cụ thể, Tòa án thực hiện chức năng xét xử các vụ án dân sự, hình sự, hành chính, lao động và các loại vụ việc khác theo quy định của pháp luật. Trong quá trình xét xử, Tòa án có nhiệm vụ phát hiện, bảo vệ sự thật khách quan, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Tòa án cũng là cơ quan duy nhất có quyền ra các quyết định pháp lý mang tính cưỡng chế như phán quyết buộc tội, áp dụng hình phạt, hoặc quyết định thi hành án.

Bên cạnh đó, Tòa án còn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người và quyền công dân. Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền phán quyết về các vấn đề liên quan đến quyền con người như tuyên bố một người đã chết, xác định cha mẹ cho con, tước hoặc hạn chế quyền tự do cá nhân trong trường hợp cần thiết. Việc bảo vệ quyền con người được thực hiện nghiêm ngặt, đảm bảo không bị xâm phạm trái pháp luật, đồng thời bảo vệ sự công bằng và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

² Chức năng của Tòa án và một số nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hình sự, link truy cập: <https://tapchitoaan.vn/chuc-nang-cua-toa-an-va-mot-so-nguyen-tac-co-ban-trong-to-tung-hinh-su10779.html>, truy cập ngày 4/6/2025.

³ Toà án thực hiện quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, link truy cập: <https://tapchitoaan.vn/toa-an-thuc-hien-quyen-tu-phap-trong-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam1022.html>, truy cập ngày 4/6/2025.

Ngoài ra, Tòa án còn có chức năng giám sát tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình xét xử, đồng thời có quyền giải thích pháp luật để bảo đảm áp dụng thống nhất và chính xác trong các vụ án. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để duy trì sự ổn định và phát triển của hệ thống pháp luật.

Tóm lại, Tòa án nhân dân giữ vị trí trung tâm trong bộ máy nhà nước về quyền tư pháp, là biểu tượng của công lý và là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp, đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác. Qua hoạt động xét xử, Tòa án góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2.3. *Mối quan hệ phối hợp giữa Tòa án và trọng tài*

Mối quan hệ phối hợp giữa Tòa án và trọng tài tại Việt Nam được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng sự độc lập của trọng tài nhưng vẫn đảm bảo sự hỗ trợ cần thiết từ quyền lực nhà nước để bảo vệ quyền lợi các bên và tính khả thi của phán quyết trọng tài. Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp phi chính phủ, dựa trên thỏa thuận của các bên và hoạt động độc lập với hệ thống Tòa án. Tuy nhiên, trọng tài không có quyền lực cưỡng chế, không thể trực tiếp áp dụng các biện pháp khẩn cấp hay thu thập chứng cứ bắt buộc, nên rất cần sự hỗ trợ của Tòa án.

Theo quy định tại Luật Trọng tài thương mại 2010 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án có vai trò hỗ trợ trọng tài trong nhiều khía cạnh. Trước khi trọng tài bắt đầu, nếu các bên không thỏa thuận được trọng tài viên hoặc chủ tịch Hội đồng trọng tài, Tòa án có thẩm quyền chỉ định để đảm bảo tiến trình tố tụng không bị đình trệ. Trong quá trình tố tụng trọng tài, Tòa án hỗ trợ áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời như phong tỏa tài sản, cấm chuyển dịch tài sản nhằm bảo vệ quyền lợi các bên, điều mà trọng tài không thể thực hiện triệt để do thiếu quyền lực nhà nước. Ngoài ra, Tòa án còn hỗ trợ thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài, giúp trọng tài có đủ căn cứ để đưa ra phán quyết chính xác và công bằng.

Một điểm quan trọng khác trong mối quan hệ này là Tòa án có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, bao gồm việc xác định thỏa thuận trọng tài có hiệu lực hay không, cũng như xem xét và quyết định hủy phán quyết trọng tài trong những trường hợp pháp luật quy định. Việc này vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên, vừa duy trì tính ổn định và uy tín của phương thức trọng tài.

Thực tế cho thấy, sự phối hợp hiệu quả giữa Tòa án và trọng tài góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả của trọng tài thương mại tại Việt Nam. Việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã giúp nhiều vụ tranh chấp được giải quyết nhanh chóng, thậm chí làm tăng tỷ lệ hòa giải thành công trước khi Hội đồng trọng tài ra phán quyết. Đồng thời, sự hỗ trợ của Tòa

án cũng giúp tháo gỡ những “bế tắc” trong tố tụng trọng tài, như việc thay đổi trọng tài viên khi có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tuy nhiên, mối quan hệ phối hợp này cũng còn một số thách thức, như việc thiếu cơ chế phối hợp đồng bộ, chưa thống nhất trong áp dụng pháp luật và thủ tục, cũng như hạn chế về năng lực chuyên môn của một số cán bộ Tòa án trong lĩnh vực trọng tài. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả hỗ trợ và đòi hỏi cần có sự hoàn thiện về mặt pháp lý, nâng cao năng lực và tăng cường hợp tác giữa Tòa án và trọng tài trong tương lai.

Tóm lại, mối quan hệ giữa Tòa án và trọng tài tại Việt Nam là mối quan hệ hỗ trợ và giám sát lẫn nhau, trong đó Tòa án không can thiệp vào nội dung tranh chấp nhưng đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên, duy trì tính khả thi và uy tín của trọng tài thương mại, góp phần xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đầu tư⁴.

3. Quy định pháp luật hiện hành về vai trò hỗ trợ của Tòa án trong trọng tài

3.1. Chỉ định trọng tài viên

Theo quy định tại Điều 41 Luật Trọng tài thương mại 2010, Tòa án có thẩm quyền chỉ định trọng tài viên trong một số trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo tiến trình tố tụng trọng tài không bị đình trệ và quyền lợi của các bên được bảo vệ. Cụ thể, khi bị đơn không chọn hoặc không thông báo tên trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án chỉ định trọng tài viên thay cho bị đơn. Trong trường hợp vụ tranh chấp có nhiều bị đơn, nếu các bị đơn không thống nhất được việc lựa chọn trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, Tòa án cũng có thẩm quyền chỉ định trọng tài viên cho các bị đơn theo yêu cầu của một hoặc các bên.

Ngoài ra, khi các trọng tài viên được các bên lựa chọn hoặc chỉ định không thể bầu được Chủ tịch Hội đồng trọng tài trong thời hạn 15 ngày và các bên không có thỏa thuận khác, Tòa án có thể chỉ định Chủ tịch Hội đồng trọng tài theo yêu cầu. Trường hợp các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài viên duy nhất nhưng không chọn được trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, nếu không có thỏa thuận về việc Trung tâm trọng tài chỉ định trọng tài viên, Tòa án có thẩm quyền chỉ định trọng tài viên duy nhất theo yêu cầu của một hoặc các bên.

Về thủ tục, khi có yêu cầu chỉ định trọng tài viên, bên yêu cầu phải nộp đơn đến Tòa án có thẩm quyền, kèm theo các tài liệu cần thiết chứng minh căn cứ và tính hợp pháp của yêu cầu. Sau khi nhận được đơn, trong vòng 7 ngày làm việc, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh sẽ phân công thẩm phán xem xét và ra quyết định chỉ định trọng tài viên mà không cần mở phiên họp hay triệu tập các bên nhằm đảm bảo sự nhanh chóng và hiệu quả. Quyết định chỉ định trọng

⁴ Trọng tài thương mại và mối quan hệ với Tòa án, link truy cập: <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1947&l=Nghiencuuutraodoi>, truy cập ngày 4/6/2025.

tài viên sẽ được gửi đến các bên và trọng tài viên được chỉ định trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn hợp lệ.

Trước khi ra quyết định, thẩm phán phải đảm bảo người được chỉ định đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 20 Luật Trọng tài thương mại 2010, bao gồm năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trình độ đại học và kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời không thuộc các trường hợp bị cấm làm trọng tài viên như đang là thẩm phán, kiểm sát viên hoặc đang trong quá trình thi hành án hình sự. Việc này nhằm đảm bảo tính khách quan, trung thực và vô tư trong hoạt động trọng tài.

Như vậy, quy định về chỉ định trọng tài viên của Tòa án được xây dựng nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên tranh chấp và đảm bảo tiến trình trọng tài diễn ra liên tục, không bị gián đoạn do vướng mắc trong việc lựa chọn trọng tài viên⁵.

3.2. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có thể bị xâm hại hoặc có nguy cơ trực tiếp bị xâm hại, do đó, các bên có quyền làm đơn gửi đến Tòa án cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài thụ lý vụ tranh chấp để yêu cầu áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo vệ quyền lợi của mình⁶. Các biện pháp này bao gồm bảo toàn chứng cứ trong trường hợp chứng cứ đang bị tiêu hủy hoặc có nguy cơ bị tiêu hủy; kê biên tài sản tranh chấp; cấm chuyển dịch tài sản tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng tài sản tranh chấp; kê biên và niêm phong tài sản ở nơi gửi giữ; phong tỏa tài khoản tại ngân hàng. Tuy nhiên, bên yêu cầu phải có bằng chứng chứng minh việc áp dụng các biện pháp đó là cần thiết và chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình; nếu yêu cầu không đúng và gây thiệt hại sẽ phải bồi thường⁷.

Theo khoản 1 Điều 48 Luật Trọng tài thương mại 2010, các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài hoặc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Luật và các văn bản pháp luật liên quan, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác¹⁵. Việc yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là từ chối thỏa thuận trọng tài hoặc khước từ quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Đây là cơ chế hỗ trợ quan trọng nhằm bảo đảm tổ tụng trọng tài được thực thi trên cơ sở sự hỗ trợ của Tòa án – cơ quan quyền lực nhà nước mang tính cưỡng chế thi hành.

Về thủ tục, sau khi nộp đơn khởi kiện, nếu quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại hoặc có nguy cơ trực tiếp bị xâm hại, một bên có quyền làm đơn gửi đến Tòa án có thẩm quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày

⁵ Luật Trọng tài Thương mại 2010

⁶ Sự hỗ trợ của Tòa án đối với hoạt động của Trọng tài thương mại, link truy cập: <https://doanhnhnan.congly.vn/su-ho-tro-cua-toa-an-doi-voi-hoat-dong-cua-trong-tai-thuong-mai-452316.html>, truy cập ngày 4/6/2025.

⁷ Ibid.

nhận được đơn, Chánh án Tòa án sẽ phân công một Thẩm phán xem xét và trong 3 ngày làm việc tiếp theo, Thẩm phán phải ra quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu không chấp nhận yêu cầu, Tòa án phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người yêu cầu biết. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án có tính cưỡng chế và được thi hành ngay, góp phần bảo vệ quyền lợi các bên trong giai đoạn tố tụng trọng tài.

Đáng chú ý, các bên có thể lựa chọn yêu cầu Hội đồng trọng tài hoặc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc thậm chí gửi đơn đến cả hai cơ quan này. Tuy nhiên, nếu một bên đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Hội đồng trọng tài sẽ từ chối yêu cầu tương tự nhằm tránh xung đột và trùng lặp trong áp dụng biện pháp. Đồng thời, Tòa án sẽ kiểm tra xem các bên đã có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Hội đồng trọng tài hay chưa để đảm bảo tính nhất quán trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Tóm lại, cơ chế hỗ trợ của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tranh chấp trong tố tụng trọng tài. Quyền này được pháp luật quy định rõ ràng, thủ tục nhanh gọn và có tính cưỡng chế, góp phần nâng cao hiệu quả và tính khả thi của trọng tài thương mại tại Việt Nam

3.3. Thu thập chứng cứ và triệu tập người làm chứng

Trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, khi Hội đồng trọng tài hoặc một hoặc các bên đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ nhưng vẫn không thể tự mình thu thập được, theo khoản 5 Điều 46 Luật Trọng tài thương mại 2010, Hội đồng trọng tài hoặc các bên có thể gửi văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền hỗ trợ thu thập chứng cứ⁸. Văn bản đề nghị này phải nêu rõ nội dung vụ việc đang giải quyết tại trọng tài, chứng cứ cần thu thập, lý do không thể thu thập được, cùng với tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đang quản lý, lưu giữ chứng cứ.

Trình tự hỗ trợ thu thập chứng cứ của Tòa án được quy định cụ thể: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của Hội đồng trọng tài hoặc các bên, Chánh án Tòa án cấp tỉnh sẽ phân công một Thẩm phán có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi được phân công, Thẩm phán phải có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ chứng cứ cung cấp tài liệu cho Tòa án. Thời gian để các bên hoặc tổ chức, cá nhân này thực hiện trách nhiệm cung cấp chứng cứ là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án. Sau khi thu thập được chứng

⁸ Cơ chế hỗ trợ của Tòa án đối với Trọng tài thương mại trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thu thập chứng cứ và triệu tập người làm chứng: Bất cập và hướng hoàn thiện, link truy cập: <https://lsvn.vn/co-che-ho-tro-cua-toa-an-doi-voi-trong-tai-thuong-mai-trong-viec-ap-dung-bien-phap-khan-cap-tam-thoi-thu-thap-chung-cu-va-trieu-tap-nguoi-lam-chung-bat-cap-va-huong-hoan-thien-1719761120-a144962.html>, truy cập ngày 4/6/2025.

cứ, trong vòng 05 ngày làm việc, Tòa án phải thông báo cho Hội đồng trọng tài và bên yêu cầu biết để giao nhận chứng cứ. Trường hợp quá hạn mà không thu thập được chứng cứ, Tòa án cũng sẽ thông báo và có văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Việc hỗ trợ thu thập chứng cứ của Tòa án giúp khắc phục hạn chế về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài trong việc thu thập chứng cứ bắt buộc, đồng thời đảm bảo quá trình tố tụng trọng tài diễn ra hiệu quả, khách quan và công bằng. Đây là một phần quan trọng trong cơ chế phối hợp giữa Tòa án và trọng tài nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tranh chấp và nâng cao uy tín của phương thức giải quyết tranh chấp trọng tài tại Việt Nam.

Ngoài ra, Tòa án còn có thẩm quyền triệu tập người làm chứng theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài hoặc các bên khi cần thiết nhằm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ tranh chấp. Việc triệu tập này được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, góp phần tăng cường hiệu quả thu thập chứng cứ và đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Vai trò hỗ trợ của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ và triệu tập người làm chứng là yếu tố thiết yếu giúp trọng tài thương mại khắc phục những hạn chế về quyền lực cưỡng chế, đồng thời bảo đảm quá trình tố tụng trọng tài diễn ra minh bạch, công bằng và hiệu quả.

4. Xem xét và hủy phán quyết trọng tài

4.1. Các căn cứ hủy phán quyết

Các căn cứ để Tòa án xem xét và hủy phán quyết trọng tài được quy định cụ thể tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010 và được hướng dẫn chi tiết tại Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, phán quyết trọng tài sẽ bị hủy nếu thuộc một trong các trường hợp sau: không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu; thành phần Hội đồng trọng tài hoặc thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với quy định của Luật Trọng tài thương mại; vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, hoặc nếu phán quyết có nội dung không thuộc thẩm quyền thì phần đó bị hủy; chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài; và phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam⁹.

Đặc biệt, căn cứ hủy phán quyết trọng tài do “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” được xem là một trong những căn cứ quan trọng và thường được Tòa án viện dẫn khi ra quyết định hủy. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là những nguyên tắc xử

⁹ Căn cứ hủy phán quyết trọng tài, link truy cập: <https://lawnet.vn/thong-tin-phap-luat/tu-van-luat/can-cu-huy-phan-quet-trong-tai-moi-nhat-173539.html>, truy cập ngày 4/6/2025.

sự có hiệu lực bao trùm trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật. Khi xem xét yêu cầu hủy, Tòa án phải xác định phán quyết trọng tài có vi phạm một hoặc nhiều nguyên tắc này và nguyên tắc đó có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết tranh chấp. Phán quyết trọng tài bị hủy nếu có nội dung vi phạm nghiêm trọng lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của một hoặc các bên, người thứ ba.

Ngoài ra, việc hủy phán quyết trọng tài phải tuân thủ trình tự, thủ tục pháp lý chặt chẽ. Một bên tranh chấp có quyền yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài nếu có đủ căn cứ chứng minh thuộc một trong các trường hợp nêu trên. Đối với các căn cứ như không có thỏa thuận trọng tài, thành phần Hội đồng trọng tài hoặc thủ tục tố tụng không phù hợp, vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền, chứng cứ giả mạo hoặc trọng tài viên có hành vi làm ảnh hưởng đến tính khách quan, bên yêu cầu có nghĩa vụ chứng minh. Đối với căn cứ phán quyết trái nguyên tắc cơ bản, Tòa án có trách nhiệm chủ động xác minh, thu thập chứng cứ để quyết định có hủy hay không hủy phán quyết trọng tài.

Trên thực tế, việc hủy phán quyết trọng tài vì lý do vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam có thể đòi hỏi Tòa án xem xét lại nội dung tranh chấp để đánh giá mức độ vi phạm. Tuy nhiên, Tòa án không được xem xét lại toàn bộ nội dung tranh chấp mà chỉ tập trung vào các khía cạnh liên quan đến việc vi phạm nguyên tắc cơ bản. Các quyết định hủy phán quyết trọng tài thường dựa trên việc Hội đồng xét đơn đã chỉ ra được sự phân biệt đối xử không công bằng hoặc vi phạm các quy định bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba hoặc người tiêu dùng.

Căn cứ hủy phán quyết trọng tài là công cụ pháp lý quan trọng giúp Tòa án bảo vệ tính hợp pháp, công bằng và ổn định trong hoạt động trọng tài thương mại, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên và lợi ích của Nhà nước.

4.2. Thủ tục xem xét hủy

Thủ tục xem xét hủy phán quyết trọng tài được quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền lợi các bên và tính hợp pháp của hoạt động trọng tài. Khi một bên có căn cứ cho rằng phán quyết trọng tài thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010, bên đó có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết xem xét hủy phán quyết trọng tài trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết¹⁰.

Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải có các nội dung chủ yếu như ngày tháng làm đơn, tên và địa chỉ của bên yêu cầu, yêu cầu và căn cứ hủy phán quyết trọng tài, kèm theo bản chính hoặc bản sao phán quyết trọng tài và thỏa thuận trọng tài đã được chứng thực hợp lệ. Nếu các giấy tờ này là tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực hợp lệ.

¹⁰ Thủ tục hủy phán quyết trọng tài thương mại tại Tòa án nhân dân, link truy cập: <http://vkshanoi.gov.vn/chitietintuc?tintuc=14651>, truy cập ngày 4/6/2025.

Sau khi nhận đơn, trong vòng 7 ngày làm việc, Chánh án Tòa án sẽ chỉ định một Hội đồng xét đơn gồm ba Thẩm phán, trong đó có một Thẩm phán làm chủ tọa để xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Hội đồng xét đơn sẽ mở phiên họp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được chỉ định để xem xét đơn yêu cầu. Trong quá trình này, nếu bên yêu cầu rút đơn hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng có quyền đình chỉ việc xét đơn.

Tòa án sẽ không xem xét lại nội dung tranh chấp mà chỉ tập trung vào việc đánh giá các căn cứ pháp lý để quyết định có hủy phán quyết trọng tài hay không. Đối với bốn trường hợp đầu của khoản 2 Điều 68, bên yêu cầu có nghĩa vụ chứng minh; còn đối với trường hợp phán quyết trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Tòa án có trách nhiệm chủ động xác minh, thu thập chứng cứ¹¹.

Trong một số trường hợp, theo yêu cầu của một bên và nếu xét thấy phù hợp, Hội đồng xét đơn có thể tạm đình chỉ việc xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài trong thời hạn không quá 60 ngày để tạo điều kiện cho Hội đồng trọng tài khắc phục sai sót tổ tụng theo quan điểm của mình nhằm loại bỏ căn cứ hủy bỏ phán quyết. Nếu Hội đồng trọng tài không khắc phục sai sót, việc xét đơn yêu cầu sẽ tiếp tục.

Quyết định của Hội đồng xét đơn về việc hủy hoặc không hủy phán quyết trọng tài sẽ được gửi cho các bên, Trung tâm trọng tài hoặc trọng tài viên, và Viện kiểm sát cùng cấp trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Nếu phán quyết trọng tài bị hủy, các bên có thể thỏa thuận đưa vụ tranh chấp ra giải quyết lại tại trọng tài hoặc Tòa án.

Thủ tục xem xét hủy phán quyết trọng tài tại Tòa án được tiến hành theo trình tự rõ ràng, bảo đảm quyền lợi của các bên và tính pháp lý của phán quyết trọng tài, đồng thời tạo cơ hội cho Hội đồng trọng tài khắc phục sai sót trước khi có quyết định cuối cùng.

5. Hỗ trợ trọng tài thương mại nước ngoài

Theo quy định tại Luật Trọng tài thương mại 2010, Tòa án Việt Nam có những quy định đặc biệt trong việc hỗ trợ trọng tài thương mại nước ngoài nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động trọng tài quốc tế tại Việt Nam. Cụ thể, tổ chức trọng tài nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện như đã được thành lập và hoạt động hợp pháp tại nước ngoài, đồng thời phải tôn trọng Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam¹².

Về hình thức hoạt động, tổ chức trọng tài nước ngoài có thể hoạt động tại Việt Nam dưới dạng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện. Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về hoạt động của mình và do tổ chức trọng tài nước ngoài

¹¹ Thẩm quyền, trình tự, thủ tục liên quan đến hủy phán quyết của trọng tài, link truy cập: <https://smic.org.vn/tham-quyen-trinh-tu-thu-tuc-lien-quan-den-huy-phan-quet-cua-trong-tai/>, truy cập ngày 4/6/2025.

¹² Luật Trọng tài Thương mại 2010

cử người đại diện tại Việt Nam. Việc này giúp đảm bảo sự giám sát và tuân thủ pháp luật Việt Nam trong quá trình hoạt động của trọng tài nước ngoài.

Tòa án có thẩm quyền hỗ trợ các hoạt động trọng tài thương mại nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm cả việc chỉ định trọng tài viên khi các bên không thỏa thuận được, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo vệ quyền lợi các bên trong quá trình tố tụng trọng tài, hỗ trợ thu thập chứng cứ và triệu tập người làm chứng, cũng như xem xét và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đây là những quy định đặc biệt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trọng tài nước ngoài hoạt động hiệu quả và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên tranh chấp.

Ngoài ra, việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo Công ước New York 1958 mà Việt Nam là thành viên, cùng với các quy định của pháp luật trong nước, góp phần nâng cao uy tín và hiệu quả của trọng tài thương mại quốc tế tại Việt Nam.

6. Những giới hạn trong vai trò hỗ trợ của Tòa án

6.1. Giới hạn về phạm vi can thiệp vào nội dung tranh chấp

Giới hạn về phạm vi can thiệp vào nội dung tranh chấp là một trong những nguyên tắc cơ bản trong mối quan hệ giữa Tòa án và trọng tài thương mại tại Việt Nam. Theo Điều 6 Luật Trọng tài thương mại 2010, khi các bên đã thỏa thuận lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp, Tòa án sẽ từ chối thụ lý những vụ án có nội dung tranh chấp đã được thỏa thuận trọng tài, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được. Điều này thể hiện rõ ràng việc Tòa án không được phép can thiệp vào nội dung tranh chấp mà các bên đã giao cho trọng tài giải quyết, nhằm bảo đảm tính độc lập và tự chủ của trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp¹³.

Tòa án chỉ can thiệp trong những trường hợp nhất định khi có yêu cầu của các bên hoặc khi pháp luật quy định, ví dụ như hỗ trợ trọng tài trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng, hay xem xét hủy phán quyết trọng tài khi có căn cứ hợp pháp. Việc can thiệp này mang tính hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên, không nhằm mục đích xem xét lại nội dung tranh chấp hay thay thế vai trò của trọng tài.

Ngoài ra, trong thực tiễn, Tòa án cũng có thể can thiệp khi có tranh chấp về tính hợp lệ của điều khoản trọng tài hoặc khi có khó khăn trong việc thực hiện quy trình trọng tài, nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên và sự công bằng trong giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, mọi sự can thiệp của Tòa án đều phải tuân thủ nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách

¹³ Giải quyết tranh chấp thương mại bằng cơ chế trọng tài thương mại là nhu cầu tất yếu trong bối cảnh hiện nay, link truy cập: <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1911&l=Nghiencuutraodoi>, truy cập ngày 4/6/2025.

quan và công bằng của trọng tài, đồng thời phải dựa trên các quy định pháp luật cụ thể để tránh việc can thiệp quá mức hoặc không đúng thẩm quyền.

Tóm lại, phạm vi can thiệp của Tòa án vào nội dung tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài bị giới hạn chặt chẽ nhằm bảo vệ nguyên tắc độc lập và tự chủ của trọng tài, đồng thời giữ vững sự phân định rõ ràng giữa quyền lực nhà nước và quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại.

6.2. Giới hạn về quyền lực và thẩm quyền của Tòa án

Quyền lực và thẩm quyền của Tòa án trong vai trò hỗ trợ trọng tài thương mại có những giới hạn rõ ràng nhằm bảo đảm tính độc lập và tự chủ của trọng tài, đồng thời phát huy quyền lực nhà nước của Tòa án trong phạm vi pháp luật cho phép. Theo đó, Tòa án là cơ quan tài phán mang quyền lực nhà nước, có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết và kịp thời để ngăn chặn các hành vi gây cản trở cho quá trình giải quyết tranh chấp thương mại, kể cả đối với bên thứ ba. Tuy nhiên, thẩm quyền của Tòa án trong hỗ trợ trọng tài chỉ được thực hiện trong những việc dân sự liên quan đến trọng tài thương mại mà trọng tài không có hoặc bị hạn chế về thẩm quyền, theo quy định tại Điều 414 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Cụ thể, Tòa án có thẩm quyền chỉ định trọng tài viên khi các bên không thỏa thuận được hoặc không thực hiện đúng thời hạn lựa chọn trọng tài viên; quyết định thay đổi trọng tài viên khi có yêu cầu hợp pháp; áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời như phong tỏa tài sản, cấm chuyển dịch tài sản tranh chấp; hỗ trợ thu thập chứng cứ và triệu tập người làm chứng theo yêu cầu của trọng tài hoặc các bên tranh chấp. Tòa án cũng có thẩm quyền xem xét và quyết định hủy phán quyết trọng tài trong những trường hợp pháp luật quy định.

Tuy nhiên, Tòa án không có quyền can thiệp vào nội dung tranh chấp mà các bên đã giao cho trọng tài giải quyết. Mọi sự hỗ trợ của Tòa án phải tuân theo thủ tục pháp luật về trọng tài thương mại và chỉ thực hiện khi có yêu cầu của trọng tài hoặc các bên liên quan, không được xem là quyền can thiệp tự ý vào quá trình tố tụng trọng tài.

Thẩm quyền của Tòa án trong hỗ trợ trọng tài là thẩm quyền thực thi theo pháp luật về trọng tài chứ không phải là thẩm quyền đương nhiên, tức Tòa án không thể can thiệp bất cứ lúc nào mà phải dựa trên các yêu cầu hợp lệ của trọng tài hoặc các bên.

Như vậy, giới hạn về quyền lực và thẩm quyền của Tòa án thể hiện ở chỗ Tòa án chỉ được phép thực hiện các hoạt động tố tụng hỗ trợ trong phạm vi pháp luật cho phép, không được phép xem xét lại nội dung tranh chấp hay thay thế vai trò của trọng tài trong việc ra phán quyết. Việc này nhằm bảo đảm tính độc lập, khách quan và công bằng của trọng tài, đồng thời phát huy vai trò quyền lực nhà nước của Tòa án trong việc bảo vệ trật tự pháp luật và quyền lợi hợp pháp của các bên..

6.3. Giới hạn về thời gian và thủ tục hỗ trợ

Giới hạn về thời gian và thủ tục hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài thương mại được quy định nhằm bảo đảm sự nhanh chóng, hiệu quả và đúng pháp luật trong quá trình hỗ trợ tố tụng trọng tài. Theo Điều 414 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các quy định tại Luật Trọng tài thương mại 2010, Tòa án có trách nhiệm xem xét, giải quyết các yêu cầu hỗ trợ trọng tài trong thời hạn cụ thể, tránh gây trì hoãn tiến trình giải quyết tranh chấp.

Cụ thể, trong trường hợp chỉ định trọng tài viên, sau khi nhận được đơn yêu cầu hợp lệ, Chánh án Tòa án cấp tỉnh phải phân công Thẩm phán xem xét trong vòng 7 ngày làm việc; Thẩm phán có 7 ngày làm việc để ra quyết định chỉ định trọng tài viên mà không cần triệu tập các bên hay mở phiên họp. Đối với việc thu thập chứng cứ, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận văn bản đề nghị, Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán giải quyết; Thẩm phán có 5 ngày làm việc để ra văn bản yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ; các bên có trách nhiệm cung cấp chứng cứ trong 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án; sau đó Tòa án có 5 ngày làm việc để thông báo cho Hội đồng trọng tài và bên yêu cầu.

Về triệu tập người làm chứng, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị, Chánh án phân công Thẩm phán xem xét; Thẩm phán có 5 ngày làm việc để ra quyết định triệu tập và gửi quyết định này cho Hội đồng trọng tài, người làm chứng và Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện chức năng theo quy định. Đối với áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn yêu cầu, Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán xem xét; Thẩm phán có 3 ngày làm việc để ra quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp.

Những quy định về thời hạn này nhằm đảm bảo Tòa án thực hiện chức năng hỗ trợ trọng tài một cách kịp thời, tránh làm gián đoạn hoặc kéo dài quá trình tố tụng trọng tài. Đồng thời, thủ tục hỗ trợ được thực hiện theo trình tự rõ ràng, minh bạch, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên và tuân thủ nguyên tắc không can thiệp vào nội dung tranh chấp mà trọng tài đã thụ lý.

7. Thực tiễn vướng mắc và khó khăn trong hỗ trợ trọng tài

Trong thực tiễn hỗ trợ trọng tài thương mại, Tòa án Việt Nam đang đối mặt với nhiều vướng mắc và khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả phối hợp giữa hai cơ quan này. Một trong những khó khăn lớn là về thẩm quyền và cơ chế hỗ trợ của Tòa án trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thu thập chứng cứ và triệu tập người làm chứng. Cụ thể, quy định tại khoản 6 Điều 46 Luật Trọng tài thương mại 2010 mang tính mệnh lệnh một chiều, yêu cầu Thẩm phán phải ra văn bản yêu cầu cung cấp chứng cứ trong 5 ngày kể từ khi được phân công, dẫn đến nguy cơ lạm dụng hoặc tùy tiện trong thực thi, ảnh hưởng đến bên thứ ba không liên quan đến vụ việc tranh chấp.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể các chế tài để xử lý cá nhân, tổ chức không thực hiện quyết định của Tòa án về thu thập chứng cứ và triệu tập người làm chứng, khiến việc thực thi các yêu cầu hỗ trợ này gặp khó khăn hoặc bị trì hoãn. Bộ luật Tố tụng dân

sự cũng chưa có quy định riêng về thủ tục giải quyết các yêu cầu liên quan đến hoạt động trọng tài thương mại, tạo ra khoảng trống pháp lý làm giảm hiệu quả phối hợp giữa Tòa án và trọng tài.

Ngoài ra, việc trọng tài không có quyền lực cưỡng chế nhà nước khiến các biện pháp khẩn cấp tạm thời do Hội đồng trọng tài áp dụng phụ thuộc hoàn toàn vào sự hỗ trợ và thi hành của Tòa án. Tuy nhiên, thủ tục hỗ trợ của Tòa án thường mất nhiều thời gian, làm giảm tính kịp thời và hiệu quả của biện pháp này, gây khó khăn cho việc bảo vệ quyền lợi các bên tranh chấp¹⁴.

Một số khó khăn khác còn liên quan đến việc mở rộng phạm vi thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại, đặc biệt trong bối cảnh tranh chấp có yếu tố thương mại mở rộng hoặc phức tạp, khiến Hội đồng trọng tài và Tòa án gặp lúng túng khi xử lý, làm kéo dài thời gian giải quyết và ảnh hưởng đến uy tín của trọng tài.

Ngoài ra, sự thiếu hụt đội ngũ trọng tài viên quốc tế có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tiễn cũng là một rào cản lớn đối với việc giải quyết tranh chấp hiệu quả, nhất là trong các vụ việc có yếu tố nước ngoài.

8. Triển vọng của Tòa án trong vai trò hỗ trợ Trọng tài

Triển vọng của tòa án trong vai trò hỗ trợ quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Việt Nam rất khả quan và đang được đánh giá cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Theo đó, tòa án không chỉ là cơ quan giám sát mà còn là lực lượng hỗ trợ thiết yếu để trọng tài phát huy tối đa hiệu quả, góp phần xây dựng một hệ thống giải quyết tranh chấp hiện đại, minh bạch và chuyên nghiệp.

Trước hết, việc hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài thương mại quốc tế đang được đẩy mạnh nhằm tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho sự phối hợp giữa tòa án và trọng tài. Các quy định mới hướng tới nâng cao vai trò của tòa án trong việc chỉ định trọng tài viên, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thu thập chứng cứ, cũng như giám sát thẩm quyền của hội đồng trọng tài. Điều này giúp bảo đảm tính khách quan, công bằng và hiệu quả trong quá trình trọng tài, đồng thời tăng cường sự tin tưởng của các bên tham gia tranh chấp¹⁵.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của các trung tâm trọng tài quốc tế tại Việt Nam như Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đang mở ra nhiều cơ hội mới. Tòa án sẽ tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các trung tâm này hoạt động hiệu quả, góp phần giảm tải áp lực cho hệ thống tòa án truyền thống. Việc này không chỉ nâng cao năng

¹⁴ Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung, link truy cập: <https://danchuphapluat.vn/danh-gia-luat-trong-tai-thuong-mai-nam-2010-qua-thuc-tien-thi-hanh-va-mot-so-giai-phap-sua-doi-bo-sung>, truy cập ngày 4/6/2025.

¹⁵ Trọng tài thương mại và những thách thức từ dự thảo

lực cạnh tranh của nền kinh tế mà còn giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư quốc tế khi lựa chọn trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp¹⁶.

Ngoài ra, xu hướng áp dụng các quy tắc trọng tài quốc tế tiên tiến như Quy tắc trọng tài SIAC 2025 cũng tạo ra triển vọng tích cực cho sự phối hợp giữa tòa án và trọng tài. Những đổi mới trong quy tắc này, như cơ chế quyết định sơ bộ và thủ tục rút gọn, giúp tăng tốc độ giải quyết tranh chấp, giảm chi phí và tạo điều kiện tiếp cận trọng tài quốc tế dễ dàng hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tòa án có thể hỗ trợ bằng cách công nhận và thi hành nhanh chóng các phán quyết trọng tài theo quy định pháp luật, qua đó củng cố lòng tin của nhà đầu tư và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Cuối cùng, trong tương lai, việc xây dựng đội ngũ trọng tài viên quốc tế chuyên nghiệp, am hiểu pháp luật và thực tiễn kinh doanh toàn cầu sẽ là một trong những trọng tâm phát triển. Tòa án sẽ phối hợp chặt chẽ với các trung tâm trọng tài và các cơ quan liên quan để đào tạo, nâng cao năng lực nguồn nhân lực trọng tài, góp phần hoàn thiện thiết chế trọng tài phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tóm lại, với sự hoàn thiện khung pháp lý, phát triển các trung tâm trọng tài quốc tế, áp dụng quy tắc trọng tài tiên tiến và nâng cao năng lực nguồn nhân lực, tòa án Việt Nam sẽ ngày càng phát huy vai trò hỗ trợ trọng tài hiệu quả, góp phần xây dựng môi trường giải quyết tranh chấp thương mại hiện đại, minh bạch và chuyên nghiệp, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

¹⁶ [HICAC 2025] Tọa đàm "Xu hướng mới và khuyến nghị giải quyết tranh chấp xây dựng hiệu quả: Thực tiễn tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam", link truy cập: <https://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/%5Bhicac-2025%5D-toa-dam-xu-huong-moi-va-khuyen-nghi-giai-quyet-tranh-chap-xay-dung-hieu-qua-thuc-tien-tu-trung-tam-trong-tai-quoc-te-viet-nam-n1942.html>, truy cập ngày 4/6/2025.

NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM NHƯ LÀ CĂN CỨ HỦY VÀ KHÔNG CÔNG NHẬN PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI: NHÌN THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA CÁC TÒA ÁN VIỆT NAM

Phạm Dương Hoàng Phúc¹

Tóm tắt: Kể từ khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 có hiệu lực, Việt Nam đã chứng kiến sự gia tăng đáng kể về số lượng tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài. Tuy nhiên, một thực trạng đáng lo ngại là tỷ lệ phán quyết trọng tài bị hủy hoặc không được công nhận với lý do “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” vẫn ở mức cao, gây ra mối quan ngại về tính hiệu quả và ổn định của cơ chế trọng tài. Bài viết phân tích thực tiễn xét xử của các tòa án Việt Nam liên quan đến căn cứ này, đồng thời đối chiếu với cách tiếp cận về “chính sách công” (public policy) theo Công ước New York 1958 tại Anh, Singapore, Hà Lan và Tây Ban Nha. Qua việc nghiên cứu những quyết định điển hình của các tòa án Việt Nam, bài viết chỉ ra sự thiếu nhất quán và mở rộng quá mức trong cách hiểu “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Bài viết kiến nghị việc giới hạn phạm vi áp dụng khái niệm này theo hướng hẹp, chỉ dùng trong các trường hợp thật sự nghiêm trọng vi phạm công lý, đạo đức xã hội, hoặc quyền cơ bản của các bên.

Từ khóa: nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, hủy phán quyết trọng tài, Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, chính sách công.

Abstract: Since the Law on Commercial Arbitration 2010 came into effect, Vietnam has witnessed a significant increase in the number of disputes resolved through arbitration. However, a concerning issue is the persistently high rate of arbitral awards being annulled or denied recognition on the ground that they are “contrary to the fundamental principles of Vietnamese law,” raising serious concerns about the transparency and predictability of the arbitration mechanism. This paper analyzes the practical application of this ground in Vietnamese court decisions and compares it with the restrictive approach to the “public policy” exception under the 1958 New York Convention as adopted in jurisdictions such as England and Singapore. Through the study of Vietnamese court rulings, the paper highlights the inconsistencies and overly broad interpretations of the concept of “fundamental principles of Vietnamese law” in arbitration proceedings. It recommends narrowing the scope of this concept, limiting its application to only serious cases involving violations of justice, public morality, or the fundamental rights of the parties.

¹ Thạc sĩ, Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM, phucpdh@uel.edu.vn

Keywords: *Fundamental principles of Vietnamese law, Set aside arbitral award, Recognition and enforcement of foreign arbitral awards, public policy.*

1. Đặt vấn đề

Trong Khảo sát về Trọng tài Quốc tế năm 2025 của Queen Mary University of London phối hợp với Công ty Luật White & Case LLP với chủ đề “2025 International Arbitration Survey - The Path Forward: Realities and Opportunities in Arbitration” (Con đường phía trước: Hiện thực và Cơ hội trong trọng tài) đã chỉ ra rằng 87% các bên trong các tranh chấp quốc tế lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp; trong khi đó, tổ tụng tòa án chỉ chiếm 4%.² Khảo sát đã chỉ ra bốn nhóm lý do về tính phổ biến của trọng tài bao gồm (i) tính linh hoạt, (ii) trình độ chuyên môn của trọng tài viên, (iii) tốc độ và hiệu quả và (iv) khả năng thi hành phán quyết trên toàn cầu. Theo đó, các địa điểm trọng tài được ưa chuộng nhất bao gồm London, Singapore, HongKong, Bắc Kinh và Paris. Một trong các điểm chung của các địa điểm trọng tài này là tỷ lệ hủy phán quyết trọng tài trong nước hay không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài rất thấp.

Tại Việt Nam, kể từ khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 có hiệu lực, số lượng tranh chấp trọng tài đã tăng lên đáng kể. Cụ thể, theo Báo cáo thường niên của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), số lượng tranh chấp thụ lý trong giai đoạn 2010-2024 là 3003 vụ.³ Tuy nhiên, quá trình thực thi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 vẫn còn gặp nhiều thách thức với số lượng hủy phán quyết trọng tài. Cụ thể, từ năm 2011 đến năm 2024, Báo cáo đánh giá tác động của Hội Luật Gia Việt Nam số 187/BC-HLGVN ngày 3/6/2024 ghi nhận có 181 đơn đề nghị hủy phán quyết trọng tài, với tỷ lệ hủy là 23,76% (tương đương với 43 phán quyết trọng tài bị hủy).⁴ Theo Báo cáo của Hội Luật Gia Việt Nam, trong số phán quyết chấp nhận hủy thì có 45% hủy vì lý do trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Trong cùng thời gian trên, đã có 7/34 phán quyết trọng tài nước ngoài không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam cũng dựa trên căn cứ vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Tỷ lệ cao các phán quyết trọng tài bị hủy hay không công nhận với lý do vi phạm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” đặt ra một câu hỏi lớn về tính minh bạch, ổn định và dự đoán được của cơ chế trọng tài thương mại tại Việt Nam. Quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cho phép Tòa án hủy phán quyết trọng tài nếu

² Queen Mary University of London và White & Case LLP (2025), 2025 International Arbitration Survey - The Path Forward: Realities and Opportunities in Arbitration, tr. 5.

³ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, Báo cáo thường niên 2024, <https://www.viac.vn/images/Resources/Annual-Reports/2024/VIAC---BAO-CAO-THUONG-NIEN-2024.pdf>, truy cập ngày 24/6/2025.

⁴ Báo cáo số 187/BC-HLGVN ngày 3/6/2024 về đánh giá tác động của chính sách Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, <https://moj.gov.vn/dtvb/dtvbp/Lists/DsDuThao/Attachments/656/Bao%20cao%20danh%20gia.pdf>, trang 2 và trang 16, truy cập ngày 20/6/2025.

xét thấy phán quyết đó “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Trong khi đó, Điều 459 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 cũng sử dụng cụm từ tương tự như căn cứ để từ chối công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài. Tuy nhiên, khái niệm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” lại không được định nghĩa rõ ràng trong Luật Trọng tài thương mại 2010. Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn Luật Trọng tài thương mại năm 2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao cũng chỉ giải thích rằng phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là “*phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam*”.⁵ Hệ quả là việc áp dụng quy định này trong thực tiễn xét xử bị phân tán, thiếu nhất quán, thậm chí gây tranh cãi giữa các tòa địa phương. Điều này dễ dẫn đến tình trạng diễn giải và áp dụng không nhất quán giữa các tòa án, thậm chí có xu hướng can thiệp vào nội dung phán quyết – vốn được xem là “vùng cấm” trong trọng tài hiện đại (nguyên tắc “non-révision au fond” – tạm dịch “Nguyên tắc không xét xử lại nội dung vụ kiện”).⁶

Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên tranh chấp mà còn làm suy giảm niềm tin của giới đầu tư vào Việt Nam như một địa điểm trọng tài an toàn. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu và là thành viên của Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, việc làm rõ và chuẩn hóa cách hiểu, áp dụng khái niệm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” là điều cấp thiết để đảm bảo sự hài hòa giữa pháp luật trọng tài quốc gia và thông lệ quốc tế.

2. Quy định về “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” trong pháp luật trọng tài Việt Nam

2.1. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam

Theo Công ước New York 1958, các quốc gia thành viên sẽ phải nỗ lực công nhận phán quyết trọng tài có giá trị ràng buộc và thi hành tại lãnh thổ nơi chúng sẽ được thi hành.⁷ Tuy nhiên, Công ước New York 1958 cũng đưa ra các những lí do rất hạn chế để một phán quyết trọng tài có thể bị từ chối công nhận tại Điều V.2(b), trong đó có lý do việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài trái với trật tự công (public policy) của nước đó. Việt Nam đã là thành viên của Công ước New York từ ngày 12/9/1995, do vậy cũng như nhiều quốc gia thành viên khác, Việt Nam đã nội luật hóa quy định này.

⁵ Điều 14.2.đ của Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn Luật Trọng tài thương mại năm 2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao

⁶ Bernard Hanotiau, 'Arbitrability, Due Process, and Public Policy Under Article V of the New York Convention: Belgian and French Perspectives', (2008), 25, Journal of International Arbitration, Issue 6, pp. 721-741, <https://kluwerlawonline.com/journalarticle/Journal+of+International+Arbitration/25.6/JOIA2008058>

⁷ Điều III Công ước New York 1958.

Cụ thể, trong hệ thống pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam, một trong những căn cứ quan trọng để Tòa án có thể hủy hoặc từ chối công nhận, cho thi hành phán quyết trọng tài là khi nội dung phán quyết đó "trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam". Khái niệm này được quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại 2010. Đây là điểm giao thoa giữa pháp luật quốc gia và chuẩn mực quốc tế, tương đương với khái niệm “chính sách công” (public policy) được nêu tại Điều V.2(b) của Công ước New York 1958.

Để giải thích rõ hơn vấn đề này, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn Luật Trọng tài thương mại năm 2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao (“**Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP**”) giải thích rằng "phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam.

Hướng dẫn của Nghị quyết cũng đặt ra một tiêu chuẩn để Tòa án áp dụng căn cứ này: (i) phán quyết trọng tài phải thật sự vi phạm một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật; (ii) việc vi phạm đó phải dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, cụ thể là xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của một hoặc nhiều bên hoặc người thứ ba. Ví dụ, trong trường hợp Hội đồng Trọng tài bỏ qua sự thỏa thuận hợp pháp của các bên và ban hành một phán quyết không phản ánh đúng thỏa thuận đó, thì điều này có thể bị xem là vi phạm nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết trong giao kết hợp đồng – một nguyên tắc cơ bản được ghi nhận tại Điều 11 Luật Thương mại và Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hoặc trong trường hợp phán quyết bị nghi ngờ được tuyên trên cơ sở cưỡng ép, hối lộ, hay lừa dối, thì có thể bị xem là vi phạm nguyên tắc độc lập, khách quan, vô tư của trọng tài viên theo khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

Tuy nhiên, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND của Tòa án Nhân dân Tối cao vẫn còn chưa cụ thể hóa như thế nào gọi là “nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm”, liệu có bao gồm cả các quy định nằm trong các ngành luật khác như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Luật Xây Dựng, Luật Công chứng,⁸... Hơn nữa, hiện nay Việt Nam không có cơ chế giám sát quyết định hủy phán quyết trọng tài.⁹ Điều này khiến cho việc áp dụng trên thực tế vẫn phụ thuộc vào quan điểm chủ quan của người giải quyết vụ việc, tạo ra sự thiếu nhất quán và lạm dụng trong xét xử.

2.2. Quy định và nhận thức về “chính sách công” trong pháp luật quốc tế

⁸ Nguyễn Thị Thu Vân (2024), Hủy phán quyết trọng tài vì lý do “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”: Thực trạng, bất cập và hướng hoàn thiện, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/huy-phan-quyet-trong-tai-vi-ly-do-trai-voi-cac-nguyen-tac-co-ban-cua-phap-luat-viet-nam-thuc-trang-bat-cap-va-huong-hoan-thien-1721140607-a145444.html>, truy cập ngày 20/6/2025,

⁹ Bộ Tư Pháp, Vấn đề thực thi phán quyết trọng tài ở Việt Nam, <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1953&l=Nghiencuutraodoi>, truy cập ngày 20/6/2025.

Khái niệm “chính sách công” (public policy) trong Công ước New York 1958 vốn được hiểu theo hướng hẹp trong thực tiễn xét xử của Anh, Singapore, Hà Lan và Tây Ban Nha. Trong đó, Anh được biết đến với LCIA như một trung tâm trọng tài lớn quốc tế; Singapore là một nước khu vực Đông Nam Á – một địa điểm trọng tài uy tín thế thế (SIAC), với địa lý văn hóa có phần tương đồng với Việt Nam; còn Hà Lan và Tây Ban Nha là một nước dân luật chịu ảnh hưởng mạnh từ pháp luật dân sự La Mã – có phần tương đồng với hệ thống pháp luật với Việt Nam, trong đó, Hà Lan cũng là một quốc gia không theo Luật Mẫu UNCITRAL (UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration).

(a) Vương Quốc Anh

Tại Anh, theo Đạo Luật Trọng tài 1996, một bên có thể yêu cầu hủy phán quyết dựa trên các vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến hội đồng trọng tài, thủ tục tố tụng, hoặc bản thân phán quyết trọng tài. Theo đó, “vi phạm nghiêm trọng” (serious irregularity) có thể phát sinh trong nhiều trường hợp, bao gồm cả vi phạm “chính sách công” theo Điều 68(2)(g). Tuy nhiên, luật Anh tiếp cận khái niệm “chính sách công” theo hướng rất hạn chế, đòi hỏi bên yêu cầu phải chứng minh cả “vi phạm nghiêm trọng” và “gây bất công nghiêm trọng”.

Trong vụ *Protech Projects Construction (Pty) v. Al-Kharafi & Son*, tòa án Anh nhấn mạnh rằng chính sách công theo Điều 68(2)(g) chỉ áp dụng trong những trường hợp nghiêm trọng, nơi hành vi bị cáo buộc là “không thể chấp nhận được về mặt đạo đức hoặc đáng lên án” (“unconscionable or reprehensible”); đồng thời, bên yêu cầu cũng phải chứng minh mình đã chịu “thiệt hại nghiêm trọng” (substantial injustice).¹⁰ Tương tự, trong vụ *Deutsche Schachtbau-und Tiefbohr-Gesellschaft M.B.H. v. Shell International Petroleum Co. Ltd*, tòa án cho rằng việc thi hành phán quyết có thể trái với chính sách công nếu điều đó “rõ ràng gây tổn hại đến lợi ích công” (clearly injurious to public good) hoặc “hoàn toàn xúc phạm đến chuẩn mực đạo đức của một người dân thông thường, có hiểu biết và hợp lý” (wholly offensive to the ordinary reasonable and fully informed member of the public).¹¹

¹⁰ *Protech Projects Construction (Pty) Ltd kiện Al-Kharafi & Sons* [2005] EWHC 2165 (Comm) tại đoạn 29:

“Để được coi là trái với chính sách công, theo quan điểm của tôi, hành vi bị khiếu nại ít nhất phải vượt ra ngoài sự vô ý, và – trừ những trường hợp cực kỳ ngoại lệ – phải bao gồm điều gì đó có thể dễ dàng được mô tả là không thể chấp nhận được về mặt đạo đức hoặc đáng lên án.” Xem thêm: Nigel Blackaby và Constantine Partasides, ‘Chương 10. Thách thức phán quyết trọng tài’, Redfern and Hunter về Trọng tài Quốc tế (ấn bản lần thứ 6, Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2015), trang 598.

¹¹ *Deutsche Schachtbau-und Tiefbohr-Gesellschaft M.B.H. kiện Shell International Petroleum Co. Ltd.* [1988] 3 W.L.R. 230, [1990] 1 A.C. 295:

“Cần phải chứng minh rằng có yếu tố bất hợp pháp nào đó, hoặc rằng việc thi hành phán quyết sẽ rõ ràng gây tổn hại đến lợi ích công cộng, hoặc cũng có thể, rằng việc thi hành đó sẽ hoàn toàn xúc phạm đến cảm nhận của một công dân bình thường, hợp lý và có đầy đủ thông tin – người mà vì họ quyền lực của nhà nước được thực thi.”

Nhìn chung, luật Anh phản ánh tinh thần ủng hộ thi hành phán quyết trọng tài của Công ước New York 1958. Trong vụ kiện *Honeywell*,¹² Thẩm phán Ramsey đã khẳng định quan điểm của Thẩm phán Lord Atkin từ hơn 160 năm trước rằng học thuyết chính sách công “chỉ nên được viện dẫn trong những trường hợp rõ ràng mà thiệt hại đối với lợi ích công là nghiêm trọng và không thể tranh cãi được”, và học thuyết này không phải được sinh ra để một vài thẩm phán tùy tiện lạm dụng.

(b) Singapore

Đạo Luật Trọng tài Quốc tế Singapore 1994 quy định tại Mục 24(b) rằng Tòa án Singapore có thể hủy một phán quyết trọng tài nếu xác định rằng có hành vi vi phạm các nguyên tắc công lý tự nhiên (natural justice) liên quan đến tố tụng trọng tài hoặc việc ban hành phán quyết trọng tài, và hành vi đó gây thiệt hại cho quyền và lợi ích của một bên. Tương tự như Việt Nam, Singapore nội luật hóa quy định này từ khái niệm “chính sách công” trong Công ước New York, tuy nhiên điểm khác biệt khiến Singapore trở thành một điểm đến trọng tài tốt nhất trên thế giới có lẽ nằm ở cách giải thích rất hẹp về vi phạm “nguyên tắc công lý tự nhiên”.¹³

Trong hệ thống pháp luật Singapore, nguyên tắc công lý tự nhiên đóng vai trò nền tảng trong tố tụng trọng tài, đảm bảo rằng quá trình giải quyết tranh chấp diễn ra một cách công bằng, minh bạch và không thiên vị. Hai yếu tố cốt lõi của nguyên tắc này gồm:¹⁴

i) quyền được xét xử (*Audi Alteram Partem*): Mỗi bên trong tranh chấp phải được trao cơ hội hợp lý để trình bày quan điểm, chứng cứ và phản bác lại lập luận của bên kia.

ii) Không có sự thiên vị (*Nemo Judex in Causa Sua*): Trọng tài viên phải không có xung đột lợi ích, không thiên vị và duy trì tính khách quan trong suốt quá trình tố tụng.

Trong vụ kiện *CAJ v CAI*, Tòa án Phúc thẩm Singapore đã hủy một phần phán quyết trọng tài vì xác định rằng trọng tài đã vi phạm nguyên tắc công lý tự nhiên khi không cho một bên cơ hội thích đáng để phản hồi một lập luận pháp lý trọng yếu mà hội đồng trọng tài căn cứ vào để ra phán quyết. Hành vi đó bị xem là vượt quá thẩm quyền và gây bất công đáng kể. Tuy

¹² *Honeywell International Middle East Limited v Meydan Group LLC* [2014] EWHC 1344 (TCC), 2014 WL 1219934 đoạn 181:

“Học thuyết về chính sách công “chỉ nên được viện dẫn trong những trường hợp rõ ràng, khi mà tổn hại đối với lợi ích công là nghiêm trọng, không thể tranh cãi, và không phụ thuộc vào những suy luận chủ quan, mang tính cá nhân của một vài thẩm phán.”

¹³ Queen Mary University of London và White & Case LLP (2025), 2025 International Arbitration Survey - The Path Forward: Realities and Opportunities in Arbitration, https://www.qmul.ac.uk/arbitration/media/arbitration/docs/White-Case-QMUL-2025-International-Arbitration-Survey-report.pdf?fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTAAYnJpZBExTjd0SnhYMElk3RMT2tKbQEeKj3XPz0m0KBEqj0xYpABmMCuSBz-Tjc28Mx00TIHmdPTcpVVmWCPQV_Jrs_aem_JXepEogobS5ULSjqop1fMA, trang 5, truy cập ngày 20/6/2025.

¹⁴ *Yong Vui Kong v Attorney-General* (2011) SGCA 9, Đoạn 88. Đọc thêm, Rebecca Chew (2016), Principles of Natural Justice in disciplinary hearings, SMA News, trang 25, <https://www.sma.org.sg/UploadedImg/files/Publications%20-%20SMA%20News/4803/CMEP.pdf>.

nhiên, tòa nhấn mạnh rằng Tòa án sẽ sử dụng quyền này một cách cẩn thận và chỉ hủy phán quyết khi có lý do chính đáng, nhằm bảo đảm sự tôn trọng đối với tính tự chủ của trọng tài và nguyên tắc không can thiệp của tòa án.¹⁵ Tòa án đã phán rằng, một bên khi tìm kiếm cơ hội hủy phán quyết trọng tài vì lý do vi phạm nguyên tắc công lý tự nhiên phải chứng minh:¹⁶ i) quy tắc công lý tự nhiên nào đã bị vi phạm; ii) việc vi phạm đó diễn ra như thế nào; iii) việc vi phạm có liên quan ra sao đến việc ban hành phán quyết trọng tài; và iv) việc vi phạm đó đã gây ảnh hưởng hoặc thiệt hại đến quyền lợi của họ như thế nào.

Tóm lại, tòa án Singapore áp dụng rất nghiêm ngặt chuẩn mực khi giải thích việc vi phạm nguyên tắc công lý tự nhiên để hủy một phán quyết trọng tài; cũng như thể hiện quan điểm rằng tòa án hỗ trợ và tránh can thiệp vào quy trình tố tụng trọng tài. Do đó, góc tiếp cận như bản án phía trên nên là một thực tiễn quốc tế mà các tòa án ở Việt Nam có thể tham khảo.

(c) Hà Lan

Khái niệm “chính sách công” (openbare orde) trong Đạo Luật Trọng tài Hà Lan 2015, được nằm trong Bộ Luật Tố tụng Dân sự Hà Lan (Dutch Code of Civil Procedure – DCCP) từ Điều 1020 đến Điều 1076.¹⁷ Theo đó, một phán quyết trọng tài có thể bị hủy¹⁸ hoặc không công nhận và cho thi hành¹⁹ nếu vi phạm chính sách công.

Tòa án Hà Lan phân biệt giữa hai khía cạnh của “chính sách công” bao gồm chính sách công nội dung (substantive public policy) và chính sách công thủ tục (procedural public policy).²⁰ Cụ thể, chính sách công nội dung liên quan đến nội dung của phán quyết trọng tài hoặc việc thi hành nó. Một phán quyết được coi là vi phạm chính sách công nếu nội dung hoặc việc thi hành nó vi phạm các quy tắc pháp luật bắt buộc có “tính chất cơ bản” đến mức các hạn chế về thủ tục không thể cản trở việc tuân thủ các quy tắc này. Ví dụ như các trường hợp mà đối tượng tranh chấp không thuộc phạm vi trọng tài tính (arbitrability) chẳng hạn như một số khía cạnh của luật gia đình, luật sở hữu trí tuệ, luật phá sản và các vấn đề có hiệu lực erga omnes (tức là có hiệu lực ràng buộc đối với cả những bên không tham gia vào trọng tài),...²¹

Trong khi đó, chính sách công thủ tục liên quan đến cách thức, quá trình để phán quyết trọng tài được ban hành, bao gồm các vi phạm quyền cơ bản như quyền được xét xử (right to

¹⁵ CAJ v CAI, [2022] SGCA 41, đoạn 1.

¹⁶ CAJ v CAI, [2022] SGCA 41, đoạn 68. Nguyên văn:

“...a party seeking to set aside an arbitral award on the breach of natural justice ground must identify: (a) the relevant rule of natural justice that was breached; (b) how the rule was breached; (c) in what way the breach was connected to the making of the award; and (d) how the breach prejudiced its rights”

¹⁷ Dutch Code of Civil Procedure, <http://www.dutchcivillaw.com/civilprocedureleg.htm>.

¹⁸ Điều 1065.1.5 Đạo Luật Trọng tài Hà Lan 2014.

¹⁹ Điều 1076.1.B Đạo Luật Trọng tài Hà Lan 2014.

²⁰ Remme Verkerk, Dirk Knottenbelt and Allard Kool, Houthoff, ‘Enforcing Arbitration Awards in the Netherlands’ (Practical Law) <[https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/w-042-9660?transitionType=Default&contextData=\(sc.Default\)&firstPage=true](https://uk.practicallaw.thomsonreuters.com/w-042-9660?transitionType=Default&contextData=(sc.Default)&firstPage=true)> truy cập 23/6/2025.

²¹ IBA Arbitration Committee, Arbitration Guide – The Netherlands updated December 2024, Trang 7, <https://www.ibanet.org/document?id=The-netherlands-arbitration-guide-2024>, truy cập ngày 23/6/2025.

be heard), sự công bằng, độc lập, khách quan của trọng tài viên.²² Một phán quyết mà thiếu phần lý do lập luận hoặc lập luận dựa trên cơ sở tùy tiện cũng có thể bị cho là vi phạm chính sách công thủ tục.²³ Các tòa án Hà Lan có xu hướng ủng hộ trọng tài và áp dụng khái niệm chính sách công một cách hạn chế và rất hẹp, để tránh trở thành một cấp phúc thẩm về nội dung vụ việc.²⁴ Để hủy bỏ một phán quyết vì trọng tài viên không công bằng hoặc độc lập, cần có bằng chứng rõ ràng về sự không độc lập thực sự, hoặc mức độ nghi ngờ nghiêm trọng đến mức bên bị thiệt thòi không thể chấp nhận phán quyết.²⁵

Một trường hợp về vi phạm trật tự công cũng được ghi nhận tại Hà Lan khi phán quyết trái với quy định pháp luật bắt buộc (mandatory law).²⁶ Trong vụ kiện *Eco Swiss v Benetton International* (ECJ C-126/97), Benetton và Eco Swiss ký một hợp đồng cấp phép thương hiệu sản xuất đồng hồ. Sau khi Benetton đơn phương chấm dứt sớm hợp đồng, một hội đồng trọng tài tại Hà Lan ra phán quyết buộc Benetton bồi thường hơn 23 triệu USD cho Eco Swiss. Theo đó, Benetton yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, cho rằng hợp đồng cấp phép vi phạm Điều 85 của Hiệp ước EC (nay là Điều 81 EC) về cấm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, do đó trái với trật tự công. Tòa án Công lý Châu Âu cho rằng Điều 85 EC cấm các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và có hiệu lực bắt buộc tuyên đối lên các quốc gia thành viên, và cũng cấu thành quy định về chính sách công của EU.²⁷ Do vậy, việc vi phạm các quy định bắt buộc trong luật cạnh tranh của EU có thể là căn cứ để hủy phán quyết vì trái với chính sách công. Điều này mở rộng khái niệm chính sách công trong trọng tài, bao gồm cả quy định pháp luật bắt buộc cấp độ EU, chứ không chỉ ở cấp độ quốc gia.

Ngoài ra, Luật Trọng tài Hà Lan quy định một hệ thống kháng cáo bất đối xứng liên quan đến các quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài.²⁸ Cụ thể, chỉ các quyết định từ chối cho thi hành mới có thể bị kháng cáo. Nói cách khác, quyết định cho phép thi hành phán quyết trọng tài thì không thể bị kháng cáo. Lý do của quy định này là vì biện pháp yêu cầu hủy phán quyết được xem là một cơ chế bảo vệ đầy đủ cho bên phản đối việc công nhận và thi hành và khả năng phán quyết có thể được công nhận theo tinh thần của Công ước New York 1958. Có thể thấy, Hà Lan có phần tương đồng với Việt Nam ở bối cảnh đều là các nước dân

²² Gerard J. Meijer (Nauta Futilh) (2015), *The Netherlands – Country Report to IBA Sub-Committee on Recognition and Enforcement of Awards*, đoạn 16-17).

²³ Elodie Fortin, '2024 in Review: Key Developments in the Netherlands' (Kluwer Arbitration Blog, 10 January 2025) <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2025/01/10/2024-in-review-key-developments-in-the-netherlands/>, truy cập ngày 23/6/2025.

²⁴ Elodie Fortin, tldđ.

²⁵ Vụ kiện *Nordström v Nigoco* (NJ 1994/765), Tòa án Tối cao Hà Lan, ngày 18/2/1994.

²⁶ Vụ kiện *Eco Swiss v Benetton International* (ECJ, C-126/97), Tòa án Công lý Châu Âu, ngày 1/6/1999, <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=celex:61997CJ0126>.

²⁷ Vụ kiện *Eco Swiss v Benetton International* (ECJ, C-126/97), tldđ, đoạn 37-39.

²⁸ Bommel van der Bend and Stefan Derksen (2021), 'Netherlands', *The European Arbitration Review 2021* (Global Arbitration Review (GAR)).

luật và không công nhận là thành viên của Luật Mẫu UNCITRAL. Tuy nhiên, Hà Lan có phần ủng hộ tổ tụng trọng tài khi việc giải thích nội hàm của chính sách công rất hẹp (bao gồm chính sách công về hình thức và nội dung) nhằm hạn chế khả năng các bên lấy một lý do bất kỳ và gán với khái niệm này nhằm mục đích hủy hoặc không công nhận phán quyết trọng tài.

(d) Tây Ban Nha

Tây Ban Nha là một nước được công nhận theo Luật Mẫu UNCITRAL với Đạo Luật Trọng tài 2003. Một phán quyết trọng tài có thể bị hủy theo Điều 41 hoặc không công nhận theo Điều 46 của Đạo Luật trọng tài Tây Ban Nha 2003 nếu trái với chính sách công. Khái niệm chính sách công là một vấn đề chưa được định nghĩa rõ ràng trong pháp luật Tây Ban Nha, mặc dù các cơ quan tư pháp như Tòa án Hiến pháp, Tòa án Tối cao và Tòa án Cấp cao đã cố gắng định nghĩa nó. Nhìn chung, chính sách công bao gồm các quyền cơ bản, các quyền tự do được Hiến pháp Tây Ban Nha bảo đảm, các nguyên tắc bất khả xâm phạm của cơ quan lập pháp và các nguyên tắc được quốc tế công nhận.²⁹ Tương tự như Hà Lan, chính sách công ở Tây Ban Nha được các học giả chia thành chính sách công thủ tục và chính sách công nội dung.³⁰

Chính sách công thủ tục bao gồm quy tắc “*tổ tụng công bằng*” (due process) ví dụ như quyền tham dự, quyền được xét xử công bằng, quyền đưa ra bằng chứng, quyền bào chữa,... nằm trong khía cạnh của quyền công lý tại Điều 24 của Hiến Pháp Tây Ban Nha năm 1978.³¹ Các trường hợp Tòa án chấp nhận hủy bỏ phán quyết dựa trên chính sách công thủ tục thường liên quan đến: không tôn trọng nguyên tắc tranh tụng và quyền đưa ra bằng chứng, quyền bào chữa của bên thứ ba bị ảnh hưởng bởi phán quyết, hoặc bằng chứng được thu thập vi phạm các quyền cơ bản.³²

Trong khi đó, chính sách công nội dung bao gồm các nguyên tắc chính trị, kinh tế, xã hội tạo thành nền tảng của một nhà nước tại một thời điểm cụ thể, ví dụ như nghĩa vụ hành động thiện chí, cấm lạm dụng quyền, hoặc quyền không phân biệt đối xử.³³ Tòa án Tây Ban Nha nhấn mạnh rằng chính sách công không thể được sử dụng như một “điều khoản thoát hiểm” để kiểm soát tư pháp tính công bằng của quyết định trọng tài nếu nó không vi phạm chính sách công. Ngay cả khi một phán quyết trọng tài bị coi là sai, không đầy đủ hoặc trái với án lệ, điều

²⁹ Pedro Armisen Jiménez, Marina Sabido Coronado (2020), The annulment of an arbitral award on the grounds of public policy in light of the judgment issued by the Constitutional Court on 15 June 2020, Spain Arbitration Review, đoạn 10-11, <https://www.perezllorca.com/en/news/article/the-annulment-of-an-arbitral-award-on-the-grounds-of-public-policy-in-light-of-the-judgment-issued-by-the-constitutional-court-on-15-june-2020/>.

³⁰ Teresa Rodríguez de las Heras Ballell, ‘Judicial Control of Arbitral Awards in Spain’, The Cambridge Handbook of Judicial Control of Arbitral Awards (Cambridge University Press 2021), trang 331.

³¹ Teresa Rodríguez de las Heras Ballell, tlđđ, trang 331-332.

³² Teresa Rodríguez de las Heras Ballell, tlđđ, trang 332.

³³ Pedro Armisen Jiménez, Marina Sabido Coronado, tlđđ, đoạn 13.

đó không đủ để viện dẫn sự vi phạm chính sách công vì chỉ những quyết định phi lý, tùy tiện hoặc phi logic mới có thể cấu thành vi phạm.³⁴

Năm 2015, Tòa án Cấp cao Madrid đã đưa ra lần đầu tiên vào ngày 28/1/2015 về khái niệm “*chính sách kinh tế công*” (economic public policy) trong bối cảnh các tranh chấp liên quan đến các thảo thuận hoán đổi lãi suất (swap-agreements) của các tổ chức tài chính sau khủng hoảng kinh tế.³⁵ Theo đó, Tòa án Cấp cao Madrid đã mở rộng khái niệm chính sách công để bao gồm “chính sách kinh tế công”, bao gồm những nguyên tắc và quy tắc cơ bản như nguyên tắc thiện chí trong hợp đồng. Án lệ này đã được áp dụng trong các trường hợp mà Tòa án Cấp cao Madrid nhận thấy rằng một bên (thường là người tiêu dùng) đã không được cung cấp đầy đủ thông tin về chi phí và rủi ro liên quan đến hợp đồng hoán đổi (SWAP) theo quy định của MiFID (Markets in Financial Instruments Directive), do đó vi phạm nguyên tắc thiện chí và “chính sách kinh tế công”.³⁶ Tuy nhiên, quyết định trên đã gặp nhiều tranh cãi bởi việc lạm dụng chính sách công và diễn giải không phù hợp có thể dẫn đến việc xem xét gián tiếp lại vụ kiện và việc mở rộng này có thể dẫn đến việc coi bất kỳ vi phạm nguyên tắc nào cũng được xem là vi phạm chính sách công.³⁷ Tòa án Hiến Pháp Tây Ban Nha đã tuyên bố rằng việc mở rộng khái niệm “chính sách công” dẫn đến việc xem xét lại nội dung cốt lõi của tranh chấp bởi cơ quan tư pháp, điều này về bản chất chỉ thuộc về các trọng tài viên, do đó vượt quá phạm vi của thủ tục hủy bỏ và bỏ qua quyền tự định đoạt của các bên.³⁸ Do vậy, chỉ những trường hợp thực sự đặc biệt mới đáp ứng được ngưỡng chính sách công; điều này đã củng cố nhận thức rằng Tây Ban Nha là một quốc gia thân thiện với trọng tài.

Thông quan thực tiễn tại Tây Ban Nha, có thể thấy tòa án rất thận trọng trong việc giải thích nội hàm của chính sách công, đồng thời phân định rõ không phải nguyên tắc pháp luật nào cũng được xem là chính sách công. Điều này có thể thấy ngược lại ở bối cảnh Việt Nam khi tòa án có xu hướng phân tích các nguyên tắc cơ bản của pháp luật như dân sự, tố tụng dân sự, thương mại là nằm trong nội hàm của nguyên tắc cơ bản pháp luật Việt Nam (nội luật hóa từ “chính sách công” – public policy ở Công ước New York 1958). Phần tiếp theo của bài nghiên cứu này sẽ đề cập các thực tiễn giải thích nguyên tắc cơ bản pháp luật Việt Nam.

3. Cách giải thích của Tòa án Việt Nam liên quan đến “Nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”

³⁴ Teresa Rodríguez de las Heras Ballell, *tlđđ*, trang 331 và 333.

³⁵ Pedro Armisen Jiménez, Marina Sabido Coronado, *tlđđ*, đoạn 14-16.

³⁶ Teresa Rodríguez de las Heras Ballell, *tlđđ*, trang 333.

³⁷ Pedro Armisen Jiménez, Marina Sabido Coronado, *tlđđ*, đoạn 25-26.

³⁸ Cecilia Tilve, ‘Public Policy Under Scrutiny by Spanish Courts: Pro-Arbitration Approach Confirmed’ (Kluwer Arbitration Blog, 25 March 2024) <https://arbitrationblog.kluwerarbitration.com/2024/03/25/public-policy-under-scrutiny-by-spanish-courts-pro-arbitration-approach-confirmed/>, truy cập ngày 24/6/2025.

Trong Quyết định số 1768/2020/QĐ-PQTT ngày 6/10/2020 của Tòa án TP.HCM (“Quyết định 1768/2020”), lý do chủ yếu của quyết định hủy bỏ của Tòa án TP.HCM là vì Giấy ủy quyền do một công ty nước ngoài cấp cho các luật sư Việt Nam để đại diện cho công ty trong vụ trọng tài không được hợp pháp hóa bởi lãnh sự quán Việt Nam tại Campuchia. Theo Điều 4(2) của Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 (“Nghị định 111”), các tài liệu và giấy tờ nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ khi có các trường hợp miễn trừ cụ thể được quy định tại Điều 9 của Nghị định 111. Tuy nhiên, giấy ủy quyền không thuộc các trường hợp miễn trừ này, như được nêu rõ trong Điều 9. Do đó, trong Quyết định 1768/2020, Tòa án TP.HCM khẳng định rằng việc hội đồng trọng tài chấp nhận một Giấy ủy quyền không được hợp pháp hóa là vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.³⁹

Tương tự, Quyết định số 12/2023/QĐ-PQTT ngày 4/7/2023 của Tòa án Hà Nội (“Quyết định 12/2023”), Tòa án Hà Nội cũng hủy bỏ một phán quyết trọng tài được xét xử tại Việt Nam vì hội đồng trọng tài đã chấp nhận một Nghị quyết của Hội đồng quản trị không được hợp pháp hóa làm bằng chứng để xác định nguyên đơn và đại diện ủy quyền của họ trong một tranh chấp M&A. Tòa án Hà Nội đã giữ nguyên quan điểm của bị đơn, nhấn mạnh rằng các tài liệu nước ngoài phải được hợp pháp hóa theo cả Điều 4.2 của Nghị định 111 và Điều 478 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Trong Quyết định 12/2023, Tòa án Hà Nội khẳng định rằng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sẽ áp dụng khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và các văn bản hướng dẫn của nó không quy định về việc hợp pháp hóa các tài liệu nước ngoài.⁴⁰ Như vậy, theo quan điểm của Tòa án Hà Nội, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là các luật chung để điều chỉnh và bảo vệ các quan hệ dân sự. Theo Điều 4.2 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các luật liên quan đến quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

Qua quan điểm của tòa án trong Quyết định 1768/2020 và Quyết định 12/2023 có thể thấy, các tòa án trong những quyết định này có thể đã nhầm lẫn giữa trọng tài và thủ tục tố tụng tại tòa án Việt Nam, nơi các tài liệu nước ngoài phải được hợp pháp hóa bởi cơ quan lãnh sự theo Điều 478 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đây chính là hệ quả của sự mơ hồ phát sinh từ định nghĩa về “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” trong Điều 14.2.đ của Nghị quyết 01/2019.⁴¹

Một góc độ khác trong việc giải thích của tòa án về “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” được đề cập trong Quyết định số 97/2024/QĐ-PQTT ngày 30/5/2024 của Tòa

³⁹ Quyết định số 1768/QĐ-PQTT ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Tòa án TP.HCM, trang 4 và 5.

⁴⁰ Quyết định số 12/2023/QĐ-PQTT ngày 04 tháng 07 năm 2023 của Tòa án Hà Nội, trang 21 và 22.

⁴¹ Duy Thuyen Trinh, Kim The Nguyen Duong and Duong Hoang Phuc Pham (2025), ‘Public Policy and Judicial Inconsistency in Vietnam: Challenges in the Annulment of International Commercial Arbitral Awards’, *International Journal for the Semiotics of Law - Revue internationale de Sémiotique juridique*.

án TP. HCM về yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài liên quan đến thời hiệu (“Quyết định 97/2024”). Tòa án TP. HCM cho rằng thời hiệu khởi kiện là nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, do vậy hủy phán quyết trọng tài vì Hội đồng trọng tài tính thời hiệu khởi kiện không đúng.⁴² Trong quyết định của mình Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xác định COVID-19 và những chỉ thị giãn cách của nhà nước không được xác định là sự kiện bất khả kháng để cho bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét đơn cho rằng thực hiện giãn cách theo lệnh của nhà nước được coi là trở ngại khách quan khiến cho nguyên đơn không thể thực hiện quyền khởi kiện của mình nên thời gian đó không được tính vào thời hiệu khởi kiện. Hội đồng trọng tài không coi thời gian đó là trở ngại khách quan dẫn đến việc bác đơn khởi kiện vì cho rằng nguyên đơn khởi kiện khi thời hiệu khởi kiện đã kết thúc là không đúng và trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Vì vậy hội đồng xét đơn Tòa án TP. HCM tuyên hủy phán quyết trọng tài.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 04/2019/QĐ-PQTT ngày 21/5/2019 của Tòa án Hà Nội (“Quyết định 04”). Quan điểm của TAND Hà Nội là *“thời hiệu khởi kiện là thuộc về nội dung của vụ án, không phải là một trong các căn cứ hủy PQTT theo điều 68 Luật TTTM 2010”*. Cách hiểu của Tòa án Hà Nội trong Quyết định số 04/2019 về “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” như sau: *“Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, thì các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam được giải thích là “các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam”. Như vậy, các nguyên tắc cơ bản phải mang tính phổ quát và không phải là những quy định đơn lẻ, hướng dẫn cụ thể cách xử sự của các đương sự trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp hay hướng dẫn cơ quan tài phán khi xử lý tranh chấp giữa các bên.”*⁴³

Có thể thấy, cùng là một vấn đề thời hiệu, tuy nhiên Tòa án TP.HCM và Tòa án Hà Nội lại có cách hiểu khác nhau khi Tòa án TP. HCM cho rằng thời hiệu là vấn đề thủ tục do vậy tòa án có quyền xem xét; ngược lại, Tòa án Hà Nội cho rằng, thời hiệu khởi kiện là vấn đề thuộc về nội dung, do vậy không được xem là căn cứ hủy phán quyết theo Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010 hay gò bó nội dung này thành “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

Một trong những vụ kiện thực tiễn khác liên quan đến cách giải thích “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” cũng được đề cập trong Quyết định số 554/2020/QĐ-PQTT ngày 12/5/2020 của Tòa án TP. HCM (“Quyết định số 554/2020”) về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài liên quan đến vi phạm nguyên tắc áp dụng văn bản pháp luật.

⁴² Quyết định số 97/2024/QĐ-PQTT ngày 30/5/2024 của Tòa án TP. HCM, trang 4.

⁴³ Quyết định số 04/2019/QĐ-PQTT ngày 21/5/2019 của Tòa án Hà Nội, trang 9.

Cụ thể, mặc dù hợp đồng bảo hiểm giữa hai bên có căn cứ vào Luật Kinh doanh bảo hiểm, pháp luật cũng quy định về việc áp dụng luật chuyên ngành Luật Kinh doanh bảo hiểm. Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài trong nội dung phán quyết trọng tài đã không áp dụng quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm để giải quyết tranh chấp hợp đồng này. Theo đó, Tòa án lập luận rằng: *"việc áp dụng pháp luật những vấn đề ngoài phạm vi của hợp đồng cũng được ưu tiên áp dụng Luật kinh doanh bảo hiểm thì những vấn đề có liên quan đến nội dung hợp đồng chắc chắn sẽ được áp dụng luật kinh doanh bảo hiểm. Nên việc Hội đồng trọng tài không áp dụng Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010 là vi phạm điểm đ Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010"*.⁴⁴ Như vậy, tòa án có vẻ đã can thiệp vào thẩm quyền của hội đồng trọng tài trong việc xem xét luật áp dụng của vụ kiện. Điều này đặt ra câu hỏi về phạm vi can thiệp của tòa án đối với nội dung của một tranh chấp trọng tài.

4. Kết luận và kiến nghị

Từ các phân tích trên, có thể thấy rằng khái niệm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” hiện đang được các tòa án áp dụng một cách chưa thống nhất, thậm chí mâu thuẫn trong thực tiễn xét xử các yêu cầu hủy và không công nhận phán quyết trọng tài. Điều này không chỉ đặt ra những lo ngại nghiêm trọng về tính minh bạch và khả năng dự đoán của hệ thống trọng tài tại Việt Nam, mà còn làm giảm niềm tin của giới đầu tư trong và ngoài nước vào vai trò của Việt Nam như một điểm đến trọng tài đáng tin cậy.

Từ góc nhìn so sánh với pháp luật Anh, Singapore, Hà Lan và Tây Ban Nha những quốc gia được xem là trung tâm trọng tài hàng đầu thế giới (Anh, Singapore) hay có mối liên hệ gần gũi với hệ thống pháp luật Việt Nam (Hà Lan, Tây ban Nha), bài nghiên cứu có thể rút ra một số bài học quan trọng:

i) “Nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” nên được tiếp cận theo hướng hẹp, chỉ áp dụng trong các trường hợp thật sự nghiêm trọng, gây phương hại đến các giá trị pháp lý cốt lõi như đạo đức xã hội, công lý, quyền được xét xử công bằng, không có sự thiên vị. Tòa án Việt Nam nên tránh hiểu nhầm giữa nguyên tắc chung cơ bản của luật dân sự và luật thương mại Việt Nam với định nghĩa hẹp về “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.⁴⁵

ii) Các phán quyết trọng tài cần được hạn chế sự can thiệp nội dung từ phía tòa án trừ khi có lý do đặc biệt chính đáng xuất phát từ những vi phạm nghiêm trọng quá trình tố tụng;

iii) Việc viện dẫn nguyên tắc pháp luật phải gắn với chuẩn mực phổ quát, không nên sử dụng các quy định mang tính kỹ thuật (như thời hiệu, hợp pháp hóa lãnh sự...) như một lý do

⁴⁴ Quyết định số 554/2020/QĐ-PQTT ngày 12/5/2020 của Tòa án TP. HCM, trang 4.

⁴⁵ Tòa án Nhân dân Tối cao và World Bank Group (2018), Sổ tay Pháp luật về Trọng tài và Hòa giải, Nhà xuất bản Thanh Niên, Trang 96.

để hủy phán quyết, nếu điều đó không thực sự xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Có lẽ, theo tác giả một trong những điểm khó khi định nghĩa nằm ở quá trình nội luật hóa cụm từ “public policy” thành các “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”; bởi cách đặt tên như vậy vô tình gây ra sự nhầm lẫn trong cách diễn giải đối với nguyên tắc của những ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; dần dần trở thành một xu hướng giải thích không phù hợp với thực tiễn quốc tế ở các tòa án Việt Nam. Về lập pháp, cần xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 theo hướng: Định nghĩa rõ nội hàm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, những nguyên tắc nào được coi là “nguyên tắc cơ bản”; tiêu chí xác định “vi phạm nghiêm trọng” ảnh hưởng đến tính thi hành của phán quyết; cách xác định mối liên hệ giữa vi phạm đó và hậu quả bất lợi đối với quyền lợi của một bên. Về thực tiễn xét xử, các tòa án cần tiếp cận yêu cầu hủy hoặc từ chối công nhận phán quyết trọng tài với tinh thần tôn trọng tính tự chủ của trọng tài, giảm thiểu can thiệp nội dung và ưu tiên giải thích theo hướng bảo vệ hiệu lực của phán quyết phù hợp với thông lệ quốc tế.

HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC TỔ TỤNG TRỌNG TÀI KHÔNG PHÙ HỢP VỚI THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN HOẶC TRÁI VỚI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Nguyễn Lâm Thanh Trúc¹

Tóm tắt: Cơ chế trọng tài thương mại ngày càng được doanh nghiệp lựa chọn nhờ tính linh hoạt, bảo mật và giải quyết tranh chấp nhanh chóng. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên và bảo đảm tính thượng tôn pháp luật, pháp luật Việt Nam quy định tòa án có quyền hủy phán quyết trọng tài trong một số trường hợp nhất định. Đây là cơ chế giám sát đặc thù, cho phép tòa án kiểm tra tính hợp pháp của quá trình tổ tụng trọng tài mà không can thiệp vào nội dung tranh chấp. Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định các căn cứ hủy phán quyết trọng tài, trong đó nổi bật là trường hợp thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái pháp luật. Căn cứ này thể hiện sự cân bằng giữa quyền tự do thỏa thuận và yêu cầu tuân thủ quy định pháp luật. Nghiên cứu tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng quy định trên tại Việt Nam, từ đó đề xuất hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả thực thi phán quyết trọng tài.

Từ khóa: Hủy phán quyết trọng tài, thủ tục tổ tụng trọng tài, trọng tài thương mại

Abstract: The commercial arbitration mechanism is increasingly being chosen by parties engaged in business activities as an effective method of dispute resolution due to its flexibility, confidentiality, and expedited proceedings. However, to safeguard the lawful rights and interests of the parties and to uphold the rule of law, Vietnamese law provides that courts may set aside arbitral awards under certain specific circumstances. The setting aside of an arbitral award is a distinct legal mechanism that allows courts to exercise supervisory authority over the legality of arbitral proceedings, without intervening in the substantive resolution of the dispute by the Arbitral Tribunal. Article 68 of the Law on Commercial Arbitration 2010 sets forth the grounds upon which a court may annul an arbitral award, notably including the ground that "the arbitral procedure was not in accordance with the agreement of the parties or contravened the provisions of law." This ground reflects the fundamental principle that arbitration is based on party autonomy, while also emphasizing the legal boundaries established to ensure the legality and fairness of the dispute resolution process. This study aims to analyze both the theoretical foundation and the practical application of the aforementioned ground in Vietnam, in order to clarify the boundary between the parties' freedom of contract and the necessary intervention of the law through the court's supervisory mechanism. In doing

¹ Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Email: nltruc@ntt.edu.vn

so, the paper contributes to the development of the legal framework governing commercial arbitration and enhances the effectiveness of arbitral award enforcement in Vietnam.

Keywords: *Setting aside an arbitral award, Arbitral proceedings, Commercial Arbitration.*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường không ngừng mở rộng và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các hoạt động giao thương trở nên đa dạng, phức tạp và mang giá trị cao. Điều này kéo theo sự gia tăng các mâu thuẫn và tranh chấp phát sinh trong quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng. Do đó, nhu cầu lựa chọn một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, nhanh chóng và phù hợp với tính chất của từng giao dịch trở nên cấp thiết đối với các chủ thể kinh doanh. Trong số các phương án hiện có, trọng tài thương mại đang dần khẳng định vai trò như một giải pháp hiện đại, linh hoạt và được cộng đồng doanh nghiệp ưu tiên lựa chọn.

Khác với tố tụng tại tòa án, trọng tài thương mại là cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống tư pháp nhà nước, dựa trên nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Chính vì vậy, yếu tố “thỏa thuận trọng tài” tức sự đồng thuận rõ ràng, minh bạch của các bên trong việc lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp đóng vai trò nền tảng, quyết định tính hợp lệ và khả năng áp dụng cơ chế trọng tài. Tuy nhiên, để bảo đảm tính hiệu lực và khả thi của một thỏa thuận trọng tài, không chỉ cần sự thống nhất về mặt nội dung, mà còn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hình thức và thẩm quyền pháp lý của chủ thể tham gia ký kết.

Trên thực tế, không ít trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài do người ký kết không có thẩm quyền đại diện hợp pháp, hoặc việc ủy quyền không phù hợp với quy định của pháp luật. Điều này dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là thỏa thuận trọng tài bị tuyên vô hiệu, từ đó làm mất hiệu lực của toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Trọng tài thương mại năm 2010², thỏa thuận trọng tài sẽ bị coi là vô hiệu nếu người xác lập thỏa thuận đó không có thẩm quyền hợp pháp. Đây là một quy định có tính nguyên tắc, nhằm đảm bảo rằng ý chí sử dụng trọng tài để giải quyết tranh chấp là thực sự xuất phát từ chính chủ thể có quyền đại diện hoặc có sự ủy quyền hợp pháp.

Thực tế thương mại cho thấy, không phải lúc nào người đại diện theo pháp luật cũng trực tiếp tham gia đàm phán và ký kết hợp đồng, mà thường ủy quyền cho các cán bộ, nhân viên hoặc đại diện của công ty thực hiện. Điều này dẫn đến sự phân hóa giữa quyền đại diện ký kết hợp đồng kinh doanh thông thường và quyền ký kết điều khoản trọng tài, vốn được xem là điều khoản về phương thức giải quyết tranh chấp có ý nghĩa đặc biệt. Theo quy định tại Điều

² Quốc hội. (2010). *Luật Trọng tài thương mại năm 2010* (Luật số 54/2010/QH12, ngày 17 tháng 6 năm 2010). Văn phòng Quốc hội.

135, 137 và 138 Bộ luật Dân sự năm 2015³, việc đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền phải được xác lập đúng theo quy định pháp luật, bảo đảm phạm vi, hình thức và nội dung ủy quyền hợp lệ. Việc người được ủy quyền vượt quá phạm vi ủy quyền hoặc không được ủy quyền ký kết thỏa thuận trọng tài sẽ dẫn đến hậu quả pháp lý làm vô hiệu toàn bộ thỏa thuận này.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành cũng ghi nhận những ngoại lệ nhằm bảo vệ sự ổn định của quan hệ pháp lý và bảo đảm quyền tự định đoạt của các bên. Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong một số trường hợp, nếu người có thẩm quyền đã biết, đã chấp nhận hoặc không phản đối thỏa thuận trọng tài được xác lập bởi người không có thẩm quyền, thì thỏa thuận đó vẫn có thể được công nhận là hợp lệ. Đây là bước tiến quan trọng của pháp luật trong việc điều chỉnh linh hoạt những tình huống thực tiễn, tránh tình trạng cứng nhắc và hạn chế hiệu lực của các cơ chế giải quyết tranh chấp mà các bên đã lựa chọn. Bên cạnh yếu tố về thẩm quyền ký kết thỏa thuận trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài cũng là một khía cạnh quan trọng quyết định đến tính hợp pháp, hiệu lực và khả năng thi hành của phán quyết trọng tài. Theo Luật Trọng tài thương mại 2010, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp tại trọng tài phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hoặc thỏa thuận giữa các bên, trong đó bao gồm việc thành lập Hội đồng trọng tài, thông báo thủ tục, bảo đảm quyền được trình bày và bảo vệ quyền lợi, thời hạn giải quyết, và ban hành phán quyết. Nếu quá trình giải quyết tranh chấp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ví dụ như xác định sai thành phần Hội đồng trọng tài, không đảm bảo quyền được trình bày ý kiến của các bên – thì phán quyết trọng tài có thể bị hủy theo yêu cầu của một bên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính công bằng và khách quan của cơ chế trọng tài.

Cũng giống như tố tụng tại tòa án, thủ tục trọng tài cần được tiến hành theo đúng nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Sự vi phạm về mặt thủ tục tố tụng không chỉ làm mất đi giá trị pháp lý của phán quyết trọng tài mà còn làm giảm niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp vào cơ chế trọng tài một phương thức vốn được kỳ vọng là linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng: thủ tục tố tụng trọng tài là một cấu phần không thể tách rời trong toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Sự chặt chẽ trong việc xác lập thỏa thuận trọng tài, xác định đúng thẩm quyền của người ký kết, và tuân thủ đúng quy trình tố tụng trọng tài chính là cơ sở bảo đảm cho sự thành công và hiệu lực của phương thức này. Do đó, cả các bên tranh chấp lẫn các cơ quan, tổ chức trọng tài

³ Quốc hội. (2015). Bộ luật Dân sự năm 2015 (Luật số 91/2015/QH13, ngày 24 tháng 11 năm 2015). Văn phòng Quốc hội.

đều cần nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài liên quan đến thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định pháp luật

Thủ tục tố tụng trọng tài là một yếu tố then chốt trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Đây không chỉ là cơ sở đảm bảo cho quá trình giải quyết tranh chấp diễn ra công bằng, minh bạch mà còn là yếu tố mang tính quyết định đến hiệu lực pháp lý của phán quyết trọng tài. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 xác định rõ rằng, trong trường hợp thủ tục tố tụng trọng tài không được tiến hành đúng theo thỏa thuận của các bên hoặc trái với quy định của pháp luật, thì phán quyết trọng tài có thể bị hủy. Điều này xuất phát từ nguyên tắc rằng thủ tục tố tụng không đảm bảo đúng trình tự pháp lý sẽ bị coi là vi phạm nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến tính hợp pháp và chính danh của toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp. Hơn thế nữa, việc vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài còn có thể kéo theo hệ quả là vi phạm các quy định pháp luật khác có liên quan, làm ảnh hưởng tiêu cực đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Do đó, để phòng tránh rủi ro pháp lý, các bên khi tham gia giải quyết tranh chấp bằng TTTM cần hết sức lưu ý đảm bảo rằng các thủ tục tố tụng được thiết lập và thực hiện phù hợp với thỏa thuận đã cam kết và theo đúng quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010. Bên cạnh đó, việc thiết lập cơ chế kiểm soát, giám sát chặt chẽ quá trình thực thi các quy định về thủ tục tố tụng trọng tài là cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả và uy tín của phương thức giải quyết tranh chấp bằng TTTM. Điển hình như Quyết định Số: 578/2022/QĐ-PQTT ngày 09/05/2022 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy quyết định phán quyết của trọng tài 33/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 2238/2022/QĐ-MPH ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 2883/2022/QĐHPH-ST ngày 01/04/2022 giữa đương sự Công ty Công Nghệ và Công ty Cổ phần Cam Ranh.⁴

Nguồn gốc tranh chấp bắt nguồn từ các hợp đồng cung cấp và thi công kết cấu mà Công ty Công nghệ được Công ty Cam Ranh thuê làm nhà thầu xây dựng các tòa nhà chung cư thuộc dự án The Arena, trong đó có Hợp đồng số 250718/TTHD/TTCR-ACC ký ngày 25/7/2018 xây dựng tòa A3 cao 25 tầng và tòa A4 cao 23 tầng với tổng giá trị gần 540 tỷ đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cam Ranh đã điều chỉnh thiết kế giảm chiều cao 2 tòa nhà xuống còn 9 tầng. Sau đó, hai bên ký kết thỏa thuận chấm dứt các hợp đồng

⁴ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2022). Quyết định giải quyết việc dân sự số 33/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài (kèm theo Quyết định mở phiên họp số 2238/2022/QĐ-MPH ngày 23/3/2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 2883/2022/QĐHPH-ST ngày 01/04/2022).

thi công từ 03/6/2020. Tuy nhiên, các bên đã không thống nhất được việc thanh lý quyết toán chi phí thực hiện hợp đồng và bồi thường thiệt hại cho nhà thầu. Do đó, ngày 26/5/2021, Công ty Công nghệ nộm đơn khởi kiện tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) - Chi nhánh TP. HCM, yêu cầu Công ty Cam Ranh thanh toán tổng cộng gần 77 tỷ đồng, bao gồm giá trị hợp đồng chưa thanh toán, chi phí thiệt hại và khối lượng phát sinh.

Ngày 27/01/2022, VIAC ban hành Phán quyết trọng tài số 66/21 HCM, chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Công nghệ, buộc Công ty Cam Ranh phải thanh toán hơn 29 tỷ đồng tiền quyết toán hợp đồng. Tuy nhiên, phán quyết trọng tài không chấp nhận yêu cầu của Công ty Công nghệ về việc bồi thường khoản thiệt hại 68 tỷ đồng do chủ đầu tư thay đổi thiết kế giảm chiều cao công trình.

Không đồng ý với phán quyết trọng tài, Công ty Công nghệ đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP. HCM hủy phán quyết trọng tài với lý do:

- (1) Thủ tục trọng tài vi phạm quy định pháp luật;
- (2) Nội dung phán quyết trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam;
- (3) Hội đồng trọng tài sử dụng chứng cứ giả mạo để đưa ra phán quyết.

Như vậy, có thể thấy đây là vụ tranh chấp điển hình trong lĩnh vực xây dựng, khi chủ đầu tư thay đổi thiết kế, phạm vi công việc trong quá trình thực hiện hợp đồng, dẫn đến phát sinh chi phí thiệt hại cho nhà thầu. Khi hai bên không giải quyết được thỏa đáng, tranh chấp được đưa ra giải quyết bằng trọng tài thương mại, theo thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng. Tuy nhiên, phán quyết trọng tài cũng chưa thể giải quyết dứt điểm vụ việc, và bị nhà thầu yêu cầu tòa án hủy bỏ.

3. Lý do Tòa án chấp nhận hủy phán quyết trọng tài

Thứ nhất, phán quyết trọng tài đã không xem xét một cách thấu đáo yêu cầu khởi kiện quan trọng của Công ty Công nghệ về việc yêu cầu Công ty Cam Ranh bồi thường khoản thiệt hại hơn 68 tỷ đồng do chủ đầu tư thay đổi thiết kế, điều chỉnh chiều cao công trình. Hội đồng trọng tài đã bỏ qua và không đề cập đến yêu cầu này trong phần quyết định của phán quyết.

Trong khi đó, nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ quan trọng là Báo cáo kiểm toán độc lập số 2.0034/21/QTXD-AC do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C lập ngày 06/5/2021, xác định khoản thiệt hại do thay đổi nội dung hợp đồng mà Công ty Công nghệ phải gánh chịu là 61 tỷ đồng (chưa gồm thuế VAT). Trường hợp Hội đồng trọng tài cho rằng báo cáo kiểm toán này không đủ làm căn cứ giải quyết, thì cũng cần phải tiến hành các thủ tục xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Luật Trọng tài thương mại, thay vì bỏ ngỏ, không làm rõ yêu cầu quan trọng này của nguyên đơn.

Thứ hai, phán quyết trọng tài đã vượt quá phạm vi các yêu cầu mà nguyên đơn đề nghị Hội đồng trọng tài giải quyết. Theo đơn khởi kiện, Công ty Công nghệ hoàn toàn không có yêu

cầu Công ty Cam Ranh phải hoàn trả khoản tiền giữ lại bảo hành công trình. Tuy nhiên, tại trang 16, Phán quyết trọng tài đã tự ý xem xét và buộc Công ty Cam Ranh phải thanh toán khoản tiền bảo hành hơn 10 tỷ đồng cho Công ty Công nghệ vào ngày 18/6/2022.

Việc Hội đồng trọng tài tự đặt ra vấn đề không nằm trong yêu cầu khởi kiện và ra phán quyết giải quyết vấn đề đó là trái với nguyên tắc "Không được xét xử vượt quá phạm vi khởi kiện" được ghi nhận tại Điều 5 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự 2015. Theo nguyên tắc này, Hội đồng trọng tài chỉ được quyền xem xét, giải quyết trong phạm vi các yêu cầu, đề nghị cụ thể mà nguyên đơn nêu trong đơn khởi kiện.

Thứ ba, nội dung phán quyết trọng tài đã vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về tự do thỏa thuận, bình đẳng giữa các bên trong quan hệ dân sự được quy định trong Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể, Khoản 2 Điều 3 của Bộ luật quy định các bên hoàn toàn tự nguyện cam kết, thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của mình trong hợp đồng, và tự nguyện thực hiện các thỏa thuận đó. Đồng thời, Điều 4 cũng khẳng định các bên trong quan hệ dân sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; không bên nào được tự ý đặt ra, áp đặt quyền, nghĩa vụ với bên nào.

Phán quyết trọng tài đã xâm phạm quyền tự định đoạt của Công ty Công nghệ, khi không xem xét, giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, vốn là một trong những quyền cơ bản của nhà thầu khi bị chủ đầu tư vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời, phán quyết cũng đã phá vỡ sự bình đẳng về nghĩa vụ giữa các bên, khi Hội đồng trọng tài tự ý buộc Công ty Cam Ranh phải thanh toán số tiền bảo hành mặc dù không có bên nào thỏa thuận hay yêu cầu.

Với 03 căn cứ nêu trên, Tòa án nhân dân TP. HCM đã xem xét tại phiên họp và quyết định chấp nhận yêu cầu của Công ty Công nghệ, hủy phán quyết trọng tài số 66/21 HCM do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trọng tài theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010. Quyết định hủy phán quyết trọng tài của tòa án có cơ sở pháp lý và thực tiễn vững chắc, phù hợp với thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Bình luận vụ việc và căn cứ bị hủy của phán quyết trọng tài

Về mặt pháp lý, theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại 2010, một trong những căn cứ để Tòa án có thẩm quyền xem xét và quyết định việc hủy phán quyết trọng tài là trường hợp nội dung của phán quyết đó trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Khái niệm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giải thích một cách chi tiết hơn tại Điều 4 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, ban hành ngày 20/3/2014, với nội dung hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại. Theo đó, phán quyết trọng tài bị coi là trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các nguyên tắc, các quy định mang tính bắt buộc, mang tính chất định hướng, nền tảng và xuyên suốt, liên quan trực tiếp đến việc xác lập, thực

hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của cá nhân, tổ chức trong quan hệ dân sự nói chung và trong các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể như kinh doanh thương mại, lao động, hôn nhân gia đình... (Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 2014).

Trong vụ tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa Công ty Cổ phần ACC Phát triển Công nghệ (Công ty Công nghệ) và Công ty Cổ phần Trần Thái Cam Ranh (Công ty Cam Ranh), để chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài số 66/21 HCM, Tòa án nhân dân TP. HCM đã viện dẫn đến những quy định mang tính nguyên tắc và bắt buộc về quyền tự do thỏa thuận, cam kết và sự bình đẳng của các bên trong quan hệ dân sự, được quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trên cơ sở đối chiếu nội dung và cách thức giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài với các nguyên tắc nêu trên, Tòa án đã rút ra kết luận rằng: Một mặt, Phán quyết trọng tài đã không xem xét đầy đủ và giải quyết triệt để yêu cầu của Công ty Công nghệ về việc buộc Công ty Cam Ranh phải bồi thường khoản thiệt hại hơn 61 tỷ đồng do hành vi đơn phương thay đổi phạm vi, nội dung công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng thi công. Mặt khác, Phán quyết trọng tài cũng đã vượt rất xa ngoài phạm vi các yêu cầu mà Công ty Công nghệ nêu ra trong đơn khởi kiện, khi không chỉ xem xét, giải quyết các nội dung tranh chấp mà hai bên đưa ra, mà còn tự ý đặt thêm ra vấn đề buộc Công ty Cam Ranh phải thanh toán khoản tiền bảo hành công trình, mặc dù hoàn toàn không có bất cứ đề nghị, yêu cầu nào từ phía các bên đương sự. Những sai phạm nghiêm trọng này trong việc giải quyết nội dung vụ tranh chấp đã dẫn đến hệ quả là xâm phạm một cách trái pháp luật đến quyền tự quyết định và sự bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận với nhau trong quan hệ hợp đồng, vi phạm trực tiếp các nguyên tắc mang tính xuyên suốt và bắt buộc của pháp luật.

Xét riêng về tình tiết phán quyết trọng tài không xem xét đến yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty Công nghệ dựa trên Báo cáo kiểm toán chi phí dự án do Công ty kiểm toán A&C thực hiện. Khách quan mà nói, báo cáo kiểm toán không phải là một chứng cứ có giá trị pháp lý chắc chắn và mang tính quyết định như các tài liệu, chứng cứ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu thập trong quá trình tố tụng (Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, 2015). Tuy nhiên, trong hoàn cảnh cụ thể này, báo cáo kiểm toán độc lập do Công ty Công nghệ cung cấp có thể được xem là một tài liệu rất quan trọng, bởi nó phản ánh một cách khách quan, minh bạch và có sự kiểm chứng của bên thứ ba về các khoản chi phí, tổn thất thực tế mà Công ty Công nghệ phải gánh chịu trong thời gian hợp đồng bị đình trệ và phải dừng thi công do lỗi vi phạm từ phía Công ty Cam Ranh.

Với tư cách là cơ quan tài phán chuyên nghiệp, có thẩm quyền và kinh nghiệm trong việc giải quyết tranh chấp, Hội đồng trọng tài có trách nhiệm phải xem xét kỹ lưỡng, thẩm định, lượng giá một cách cẩn trọng, khách quan về mức độ tin cậy, tính thuyết phục của tài liệu, báo cáo quan trọng này, từ đó quyết định có chấp nhận hay không chấp nhận sử dụng nó làm căn

cứ để giải quyết vụ tranh chấp. Trong trường hợp kết luận báo cáo kiểm toán chưa đủ độ tin cậy làm chứng cứ có giá trị pháp lý tuyệt đối, thì Hội đồng trọng tài hoàn toàn có thể viện dẫn các quy định về quyền yêu cầu cung cấp chứng cứ, thu thập chứng cứ của trọng tài viên (Điều 46 Luật Trọng tài thương mại 2010), về việc triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định từ các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan (Điều 48 Luật Trọng tài thương mại 2010) để tiến hành các hoạt động xác minh, làm rõ vấn đề một cách khách quan và toàn diện nhất. Thông qua các hoạt động tố tụng tích cực, chủ động này, Hội đồng trọng tài có thể tự tạo lập hoặc củng cố các căn cứ pháp lý và sự thật để chứng minh cho sự đúng đắn trong quyết định chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Thế nhưng trên thực tế, Phán quyết trọng tài số 66/21 HCM đã hoàn toàn bỏ ngỏ, không đưa ra bất cứ phân tích, đánh giá cụ thể nào về yêu cầu quan trọng bậc nhất của nguyên đơn về khoản bồi thường thiệt hại do chủ đầu tư vi phạm hợp đồng cũng như tài liệu, báo cáo mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho thiệt hại đó. Việc Hội đồng trọng tài chỉ đơn thuần bác bỏ hoặc phớt lờ yêu cầu chính đáng của một bên mà không nỗ lực nghiên cứu, không sử dụng các quyền hạn mà pháp luật dành cho mình để thu thập chứng cứ khách quan, đầy đủ, từ đó đưa ra phân tích, lập luận thuyết phục về việc có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu đó, là một thiếu sót rất lớn, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc công bằng và bình đẳng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng, đồng thời vi phạm nghĩa vụ giải quyết tranh chấp một cách khách quan, toàn diện và triệt để của trọng tài viên.

Bên cạnh đó, việc Hội đồng trọng tài vượt khỏi phạm vi thẩm quyền của mình, tùy tiện đưa vào Phán quyết trọng tài những nội dung, vấn đề ngoài phạm vi mà các bên đương sự đã thỏa thuận và đề nghị trọng tài giải quyết, cụ thể là việc buộc Công ty Cam Ranh phải trả một khoản tiền bảo hành mà Công ty Công nghệ không hề có yêu cầu nào về vấn đề này, là một hành vi can thiệp thái quá, trái pháp luật vào ý chí tự do thỏa thuận, tự định đoạt của các bên trong quan hệ hợp đồng, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tự do ý chí cam kết và nguyên tắc "pacta sunt servanda", tức các bên chỉ bị ràng buộc bởi những gì đã cam kết với nhau, được thừa nhận rộng rãi trong pháp luật dân sự và pháp luật thương mại.⁵ Nguyên tắc này cũng phù hợp với bản chất của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, vốn luôn đề cao tính chủ động, tự nguyện của các bên trong việc thỏa thuận lựa chọn trọng tài, xác định nội dung và phạm vi của thỏa thuận trọng tài. Vì vậy, Hội đồng trọng tài chỉ được phép giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi mà các bên đã ủy quyền, thỏa thuận, và phải tuyệt đối tôn trọng

⁵ Nguyễn Thị Mơ. (2019). *Nguyên tắc tự định đoạt và giới hạn thẩm quyền trong trọng tài thương mại*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

những cam kết này, tránh việc tự ý mở rộng phạm vi hoặc đưa thêm những nội dung, câu hỏi pháp lý mới ngoài sự chấp thuận của các bên.⁶

Như vậy, qua phân tích có thể thấy những vi phạm về nội dung giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài được nêu trong Phán quyết trọng tài số 66/21 HCM là hết sức nghiêm trọng, tác động tiêu cực và trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, làm méo mó những cam kết mà họ đã thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện. Đây được xem là những vi phạm có tính rất cơ bản, nền tảng đối với các nguyên tắc tự do thỏa thuận, bình đẳng trong quan hệ hợp đồng nói riêng và trong các quan hệ dân sự nói chung. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoàn toàn có đủ cơ sở pháp lý để kết luận phán quyết trọng tài nêu trên đã vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Đây là một trong những căn cứ bắt buộc để Tòa án có thẩm quyền phải thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động trọng tài, bằng hình thức hủy phán quyết không đúng đắn, bảo vệ hiệu lực pháp luật và duy trì các giá trị công lý, văn minh của pháp luật trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Thông qua đó, Tòa án sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp và sự tín nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với thiết chế tài phán đặc biệt và đang ngày càng phát triển mạnh mẽ này ở Việt Nam.

Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần ACC Phát triển Công nghệ về việc hủy Phán quyết trọng tài số 66/21 HCM ngày 27/01/2022 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam trong vụ tranh chấp hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Trần Thái Cam Ranh là một quyết định hoàn toàn đúng đắn, thể hiện tính thượng tôn pháp luật và sự tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng nói chung và tố tụng trọng tài nói riêng.

Thứ nhất, quyết định hủy phán quyết trọng tài của Tòa án đã tuân thủ và áp dụng chính xác các quy định của pháp luật hiện hành về những căn cứ mà tòa án có thể dựa vào để hủy phán quyết trọng tài. Cụ thể, khoản 2 Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại 2010 đã liệt kê các trường hợp mà phán quyết trọng tài có thể bị hủy bỏ, trong đó có quy định "Nội dung của phán quyết trọng tài vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam". Trong vụ việc này, việc Hội đồng trọng tài ban hành Phán quyết số 66/21 HCM với những sai phạm nghiêm trọng như không xem xét, giải quyết đầy đủ yêu cầu chính đáng của nguyên đơn, tự ý vượt quá phạm vi thỏa thuận trọng tài và yêu cầu của các bên để đưa ra phán quyết về những vấn đề ngoài thẩm quyền,... đã trực tiếp vi phạm các nguyên tắc bình đẳng, tự do cam kết, thỏa thuận trong quan hệ dân sự của Bộ luật Dân sự 2015. Đây là những nguyên tắc pháp lý mang tính nền tảng, định hướng và xuyên suốt, có ý nghĩa quyết định đến việc xác lập và thực hiện các quyền

⁶Trần Hoàng Hải. (2018). *Giới hạn thẩm quyền của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể trong quan hệ dân sự, vì vậy, việc vi phạm các nguyên tắc này đồng nghĩa với việc vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, cần phải được xử lý triệt để.⁷ Tòa án đã vận dụng linh hoạt và đúng đắn quy định này của Luật Trọng tài thương mại để quyết định hủy bỏ Phán quyết trọng tài trái pháp luật nói trên, đảm bảo tính nghiêm minh và chính xác trong áp dụng pháp luật.

Thứ hai, sự tồn tại của những sai phạm nghiêm trọng trong Phán quyết trọng tài số 66/21 HCM như: Không xem xét, làm rõ yêu cầu bồi thường thiệt hại hơn 61 tỷ đồng mà nguyên đơn đã nêu trong đơn khởi kiện; Tự ý vượt khỏi phạm vi thỏa thuận và yêu cầu của các bên để ra phán quyết buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền bảo hành công trình,... đã vi phạm trực tiếp và xâm phạm nghiêm trọng đến các nguyên tắc cơ bản và bắt buộc trong tố tụng, cụ thể là nguyên tắc “Tôn trọng sự thật khách quan” được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và nguyên tắc “Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự” được ghi nhận tại khoản 4 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan đòi hỏi tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác tiến hành tố tụng dân sự phải “Bảo đảm xác định đúng đắn và khách quan những tình tiết của vụ án” (Bộ luật Tố tụng dân sự 2015). Trên cơ sở đó, họ phải thu thập đầy đủ chứng cứ, xem xét toàn diện, khách quan để làm rõ các tình tiết có thật của vụ án; tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện quyền chứng minh, tranh tụng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ⁸. Còn nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nhấn mạnh việc tòa án phải “Tôn trọng sự thỏa thuận của đương sự trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và không được quyết định vượt quá yêu cầu của đương sự” (Khoản 4 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, 2015). Như vậy, việc Hội đồng trọng tài ban hành Phán quyết số 66/21 HCM với những thiếu sót và sai phạm đã nêu trên chính là vi phạm một cách trực tiếp và đặc biệt nghiêm trọng hai nguyên tắc nền tảng này của pháp luật tố tụng. Cụ thể, việc bỏ qua yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn mà không đưa ra lời giải thích hay chỉ dẫn cụ thể là trái với nghĩa vụ xác định đầy đủ, làm sáng tỏ sự thật khách quan của Hội đồng trọng tài. Đồng thời, việc tự ý quyết định những vấn đề ngoài ý chí thỏa thuận của các đương sự đã tước bỏ quyền tự định đoạt của họ trong quá trình giải quyết tranh chấp. Những vi phạm có tính chất quyết định này đã làm biến dạng bản chất của vụ tranh chấp, gây thiệt hại nghiêm trọng về quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đi ngược lại nhận thức chung và trật tự công trong hoạt động tài phán.⁹

Thứ ba, từ vụ việc nêu trên có thể rút ra bài học kinh nghiệm quan trọng về việc tuân thủ nghiêm ngặt các thủ tục tố tụng và giới hạn giải quyết tranh chấp trong hoạt động trọng tài.

⁷ Bùi Nguyên Khánh. (2018). *Nguyên tắc cơ bản trong pháp luật dân sự Việt Nam*. NXB Tư pháp.

⁸ Trần Anh Tuấn. (2019). *Pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn áp dụng*. NXB Lao động.

⁹ Nguyễn Hồng Hải. (2021). *Tòa án và cơ chế hủy phán quyết trọng tài ở Việt Nam*. NXB Tư pháp.

Hội đồng trọng tài và trọng tài viên phải luôn đảm bảo việc giải quyết vụ tranh chấp của mình không được vượt quá những nội dung mà các bên đương sự đã nêu trong yêu cầu khởi kiện hoặc phạm vi mà các bên đã thỏa thuận đưa ra trọng tài giải quyết. Mọi hành vi can thiệp thái quá, tự tiện mở rộng phạm vi hoặc tự ý đưa thêm những câu hỏi, vấn đề pháp lý mới ngoài những gì các bên đã thống nhất và ủy quyền cho trọng tài giải quyết đều có thể bị coi là trái thẩm quyền, vi phạm nguyên tắc tự định đoạt của đương sự¹⁰. Hơn nữa, Hội đồng trọng tài cũng phải tuân thủ nghiêm ngặt nghĩa vụ thu thập và xem xét một cách đầy đủ, toàn diện tất cả các chứng cứ, tài liệu do các bên cung cấp để chứng minh, củng cố cho yêu cầu của họ. Trọng tài viên phải chủ động, tích cực sử dụng các quyền năng như yêu cầu cung cấp, thu thập chứng cứ, trưng cầu giám định hay triệu tập người làm chứng để làm rõ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các bên.¹¹ Chỉ có như vậy mới có thể bảo đảm phán quyết trọng tài được đưa ra một cách khách quan, có căn cứ và đảm bảo sự công bằng, bình đẳng cho các bên tham gia tố tụng.

5. Kết luận về quyết định của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Vụ tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa Công ty Cổ phần ACC Phát triển Công nghệ và Công ty Cổ phần Trần Thái Cam Ranh tại dự án The Arena đã trở thành một vụ việc điển hình cho việc Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ giám sát tối cao đối với các hoạt động tố tụng, nhằm đảm bảo việc giải quyết tranh chấp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc cơ bản của pháp luật.

Trong vụ việc này, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định chấp nhận yêu cầu của Công ty Công nghệ về việc hủy Phán quyết trọng tài số 66/21 HCM với lý do: Hội đồng trọng tài đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tự do cam kết, thỏa thuận và nguyên tắc bình đẳng giữa các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp. Cụ thể, Phán quyết trọng tài đã không xem xét, đánh giá đầy đủ yêu cầu bồi thường thiệt hại quan trọng của nguyên đơn, đồng thời tự ý vượt quá phạm vi thỏa thuận của các bên để đưa ra phán quyết về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình. Những sai phạm nghiêm trọng này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tự định đoạt và làm mất cân bằng nghĩa vụ giữa các bên đương sự, trái với các nguyên tắc bắt buộc được ghi nhận tại Điều 3 và Điều 4 của Bộ luật Dân sự 2015.

Quyết định đúng đắn của Tòa án trong vụ việc này đã thể hiện sâu sắc nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động trọng tài thương mại nói riêng. Các nguyên tắc pháp lý như bình đẳng, tự do cam kết, tự định đoạt,... là những nguyên tắc nền tảng và xuyên suốt, có ý nghĩa quyết định đến việc xác lập và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể

¹⁰ Lê Hồng Hạnh. (2016). Trọng tài thương mại và nguyên tắc tự định đoạt trong tố tụng. NXB Chính trị Quốc gia.

¹¹ Vũ Hồng Quang. (2016). Luật trọng tài thương mại và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam. NXB Tư pháp.

tham gia vào quan hệ pháp luật. Do đó, việc tôn trọng triệt để và áp dụng thống nhất các nguyên tắc này chính là điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho hoạt động xét xử được tiến hành khách quan, công bằng, tránh mọi sự tùy tiện và lạm quyền từ phía cơ quan tiến hành tố tụng. Các quyết định và hành vi tố tụng vi phạm nghiêm trọng đến các nguyên tắc pháp lý cơ bản sẽ dẫn đến những hậu quả pháp lý tiêu cực, làm biến dạng bản chất của vụ việc và gây thiệt hại không thể khắc phục đối với quyền và lợi ích của đương sự. Vì vậy, mọi thiết chế tài phán, kể cả các phương thức tài phán chuyên biệt như trọng tài thương mại, đều phải đặt việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nghiêm minh trong áp dụng các nguyên tắc này lên hàng đầu.

Từ vụ án nêu trên, có thể đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động của hệ thống trọng tài thương mại ở nước ta. Trong mỗi vụ việc cụ thể, Hội đồng trọng tài cần nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, làm rõ các yêu cầu mà nguyên đơn nêu trong đơn khởi kiện, xác định đúng đắn phạm vi thẩm quyền mà các bên thỏa thuận trong điều khoản trọng tài, và phân tích sâu sắc căn cứ pháp lý để giải quyết vụ việc. Đồng thời, trọng tài viên cũng phải chủ động, tích cực sử dụng các quyền hạn mà pháp luật trao cho để yêu cầu, thu thập đầy đủ các chứng cứ, tài liệu có liên quan, bảo đảm xem xét vụ việc một cách toàn diện, khách quan. Chỉ khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ này, quyết định hay phán quyết của trọng tài mới có thể đạt được sự thuyết phục cao và đảm bảo tính công bằng, hợp lý cho các bên tranh chấp.

Hy vọng rằng, thông qua những bài học được rút ra từ vụ tranh chấp trên, hoạt động trọng tài thương mại ở nước ta sẽ tiếp tục được củng cố và hoàn thiện hơn nữa. Các trọng tài viên và tổ chức trọng tài cần không ngừng nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, để mỗi phán quyết của trọng tài đều là một minh chứng sinh động cho sự kết hợp hài hòa giữa tinh thần thượng tôn pháp luật và sự tự do sáng tạo trong tư duy pháp lý. Điều này sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng lòng tin và sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp đối với trọng tài thương mại một thiết chế pháp lý đặc biệt và ngày càng đóng vai trò nổi bật trong hệ thống tài phán ở Việt Nam.

Chúng tôi xin cảm ơn Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật Trọng tài thương mại năm 2010* (Luật số 54/2010/QH12, ngày 17/6/2010). Văn phòng Quốc hội.
2. Bộ luật Dân sự năm 2015 (Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015). Văn phòng Quốc hội.
3. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2022). Quyết định giải quyết việc dân sự số 33/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài (kèm theo Quyết định mở phiên họp số 2238/2022/QĐ-MPH ngày 23/3/2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 2883/2022/QĐHPH-ST ngày 01/04/2022).
4. Nguyễn Thị Mơ. (2019). Nguyên tắc tự định đoạt và giới hạn thẩm quyền trong trọng tài thương mại. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
5. Trần Hoàng Hải. (2018). Giới hạn thẩm quyền của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
6. Bùi Nguyên Khánh. (2018). *Nguyên tắc cơ bản trong pháp luật dân sự Việt Nam*. NXB Tư pháp.
7. Trần Anh Tuấn. (2019). Pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn áp dụng. NXB Lao động.
8. Nguyễn Hồng Hải. (2021). Tòa án và cơ chế hủy phán quyết trọng tài ở Việt Nam. NXB Tư pháp.
9. Lê Hồng Hạnh. (2016). Trọng tài thương mại và nguyên tắc tự định đoạt trong tố tụng. NXB Chính trị Quốc gia.
10. Vũ Hồng Quang. (2016). Luật trọng tài thương mại và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam. NXB Tư pháp.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Thế Hoài¹

Tóm tắt: Trọng tài thương mại (TTTM) là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án được sử dụng rộng rãi trên thế giới. Ở Việt Nam, cùng với thương lượng, hòa giải và Tòa án, TTTM ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết những tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh - thương mại. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành Luật TTTM năm 2010 đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tính hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp bằng TTTM nói chung và việc thi hành phán quyết TTTM nói riêng. Xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện pháp luật về TTTM nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh doanh - thương mại bằng TTTM, bài viết này bàn luận về một số bất cập, hạn chế trong thực tiễn thi hành phán quyết của TTTM và gợi mở một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành phán quyết của TTTM trong thời gian tới.

Từ khóa: Hiệu quả, thi hành phán quyết, trọng tài thương mại.

Abstract: Commercial arbitration has become a popular method of resolving disputes outside the court system in many parts of the world. In Vietnam, alongside negotiation, mediation, and litigation, arbitration is increasingly recognized as an important mechanism for settling business and commercial disputes. However, more than a decade since the adoption of the Law on Commercial Arbitration in 2010, various practical and legal obstacles have emerged during the enforcement stage, which in turn affect the overall credibility and effectiveness of arbitration as a dispute resolution method. In light of these challenges, this paper examines some of the key difficulties faced in the enforcement of arbitral awards in Ho Chi Minh City, including procedural barriers, inconsistent court practices, and limited awareness among relevant stakeholders. It also puts forward several legal and institutional solutions aimed at enhancing enforcement mechanisms, improving coordination between arbitral tribunals and the judiciary, and strengthening trust in arbitration as a reliable means of resolving commercial disputes in Vietnam.

Keywords: arbitral award enforcement, commercial arbitration, dispute resolution, legal reform, institutional effectiveness.

1. Khái quát về thực trạng thi hành phán quyết Trọng tài thương mại tại Thành phố Hồ Chí Minh

¹ TS, GVC, Khoa Luật, Trường Đại học Sài Gòn. Email: hoaivt@sgu.edu.vn

Sự ra đời của Luật TTTM năm 2010, thay thế Pháp lệnh TTTM năm 2003, đã tạo ra khuôn khổ pháp lý đồng bộ để giải quyết các tranh chấp thương mại cũng như một số vấn đề liên quan khác. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đang có nhiều chính sách ưu tiên thúc đẩy hoạt động TTTM phát triển. Các trung tâm trọng tài đang ngày càng phát triển và lan rộng tầm ảnh hưởng. Vì vậy, việc đảm bảo hiệu lực thi hành các phán quyết của TTTM không những có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tranh chấp mà còn góp phần tạo nên môi trường kinh doanh bình đẳng cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh, nhằm cải thiện môi trường đầu tư và góp phần phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Theo quy định pháp luật, phán quyết của TTTM được tổ chức thi hành theo trình tự, thủ tục thi hành án dân sự (THADS), kể cả thủ tục cưỡng chế thi hành án. Thực tiễn, hoạt động THADS thời gian qua không có sự phân biệt giữa việc thi hành phán quyết, quyết định của TTTM với thi hành bản án, quyết định của Tòa án; hoàn toàn không có sự phân biệt cả trong các hoạt động tác nghiệp và tâm lý của Chấp hành viên. Quá trình thi hành án, bên được thi hành phán quyết trọng tài hợp tác giải quyết, cung cấp thông tin về người phải thi hành án cũng như tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành để Chấp hành viên có cơ sở xác minh xử lý thi hành theo quy định pháp luật. Việc thi hành phán quyết trọng tài có được sự thống nhất, tương đồng như việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án là tín hiệu đáng mừng, thể hiện hiệu quả của giải quyết tranh chấp kinh doanh - thương mại bằng phương thức TTTM.

* Thống kê kết quả thi hành phán quyết Trọng tài tại Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2020 đến hết năm 2024²:

- Năm 2020: Số vụ việc phải thi hành 209 việc, tương ứng với số tiền 486.128.093.000 đồng; đã thi hành xong 24 việc (đạt tỷ lệ 11,48%), với số tiền là 45.844.415.000 đồng (đạt tỷ lệ 9,43%).

- Năm 2021: Số vụ việc phải thi hành 324 việc, tương ứng với số tiền 598.174.100.000 đồng; đã thi hành xong 10 việc (đạt tỷ lệ 3,09%), với số tiền là 67.821.508.000 đồng (đạt tỷ lệ 11,34%).

- Năm 2022: Số vụ việc phải thi hành 334 việc, tương ứng với số tiền 813.139.377.000 đồng; đã thi hành xong 16 việc (đạt tỷ lệ 4,79%), với số tiền là 58.286.658.000 đồng (đạt tỷ lệ 7,17%).

- Năm 2023: Số vụ việc phải thi hành 603 việc, tương ứng với số tiền 1.664.636.679.000 đồng; đã thi hành xong 68 việc (đạt tỷ lệ 11,28%), với số tiền là 285.950.129.000 đồng (đạt tỷ lệ 17,18%).

² Báo cáo kết quả thi hành phán quyết Trọng tài tại Cục Thi hành án dân sự (THADS) Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2020 đến ngày 31/12/2024.

- Năm 2024: Số vụ việc phải thi hành 653 việc, tương ứng với số tiền 2.471.304.515.000 đồng; đã thi hành xong 66 việc (đạt tỷ lệ 10,11%), với số tiền là 610.013.740.000 đồng (đạt tỷ lệ 24,68%).

Dựa vào kết quả thống kê trên cho thấy, mặc dù số vụ việc phải thi hành liên quan đến phán quyết TTTM không nhiều so với số lượng bản án, quyết định của Tòa án, giá trị số tiền phải thi hành không lớn; kết quả thi hành án không cao so với Tòa án. Phán quyết trọng tài được thi hành theo Điều 67 Luật TTTM năm 2010 và quy định pháp luật về THADS. Tuy nhiên, tỷ lệ thi hành số vụ việc đạt thành công có chiều hướng tăng.

Theo quy định tại Điều 65 Luật TTTM năm 2010: "Nhà nước khuyến khích các bên tự nguyện thi hành phán quyết trọng tài". Một phán quyết của Hội đồng trọng tài trong nước sẽ được thi hành phù hợp với Luật THADS, các cơ quan THADS của Việt Nam mà không cần thông qua các thủ tục chấp thuận hay cho phép của Tòa án. Khi hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không có yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định thì bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật TTTM năm 2010. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là ngày phán quyết của Hội đồng Trọng tài có hiệu lực không phải là ngày phán quyết của Hội đồng trọng tài được đưa ra thi hành tại cơ quan THADS có thẩm quyền. Hiệu lực thi hành của phán quyết trọng tài được xác định căn cứ theo Điều 61 và Điều 66 Luật TTTM năm 2010. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 61 Luật TTTM năm 2010 thì trong phán quyết trọng tài có nội dung "Thời hạn thi hành phán quyết". Vì vậy, để xác định điều kiện tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS phải căn cứ vào nội dung này để xác định hai vấn đề: *một là*, thời hạn thi hành phán quyết TTTM đã hết hay chưa; *hai là*, bên phải thi hành phán quyết không có yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài, từ đó cơ quan THADS mới có căn cứ để tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án và thụ lý giải quyết vụ việc.

Trong thực tiễn tổ chức thi hành phán quyết của TTTM cũng phát sinh vấn đề vướng mắc từ sự thận trọng và lo ngại cần thiết của Cơ quan THADS nhằm phòng tránh rủi ro thông qua thủ tục đề nghị với Tòa án cấp tỉnh cung cấp thông tin về việc một trong các bên có đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài đó hay không.

2. Đánh giá về một số vướng mắc, bất cập trong công tác thi hành các phán quyết của Trọng tài thương mại

Qua thời gian thi hành từ năm 2011 đến nay, Luật TTTM năm 2010 đã bộc lộ không ít những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn, nhất là việc Luật THADS năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 (Luật THADS) dẫn đến một số quy định tại Luật TTTM không còn phù hợp, tương thích, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả thi hành các phán quyết TTTM. Đây cũng

là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến các doanh nghiệp còn chưa "mặn mà" trong việc lựa chọn TTTM là phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh - thương mại như hiện nay.

Số vụ việc phán quyết trọng tài được thi hành chưa cao do còn những khó khăn trong việc xác minh tài sản của người phải thi hành tại nhiều địa phương đặc biệt khi các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài; một số phán quyết trọng tài tuyên có nội dung không cụ thể, rõ ràng cũng gây vướng mắc trong quá trình thi hành án; hiện tượng bên phải thi hành lợi dụng yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại Tòa án để có thời gian tẩu tán tài sản vẫn khá phổ biến khiến cho số vụ việc thi hành phán quyết TTTM còn khá khiêm tốn.

Một số vướng mắc, bất cập trong việc thi hành các phán quyết trọng tài theo quy định của Luật TTTM và Luật THADS có thể nói đến như sau:

- *Thứ nhất, Áp dụng căn cứ hủy phán quyết trọng tài chưa thực sự rõ ràng.*

Một trong những căn cứ hủy phán quyết trọng tài mà một số Tòa án thường viện dẫn để áp dụng đó là căn cứ “Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 68 Luật TTTM năm 2010. Mặc dù điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTM năm 2010 đã có giải thích phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam “là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam”. Lĩnh vực kinh doanh - thương mại có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều văn bản khác nhau, như: Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán... nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam trong trường hợp này có thể được hiểu là những nguyên tắc được ghi nhận trong từng văn bản cho nên việc quy định và giải thích thế nào là nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam còn khó khăn. Hiện nay, việc xác định khi nào trái hay không trái pháp luật Việt Nam không thực sự rõ ràng, còn mang tính chung chung và phụ thuộc hoàn toàn vào Tòa án sẽ tác động dẫn đến việc tùy tiện trong việc hủy phán quyết trọng tài.

Về chủ thể có quyền yêu cầu nộp đơn hủy phán quyết TTTM là một trong các bên tranh chấp. Theo khoản 3 Điều 3 Luật TTTM năm 2010 quy định: “Các bên tranh chấp là cá nhân, cơ quan, tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài tham gia tố tụng trọng tài với tư cách nguyên đơn, bị đơn”³ 4. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì chỉ có các bên tranh chấp mới được quyền

³ Khoản 1 Điều 68 Luật TTTM năm 2010 quy định về căn cứ hủy phán quyết trọng tài như sau: “Tòa án xem xét việc hủy phán quyết trọng tài khi có đơn yêu cầu của một bên”.

⁴ Khoản 1 Điều 69 Luật TTTM năm 2010 quy định về quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài như sau: “Trọng thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, nếu một bên có đủ căn cứ để chứng minh được rằng Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 68 của Luật này, thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Đơn yêu cầu hủy phán

yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Trong tố tụng trọng tài, bên cạnh nguyên đơn và bị đơn thì còn có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Khi vụ việc tranh chấp ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ thì có quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài hay không. Sau khi có phán quyết trọng tài, phán quyết nếu ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba nhưng điều luật lại không quy định cho họ được quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, mà chỉ có một trong các bên có quyền yêu cầu. Một khi các bên không yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài thì không có cách nào có thể hủy được cho dù phán quyết trọng tài đó có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba⁵.

- Thứ hai, Về chủ thể yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài thương mại.

Theo quy định tại Điều 66 Luật TTTM năm 2010 thì bên được thi hành phán quyết trọng tài có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài. Trong khi đó, pháp luật về THADS quy định quyền yêu cầu thi hành án là của đương sự, nghĩa là bao gồm người được thi hành án và người phải thi hành án. Như vậy, trong trường hợp bên phải thi hành phán quyết trọng tài có yêu cầu cơ quan THADS thi hành phán quyết trọng tài thì cơ quan THADS có thụ lý, ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành hay không? Đây là điểm còn bất cập giữa Luật TTTM năm 2010 với pháp luật về THADS hiện nay.

- Thứ ba, Về thời hiệu yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài thương mại.

Tại Điều 30 Luật THADS quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định

quyết trọng tài phải kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là có căn cứ và hợp pháp”.

⁵ Huỳnh Xuân Tình, Bàn về chủ thể có quyền yêu cầu tòa án hủy phán quyết trọng tài, Tạp chí Nghề luật số 11/22. Ngân hàng A khởi kiện ông B - Chủ doanh nghiệp tư nhân (DNTN) với yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B - Chủ DNTN trả cho Ngân hàng A số tiền nợ vay tổng cộng vốn và lãi là 54 tỉ đồng và tiếp tục chịu lãi suất vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi DNTN trả hết nợ vay. Trường hợp ông B không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên và lãi phát sinh thì yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của DNTN. Về nguồn gốc tài sản mà ông B thế chấp cho ngân hàng, thấy rằng: Từ năm 2011 - 2016, ông B - Chủ DNTN có làm các hợp đồng góp vốn (DNTN là người nhận tiền vốn góp) để bán các lô nền tại khu tái định cư CITY HOME cho khoảng 50 hộ dân, với tổng cộng 98 lô nền. Cho đến thời điểm hiện tại thì bên góp vốn (các hộ dân) đã góp 90% giá trị hợp đồng cho bên nhận góp vốn là DNTN và thỏa thuận DNTN có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi các hộ dân đã hoàn thành việc góp vốn, các hộ góp vốn đã cất nhà ở ổn định hoặc xây dựng công trình khác. Thời điểm này, chủ DNTN là chủ đầu tư đối với dự án khu tái định cư CITY HOME, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Năm 2016, ông B - Chủ DNTN được UBND thành phố CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 98 lô nền (bằng 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau khi được cấp giấy, ông B - chủ DNTN thế chấp toàn bộ 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng A đảm bảo khoản nợ trên của DNTN (Ngân hàng yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp này). Về phía các hộ dân (người mua nền) có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ DNTN. Vào năm 2014, ông B - chủ DNTN dùng 18 lô nền trong tổng số 98 lô nền nêu trên để đảm bảo cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 190 ngày 26/12/2014 với Công ty C. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông B - chủ DNTN không thực hiện đúng thỏa thuận nên Công ty C yêu cầu Trung tâm trọng tài thương mại thành phố CT giải quyết và Trung tâm trọng tài thương mại thành phố CT đã ra phán quyết giao 18 lô nền nêu trên cho Công ty C phát mãi để thi hành phán quyết của trọng tài thương mại. Tại thời điểm giải quyết, Trung tâm trọng tài thương mại không đưa 50 hộ dân vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan dù họ đang ở trên phần đất tranh chấp. Do đó, phán quyết trọng tài Trung tâm trọng tài thương mại thành phố CT đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của 50 hộ dân.

trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn; đối với bản án, quyết định theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Tại khoản 5 Điều 61 Luật TTTM năm 2010 quy định: *"Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành"*. Tuy nhiên, ngày phán quyết trọng tài có hiệu lực không phải ngày làm phát sinh quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài đó tại cơ quan THADS có thẩm quyền. Theo quy định tại Điều 66 Luật TTTM năm 2010 thì quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài phát sinh khi hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài mà bên phải thi hành phán quyết không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài theo quy định của Luật TTTM năm 2010; đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc, quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài phát sinh sau khi phán quyết được đăng ký theo quy định. Với quy định như trên, quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài không phát sinh ngay khi phán quyết trọng tài có hiệu lực. Vấn đề đặt ra là thời hiệu yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài sẽ được tính bắt đầu từ thời điểm nào? Điều này đã gây ra không ít lúng túng cho cơ quan THADS khi tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành phán quyết TTTM.

- Thứ tư, Về thủ tục tiếp nhận yêu cầu thi hành phán quyết Trọng tài.

Như đã phân tích ở trên, ngày phán quyết trọng tài có hiệu lực không phải ngày làm phát sinh quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài đó tại cơ quan THADS có thẩm quyền. Quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài chỉ phát sinh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 66 Luật TTTM. Do đó, để xác định điều kiện tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS cần phải xác định hai vấn đề: *một là*, đã hết thời hạn thi hành phán quyết TTTM; *hai là*, bên phải thi hành án có yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài hay không; đối với phán quyết của Trọng tài vụ việc thì phán quyết đã được đăng ký hay chưa? Từ đó, cơ quan THADS mới có căn cứ để tiếp nhận yêu cầu, thụ lý giải quyết hay từ chối yêu cầu thi hành án.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác nhận tình trạng pháp lý của phán quyết trọng tài đang gặp phải không ít khó khăn. Để yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài, người yêu cầu thi hành án phải chứng minh phán quyết đó không bị Tòa án tuyên hủy nhưng trên thực tế rất ít trường hợp nhận được trả lời của Tòa án dẫn đến hồ sơ thi hành án bị chậm. Pháp luật hiện nay chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm xác định tình trạng pháp lý của phán quyết trọng tài khi yêu cầu thi hành án là của cơ quan THADS hay của người có yêu cầu thi hành án. Do đó, khi tiếp nhận yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài, cơ quan THADS thường yêu cầu phải cung cấp văn bản của Tòa án có thẩm quyền xác nhận về việc Tòa án có thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài hay không thì mới tiếp nhận yêu cầu thi hành án. Mặt khác, các trung tâm trọng tài chưa hướng dẫn nguyên đơn, bị đơn làm công văn đề nghị Tòa án nhân dân xác nhận tình trạng pháp lý của Phán quyết trọng tài trong thực tiễn.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, để tạo điều kiện thuận lợi cho bên được thi hành phán quyết trọng tài, sau khi nhận được yêu cầu của người được thi hành phán quyết trọng tài, Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động gửi văn bản đề nghị Tòa án tại nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết xác nhận phán quyết trọng tài có bị hủy hay không. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án xác nhận người phải thi hành phán quyết trọng tài không yêu cầu hủy phán quyết trọng tài hoặc nhận được quyết định không hủy phán quyết trọng tài thì Cục THADS Thành phố sẽ ra quyết định để tổ chức thi hành phán quyết trọng tài đó.

- Thứ năm, Về thẩm quyền thi hành phán quyết Trọng tài thương mại.

Theo quy định tại Điều 8 Luật TTTM năm 2010 thì cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là cơ quan THADS tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật THADS thì thẩm quyền thi hành phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại là cơ quan THADS cấp tỉnh.

Thực tế, các Trung tâm Trọng tài thường tập trung tại các thành phố lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, các phán quyết trọng tài cũng chủ yếu được ban hành tại các Trung tâm Trọng tài đặt tại hai thành phố này; trong khi hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thường trải dài khắp cả nước. Việc quy định thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là của cơ quan THADS cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài ra phán quyết có thể dẫn đến khó khăn trong việc yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài khi mà doanh nghiệp không có trụ sở kinh doanh tại nơi Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết.

Bên cạnh đó, thời gian qua, Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận số lượng lớn yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tín chấp, không có bảo đảm bằng tài sản. Cũng như các loại việc thi hành án khác, Chấp hành viên phải thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật như: thông báo, xác minh điều kiện thi hành án... trong quá trình tổ chức thi hành án. Tuy nhiên, phần lớn giá trị thi hành của loại việc này không cao, người phải thi hành án có địa chỉ không rõ ràng hoặc ở nhiều nơi và hầu như không có khả năng thi hành. Với địa bàn rộng lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, việc thực hiện thủ tục thông báo, xác minh điều kiện thi hành án... đối với người phải thi hành án mất rất nhiều thời gian, công sức nhưng hiệu quả thi hành lại không cao trong thực tiễn.

- Thứ sáu, Nội dung phán quyết trọng tài đã tuyên khó thi hành trong thực tế.

Một số phán quyết trọng tài tuyên không cụ thể, rõ ràng gây khó khăn cho quá trình thi hành án; vẫn còn tình trạng người phải thi hành án lợi dụng yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại Tòa án để có thời gian tẩu tán tài sản. Trên thực tế, có những phán quyết của TTTM tuyên khoản nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định, nhưng công việc đó là phải do người phải thi hành án và người được thi hành án cùng tự nguyện thực hiện, cơ quan, tổ chức hay cá nhân

khác không thể thực hiện thay công việc đó. Với những phần tuyên như vậy thì sau khi ra quyết định thi hành án, cơ quan THADS rất khó để tổ chức thi hành án.

Ví dụ: Phán quyết trọng tài số 13/32 của Trung tâm Trọng tài có điều khoản phải thi hành *“Công ty A phải thực hiện Thỏa thuận khung để tuân thủ nghiêm ngặt Điều 2.1 và các điều khoản khác bao gồm thực hiện thủ tục xin phép cần thiết và có được giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty liên doanh của Dự án tại Huyện C, tỉnh M và rằng Công ty A phải đóng góp quyền sử dụng đất của Diện tích giai đoạn 1 đứng tên Công ty A vào Công ty liên doanh”*. Không đồng ý với Phán quyết trọng tài, Công ty A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh M hủy phán quyết Trọng tài. Ngày 13/3/2013, Tòa án nhân dân tỉnh M có Quyết định số 1041/2013/KDTM bác đơn yêu cầu của Công ty A. Trên cơ sở đơn yêu cầu thi hành án của Công ty B, Cục THADS K đã ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu với nội dung trên.

Đây là vụ việc rất khó tổ chức thi hành, vì nội dung Phán quyết Trọng tài tuyên buộc thực hiện công việc nhất định, cụ thể Công ty A phải thực hiện 02 nghĩa vụ: *một là*, tiếp tục thực hiện thỏa thuận khung được ký giữa Công ty A và Công ty B, bao gồm thực hiện thủ tục xin phép cần thiết và có được giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty liên doanh; *hai là*, đóng góp quyền sử dụng đất của diện tích đất giai đoạn 1 đứng tên của Công ty A vào Công ty liên doanh. Tuy đây là 02 nghĩa vụ độc lập nhưng để tổ chức thi hành nghĩa vụ thứ hai (*buộc Công ty A phải đóng góp quyền sử dụng đất vào Công ty liên doanh*) thì phải thực hiện được xong nghĩa vụ thứ nhất (*thành lập Công ty liên doanh và có giấy chứng nhận đầu tư của Công ty liên doanh*). Tuy nhiên, việc thành lập Công ty liên doanh, theo quy định của Luật đầu tư và pháp luật khác có liên quan, phải do ý chí tự nguyện của các bên đương sự (cả hai bên đương sự cùng tự nguyện ký kết vào các giấy tờ có liên quan theo quy định), các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác kể cả cơ quan THADS không thể thực hiện thay. Mặt khác, Phán quyết Trọng tài không có quy định thời hạn buộc Công ty A phải tiếp tục thực hiện Thỏa thuận khung là thành lập Công ty liên doanh. Do đó, biện pháp tổ chức thi hành án chủ yếu là động viên, thuyết phục hai bên tự nguyện thi hành; trường hợp hai bên có những quan điểm trái ngược nhau trong quá trình tiến tới thành lập Công ty liên doanh sẽ dẫn đến vụ việc kéo dài. Đồng thời, trường hợp này cũng không đủ điều kiện để xếp vào loại việc chưa có điều kiện theo quy định tại Điều 44a Luật THADS hiện hành.

- Thứ bảy, Về trình tự, thủ tục thi hành phán quyết trọng tài thương mại.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, không có cơ chế để xem xét lại phán quyết tương tự theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Mặt khác, pháp luật THADS cũng không quy định trình tự, thủ tục riêng đối với việc thi hành phán quyết của trọng tài (hiện nay vẫn áp dụng thủ tục chung về THADS như Bản án, Quyết định của Tòa án); nhiều trường hợp nội dung của Phán quyết không rõ, không thể thi hành thì cơ quan THADS cũng không được yêu cầu

giải thích, đình chính hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền kháng nghị để giải quyết, dẫn đến việc thi hành phán quyết trọng tài bị tồn đọng; có nhiều trường hợp gây ra bức xúc đối với các bên đương sự và xã hội vì lý do như trên.

3. Thảo luận và hàm ý chính sách

Nhằm nâng cao hiệu quả thi hành phán quyết TTTM trong thời gian tới, Tác giả đề xuất một số giải pháp, kiến nghị sau đây:

3.1. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật có liên quan

- *Một là*, Xem xét điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Luật TTTM năm 2010, Luật THADS năm 2014 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành theo hướng:

+ Quy định trình tự, thủ tục riêng đối với việc thi hành phán quyết của TTTM, qua đó vừa đảm bảo việc thi hành phán quyết của trọng tài có hiệu quả mà vẫn tôn trọng quyền tự do thỏa thuận của các bên đương sự và chủ thể có liên quan;

+ Mở rộng phạm vi cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài theo hướng bao gồm cả cơ quan THADS tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi bên phải thi hành phán quyết có tài sản hoặc có trụ sở chính. Quy định như vậy sẽ góp phần giảm tải cho các cơ quan THADS các tỉnh, thành phố nơi tập trung nhiều vụ việc TTTM và cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho bên được thi hành phán quyết trọng tài.

- *Hai là*, Tăng cường chất lượng hoạt động hỗ trợ, phối hợp của Tòa án, cơ quan THADS đối với hoạt động tổ tụng trọng tài theo quy định của Luật TTTM năm 2010 và Luật THADS năm 2014, cụ thể là:

+ Về việc hủy phán quyết của TTTM: Thứ nhất, cần bổ sung quy chế giám sát và xử lý việc hủy phán quyết trọng tài của Tòa án. Cần phải xem quyết định của Tòa án về việc hủy phán quyết của TTTM cũng có tính chất như bản án, quyết định trong tố tụng dân sự để áp dụng thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định hủy phán quyết của TTTM nhằm hạn chế thấp nhất việc phán quyết của TTTM bị hủy do sự tùy tiện hoặc có thể do áp dụng sai lầm của Tòa án. Thứ hai, cần phải bổ sung quy định hướng dẫn để làm rõ căn cứ hủy phán quyết TTTM được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật TTTM năm 2010 nhằm tránh bị lạm dụng trong quá trình thực thi, trong đó yêu cầu không được trái với bất kỳ nguyên tắc nào được quy định trong luật nội dung lẫn luật hình thức được áp dụng để giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó, khi Tòa án áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật TTTM năm 2010 để đưa ra quyết định hủy phán quyết TTTM thì trong quyết định bắt buộc phải nêu rõ phán quyết của TTTM vi phạm nguyên tắc cơ bản nào và của văn bản quy phạm pháp luật nào.

Đồng thời cần có sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cho người thứ ba có quyền và lợi ích hợp pháp bị phán quyết TTTM xâm phạm được quyền yêu cầu hủy phán quyết TTTM. Cụ thể sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 68 Luật TTTM năm 2010 quy định về căn cứ hủy phán

quyết trọng tài như sau: “Tòa án xem xét việc hủy phán quyết trọng tài khi có đơn yêu cầu của một bên hoặc người thứ ba có quyền và lợi ích hợp pháp bị phán quyết trọng tài xâm phạm”.

+ Mặc khác, khi giải quyết vụ việc tranh chấp, Trọng tài viên nên hướng dẫn cho đương sự quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phán quyết TTTM đảm bảo thi hành án đạt kết quả hơn trong thực tiễn. Trọng tài viên phân tích và giải thích quy định pháp luật và tạo điều kiện để các bên lựa chọn cách thức thỏa thuận, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Khuyến khích các bên hợp tác tốt và cung cấp đầy đủ thông tin cho Trọng tài viên.

+ Xây dựng quy chế phối hợp giữa TTTM với Tòa án nhân dân trong việc đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc, xác nhận phán quyết trọng tài không bị hủy bởi Tòa án hoặc người phải thi hành phán quyết trọng tài không yêu cầu hủy, phối hợp trong việc thực hiện áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời... Quy chế phối hợp này nhằm tổng hợp những vướng mắc, tìm nguyên nhân và đề ra giải pháp để phán quyết TTTM đảm bảo thi hành đạt kết quả cao, nâng cao chất lượng phán quyết TTTM để thi hành trong thực tế được thuận lợi.

+ Tăng cường hiệu quả các biện pháp hỗ trợ của Tòa án đối với TTTM theo Luật TTTM năm 2010 như: Chỉ định, thay đổi Trọng tài viên đối với trọng tài vụ việc; xem xét thỏa thuận TTTM, thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài; triệu tập người làm chứng, thu thập chứng cứ; áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; giải quyết yêu cầu hủy phán quyết của trọng tài, đăng ký trọng tài vụ việc... Xây dựng quy chế phối hợp giữa Tòa án và cơ quan THADS về hỗ trợ hoạt động TTTM, công nhận và cho thi hành phán quyết TTTM nước ngoài tại Việt Nam. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra hoạt động thi hành phán quyết TTTM, đảm bảo các phán quyết trọng tài đã có hiệu lực pháp lý được thi hành trên thực tế, công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, hiện nay vẫn còn thiếu các quy định ràng buộc trách nhiệm trong trường hợp một bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài nhưng không được Tòa án công nhận và việc kéo dài thời gian thi hành phán quyết gây ra thiệt hại đối với bên được thi hành phán quyết TTTM. Điều này dẫn đến bên phải thi hành phán quyết trọng tài thường tìm mọi cách để đưa ra yêu cầu phản đối để phán quyết bị bác bỏ, dẫn đến tốn kém thời gian và chi phí cho bên được thi hành phán quyết. Do đó, cần quy định chặt chẽ hơn về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và có những quy định ràng buộc trách nhiệm đối với bên yêu cầu hủy phán quyết nhằm hạn chế tối đa việc lợi dụng quyền yêu cầu hủy phán quyết TTTM để kéo dài thời gian thi hành án trong thực tiễn. Đồng thời, thực hiện đúng nguyên tắc “mất quyền phản đối” theo quy định của Luật TTTM năm 2010. Theo đó, nếu một bên phát hiện có vi phạm về tố tụng hoặc pháp luật về TTTM thì bên đó buộc phải nêu ra trong giai đoạn tố tụng trọng tài, nếu không sẽ bị mất

quyền phản đối tại Tòa án⁶. Quy định này đã góp phần hạn chế đáng kể tình trạng phán quyết trọng tài có thể bị Tòa án hủy. Tuy nhiên, một vấn đề còn chưa rõ là bên thứ ba không tham gia tố tụng, nhưng có liên quan thì có áp dụng nguyên tắc này không trong thực tiễn.

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành phán quyết của TTTM trong thời gian tới

- *Thứ nhất*, Cần thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá các quy định của Luật TTTM năm 2010, Luật THADS năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TTTM phục vụ có hiệu quả cho việc cải cách tư pháp nói chung và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này hiện nay.

- *Thứ hai*, Nâng cao chất lượng hoạt động TTTM nhằm tạo lòng tin cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; nâng cao chất lượng hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài theo quy định của Luật TTTM năm 2010; nâng cao chất lượng phán quyết trọng tài, đảm bảo thi hành phán quyết trọng tài trên thực tế có hiệu quả, hạn chế tình trạng lạm dụng hủy phán quyết trọng tài thiếu cơ sở pháp lý cần thiết.

- *Thứ ba*, Cần đồng thuận, hỗ trợ và tạo điều kiện nhằm phát huy tối đa thiết chế hòa giải thương mại để khuyến khích giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ngoài tố tụng tại các Trung tâm Hòa giải Thương mại sẽ tạo điều kiện tốt hơn đối với công tác thi hành phán quyết khi giải quyết các tranh chấp kinh doanh - thương mại trong thực tiễn bằng phương thức hòa giải thương mại⁷.

- *Thứ tư*, Cần nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, kinh doanh - thương mại góp phần khắc phục những bất cập đang còn tồn tại trong thực tiễn. Các hàm ý chính sách trên cũng đã nêu ra bất cập về quy định bên yêu cầu thi hành án phải có bằng chứng về việc phán quyết trọng tài đã có giá trị thi hành. Thực tế, bên yêu cầu thi hành án có những khó khăn nhất định để biết thông tin Tòa án có đang thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài hay không. Trong khi bên phải thi hành phán quyết trọng tài là chủ thể nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và Tòa án có thẩm quyền xem xét hủy phán quyết trọng tài lại có thể dễ dàng cung cấp thông tin liên quan. Do đó, quy định việc lấy thông tin từ bên phải thi hành phán quyết trọng tài hoặc Tòa án sẽ là hợp lý hơn. Có thể thấy, vấn đề này đã phản ánh đúng phần nào những bất cập trong việc giải quyết yêu cầu thi hành phán quyết TTTM trong thực tiễn hiện nay.

- *Thứ năm*, Tăng cường chuyển đổi số trong hoạt động thi hành án dân sự, như: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động THADS tại Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành

⁶ Quy định tại Điều 6 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

⁷ Theo tinh thần Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về hòa giải thương mại.

gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo. Chuyển đổi số thống nhất, toàn diện trong tất cả các Phòng, ban, các lĩnh vực, các hoạt động nghiệp vụ, tổ chức thi hành án tại Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh; Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số phải hướng đến nâng cao hoạt động, giảm thiểu thủ tục hành chính và nâng cao trải nghiệm của cán bộ công chức, người dân và doanh nghiệp; Tăng cường số hóa, hiện đại hóa quy trình xử lý hồ sơ, giảm thiểu thủ tục hành chính, nâng cao sự minh bạch và công khai. Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ, liên thông với các cơ quan liên quan, phục vụ tốt hơn nhu cầu tra cứu và thực hiện nhiệm vụ THADS. Số hóa tổng thể quy trình thụ lý THADS nhằm hỗ trợ quản lý toàn trình quá trình thi hành án bao gồm: Quản lý Bản án/thông báo của Tòa án; các Quyết định thi hành án; Quản lý kho vật chứng; Quản lý Hồ sơ công việc; Quản lý thông tin đương sự; nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý tập trung công tác THADS, lấy bản án, Quyết định thi hành án; quản lý toàn bộ tiến trình công việc, con người, liên quan.

4. Kết luận

Hoạt động thi hành phán quyết của TTTM trong thực tiễn có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tranh chấp mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo một môi trường kinh doanh bình đẳng cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh - thương mại nhằm cải thiện môi trường đầu tư và góp phần phát triển nền kinh tế thị trường một cách lành mạnh. Chính vì vậy, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về thi hành phán quyết, quyết định của TTTM nói riêng và pháp luật về giải quyết các tranh chấp kinh doanh - thương mại thông qua TTTM nói chung là vấn đề vô cùng cần thiết hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng tài thương mại năm 2010.
2. Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.
3. Luật Thi hành án dân sự năm 2014.
4. Luật Thương mại năm 2005.
6. Luật Doanh nghiệp năm 2020.
7. Luật Đầu tư năm 2020.
8. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về hòa giải thương mại.
9. Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại năm 2010.
10. Báo cáo kết quả thi hành phán quyết Trọng tài tại Cục Thi hành án dân sự (THADS) Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2020 đến ngày 31/12/2024.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Trọng Tuấn¹

Đinh Thị Giang Hương²

Tóm tắt: Việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (sau đây gọi tắt là PQTT) là một nội dung quan trọng nhằm bảo đảm hiệu lực của các phán quyết được tuyên bởi trọng tài quốc tế, góp phần thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư xuyên biên giới. Việt Nam đã nội luật hóa quy định này thông qua Luật Trọng tài thương mại 2010, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sau đây gọi tắt là BLTTDS 2015) và gia nhập Công ước New York năm 1958 (sau đây gọi tắt là CU7NY). Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng tại Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là TAND TP.HCM) cho thấy vẫn tồn tại nhiều bất cập về thủ tục, khái niệm pháp lý và thực hành xét xử. Bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả thực thi phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Từ khóa: phán quyết trọng tài, thi hành, công nhận, pháp luật Việt Nam, Công ước New York 1958.

Abstract: Improving the Law on Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards in Vietnam Recognition and enforcement of foreign arbitral awards is essential for ensuring the effectiveness of international arbitration in cross-border commercial transactions. Although Vietnam has incorporated relevant international standards into domestic law through the Law on Commercial Arbitration 2010 and the Civil Procedure Code 2015, several challenges persist in judicial practice, particularly in Ho Chi Minh City. This article analyzes legal and practical obstacles and proposes solutions to enhance Vietnam's legal framework in accordance with the New York Convention and international best practices.

Keywords: arbitral award, enforcement, recognition, New York Convention, Vietnam law.

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế toàn cầu hóa, trọng tài quốc tế đã trở thành cơ chế phổ biến và hiệu quả trong giải quyết tranh chấp thương mại. Tuy nhiên, để PQTT phát sinh hiệu lực tại quốc gia nơi bên thua kiện có tài sản, cần trải qua thủ tục công nhận và cho thi hành. Đối với Việt Nam, sau gần ba thập niên gia nhập CUNY, mặc dù hành lang pháp lý cơ bản đã hình thành, nhưng thực tiễn còn nhiều lúng túng, đặc biệt là trong nhận thức và áp dụng pháp luật của tòa án.

¹ TS, Khoa Luật - Trường đại học Nguyễn Tất Thành, số dt: 0979 163 707, email: nttuan@ntt.edu.vn

² Học viên cao học Khoa Luật, Trường đại học Nguyễn Tất Thành, số dt: 0898 431 339, email: gianghuong.law@gmail.com

2. Cơ sở pháp lý hiện hành

Việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam hiện nay được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật bao gồm các văn bản pháp lý trong nước và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể:

Thứ nhất, Luật Trọng tài thương mại năm 2010, tại khoản 5 Điều 3 quy định: *"Phán quyết trọng tài nước ngoài là phán quyết do trọng tài được thành lập theo quy định của pháp luật trọng tài nước ngoài hoặc theo sự lựa chọn của các bên tranh chấp và được giải quyết ngoài lãnh thổ Việt Nam."* Ngoài ra, Điều 73 của Luật quy định rõ về điều kiện để phán quyết trọng tài nước ngoài được công nhận và thi hành tại Việt Nam, khẳng định rằng việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phải tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điều 74 của Luật này cũng xác lập nguyên tắc về tính độc lập trong hoạt động xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, đồng thời nêu rõ thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Việt Nam.

Thứ hai, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, từ Điều 424 đến Điều 430, quy định cụ thể trình tự, thủ tục và các điều kiện để Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Cụ thể, Điều 424 khẳng định: *"Việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài phải do Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam quyết định, phù hợp với quy định của Bộ luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên."* Điều 427 nhấn mạnh: *"Phán quyết trọng tài nước ngoài được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành thì có giá trị pháp lý như bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án Việt Nam."* Đây là cơ sở pháp lý quan trọng thể hiện sự bình đẳng về hiệu lực pháp lý giữa bản án của Tòa án trong nước và phán quyết trọng tài nước ngoài khi được công nhận tại Việt Nam. Điều 429 quy định các căn cứ để Tòa án từ chối công nhận và cho thi hành, bao gồm các trường hợp như: thỏa thuận trọng tài vô hiệu, vi phạm thủ tục tố tụng, vượt thẩm quyền, hoặc phán quyết trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Thứ ba, về phương diện điều ước quốc tế, Việt Nam là thành viên của Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (gia nhập ngày 12/9/1995). Công ước này có vai trò như một nền tảng quốc tế quan trọng bảo đảm tính minh bạch và hiệu lực toàn cầu của các phán quyết trọng tài thương mại quốc tế. Điều III của Công ước quy định các quốc gia thành viên cam kết công nhận và cho thi hành các phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với thủ tục và điều kiện không khắt khe hơn so với phán quyết trong nước. Điều V liệt kê các căn cứ mà quốc gia nơi thi hành có thể từ chối công nhận phán quyết, bao gồm cả lý do về thủ tục, thẩm quyền và trật tự công cộng.

Tuy hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những bước tiến nhất định trong việc nội luật hóa các quy định của Công ước New York, song trên thực tế vẫn còn tồn tại một số bất cập. Đáng chú ý là các quy định chưa đầy đủ hoặc chưa thống nhất giữa luật nội địa và điều ước quốc tế, dẫn đến việc áp dụng còn lúng túng. Một số khái niệm như "trật tự công cộng", "vi phạm thủ tục tố tụng" vẫn chưa được định nghĩa rõ ràng trong luật Việt Nam, tạo ra sự tùy nghi trong thực tiễn xét xử và khả năng từ chối thi hành vì lý do không minh bạch.

3. Những bất cập từ thực tiễn xét xử tại TP. Hồ Chí Minh

3.1. Nguyên tắc “có đi có lại” – rào cản pháp lý không rõ ràng

Trước đây, theo Pháp lệnh năm 1993 về công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại Việt Nam, Việt Nam chỉ cam kết công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài nếu Việt Nam và quốc gia đó đã ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế về vấn đề này.

Tuy nhiên, với việc sửa đổi và bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự 2005, Điều 343³ đã mở rộng quy định, cho phép Tòa án Việt Nam xem xét công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài dựa trên nguyên tắc "có đi có lại", mà không yêu cầu Việt Nam và quốc gia đó phải ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về vấn đề này. Quy định này tiếp tục được kế thừa trong BLTTDS 2015 Điều 423⁴.

Điều này có nghĩa là, nếu một quốc gia thực hiện việc công nhận và thi hành bản án của tòa án Việt Nam, thì Tòa án Việt Nam cũng sẽ công nhận và thi hành bản án của tòa án quốc gia đó, dù không có điều ước quốc tế chính thức giữa hai quốc gia.⁵

Hiện tại, Việt Nam chưa có một cơ sở dữ liệu đầy đủ về các quốc gia đã công nhận phán quyết trọng tài của Việt Nam. Khi xét xử, Tòa án thường phải xin ý kiến từ các cơ quan như Tòa án Nhân dân Tối cao, Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp để xác định liệu quốc gia ban hành phán quyết có tuân thủ nguyên tắc "có đi có lại" hay không. Theo chia sẻ ghi nhận được, ngoài thời gian chờ đợi kết quả trả lời, hướng dẫn cách giải quyết thì thường nhận được kết quả phản hồi từ các cơ quan này mang tính chất chung chung, thiếu hướng dẫn cụ thể, buộc thẩm phán phải tự đưa ra quyết định. Điều này dẫn đến sự thiếu nhất quán trong quá trình xét xử, đồng thời tạo ra yếu tố chủ quan trong các phán quyết.

Rất tiếc là vì lý do bảo mật nên TAND TP.HCM đã không thể cung cấp các công văn trả lời hoặc các vụ án liên quan để có thể làm rõ chủ đề này hơn nữa, chỉ có thể tóm tắt ý của cán bộ Tòa án chia sẻ những bất cập và đưa ra hướng cải thiện quy trình của các cơ quan lãnh

³ Điều 343 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự 2005

⁴ Điều 423 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự 2015

⁵ Lê Mạnh Hùng. "Về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài". Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, TANDTC

đạo cấp cao, nhằm hỗ trợ các thẩm phán nhiều hơn nữa trong các phương hướng xử lý các trường hợp đặc biệt trong việc công nhận và cho thi hành PQTТ nước ngoài.

3.2. Khái niệm mơ hồ về “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”

Khái niệm "trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" (tương ứng với điều khoản "public policy" trong CUNY tại Điều V khoản 2(b)) là lý do từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài được Tòa án Việt Nam viện dẫn nhiều nhất. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện hành không có định nghĩa cụ thể, rõ ràng về khái niệm này, dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng và khó dự đoán kết quả xét xử.

Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP giải thích là "vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam"⁶ - Điều 14 khoản 2, điểm b. Tuy nhiên, giải thích này vẫn chung chung và chỉ hướng dẫn cho việc hủy phán quyết trọng tài trong nước, không áp dụng cho công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo BLTTDS 2015, gây ra sự không thống nhất.

Sự thiếu nhất quán trong cách áp dụng khái niệm này đã tạo ra khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc đánh giá khả năng được công nhận của một phán quyết trọng tài nước ngoài, gây ra sự không chắc chắn và làm giảm niềm tin vào hệ thống pháp lý Việt Nam.

Vụ việc điển hình số 42/2023/KDTM-ST:

Vụ việc liên quan đến tranh chấp Hợp đồng mua bán cổ phần giữa Công ty SP Corporation – Nhật Bản (Công ty SP) và Công ty Cổ phần RD Holding (Công ty RD). Công ty SP đã mua 5.000.000 cổ phần của Công ty RD tại Công ty Cổ phần Nhựa RD Long An. Sau khi chuyển nhượng, Công ty SP cho rằng Công ty RD không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã thỏa thuận, dẫn đến tranh chấp.

Các bên đưa vụ việc ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC). Ngày 06/7/2022, SIAC ban hành Phán quyết trọng tài số 090, tuyên Công ty SP thắng kiện, xác định Công ty RD vi phạm hợp đồng và buộc Công ty RD phải trả bồi thường thiệt hại 156.937.500.000 đồng cùng các chi phí khác.

Do Công ty RD không tự nguyện thi hành, Công ty SP đã yêu cầu TAND TP.HCM công nhận và cho thi hành phán quyết này. Tuy nhiên, Công ty RD phản đối, cho rằng phán quyết có nội dung trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận, và Hội đồng trọng tài đã không áp dụng pháp luật Việt Nam.

⁶ Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP - Điều 14 khoản 2, điểm b

Căn cứ Điều 459 BLTTDS 2015 và Điều 5 Công ước New York 1958, TAND TP.HCM đã ra Quyết định số 42/2023/KDTM-ST ngày 10/01/2023 không công nhận Phán quyết trọng tài số 090 của SIAC.

Lập luận, quan điểm của TAND TP.HCM:

Tòa án xác định việc công nhận phán quyết trọng tài số 090 là trái với hai nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam:

Nguyên tắc “Tự do, tự nguyện thỏa thuận trong quan hệ dân sự”: Nguyên tắc này được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Thương mại 2005, Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015 và Luật Trọng tài thương mại 2010. Tòa án cho rằng nguyên tắc này là tư tưởng pháp lý chỉ đạo, có hiệu lực bao trùm và giá trị bắt buộc chung trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam, tôn trọng thỏa thuận hợp pháp của các bên.

Nguyên tắc "Bảo đảm quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp": Nguyên tắc này cũng được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Thương mại 2005, Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015 và Luật Trọng tài thương mại 2010. Tòa án cho rằng quyền yêu cầu bảo vệ lợi ích hợp pháp tại Tòa án hoặc trọng tài là một nguyên tắc cốt lõi của tố tụng dân sự Việt Nam.

TAND TP.HCM kết luận rằng phán quyết trọng tài số 090 vi phạm các nguyên tắc cơ bản này, do đó không được công nhận tại Việt Nam.

Bình luận bản án:

Quyết định của TAND TP.HCM về việc không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài với lý do "trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" cho thấy tính trừu tượng của khái niệm này. Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP tuy có giải thích nhưng còn chung chung và không áp dụng cho phán quyết trọng tài nước ngoài, dẫn đến thiếu thống nhất trong thực tiễn.

Hậu quả pháp lý: Phán quyết của Tòa án dẫn đến việc Phán quyết trọng tài nước ngoài không có hiệu lực thi hành tại Việt Nam. Bên thắng kiện (Công ty SP) không thể sử dụng các cơ chế thi hành án của Việt Nam để đòi bên thua kiện (Công ty RD) thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Các bên có thể phải tìm đến các phương thức giải quyết tranh chấp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.3. Thủ tục tổng đạt, hợp pháp hóa và dịch thuật còn nặng hình thức

Các yêu cầu về hợp pháp hóa lãnh sự, công chứng dịch thuật, và thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hiện nay tại Việt Nam vẫn mang nặng tính hình thức và nghiêm ngặt, chưa bắt kịp với xu thế giao dịch điện tử và thực tiễn thương mại quốc tế hiện đại. Điều này tạo ra gánh nặng thủ tục hành chính lớn, gây tốn kém thời gian, chi phí và tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý trong quá trình công nhận và thi hành phán quyết trọng tài (PQTT) nước ngoài.

3.3.1. Vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự và dịch thuật – Gánh nặng thủ tục hành chính

Theo quy định pháp luật Việt Nam, toàn bộ hồ sơ yêu cầu công nhận và thi hành PQTT nước ngoài, bao gồm đơn yêu cầu, PQTT, thỏa thuận trọng tài và các giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý, đều phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch thuật công chứng. Quy trình này không chỉ tiêu tốn đáng kể thời gian và chi phí, mà còn đối mặt với thách thức lớn về tính chính xác tuyệt đối của bản dịch do thiếu một cơ quan dịch thuật chuyên trách, có thẩm quyền cao để đảm bảo chất lượng. Điều này thường xuyên dẫn đến các tranh chấp tại Tòa án.

Ví dụ điển hình: Quyết định số 2126/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của TAND TP.HCM về việc công nhận và cho thi hành PQTT của Trung tâm Quốc tế về Giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) giữa ông S.D.B (nguyên đơn) và Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (bị đơn). Mặc dù PQTT đã tuyên Chính phủ Việt Nam thắng kiện và buộc ông S.D.B cùng Công ty TNHH TA phải trả các chi phí đáng kể, bên phải thi hành án (Công ty TA và ông S.D.B) đã phản đối việc công nhận với nhiều lý do, trong đó có việc bản dịch tiếng Việt của PQTT có sai sót nghiêm trọng. Cụ thể, các bên phản đối cho rằng thuật ngữ "Respondent" (Bị đơn) bị dịch sai thành "Nguyên đơn" và cụm từ "jurisdictional objections" (phản đối về thẩm quyền) bị dịch sai thành "phản đối về mặt pháp lý". Những sai sót này có nguy cơ làm thay đổi nội dung phán quyết, gây hiểu lầm cho Tòa án và ảnh hưởng đến quyết định cuối cùng. Thêm vào đó, ông S.D.B chỉ cung cấp các bản photo tài liệu bằng tiếng nước ngoài có kèm bản dịch tiếng Việt nhưng không được công chứng, chứng thực hợp lệ, khiến các tài liệu này không đáp ứng yêu cầu về chứng cứ hợp lệ.

Bình luận và Hậu quả: Vụ việc này cho thấy rõ gánh nặng thủ tục hành chính liên quan đến dịch thuật và hợp pháp hóa. Dù tài liệu gốc đã được công chứng và chứng thực hợp pháp, sự không chính xác trong bản dịch các thuật ngữ pháp lý quan trọng vẫn có thể dẫn đến tranh chấp gay gắt. Bất cập lớn của quy định hiện hành là việc yêu cầu dịch thuật công chứng nhưng lại thiếu cơ chế kiểm soát chất lượng chặt chẽ hoặc một cơ quan chuyên trách để đảm bảo tính chính xác tuyệt đối. Điều này đầy rủi ro về sai sót dịch thuật và gánh nặng chứng minh sai sót hoàn toàn sang các bên liên quan, làm phức tạp hóa quá trình tố tụng. Việc Tòa án không chấp nhận các tài liệu không được công chứng hợp lệ cũng phản ánh sự thiếu linh hoạt, gây đình trệ quá trình giải quyết nếu các bên gặp khó khăn trong việc cung cấp tài liệu đáp ứng yêu cầu hình thức từ nước ngoài.

Phán quyết: TAND TP.HCM đã công nhận và cho thi hành tại Việt Nam PQTT ICSID ngày 29/10/2020. Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản đối về bản dịch vì các tài liệu đã được công chứng hợp lệ và không có chứng cứ đủ mạnh chứng minh sai sót làm thay đổi nội dung phán quyết. Điều này nhấn mạnh rằng dù có bất cập, gánh nặng chứng minh sai sót của bản

dịch thuộc về bên phản đối và họ phải cung cấp chứng cứ rõ ràng để chứng minh sự sai lệch ảnh hưởng đến phán quyết.

3.3.2. Vấn đề thủ tục tổng đạt – Vấn đề khó kiểm chứng

Một trong những điều kiện tiên quyết để công nhận PQT nước ngoài là đảm bảo bên phải thi hành đã được thông báo hợp lệ về quá trình tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, thực tế áp dụng quy định này gặp rất nhiều trở ngại. Nhiều trung tâm trọng tài quốc tế hiện đại thường sử dụng các phương thức tổng đạt tiện lợi như email hoặc các nền tảng điện tử. Trái lại, pháp luật Việt Nam vẫn yêu cầu việc tổng đạt phải được thực hiện thông qua các kênh chính thức như kênh ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự. Sự không đồng bộ này thường xuyên dẫn đến việc một số PQT bị từ chối công nhận vì bên phải thi hành tuyên bố họ không nhận được thông báo hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Quy trình xác nhận việc tổng đạt cũng gặp phải nhiều bất cập. Hiện nay, người yêu cầu công nhận phán quyết phải tự chứng minh việc tổng đạt, nhưng lại không có hướng dẫn cụ thể về phương thức chứng minh hiệu quả. Đã có trường hợp, dù bên yêu cầu đã có sự hỗ trợ của thừa phát lại để lập vi bằng về việc gửi thông báo qua email hoặc thư tín, phán quyết vẫn bị Tòa án từ chối với lý do chưa đáp ứng đủ điều kiện tố tụng.

Ví dụ điển hình: Vụ tranh chấp giữa Công ty M.O.L và Công ty TNHH Một thành viên L.V. Công ty L.V đã phản đối yêu cầu công nhận và thi hành PQT của Hội đồng Trọng tài Hàng hải London (ban hành ngày 18/3/2019) với lý do họ không nhận được thông báo hợp lệ về quá trình giải quyết tranh chấp trọng tài. Cụ thể, Công ty L.V lập luận rằng Công ty M.O.L đã tổng đạt hồ sơ khiếu nại và thông báo trọng tài đến địa chỉ không phải trụ sở chính của họ tại TP.HCM (mà là một địa chỉ ở Hà Nội qua dịch vụ DHL). Đồng thời, Công ty L.V cũng khẳng định không nhận được thông báo qua địa chỉ email mà Nguyên đơn cung cấp, và địa chỉ email đó là của cá nhân chứ không phải của công ty.

Bình luận và Hậu quả: Vụ án này làm nổi bật tính quan trọng nhưng khó kiểm chứng của thủ tục tổng đạt. Pháp luật Việt Nam yêu cầu tổng đạt qua cơ quan có thẩm quyền, không chỉ qua các phương tiện điện tử. Việc Tòa án chấp nhận bằng chứng của Công ty L.V về việc tổng đạt sai địa chỉ và không hợp lệ dựa trên Điều 459 BLTTDS 2015 đã cho thấy việc không tuân thủ quy định tổng đạt chính thức có thể dẫn đến việc từ chối công nhận phán quyết, bất kể uy tín của trung tâm trọng tài quốc tế.

Phán quyết: TAND TP.HCM đã quyết định không công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Quyết định Trọng tài ngày 18/3/2019 của Hội đồng Trọng tài Hàng hải London. Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 459 BLTTDS 2015, xác định việc tổng đạt không hợp lệ đã khiến bên phải thi hành không thể thực hiện quyền tố tụng của mình, và do đó, phán quyết không thể thi hành tại Việt Nam.

Hệ quả pháp lý chung: Các yêu cầu thủ tục nặng hình thức về hợp pháp hóa, dịch thuật và tổng đạt không chỉ làm tăng chi phí và thời gian mà còn tạo ra rào cản đáng kể cho việc công nhận và thi hành PQTТ nước ngoài tại Việt Nam. Điều này làm phức tạp hóa quá trình tố tụng và tiềm ẩn rủi ro phán quyết không được thi hành, ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào môi trường pháp lý Việt Nam trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp thương mại.

3.4. Thực tiễn xét xử thiếu thống nhất, thiếu công khai

Thực tiễn xét xử các vụ án liên quan đến công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài (PQTТ) nước ngoài tại Việt Nam hiện nay còn tồn tại những bất cập lớn về tính thống nhất và công khai.

Cụ thể, các quyết định của Tòa án về việc từ chối hoặc công nhận PQTТ nước ngoài không được công bố rộng rãi. Việc thiếu hệ thống công khai các án lệ hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật khiến cho việc tạo lập và duy trì một nguồn tiền lệ xét xử chung trở nên khó khăn. Hệ quả là các thẩm phán thường gặp vướng mắc trong việc xác định hướng xử lý đối với các trường hợp tương tự hoặc có tình tiết phức tạp, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong việc áp dụng pháp luật. Điều này không chỉ gây khó khăn cho các bên tham gia tố tụng trong việc dự đoán kết quả mà còn ảnh hưởng đến sự minh bạch và tin cậy của hệ thống tư pháp, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật

4.1. Hải hòa hóa nguyên tắc “có đi có lại” theo hướng linh hoạt

Nguyên tắc “có đi có lại” (reciprocity) là một trong những rào cản đáng kể trong thực tiễn công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài (PQTТ) nước ngoài tại Việt Nam. BLTTDS 2015 hiện đang quy định điều kiện công nhận và cho thi hành PQTТ nước ngoài dựa trên nguyên tắc này, đòi hỏi Việt Nam phải có điều ước quốc tế liên quan hoặc trên cơ sở có đi có lại. Tuy nhiên, việc chứng minh một quốc gia đã từng công nhận PQTТ của Việt Nam gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ sở dữ liệu và quy trình xác minh chưa rõ ràng, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong thực tiễn xét xử.

Để hải hòa hóa và linh hoạt hơn trong việc áp dụng nguyên tắc này, đồng thời vẫn duy trì nguyên tắc “có đi có lại” nhưng theo hướng thực tế và hiệu quả hơn, nhằm tạo thuận lợi cho việc công nhận và thi hành PQTТ quốc tế, cần thực hiện các kiến nghị sau:

Công khai danh sách các quốc gia đáp ứng tiêu chí về “có đi có lại”: Đây là giải pháp cấp bách nhằm khắc phục sự thiếu minh bạch và thống nhất. Tòa án Nhân dân Tối cao hoặc Bộ Tư pháp cần chủ trì xây dựng và công bố một danh sách chính thức, cập nhật định kỳ các quốc gia mà Việt Nam đã và sẽ công nhận PQTТ trên cơ sở “có đi có lại”. Danh sách này sẽ giúp các thẩm phán, luật sư và đương sự dễ dàng tra cứu, xác định liệu một phán quyết trọng tài nước ngoài

có đủ điều kiện về nguyên tắc này hay không, từ đó giảm thiểu thời gian và chi phí cho việc xác minh.

Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về các vụ việc công nhận/từ chối công nhận PQTT nước ngoài: Song song với danh sách trên, cần thiết lập một hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử công khai (có chọn lọc thông tin cá nhân theo quy định pháp luật) về các quyết định của Tòa án Việt Nam liên quan đến công nhận hoặc từ chối công nhận PQTT nước ngoài. Cơ sở dữ liệu này không chỉ cung cấp thông tin về quốc gia mà còn bao gồm lý do của quyết định, tạo thành một nguồn án lệ thực tiễn giúp định hình sự nhất quán trong việc áp dụng nguyên tắc "có đi có lại" và các điều kiện khác.

Tinh gọn quy trình xác minh nguyên tắc "có đi có lại": Hiện nay, việc xin ý kiến từ các cơ quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp hoặc Tòa án Nhân dân Tối cao về nguyên tắc "có đi có lại" thường kéo dài. Cần quy định cụ thể về thời hạn tối đa để các cơ quan này phản hồi, ví dụ không quá 90 ngày. Việc thiết lập một quy trình phối hợp liên ngành rõ ràng, có trách nhiệm và thời hạn cụ thể sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ việc, tránh gây thiệt hại cho các bên do trì hoãn.

Giải thích thống nhất về việc áp dụng nguyên tắc "có đi có lại" khi cả hai quốc gia là thành viên CUNY 1958: Mặc dù CUNY 1958 đã quy định rõ về việc công nhận và thi hành PQTT giữa các quốc gia thành viên, nhưng trong thực tiễn Việt Nam vẫn có thể yêu cầu thêm yếu tố "có đi có lại" song phương. Để thống nhất cách hiểu, cần có văn bản hướng dẫn giải thích rõ ràng việc cả hai quốc gia đều là thành viên của CUNY 1958 đã được xem là đủ để đáp ứng nguyên tắc "có đi có lại", trừ khi Việt Nam có bảo lưu cụ thể hoặc có cơ sở đặc biệt để yêu cầu chứng minh thêm. Điều này sẽ giúp tránh việc áp dụng tùy tiện và không cần thiết làm phức tạp thêm quy trình công nhận.

4.2. Quy định rõ nội dung “trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”

Điều 424 khoản 2 điểm b BLTTDS 2015 quy định một trong những căn cứ để Tòa án Việt Nam không công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài là “phán quyết đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Đây là một điều khoản quan trọng nhưng lại có nội hàm rộng và thiếu rõ ràng, dẫn đến việc diễn giải tùy tiện trong thực tiễn xét xử. Sự thiếu minh bạch này gây ra khó khăn trong việc dự đoán kết quả và tạo tâm lý e ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài khi cân nhắc sử dụng trọng tài quốc tế để giải quyết tranh chấp tại Việt Nam.

Để khắc phục hạn chế này và tăng cường tính minh bạch, dự đoán được của pháp luật, đồng thời bảo vệ các giá trị cốt lõi của quốc gia, cần thiết phải:

Giới hạn nội hàm của khái niệm “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” trong một số lĩnh vực trọng yếu và cụ thể. Khái niệm này chỉ nên được áp dụng một cách đặc biệt thận trọng và trong những trường hợp cực kỳ hi hữu, khi phán quyết trọng tài vi phạm

ng nghiêm trọng và hiển nhiên các giá trị cốt lõi, nền tảng của hệ thống pháp luật Việt Nam và trật tự công cộng, chẳng hạn như:

Chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia: Các hành vi hoặc quyết định trực tiếp đe dọa đến độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ hoặc an ninh quốc gia Việt Nam.

Đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục: Các giá trị đạo đức cơ bản, nền tảng của xã hội Việt Nam được pháp luật và cộng đồng công nhận rộng rãi.

Những nguyên tắc cơ bản về quyền con người, quyền công dân: Các quyền và lợi ích hợp pháp cơ bản của con người, công dân được Hiến pháp và các văn bản pháp luật quan trọng bảo hộ, không thể bị xâm phạm.

Các nguyên tắc cơ bản về kinh tế thị trường, cạnh tranh lành mạnh: Không công nhận các phán quyết khuyến khích hoặc hợp thức hóa các hành vi vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc cạnh tranh công bằng, độc quyền, hoặc các hành vi lừa đảo gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế hoặc lợi ích công cộng.

Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết và có tính ràng buộc pháp lý (như Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hoặc Thông tư liên tịch) để giải thích rõ ràng, cụ thể các trường hợp được coi là “trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Văn bản này cần viện dẫn các trường hợp cụ thể đã hoặc có thể xảy ra trong thực tiễn, hoặc đưa ra các tiêu chí để xác định, đồng thời nhấn mạnh tính chất đặc biệt nghiêm trọng của hành vi vi phạm.

Thường xuyên tham khảo và cập nhật kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống pháp luật trọng tài phát triển như Pháp, Singapore, và Thụy Sĩ. Tại các quốc gia này, khái niệm “trật tự công cộng” (L’ordre public/public policy) được diễn giải một cách hẹp và thận trọng, chỉ áp dụng để từ chối công nhận phán quyết khi có sự vi phạm thực sự nghiêm trọng đến các giá trị nền tảng của xã hội, tránh can thiệp sâu vào nội dung và kết quả của phán quyết trọng tài. Việc học hỏi và áp dụng theo hướng này sẽ góp phần nâng cao tính độc lập và hiệu quả của trọng tài, củng cố niềm tin của cộng đồng quốc tế vào hệ thống tư pháp Việt Nam.

4.3. Cải tiến thủ tục về tài liệu

Thủ tục liên quan đến hợp pháp hóa lãnh sự và dịch thuật các tài liệu nước ngoài là một trong những điểm nghẽn gây tốn kém thời gian và chi phí, làm chậm trễ quá trình công nhận và cho thi hành PQTT nước ngoài tại Việt Nam. Yêu cầu chặt chẽ về hình thức và tính xác thực của tài liệu thường tạo gánh nặng hành chính không cần thiết.

Để cải tiến thủ tục này theo hướng hiện đại, hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế, cần kiến nghị:

Chấp nhận hình thức tổng đạt bằng thư điện tử và các nền tảng điện tử có xác nhận: Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, việc tổng đạt văn bản thông qua phương tiện điện tử đã trở thành thông lệ phổ biến ở nhiều quốc gia và tổ chức trọng tài quốc

tế. Pháp luật Việt Nam cần công nhận giá trị pháp lý của các hình thức tổng đạt này, miễn là có cơ chế xác nhận rõ ràng về việc gửi và nhận, đảm bảo tính toàn vẹn và không thể chối bỏ của thông tin. Điều này sẽ giúp tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí so với các kênh tổng đạt truyền thống như qua đường ngoại giao.

Miễn hợp pháp hóa lãnh sự đối với tài liệu trong trường hợp đã được công nhận theo điều ước quốc tế: Việt Nam là thành viên của nhiều điều ước quốc tế, đặc biệt là Công ước La Hay về hợp pháp hóa lãnh sự năm 1961 (Apostille Convention). Đối với các tài liệu từ các quốc gia thành viên của Công ước này hoặc các điều ước quốc tế khác có quy định về tương trợ tư pháp mà Việt Nam là thành viên, cần quy định rõ việc miễn yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự. Thay vào đó, chỉ cần chứng nhận Apostille hoặc các hình thức chứng nhận tương đương theo điều ước quốc tế là đủ.

Nâng cao chất lượng dịch thuật và công chứng tài liệu: Để đảm bảo tính chính xác và giá trị pháp lý của tài liệu dịch, cần có các quy định hướng dẫn chi tiết hơn về tiêu chuẩn của người dịch và cơ quan dịch thuật. Có thể xem xét việc thành lập hoặc ủy quyền cho một số tổ chức dịch thuật chuyên trách có chuyên môn sâu về pháp luật quốc tế và trọng tài, hoặc yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch bởi công chứng viên có chứng chỉ chuyên ngành. Điều này sẽ hạn chế tối đa các tranh chấp phát sinh từ lỗi dịch thuật hoặc thiếu sự tin cậy về bản dịch.

4.4. Phát triển cơ sở dữ liệu và tập huấn chuyên sâu cho thẩm phán

Việc thiếu một hệ thống cơ sở dữ liệu án lệ thống nhất và sự hạn chế về đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực trọng tài quốc tế đang là rào cản đáng kể trong việc áp dụng pháp luật một cách nhất quán và hiệu quả. Để nâng cao năng lực xét xử và tính minh bạch của hệ thống tư pháp, cần thực hiện các giải pháp sau:

Xây dựng hệ thống dữ liệu công khai các quyết định liên quan đến công nhận/thi hành phán quyết trọng tài: Tòa án Nhân dân Tối cao cần xây dựng và duy trì một cơ sở dữ liệu trực tuyến, dễ tiếp cận, bao gồm tất cả các quyết định của Tòa án các cấp liên quan đến việc công nhận, từ chối công nhận hoặc cho thi hành PQTT nước ngoài. Cơ sở dữ liệu này cần được cập nhật thường xuyên, có chức năng tìm kiếm linh hoạt theo quốc gia, lý do từ chối/công nhận, và loại hình tranh chấp. Việc công khai hóa (có chọn lọc thông tin cá nhân theo quy định pháp luật) sẽ giúp:

Hình thành án lệ và định hướng thực tiễn xét xử: Thẩm phán có thể tham khảo các quyết định trước đó, đảm bảo tính nhất quán và dự đoán được trong việc áp dụng pháp luật.

Nâng cao hiểu biết cho cộng đồng pháp lý và doanh nghiệp: Giúp các luật sư, doanh nghiệp và nhà đầu tư nắm bắt được xu hướng và yêu cầu của Tòa án Việt Nam, từ đó có sự chuẩn bị tốt hơn khi giải quyết tranh chấp.

Tăng cường sự giám sát và trách nhiệm giải trình: Giúp cộng đồng và các chuyên gia có thể đánh giá, góp ý về chất lượng và tính công bằng của các quyết định tư pháp.

Tăng cường đào tạo chuyên biệt và tập huấn chuyên sâu về trọng tài quốc tế cho thẩm phán, chấp hành viên: Lĩnh vực trọng tài quốc tế đòi hỏi kiến thức chuyên môn cao về pháp luật quốc tế, điều ước quốc tế và thực tiễn thương mại. Do đó, cần:

Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, thường xuyên và định kỳ về Công ước New York 1958, Luật Mẫu UNCITRAL, các quy tắc trọng tài quốc tế (ICC, SIAC, LCIA, v.v.) và thực tiễn áp dụng của các quốc gia khác.

Mời các chuyên gia quốc tế, trọng tài viên có kinh nghiệm tham gia giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

Xây dựng đội ngũ thẩm phán và chấp hành viên chuyên trách về giải quyết các vụ việc liên quan đến yếu tố nước ngoài và trọng tài quốc tế tại các Tòa án và Cơ quan thi hành án ở các thành phố lớn, nơi tập trung nhiều hoạt động thương mại quốc tế (như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội).

Khuyến khích nghiên cứu, trao đổi học thuật giữa các thẩm phán, chấp hành viên với giới luật sư, học giả và cộng đồng trọng tài quốc tế.

5. Kết luận

Sự công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phản ánh mức độ hội nhập và minh bạch của nền tư pháp quốc gia. Tại Việt Nam, dù đã có nhiều bước tiến, nhưng sự thiếu đồng bộ trong quy định và áp dụng pháp luật vẫn là rào cản lớn. Việc hoàn thiện pháp luật không chỉ nâng cao hiệu quả xét xử mà còn góp phần thu hút đầu tư nước ngoài, khẳng định uy tín và cam kết của Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế về giải quyết tranh chấp thương mại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Quốc hội, Luật Trọng tài thương mại 2010, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Công ước New York năm 1958.
4. ICCA, Hướng dẫn về Công ước New York 1958, bản dịch tiếng Việt – VIAC.
5. GS.TS. Đỗ Văn Đại (2022), *Pháp luật về trọng tài thương mại Việt Nam*, NXB Hồng Đức.
6. Bành Quốc Tuấn, “*Mở rộng phạm vi công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài*” Trường Đại học Kinh tế Luật, ĐHQG TP. HCM.
7. TS. Đặng Thị Thơm & TS. Nguyễn Thu Thủy (2022), “*Vấn đề thực thi phán quyết của Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế – Những vướng mắc và kiến nghị.*” Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử.
8. Lê Mạnh Hùng, “*Về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài*”. Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, TANDTC.

**TÍNH HỢP PHÁP CỦA PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI TRONG TRANH CHẤP
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG – GÓC NHÌN TỪ VẤN ĐỀ CHỨNG CỨ KHÔNG BỊ
XÁC LẬP LÀ GIẢ MẠO**

Nguyễn Lâm Thanh Trúc¹

Đồng Thị Mây²

Tóm tắt: Trong hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại, tính trung thực và khách quan của chứng cứ đóng vai trò nền tảng để đảm bảo sự công minh và hợp pháp của phán quyết trọng tài. Luật Trọng tài Thương mại Việt Nam 2010 đã quy định rõ tại điểm d khoản 2 Điều 68 một trong những căn cứ để Tòa án có thể hủy phán quyết trọng tài là khi chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài đã sử dụng làm cơ sở ra phán quyết bị phát hiện là giả mạo. Bài viết này phân tích cơ sở pháp lý của quy định nói trên, làm rõ các điều kiện để xác lập yếu tố “giả mạo chứng cứ”, trách nhiệm của các bên trong việc cung cấp tài liệu chứng minh, và phương thức đánh giá của cơ quan tài phán trong thực tiễn xét xử. Trên cơ sở đó, bài viết làm sáng tỏ ranh giới giữa việc chứng cứ “không đáng tin cậy” và “giả mạo”, hai khái niệm thường bị nhầm lẫn trong các yêu cầu hủy phán quyết. Thông qua nghiên cứu trường hợp điển hình trong tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa các doanh nghiệp có thỏa thuận trọng tài, bài viết khẳng định rằng khi không có căn cứ xác đáng chứng minh yếu tố giả mạo, thì yêu cầu hủy phán quyết trọng tài không thể được chấp nhận. Từ đó, bài viết góp phần củng cố nguyên tắc tôn trọng tính chung thẩm của phán quyết trọng tài và nâng cao nhận thức pháp lý trong việc sử dụng và kiểm chứng chứng cứ tại trọng tài thương mại.

Từ khóa: Hủy phán quyết trọng tài, chứng cứ giả mạo, trọng tài thương mại, hợp đồng xây dựng

Abstract: In commercial arbitration, the authenticity and objectivity of evidence constitute the cornerstone for ensuring the fairness and legality of arbitral awards. Article 68(2)(d) of the 2010 Law on Commercial Arbitration of Viet Nam expressly empowers courts to set aside an award if the evidence submitted by the parties and relied upon by the arbitral tribunal is subsequently proven to be forged. This paper analyses the statutory basis for that provision, elucidates the conditions necessary to establish “forged evidence,” and explores the evidentiary burdens borne by the parties as well as the judicial fact-finding methods applied in practice. It further clarifies the conceptual boundary between “unreliable evidence” and “forged evidence,” two notions frequently conflated in annulment petitions. By examining a

¹ Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Email: nlttruc@ntt.edu.vn.

² Học viên cao học-Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Email: maydongthi@yahoo.com.vn

representative construction-contract dispute resolved under an arbitral agreement, the study demonstrates that, absent cogent proof of forgery, a petition to annul an arbitral award must fail. The analysis thereby reinforces the principle of finality accorded to arbitral awards and enhances legal understanding of evidentiary submission and verification within Vietnamese commercial arbitration.

Keywords: *Setting aside an arbitral award, Arbitral proceedings, Commercial Arbitration.*

1. Mở đầu

Trong tố tụng trọng tài thương mại, chứng cứ và vai trò của trọng tài viên là những yếu tố then chốt quyết định tính công bằng, khách quan và hợp pháp của quá trình giải quyết tranh chấp. Việc xác định chứng cứ nhằm làm rõ các tình tiết, sự kiện có thật để làm căn cứ cho Hội đồng trọng tài giải quyết vụ việc về mặt nội dung. Ngược lại, phán quyết trọng tài chỉ có thể bị hủy khi có vi phạm về mặt hình thức, theo quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010. Điều này đồng nghĩa với việc Tòa án không được xem xét lại nội dung tranh chấp, mà chỉ có thẩm quyền kiểm tra hình thức tố tụng trong quá trình ra phán quyết của Hội đồng trọng tài. Mỗi chủ thể trong quá trình tố tụng trọng tài giữ vai trò riêng biệt và không thể hoán đổi: các bên tranh chấp có trách nhiệm cung cấp chứng cứ; Hội đồng trọng tài thực hiện việc thu thập, đánh giá chứng cứ và đưa ra phán quyết; còn Tòa án, nếu được yêu cầu, chỉ can thiệp trong giới hạn luật định để xem xét việc hủy phán quyết trọng tài. Theo quy định tại Điều 4 và Điều 61 Luật Trọng tài thương mại 2010, phán quyết trọng tài có giá trị chung thẩm và không bị kháng cáo, trừ trường hợp đặc biệt bị hủy theo căn cứ luật định. Do đó, việc bảo đảm tính minh bạch, khách quan và đúng trình tự pháp lý trong quá trình cung cấp, tiếp cận, đánh giá và sử dụng chứng cứ không chỉ bảo vệ quyền lợi của các bên mà còn góp phần duy trì giá trị pháp lý và hiệu lực thực tiễn của phán quyết trọng tài.

Việc xác định và đánh giá chứng cứ trong tố tụng trọng tài nhằm thiết lập cơ sở thực tiễn và pháp lý cho việc giải quyết vụ tranh chấp về mặt nội dung. Ngược lại, cơ chế hủy phán quyết trọng tài chỉ được áp dụng khi có vi phạm về mặt hình thức trong quá trình tố tụng, như sai thẩm quyền, vi phạm thủ tục tố tụng hoặc xâm phạm quyền tranh tụng, theo quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010. Tòa án, trong quá trình xem xét yêu cầu hủy phán quyết, không có thẩm quyền đánh giá lại nội dung vụ tranh chấp. Mỗi nội dung tố tụng đều thuộc phạm vi trách nhiệm riêng của từng chủ thể: các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ trung thực; Hội đồng trọng tài có thẩm quyền đánh giá và đưa ra phán quyết; còn Tòa án chỉ được giới hạn trong việc giám sát tính hợp pháp của quá trình trọng tài, không can thiệp vào bản chất tranh chấp.

Trọng tài viên với vai trò là người trực tiếp xét xử tranh chấp có nghĩa vụ đánh giá toàn bộ chứng cứ một cách độc lập, vô tư và công bằng, không bị tác động bởi bất kỳ áp lực nào từ bên liên quan. Trọng tài viên không chỉ là người “phán xử” mà còn là người “kiểm định” toàn bộ quá trình giải trình và phản biện giữa các bên, từ đó đưa ra quyết định cuối cùng. Trọng tài viên có trách nhiệm pháp lý và đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo rằng mọi chứng cứ được sử dụng để ban hành phán quyết đều đã được xem xét đầy đủ, không thiên lệch và không vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Tính độc lập và khách quan của trọng tài viên chính là cơ sở đảm bảo cho một quá trình giải quyết tranh chấp minh bạch, đúng luật và được công nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền cũng như các bên đương sự.

Tuy nhiên, để trọng tài viên có thể thực hiện tốt vai trò này, việc cung cấp chứng cứ một cách trung thực và đầy đủ từ phía các bên là vô cùng quan trọng. Theo quy định tại Điều 38 và Điều 46 Luật Trọng tài thương mại 2010,³ các bên tranh chấp có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mỗi bên có trách nhiệm chứng minh cho các yêu cầu và phản bác của mình bằng các tài liệu, lời khai, biên bản, hợp đồng, hồ sơ kế toán, chứng từ thanh toán và các tài liệu liên quan khác. Trách nhiệm chứng minh không chỉ đơn thuần là nghĩa vụ pháp lý mà còn là một cam kết đạo đức trong việc bảo vệ sự thật khách quan của vụ việc. Nếu các chứng cứ được trình bày không trung thực, không minh bạch hoặc bị làm giả nhằm đánh lừa Hội đồng trọng tài, hậu quả pháp lý phát sinh sẽ nghiêm trọng, có thể làm suy giảm tính hợp pháp của phán quyết và ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thi hành của phán quyết trong thực tế.

Trong bối cảnh đó, khái niệm “chứng cứ giả mạo” trở thành một trong những điểm mấu chốt để đánh giá tính hợp pháp của một phán quyết trọng tài. Theo điểm d khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010, một trong các căn cứ để Tòa án có thể tuyên hủy phán quyết trọng tài là khi “chứng cứ mà Hội đồng trọng tài căn cứ để ra phán quyết bị phát hiện là giả mạo”. Khác với những tranh luận về tính hợp pháp của thỏa thuận trọng tài hay sai sót về thành phần Hội đồng trọng tài, chứng cứ giả mạo là vấn đề có tính chất đạo đức và pháp lý nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ quá trình phán xử. Một chứng cứ được coi là giả mạo khi có đủ dấu hiệu cho thấy nó được tạo lập một cách cố ý, sai lệch sự thật khách quan, nhằm mục đích gây hiểu lầm hoặc đánh lừa Hội đồng trọng tài, từ đó đem lại lợi thế bất chính cho bên cung cấp.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử trọng tài, việc xác định chứng cứ có phải là giả mạo hay không không phải là điều dễ dàng. Chứng cứ thường được cung cấp dưới nhiều hình thức và từ nhiều nguồn, bao gồm cả văn bản giấy tờ, dữ liệu điện tử và lời khai nhân chứng. Để xác

³ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2010). Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010. Hà Nội, Việt Nam: Văn phòng Quốc hội.

lập được tính chất giả mạo, cần có những bằng chứng rõ ràng như: tài liệu chỉnh sửa trái phép, mâu thuẫn về nội dung với các tài liệu khác, dấu hiệu can thiệp kỹ thuật số, sự bất nhất trong lời khai của nhân chứng, hoặc có kết luận từ cơ quan giám định chuyên môn. Thực tế xét xử cho thấy, rất hiếm bên tranh chấp tự thừa nhận việc làm giả chứng cứ, mà phần lớn chỉ bị phát hiện khi có sự đối chiếu, phản biện từ phía đối phương hoặc cơ quan tố tụng.

Điều đặc biệt cần nhấn mạnh là phán quyết trọng tài có giá trị chung thẩm, đồng nghĩa với việc một khi phán quyết được ban hành hợp pháp và không thuộc trường hợp bị hủy theo Điều 68, thì nó có hiệu lực thi hành cuối cùng và ràng buộc đối với các bên. Chính tính chất chung thẩm này khiến cho quá trình đánh giá chứng cứ trong trọng tài trở nên nghiêm ngặt và có ý nghĩa quyết định. Khác với tố tụng tại Tòa án – nơi có các cấp xét xử và cơ chế kháng cáo – trọng tài chỉ có một cấp duy nhất. Vì vậy, nếu phán quyết được ban hành dựa trên chứng cứ không đầy đủ, không minh bạch, hoặc tệ hơn là giả mạo, thì hậu quả là không thể khắc phục, trừ khi phát sinh căn cứ hủy phán quyết theo luật định.

Việc này đặt ra yêu cầu cao hơn đối với cả hai phía: trọng tài viên cần thể hiện tính công tâm và kỹ năng đánh giá chứng cứ toàn diện; còn các bên đương sự cần phải thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ một cách trung thực, rõ ràng và có trách nhiệm. Sự kết hợp giữa hai yếu tố này chứng cứ đáng tin cậy và trọng tài viên khách quan là nền tảng không thể thiếu để bảo đảm cho phán quyết trọng tài đạt được hiệu lực pháp lý, cũng như thuyết phục được sự tin tưởng của các bên liên quan. Ngoài ra, khi có yêu cầu hủy phán quyết được gửi tới Tòa án, việc chứng minh sự tồn tại của chứng cứ giả mạo là trách nhiệm của bên yêu cầu. Nếu không đưa ra được bằng chứng cụ thể, đáng tin cậy để chứng minh cho sự giả mạo, thì Tòa án không có nghĩa vụ tự mình xác minh và không có cơ sở để hủy phán quyết. Điều này được thể hiện rõ qua các vụ việc thực tiễn, trong đó nhiều yêu cầu hủy phán quyết đã bị bác bỏ do không có đủ bằng chứng chứng minh chứng cứ là giả tạo, mặc dù bên yêu cầu vẫn đưa ra nghi ngờ hoặc bất mãn với phán quyết.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng phán quyết trọng tài chỉ thực sự có giá trị pháp lý và được công nhận trong thực tiễn khi nó được ban hành dựa trên quy trình tố tụng minh bạch, công bằng và trên nền tảng chứng cứ rõ ràng, xác thực. Việc đảm bảo tính khách quan của trọng tài viên và sự trung thực trong việc cung cấp chứng cứ là yếu tố cốt lõi để bảo vệ tính chung thẩm và hiệu lực thi hành của phán quyết trọng tài. Điều này không chỉ bảo vệ quyền lợi của các bên tranh chấp mà còn góp phần nâng cao uy tín và hiệu quả của cơ chế trọng tài trong hệ thống pháp luật thương mại hiện đại.

2. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài liên quan đến chứng cứ do các bên cung cấp mà hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo

Phán quyết trọng tài (PQTT) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tính vô tư của Hội đồng trọng tài và độ tin cậy của chứng cứ hai yếu tố cốt lõi bảo đảm tính khách quan và minh bạch của quy trình giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, để PQTT được công nhận là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, còn phải đáp ứng thêm các điều kiện pháp lý bắt buộc khác như: thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, tính hợp pháp của thủ tục tố tụng, bảo đảm quyền tranh tụng của các bên và không vi phạm điều cấm của pháp luật hay trái đạo đức xã hội. Đây là những yếu tố cấu thành tính hợp lệ của PQTT. Đây chính là nền tảng bảo đảm cho tính minh bạch và độ tin cậy của toàn bộ quy trình trọng tài. Trong đó, tính độc lập và công tâm của Trọng tài viên giữ vai trò then chốt, nhằm bảo đảm các quyết định đưa ra không bị chi phối bởi bất kỳ yếu tố bên ngoài nào. Trọng tài viên cần đánh giá toàn diện các luận cứ và tài liệu của các bên trên cơ sở công bằng, khách quan và không thiên vị. Điều này đòi hỏi họ phải giữ vững lập trường độc lập, không để bị ảnh hưởng bởi các áp lực từ phía các bên tranh chấp, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực pháp lý hiện hành. Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, không ít trường hợp PQTT bị hủy do hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc này, hoặc do các bên cho rằng quy trình thu thập và đánh giá chứng cứ của hội đồng chưa được tiến hành đầy đủ, thậm chí còn diễn ra sau khi quyết định đã được ban hành. Những hạn chế như vậy không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các bên mà còn đặt ra nghi vấn về sự công bằng và hợp lý trong quá trình đưa ra phán quyết. Tuy nhiên, để được xác định là “chứng cứ giả mạo”, tài liệu hoặc thông tin đó phải được cố ý tạo lập sai lệch so với sự thật khách quan, với mục đích đánh lừa Hội đồng trọng tài hoặc cơ quan tài phán nhằm đạt được lợi ích không chính đáng cho bên xuất trình. Hành vi giả mạo chứng cứ phản ánh sự vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc trung thực và thiện chí trong tố tụng trọng tài, thường phát sinh từ hành động không minh bạch của một hoặc nhiều chủ thể tham gia tranh chấp. Trong thực tiễn, nếu các bên đồng thuận hoặc không đối kháng về chứng cứ, việc phát hiện hành vi làm giả có thể gặp nhiều khó khăn. Theo quy định pháp luật, các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ một cách trung thực, khách quan và phải chịu trách nhiệm pháp lý về tính xác thực và nguồn gốc của những chứng cứ đã nộp trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Diễn hình như Phán quyết 134/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 12929/2022/QĐ-MPH ngày 31 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 12935/2022/QĐHPH-ST ngày 23/11/2022.⁴

Theo đơn yêu cầu ngày 28 tháng 06 năm 2022 và các bản tường trình của Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co. (gọi tắt là TrueBuild Co.) trình bày như sau:

⁴ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2022). *Phán quyết số 134/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài*

Để thực hiện dự án "Công trình xây dựng của Nhà máy Tập đoàn XBuild Tech" do Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam (gọi tắt là XBuild Tech) là chủ đầu tư tại địa điểm số 10, đại lộ Hữu nghị, KCN Việt Nam - Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam, XBuild Tech và TrueBuild Co. (Nhà thầu thi công) đã ký kết các thỏa thuận hợp đồng sau:

Hợp đồng Xây dựng số 01/2019/HDXD/GS-SI ngày 09/5/2019, với tổng giá trị hợp đồng là 138.000.000.000 VNĐ (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Phụ lục 01 ngày 02/8/2019 kèm theo Hợp đồng Xây dựng số 01/2019/HDXD/GS-SI – tổng giá trị phụ lục là 2.581.000.000 VNĐ (Hai tỷ năm trăm tám mươi một triệu đồng).

Hợp đồng Xây dựng số 02/2019/HDXD/GS-SI ngày 07/8/2019 – tổng giá trị hợp đồng là 1.817.200.000 VNĐ (Một tỷ tám trăm mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, TrueBuild Co. đã tuân thủ đầy đủ các điều khoản và đã hoàn thiện, bàn giao các hạng mục công việc theo thỏa thuận cho XBuild Tech. Ngoài ra, TrueBuild Co. còn thi công và bàn giao nhiều hạng mục phát sinh do có thay đổi trong quá trình xây dựng. Tổng giá trị thi công thực tế được bàn giao là 157.852.919.575 VNĐ (Một trăm năm mươi bảy tỷ tám trăm năm mươi hai triệu chín trăm mười chín nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Tuy nhiên, XBuild Tech mới chỉ thanh toán 130.493.800.000 VNĐ, còn nợ TrueBuild Co. số tiền lớn. Mặc dù công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, XBuild Tech vẫn trì hoãn ký hồ sơ quyết toán và không thanh toán phần còn lại. Đến ngày 16/09/2020, mặc dù Nhà máy đã nghiệm thu và đi vào hoạt động, XBuild Tech lại ra thông báo đơn phương chấm dứt các hợp đồng đã ký với TrueBuild Co.

Ngày 24/12/2020, XBuild Tech khởi kiện TrueBuild Co., yêu cầu thanh toán sau khi bù trừ nghĩa vụ số tiền 9.060.050.052 đồng, đồng thời yêu cầu TrueBuild Co. phát hành chứng thư bảo lãnh vô điều kiện trị giá 05% giá trị hợp đồng: 7.119.910.000 đồng, trong thời hạn 01 năm (toàn bộ công trình) và 03 năm (mái & chống thấm), theo phán quyết có hiệu lực của Hội đồng Trọng tài VIAC. Nếu không, XBuild Tech được quyền giữ lại số tiền tương ứng.

Ngày 19/02/2021, TrueBuild Co. nộp đơn kiện lại tại VIAC nhằm bảo vệ quyền lợi, yêu cầu:

Buộc XBuild Tech thanh toán số tiền còn nợ: 27.359.119.575 đồng.

Buộc thanh toán tiền lãi chậm (10%/năm), tạm tính đến ngày 17/2/2021 là 3.178.706.789 đồng.

Đồng thời tiếp tục tính lãi 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ.

Không đồng ý với phán quyết của Hội đồng trọng tài, ngày 25/7/2022, Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh hủy phán quyết

trọng tài vụ tranh chấp số 144/20 HCM ngày 21/5/2022 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) với các lý do cụ thể như sau:

Thứ nhất, TrueBuild Co cho rằng Hội đồng trọng tài khi giải quyết vụ việc đã không bảo đảm tính vô tư và khách quan theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại về nguyên tắc giải quyết tranh chấp. Cụ thể, Hội đồng trọng tài đã không thực hiện việc thu thập các chứng cứ quan trọng như: xem xét, thẩm định thực tế các hạng mục phát sinh, còn thiếu; yêu cầu TNHH XBuild Tech Việt Nam hoặc Sở Xây dựng cung cấp hồ sơ, tài liệu về việc TrueBuild Co đã hoàn thành khối lượng công việc và xác định thời điểm bàn giao; Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng ngày 20/11/2019 và Báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư ngày 09/12/2019 để làm căn cứ đánh giá. Đây là những chứng cứ có thể làm thay đổi bản chất vụ việc, nhưng Hội đồng trọng tài đã bỏ qua mặc dù TrueBuild Co đã có yêu cầu cung cấp. Điều này cho thấy sự thiếu khách quan và thiên vị của Hội đồng trọng tài, gây bất lợi và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của TrueBuild Co.

Thứ hai, TrueBuild Co cáo buộc Hội đồng trọng tài đã cố ý viện dẫn chứng cứ không chính xác, bỏ qua những chứng cứ quan trọng để đưa ra phán quyết thiếu công bằng và mang tính áp đặt. Chẳng hạn, Hội đồng trọng tài cho rằng TrueBuild Co không cung cấp được chứng cứ về việc công trình đã hoàn thành vào ngày 20/11/2019, từ đó xác định thời gian chậm tiến độ và mức phạt. Nhưng trên thực tế, TrueBuild Co đã chỉ rõ các văn bản như Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng ngày 20/11/2019, Báo cáo khắc phục tồn tại ngày 09/12/2019, công văn TNHH XBuild Tech Việt Nam gửi Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, trong đó thừa nhận tình hình triển khai và hoàn thành dự án trong tháng 11/2019. Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài vẫn cố tình bỏ qua những tài liệu này để buộc TrueBuild Co chịu phạt.

Cuối cùng, TrueBuild Co còn cho rằng Hội đồng trọng tài đã giải quyết vụ việc một cách thiếu công bằng, có sự phân biệt đối xử giữa các bên, vi phạm nguyên tắc bình đẳng được quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại. Biểu hiện rõ ràng là việc phân biệt đối xử đối với người đại diện theo ủy quyền của TrueBuild Co khi không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên họp do đang trong thời gian cách ly vì COVID-19, trong khi người đại diện của TNHH XBuild Tech Việt Nam lại được Hội đồng trọng tài chấp thuận hoãn với lý do tương tự.

Bên cạnh đó, TrueBuild Co cũng chỉ ra dấu hiệu thiên vị của Hội đồng trọng tài khi bác bỏ toàn bộ yêu cầu về khối lượng công việc phát sinh; quy toàn bộ trách nhiệm cho TrueBuild Co mà không xem xét đầy đủ trách nhiệm giám sát của XBuild Tech Việt Nam; đồng thời tuyên các bên chia đều (50/50) chi phí phát sinh mới, nhưng lại bác bỏ yêu cầu bồi hoàn của TrueBuild Co liên quan đến phần công việc phát sinh do thiếu khối lượng ban đầu. Ngoài ra, Hội đồng

trọng tài cũng chỉ tính lãi chậm thanh toán trên một phần giá trị còn lại của hợp đồng, dù đã xác định có lỗi từ phía XBuild Tech Việt Nam trong việc cố tình kéo dài thời gian thanh toán, gây thiệt hại cho TrueBuild Co.

Từ các lập luận nêu trên, có thể thấy yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của TrueBuild Co tập trung vào việc Hội đồng trọng tài không bảo đảm tính công bằng, khách quan, và tuân thủ đúng quy định pháp luật cũng như hợp đồng trong quá trình giải quyết tranh chấp. TrueBuild Co cho rằng phán quyết có nhiều sai sót, nhận định không chính xác, và vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng trọng tài về chứng cứ do các bên cung cấp mà hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo. Đây là những vấn đề mang tính trọng yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của TrueBuild Co, cần được Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xem xét một cách toàn diện, khách quan và công minh để đảm bảo công lý được thực thi.

3. Nhận định của Tòa án

Hội đồng trọng tài đã tiến hành thu thập và xem xét các chứng cứ liên quan

Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng hồ sơ vụ việc và các căn cứ pháp lý có liên quan, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã đưa ra các nhận định đối với phán quyết của Hội đồng trọng tài cũng như yêu cầu hủy phán quyết của Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co.

Trước hết, về việc thu thập và xem xét chứng cứ, Tòa án cho rằng Hội đồng trọng tài đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật. Cụ thể, Hội đồng trọng tài đã xem xét Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng số 42-CV/XB-2019 ngày 20/11/2019 và Báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số 47-CV/XB-2019 ngày 09/12/2019 do TrueBuild Co cung cấp. Tuy nhiên, tại Đoạn 4 của Quyết định giải thích, bổ sung Phán quyết trọng tài, Hội đồng trọng tài khẳng định các tài liệu này chưa đủ để chứng minh công trình đã nghiệm thu và hoàn thành. Tòa án đồng tình rằng việc Hội đồng trọng tài không coi các văn bản trên là căn cứ chứng minh công trình đã hoàn thành là có cơ sở, vì đây đều là báo cáo đơn phương từ phía Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam, thiếu sự thống nhất và xác nhận của TrueBuild Co cũng như các cơ quan có thẩm quyền về tình trạng thực tế và giá trị nghiệm thu, bàn giao công trình.

Đối với các đề nghị khác như thẩm định tại chỗ hoặc thu thập thêm tài liệu từ cơ quan quản lý nhà nước, Tòa án nhận định Hội đồng trọng tài có quyền cân nhắc theo Điều 46 Luật Trọng tài Thương mại 2010. Xét thực tế, hồ sơ, bản vẽ hoàn công và chứng từ các bên đã nộp đủ cơ bản để đánh giá khối lượng, giá trị và quá trình thực hiện hợp đồng; việc thẩm định công trình sau khi đã đưa vào sử dụng lâu ngày sẽ khó khăn về kỹ thuật và pháp lý. Do đó, Hội đồng trọng tài không thực hiện các biện pháp này là phù hợp, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trọng tài và không ảnh hưởng đáng kể tới kết quả giải quyết vụ việc.

Liên quan tới cáo buộc Hội đồng trọng tài cố tình bỏ qua chứng cứ quan trọng, Tòa án không chấp nhận quan điểm của TrueBuild Co. Hồ sơ thể hiện Hội đồng trọng tài đã nghiên cứu, đánh giá các tài liệu do TrueBuild Co cung cấp nhưng xét thấy giá trị pháp lý và sức thuyết phục của các chứng cứ này hạn chế nên không sử dụng làm căn cứ chính cho phán quyết; điều đó không thể xem là thiên vị hay cố tình gây bất lợi cho bất kỳ bên nào.

Từ các phân tích trên, Tòa án kết luận Hội đồng trọng tài đã tuân thủ quy định pháp luật về nghĩa vụ và quyền hạn trong việc thu thập, xem xét chứng cứ làm cơ sở cho phán quyết. Việc không chấp nhận một số yêu cầu và lập luận của TrueBuild Co xuất phát từ giá trị chứng cứ họ cung cấp chưa đủ thuyết phục, chứ không phải do thiếu khách quan hay cố tình bỏ qua chứng cứ. Với nhận định này, Tòa án bác bỏ phần quan trọng trong yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của TrueBuild Co.

Việc không chấp nhận hoãn phiên họp của Hội đồng trọng tài là có cơ sở

Về việc Hội đồng trọng tài không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên họp của Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh cho rằng quyết định này là hoàn toàn hợp lý và có cơ sở pháp lý vững chắc.

Cụ thể, theo quy định tại Điều 26 Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC 2017: "Yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải bằng văn bản, nêu rõ lý do, kèm theo chứng cứ và gửi tới Trung tâm". Quy định này thể hiện rõ rằng các bên tham gia tố tụng có nghĩa vụ cung cấp văn bản cùng các tài liệu chứng minh lý do hoãn phiên họp là chính đáng và hợp lý.

Trong vụ việc này, ngày 22/02/2022, ông Nguyễn Ngọc Đức – người đại diện theo ủy quyền của TrueBuild Co – đã gửi văn bản yêu cầu hoãn phiên họp ngày 01/3/2022 với lý do nhân chứng đang bị cách ly, điều trị COVID-19 tại nhà. Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài nhận định rằng lý do này chưa đủ tính cấp thiết để dẫn đến việc hoãn phiên họp, bởi lẽ TrueBuild Co còn có một đại diện ủy quyền khác là ông Đoàn Trung Kiên, người có phạm vi quyền hạn tương đương và đủ điều kiện tham gia phiên họp. Đáng chú ý, ông Kiên không có bất kỳ yêu cầu hoãn nào được gửi đến Hội đồng trọng tài. Mặt khác, hồ sơ và tài liệu trong vụ việc đã cơ bản đầy đủ, sự vắng mặt của ông Đức (nếu có) cũng không ảnh hưởng đáng kể đến việc thẩm tra chứng cứ và ra phán quyết.

Quan trọng hơn, thực tế tại phiên họp cho thấy ông Đức – dù không được chấp thuận yêu cầu hoãn – vẫn có mặt và tham gia đầy đủ. Điều này chứng minh rằng quyết định không chấp thuận yêu cầu hoãn của Hội đồng trọng tài không gây bất kỳ khó khăn hay thiệt hại nào cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của TrueBuild Co trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Tòa án cũng đưa ra nhận định về sự khác biệt rõ ràng giữa trường hợp của ông Đức và ông Nguyễn Vũ Phú (đại diện của Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam), người đã từng được

Hội đồng trọng tài chấp thuận hoãn phiên họp do nhiễm COVID-19. Trường hợp ông Phú khác biệt ở chỗ ông là người đại diện duy nhất của XBuild Tech Việt Nam, thuộc diện F0 với yêu cầu cách ly bắt buộc, và sự vắng mặt của ông tại phiên họp có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc trình bày quan điểm cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Đồng thời, XBuild Tech Việt Nam cũng đã cung cấp đầy đủ tài liệu y tế để chứng minh tình trạng bệnh lý của đại diện mình. Vì vậy, đây là hai tình huống hoàn toàn khác nhau về bản chất, không thể đánh đồng hay cho rằng Hội đồng trọng tài có hành vi phân biệt đối xử.

Từ những nhận định trên, Tòa án khẳng định rằng việc Hội đồng trọng tài không chấp thuận yêu cầu hoãn phiên họp của TrueBuild Co là phù hợp với thực tiễn và có căn cứ pháp lý rõ ràng, tuân thủ đúng theo Điều 26 Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC 2017 và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của vụ việc. Đặc biệt, quyết định này không gây ra bất kỳ ảnh hưởng tiêu cực hay thiệt hại nào đến quyền và lợi ích hợp pháp của TrueBuild Co. Do đó, đây không thể được xem là căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010 về tính hợp pháp của thủ tục tố tụng.

Phân tích theo các căn cứ hủy phán quyết của luật trọng tài thương mại

Điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại 2010⁵ quy định một trong các căn cứ để Tòa án xem xét hủy phán quyết trọng tài là trường hợp chứng cứ do các bên cung cấp, mà Hội đồng trọng tài căn cứ để ra phán quyết, bị phát hiện là giả mạo. Đây được coi là cơ chế đặc biệt nhằm khắc phục những bất cập về chứng cứ và bảo đảm tính công bằng, nghiêm minh của phán quyết trọng tài, từ đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

Để được xác định là “giả mạo”, chứng cứ phải được cố ý tạo dựng sai lệch sự thật khách quan nhằm đánh lừa trọng tài viên và cơ quan tài phán, qua đó đem lại lợi ích bất chính cho bên xuất trình. Hành vi này thường khởi nguồn từ sự thiếu trung thực, thiện chí của một hoặc một số chủ thể tranh chấp; nếu các bên đồng thuận, việc phát hiện gian dối sẽ vô cùng khó khăn. Các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ trung thực, khách quan và phải chịu trách nhiệm pháp lý về chứng cứ của mình.

Tuy nhiên, việc chứng minh chứng cứ là giả mạo trên thực tế không hề đơn giản: rất hiếm bên nào tự thú nhận hành vi làm giả, mà thường do bên kia cung cấp chứng cứ phản bác—chẳng hạn dấu vết chỉnh sửa, mâu thuẫn về nội dung, không phù hợp bối cảnh, lời khai nhân chứng... Những tài liệu này sẽ được thẩm phán xem xét, đối chiếu và kết luận.

Trong vụ việc đang xét, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co hoàn toàn không đề cập đến vấn đề chứng cứ giả mạo. Hồ sơ tranh chấp và diễn biến tố tụng cho thấy không có phản ánh hay nghi ngờ nào về việc một trong các bên cung cấp

⁵ Luật Trọng tài Thương mại 2010. Điều 68. Khoản 2. Điểm d

chứng cứ giả tạo. Các tài liệu, bản vẽ, sổ sách, hợp đồng, biên bản... do TrueBuild Co và Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam cung cấp đều có chữ ký, con dấu hợp lệ, phù hợp tiến độ hợp đồng và phản ánh quan hệ kinh tế thực tế. Hội đồng trọng tài đã thẩm định tính hợp pháp của chứng cứ công khai, minh bạch, đúng thủ tục.

Phán quyết cũng chứng tỏ Hội đồng trọng tài đã tổng hợp, đánh giá toàn diện chứng cứ do các bên xuất trình và ghi rõ giá trị pháp lý của từng tài liệu: phần lớn dựa trên hồ sơ có xác nhận song phương hợp đồng, phụ lục, bản vẽ thiết kế, hoàn công, biên bản nghiệm thu, đối chiếu khối lượng, tài liệu thanh toán chứ không dựa trên nội dung do một bên tự lập hoặc bị nghi ngờ.

Thực tế, TrueBuild Co chưa hề đưa ra bất kỳ căn cứ hay phản ánh nào về việc chứng cứ của hai bên là giả tạo trong suốt quá trình tố tụng trọng tài lần đơn yêu cầu hủy phán quyết. Việc chỉ cho rằng một số chứng cứ “không đủ độ tin cậy” hay “không phản ánh đầy đủ” hoàn toàn không thể kết luận đó là chứng cứ giả mạo theo luật định.

Do đó, về nội dung và hình thức, không có căn cứ xác định bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào do các bên cung cấp là giả mạo. Chúng đã được Hội đồng trọng tài xem xét khách quan, và không phát sinh tranh cãi về nguồn gốc, nội dung. Lập luận của TrueBuild Co rằng một số chứng cứ của XBuild Tech Việt Nam thiếu tin cậy chỉ phản ánh quan điểm chủ quan, không đủ cơ sở pháp lý. Hội đồng trọng tài không thể dựa trên nghi ngờ chủ quan để ra phán quyết.

Từ các phân tích trên, có thể kết luận hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của TrueBuild Co theo Điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại 2010. TrueBuild Co không cung cấp được chứng cứ hay lập luận hợp lý chứng minh quan điểm của mình, và ngay trong đơn yêu cầu hủy phán quyết cũng không đề cập đến “chứng cứ giả mạo”. Tòa án không có nghĩa vụ tự điều tra, xác minh khi không có yêu cầu cụ thể; vì vậy, việc bác yêu cầu hủy phán quyết của TrueBuild Co vì lý do này là hoàn toàn có cơ sở pháp lý.

Sau khi phân tích kỹ lưỡng các yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co trên cơ sở đối chiếu với các căn cứ hủy phán quyết được quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại 2010, cần tiếp tục đánh giá tính hợp pháp của phán quyết trong mối liên hệ với hệ thống quy phạm pháp luật liên quan, từ đó đưa ra kết luận toàn diện và đầy đủ về tính có căn cứ của quyết định giải quyết vụ việc.

Thứ nhất về trình tự, thủ tục tố tụng: Hội đồng Trọng tài Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Trọng tài Thương mại 2010. Cụ thể, Hội đồng đã:

- (i) nghiên cứu đầy đủ hồ sơ, phân loại chính xác yêu cầu, tranh chấp;

⁶ Luật Trọng tài Thương mại 2010. Điều 68. Khoản 2. Điểm d

- (ii) xác định phạm vi thẩm quyền theo thỏa thuận trọng tài;
- (iii) thông báo kịp thời đến các bên về thụ lý, địa điểm, thời gian giải quyết;
- (iv) bảo đảm quyền cung cấp chứng cứ, trình bày quan điểm và tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên;
- (v) ban hành phán quyết chung thẩm và gửi cho các bên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng;
- (vi) thực hiện thủ tục giải thích, sửa đổi phán quyết theo đề nghị của TrueBuild Co vào tháng 5/2022, bảo đảm tính minh bạch của nội dung phán quyết.

Thứ hai về nội dung pháp lý chuyên ngành:

Căn cứ Luật Xây dựng 2014 và Nghị định 37/2015/NĐ-CP, Hội đồng đã áp dụng đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu, cũng như các điều kiện chấm dứt hợp đồng xây dựng⁷ Điều 147 Luật Xây dựng 2014 để đánh giá tính hợp pháp của hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng ngày 16/9/2020 của Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam, từ đó xác định lại nghĩa vụ thanh toán và khoản phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 306, 307 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng đã xử lý nghĩa vụ thanh toán và phạt chậm trả, buộc XBuild Tech Việt Nam thanh toán các khoản nợ đối chiếu và lãi/phạt theo thỏa thuận hợp đồng.

Về quản lý chi phí, Hội đồng vận dụng Nghị định 10/2021/NĐ-CP (thay thế NĐ 32/2015 và 68/2019) để xác định, phân bổ chi phí hợp lệ, bao gồm khối lượng điều chỉnh, phát sinh, chênh lệch vật liệu, máy thi công... trên cơ sở hồ sơ và chứng từ do hai bên xuất trình. Các quyết định của Hội đồng đều bám sát cam kết trong hợp đồng, phù hợp tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh toán, và phản ánh diễn biến thực tế của quá trình thực hiện hợp đồng. Việc xác định phạt vi phạm, lãi chậm thanh toán và bồi thường thiệt hại bảo đảm nguyên tắc nhân-quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả, tuân thủ cả pháp luật chung và pháp luật chuyên ngành.

Thứ ba về chứng cứ: Hồ sơ vụ việc không xuất hiện nghi vấn hay tố cáo về “chứng cứ giả mạo”. Các tài liệu, bản vẽ, biên bản, hợp đồng... đều có chữ ký, con dấu hợp lệ và được Hội đồng thẩm tra công khai. TrueBuild Co cũng không viện dẫn căn cứ “chứng cứ giả mạo” trong đơn yêu cầu hủy phán quyết. Do đó, căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại 2010 không phát sinh.

Kết luận: Phán quyết trọng tài số 144/20 HCM ngày 21/5/2022 của VIAC—giải quyết tranh chấp giữa Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam và Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co—được xây dựng trên nền tảng pháp lý vững chắc, tuân thủ đầy đủ thủ tục tố tụng trọng tài và phù hợp các quy định chuyên ngành xây dựng, dân sự, tài chính. Lập luận của TrueBuild Co

⁷ Luật Xây dựng 2014. Điều 147

thiếu cơ sở thuyết phục, nên Tòa án giữ nguyên hiệu lực phán quyết là quyết định đúng đắn, góp phần khẳng định vai trò và uy tín của trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp kinh doanh.

4. Bình luận học thuật

Qua việc phân tích toàn diện hồ sơ tranh chấp giữa Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co và Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam đối chiếu với Luật Trọng tài Thương mại 2010 và các quy phạm chuyên ngành xây dựng, có thể thấy rằng yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của TrueBuild Co hoàn toàn không đáp ứng được bất kỳ căn cứ nào được quy định tại khoản 2 Điều 68. Phán quyết số 144/20 HCM ngày 21/05/2022 đã được ban hành bởi Hội đồng trọng tài hợp lệ của VIAC, với trình tự tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tranh tụng và tuân thủ thời hạn luật định. Đặc biệt, Hội đồng trọng tài đã căn cứ vào hệ thống chứng cứ được thẩm định rõ ràng, áp dụng đúng các quy định của Luật Xây dựng 2014⁸, Nghị định 37/2015/NĐ-CP⁹, Nghị định 10/2021/NĐ-CP¹⁰ và các điều khoản tại Điều 306, 307 Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết triệt để các yêu cầu khởi kiện và phản tố.

Từ thực tiễn giải quyết vụ việc, có thể nhận thấy việc áp dụng Điểm d khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại 2010 liên quan đến chứng cứ giả mạo đòi hỏi một tiêu chuẩn chứng minh rất nghiêm ngặt. Theo quy định này, chỉ khi có đủ căn cứ xác thực rằng chứng cứ đã bị cố ý tạo lập sai lệch với sự thật khách quan nhằm đánh lừa Hội đồng trọng tài hoặc cơ quan tài phán để đạt được lợi ích bất chính, thì phán quyết mới có thể bị hủy. Đây là điều kiện phản ánh sự cân bằng giữa bảo vệ quyền lợi các bên và duy trì tính ổn định, chung thủy của phán quyết trọng tài. Trong vụ việc, TrueBuild Co không đưa ra được bất kỳ tài liệu, kết luận giám định hay bằng chứng đối kháng nào chứng minh việc chứng cứ bị làm giả. Việc chỉ nêu nghi vấn về tính thiếu tin cậy hoặc lập luận cho rằng Hội đồng trọng tài đánh giá chứng cứ không khách quan là không đủ để hình thành căn cứ hủy phán quyết theo luật định.

Đồng thời, vụ việc cũng tái khẳng định nguyên tắc cốt lõi của tố tụng trọng tài: Tòa án không có thẩm quyền xét lại nội dung tranh chấp. Đây là ranh giới pháp lý rõ ràng nhằm bảo vệ tính độc lập của cơ chế trọng tài, như được quy định tại Điều 4 và Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại. Trong nhiều vụ việc tương tự, chẳng hạn như Quyết định số 06/2020/QĐ-PQTT của TAND TP.HCM, Tòa án cũng đã bác yêu cầu hủy phán quyết do không có căn cứ chứng minh vi phạm tố tụng hay chứng cứ giả mạo, cho thấy thực tiễn xét xử giữ vững lập trường không can thiệp vào đánh giá nội dung tranh chấp nếu không có vi phạm hình thức rõ ràng.

⁸ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội.

⁹ Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Hà Nội: Chính phủ.

¹⁰ Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2021). *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng*. Hà Nội: Chính phủ.

Từ phân tích trên, có thể rút ra một số kiến nghị mang tính định hướng: Cần nâng cao nhận thức pháp lý cho các bên tham gia tố tụng trọng tài, đặc biệt về trách nhiệm chứng minh và hậu quả pháp lý của việc cung cấp chứng cứ không trung thực. Đồng thời, nên tăng cường đào tạo kỹ năng thu thập, thẩm tra, đối chiếu và xác minh chứng cứ, đặc biệt là trong các tranh chấp có yếu tố kỹ thuật hoặc hồ sơ phức tạp như hợp đồng xây dựng. Các bên cần hiểu rõ rằng sự cẩn trọng trong việc chuẩn bị và trình bày chứng cứ ngay từ đầu sẽ quyết định trực tiếp đến tính thuyết phục của yêu cầu và hiệu lực của phán quyết.

5. Kết luận và kiến nghị

Từ việc phân tích vụ việc tranh chấp giữa Công ty TNHH Xây dựng TrueBuild Co và Công ty TNHH XBuild Tech Việt Nam, có thể thấy rằng trọng tài thương mại, với tính chất độc lập và chung thẩm, đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết hiệu quả các tranh chấp trong lĩnh vực xây dựng và thương mại. Phán quyết trọng tài số 144/20 HCM được ban hành đúng trình tự pháp luật, trên cơ sở đánh giá đầy đủ các chứng cứ có liên quan, thể hiện sự công tâm và tuân thủ nguyên tắc tố tụng trọng tài. Việc Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh bác yêu cầu hủy phán quyết này là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010, đồng thời phản ánh đúng giới hạn can thiệp của Tòa án đối với phán quyết của Hội đồng trọng tài.

Từ thực tiễn vụ việc, có thể đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi cơ chế trọng tài thương mại. Trước hết, các bên tham gia tố tụng cần nâng cao ý thức pháp lý về trách nhiệm cung cấp chứng cứ một cách trung thực, đầy đủ và đúng thời hạn. Việc cung cấp chứng cứ không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn thể hiện sự thiện chí và tôn trọng nguyên tắc tranh tụng bình đẳng. Trong nhiều trường hợp, việc không chuẩn bị đầy đủ chứng cứ hoặc cung cấp một cách rời rạc, thiếu hệ thống đã dẫn đến bất lợi cho chính bên yêu cầu, khiến việc phản bác hoặc bảo vệ quyền lợi trở nên khó khăn hơn. Bên cạnh đó, cần tránh việc tùy tiện yêu cầu hủy phán quyết trọng tài nếu không có căn cứ pháp lý rõ ràng. Việc lạm dụng quyền này không những không mang lại hiệu quả mà còn gây kéo dài quá trình giải quyết tranh chấp, phát sinh chi phí không cần thiết, làm xói mòn uy tín của cơ chế trọng tài và ảnh hưởng đến niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp.

Cuối cùng, cơ quan quản lý nhà nước và các trung tâm trọng tài cần tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến pháp luật, hướng dẫn cụ thể cho các bên về tiêu chí đánh giá chứng cứ, điều kiện hủy phán quyết trọng tài, cũng như trách nhiệm pháp lý nếu cung cấp chứng cứ sai sự thật. Chỉ khi các bên hiểu rõ giới hạn pháp lý và nghĩa vụ của mình, cơ chế trọng tài thương mại mới có thể phát huy tối đa vai trò trong thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2010). Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010. Điều 4, Điều 61.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2014). Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội. (Luật Xây dựng, 2014, Điều 147)
3. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2021). Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Hà Nội: Chính phủ.
4. Việt Nam, Quốc hội. (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015. Hà Nội Điều 306)
5. Chính phủ. (2015). Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Hà Nội: Chính phủ.

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Lê Nguyễn Gia Thiện*
Phạm Hoàng Minh Tú**

Tóm tắt: *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp nói chung, trong hoạt động trọng tài thương mại nói riêng là một trong những chế định quan trọng của pháp luật nhằm góp phần bảo đảm an toàn pháp lý. Sau khi Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 ra đời và đặc biệt là sự xuất hiện của Nghị định số 82/2020/NĐCP ngày 15/07/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã được ban hành đã cụ thể hoá các hành vi bị xử phạt trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp nói chung trọng tài thương mại nói riêng. Đây là văn bản thiết lập cơ sở pháp lý chi tiết, cụ thể và trực tiếp nhất hiện nay cho việc tiến hành xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động trọng tài thương mại. Bài viết tập trung vào việc tổng hợp, mô tả và phân tích các quy định pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trọng tài thương mại.*

Từ khóa: xử phạt vi phạm hành chính, trọng tài thương mại, trung tâm trọng tài, trọng tài viên

1. Tổng quan về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trọng tài thương mại

Vi phạm hành chính (VPHC) là một loại vi phạm xảy ra khá phổ biến trong các loại vi phạm pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự quản lý Nhà nước, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức¹. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 thì xử phạt VPHC là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi VPHC theo quy định của pháp luật về xử lý VPHC. Qua đây có thể thấy xử phạt VPHC trong lĩnh vực trọng tài thương mại (TTTM) là quá trình áp dụng các biện pháp xử lý của nhà nước đối với cá nhân hoặc tổ chức có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về TTTM. Theo quy định chung tại Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và quy định cụ thể tại Nghị định số 82/2020/NĐCP ngày 15/07/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (Nghị định 82), thì việc xử phạt này được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền

* TS, Phó trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM, thienlng@uel.edu.vn, [sdt: 0903.911.430](tel:0903.911.430)

** Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

¹ Nguyễn Cảnh Hợp chủ biên (2015), Bình luận khoa học Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, tập 1, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr.1.

và bao gồm các hình thức xử phạt chính như phạt tiền cùng các hình thức xử phạt bổ sung hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả khác nhằm khôi phục lại tính đúng đắn và khách quan bị sai phạm do các hành vi vi phạm gây ra. Xử phạt VPHC phải được tiến hành theo những nguyên tắc, trình tự, thủ tục được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 với thẩm quyền xử phạt và mức phạt cụ thể được quy định trong Nghị định 82. Theo đó, TTTM thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp có mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong lĩnh vực này là 50.000.000 đồng. Trường hợp tổ chức có hành vi VPHC như của cá nhân thì mức phạt tiền bằng 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Về đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trọng tài thương mại

Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Nghị định 82, đối tượng có thể bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực TTTM là các cá nhân bao gồm trọng tài viên và tổ chức bao gồm trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là trung tâm trọng tài) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này mà không phải là tội phạm. Tuy nhiên, không phải bất cứ hành vi vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực TTTM của các cá nhân, tổ chức đều là đối tượng bị xử phạt. Cần nhấn mạnh rằng hành vi VPHC phải được pháp luật quy định rõ ràng². Cụ thể trong hoạt động TTTM, chỉ có những hành vi được quy định từ Điều 25 đến hết Điều 27 và điểm đ Khoản 2, Khoản 3 Điều 81 của Nghị định 82 mới bị xem xét, xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi VPHC trong lĩnh vực TTTM trên lãnh thổ Việt Nam thì cũng bị xử phạt theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Về hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trọng tài thương mại

Quy định tại Nghị định 82 hình thức xử phạt chính đối với lĩnh vực TTTM chủ yếu là phạt tiền. Với trọng tài viên, mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm đến 30.000.000 đồng; các vi phạm quy định về hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng cùng với các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp; kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý các giấy tờ, văn bản vi phạm. Ngoài ra, đối với một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực này Nghị định còn quy định các hình thức xử phạt bổ sung như tịch thu tang vật, đình chỉ hoạt động đối với trung tâm trọng tài.

Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trọng tài thương mại

Theo quy định tại Chương VIII Nghị định 82, chủ thể có thẩm quyền xử phạt VPHC trong

² Điểm đ Khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

lĩnh vực TTTM bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan Thanh tra và Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Theo đó, các quy định này dùng để xác định thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi VPHC của cá nhân, đối với hành vi vi phạm của tổ chức thẩm quyền phạt tiền gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền cá nhân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân quyền xử phạt đối với các hành vi VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, lĩnh vực này bao gồm cả TTTM. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi VPHC trong lĩnh vực TTTM; đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi VPHC theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 82.

Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành, Chánh Thanh tra của Sở Tư pháp xử phạt đối với các hành vi VPHC trong lĩnh vực TTTM quy định tại Điều 25 và Điều 26; Khoản 1 Điều 27. Theo đó, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Tư pháp, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Hỗ trợ tư pháp, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực có quyền phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá mức phạt tiền theo thẩm quyền và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 82.

Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp xử phạt đối với các hành vi VPHC quy định tại Mục 6 Chương II, Khoản 2 và điểm đ Khoản 3 Điều 81 Nghị định 82. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tư pháp có quyền phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC có giá trị không vượt quá mức phạt tiền theo thẩm quyền và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 82.

Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp xử phạt đối với các hành vi VPHC quy định tại Chương II, điểm đ Khoản 2, điểm đ Khoản 3 Điều 81 Nghị định 82. Theo đó, Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp có quyền phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định 82.

Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy

quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có quyền phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm i Khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính; các điểm a, b, c, đ và l Khoản 3 Điều 3 Nghị định 82.

2. Mức xử phạt đối với từng hành vi VPHC trong lĩnh vực TTTM

Cơ sở pháp lý để xử phạt VPHC trong lĩnh vực TTTM là Điều 25, 26, 27 và Điểm đ Khoản 2, Điểm đ Khoản 3 của Nghị định 82. Các hành vi vi phạm và được tách làm 04 Điều, bao gồm: nhóm hành vi vi phạm quy định về việc thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; nhóm hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; nhóm hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và nhóm hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trọng tài viên. Các nhóm hành vi vi phạm trên gồm hai đối tượng vi phạm chính là trung tâm trọng tài và trọng tài viên.

Đối với trung tâm trọng tài

Nhóm các hành vi vi phạm quy định về việc thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Trung tâm trọng tài phải được thành lập hợp pháp mới có thể cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp cho các bên. Việc thành lập, đăng ký hoạt động của trung tâm trọng tài có các hành vi vi phạm hành chính thì sẽ phạt. Theo quy định tại điều Điều 25 Nghị định 82, các hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài; thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động của trung tâm trọng tài, thay đổi đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài; thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài; thành lập văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài; thay đổi trưởng văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài có mức xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Hình thức xử phạt bổ sung đối với các hành vi này là tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung liên quan đến các vi phạm. Biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm kiến nghị cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý các giấy tờ, văn bản đã cấp và bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung; buộc nộp lại các lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm này thuộc về

Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp; Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Tư pháp, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Tư pháp³.

Nhóm các hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Dù rằng là tổ chức phi chính phủ và phi lợi nhuận, hoạt động của trung tâm trọng tài vẫn chịu sự quản lý chặt chẽ về mặt hành chính của cơ quan chức năng. Nếu trung tâm nào có các hành vi vi phạm hành chính sẽ bị xử phạt. Tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định 82 đã liệt kê cụ thể các hành vi sau đây là hành vi phạm và các hành vi vi phạm này có mức xử phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng:

Hành vi thông báo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, trưởng chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; trưởng chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi thông báo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở của trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài, địa điểm văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi thông báo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi danh sách trọng tài viên của trung tâm trọng tài, chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi thông báo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài ở nước ngoài; văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi thông báo hoặc báo cáo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt hoạt động, hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi đăng báo không đầy đủ nội dung, không đúng thời hạn, số lần về việc thành lập, chấm dứt hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi niêm yết không đầy đủ nội dung chủ yếu về đăng ký hoạt động của trung tâm trọng tài hoặc danh sách trọng tài viên;

Hành vi sử dụng không đúng hoặc ghi không đầy đủ sổ sách, biểu mẫu theo quy định;

³ Căn cứ Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 88 Nghị định số 82/2020/NĐCP.

Hành vi đăng ký không đúng thời hạn việc thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động, người đại diện theo pháp luật, địa điểm đặt trụ sở của trung tâm trọng tài; trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của trung tâm trọng tài hoặc thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động của chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài, trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ chế độ báo cáo; báo cáo không chính xác về tổ chức và hoạt động.

Tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định 82 quy định mức xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 với mỗi hành vi vi phạm:

Hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, trưởng chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; trưởng chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở của trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài, địa điểm văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi danh sách trọng tài viên của trung tâm trọng tài, chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài ở nước ngoài; văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt hoạt động, hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi không đăng báo khi thành lập, chấm dứt hoạt động của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi không niêm yết danh sách trọng tài viên hoặc các nội dung chủ yếu về đăng ký hoạt động của trung tâm trọng tài;

Hành vi không thực hiện chế độ báo cáo; không lập, quản lý sổ sách, biểu mẫu theo quy định;

Hành vi lưu trữ hồ sơ trọng tài không đúng quy định.

Các hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 3 có mức xử phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng và phải kèm theo hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm cùng biện pháp khắc phục hậu quả

là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm⁴, các hành vi này bao gồm:

Hành vi hoạt động không đúng nội dung giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài; giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài;

Hành vi cho tổ chức khác sử dụng giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động để hoạt động TTTM.

Theo quy định tại Điểm b Khoản 3, điểm b Khoản 5 Điều 26, hình thức xử phạt đối với “*hành vi hoạt động khi chưa được cấp giấy phép thành lập hoặc giấy đăng ký hoạt động*” là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả kèm theo là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điểm d, đ, e, g Khoản 3 Điều 26 là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, các hành vi này bao gồm:

Hành vi không xây dựng quy tắc tố tụng hoặc xây dựng quy tắc tố tụng của trung tâm trọng tài có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật;

Hành vi không lưu trữ hồ sơ trọng tài;

Hành vi không cung cấp bản sao quyết định trọng tài theo yêu cầu của các bên tranh chấp hoặc cơ quan có thẩm quyền;

Hành vi không xóa tên trọng tài viên trong danh sách trọng tài viên của trung tâm trọng tài khi trọng tài viên không còn đủ tiêu chuẩn làm trọng tài viên.

Theo quy định tại Điểm h Khoản 3, điểm b Khoản 4, điểm a Khoản 5 Điều 26, hình thức xử phạt đối với “*hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động*” là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, kèm theo hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật là giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung và biện pháp khắc phục hậu quả là kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm thuộc nhóm này thuộc về Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp; Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Tư pháp, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Tư pháp⁵.

Nhóm các hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Khoản 1 Điều 81 Nghị định 82 quy định: “*Khi phát hiện hành vi làm giả tài liệu hoặc sử*

⁴ Căn cứ Điểm a, Điểm c Khoản 3, điểm a Khoản 4, điểm b Khoản 5 Điều 26 Nghị định 82/2020/NĐCP.

⁵ Căn cứ Điểm c Khoản 1, các điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 88 Nghị định 82/2020/NĐCP.

dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm sang cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không truy cứu trách nhiệm hình sự, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này”. Theo đó, trong trường hợp các trung tâm trọng tài làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì hành vi này sẽ bị xử phạt VPHC trong lĩnh vực trọng tài thương mại. Cụ thể:

Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký chi nhánh của trung tâm trọng tài; thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động của chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; thành lập, thay đổi trường văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm này là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, không có quy định về hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thu hồi và huỷ bỏ giấy tờ, văn bản, chứng cứ giả; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm; kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi vi phạm⁶.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm này thuộc về Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp; Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Tư pháp, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Tư pháp⁷.

Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký chi nhánh của trung tâm trọng tài; thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động của chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; thành lập, thay đổi trường văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm này là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến

⁶ Căn cứ Điểm d Khoản 2, điểm a, b, c Khoản 4 Điều 81 Nghị định số 82/2020/NĐCP.

⁷ Căn cứ Điểm c Khoản 1, các điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 88 Nghị định số 82/2020/NĐCP.

30.000.000 đồng, không có quy định về hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thu hồi và huỷ bỏ giấy tờ, văn bản, chứng cứ giả; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm⁸.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm này thuộc về Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp; Cục trưởng Cục Bỏ trợ tư pháp; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh⁹.

Đối với trọng tài viên

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 3 Luật TTTM năm 2010, trọng tài viên là người được các bên lựa chọn hoặc được Trung tâm trọng tài hoặc Tòa án chỉ định để giải quyết tranh chấp. Điều 20 Luật này cũng quy định các tiêu chuẩn mà trọng tài viên cần phải đáp ứng là phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, phải có trình độ đại học và đã thực tế công tác theo ngành đã học từ 05 năm trở lên. Hoặc trong trường hợp đặc biệt, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tuy không đáp ứng được yêu cầu về trình độ đại học, cũng có thể được chọn làm Trọng tài viên. Bên cạnh đó, Trọng tài viên không được vừa là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Chấp hành viên, công chức thuộc Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án hoặc đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành bản án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích

Nhóm các hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trọng tài viên

Vi phạm quy định về hoạt động của trọng tài viên có thể bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và đi kèm biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, được quy định tại Điều 27 Nghị định 82. Cụ thể các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 27 có mức xử phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng:

i) “*Hành vi giải quyết tranh chấp trong trường hợp trọng tài viên là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên trong vụ tranh chấp*”. Trọng tài viên giải quyết tranh chấp một cách độc lập, vô tư, khách quan, đảm bảo công bằng và hành xử công minh như một thẩm phán tư, do đó nếu trọng tài viên là người thân của một trong hai bên tranh chấp sẽ dẫn đến trường hợp xét xử mang tính chủ quan, thiên vị, không công tâm.

ii) “*Hành vi giải quyết tranh chấp trong trường hợp trọng tài viên có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp*”. Khi lựa chọn trọng tài viên trực tiếp giải quyết vụ việc, Trung tâm trọng tài cần xem xét kỹ lưỡng để lựa chọn trọng tài viên không có lợi ích liên quan đến vụ việc. Bởi khi xuất hiện quyền lợi liên quan thì trọng tài viên khó mà làm việc công bằng, dẫn đến bất lợi cho bên tranh chấp còn lại. Trọng tài viên khi được các bên chọn hoặc được trung tâm chỉ định

⁸ Căn cứ Điểm d Khoản 3, điểm a, b Khoản 4 Điều 81 Nghị định số 82/2020/NĐCP.

⁹ Căn cứ Điểm c Khoản 1, các điểm b, c, d Khoản 2 Điều 88 Nghị định số 82/2020/NĐCP.

cho các bên (nếu các bên không chọn)

iii) Hành vi giải quyết tranh chấp trong trường hợp trọng tài viên đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của một trong các bên trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại trọng tài, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản.

iv) Hành vi giải quyết tranh chấp khi có căn cứ rõ ràng cho thấy trọng tài viên không vô tư, khách quan.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trên thuộc về Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp; Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Tư pháp, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Tư pháp¹⁰.

Các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 27 có mức xử phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng:

i) “Hành vi tiết lộ bí mật nội dung vụ tranh chấp mà mình giải quyết, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”. Giữ bí mật nội dung vụ tranh chấp là nghĩa vụ đương nhiên của trọng tài viên được quy định tại Điều 21 Luật TTTM năm 2010. Bởi bí mật nội dung cần được bảo mật, để tránh ảnh hưởng đến danh tiếng của hai bên tranh chấp. Vì họ đã lựa chọn phương thức trọng tài thay vì tòa án là để bảo mật thông tin vụ tranh chấp, không phải xét xử công khai.

ii) Hành vi hoạt động TTTM mà không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm trọng tài viên. Luật thiết lập các tiêu chuẩn cơ bản của một trọng tài viên để đảm bảo rằng người, đáp ứng các “tiêu chuẩn sàn” của Điều 20 Luật TTTM, có thể giải quyết tranh chấp và vận hành quy trình tố tụng một cách phù hợp và đúng quy định. Việc một tranh chấp được giải quyết bởi người không đạt chuẩn là một sự vi phạm tố tụng và vi phạm hành chính nghiêm trọng.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm này thuộc về Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp; Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹¹.

¹⁰ Căn cứ điểm c Khoản 1, các điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 88 Nghị định số 82/2020/NĐCP.

¹¹ Căn cứ điểm c Khoản 1, các điểm b, c, d Khoản 2 Điều 88 Nghị định số 82/2020/NĐCP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- [2] Luật Trọng tài thương mại năm 2010;
- [3] Nghị định số 82/2020/NĐCP ngày 15/07/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;
- [4] Nguyễn Cửu Việt (2013), Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nguyễn Huy Hoàng¹

“Chuyển đổi số (Digital Transformation), là quá trình áp dụng các công nghệ số để thay đổi hoàn toàn cách thức hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, hay thậm chí các cá nhân, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tạo ra giá trị mới và cải thiện trải nghiệm người dùng. Đặc biệt, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là việc áp dụng công nghệ thông tin mà là sự thay đổi toàn diện từ quy trình làm việc, tư duy, đến mô hình kinh doanh và cách thức phục vụ khách hàng.

Sự khác biệt lớn giữa chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin truyền thống nằm ở tầm nhìn và mục tiêu. Chuyển đổi số không chỉ là sử dụng công nghệ mà là sự thay đổi từ tận gốc rễ trong cách thức vận hành của tổ chức, doanh nghiệp, hoặc quốc gia. Nó bao gồm việc thay đổi mô hình kinh doanh, tổ chức lại các quy trình công việc và đặc biệt là thay đổi cách thức tương tác với người dùng cuối thông qua các nền tảng số, ứng dụng điện tử, và các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn (big data), và Internet vạn vật (IoT).

Tại Việt Nam, chuyển đổi số đang mở ra nhiều cơ hội to lớn cho phát triển kinh tế xã hội, từ cải thiện năng suất lao động, tăng trưởng doanh thu, đến nâng cao chất lượng dịch vụ công. Đặc biệt, ngày 22-12-2024, Tổng Bí thư Tô Lâm ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia – đây được xem là “cú hích” mạnh mẽ giúp quá trình chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng hơn.”².

“Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, là vấn đề được quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp trên toàn thế giới.

Được đánh giá là một trong những quốc gia được đánh giá có nhiều lợi thế, Việt Nam đã từng bước tiến hành các bước chuyển đổi số quan trọng ở nhiều lĩnh vực, từ các cơ quan Nhà nước đến các ngành công nghiệp then chốt như y tế, giáo dục, tài chính và hành chính công... Sự chuyển đổi này không chỉ là một yêu cầu tất yếu của thời đại mà còn là **cách thức để nâng cao**

¹ Luật sư thành viên, Bross & Partners hoang@bross.vn; mobile: +84 903 556 119; WhatsApp: +84 903 556 119; Zalo: +84 903 556 119; Skype: +84 903 556 119

² Minh Sơn, Chuyển đổi số - “Chìa khóa” để Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên mới, www.vietnamplus.vn/nhan-dien-co-hoi-va-thach-thuc-trong-qua-trinh-chuyen-doi-so-o-viet-nam-post1035716.vnp.

hiệu quả công việc, cải thiện dịch vụ công và tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp”³.

“Nền kinh tế số Việt Nam trong thời gian qua đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Theo báo cáo e-Conomy SEA 2024 của Google, Temasek và Bain & Company, trong năm 2024 nền kinh tế số Việt Nam tiếp tục đạt tăng trưởng mạnh mẽ với những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực thương mại điện tử, tài chính số, và thanh toán không dùng tiền mặt. Tổng giá trị giao dịch (GMV) của nền kinh tế số Việt Nam dự kiến đạt 36 tỉ USD, tăng trưởng 16% so với năm trước, trong đó thương mại điện tử chiếm tỉ trọng lớn nhất, tăng 18% đạt 22 tỷ USD. Theo ghi nhận vào tháng 2/2025, Việt Nam có 79,8 triệu người dùng Internet, chiếm 78,8% tổng dân số (101 triệu người).

Việt Nam đang hướng tới mở rộng nền kinh tế số, đạt khoảng 30% giá trị GDP vào năm 2030, với năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%, đưa Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin, về chỉ số cạnh tranh cũng như an toàn, an ninh mạng”⁴. Trong bối cảnh chuyển đổi số, Trọng tài thương mại đối mặt với cả cơ hội và thách thức. Các cơ hội bao gồm việc ứng dụng công nghệ để tăng hiệu quả và minh bạch trong giải quyết tranh chấp, cũng như mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp ra quốc tế. Tuy nhiên, Trọng tài thương mại cũng đối mặt với thách thức như sự phức tạp của các tranh chấp thương mại điện tử, yêu cầu về chuyên môn công nghệ của Trọng tài viên, và nguy cơ mất an ninh thông tin. Trong phạm vi bài viết này, tôi xin chia sẻ ngắn những cơ hội và thách thức của Trọng tài thương mại và đề xuất một số ý kiến liên quan đến khung pháp lý về nó.

Thực tế, với các nỗ lực đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi chính sách hướng đến xây dựng nền kinh tế số của Chính phủ, khung pháp lý nền tảng cho sự chuyển đổi này đã và đang hình thành và dự kiến sẽ ngày càng trở nên năng động. Tại hội thảo này, chúng tôi có gửi lược đồ các văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi số - kinh tế số, trong đó có đề cập đến quy định liên quan đến chuyển đổi số về giải quyết tranh chấp **mặc dù nó không có nhiều và cần phải sửa đổi, bổ sung**. Các sơ đồ trong văn bản này được trình bày nhằm cung cấp tài liệu tham khảo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp, nhà hoạch định chính sách và chuyên gia pháp lý đang tham gia vào việc định hướng tương lai chuyển đổi số của Việt Nam.

1. Về cơ hội:

³ Minh Sơn, Chuyển đổi số - “Chìa khóa” để Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên mới, www.vietnamplus.vn/nhan-dien-co-hoi-va-thach-thuc-trong-qua-trinh-chuyen-doi-so-o-viet-nam-post1035716.vnp.

⁴ Minh Sơn, Chuyển đổi số - “Chìa khóa” để Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên mới, www.vietnamplus.vn/nhan-dien-co-hoi-va-thach-thuc-trong-qua-trinh-chuyen-doi-so-o-viet-nam-post1035716.vnp.

Thứ nhất, chuyển đổi số giúp cho việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại hiệu quả hơn.

Công nghệ số nếu được ứng dụng có thể số hóa quy trình tố tụng trọng tài, từ nộp đơn, trao đổi tài liệu, đến tổ chức phiên họp trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời tăng tính minh bạch và hiệu quả cho quá trình giải quyết tranh chấp.

Thứ hai, mở rộng phạm vi và đối tượng giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại

Cùng với chuyển đổi số, sự phát triển của thương mại điện tử, trong đó có thương mại điện tử xuyên biên giới và các vấn đề liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân – vấn đề về công nghệ, nhu cầu giải quyết tranh chấp bằng cơ chế Trọng tài thương mại không chỉ dừng ở tranh chấp phát sinh từ “*hoạt động thương mại*” theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Luật Trọng tài thương mại 2010 (“**Luật TTTM 2010**”). Một số tranh chấp khác như tranh chấp liên quan đến dữ liệu cá nhân nếu được giải quyết bằng Trọng tài thương mại sẽ là hiệu quả hơn so với cơ chế khác. Do đó, thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài thương mại sẽ mở rộng nếu Luật TTTM 2010 được sửa đổi.

Ngoài ra, chuyển đổi số sẽ tạo điều kiện cho việc giải quyết tranh chấp xuyên biên giới, kết nối các trung tâm Trọng tài thương mại trên toàn cầu và giải quyết các tranh chấp liên quan đến thương mại điện tử, thương mại quốc tế một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Thứ ba, phát triển các dịch vụ trọng tài trực tuyến (trọng tài điện tử)

Xu hướng giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR - Online Dispute Resolution) ngày càng phổ biến, tạo ra cơ hội cho các Trung tâm trọng tài cung cấp các dịch vụ giải quyết tranh chấp trực tuyến, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và cá nhân trong thời đại số.

Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trực tuyến khác biệt so với trọng tài truyền thống ở chỗ quy trình tố tụng và xét xử diễn ra trong không gian mạng. Trọng tài trực tuyến (điện tử) có thể được coi là một sự sáng tạo và nâng cấp so với trọng tài truyền thống thông thường, đặc biệt là trong thời đại công nghệ số như hiện nay, có rất nhiều các hợp đồng thương mại được ký kết thông qua chữ ký số, hợp đồng điện tử ...

Phương thức giải quyết tranh chấp này giúp **tố tụng trọng tài trở nên linh hoạt và thuận lợi hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho các bên tranh chấp**, đồng thời nâng cao tính hiệu quả của một phương thức hỗ trợ cho hoạt động thương mại và đầu tư xuyên biên giới⁵.

⁵ Vũ Anh Dương, Tổng Thư ký VIAC, Từ xu hướng giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại quốc tế: Cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về Trọng tài điện tử, Tạp chí điện tử pháp lý 12/03/2025.

Tại Việt Nam, hiện có hai Trung tâm trọng tài là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hà Nội (“**HIAC**”) và Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“**VIAC**”) đã áp dụng công nghệ vào hoạt động trọng tài, cụ thể:

1. Nền tảng VIAC eCase do VIAC phát triển, được ra mắt vào 26/06/2024. Nền tảng này cung cấp các tính năng chính như lưu trữ và quản lý hồ sơ điện tử, theo dõi vụ việc, thông báo về những diễn biến quan trọng trong tranh chấp và nhắc nhở thời hạn nộp hồ sơ.
2. HIAC là tổ chức Trọng tài đầu tiên tại Việt Nam cung cấp nền tảng cho phép thực hiện việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải và/hoặc tổ tụng trọng tài trực tuyến trên website: www.hiac.vn

Thứ tư, nâng cao trình độ chuyên môn về công nghệ của Trọng tài viên

Chuyển đổi số đòi hỏi Trọng tài viên phải có kiến thức và kỹ năng về công nghệ để có thể tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp, từ đó thúc đẩy việc đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ Trọng tài viên.

2. Thách thức

Thứ nhất, tranh chấp thương mại điện tử phức tạp

Chuyển đổi số tạo ra các loại hình tranh chấp mới, phức tạp và đa dạng hơn, liên quan đến các giao dịch trực tuyến, hợp đồng thông minh, dữ liệu lớn, đòi hỏi trọng tài viên phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng về công nghệ và pháp luật liên quan.

Thứ hai, vấn đề an ninh thông tin và bảo mật

Các giao dịch trực tuyến tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh thông tin, rò rỉ dữ liệu, và các cuộc tấn công mạng. Trọng tài viên và Trung tâm trọng tài cần đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp, đặc biệt là khi xử lý các thông tin và dữ liệu nhạy cảm.

Thứ ba, đào tạo Trọng tài viên

Việc đào tạo đội ngũ Trọng tài viên có đủ trình độ và kỹ năng để giải quyết các tranh chấp trong môi trường số là một thách thức lớn. Cần có các chương trình đào tạo chuyên sâu, cập nhật kiến thức về công nghệ và pháp luật mới, đáp ứng yêu cầu của thời đại về công nghệ số như hiện nay.

Thứ tư, thay đổi trong quy trình giải quyết tranh chấp

Chuyển đổi số đòi hỏi các Trung tâm trọng tài phải thay đổi quy trình giải quyết tranh chấp truyền thống, thích ứng với công nghệ mới, và đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và công bằng cho các bên tranh chấp.

3. Kiến nghị

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và sẽ phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Do đó, việc các Trung tâm trọng tài phải thay đổi quy trình và cách thức giải quyết tranh chấp cho phù hợp với xu hướng chuyển đổi số là bắt buộc.

Chẳng hạn là vấn đề trọng tài điện tử. Mặc dù, đây là phương thức giúp cho việc giải quyết tranh chấp trở nên linh hoạt và thuận lợi hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho các bên tranh chấp. Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ trong quản trị vụ kiện còn tương đối mới và vẫn chưa được áp dụng nhiều⁶. Vấn đề mấu chốt là cần có khung pháp lý, chí ít là cơ bản cho việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài điện tử. Những quy định pháp luật về thương mại điện tử hiện nay vẫn còn đang rải rác, chưa có văn bản quy định chính thức về quy trình giải quyết tranh chấp thông qua công nghệ đầy đủ. Luật TTTM 2010 đang có rất nhiều quy định ràng buộc trong bối cảnh chuyển đổi số phát triển như vũ bão hiện nay⁷.

Do đó, tôi có một số ý kiến góp ý về hoàn thiện quy định của pháp luật về trọng tài để cơ chế này có thể phù hợp và phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay như sau:

Một là, cần mở rộng thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài thương mại

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là giới hạn những vụ việc mà pháp luật cho phép trọng tài giải quyết. Khoản 1 Điều 2 Luật TTTM 2010 quy định, việc xác định thẩm quyền giải quyết của trọng tài sẽ vẫn gây tranh luận đó là tranh chấp phát sinh từ “*hoạt động thương mại*” được hiểu theo quy định nào? Nhiều quan điểm tiếp cận khái niệm “*hoạt động thương mại*” theo quy định của Luật thương mại 2005 “*hoạt động thương mại gồm các hoạt động nhằm mục đích sinh lời, bao gồm mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lời khác*”... Cách hiểu này rất hợp lý, song khái niệm này chỉ được hiểu trong khuôn khổ của Luật thương mại 2005⁸.

Thực tế, tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Đất đai 2024 có quy định thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp đất đai có tính thương mại⁹.

“Sau khi Luật TTTM 2010 có hiệu lực, số lượng vụ việc giải quyết bằng trọng tài ngày càng tăng cao bởi các ưu điểm vượt trội của LT TT. Theo báo cáo gần nhất, năm 2022, VIAC thụ lý 292 vụ tranh chấp mới, tăng **8,15%** số vụ tranh chấp so với năm 2021. Theo đó tổng số vụ tranh chấp VIAC thụ lý trong giai đoạn 1993 – 2022 là 2.513 vụ tranh chấp, trong đó có

⁶ Nguyễn Trung Nam, Phó Giám đốc Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc VIAC, Từ xu hướng giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại quốc tế: Cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về Trọng tài điện tử, Tạp chí điện tử pháp lý 12/03/2025.

⁷ Lê Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Hỗ trợ Tư pháp, Bộ Tư pháp, “Từ xu hướng giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại quốc tế: Cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về Trọng tài điện tử”, Tạp chí điện tử pháp lý 12/03/2025.

⁸ Nguyễn Thị Thư - Học viên Học viện Tư pháp, Một số vướng mắc từ thực tế áp dụng Luật Trọng tài thương mại và đề xuất hướng hoàn thiện, Tạp chí điện tử pháp lý 24/03/2025.

⁹ Điều 236 [Luật Đất đai 2024](#).

39,99% vụ tranh chấp trong nước và 60,01% vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài (bao gồm cả các vụ có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cũng đã tiếp cận được hầu hết các tỉnh, thành phố tại Việt Nam và được các tranh chấp có yếu tố nước ngoài ưu tiên lựa chọn. Theo thống kê tại VIAC ghi nhận các bên tranh chấp đến từ 59/64 tỉnh, thành phố tại Việt Nam và từ 64 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Không những số lượng vụ việc trọng tài tăng lên mà các lĩnh vực trọng tài giải quyết tranh chấp ngày càng rất đa dạng gồm các lĩnh vực: mua bán hàng hóa, lao động, xây dựng, kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, mua bán & sáp nhập, dịch vụ kiểm toán, sở hữu trí tuệ...¹⁰”. Ngoài ra, khi chuyển đổi số, cùng với phát triển nhánh của các giao dịch điện tử, thương mại điện tử, và nhu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, các tranh chấp này đòi hỏi cơ quan tài phán có kinh nghiệm và kiến thức sâu về công nghệ, có linh hoạt hơn trong việc giải quyết tranh chấp và bảo mật. Do đó, với các loại tranh chấp này, cơ chế trọng tài là hợp lý.

Vì vậy, trước nhu cầu của xã hội, đặc biệt chuyển đổi số, sự phức tạp của các tranh chấp thương mại và sự phát triển của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, Luật TTTM với mục đích bảo vệ quyền lợi của các chủ thể trong hoạt động thương mại, bảo vệ bí mật kinh doanh, uy tín... đòi hỏi pháp luật về trọng tài thương mại Việt Nam cần liên tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung để phản ánh kịp thời những tiến bộ, phục vụ cho công cuộc đổi mới hội nhập kinh tế sâu rộng, trong đó có việc mở rộng thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài thương mại.

Thứ hai, cần thiết kế bổ sung một quy định mới về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài điện tử

Như đã trình bày ở trên, phương thức giải quyết tranh chấp này giúp trải nghiệm tố tụng trọng tài trở nên linh hoạt và thuận lợi hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho các bên tranh chấp, đồng thời nâng cao tính hiệu quả của một phương thức hỗ trợ cho hoạt động thương mại và đầu tư xuyên biên giới¹¹. Tuy nhiên, một khung pháp lý riêng biệt về trọng tài điện tử tại Việt Nam vẫn chưa được định hình. Luật TTTM hay pháp luật Việt Nam vẫn chưa có các quy định riêng biệt, trực tiếp về trọng tài điện tử. Nghị định về chữ ký số, các thông tư hướng dẫn còn thiếu khái quát mà chỉ tập trung ở một số lĩnh vực nhất định. Hầu hết các quy tắc trọng tài tại các trung tâm trọng tài Việt Nam vẫn chưa thực sự quan tâm đến việc tạo ra các quy tắc

¹⁰ Nguyễn Thị Thu - Học viên Học viện Tư pháp, Một số vướng mắc từ thực tế áp dụng Luật Trọng tài thương mại và đề xuất hướng hoàn thiện, Tạp chí điện tử pháp lý 24/03/2025.

¹¹ Vũ Anh Dương, Tổng Thư ký VIAC, “Từ xu hướng giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại quốc tế: Cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về Trọng tài điện tử”, Tạp chí điện tử pháp lý 12/03/2025

riêng cho trọng tài điện tử mà vẫn áp dụng các quy tắc trọng tài dành cho trọng tài truyền thống¹².

Do đó, cần thiết kế bổ sung một quy định mới về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài điện tử trong Luật TTTM để kịp thời đáp ứng kỷ nguyên thời đại số, bao gồm các quy định về phương tiện và giao tiếp điện tử; nguyên tắc áp dụng trọng tài điện tử; quy định về bảo mật thông tin; địa điểm trọng tài. Quy định thi hành phán quyết trọng tài... với tư cách là sửa đổi của Luật TTTM hiện hành hoặc luật riêng về trọng tài điện tử.

Tóm lại, chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức cho Trọng tài thương mại. Các trung tâm trọng tài cần tận dụng cơ hội để nâng cao hiệu quả và mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp, đồng thời đối mặt và vượt qua những thách thức để đảm bảo sự phát triển bền vững của Trọng tài trong thời đại số.

¹² Nguyễn Thị Thu - Học viên Học viện Tư pháp, Một số vướng mắc từ thực tế áp dụng Luật Trọng tài thương mại và đề xuất hướng hoàn thiện, Tạp chí điện tử pháp lý 24/03/2025.

**NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN CỦA GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG
TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH SỐ**

Võ Kim Ngân¹

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, trọng tài thương mại ngày càng được kỳ vọng sẽ thích ứng và phát huy hiệu quả nhờ tính linh hoạt về thủ tục. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng hình thức này trong môi trường số vẫn còn gặp nhiều thách thức. Bài viết phân tích một số vấn đề nổi bật như: tính hợp pháp của phiên họp trọng tài trực tuyến, giá trị chứng cứ điện tử, sự chênh lệch về năng lực số giữa các bên và những lo ngại về bảo mật, công bằng tố tụng. Những hạn chế này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực công nghệ và xây dựng hạ tầng hỗ trợ phù hợp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các tổ chức trọng tài, trọng tài viên và các bên tranh chấp sẵn sàng thích ứng với bối cảnh số, góp phần xây dựng một hệ thống trọng tài thương mại hiện đại, hiệu quả và đáng tin cậy.

Từ khóa: trọng tài thương mại, chuyển đổi số, tố tụng trực tuyến, chứng cứ điện tử, công nghệ pháp lý.

Abstract: As digital transformation accelerates across sectors, commercial arbitration is increasingly expected to adapt and modernize in line with technological advancements. With its procedural flexibility, arbitration holds great potential for resolving disputes efficiently in the digital age. However, real-world practice reveals several pressing issues. This article explores key challenges in the use of commercial arbitration in a digital context, including the legal recognition of online hearings, the admissibility and reliability of electronic evidence, disparities in digital capacity among parties, and concerns over data security and procedural fairness. These challenges highlight the need for a more responsive legal framework and improved digital infrastructure to support arbitral proceedings. The article concludes by offering recommendations to enhance the readiness of arbitration institutions, arbitrators, and disputing parties to operate effectively in a technology-driven environment, ultimately fostering a more efficient and trustworthy arbitration system in the digital era.

Keywords: commercial arbitration, digital transformation, online dispute resolution, electronic evidence, legal technology.

1. MỞ ĐẦU

Hoạt động thương mại, với bản chất phức tạp và đa dạng, luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra mâu thuẫn trong quá trình mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc thực hiện các giao dịch

¹ Công ty luật TNHH Hãng luật Bigboss Law, vokimngan2403@gmail.com

kinh doanh. Đặc biệt, trong bối cảnh kỷ nguyên số hóa đang diễn ra mạnh mẽ, các giao dịch thương mại không chỉ tăng về số lượng và quy mô mà còn mang tính toàn cầu hóa cao, vượt qua các rào cản địa lý và pháp lý. Sự mở rộng này, dù tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh, lại đồng thời làm gia tăng khả năng phát sinh tranh chấp, từ những bất đồng nhỏ trong hợp đồng đến các vấn đề pháp lý phức tạp liên quan đến nhiều quốc gia. Vì vậy, việc quản lý rủi ro ngay từ giai đoạn đàm phán, soạn thảo hợp đồng và lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp trở thành yếu tố then chốt để đảm bảo sự ổn định và bền vững trong hoạt động thương mại.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, trọng tài thương mại đã và đang khẳng định vị thế như một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án hiệu quả, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp về tính nhanh chóng, linh hoạt, bảo mật và chuyên môn hóa. So với tổ tụng tòa án truyền thống, trọng tài thương mại mang lại lợi thế vượt trội nhờ khả năng xử lý nhanh chóng, giảm thiểu các thủ tục hành chính phức tạp, đồng thời đảm bảo tính riêng tư của các bên liên quan. Hơn nữa, trọng tài thương mại còn cho phép các bên lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực liên quan, từ đó đảm bảo phán quyết được đưa ra dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về ngành nghề và thông lệ thương mại quốc tế. Qua các giai đoạn lịch sử, từ những hình thức sơ khai đến các trung tâm trọng tài hiện đại, phương thức này đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự ổn định và phát triển của hoạt động kinh doanh, cả trong phạm vi quốc gia lẫn trên trường quốc tế.

Sự phát triển của công nghệ số đã và đang tạo ra những thay đổi mang tính cách mạng trong lĩnh vực trọng tài thương mại. Các nền tảng số hóa, như hệ thống trọng tài trực tuyến hay các công cụ hỗ trợ quản lý tranh chấp, đang dần trở thành xu hướng tất yếu, giúp tối ưu hóa quy trình giải quyết tranh chấp và tăng cường khả năng tiếp cận cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tại Việt Nam, trọng tài thương mại đã có những bước tiến đáng kể trong những năm gần đây, với sự ra đời của các trung tâm trọng tài uy tín như Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) và sự hoàn thiện dần của khung pháp lý liên quan. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số, việc áp dụng công nghệ vào trọng tài thương mại tại Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức, bao gồm hạn chế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nhận thức của doanh nghiệp và sự đồng bộ của các quy định pháp luật.

Bài viết này sẽ phân tích chi tiết thực tiễn áp dụng trọng tài thương mại tại Việt Nam trong bối cảnh số hóa, từ việc đánh giá các lợi thế và hạn chế của phương thức này đến việc xem xét tác động của công nghệ đối với quy trình giải quyết tranh chấp. Đồng thời, bài viết cũng đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của trọng tài thương mại, bao gồm việc tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực của các trọng tài viên, và hoàn thiện khung pháp lý để phù hợp hơn với xu hướng toàn cầu hóa và số hóa. Những giải pháp này

không chỉ giúp củng cố vai trò của trọng tài thương mại mà còn góp phần thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và bền vững tại Việt Nam.

2. KHÁI QUÁT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

2.1. Khái niệm

Giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài thương mại là phương thức mà trọng tài viên, với vai trò là bên thứ ba độc lập, đưa ra phán quyết trọng tài mang tính ràng buộc để giải quyết xung đột, buộc các bên tuân thủ và thực hiện. Trong bối cảnh số hóa, trọng tài thương mại có các đặc điểm như:

- Tính linh hoạt cao: Cho phép tổ chức các phiên họp trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Ứng dụng công nghệ số: Hỗ trợ quản lý hồ sơ, lưu trữ tài liệu và tổ chức tố tụng hiệu quả hơn.
- Giải quyết tranh chấp số: Đáp ứng các vụ việc liên quan đến thương mại điện tử và giao dịch kỹ thuật số.
- Tăng tốc độ xử lý: Công nghệ thông tin giúp đẩy nhanh quy trình tố tụng và ra phán quyết

2.2. Căn cứ pháp lý

- Luật Trọng tài thương mại năm 2010
- Nghị quyết 01/2014/HĐTP-TANDTC số 01/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại
- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP
- Các điều ước quốc tế liên quan: Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài

Mặc dù hệ thống pháp luật về trọng tài đã được xây dựng tương đối đầy đủ, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục cải tiến để đáp ứng yêu cầu mới của thời đại số.

3. THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

3.1. Tổng quan về sự phát triển của trọng tài thương mại tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, việc sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp thương mại tại Việt Nam đã trở nên ngày càng phổ biến và được đánh giá cao về tính hiệu quả cũng như sự tin cậy từ cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sự phát triển này được phản ánh rõ nét qua các số liệu thống kê từ các trung tâm trọng tài hàng đầu như Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC).

Tính từ khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 chính thức có hiệu lực, tổng số vụ tranh chấp được giải quyết tại các trung tâm trọng tài trong nước đã liên tục tăng trưởng mạnh mẽ. Cụ thể, trong giai đoạn 2011-2019, VIAC đã thụ lý và giải quyết tổng cộng 1.259 vụ tranh chấp, tăng tới 336% so với giai đoạn 2003-2010, cho thấy sự mở rộng nhanh chóng về quy mô và mức độ phổ biến của trọng tài thương mại tại Việt Nam.² Đặc biệt, năm 2022, số vụ tranh chấp được VIAC thụ lý gần đạt con số 300 vụ, đánh dấu một bước nhảy vọt so với các năm trước đó và tiếp tục khẳng định vị thế trung tâm trọng tài hàng đầu trong nước.

Điểm đáng chú ý là các vụ tranh chấp được giải quyết tại VIAC không chỉ đến từ các doanh nghiệp trong nước mà còn có sự tham gia của các bên tranh chấp đến từ hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, thể hiện tính quốc tế hóa ngày càng cao của trọng tài thương mại Việt Nam. Điều này phản ánh niềm tin ngày càng lớn của các nhà đầu tư và doanh nghiệp nước ngoài vào cơ chế trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại xuyên biên giới, góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế quốc tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Sự gia tăng số lượng vụ việc trọng tài còn đi kèm với sự đa dạng hóa về loại hình tranh chấp. Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ và sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử, công nghệ thông tin và các giao dịch trực tuyến, trọng tài thương mại tại Việt Nam cũng chứng kiến sự gia tăng đáng kể các tranh chấp liên quan đến các lĩnh vực này. Đây là minh chứng rõ ràng cho xu hướng số hóa trong hoạt động kinh doanh hiện đại, đồng thời cho thấy trọng tài thương mại có khả năng thích ứng và xử lý hiệu quả các loại tranh chấp phát sinh từ nền kinh tế số.

Luật Trọng tài thương mại năm 2010, được xây dựng dựa trên Luật Mẫu UNCITRAL và phù hợp với các công ước quốc tế như Công ước New York 1958, đã tạo ra một nền tảng pháp lý vững chắc, minh bạch và tương thích với thông lệ quốc tế. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả và tính khả thi của các phán quyết trọng tài mà còn góp phần tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công bằng và thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước và quốc tế.³

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nổi bật, hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam vẫn còn một số thách thức cần giải quyết, như sự thiếu hụt nguồn nhân lực trọng tài viên quốc tế có trình độ chuyên môn cao và sự phân bố chưa đồng đều các trung tâm trọng tài trên cả nước. Hiện Việt Nam có khoảng 44 trung tâm trọng tài thương mại, tập trung chủ yếu ở Hà Nội và TP.HCM, với khoảng 700 trọng tài viên trong và ngoài nước, con số này vẫn còn khiêm

² Sự phát triển nhanh chóng của trọng tài thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2011-2019: Một số vướng mắc từ thực tế áp dụng Luật Trọng tài thương mại và đề xuất hướng hoàn thiện, truy cập 23/05/2025.

³ Vai trò của trọng tài trong việc nâng cao hiệu quả và tính khả thi của các phán quyết trọng tài: Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung, truy cập 23/05/2025.

tồn so với các trung tâm trọng tài quốc tế lớn như Singapore (SIAC) với hơn 800 trọng tài viên.⁴ Ngoài ra, tỷ lệ các phán quyết trọng tài bị hủy bỏ còn khá cao cũng ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp vào cơ chế trọng tài, đòi hỏi cần có sự hoàn thiện hơn nữa về mặt pháp lý và tổ chức.

Tóm lại, sự gia tăng mạnh mẽ số lượng tranh chấp thương mại được giải quyết bằng trọng tài tại Việt Nam trong những năm gần đây không chỉ phản ánh mức độ tin dùng ngày càng cao của doanh nghiệp mà còn minh chứng cho tính hiệu quả, linh hoạt và phù hợp của phương thức trọng tài trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao chất lượng trọng tài viên và mở rộng năng lực các trung tâm trọng tài sẽ góp phần thúc đẩy trọng tài thương mại trở thành lựa chọn ưu việt, góp phần ổn định và phát triển bền vững môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

3.2. Ưu điểm của thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Việt Nam

a. Môi trường pháp lý ngày càng hoàn thiện

Một trong những ưu điểm nổi bật nhất góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam chính là môi trường pháp lý ngày càng hoàn thiện, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại số hóa. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 được xem là bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế về tổ chức và hoạt động trọng tài tại Việt Nam. Luật này tiếp thu đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của Luật Mẫu UNCITRAL - một bộ luật mẫu quốc tế được nhiều quốc gia áp dụng, giúp đảm bảo rằng hoạt động trọng tài ở Việt Nam không chỉ tuân thủ pháp luật trong nước mà còn phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực trọng tài thương mại quốc tế. Tạo ra một nền tảng pháp lý vững chắc, minh bạch và linh hoạt, giúp các bên tranh chấp yên tâm lựa chọn trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Tòa án Nhân dân tối cao đã giải quyết các vấn đề chưa rõ ràng trong Luật Trọng tài thương mại, như phân định thẩm quyền giữa trọng tài và tòa án, làm rõ cơ chế hỗ trợ và giám sát của tòa án đối với hoạt động trọng tài. Nghị quyết này thể hiện rõ tinh thần ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trọng tài, góp phần nâng cao hiệu quả và uy tín của trọng tài thương mại tại Việt Nam. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các văn bản pháp lý này cũng đã mở đường cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động trọng tài, dù vẫn còn cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của thời đại số hóa.⁵

b. Chất lượng vụ tranh chấp giải quyết thông qua phương thức trọng tài

⁴ Thực trạng về số lượng và phân bố các trung tâm trọng tài thương mại cùng số lượng trọng tài viên tại Việt Nam: Hoàn thiện thể chế, pháp luật, nâng vị thế Trọng tài thương mại đáp ứng yêu cầu của hội nhập và phát triển, truy cập 23/05/2025.

⁵ Vai trò của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP trong việc làm rõ và hoàn thiện các quy định của Luật Trọng tài thương mại: Ưu điểm của Trọng tài thương mại, truy cập 23/05/2025.

Sau khi Luật Trọng tài thương mại được ban hành, hoạt động trọng tài tại Việt Nam đã có sự phát triển rõ nét cả về số lượng và chất lượng. Số lượng vụ tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài không chỉ tăng lên mà còn đa dạng hơn về lĩnh vực, bao gồm các ngành như xây dựng, bảo hiểm, chứng khoán, thương mại điện tử, công nghệ thông tin và các giao dịch kinh doanh trực tuyến. Điều này cho thấy trọng tài thương mại đang dần trở thành phương thức giải quyết tranh chấp ưu việt, phù hợp với nhiều loại hình kinh doanh hiện đại.⁶

Chất lượng giải quyết tranh chấp cũng được nâng cao nhờ việc các bên có quyền lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực liên quan. Điều này giúp đảm bảo các phán quyết trọng tài vừa chính xác, công bằng, vừa thực tế, sát với đặc thù từng ngành nghề. Hơn nữa, hoạt động trọng tài ngày càng chuyên nghiệp hơn, đồng thời tích cực ứng dụng công nghệ thông tin như tổ chức phiên họp trực tuyến, số hóa tài liệu và sử dụng chữ ký điện tử, giúp rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp và giảm thiểu chi phí cho các bên liên quan.

Việc trọng tài thương mại giải quyết tranh chấp nhanh chóng, hiệu quả không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên mà còn góp phần giảm tải cho hệ thống tòa án, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.⁷

c. Tính bảo mật và linh hoạt phù hợp với thời đại số

Trong bối cảnh số hóa và toàn cầu hóa, trọng tài thương mại tại Việt Nam thể hiện nhiều ưu điểm vượt trội về tính bảo mật và sự linh hoạt, rất phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp hiện đại. Trọng tài bảo mật thông tin và dữ liệu của các bên tranh chấp một cách nghiêm ngặt, điều này đặc biệt quan trọng trong các vụ tranh chấp kinh doanh khi mà việc bảo vệ bí mật kinh doanh, thông tin nhạy cảm là yếu tố then chốt để duy trì uy tín và lợi thế cạnh tranh.

Ngoài ra, trọng tài có tính linh hoạt cao trong việc tổ chức các phiên họp, đặc biệt là khả năng tổ chức phiên họp trực tuyến qua các nền tảng công nghệ số, giúp các bên tiết kiệm chi phí đi lại và thời gian, đồng thời thuận tiện trong việc tiếp cận các chuyên gia trọng tài viên có trình độ cao từ khắp nơi trên thế giới. Quy trình giải quyết tranh chấp được điện tử hóa cũng góp phần tăng tốc độ xử lý vụ việc, giảm thiểu thủ tục hành chính rườm rà so với tòa án truyền thống.⁸

⁶ Sự phát triển rõ nét của hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam sau khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 được ban hành: Ưu điểm của Trọng tài thương mại, truy cập 23/05/2025.

⁷ Lợi ích của trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp nhanh chóng và hiệu quả: Giải quyết tranh chấp thương mại bằng cơ chế trọng tài thương mại tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, truy cập 23/05/2025.

⁸ Quy trình giải quyết tranh chấp: Những ưu và nhược điểm của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại?, truy cập 23/05/2025.

Những ưu điểm này không chỉ giúp trọng tài thương mại phù hợp với yêu cầu của thời đại số mà còn nâng cao hiệu quả, tính khả thi và sự tin cậy của phương thức giải quyết tranh chấp này đối với doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Với môi trường pháp lý ngày càng hoàn thiện, chất lượng giải quyết tranh chấp được nâng cao và tính bảo mật, linh hoạt phù hợp với xu thế số hóa, trọng tài thương mại tại Việt Nam đang khẳng định vị thế là phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, tin cậy và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế hiện đại, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia.

3. Hạn chế của thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Việt Nam

Luật về trọng tài thương mại tại Việt Nam đã có nhiều quy định tương đối đầy đủ và mang lại hiệu quả nhất định, tuy nhiên trong thực tiễn áp dụng, đặc biệt trong bối cảnh chuyên đổi số và phát triển công nghệ thông tin, hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

a. Vấn đề liên quan đến địa điểm tiến hành trọng tài trong môi trường số

Luật Trọng tài thương mại năm 2010 của Việt Nam chưa quy định rõ ràng và đồng bộ về mối quan hệ giữa việc lựa chọn địa điểm tiến hành trọng tài và luật áp dụng trong bối cảnh số hóa. Theo quy định hiện hành, “địa điểm tiến hành trọng tài” được hiểu chủ yếu là địa điểm về mặt địa lý, tức là nơi hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận của các bên hoặc do hội đồng trọng tài quyết định nếu các bên không thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thực tế khi các phiên họp trọng tài được tổ chức trực tuyến, khái niệm này trở nên mờ nhạt và khó xác định rõ ràng.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về giá trị pháp lý của các phiên họp trực tuyến trong tổ tụng trọng tài, cũng như chưa làm rõ cách xác định “địa điểm trọng tài” khi phiên họp diễn ra hoàn toàn trong không gian mạng. Điều này dẫn đến rủi ro pháp lý, ví dụ như phán quyết trọng tài có thể bị từ chối công nhận hoặc thi hành tại Việt Nam nếu không đáp ứng các yêu cầu về thủ tục tổ tụng theo quy định truyền thống, gây bất ổn cho các bên tranh chấp và ảnh hưởng đến uy tín của trọng tài thương mại Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số và thương mại điện tử ngày càng phát triển.⁹

b. Vấn đề về hủy quyết định trọng tài

Tỷ lệ phán quyết trọng tài bị tòa án tuyên hủy tại Việt Nam vẫn còn khá cao, làm giảm niềm tin của doanh nghiệp vào phương thức trọng tài. Theo số liệu từ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), trong giai đoạn 2003-2015, có tới 41,4% số đơn yêu cầu hủy phán quyết

⁹ Phán quyết trọng tài có thể bị từ chối công nhận hoặc thi hành tại Việt Nam: Hội nhập trong bối cảnh kinh tế số: Việt Nam hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại, Trọng tài trực tuyến, truy cập 23/05/2025.

trọng tài được tòa án chấp nhận, và tỷ lệ này còn tăng lên 50% trong giai đoạn 2011-2015.¹⁰ Nguyên nhân một phần đến từ việc pháp luật hiện hành thiếu các quy định cụ thể và rõ ràng về giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài, cũng như chưa có hướng dẫn chi tiết về cách đánh giá tính hợp pháp của thỏa thuận trọng tài điện tử.

Ngoài ra, vấn đề công nhận chữ ký điện tử trong thỏa thuận trọng tài vẫn còn nhiều tranh cãi do pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về việc sử dụng chữ ký điện tử thay thế chữ ký tay trong các văn bản trọng tài. Điều này gây khó khăn trong việc đảm bảo tính hợp pháp và hiệu lực của phán quyết trọng tài được ký kết và lưu trữ dưới dạng điện tử, làm giảm tính khả thi của trọng tài trực tuyến.¹¹

c. Hạn chế về thủ tục hủy quyết định trọng tài

Khoản 10 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định rằng quyết định hủy phán quyết trọng tài của tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành, đồng thời các thành viên hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, còn đương sự cũng không có quyền kháng cáo. Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ chế giám sát hoặc xem xét lại các quyết định hủy phán quyết trọng tài của tòa án, dẫn đến tình trạng một số quyết định có thể mang tính tùy tiện hoặc chưa thỏa đáng nhưng không được kiểm soát, gây bất lợi cho các bên liên quan

Trong bối cảnh số hóa, vấn đề này càng trở nên phức tạp khi các bằng chứng điện tử, giao dịch trực tuyến cần được xem xét một cách chuyên sâu và chính xác hơn, nhưng lại thiếu các quy định và hướng dẫn pháp lý cụ thể để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quá trình xét xử hủy phán quyết trọng tài.

d. Vấn đề về luật áp dụng trong bối cảnh số hóa

Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định rằng đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, hội đồng trọng tài sẽ áp dụng pháp luật Việt Nam. Quy định này giới hạn quyền tự do lựa chọn luật áp dụng của các bên tranh chấp trong nước, đặc biệt trong các giao dịch thương mại điện tử và giao dịch xuyên biên giới ngày càng phổ biến.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về luật áp dụng đối với các tranh chấp phát sinh từ giao dịch điện tử xuyên biên giới, cũng như thiếu quy định rõ ràng về cách xác định yếu tố nước ngoài trong các giao dịch trực tuyến. Điều này gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật phù hợp và đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả và tính khả thi của các phán quyết trọng tài trong môi trường số hóa.

e. Vấn đề về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của trọng tài viên

¹⁰ Số liệu từ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC): Hủy phán quyết trọng tài vì lý do “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”: Thực trạng, bất cập và hướng hoàn thiện, truy cập 23/05/2025.

¹¹ Vấn đề công nhận chữ ký điện tử trong thỏa thuận trọng tài: Phán quyết trọng tài điện tử và chữ ký điện tử: bước tiến mới cho hoạt động trọng tài tại Việt Nam trong kỷ nguyên số, truy cập 23/05/2025.

Pháp luật hiện hành còn thiếu các hướng dẫn chi tiết về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời “khác” trong tố tụng trọng tài, cũng như chưa làm rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại của trọng tài viên trong trường hợp áp dụng các biện pháp này không đúng quy định hoặc gây thiệt hại cho các bên.

Trong môi trường số, việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản kỹ thuật số, dữ liệu điện tử gặp nhiều khó khăn do tính chất vô hình, dễ thay đổi và khó kiểm soát của các loại tài sản này. Điều này đòi hỏi cần có các quy định pháp lý cụ thể và hướng dẫn thực tiễn rõ ràng hơn để đảm bảo quyền lợi của các bên và trách nhiệm của trọng tài viên trong việc bảo vệ tài sản số.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH SỐ

4.1. Hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài thương mại trong thời đại số

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại số và xu hướng chuyển đổi số trong hoạt động thương mại, việc sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại năm 2010 là rất cần thiết nhằm tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ, rõ ràng và phù hợp với thực tiễn công nghệ hiện đại. Cụ thể, cần xây dựng các quy định chi tiết về giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài điện tử, làm rõ cách thức xác định và công nhận thỏa thuận này trong môi trường số, giúp các bên tranh chấp yên tâm lựa chọn trọng tài điện tử làm phương thức giải quyết tranh chấp.

Ngoài ra, Luật cần làm rõ quy định về “địa điểm trọng tài” trong trường hợp các phiên họp trọng tài được tổ chức trực tuyến, bởi trong môi trường số, khái niệm địa điểm vật lý truyền thống không còn phù hợp hoặc trở nên mơ hồ. Việc bổ sung các quy định về chứng cứ điện tử trong tố tụng trọng tài cũng rất quan trọng, nhằm đảm bảo tính pháp lý, độ tin cậy và khả năng sử dụng các loại chứng cứ số trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Song song đó, cần xây dựng cơ chế giám sát và kiểm tra việc hủy phán quyết trọng tài của tòa án nhằm bảo đảm tính minh bạch và công bằng, tránh tình trạng quyết định hủy phán quyết trọng tài bị lạm dụng hoặc thiếu cơ sở. Cuối cùng, mở rộng quyền tự do lựa chọn luật áp dụng cho các bên tranh chấp trong nước, đặc biệt trong các giao dịch thương mại điện tử và giao dịch xuyên biên giới, sẽ góp phần nâng cao tính linh hoạt và khả năng thích ứng của trọng tài thương mại trong bối cảnh số hóa ngày càng sâu rộng.

4.2. Tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ số trong hoạt động trọng tài

Việc đầu tư xây dựng và phát triển các nền tảng trực tuyến chuyên biệt cho hoạt động trọng tài là giải pháp then chốt để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp. Các trung tâm trọng tài cần phát triển hệ thống quản lý hồ sơ điện tử với độ bảo mật cao, giúp lưu trữ, truy xuất và xử lý tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện và an toàn.

Ứng dụng công nghệ blockchain trong quản lý dữ liệu và chứng cứ trọng tài sẽ đảm bảo tính toàn vẹn, minh bạch và chống giả mạo, đồng thời tăng cường độ tin cậy của quá trình tố tụng. Việc xây dựng các phòng xử lý trực tuyến được trang bị đầy đủ công nghệ hỗ trợ như video call, chia sẻ tài liệu, ghi âm, ghi hình phiên họp sẽ giúp các bên tham gia tố tụng có trải nghiệm thuận lợi và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, phát triển các công cụ phân tích dữ liệu tiên tiến sẽ hỗ trợ trọng tài viên trong việc đánh giá các chứng cứ phức tạp, đặc biệt là chứng cứ điện tử, giúp nâng cao chất lượng phán quyết và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp.¹²

4.3. Nâng cao năng lực của đội ngũ trọng tài viên trong thời đại số

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của trọng tài thương mại trong bối cảnh số hóa, cần tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin và trọng tài điện tử cho đội ngũ trọng tài viên. Các khóa học này nên tập trung bồi dưỡng kiến thức về luật công nghệ thông tin, luật an ninh mạng, kỹ năng đánh giá chứng cứ điện tử và dữ liệu số, cũng như nâng cao năng lực xử lý các tranh chấp liên quan đến thương mại điện tử và giao dịch kỹ thuật số.

Việc xây dựng đội ngũ trọng tài viên chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ và tranh chấp số sẽ giúp đảm bảo các phán quyết trọng tài được đưa ra chính xác, công bằng và phù hợp với đặc thù của các tranh chấp trong nền kinh tế số. Các chương trình tập huấn và bồi dưỡng kỹ năng trọng tài viên do các tổ chức như VIAC phối hợp với các đối tác quốc tế tổ chức đã và đang góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trọng tài tại Việt Nam.

4.4. Tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của chuyên gia quốc tế

Việc tạo điều kiện thuận lợi cho trọng tài viên nước ngoài và luật sư quốc tế tham gia tố tụng trọng tài tại Việt Nam không chỉ giúp nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp mà còn góp phần đưa hoạt động trọng tài Việt Nam gần hơn với các chuẩn mực quốc tế. Học hỏi kinh nghiệm quốc tế về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực công nghệ và thương mại điện tử sẽ giúp Việt Nam hoàn thiện hơn các quy trình, thủ tục và công nghệ áp dụng trong trọng tài.

Xây dựng cơ chế phối hợp với các tổ chức trọng tài quốc tế có uy tín, cũng như tạo môi trường thuận lợi cho việc áp dụng các thông lệ quốc tế trong lĩnh vực trọng tài thương mại, sẽ góp phần nâng cao uy tín và sức hấp dẫn của trọng tài Việt Nam đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp nước ngoài.

4.5. Xây dựng hệ thống hợp tác quốc tế về trọng tài điện tử

¹² Phát triển các công cụ phân tích dữ liệu tiên tiến: [VIAC SYMPOSIUM 2024] PHIÊN A - Lễ ra mắt Nền tảng Nộp đơn điện tử và Quản lý vụ tranh chấp trực tuyến của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), truy cập 23/05/2025.

Việt Nam cần tích cực tham gia và thúc đẩy các sáng kiến quốc tế về trọng tài điện tử, đồng thời đàm phán các thỏa thuận hợp tác với các trung tâm trọng tài quốc tế hàng đầu để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp quốc tế. Việc tham gia xây dựng các quy tắc trọng tài điện tử quốc tế cũng giúp Việt Nam góp tiếng nói và tiếp cận các chuẩn mực mới nhất trong lĩnh vực này.

Ngoài ra, cần tạo điều kiện thuận lợi cho việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài điện tử giữa các quốc gia, góp phần thúc đẩy thương mại xuyên biên giới và hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả hơn.

4.6. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước

Để đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả trong việc áp dụng pháp luật trọng tài trong bối cảnh số, cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự. Việc thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật về trọng tài, đặc biệt là trọng tài điện tử, sẽ giúp giảm thiểu các tranh chấp pháp lý, nâng cao tính nhất quán trong xử lý các vụ việc.

Bên cạnh đó, các cơ quan liên quan cần chia sẻ thông tin, kinh nghiệm xử lý các vụ việc phức tạp liên quan đến môi trường số, đồng thời tổ chức các khóa đào tạo chung cho đội ngũ thẩm phán và trọng tài viên về trọng tài điện tử để nâng cao năng lực chuyên môn và sự phối hợp hiệu quả trong thực tiễn.

5. KẾT LUẬN

Trọng tài thương mại đã và đang khẳng định vai trò quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp thương mại tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh số hóa ngày càng mạnh mẽ. Tuy đã đạt được những thành tựu đáng kể, nhưng vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua để nâng cao hiệu quả của phương thức giải quyết tranh chấp này trong thời đại công nghệ số.

Việc hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ, đào tạo đội ngũ trọng tài viên và tăng cường hợp tác quốc tế là những giải pháp quan trọng nhằm phát huy tối đa tiềm năng của trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại điện tử và giao dịch trực tuyến.

Với sự quan tâm đúng mức của Nhà nước, sự nỗ lực của các trung tâm trọng tài và sự tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp, trọng tài thương mại Việt Nam sẽ ngày càng phát triển và hoàn thiện, góp phần đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hoạt động thương mại trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Trọng tài thương mại 2010;
2. Nghị quyết 01/2014/HĐTP-TANDTC số 01/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại;
3. Nghị định số 124/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;
4. Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài;
5. Sự phát triển nhanh chóng của trọng tài thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2011-2019: Một số vướng mắc từ thực tế áp dụng Luật Trọng tài thương mại và đề xuất hướng hoàn thiện, truy cập 23/05/2025.
6. Vai trò của trọng tài trong việc nâng cao hiệu quả và tính khả thi của các phán quyết trọng tài: Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung, truy cập 23/05/2025.
7. Thực trạng về số lượng và phân bố các trung tâm trọng tài thương mại cùng số lượng trọng tài viên tại Việt Nam: Hoàn thiện thể chế, pháp luật, nâng vị thế Trọng tài thương mại đáp ứng yêu cầu của hội nhập và phát triển, truy cập 23/05/2025.
8. Vai trò của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP trong việc làm rõ và hoàn thiện các quy định của Luật Trọng tài thương mại: Ưu điểm của Trọng tài thương mại, truy cập 23/05/2025.
9. Sự phát triển rõ nét của hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam sau khi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 được ban hành: Ưu điểm của Trọng tài thương mại, truy cập 23/05/2025.
10. Lợi ích của trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp nhanh chóng và hiệu quả: Giải quyết tranh chấp thương mại bằng cơ chế trọng tài thương mại tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, truy cập 23/05/2025.
11. Quy trình giải quyết tranh chấp: Những ưu và nhược điểm của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại?, truy cập 23/05/2025.
12. Phán quyết trọng tài có thể bị từ chối công nhận hoặc thi hành tại Việt Nam: Hội nhập trong bối cảnh kinh tế số: Việt Nam hoàn thiện pháp luật về Trọng tài thương mại, Trọng tài trực tuyến, truy cập 23/05/2025.
13. Số liệu từ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC): Hủy phán quyết trọng tài vì lý do “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”: Thực trạng, bất cập và hướng hoàn thiện, truy cập 23/05/2025.

14. Vấn đề công nhận chữ ký điện tử trong thỏa thuận trọng tài: Phán quyết trọng tài điện tử và chữ ký điện tử: bước tiến mới cho hoạt động trọng tài tại Việt Nam trong kỷ nguyên số, truy cập 23/05/2025.

15. Phát triển các công cụ phân tích dữ liệu tiên tiến: [VIAC SYMPOSIUM 2024] PHIÊN A - Lễ ra mắt Nền tảng Nộp đơn điện tử và Quản lý vụ tranh chấp trực tuyến của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), truy cập 23/05/2025.

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI TRONG
BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM**

Trần Thị Phương Dung¹

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, trọng tài thương mại tại Việt Nam đứng trước cơ hội và thách thức từ việc ứng dụng công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, và các nền tảng trực tuyến. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện hành, chủ yếu dựa trên Luật Trọng tài Thương mại năm 2010, chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu mới như công nhận chữ ký điện tử, quản lý tranh chấp hợp đồng thông minh, hay bảo mật dữ liệu trong trọng tài trực tuyến. Bài viết phân tích những hạn chế của khung pháp lý Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm quốc tế từ Singapore và EU, đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, bao gồm sửa đổi luật, xây dựng quy định về trọng tài trực tuyến, và tích hợp AI trong quản lý vụ việc trọng tài.

Từ khóa: Trọng tài thương mại, chuyển đổi số, khung pháp lý, trí tuệ nhân tạo, Việt Nam.

Abstract: In the context of digital transformation, commercial arbitration in Vietnam faces opportunities and challenges from the application of technologies such as artificial intelligence (AI), blockchain, and online platforms. However, the current legal framework, primarily based on the 2010 Commercial Arbitration Law, does not fully address new requirements, such as the recognition of electronic signatures, management of smart contract disputes, or data security in online arbitration. This paper analyzes the limitations of Vietnam's legal framework, draws on international experiences from Singapore and the EU, and proposes solutions to improve the law, including amendments, regulations for online arbitration, and the integration of AI in arbitration case management.

Keywords: Commercial arbitration, digital transformation, legal framework, artificial intelligence, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đã và đang thay đổi cách thức giải quyết tranh chấp thương mại trên toàn cầu, với sự ra đời của các nền tảng trọng tài trực tuyến (ODR - Online Dispute Resolution), hợp đồng thông minh (smart contracts), và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý vụ việc. Tại Việt Nam, trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp được khuyến khích, nhưng khung pháp lý hiện hành, chủ yếu dựa trên Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 (LTTTM), chưa theo kịp các tiến bộ công nghệ. Những vấn đề như công nhận chữ ký điện tử,

¹ LS, Giám đốc Công ty Luật TNHH Avocad; Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Thương mại Số 1 Việt Nam; Email: phuongdung4488@gmail.com

bảo mật dữ liệu trong trọng tài trực tuyến, hay giải quyết tranh chấp từ hợp đồng thông minh vẫn còn bỏ ngỏ. Đại dịch COVID-19 bùng phát đã càng làm rõ hơn những khoảng trống pháp lý này, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu và việc áp dụng trọng tài trực tuyến, buộc các cơ quan và trung tâm trọng tài phải nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc từ xa và số hóa. Trong bối cảnh Việt Nam thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, việc hoàn thiện khung pháp lý cho trọng tài thương mại là yêu cầu cấp thiết, không chỉ để bắt kịp xu hướng mà còn để đảm bảo hiệu quả, công bằng và tính thích ứng của hệ thống pháp luật trong kỷ nguyên số. Bài viết này phân tích các hạn chế pháp lý hiện tại, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, và đề xuất giải pháp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2. Thực trạng khung pháp lý về trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam

2.1. Những điểm tích cực

Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 đã tạo nền tảng pháp lý cơ bản cho hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam, với các quy định về thỏa thuận trọng tài, thủ tục trọng tài, và công nhận phán quyết trọng tài, phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt và quyền tự do ý chí của các bên trong giải quyết tranh chấp. Một số quy định của Luật đã tiệm cận và phù hợp với Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, giúp Việt Nam hội nhập quốc tế và tăng cường sự tin cậy của nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, Luật Giao dịch điện tử 2023 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024) (thay thế Luật Giao dịch điện tử 2005) và Luật An ninh mạng 2018 đã bước đầu hỗ trợ các giao dịch số, tạo điều kiện cho trọng tài trực tuyến. Cụ thể, Luật Giao dịch điện tử 2023 đã công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử, và giao dịch điện tử, là cơ sở pháp lý quan trọng để các bằng chứng và quy trình số hóa được chấp nhận trong tố tụng trọng tài. Đặc biệt, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023) đã tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho việc bảo vệ thông tin cá nhân trong môi trường số. Bên cạnh đó, các quy định mới về công chứng điện tử trong Luật Công chứng gần đây cũng góp phần tăng cường tính xác thực và giá trị chứng cứ của các tài liệu điện tử được sử dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp, hỗ trợ quá trình số hóa toàn diện của hoạt động trọng tài, từ nộp hồ sơ đến xét xử và thi hành. Minh chứng cho sự thích nghi này, Trung tâm Trọng tài Thương mại Số 1 Việt Nam (VN1AC), ra mắt vào cuối tháng 6 năm 2025, đã cập nhật Quy tắc Tố tụng của mình có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2025, trong đó cho phép gửi các thông báo, tài liệu bằng thư điện tử và cung cấp các mẫu đơn khởi kiện, đơn kiện lại,

bản tự bảo vệ trên website chính thức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp hồ sơ và trao đổi thông tin điện tử trong quá trình tố tụng trọng tài.

2.2. Những hạn chế

Thiếu quy định về trọng tài trực tuyến: LTTTM 2010 chưa có bất kỳ điều khoản nào quy định cụ thể về các phiên họp trực tuyến, việc nộp tài liệu điện tử, công nhận chữ ký điện tử trong các văn bản tố tụng trọng tài, hay giá trị pháp lý của các bằng chứng được thu thập từ môi trường số. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhiều vụ việc đã phải tạm hoãn hoặc đối mặt với thách thức lớn khi các bên không thể tham gia trực tiếp, trong khi khung pháp lý thiếu vắng quy định về trọng tài trực tuyến đã buộc các trung tâm trọng tài phải tự tìm cách thích nghi (như áp dụng các quy tắc linh hoạt) mà không có nền tảng pháp lý vững chắc.

Chưa có cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng thông minh: Hợp đồng thông minh, được tự động thực thi trên nền tảng blockchain, ngày càng trở nên phổ biến trong thương mại quốc tế và nội địa. Tuy nhiên, LTTTM hiện hành hoàn toàn không đề cập đến loại hình hợp đồng này. Các tranh chấp phát sinh từ lỗi mã lập trình, sự cố kỹ thuật, hoặc việc tự động thực thi hợp đồng không như ý muốn chưa có hướng dẫn pháp lý rõ ràng về việc xác định thẩm quyền của trọng tài, quy trình tố tụng, hay cách thức thu thập và đánh giá chứng cứ từ blockchain. Việc thiếu vắng các quy định này tạo ra rủi ro pháp lý và cản trở sự phát triển của các giao dịch trên nền tảng công nghệ mới.

Quy định về bảo mật dữ liệu và an ninh mạng còn lỏng lẻo và chưa chuyên biệt hóa: Mặc dù Việt Nam đã có Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng quy định về bảo mật dữ liệu trong trọng tài trực tuyến vẫn còn lỏng lẻo và chưa chuyên biệt hóa cho lĩnh vực này. Các vụ việc trọng tài thường liên quan đến thông tin kinh doanh nhạy cảm, bí mật thương mại và dữ liệu cá nhân. Trong môi trường trọng tài trực tuyến, việc trao đổi, lưu trữ dữ liệu số hóa đặt ra yêu cầu cao về bảo mật. Việc thiếu một khuôn khổ pháp lý vững chắc và chi tiết về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu áp dụng riêng cho lĩnh vực trọng tài có thể dẫn đến rủi ro rò rỉ thông tin, bị tấn công mạng, làm mất uy tín và niềm tin của các bên vào phương thức trọng tài.

Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) chưa được định hình rõ ràng: AI có tiềm năng to lớn trong việc hỗ trợ phân tích chứng cứ, tóm tắt hồ sơ vụ việc, dự đoán kết quả hoặc thậm chí hỗ trợ soạn thảo phán quyết. Tuy nhiên, LTTTM không hề đề cập đến việc sử dụng AI trong trọng tài, dẫn đến lo ngại về tính minh bạch của quá trình ra quyết định, vấn đề trách nhiệm pháp lý khi AI mắc lỗi, và đạo đức nghề nghiệp của trọng tài viên khi sử dụng công nghệ này. Đặc biệt, việc sử dụng AI trong các khía cạnh mang tính quyết định có thể đặt ra những thách thức về quyền được lắng nghe và quyền bảo vệ của các bên.

3. Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

3.1. Singapore

Singapore được công nhận là trung tâm trọng tài hàng đầu châu Á, với khung pháp lý tiên tiến hỗ trợ mạnh mẽ cho chuyển đổi số. Luật Trọng tài Quốc tế của Singapore (International Arbitration Act - IAA) đã công nhận rộng rãi các thỏa thuận trọng tài được xác lập dưới dạng điện tử và chữ ký điện tử, phù hợp với các nguyên tắc của Công ước UNCITRAL về Giao dịch Điện tử. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) là một ví dụ điển hình trong việc ứng dụng công nghệ, với nền tảng trực tuyến như SIAC Gateway cho phép các bên nộp hồ sơ, trao đổi tài liệu và tham gia các phiên điều trần từ xa một cách an toàn và hiệu quả. SIAC cũng tích hợp AI để quản lý vụ việc, tối ưu hóa quy trình hành chính và đảm bảo bảo mật dữ liệu thông qua các hệ thống mã hóa và xác thực đa yếu tố. Singapore còn đi tiên phong trong việc ban hành hướng dẫn đạo đức về sử dụng công nghệ trong trọng tài, giúp cân bằng giữa hiệu quả và công bằng, đồng thời giải quyết các vấn đề liên quan đến tính minh bạch và trách nhiệm.

3.2. Liên minh Châu Âu (EU)

Liên minh Châu Âu (EU) thúc đẩy mạnh mẽ trọng tài trực tuyến thông qua các sáng kiến và quy định chung. Nổi bật là Chỉ thị ODR 2013/11/EU về giải quyết tranh chấp trực tuyến cho người tiêu dùng, yêu cầu các quốc gia thành viên thiết lập các nền tảng giải quyết tranh chấp trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch xuyên biên giới. Các trung tâm trọng tài lớn tại EU, như Tòa Trọng tài Quốc tế (ICC - International Chamber of Commerce), đã tích cực triển khai các phiên họp trực tuyến và sử dụng AI để hỗ trợ phân tích dữ liệu vụ việc, quản lý hồ sơ và thậm chí là dự đoán xu hướng tranh chấp để hỗ trợ trọng tài viên. Đặc biệt, EU có Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR - General Data Protection Regulation) – một khuôn khổ pháp lý toàn diện về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, đặt ra các tiêu chuẩn cực kỳ nghiêm ngặt về việc thu thập, xử lý, lưu trữ và bảo mật dữ liệu trong mọi quy trình số hóa, bao gồm cả trọng tài, đảm bảo quyền lợi của các bên và tính bảo mật của thông tin nhạy cảm.

3.3. Bài học cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam có thể rút ra những bài học quý báu để hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số:

Việt Nam cần sớm sửa đổi LTTTM để công nhận chính thức các thỏa thuận trọng tài điện tử và quy trình tố tụng trực tuyến, học hỏi từ Singapore về việc tích hợp các quy định về giao dịch điện tử và chữ ký điện tử vào luật trọng tài để tạo cơ sở pháp lý vững chắc.

Xây dựng hướng dẫn đạo đức về ứng dụng AI trong trọng tài, tham khảo kinh nghiệm từ EU và các tổ chức quốc tế khác để ban hành các quy tắc cụ thể về việc sử dụng AI trong trọng tài, đảm bảo tính minh bạch, công bằng, và trách nhiệm giải trình của con người (trọng tài viên) đối với các quyết định được hỗ trợ bởi AI. Tuy nhiên, việc triển khai đề xuất này đòi

hỏi đầu tư đáng kể về tài chính, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ, điều mà nhiều trung tâm trọng tài tại Việt Nam hiện nay còn chưa đáp ứng được. Do đó, cần có lộ trình thực hiện từng bước kết hợp chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Ban hành quy định về bảo mật dữ liệu và an ninh mạng trong trọng tài, tương tự GDPR, Việt Nam cần có các quy định cụ thể và chặt chẽ về bảo vệ thông tin nhạy cảm của các bên tranh chấp trong môi trường số, bao gồm các tiêu chuẩn kỹ thuật, nghĩa vụ của trung tâm trọng tài và quyền của chủ thể dữ liệu.

4. Đề xuất hoàn thiện khung pháp lý tại Việt Nam

Để hiện thực hóa tiềm năng của chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả của trọng tài thương mại tại Việt Nam, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

4.1. Sửa đổi Luật Trọng tài Thương mại

Bổ sung quy định về trọng tài trực tuyến: (1) Công nhận giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài được xác lập bằng phương tiện điện tử (email, tin nhắn, hợp đồng điện tử), chữ ký điện tử, và các phiên họp trực tuyến. Cần quy định chi tiết về các điều kiện để một giao dịch điện tử được coi là hợp lệ trong tố tụng trọng tài, chẳng hạn như quy trình xác thực danh tính các bên tham gia phiên họp trực tuyến, phương thức nộp và quản lý tài liệu điện tử, cũng như giá trị pháp lý của các bằng chứng điện tử. (2) Quy định về việc ghi âm, ghi hình các phiên họp trực tuyến và giá trị chứng cứ của chúng, đảm bảo tính minh bạch và phục vụ công tác kiểm tra, giám sát khi cần thiết. (3) Điều chỉnh các quy định về tổng đạt văn bản tố tụng để phù hợp với môi trường số (ví dụ, tổng đạt qua email có xác nhận).

Điều chỉnh tranh chấp hợp đồng thông minh: Luật cần bổ sung định nghĩa và công nhận hợp đồng thông minh như một loại hình hợp đồng dân sự, thương mại. Quy định về thẩm quyền trọng tài trong các tranh chấp liên quan đến hợp đồng thông minh, bao gồm xác định lỗi mã lập trình hoặc việc tự động thực thi hợp đồng không theo ý chí các bên và trách nhiệm pháp lý.

Tăng cường bảo mật dữ liệu: Yêu cầu các trung tâm trọng tài áp dụng tiêu chuẩn an ninh mạng quốc tế, để bảo vệ thông tin vụ việc. Đồng thời, xây dựng quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan (trung tâm trọng tài, trọng tài viên, các bên tranh chấp) trong việc thu thập, xử lý, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo các nguyên tắc của GDPR và Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Việt Nam, bao gồm quyền được biết, quyền chỉnh sửa và quyền xóa dữ liệu.

4.2. Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết và bộ quy tắc đạo đức

Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan cần ban hành nghị định hoặc thông tư hướng dẫn chi tiết về trọng tài trực tuyến, bao gồm: quy trình cụ thể để tổ chức phiên họp trực tuyến, các

tiêu chuẩn kỹ thuật cho hệ thống hợp trực tuyến, phương thức xác minh danh tính và sự tham gia của các bên, cũng như quy định về lưu trữ an toàn các tài liệu điện tử.

Xây dựng một bộ quy tắc đạo đức cho trọng tài viên và các trung tâm trọng tài khi ứng dụng AI và các công nghệ mới. Việc xây dựng bộ quy tắc đạo đức này nên dựa trên các nguyên tắc toàn cầu về AI đã được phát triển bởi các tổ chức quốc tế uy tín như Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), trong đó yêu cầu: minh bạch thuật toán (khả năng giải thích cách AI đưa ra kết quả), khả năng truy xuất lý do AI đưa ra đề xuất, giới hạn trách nhiệm của AI và sự giám sát chặt chẽ của con người trong mọi khía cạnh ra quyết định trọng tài.

4.3. Đầu tư vào hạ tầng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực

Hỗ trợ các trung tâm trọng tài tại Việt Nam xây dựng và nâng cấp nền tảng trực tuyến tích hợp AI để quản lý vụ việc, tóm tắt hồ sơ, phân tích chứng cứ, và thậm chí là dự đoán các kết quả có thể xảy ra, giúp nâng cao đáng kể hiệu quả và tốc độ giải quyết tranh chấp.

Đẩy mạnh đào tạo trọng tài viên, thư ký trọng tài và cán bộ quản lý về công nghệ pháp lý (LegalTech), bao gồm kiến thức chuyên sâu về AI, blockchain, hợp đồng thông minh và các nền tảng trọng tài trực tuyến. Điều này giúp họ không chỉ vận dụng hiệu quả các công cụ số mà còn hiểu rõ hơn về bản chất pháp lý và kỹ thuật của các loại tranh chấp mới phát sinh từ chuyển đổi số.

4.4. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động tham gia các sáng kiến và diễn đàn quốc tế về trọng tài số hóa, như các nhóm công tác của UNCITRAL (ví dụ: UNCITRAL Working Group III về giải quyết tranh chấp trực tuyến), để cập nhật xu hướng pháp lý, công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn toàn cầu.

Tăng cường hợp tác song phương và đa phương với các trung tâm trọng tài lớn trên thế giới như SIAC (Singapore), HKIAC (Hong Kong), ICC (EU) để chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm trong quản lý và giải quyết tranh chấp bằng phương tiện điện tử, học hỏi mô hình hoạt động hiệu quả của họ. Điều này cũng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của trọng tài Việt Nam trên trường quốc tế.

5. Kết luận

Chuyển đổi số mở ra cơ hội lớn cho trọng tài thương mại tại Việt Nam, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về hoàn thiện khung pháp lý để đáp ứng những thách thức mới. Những hạn chế của Luật Trọng tài Thương mại 2010, như thiếu quy định về trọng tài trực tuyến, hợp đồng thông minh, và bảo mật dữ liệu, cần được khắc phục một cách đồng bộ và toàn diện thông qua việc sửa đổi luật, ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, đầu tư vào hạ tầng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tham khảo kinh nghiệm từ Singapore và EU, Việt Nam có thể xây dựng một hệ thống trọng tài thương mại hiện đại, minh bạch, hiệu quả và hội nhập quốc

tế, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy môi trường kinh doanh thuận lợi và giải quyết tranh chấp hiệu quả trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, để hiện thực hóa các đề xuất đã nêu, Việt Nam cần thiết lập một lộ trình thực hiện gồm ba giai đoạn: (1) Giai đoạn ngắn hạn (2025–2026): tập trung rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết như nghị định và thông tư nhằm tạo hành lang pháp lý cho trọng tài trực tuyến; (2) Giai đoạn trung hạn (2027–2028): tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài Thương mại để tích hợp các quy định mới về công nghệ số, hợp đồng thông minh và bảo mật dữ liệu; (3) Giai đoạn dài hạn (2029 trở đi): xây dựng nền tảng số hóa đồng bộ trong hoạt động trọng tài, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin tích hợp AI, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu cho trọng tài viên, thư ký trọng tài và nhân lực hỗ trợ. Ngoài ra, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tiếp thu mô hình và công nghệ trọng tài tiên tiến, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập của trọng tài Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2024), *Giáo trình Pháp luật trọng tài thương mại*, Nxb Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh, tr. 56-78.
2. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Sổ tay pháp luật về trọng tài và hòa giải*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
3. Singapore International Arbitration Centre (2023), *SIAC Rules 2023*, Singapore, truy cập ngày 20/6/2025, <https://www.siac.org.sg/our-rules>.
4. European Parliament (2013), *Directive 2013/11/EU on Alternative Dispute Resolution for Consumer Disputes*, Official Journal of the European Union, L 165/63, tr. 12-15.
5. TS. Trần Văn Biên (2023), *Hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại trong thời đại công nghệ số ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí KH&CN Trường Đại học Hòa Bình, số 10/2023, tr. 26-35.
6. Trung tâm Trọng tài Thương mại Số 1 Việt Nam (VN1AC), *Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Thương mại Số 1 Việt Nam (có hiệu lực từ 01/3/2025)*.
7. Trung tâm Trọng tài Thương mại Số 1 Việt Nam ra mắt (2025), *Tạp chí điện tử luật sư Việt Nam*, truy cập ngày 11/7/2025, <https://lsvn.vn/trung-tam-trong-tai-thuong-mai-so-1-viet-nam-ra-mat-a159684.html>.
8. UNCITRAL (2006), *Model Law on Electronic Commerce*, United Nations, New York, tr. 30-45.
9. UNESCO (2021), *Recommendation on the Ethics of Artificial Intelligence*, UNESCO Publishing, Paris, truy cập ngày 22/6/2025, <https://www.unesco.org/en/artificial-intelligence/recommendation-ethics>.
10. OECD Principles on AI (2019) – *Tài liệu nền tảng cho việc xây dựng hướng dẫn đạo đức AI trong pháp luật*.
11. <https://lsvn.vn/ban-chat-phap-ly-cua-hop-dong-thong-minh-theo-goc-nhin-cua-lien-minh-chau-au-va-mot-so-goi-mo-cho-viet-nam-1722180987-a145774.html>, truy cập ngày 22/6/2025.
12. <https://diendandoanhnghiep.vn/ung-dung-cong-nghe-vao-giai-quyet-tranh-chap-10136238.html>, truy cập ngày 22/6/2025.
13. <https://lsvn.vn/phap-luat-ve-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-dien-tu-bang-phuong-thuc-truc-tuyen-1714495188-a143230.html>, truy cập ngày 22/6/2025.
14. <https://phaply.net.vn/tu-xu-huong-giai-quyet-tranh-chap-truc-tuyen-trong-thuong-mai-quoc-te-can-som-hoan-thien-khung-phap-ly-ve-trong-tai-dien-tu-a258378.html>, truy cập ngày 22/6/2025.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Quảng Ngọc Vy¹

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang định hình lại phương thức giải quyết tranh chấp thương mại, trong đó hoạt động của trọng tài thương mại cũng không nằm ngoài xu thế này. Việc ứng dụng công nghệ số, từ lưu trữ hồ sơ điện tử, tổ chức phiên xử trực tuyến đến sử dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu, đã góp phần nâng cao hiệu quả, minh bạch và khả năng tiếp cận của trọng tài. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những thách thức mới như bảo mật thông tin, đồng bộ pháp lý và bảo đảm quyền tiếp cận công lý cho các bên tranh chấp. Tham luận này phân tích cơ hội và rủi ro của chuyển đổi số trong lĩnh vực trọng tài thương mại, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý và nâng cao năng lực số cho các tổ chức trọng tài tại Việt Nam.

Từ khóa: Chuyển đổi số, Trọng tài thương mại, Trí tuệ nhân tạo, Phiên xử trực tuyến, An ninh dữ liệu, Khung pháp lý

Abstract: Digital transformation is reshaping how commercial disputes are resolved, and commercial arbitration is no exception. The application of digital technology, from electronic record keeping, online hearings to the use of artificial intelligence in data analysis, has improved the efficiency, transparency and accessibility of arbitration. However, this process also poses new challenges such as information security, legal synchronization and ensuring access to justice for disputing parties. This paper analyzes the opportunities and risks of digital transformation in the field of commercial arbitration, and proposes several solutions to improve the legal framework and enhance digital capacity for arbitration institutions in Vietnam.

Keywords: Digital Transformation, Commercial Arbitration, Artificial Intelligence, Online Trials, Data Security, Legal Framework

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu hướng chủ đạo trong việc nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa hoạt động và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh. Đặc biệt, trong lĩnh vực pháp lý – nơi vốn được xem là chặt chẽ, khuôn mẫu và có phần bảo thủ – thì chuyển đổi số lại đặt ra những yêu cầu mới, buộc các thiết chế pháp lý phải linh hoạt, thích nghi và đổi mới để không bị tụt lại phía sau. Trong số đó, trọng tài thương mại, với những ưu điểm nổi bật như tính linh hoạt, bảo mật, hiệu quả và khả năng giải quyết tranh chấp quốc tế, được xem là một lĩnh vực có tiềm năng lớn trong việc ứng dụng công nghệ số nhằm hiện đại

¹ Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Bigboss BBIAC, quangngocvy2308@gmail.com

hóa quy trình, tiết kiệm chi phí và thời gian, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận công lý cho các bên tranh chấp.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số trong hoạt động trọng tài thương mại cũng đang đặt ra không ít thách thức: từ hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, khung pháp lý chưa hoàn thiện, cho đến tâm lý e ngại đổi mới của một số chủ thể tham gia tố tụng trọng tài. Đặc biệt, tại Việt Nam, dù một số trung tâm trọng tài đã bước đầu ứng dụng công nghệ vào quản lý và xét xử, nhưng việc chuyển đổi này vẫn còn ở giai đoạn thử nghiệm, manh mún và chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét trên bình diện toàn ngành.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tham luận với chủ đề “Chuyển đổi số và hoạt động của trọng tài thương mại” được thực hiện nhằm làm rõ vai trò, cơ hội và thách thức của chuyển đổi số trong hoạt động trọng tài. Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực này tại Việt Nam. Đồng thời đề xuất một số giải pháp về mặt pháp lý, kỹ thuật và tổ chức nhằm thúc đẩy quá trình số hóa một cách hiệu quả, bền vững, phù hợp với đặc thù của cơ chế trọng tài cũng như điều kiện phát triển của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

2. Khái quát về trọng tài thương mại và chuyển đổi số

2.1. Trọng tài thương mại – Phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng truyền thống

Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp dân sự, thương mại ngoài hệ thống Tòa án, dựa trên sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng hoặc trong quá trình phát sinh tranh chấp. Về bản chất, đây là cơ chế giải quyết có tính linh hoạt cao, bảo mật, ít hình thức, và thường được lựa chọn trong các giao dịch có yếu tố nước ngoài hoặc đòi hỏi xử lý nhanh chóng, hiệu quả².

Theo Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 của Việt Nam, trọng tài thương mại được hiểu là "phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật này". Về mặt pháp lý quốc tế, trọng tài thương mại được bảo đảm thực thi thông qua các điều ước quốc tế quan trọng như Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

So với cơ chế xét xử tại Tòa án, trọng tài thương mại cho phép các bên tự do lựa chọn luật áp dụng, địa điểm xét xử, ngôn ngữ sử dụng và đặc biệt là người giải quyết tranh chấp – tức trọng tài viên. Nhờ vậy, trọng tài thường được đánh giá là phù hợp với bản chất linh hoạt của các giao dịch thương mại hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tại Việt Nam, hoạt động trọng tài thương mại đang từng bước phát triển, với sự ra đời của nhiều trung tâm trọng tài như Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), Trung tâm Trọng tài Thương mại Luật gia Việt Nam (VLCAC), v.v. Tuy nhiên, việc phát triển của trọng tài vẫn gặp không ít khó khăn

² Nguyễn Thị Hoàng Anh, Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2018, tr.25.

do nhận thức xã hội chưa đồng đều, trình độ trọng tài viên không đồng nhất và quy định pháp luật còn chưa theo kịp thực tiễn, đặc biệt trong kỷ nguyên số³.

2.2. Chuyển đổi số - động lực đổi mới trong lĩnh vực pháp lý và tố tụng trọng tài

Chuyển đổi số là quá trình áp dụng công nghệ số vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và dịch vụ nhằm tối ưu hóa hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo ra giá trị mới. Theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là tin học hóa, mà là sự thay đổi sâu sắc trong cách vận hành và ra quyết định của tổ chức nhờ ứng dụng công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), và blockchain.

Trong lĩnh vực pháp lý nói chung và trọng tài thương mại nói riêng, chuyển đổi số đang trở thành một xu hướng tất yếu. Điều này thể hiện rõ qua các hình thức như: nộp đơn kiện trực tuyến, lưu trữ và trao đổi tài liệu điện tử, tổ chức phiên điều trần từ xa, sử dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ phân tích dữ liệu tranh chấp hoặc thậm chí dự đoán kết quả giải quyết tranh chấp. Tại các trung tâm trọng tài quốc tế như ICC (Phòng Thương mại Quốc tế), SIAC (Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore), hoặc HKIAC (Trung tâm Trọng tài Hồng Kông), việc ứng dụng công nghệ số đã trở thành tiêu chuẩn vận hành. Trong khi đó, ở Việt Nam, các trung tâm trọng tài mới bắt đầu triển khai một số bước cơ bản như nhận hồ sơ qua email, tổ chức phiên họp trực tuyến trên nền tảng Zoom hay Microsoft Teams, hoặc sử dụng hệ thống quản lý nội bộ điện tử⁴.

Tại Việt Nam, một số trung tâm trọng tài đã bắt đầu quá trình số hóa nhưng còn mang tính thử nghiệm và chưa đồng bộ. Việc nộp hồ sơ qua email, tổ chức phiên họp trực tuyến và sử dụng phần mềm quản lý nội bộ tuy là những bước tiến tích cực nhưng chưa hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh. Đang chú ý là còn thiếu quy định pháp lý cụ thể về giá trị của tài liệu điện tử, chuẩn mực xét xử trực tuyến, cũng như cơ chế bảo mật thông tin tranh chấp.

Như vậy, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là công cụ hỗ trợ hành chính trong trọng tài thương mại, mà còn đóng vai trò là yếu tố thay đổi phương thức tổ chức và vận hành toàn bộ quy trình giải quyết tranh chấp. Nó mở ra cơ hội bình đẳng về khả năng tiếp cận công lý, nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhwungx người không có nhiều nguồn lực để theo đuổi tố tụng kéo dài và phức tạp. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra không ít thách thức về pháp lý, hạ tầng kỹ thuật và khả năng tiếp cận công nghệ của các chủ thể liên quan. Do đó cần phải

³ Trần Mạnh Hùng, “Tồn tại trong thực tiễn áp dụng Luật Trọng tài thương mại tại Việt Nam”, Tạp chí Luật học, số 4/2021.

⁴ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), Báo cáo hoạt động năm 2023, Nguồn: https://www.viac.vn/images/Resources/Annual-Reports/2023/Bao-cao-thuong-nien-2023_240829.pdf, truy cập 1/6/2025.

có các giải pháp đồng bộ cả về luật pháp, hạ tầng và con người để quá trình số hóa diễn ra thật hiệu quả và bền vững.

3. Tác động của chuyển đổi số đến hoạt động trọng tài thương mại

Chuyển đổi số, với tư cách là xu hướng chủ đạo của nền kinh tế tri thức hiện đại, đang ngày càng thâm nhập sâu vào các lĩnh vực pháp lý và tư pháp, bao gồm cả hoạt động trọng tài thương mại. Việc tích hợp công nghệ thông tin vào quy trình giải quyết tranh chấp không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả xét xử mà còn đặt ra yêu cầu cải cách phương thức vận hành truyền thống của các trung tâm trọng tài.

3.1. Tác động tích cực: Cơ hội hiện đại hóa và tăng hiệu quả

Trước hết, chuyển đổi số đã góp phần hiện đại hóa quy trình tố tụng trọng tài, từ khâu tiếp nhận hồ sơ, lưu trữ tài liệu đến tổ chức các phiên họp và ban hành phán quyết. Thay vì phụ thuộc vào giấy tờ vật lý, nhiều trung tâm trọng tài đã cho phép nộp đơn khởi kiện qua cổng thông tin điện tử, trao đổi tài liệu và thông báo tố tụng thông qua email hoặc hệ thống quản lý hồ sơ trực tuyến⁵. Việc này không chỉ rút ngắn thời gian xử lý, giảm thiểu sai sót hành chính, mà còn tăng tính tiếp cận và minh bạch cho các bên tham gia tranh chấp.

Một trong những bước tiến rõ nét là tổ chức phiên điều trần trực tuyến (online hearings), đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Các nền tảng như Zoom, Microsoft Teams, hay các hệ thống hội nghị bảo mật chuyên biệt như Opus 2 hoặc ArbitralLive đã được áp dụng rộng rãi, cho phép các bên trình bày, phản bác và bảo vệ lập luận mà không cần có mặt trực tiếp. Việc này đặc biệt hữu ích đối với các tranh chấp xuyên biên giới, giúp giảm chi phí di chuyển, rút ngắn tiến trình xét xử và bảo đảm tiến độ giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó, công nghệ như blockchain và chữ ký điện tử đang dần được thí điểm trong việc xác minh chứng cứ và danh tính các bên. Blockchain có thể bảo đảm tính bất biến của tài liệu, trong khi chữ ký điện tử được quy định trong Luật Giao dịch điện tử 2023 của Việt Nam cũng đã có hiệu lực pháp lý tương đương chữ ký tay. Nhờ đó, trọng tài có thể xử lý các tài liệu nhanh chóng mà không cần xác minh phức tạp.

Cuối cùng, việc áp dụng các hệ thống quản lý vụ việc (case management systems) giúp trung tâm trọng tài tự động hóa quy trình phân bổ trọng tài viên, theo dõi thời hạn tố tụng và lưu trữ hồ sơ theo cách khoa học, bảo mật. Một số trung tâm trọng tài quốc tế như ICC và SIAC đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật số đồng bộ, góp phần tăng tính chuyên nghiệp và giảm gánh nặng hành chính cho cả trọng tài viên lẫn thư ký⁶.

⁵ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), Báo cáo hoạt động năm 2023, Nguồn: https://www.viac.vn/images/Resources/Annual-Reports/2023/Bao-cao-thuong-nien-2023_240829.pdf, truy cập ngày 1/6/2025.

⁶ Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, Báo cáo hoạt động 2022, Nguồn: <https://siac-staging.cloudwps.net/wp-content/uploads/2023/04/Press-Release-SIAC-Annual-Report-2022-1.pdf>, truy cập ngày 1/6/2025.

3.2. Tác động tiêu cực và các thách thức đặt ra

Mặc dù mang lại nhiều lợi ích, chuyển đổi số cũng đặt ra không ít thách thức pháp lý, kỹ thuật và đạo đức trong hoạt động trọng tài. Về mặt pháp lý, hệ thống pháp luật hiện hành tại Việt Nam chưa có quy định đầy đủ và cụ thể về trọng tài trực tuyến. Luật Trọng tài thương mại 2010 chưa đề cập rõ đến hiệu lực của phiên họp từ xa, chưa xác định cơ chế xác thực chứng cứ điện tử, hay giá trị pháp lý của quy trình xét xử hoàn toàn bằng hình thức số hóa⁷.

Về mặt kỹ thuật, rủi ro bảo mật và mất dữ liệu là mối lo ngại lớn. Trọng tài là hoạt động mang tính bảo mật cao, do đó nếu hạ tầng công nghệ không bảo đảm an toàn thông tin, các dữ liệu trọng yếu như hợp đồng, chứng cứ, chiến lược tranh tụng có thể bị rò rỉ hoặc bị tấn công mạng. Ngoài ra, với các bên không quen sử dụng công nghệ hoặc không có điều kiện trang bị thiết bị và kết nối ổn định, việc tổ chức trọng tài trực tuyến có thể dẫn đến bất bình đẳng tố tụng – một trong những nguyên nhân khiến phán quyết có nguy cơ bị hủy hoặc từ chối công nhận. Một thách thức khác nằm ở khả năng thi hành phán quyết trọng tài. Theo Công ước New York 1958, phán quyết trọng tài sẽ không được công nhận nếu quy trình giải quyết vi phạm nguyên tắc công bằng, minh bạch hoặc trái với chính sách công của nước nơi yêu cầu thi hành. Nếu các phiên họp trực tuyến không bảo đảm về quy trình tố tụng, quyền trình bày và phản biện của các bên, khả năng phán quyết bị bác bỏ là điều hoàn toàn có thể xảy ra⁸.

4. Thực trạng chuyển đổi số trong hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số, hoạt động trọng tài thương mại tại Việt Nam đang có những bước chuyển mình nhất định nhằm thích nghi với yêu cầu mới. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực trọng tài vẫn còn đang ở giai đoạn đầu với nhiều mặt tích cực xen lẫn những tồn tại hạn chế cần được tiếp tục khắc phục và tháo gỡ.

4.1. Những chuyển biến tích cực

Một số trung tâm trọng tài lớn tại Việt Nam đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành, quản lý vụ việc và tổ chức phiên họp. Từ năm 2020, một số trung tâm trọng tài đã triển khai các phiên họp trực tuyến thông qua nền tảng Zoom, đặc biệt trong thời kỳ dịch COVID-19, giúp duy trì hoạt động xét xử không gián đoạn. Trung tâm cũng áp dụng hệ thống tiếp nhận hồ sơ điện tử, thông báo tiến trình giải quyết qua email, đồng thời khuyến khích các bên sử dụng chữ ký điện tử đối với một số văn bản không thuộc dạng bắt buộc có công chứng. Bên cạnh đó, nhiều trọng tài viên – đặc biệt là thế hệ trẻ – đã làm quen và sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ soạn thảo, lưu trữ và trình bày hồ sơ tranh chấp theo hướng số hóa. Ý thức áp dụng công nghệ trong tố tụng trọng tài bước đầu được nâng cao, nhất là trong các vụ việc có

⁷ Trần Minh Cường, “Chuyển đổi số trong trọng tài thương mại – Góc nhìn pháp lý”, Tạp chí luật học, số 5/2022.

⁸ Công ước New York 1958, Điều V(1) và V(2)(b)

yếu tố nước ngoài hoặc liên quan đến doanh nghiệp lớn, vốn có yêu cầu cao về hiệu quả và tiến độ giải quyết⁹.

Ngoài ra, Việt Nam đã có những nền tảng pháp lý ban đầu tạo điều kiện cho chuyển đổi số nói chung, như Luật Giao dịch điện tử 2023, Nghị quyết số 06/NQ-CP năm 2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế số, xã hội số hay chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Những chính sách này mở đường cho việc xây dựng một hệ sinh thái pháp lý thuận lợi hơn đối với hoạt động tổ tụng số, trong đó có trọng tài thương mại.

4.2. Những hạn chế còn tồn đọng

Mặc dù có những tín hiệu tích cực, nhưng thực tế vẫn cho thấy chuyển đổi số trong hoạt động trọng tài tại Việt Nam còn tồn đọng nhiều hạn chế và thiếu tính hệ thống. Hiện nay, đa số các trung tâm trọng tài chỉ mới dừng lại ở việc tiếp nhận hồ sơ qua email, chưa xây dựng được hệ thống quản lý vụ việc đồng bộ hay nền tảng điều hành trực tuyến độc lập, bảo mật cao như các trung tâm trọng tài quốc tế. Hoạt động xét xử trọng tài phần lớn vẫn được tiếp thu trực tiếp theo phương thức truyền thống.

Một vấn đề lớn là khung pháp lý hiện hành còn nhiều khoảng trống, chưa kịp thời điều chỉnh các hình thức trọng tài điện tử, Luật trọng tài thương mại 2010 không có quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của phiên điều trần trực tuyến, không đề cập đến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích tranh chấp, cũng như chưa có tiêu chuẩn cho các chứng cứ điện tử như hợp đồng số, tài liệu Blockchain hay email xác thực¹⁰. Điều này khiến các bên tham gia còn e ngại khi lựa chọn hình thức trực tuyến, do lo ngại tính hợp pháp của quy trình.

Về mặt con người, năng lực công nghệ của nhiều trọng tài viên và thư ký trọng tài vẫn còn hạn chế, đặc biệt là những người có thâm niên chưa quen sử dụng phần mềm hoặc thiết bị số. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp – đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ – chưa thực sự sẵn sàng tiếp nhận quy trình trọng tài số do thiếu nhân sự chuyên môn, cơ sở hạ tầng công nghệ và tư duy đổi mới.

Ngoài ra, các yếu tố như rủi ro bảo mật thông tin, tấn công mạng, và thiếu quy định về lưu trữ chứng cứ điện tử an toàn cũng là trở ngại lớn đối với quá trình số hóa hoạt động trọng tài. Điều này càng đáng lưu tâm khi trọng tài là một hình thức giải quyết tranh chấp có tính riêng tư và bảo mật cao.

5. Kiến nghị hoàn thiện

Để phát huy đầy đủ tiềm năng của chuyển đổi số trong hoạt động trọng tài thương mại, Việt Nam cần có những giải pháp mang tính đồng bộ, không chỉ về mặt kỹ thuật mà còn cả thể

⁹ Nguyễn Minh Hải, “Trọng tài thương mại tại Việt Nam: Một thập kỷ nhìn lại”, Luật học Tp.HCM, số chuyên đề trọng tài 2020.

¹⁰ Luật Trọng tài thương mại 2010, không có quy định về tổ tụng trực tuyến, chứng cứ điện tử hoặc chữ ký số.

chế, nguồn lực con người và cơ sở pháp lý, Trên cơ sở phân tích thực trạng nêu trên, có thể đề xuất một số nhóm kiến nghị trọng tâm như sau:

5.1. Hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh trọng tài điện tử

Một trong những điều kiện tiên quyết để thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả trong lĩnh vực trọng tài thương mại là sự hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh các hoạt động tố tụng điện tử. Trong bối cảnh Luật Trọng tài thương mại 2010 chưa có quy định cụ thể về trọng tài điện tử, việc sửa đổi và bổ sung các điều khoản liên quan là hết sức cần thiết. Trước hết, pháp luật cần quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của phiên họp trọng tài trực tuyến, nhằm xác lập tính hợp lệ và hiệu lực thi hành của các thủ tục tố tụng được tiến hành qua môi trường mạng. Đồng thời, cần xây dựng tiêu chí pháp lý đối với chứng cứ điện tử, đảm bảo tính xác thực, toàn vẹn và khả năng kiểm tra theo đúng yêu cầu của một quy trình giải quyết tranh chấp công bằng. Bên cạnh đó, việc công nhận chữ ký điện tử trong các văn bản trọng tài cũng cần được luật hóa, qua đó tạo điều kiện cho việc ký kết, trao đổi và lưu trữ tài liệu được thực hiện hoàn toàn trong môi trường số, mà không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý hay tính bắt buộc thi hành của các tài liệu này. Một điểm quan trọng khác là cần bổ sung cơ chế bảo vệ dữ liệu và thông tin số trong quá trình tố tụng trọng tài, đặc biệt với các tranh chấp có yếu tố bí mật kinh doanh hoặc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

Việc luật hóa các yếu tố này sẽ tạo hành lang pháp lý vững chắc, giảm thiểu rủi ro vô hiệu phán quyết do quy trình không được công nhận. Song song đó, cần ban hành các văn bản hướng dẫn dưới luật, như thông tư hoặc quy tắc kỹ thuật, để tạo điều kiện áp dụng thống nhất các quy trình điện tử trong hoạt động trọng tài. Những hướng dẫn này nên tham khảo kinh nghiệm của các tổ chức trọng tài quốc tế như SIAC (Singapore), ICC (Pháp), HKIAC (Hong Kong) – nơi đã ban hành chi tiết các bộ quy tắc về tố tụng điện tử.

5.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ và bảo mật thông tin

Bên cạnh việc hoàn thiện khung pháp lý, một yêu cầu cấp thiết khác trong quá trình chuyển đổi số của hoạt động trọng tài thương mại là việc đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng công nghệ phù hợp, hiện đại và an toàn. Trong bối cảnh hiện nay có thể thấy các trung tâm trọng tài tại Việt Nam còn hạn chế về tiềm lực công nghệ và tài chính, việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ dùng chung cho các trung tâm trọng tài hoặc ít nhất khuyến khích các trung tâm lớn tự phát triển nền tảng quản lý tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution – ODR) là bước đi cần thiết. Các nền tảng này cần tích hợp các chức năng như nộp hồ sơ trực tuyến, quản lý vụ việc, trao đổi tài liệu bảo mật, xét xử trực tuyến và lưu trữ phán quyết điện tử.

Quan trọng hơn, hệ thống phải đảm bảo bảo mật thông tin tuyệt đối, thông qua ứng dụng các công nghệ như mã hóa hai chiều, xác thực đa lớp và lưu trữ dữ liệu tại trung tâm dữ liệu đạt

chuẩn quốc tế¹¹. Ngoài ra, vai trò của Nhà nước là hết sức quan trọng trong giai đoạn chuyển đổi này. Thay vì can thiệp tài chính, Nhà nước cũng có thể hỗ trợ các trung tâm trọng tài – đặc biệt là các trung tâm nhỏ hoặc mới thành lập – thông qua các chương trình tài trợ kỹ thuật số hóa, miễn giảm thuế cho đầu tư công nghệ hoặc ưu tiên kết nối với nền tảng tư pháp số quốc gia khi hệ thống này được hình thành. Chính sách hỗ trợ này sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách công nghệ giữa các trung tâm trọng tài, thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp trên toàn hệ thống, đồng thời tạo điều kiện để Việt Nam từng bước hội nhập sâu rộng vào môi trường giải quyết tranh chấp số hóa toàn cầu.

5.3. Nâng cao năng lực và nhận thức của đội ngũ trọng tài viên, thư ký trọng tài và doanh nghiệp

Yếu tố con người đóng vai trò quyết định trong hiệu quả chuyển đổi số. Do đó, cần tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về công nghệ thông tin trong hoạt động tố tụng trọng tài cho trọng tài viên, thư ký và cán bộ trung tâm. Nội dung đào tạo không chỉ dừng ở kỹ năng sử dụng phần mềm, mà còn phải bao gồm kiến thức pháp lý về giao dịch điện tử, chứng cứ số và bảo mật thông tin trong môi trường số hóa.

5.4. Tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm

Cuối cùng, Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đi trước đóng vai trò quan trọng nhằm thu hẹp khoảng cách công nghệ, thể chế và năng lực triển khai. Việt Nam cần chủ động tham gia sâu rộng hơn vào các diễn đàn quốc tế về số hóa tư pháp, trọng tài điện tử và giải quyết tranh chấp trực tuyến, qua đó tạo điều kiện cho các trung tâm trọng tài trong nước tiếp cận các công nghệ mới, mô hình tổ chức hiện đại và chuẩn mực toàn cầu trong tố tụng điện tử. Việc hợp tác với các tổ chức như Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC), Trung tâm Trọng tài Hồng Kông (HKIAC) hoặc Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật thương mại Quốc tế (UNCITRAL) sẽ giúp Việt Nam cập nhật nhanh chóng các quy tắc mẫu, hướng dẫn kỹ thuật và các khuyến nghị chính sách trong lĩnh vực ODR (Online Dispute Resolution) – một yếu tố cốt lõi của chuyển đổi số trọng tài hiện đại.

Hợp tác quốc tế cũng có thể diễn ra thông qua các chương trình trao đổi chuyên gia, hội thảo đào tạo về công nghệ pháp lý hoặc kết nối cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin giữa các tổ chức trọng tài. Những hoạt động này không chỉ giúp nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ thuật số cho đội ngũ trọng tài viên, thư ký và cán bộ điều phối mà còn góp phần tạo dựng vị thế quốc tế và sự tin cậy của trọng tài Việt Nam trong mắt cộng đồng doanh nghiệp toàn cầu. Trong bối cảnh nhiều trung tâm trọng tài trong nước đang có những bước chuyển mình công nghệ, việc

¹¹ Nguyễn Thị Minh Tâm (2024), “Bảo mật trong tố tụng điện tử: Kinh nghiệm và khuyến nghị”, Tạp chí Luật học Việt Nam.

tích cực hợp tác với quốc tế không chỉ mang lại lợi ích thiết thực về mặt kỹ thuật mà còn giúp định hình chiến lược phát triển trọng tài quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả và hội nhập.

6. Kết luận

Chuyển đổi số đang trở thành một xu thế tất yếu, đóng vai trò then chốt trong quá trình hiện đại hóa các thiết chế tư pháp, bao gồm cả hoạt động trọng tài thương mại. Trong bối cảnh nền kinh tế số và thương mại xuyên biên giới phát triển mạnh mẽ, yêu cầu về một cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt, nhanh chóng, tiết kiệm và phù hợp với môi trường công nghệ trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Thực tiễn cho thấy, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trọng tài thương mại đã bước đầu mang lại những tín hiệu tích cực. Các trung tâm trọng tài từng bước triển khai hệ thống xử lý hồ sơ điện tử, xét xử trực tuyến, sử dụng chứng cứ số và chữ ký điện tử, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp và tạo thuận lợi hơn cho các bên tham gia. Bên cạnh đó, nhận thức của trọng tài viên, thư ký và doanh nghiệp về giá trị của chuyển đổi số cũng ngày càng được cải thiện, tạo nền tảng cho quá trình chuyển hóa toàn diện.

Tuy vậy, hành trình chuyển đổi số trong lĩnh vực trọng tài vẫn còn gặp phải nhiều rào cản – từ khoảng trống pháp lý, sự thiếu đồng bộ về hạ tầng công nghệ cho đến năng lực tiếp cận công nghệ của đội ngũ nhân sự. Những thách thức này đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức trọng tài và cộng đồng doanh nghiệp cần có sự phối hợp chặt chẽ để thúc đẩy quá trình số hóa một cách toàn diện, bài bản và bền vững.

Trong tương lai gần, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý phù hợp, đầu tư vào hệ thống công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực con người và tăng cường hội nhập quốc tế sẽ là những trụ cột quan trọng giúp đưa trọng tài thương mại tại Việt Nam phát triển theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và thân thiện với môi trường số. Chuyển đổi số không chỉ là phương tiện kỹ thuật, mà còn là bước chuyển hóa về tư duy và mô hình vận hành nhằm đáp ứng yêu cầu của một nền tư pháp hiện đại trong kỷ nguyên số hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Hoàng Anh, *Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2018, tr.25.
2. Trần Mạnh Hùng, “*Tồn tại trong thực tiễn áp dụng Luật Trọng tài thương mại tại Việt Nam*”, Tạp chí Luật học, số 4/2021.
3. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), *Báo cáo hoạt động năm 2023*, Nguồn:
1. https://www.viac.vn/images/Resources/Annual-Reports/2023/Bao-cao-thuong-nien-2023_240829.pdf
4. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), *Báo cáo hoạt động 2023*, Nguồn:
https://www.viac.vn/images/Resources/Annual-Reports/2023/Bao-cao-thuong-nien-2023_240829.pdf
5. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, *Báo cáo hoạt động 2022*, Nguồn: <https://siac-staging.cloudwps.net/wp-content/uploads/2023/04/Press-Release-SIAC-Annual-Report-2022-1.pdf>
6. Trần Minh cường, “*Chuyển đổi số trong trọng tài thương mại – Góc nhìn pháp lý*”, Tạp chí luật học, số 5/2022
7. Công ước New York 1958, Điều V(1) và V(2)(b).
8. Nguyễn Minh Hải, “*Trọng tài thương mại tại Việt Nam: Một thập kỷ nhìn lại*”, Luật học Tp.HCM, số chuyên đề trọng tài 2020.
9. Quốc hội (2010); Luật Trọng tài thương mại; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật;
10. Nguyễn Thị Minh Tâm (2024), “*Bảo mật trong tố tụng điện tử: Kinh nghiệm và khuyến nghị*”, Tạp chí Luật học Việt Nam.
11. UNCITRAL, Ghi chú kỹ thuật về giải quyết tranh chấp trực tuyến 2017, Nguồn: https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/4-6_michael_dennis.pdf

**KỸ NĂNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẤT ĐỘNG
SẢN TẠI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI**

LS. Lương Văn Trung

Luật sư thành viên, Trọng tài viên tại VIAC, MCIArb, Chủ tịch VIArb



LEXCOMM
Solicitors & Barristers

KỸ NĂNG CỦA LUẬT SƯ TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẤT ĐỘNG SẢN TẠI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

**Lương Văn Trung – Luật sư thành viên
Trọng tài viên tại VIAC
MCI Arb, Chủ tịch VI Arb**



NỘI DUNG CHÍNH

- ☐ Thẩm quyền của Trọng tài Thương mại
- ☐ Các loại tranh chấp liên quan đến BĐS
- ☐ Các loại yêu cầu trong tranh chấp liên quan đến BĐS
- ☐ Các yêu cầu căn bản đối với luật sư
- ☐ Cơ sở pháp lý cho các yêu cầu và lập luận
- ☐ Xây dựng chiến lược vụ kiện
- ☐ “Học thuyết” của vụ kiện
- ☐ Vấn đề chứng cứ
- ☐ Gợi ý về cấu trúc và trình bày luận cứ viết
- ☐ Yêu cầu và rủi ro khi thi hành phán quyết
- ☐ Yêu cầu hoàn trả chi phí tố tụng trọng tài

1.1. THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Luật Trọng tài Thương mại 2010 (LTTTM):

Điều 2: Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài

1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.
2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.
3. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài.

Điều 17. Quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng: Người tiêu dùng vẫn được quyền lựa chọn Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết tranh chấp dù đã có thỏa thuận trọng tài. Nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ chỉ được quyền khởi kiện tại Trọng tài nếu được người tiêu dùng chấp thuận. (Án lệ số 42/2021/AL)

Điều 19: Thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài.

1.2. THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Điều 6 LTTTM: Tòa án từ chối thụ lý trong trường hợp có thỏa thuận trọng tài

Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được.

Điều 14(1) BLDS 2015: Trường hợp quyền dân sự bị xâm phạm hoặc có tranh chấp thì việc bảo vệ quyền được thực hiện theo pháp luật tố tụng tại Tòa án hoặc trong tài.

Điều 472(1) BLTTDS 2015: Tòa án Việt Nam phải trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài nếu vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Các đương sự được thỏa thuận lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài và đã lựa chọn Trọng tài hoặc Tòa án nước ngoài giải quyết vụ việc đó.

c) Vụ việc không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam quy định tại Điều 470 của Bộ luật này và đã được Trọng tài hoặc Tòa án nước ngoài thụ lý giải quyết;

d) Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài hoặc phán quyết của Trọng tài.

1.3. THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

1. Quyết định số 393/2017/QĐ-PQTT ngày 03/4/2017: “Hoạt động cho thuê đất cùng các cơ sở hạ tầng nhằm mục đích thu lợi nhuận là hoạt động thương mại. Các bên trong hợp đồng là thương nhân có đăng ký kinh doanh nên tranh chấp này vẫn thuộc phạm vi giải quyết bằng Trọng tài theo Điều 2 Luật Trọng tài thương mại 2010 nên Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp giữa các bên là đúng thẩm quyền”

2. Lưu ý:

- Điều 203 Luật Đất đai 2013, Điều 177 Luật Nhà ở 2014 đều quy định việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến bất động sản (cụ thể tranh chấp đất đai và tranh chấp nhà ở) thuộc thẩm quyền của Tòa án, nhưng lại không chỉ rõ có thuộc thẩm quyền của trọng tài thương mại hay không.
- Điều 14(1) BLDS 2015 và Điều 472(1) BLTTDS 2015 đã khắc phục

2.1. CÁC LOẠI TRANH CHẤP BDS

TRANH CHẤP TRONG PHÁT TRIỂN DỰ ÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN

1. HĐ đặt cọc, hứa chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng dự án
2. HĐ hợp tác phát triển dự án có điều kiện (một bên góp vốn bằng QSD, quyền phát triển dự án, một bên góp vốn bằng tiền, chi phí xây dựng...)
3. HĐ liên doanh phát triển dự án (một bên góp vốn bằng QSD, quyền phát triển dự án, một bên góp vốn bằng tiền, chi phí xây dựng...)
4. HĐ hợp tác kinh doanh phát triển dự án (BCC) (một bên góp vốn bằng QSD, quyền phát triển dự án, một bên góp vốn bằng tiền, chi phí xây dựng...)
5. HĐ chuyển nhượng một phần / toàn bộ dự án
6. HĐ chuyển nhượng vốn góp / cổ phần tại doanh nghiệp dự án

2.2. CÁC LOẠI TRANH CHẤP BĐS

TRANH CHẤP TRONG HUY ĐỘNG VỐN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

1. Hợp đồng vay (bao gồm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bảo lãnh thanh toán, thế chấp cổ phần / vốn góp của bên vay hay bên bảo lãnh)
2. Hợp đồng trái phiếu dự án (bảo lãnh phát hành trái phiếu, đăng ký mua trái phiếu, thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản hình thành trong tương lai, thế chấp cổ phần / vốn góp của bên vay hay bên bảo lãnh, bảo lãnh thanh toán trái phiếu)
3. Hợp đồng trái phiếu chuyển đổi (chuyển khoản vay thành cổ phần, vốn góp, sản phẩm của dự án...)
4. Hợp đồng góp vốn

2.3. CÁC LOẠI TRANH CHẤP BĐS

TRANH CHẤP TRONG MUA BÁN SẢN PHẨM DỰ ÁN BĐS

1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nền
2. Hợp đồng mua bán nhà có sẵn / hình thành trong tương lai
3. Hợp đồng mua bán căn hộ có sẵn / hình thành trong tương lai
4. Hợp đồng thuê mua nhà

2.4. CÁC LOẠI TRANH CHẤP BĐS

TRANH CHẤP TRONG THUÊ / CHUYỂN NHƯỢNG BĐS CÔNG NGHIỆP / THƯƠNG MẠI

1. Hợp đồng thuê lại QSDĐ gắn với kết cấu hạ tầng trong Khu công nghiệp
2. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ trong Khu công nghiệp (Trong trường hợp thuê lại QSDĐ gắn với kết cấu hạ tầng trả tiền một lần)
3. Hợp đồng bán nhà xưởng gắn với QSDĐ trong Khu công nghiệp (Trong trường hợp thuê lại QSDĐ gắn với kết cấu hạ tầng trả tiền hàng năm)
4. Hợp đồng thuê diện tích văn phòng, diện tích trong khu thương mại
5. Hợp đồng chuyển nhượng diện tích văn phòng, diện tích khu thương mại

3.1. CÁC LOẠI YÊU CẦU TRONG TRANH CHẤP BĐS

1. Yêu cầu một bên tiếp tục thực hiện hợp đồng: chủ yếu là HĐ phát triển dự án như HĐ đặt cọc, hứa chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng, HĐ Liên danh, BCC, chuyển nhượng vốn góp / cổ phần tại doanh nghiệp dự án... hoặc yêu cầu một bên chấm dứt một hành vi vi phạm hợp đồng như tiết lộ thông tin, chuyển nhượng vốn trong công ty dự án mà không thông báo bên còn lại...
2. Yêu cầu mua lại vốn góp / cổ phần tại doanh nghiệp dự án (khi một số điều kiện về thời gian hoàn thành dự án, thủ tục, chỉ số xây dựng, doanh số bán không đạt...)
3. Yêu cầu thanh toán khoản vay, trái phiếu (bao gồm cả bảo lãnh, thế chấp QSDĐ, cổ phần / vốn góp...)

3.2. CÁC LOẠI YÊU CẦU TRONG TRANH CHẤP BĐS

5. Yêu cầu tuyên bố việc đơn phương chấm dứt hợp đồng là trái pháp luật: HĐ phát triển dự án, mua bán sản phẩm BĐS, thuê BĐS công nghiệp, thương mại
6. Yêu cầu công nhận việc đơn phương chấm dứt hợp đồng (do chậm hoàn thành và/hoặc bàn giao sản phẩm, hoàn thành các thủ tục (hoàn công, sổ hồng...), bảo trì, bảo dưỡng, chậm thanh toán tiền mua / tiền thuê...) kèm hoặc không kèm theo yêu cầu tiền phạt / bồi thường thiệt hại, hoàn trả hồ sơ dự án (đặc biệt là GCN QSDĐ)
7. Yêu cầu tiền phạt và bồi thường thiệt hại do chậm hoàn thành và/hoặc bàn giao sản phẩm, hoàn thành các thủ tục (hoàn công, sổ hồng...)
8. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu
9. Yêu cầu công nhận sở hữu công trình

4. YÊU CẦU CƠ BẢN ĐỐI VỚI LUẬT SƯ

- **Hiểu biết sâu sắc về sự việc và luật áp dụng**
- **Khả năng lập luận sâu ở góc độ phân tích**
- **Khả năng lập luận sâu về logic**
- **Hiểu biết sâu sắc về quy tắc tố tụng trọng tài**
- **Phương pháp trình bày vụ việc tốt**
- **Hiểu được HĐTT và luật sư đối tụng suy nghĩ và hành động thế nào (biết địch, biết ta...)**

5.1. TẠI SAO NÊN CẦN CÓ CHIẾN LƯỢC VỤ VIỆC

1. Xây dựng và mô tả được vụ việc theo cách mà luật sư muốn HĐTT hiểu và chấp thuận. **HỌC THUYẾT SỰ VIỆC VÀ PHÁP LÝ => CÂU CHUYỆN (STORY)**. Đặc biệt quan trọng đối với các HĐ liên quan đến phát triển dự án
2. Đặt nền tảng cho và phát triển kỹ năng và cách chuẩn bị luận cứ viết và tranh tụng bằng lời nói;
3. Thực hiện cách điều tra và chuẩn bị phù hợp về sự việc và nguyên tắc pháp lý cần thiết cho luận cứ viết;

5.2. TẠI SAO NÊN CẦN CÓ CHIẾN LƯỢC VỤ VIỆC

4. Lựa chọn nhân chứng sự việc và chuyên gia phù hợp;
5. Tạo ra cách thức quản lý vụ việc với HĐTT, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình chuẩn bị luận cứ viết và tranh tụng bằng lời nói;
6. Lựa chọn, tổ chức và đệ trình các chứng cứ một cách phù hợp trong quá trình tố tụng (bao gồm cho việc kiểm tra chéo nhân chứng)
7. Tăng sức thuyết phục cho các tranh luận trong quá trình tố tụng.
8. Kiểm soát được chi phí tố tụng (chi phí pháp lý và liên quan) hay đảm bảo tính hợp lý của các chi phí đó

6. “HỌC THUYẾT” CỦA VỤ KIỆN

1. Học thuyết” của vụ kiện (case theory): một cốt truyện mang tính nền tảng và xuyên suốt của câu chuyện với một chủ thuyết và ý tưởng hợp lý. Cũng như một bài báo phóng sự, tác giả cần xây dựng cho được cốt truyện với chủ đề rõ ràng, nổi bật và nhất quán để người tiếp nhận không chỉ nhận được thông tin, nhận thức được sự việc mà còn hiểu được bản chất của câu chuyện và vị trí của nhân vật trong câu chuyện đó;
2. Để có thể định hình “học thuyết” của vụ kiện, mỗi bên sẽ cần trả lời các câu hỏi sau:
 - Đây là những vấn đề cơ bản và cốt lõi nhất phát sinh từ vụ việc này?
 - Mỗi vấn đề đó cần được tóm lược theo vị trí hay góc nhìn của một bên như thế nào?
 - Tại sao cách tóm lược đó lại đúng đối với bên đó trong vụ việc này?

7.1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO YÊU CẦU VÀ LẬP LUẬN

1. Nguyên tắc cơ bản: Hợp đồng là luật của giao dịch.
2. Kiến thức đầy đủ và sâu về nhiều lĩnh vực pháp luật về nội dung:
 - Luật KDBĐS
 - Luật Nhà ở
 - Luật Đất đai,
 - BLDS (biện pháp bảo đảm thực hiện HĐ, phạt, bồi thường thiệt hại, hợp đồng vô hiệu, giao dịch bảo đảm
 - Luật đầu tư (bao gồm cả quản lý ngoại hối)
3. Kiến thức đầy đủ và sâu về Luật Trọng tài Thương mại 2010, Nghị Quyết 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành 1 số điều của LTTM
4. Xác định rõ loại hình BĐS đang tranh chấp: nhà ở thương mại vs. nhà ở xã hội (có sự hỗ trợ của nhà nước theo chính sách hỗ trợ của nhà nước)

7.2. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO YÊU CẦU VÀ LẬP LUẬN

4. Xác định chủ thể trong tranh chấp: cá nhân (không phải là thương nhân) vs. doanh nghiệp BĐS để vận dụng quy định của BLDS hay Luật Thương mại:
- **Đối tượng áp dụng:** Luật Thương mại: (i) thương nhân và (i) cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động thương mại (Điều 2); BLDS: điều chỉnh quan hệ dân sự (Điều 4(1))
 - **Thời hiệu:** BLDS: 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm; Luật Thương mại: 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; Luật TTTM: 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm
 - **Phạt vi phạm:** BLDS: theo thỏa thuận (không giới hạn); Luật Thương mại: tối đa 8%
 - **Lãi suất:** BLDS: theo thỏa thuận nhưng không quá 20% năm (Điều 468); Luật Thương mại: thỏa thuận hoặc bằng lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (150% lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng)

7.3. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO YÊU CẦU VÀ LẬP LUẬN

6. HĐ Xây dựng là HĐ dân sự?
- “Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thoả thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng.” (Điều 138(1) Luật Xây dựng năm 2014)
 - “Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.” (Điều 3(1) Luật Thương mại 2005)
(Lưu ý: HĐ xây dựng có thể không phải thuộc lĩnh vực BĐS)
7. Kiến thức đầy đủ và sâu về thi hành án: đặc biệt là đối với yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, mua lại cổ phần / vốn góp

8. CHỨNG CỨ

Điều 46. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài về thu thập chứng cứ

1. Các bên có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Hội đồng trọng tài để chứng minh các sự việc có liên quan đến nội dung đang tranh chấp.
2. Theo yêu cầu của một hoặc các bên, Hội đồng trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.
3. Hội đồng trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên, có quyền trung cầu giám định, định giá tài sản trong vụ tranh chấp để làm căn cứ cho việc giải quyết tranh chấp. Phí giám định, định giá do bên yêu cầu giám định, định giá tạm ứng hoặc do Hội đồng trọng tài phân bổ.
4. Hội đồng trọng tài tự mình hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên, có quyền tham vấn ý kiến của các chuyên gia. Chi phí chuyên gia do bên yêu cầu tham vấn tạm ứng hoặc do Hội đồng trọng tài phân bổ.
5. Trong trường hợp Hội đồng trọng tài, một hoặc các bên đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì có thể gửi văn bản đề nghị Toà án có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến vụ tranh chấp. Văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung vụ việc đang giải quyết tại Trọng tài, chứng cứ cần thu thập, lý do không thu thập được, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ chứng cứ cần thu thập đó

9. NGƯỜI LÀM CHỨNG

1. “Người biết các tình tiết có liên quan đến nội dung vụ việc được đương sự đề nghị, Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng” (Điều 77 BLTTDS 2015).
2. HĐTT có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin và tài liệu có liên quan đến vụ tranh chấp theo yêu cầu của một bên hoặc của các bên (Điều 19.2 Quy tắc VIAC, Điều 46.2 Luật Trọng Tài Thương Mại 2010).
3. Lời khai của người làm chứng là một trong những nguồn chứng cứ (Điều 94.4 BLTTDS 2015).
4. Lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng được coi là chứng cứ nếu được ghi bằng văn bản, băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác chứa âm thanh, hình ảnh hoặc khai bằng lời tại phiên tòa (Điều 95.5 BLTTDS 2015).

10. LỰA CHỌN NGƯỜI LÀM CHỨNG

1. Xác định (i) ai có thông tin gì, (ii) giá trị tăng thêm của chứng cứ mà người đó cung cấp, và (iii) rủi ro kèm theo;
2. Kiểm tra xem liệu (i) người làm chứng có nhớ rõ sự việc và hiểu chính xác vấn đề không, và (ii) làm cách nào để những thông tin do người làm chứng cung cấp khớp với tài liệu chứng cứ quan trọng “Câu chuyện” (story) hoặc “học thuyết” hay “chủ thuyết” (theory) của mỗi bên là gì?
3. Tài liệu chứng cứ nào phục vụ cho “câu chuyện” hoặc “học thuyết” đó?
4. Tài liệu chứng cứ nào cần phải giải thích hoặc bổ sung bởi chứng cứ của người làm chứng?
5. Những mảnh ghép còn thiếu của bức tranh là gì và tài liệu chứng cứ nào có thể mở ra mảnh ghép đó?
6. Đánh giá độ đáng tin cậy của người làm chứng;
7. Kiểm tra liệu người làm chứng có thể trình bày chính xác vấn đề bằng lời nói không, khả năng trả lời câu hỏi, trình bày có rõ ràng, thuyết phục không

11.1 GỢI Ý VỀ CẤU TRÚC VÀ TRÌNH BÀY LUẬN CỨ VIẾT

1. Đừng bao giờ quên tập trung vào “học thuyết của vụ kiện” (case theory) và mục đích thuyết phục hội đồng trọng tài chấp nhận học thuyết này.
2. Tôn trọng các tình tiết của vụ kiện và trình bày tình tiết một cách trung lập. Sau đó, trình bày các ý kiến kết luận được rút ra và lý do tại sao tình tiết đó lại củng cố vị thế (câu chuyện, học thuyết) của một bên và làm suy yếu vị thế (câu chuyện, học thuyết) của bên kia.
3. Không (i) trộn lẫn việc trình bày các tình tiết, sự kiện và các ý kiến kết luận (nên tách ra rõ ràng về sự việc, luật, phân tích, kết luận), hoặc (ii) cố gắng chỉnh sửa, “nắn” các tình tiết, sự kiện cho phù hợp với vị thế (câu chuyện, học thuyết) của một bên

11.2. GỢI Ý VỀ CẤU TRÚC VÀ TRÌNH BÀY LUẬN CỨ VIẾT

1. Cần đưa ra phần giới thiệu rõ ràng, ngắn gọn, súc tích và thuyết phục về các nội dung chính của “học thuyết”;
2. Cấu trúc tài liệu theo đúng trình tự của các phần và theo logic và “học thuyết” của vụ kiện”;
3. Đối với bất kỳ tài liệu nào trên 25 trang, nên sử dụng danh mục (index), hoặc mục lục (table of contents);
4. Lưu ý sử dụng các phụ lục, bảng biểu, bảng mô tả diễn biến theo thời gian, biểu đồ, dẫn chiếu chéo (cross-referencing);
5. Loại bỏ tất cả các lỗi đánh máy

12. YÊU CẦU VÀ RỦI RO KHI THI HÀNH PHÁN QUYẾT

Cần đánh giá các rủi ro khi đưa ra các yêu cầu một bên phải thực hiện một hành động cụ thể như:

1. Tiếp tục thực hiện hợp đồng: ký hợp đồng liên doanh, BCC, thành lập công ty dự án, chuyển QSDĐ sang công ty dự án, thực hiện các thủ tục hành chính mà chỉ 1 bên là chủ đầu tư ban đầu mới có thể tự thực hiện
2. Bên kia mua lại vốn góp / cổ phần tại doanh nghiệp dự án...
3. Yêu cầu bên bảo lãnh chuyển nhượng vốn góp / cổ phần
4. Công nhận quyền đơn phương chấm dứt HĐ, trả lại khoản tiền thanh toán và yêu cầu bên kia bàn giao toàn bộ hồ sơ của dự án (GCNQSDĐ, thỏa thuận đền bù, giải phóng mặt bằng, biên nhận tiền đền bù, giải phóng mặt bằng...)

Cần nhắc khả năng lượng hóa thiệt hại (bao gồm cả thu nhập thực tế bị mất) để thay thế cho yêu cầu thực hiện hành động cụ thể.

13. PHÂN BỐ CHI PHÍ TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM VÀ VIAC

1. Điều 61.1 Luật TTTM: Nội dung, hình thức và hiệu lực của phán quyết trọng tài: “(h) *Phân bố chi phí trọng tài và các chi phí khác có liên quan*”
2. Điều 36 Quy tắc VIAC: (1) *Hội đồng Trọng tài phân bố phí trọng tài, trừ khi các bên có thỏa thuận khác; (2) Hội đồng Trọng tài có quyền quyết định một bên phải trả toàn bộ hoặc một phần chi phí pháp lý hoặc chi phí hợp lý khác của bên kia.*
3. Luật TTTM và VIAC không đưa ra quy tắc cụ thể về việc xác định và phân bổ chi phí trọng tài và chi phí khác (chi phí pháp lý), nhưng cơ bản theo hướng:
 - Theo thỏa thuận của các bên
 - Lễ công bằng, thiện chí và cách hành xử của các bên trong quá trình tố tụng (theo quan điểm của HĐTT, VIAC không có hướng dẫn hay tham vấn)
 - Nếu không có thỏa thuận: tiếp cận theo hướng bồi thường thiệt hại và dựa vào một số tiêu chí khác tùy từng vụ việc (theo quan điểm của đa số HĐTT, VIAC không có hướng dẫn hay tham vấn)

14. PHÍ TRỌNG TÀI TẠI VIAC

Điều 34 và 35: Phí trọng tài gồm:

- Phí trọng tài: Thanh toán khi nộp Đơn khởi kiện hoặc Đơn kiện lại;
- Phí trọng tài gồm phí trả thù lao cho HĐTT và Phí hành chính, được phân bổ theo chính sách của VIAC;
- Chi phí đi lại, ở và các chi phí có liên quan khác của các Trọng tài viên giải quyết vụ tranh chấp (tùy thực tế từng vụ việc) được quy định tại Văn bản hướng dẫn của Trung tâm có hiệu lực tại thời điểm lập dự tính chi phí; chi phí cho các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài: VIAC yêu cầu tạm ứng sau khi tham khảo ý kiến của HĐTT;
- Chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí tham vấn ý kiến chuyên gia (tùy thực tế từng vụ việc): VIAC yêu cầu tạm ứng sau khi tham khảo ý kiến của HĐTT.

15. CHI PHÍ TRỌNG TÀI CÓ THỂ ĐƯỢC CHẤP NHẬN

1. Chi phí pháp lý (chi phí cho luật sư nội bộ, luật sư thuê ngoài, nhân sự pháp lý tham gia vào vụ kiện).
2. Chi phí cho nhân chứng sự việc và nhân chứng chuyên gia
3. Chi phí tài liệu hồ sơ, in ấn, đóng quyển, gửi, giao nhận, thừa phát lại, công chứng, dịch thuật...
4. Chi phí đi lại của các bên, luật sư, nhân chứng, chuyên gia, phiên dịch...
5. Chi phí thuê địa điểm phiên họp (phòng họp, phòng riêng của mỗi bên và chi phí đi kèm như nước uống, ăn nhẹ...)
6. Chi phí thuê biên dịch, tốc ký...
7. Thời hạn yêu cầu trả phí tham gia tố tụng: cần nêu ra tại Bản tự bảo vệ hoặc Đơn kiện lại; được sửa đổi, bổ sung cho tới thời điểm trước khi kết thúc phiên họp cuối cùng

16.1 CÁC CÂN NHẮC CỦA HĐTT VỀ TÍNH HỢP LÝ CỦA CHI PHÍ

1. Chi phí có tương thích với giá trị vụ kiện hay không (Tranh chấp 5 triệu USD, chi phí 2 triệu USD?...)
2. Việc một bên thành công đáng kể về các vấn đề tố tụng (nhất là khi do bên kia khiếu nại như phản đối thẩm quyền HĐTT, yêu cầu xem xét thẩm quyền trước...).
3. Mức độ thành công của một yêu cầu, đặc biệt khi yêu cầu đó đã được phóng đại lên (hoặc đòi hỏi quá mức) nhưng giá trị được chấp nhận thấp hơn nhiều (đòi bồi thường thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, hợp đồng quá béo bở, khoản phạt quá cao...)
4. Chênh lệch giữa giá trị một bên yêu cầu được chấp nhận với giá trị mà bên kia đã đề xuất trước vụ tranh chấp hoặc trong giai đoạn đầu của tranh chấp.

16.2. CÁC CÂN NHẮC CỦA HĐTT VỀ TÍNH HỢP LÝ CỦA CHI PHÍ

5. Hành xử của mỗi bên hoặc cả 2 bên, đặc biệt là các hành động làm mất chi phí một cách không cần thiết. Ví dụ: các yêu cầu về tố tụng không cần thiết như tách việc xem xét thẩm quyền ra khỏi nội dung, yêu cầu cung cấp tài liệu không quá quan trọng (Refern Schedule), kiểm tra chéo chuyên gia khi ý kiến của chuyên gia 2 bên không khác biệt đáng kể và/hoặc đã rất rõ ràng, xin hoãn nhiều lần, chia nhỏ các nội dung đệ trình, cung cấp chứng cứ nhỏ giọt...
6. “Dùng búa tạ bóc củ lạc”: dùng nhiều luật sư với giá rất cao để thực hiện việc mà luật sư có giá thấp hơn có thể thực hiện được. Thời gian quá nhiều cho 1 vấn đề đơn giản.
7. Tính chuyên nghiệp, hiệu quả của luật sư của các bên trong quá trình tố tụng.
8. Tính hợp lý của chi phí: vé máy bay hạng thương gia, khách sạn 5 sao, thời gian đi lại, ăn ở nhiều hơn thời gian làm việc cần thiết...

17. THỰC TẾ VỀ PHÂN BỐ CHI PHÍ TẠI VIAC

1. **Phổ biến**: (a) Việc phân bổ theo thỏa thuận của các bên (Ví dụ: bên thua chịu mọi chi phí); (b) Đánh giá tính hợp lý của chi phí; (c) Theo đúng tỷ lệ thắng - thua của mỗi bên
2. **Khá phổ biến**: (a) Áp dụng nguyên tắc bồi thường thiệt hại khi không có thỏa thuận về chi phí; (b) Đánh giá tính hợp lý của chi phí; (c) Theo tỷ lệ thắng – thua của mỗi bên
3. **Tùy từng trường hợp cụ thể với HĐTT cụ thể**: (a) Áp dụng nguyên tắc lẽ công bằng, hợp lý; (b) Đánh giá về tính hợp lý của chi phí; (c) Thái độ và cách thức tiến hành tố tụng của các bên

Lưu ý: đây là quan sát từ người trình bày với tư cách là Trọng tài viên

18. VÍ DỤ VỀ PHÂN BỐ CHI PHÍ TẠI VIAC

Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả số tiền còn lại (số tiền giữ lại) trong vụ M&A để đảm bảo cho (i) việc hoàn thành cam kết làm thủ tục về quyền sử dụng đất đứng tên công ty mục tiêu và (ii) không còn trách nhiệm nào về thuế phát sinh. Bị đơn từ chối vì kết quả chưa như cam kết và có thư tư vấn rằng công ty mục tiêu vẫn còn có thể phải chịu thêm thuế. HĐTT cho rằng (i) Nguyên đơn đã làm hết tất cả những gì mình cam kết và có thể làm liên quan đến quyền sử dụng đất, Bị đơn phải nỗ lực để thực hiện thủ tục còn lại, (ii) thư tư vấn thuế là 1 ý kiến chuyên môn, không phải là 1 kết luận có hiệu lực của cơ quan nhà nước. Kết quả:

1. Bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại
2. Phí trọng tài: 50-50
3. Chi phí pháp lý và phí khác: Mỗi bên tự chịu (Nguyên đơn không yêu cầu, Bị đơn yêu cầu)

Dù Bị đơn thua kiện nhưng sự thực là Bị đơn cũng chưa đạt được mục đích theo M&A về quyền sử dụng đất. Nguyên đơn không đáng bị coi là vi phạm hợp đồng và không nên bị tiếp tục ràng buộc với nghĩa vụ về quyền sử dụng đất nhưng cũng cần chia sẻ phần nào với những gì Bị đơn mong đợi hợp lý mà chưa thực hiện được. Bị đơn cũng có niềm tin chân thành là mình chưa phải thanh toán số tiền đó.

Lưu ý: đây là ví dụ về 1 vụ việc do HĐTT quyết định, không phải là tiền lệ hay hướng dẫn của VIAC.

19. VÍ DỤ VỀ PHÂN BỐ CHI PHÍ TẠI VIAC

Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả số tiền điện phát sinh từ một hợp đồng xây dựng mà Bị đơn là nhà thầu. Bị đơn cho rằng hợp đồng xây dựng đã hoàn thành và đã có biên bản bàn giao (Taking-over Certificate) và các khoản tiền điện phát sinh sau đó là không xuất phát từ hợp đồng xây dựng và đã hết thời hiệu khởi kiện. Bị đơn yêu cầu HĐTT mở phiên họp về thẩm quyền của HĐTT đối với yêu cầu của Nguyên đơn. HĐTT đã mở phiên họp về vấn đề này và quyết định HĐTT có thẩm quyền. Tuy nhiên, khi xem xét về nội dung, HĐTT xác định yêu cầu của Nguyên đơn đã hết thời hiệu. Kết quả:

1. HĐTT có thẩm quyền xem xét yêu cầu về tiền điện
2. Bác yêu cầu của Nguyên đơn vì đã hết thời hiệu
3. Phí trọng tài: Nguyên đơn 75%, Bị đơn 25%
4. Chi phí pháp lý và phí khác: các bên không yêu cầu

Dù Bị đơn thắng kiện nhưng Bị đơn đã liên tục phản đối thẩm quyền của HĐTT và yêu cầu HĐTT mở phiên họp xem xét về thẩm quyền. Do đó, Bị đơn đã làm tăng chi phí cho Nguyên đơn và làm vụ tranh chấp thêm phức tạp.

Lưu ý: đây là ví dụ về 1 vụ việc do HĐTT quyết định, không phải là tiền lệ hay hướng dẫn của VIAC.

LEXCOMM

Solicitors & Barristers



ĐOÀN LUẬT SƯ TỈNH ĐỒNG NAI
ĐOÀN LUẬT SƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐOÀN LUẬT SƯ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

HO CHI MINH CITY OFFICE

Unit 2105-07, Level 21, Saigon Trade Center
37 Ton Duc Thang Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 28 3936 5018 – Fax: +84 28 3936 5019

HANOI OFFICE

Level M, Hong Ha Center
25 Ly Thuong Kiet Street, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 3971 0888 – Fax: +84 24 3971 0999

Website: www.lexcommvn.com